

**PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH YẾU
GIẢI GIẢNG KÝ**

**佛說阿彌陀經
要解講記**

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La
Thập dịch kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú
giải vào đời Thanh

清西有沙門蕩益智旭解

Pháp sư Tịnh Không giảng thuật

淨空法師講述

Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chép

劉承符居士記

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như
Hòa

(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ
Kim Hội năm 2006)

Giáo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn
Tùng và Đức Phong

**Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải
Giảng Ký**

佛說阿彌陀經要解講記

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La
Thập dịch kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú
giải vào đời Thanh

清西有沙門蕩益智旭解

Pháp sư Tịnh Không giảng thuật

淨空法師講述

Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chép

劉承符居士記

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như
Hòa

(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ
Kim Hội năm 2006)

Giáo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn
Từ và Đức Phong

Lời tựa sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giảng Ký

Bậc cao đức đương thời là pháp sư Tịnh Không, họ ngoài đời là Từ, tên tự là Nghiệp Hồng, thuộc gia đình vọng tộc ở An Huy. Từ trẻ đã quả táp sang Nam Kinh, tuổi tráng niên vào lính, báo ân

quốc gia. Thần Châu¹ thay đổi màu cờ, Sư vượt biển đến Đài Loan. Sẵn có huệ căn, tâm Sư hướng đến Phật thừa, ngộ thể sự vô thường, chán lìa sanh tử. Trước và sau khi xuống tóc, Sư đã từng cầu pháp nơi các vị tôn túc như Chương Gia đại sư, trưởng lão Bạch Thánh², cụ Lý Bình Nam,

¹ Thần Châu là một tên gọi khác Trung Hoa. Theo thần thoại, thời cổ ở Trung Nguyên có hai vị vua là Viêm Đế và Hoàng Đế. Viêm Đế lấy lửa tượng trưng cho đức hạnh của chính mình, nên lãnh thổ cai trị của ông ta gọi là Xích Huyện. Hoàng Đế lấy đất làm biểu trưng, lãnh thổ cai trị của ông ta được gọi là Thần Châu. Về sau, Hoàng Đế đánh bại Viêm Đế, sát nhập Xích Huyện vào Thần Châu, nên người Trung Hoa thường gọi vùng Trung Nguyên là Xích Huyện Thần Châu và tự xưng là “*Viêm Hoàng tử tôn*” (con cháu của Viêm Hoàng). “*Thần Châu thay đổi màu cờ*”: Khi Mao Trạch Đông chiến thắng Quốc Dân Đảng, biến Hoa Lục thành Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan.

² Trưởng lão Bạch Thánh (1904-1989) quê ở Ứng Thành, tỉnh Hồ Bắc, họ ngoài đời là Hồ, tên là Tất Khang, tên tự là Khiết Nhân. Xin xuất gia với ngài Long Nham tại chùa Kỳ Viên núi Cửu Hoa vào năm 18 tuổi, pháp danh là Đông Phú, sau đó ít lâu, Sư thọ Cụ Túc Giới, pháp tự là Bạch Thánh. Sư từng tham học với những vị tôn túc nổi tiếng thời ấy như Độ Ách (Sư học kinh Lăng Nghiêm từ vị này), Từ Châu, Trí Diệu, Đạo Giới v.v... và bế quan suốt ba năm tại Vũ Xương để nghiên cứu Đại Tạng Kinh. Sư tốt nghiệp từ Pháp Tạng Phật Học Viện ở Thượng Hải, rồi sang Giang Tô, tham học với thiền sư Lai Quả chùa Cao Môn. Sau đó, đi tham học khắp nơi. Sau khi tham học, Sư đảm nhận chức xử lý thường vụ phân hội Phật giáo Thượng Hải, chủ nhiệm giáo vụ của Lăng Nghiêm Phật Học Viện tại Thượng Hải, rồi trụ trì chùa Phong Lâm thuộc Tây Hồ, Hàng Châu, giám viện Tịnh An Tự (Thượng Hải), kiêm viện trưởng Phật Học Viện tại chùa này. Sư sang Đài Loan năm 1948, tổ chức Trung Quốc Phật Giáo Hội, lãnh chức vụ Hội Trưởng nhiều năm, trụ trì các chùa Thập Phô (Đài Bắc), Lâm Tế Hộ Quốc Thiền Tự, chùa Cực Lạc (Mã Lai)... Đồng thời, sáng lập và điều hành Trung Quốc Phật Giáo Tam Tạng Học Viện, Trung Quốc Phật Giáo Nghiên Cứu Sở. Sư để lại những tác phẩm Phật Giáo Là Gì, Sổ Tay Cho Người Trụ Trì Tông Lâm Tế, Lăng Nghiêm Kinh Biểu Giải, Tứ Phần Giới Bản Biểu Giải, Học

rồi theo học tại Trung Quốc Tam Tạng Phật Giáo Học Viện tại Đài Bắc, dốc lòng nơi thánh điển, xem rộng khắp kinh luận, hạnh lẫn giải đều sâu, thành tựu trác việt.

Gặp thời Mạt Pháp, các sự khổ chen nhau nung nấu, đời ác ngũ trược, tam độc hùng hực, Sư ôm lòng bi mẫn tha thiết, dốc chí độ sanh, cân nhắc vận mạng của giáo pháp rồi chuyên tâm hoằng dương Tịnh Độ. Suốt ba mươi mấy năm, Sư qua lại các nơi như Đài Loan, Hương Cảng, Singapore, Mã Lai, Mỹ, Gia Nã Đại v.v... hoằng Tông, diễn Giáo, xướng suất niệm Phật, vì pháp quên thân, nằm chằng ảm chiếu, dốc sức tận tụy, lưỡi bỏng, môi khô.

Hôm trước, hội trưởng Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội cầm bản thảo cuốn Di Đà Yếu Giải Giảng Ký của Sư tới đây, sai Vân viết lời tựa. Vân mở sách đọc qua,

cảm nhận sâu xa [lời Sư giảng giải] đã trần thuật tông chỉ, trình bày mạch lạc, đáng ca ngợi là một tác phẩm khế lý, khế cơ.

Xét ra, phương pháp tu học trong Phật giáo được mệnh danh là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, rộng rãi, tinh vi, sâu thẳm, ngàn muôn đầu mối, hạng phàm phu lè tè sát đất quả thật chẳng thể nắm được tông chỉ, yếu lãnh. Sách Di Đà Yếu Giải là bộ sách trọng yếu xiển dương, giải thích kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà là kinh pháp khai thị “*trì danh niệm Phật, đời nghiệp vãng sanh, vượt thoát khỏi tam giới theo chiều ngang*”. Pháp môn này “*thích hợp trọn khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn*”, thực hiện dễ, thành công cao. Chỉ cần đầy đủ ba món tư lương sẽ đạt được ba môn Bất Thoái. Quả thật là pháp “*thuận tiện nhất trong các pháp thuận tiện, là con đường tắt nhất trong*

những con đường tắt”. Do vậy, cô đức đã từng bảo: “*Nhân thiên lộ thượng, tác phước vi tiên, sanh tử hải trung, niệm Phật đệ nhất*” (Trong nẻo trời người, làm phước đứng đầu, trong biển sanh tử, niệm Phật bậc nhất).

Nay Tịnh công pháp sư³ vận dụng duệ trí, biện tài, tuyên thuyết chân nghĩa của sách Yếu Giải, lại được trưởng giả Lưu Thừa Phù chép lại thành sách, in tặng, lưu truyền, lợi lạc khắp mọi căn cơ. Dụng tâm hết sức tốt đẹp, công đức vô lượng. Vân ăn bám Như Lai, chẳng làm được một điều gì, kinh sợ, viết bài văn thừa thãi này hòng tùy hỷ tán thán!

Cuối tháng Chạp năm 1996, Thích Tường Vân viết lời tựa tại Đài Loan

³ Tịnh công pháp sư: Từ ngữ để gọi hòa thượng Tịnh Không với ý tôn trọng, không gọi rõ pháp danh, pháp tự ra.

Nội dung sách Phật Thuyết Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký

I. Dẫn nhập

II. [Giảng giải] lời tựa nêu nguyên do soạn sách Yếu Giải [của Ngẫu Ích đại sư].

III. Giải thích phần Huyền Nghĩa

1. Thích Danh (giải thích tên kinh).

2. Biện Thể (luận định Thể).

3. Minh Tông (giảng về Tông, tức điều được đề cao, cương lĩnh tu học của bản kinh này).

4. Luận Dụng (luận định lực dụng, tức hiệu quả giáo hóa của kinh này).

5. Minh Giáo Tướng (phán định giáo tướng, tức luận định kinh này thuộc về thời nào, giáo nào trong Ngũ Thời Bát Giáo, căn cơ nào được hóa độ bởi bản kinh này).

IV. Chính thức giảng vào nội dung bài kinh:

1. Phần Tự

1.1. Thông Tự.

1.2. Biệt Tự.

2. Phần Chánh Tông

2.1. Trình bày chi tiết sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của diệu quả để khơi gợi lòng tin.

2.2. Khuyến chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu vãng sanh.

2.3. Dạy hãy lập hạnh chấp trì danh hiệu.

3. Phần Lưu Thông

3.1 Phổ Khuyến

3.1.1. Khuyến tín lưu thông.

3.1.2. Khuyến nguyện lưu thông.

3.1.3. khuyến hành lưu thông.

3.2. Kết khuyến.

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký

I. Dẫn nhập

(Từ ngày mùng Hai tháng Sáu năm 1993, pháp sư Tịnh Không giảng Di Đà Kinh Yếu Giải suốt hai tháng tại học viện Đức An Sạ (Deanza), California, Hoa Kỳ, được thu âm thành bốn mươi tám cuốn băng. [Cư sĩ Lưu Thừa Phù] chép lại để cúng dường độc giả)

Thưa các vị đồng học!

Tháng Sáu năm ngoái, tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ tại phòng học nơi này; năm nay, cũng trong khoảng tháng này,

tôi lại cùng các vị nghiên cứu một bộ sách trọng yếu khác của Tịnh Tông, đó là bộ Di Đà Yếu Giải do Ngẫu Ích đại sư trước tác. Trong quá khứ, khi kinh Vô Lượng Thọ chưa được lưu thông phổ biến thì những kinh điển để người tu học Tịnh Tông nương tựa chính là A Di Đà Kinh, sách Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư và Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư. Trong gần một ngàn năm, những người tu học Tịnh Tông có thể thành tựu chính là nhờ vào hai bộ chú giải ấy, nhất là bộ Di Đà Yếu Giải trọn đủ thâm quyền⁴. Trong quá khứ, Ấn Quang đại sư đã đề cao Di Đà Yếu Giải đến tột bậc. Ngài nói: “*Dẫu cho A Di Đà Phật giáng thế viết chú giải cho A Di Đà Kinh, cũng chẳng thể hay hơn tác phẩm này*”. Thậm chí, Ngài khẳng định bộ chú giải này hoàn toàn thể

⁴ Ý nói Di Đà Kinh Yếu Giải là tác phẩm giải thích kinh tường tận, trọn vẹn, tinh xác nhất.

hiện tâm ý của A Di Đà Phật, chẳng sai lầm một điểm nào! Chúng ta đều biết Ân Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát hóa thân, tuy thân phận của Ngẫu Ích đại sư không được tiết lộ, nhưng nhất định Ngài phải là bậc tái lai. Ân Quang đại sư đã tôn sùng Yếu Giải như vậy thì Ngẫu Ích đại sư nếu chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai thì cũng phải là một vị [có chứng ngộ] giống như Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu không, sẽ chẳng thể nào kham nổi lời Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như vậy!

Trong thời kỳ Mạt Pháp, đặc biệt là trong thời đại hiện tại, con người phiền não nặng nề, lắm khổ nạn. Nếu muốn đạt được lợi ích chân thật trong một đời, giải quyết vấn đề hiện tiền, thì bất cứ cá nhân, gia đình, sự nghiệp, cũng như nói ở một mức độ cao hơn là giải quyết một vấn đề vĩnh hằng, thường được nhà Phật gọi là “*sanh tử đại sự*” thật sự hữu hiệu, thật sự

thực hiện được [phương cách giải quyết vấn đề ấy], thì trong tất cả hết thảy pháp môn, chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ là có thể đảm đương! Cổ đức nói pháp môn này đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng, ôn hòa, thích đáng, trọn đủ những điều thù thắng khôn sánh. Các vị tổ sư đại đức đều khác miệng cùng lời gọi pháp môn này là “*pháp khó tin*”. Từ cổ đến nay, những người tu trì pháp môn Tịnh Độ thật sự đạt thành tựu chỉ có hai hạng người:

- Hạng thứ nhất là những người thiện căn sâu dày, căn tánh rất nhạy bén, đặc biệt thông minh, vừa nghe đến đạo lý và sự thật trong pháp môn này, liền có thể tin tưởng sâu xa, chẳng nghi ngờ, dốc cạn lòng Thành tiếp nhận.

- Hạng thứ hai là những kẻ có phước, [phước được nói ở đây] chẳng phải là phước trong ngũ dục, lục trần của thế gian. Sự vinh hoa, phú quý trong thế gian toàn

là giả. Phước báo chân chánh chính là nghe kinh này xong, tuy chưa hiểu đạo lý, vẫn tin tưởng sâu đậm, chí thành tuân hành.

Khó nhất là những kẻ lưng chừng, hạng này chiếm đến đa số, tức là [những kẻ được] các vị cao tăng, đại thiện tri thức các đời buốt lòng rất miêng giảng giải, giới thiệu [pháp môn Tịnh Độ, nhưng họ vẫn nửa tin, nửa ngờ, không chịu dốc lòng tu tập]; họ cũng thuộc vào hàng căn tánh bậc trung.

Phật giáo chính là nền giáo dục tốt nhất của đức Phật dành cho hết thảy chúng sanh, trọn chớ nên coi Phật giáo là tôn giáo. Đức Phật thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội. Những pháp do Phật nói ra được người đời sau chỉnh lý, truyền sang Trung Quốc, lại được các vị cổ đức phiên dịch, chỉnh lý, phân loại, biên tập thành một bộ đại tạng

thur, mệnh danh là Đại Tạng Kinh. Có thể dùng một câu nói để bao quát toàn bộ nội dung [Đại Tạng Kinh]: “*Giảng nói chân tướng của vũ trụ và nhân sinh*”.

Hôm nay, tôi giảng bộ Yếu Giải này cũng nhằm nghiên cứu chân tướng của nhân sinh và vũ trụ.

II. Giảng giải lời tựa [nêu lý do] soạn sách Di Đà Yếu Giải

(Tự) Nguyên phù chư Phật mãn niệm quân mê, tùy cơ thi hóa. Tuy quy nguyên vô nhị, nhi phương tiện đa môn. Nhiên, ư nhất thiết phương tiện chi trung, cầu kỳ chí trực tiệp, chí viên đốn giả, tắc mạc nhược niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Hựu, ư nhất thiết Niệm Phật pháp môn chi trung, cầu kỳ chí giản dị, chí ổn đáng giả, tắc mạc nhược tín nguyện chuyên trì danh hiệu. Thị cố,

Tịnh Độ tam kinh tịnh hành ư thế, nhi cổ nhân độc dĩ A Di Đà Kinh liệt vi nhật khóa. Khởi phi hữu kiến ư trì danh nhất pháp, phổ bị tam căn, nhiếp Sự, Lý dĩ vô di, thông Tông, Giáo nhi vô ngoại, vưu vi bất khả tư nghị dã tai! Cổ lai chú sớ, đại bất pháp nhân. Thế viễn, tỵ yên, sở tôn vô kỷ! Vân Thê hòa thượng trước vi Sớ Sao, quảng đại tinh vi. U Khê sư bá thuật Viên Trung Sao, cao thâm hồng bác. Cái như nhật nguyệt trung thiên, hữu mục giai đồ. Đặc dĩ, văn phú, nghĩa hồn, biên nhai mạc trắc, hoặc trí sơ cơ thiên thức, tín nguyện nan giai. Cổ phục phát sử dụng ngu, tái thuật Yếu Giải. Bất cảm dữ nhị ông cạnh dị, diệc bất tất dữ nhị ông cưỡng đồng dã. Thí như trắc khán thành phong, hoành khán thành lân. Túng giai bất tận Lô Sơn chân cảnh, yếu bất thất vi các các thân kiến

*Lô Sơn nhi dĩ. Tương thích kinh văn,
ngũ trùng huyền nghĩa.*

(序) 原夫諸佛憫念群迷。隨機施化。雖歸元無二。而方便多門。然於一切方便之中。求其至直捷。至圓頓者。則莫若念佛。求生淨土。又。於一切念佛法門之中。求其至簡易。至穩當者。則莫若信願專持名號。是故淨土三經。並行於世。而古人獨以阿彌陀經。列為日課。豈非有見於持名一法。普被三根。攝事理以無遺。統宗教而無外。尤為不可思議也哉。古來註疏。代不乏人。世遠就湮。所存無幾。雲棲和尚。著為疏鈔。廣大精微。幽谿師伯。述圓中鈔。

高深洪博。蓋如日月中天。有目皆睹。
特以文富義繁。邊涯莫測。或致初機淺
識。信願難階。故復弗揣庸愚。再述要
解。不敢與二翁競異。亦不必與二翁強
同也。譬如側看成峰。橫看成嶺。縱皆
不盡廬山真境。要不失為各各親見廬山
而已。將釋經文。五重玄義。

*(Lời tựa: Nguyên vì chư Phật nghĩ
thương xót quần mê, tùy theo
từng căn cơ mà lập cách hóa độ. Trở về
nguồn thì chẳng hai, nhưng phương tiện
có nhiều cửa. Trong hết thấy các phương
tiện, cầu lấy một phương tiện thẳng chóng
nhất, viên đốn nhất, thì không gì bằng
niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lại nữa,
trong hết thấy các pháp môn Niệm Phật,
cầu lấy một pháp đơn giản nhất, dễ dàng*

nhất, ôn hòa nhất, thích đáng nhất, thì không gì bằng “tín, nguyện, chuyên trì danh hiệu”. Vì thế, ba kinh Tịnh Độ cùng được lưu hành trong cõi đời, nhưng cổ nhân lại xếp riêng kinh A Di Đà vào khóa tụng thường ngày, há chẳng phải là vì thấy pháp Trì Danh thích hợp trọn khắp ba căn, thâm nhiếp Sự lẫn Lý chẳng sót, bao trùm Tông lẫn Giáo chẳng thừa, thật là chẳng thể nghĩ bàn đó ư? Từ xưa đến nay, không đời nào thiếu người chú sớ kinh này, nhưng thời đại đã lâu, khiến những bản văn ấy bị mất mát, chẳng còn lại được mấy! Hòa thượng Vân Thê trước tác bộ Sớ Sao, rộng lớn, tinh vi. Sư bá U Khê soạn cuốn Viên Trung Sao, cao sâu, mênh mêng, bát ngát. Giống hệt như mặt trời, mặt trăng giữa trời, kẻ nào có mắt đều trông thấy, nhưng vì văn nhiều, nghĩa lắm, khó lòng được bèn bờ; chắc sẽ đến nỗi khiến cho kẻ sơ cơ, kém hiểu biết, khó

thành tựu tín nguyện. Vì thế, tôi chẳng nề hà chính mình tâm thường, ngu muội, lại viết cuốn Yếu Giải. Chẳng dám ganh đua cho khác với hai ông, mà cũng không nhất thiết phải gượng ép cho giống với hai vị. Ví như nhìn dọc thành ngọn, nhìn ngang thành rặng, dầu đều chẳng thể thấy trọn hết cảnh Lô Sơn, chỉ cốt sao ai nấy chẳng đánh mất cảnh Lô Sơn theo như chính mình đã thấy mà thôi! Kinh vẫn được giải thích theo năm tầng huyền nghĩa.)

Kinh này có tựa đề là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Có những bộ kinh, phần tựa đề được bắt đầu bằng hai chữ “*Phật Thuyết*”, có kinh chẳng thêm [hai chữ này]. Như Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh đều chẳng thêm hai chữ “*Phật Thuyết*”, nhưng cả hai kinh ấy quả thật đều do đức Phật nói. Theo thông lệ, nếu câu thứ nhất trong phần Chánh

Tông của kinh điển được bắt đầu bằng “*Phật Thuyết*” thì tựa đề kinh sẽ ghi thêm hai chữ “*Phật Thuyết*”. Nếu không phải là hai chữ “*Phật Thuyết*” thì không thêm.

Từ nội dung và tánh chất, những kinh do đức Phật được giảng được phân loại thành “*mười hai phần giáo*”⁵. Trong ấy,

⁵ [Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chú]: Trong phần trên, lão pháp sư nhắc tới “*mười hai phần giáo*”, chúng còn được gọi là Mười Hai Bộ (Thập Nhị Bộ Kinh), tức là căn cứ trên thể tài của kinh điển mà chia thành mười hai loại. Có bài kệ như sau:

*Trường Hàng, Trùng Tụng và Cô Khởi,
Thí Dụ, Nhân Duyên, cùng Tự Thuyết,
Bốn Sự, Bốn Sanh, Vị Tăng Hữu,
Phương Quảng, Luận Nghị, và Thọ Ký.*

(1) Trường Hàng: Thể văn xuôi từng hàng, từng hàng một.

(2) Trùng Tụng: Dùng phương thức kệ tụng để nhắc lại lần nữa những nghĩa lý trong phần Trường Hàng.

(3) Cô Khởi: Phần kệ tụng riêng biệt, không có ý nghĩa nào liên quan đến phần kinh văn trước và sau nó.

(4) Thí Dụ: Dùng cách thức ví von để nói rõ nghĩa lý trong kinh văn.

(5) Nhân Duyên: Trình bày nhân duyên phát sanh một sự việc nào đó.

(6) Tự Thuyết: Thông thường, có người thỉnh pháp thì đức Phật mới thuyết pháp. Chỉ riêng A Di Đà Kinh, không ai thỉnh pháp mà đức Phật tự nói.

(7) Bồn Sự: Những sự tích trong khi còn tu nhân của hàng Bồ Tát, La Hán.

(8) Bồn Sanh: Phật kể những sự từng trải trong việc hoằng pháp lợi sanh [của chính Ngài] trong quá khứ.

có một loại là Vô Vấn Tự Thuyết (không ai hỏi mà đức Phật tự nói): Đức Phật thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, có thể tiếp nhận một tầng giáo hóa nào đó, liền chẳng do ai hỏi mà tự nói. A Di Đà (Amitābha) là tiếng Phạn, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. A Di Đà Phật chính là Vô Lượng Giác. Phật vốn là hết

(9) Vị Tăng Hữu: Những sự thần thông, biến hóa từ trước đến nay chưa hề thấy.

(10) Phương Quảng: Những kinh viên dung rộng lớn, có những cảnh giới viên dung vô ngại.

(11) Luận Nghị: Những báo cáo nghiên cứu kinh, luật của đệ tử đức Phật, hoặc là những ghi chép về các cuộc thảo luận giữa đức Phật và đệ tử.

(12) Thọ Ký: Phật thọ ký cho Bồ Tát lúc nào sẽ thành Phật, tiên đoán Tịnh Độ của họ sẽ như thế nào.

thầy vô lượng, nhưng trong kinh này chỉ đặc biệt nói đến hai ý nghĩa, tức là Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Thọ chỉ thời gian, tức quá khứ, hiện tại, vị lai. Quang chỉ không gian, tức mười phương thế giới. Thời gian và không gian bao gồm hết thầy. Quang và Thọ tượng trưng cho không gian và thời gian, nhưng hai chữ “quang, thọ” sống động, ý nghĩa sâu xa vượt hẳn “thời gian, không gian”. Trong hết thầy các thứ vô lượng, thọ mạng quan trọng nhất. Nếu thọ mạng hữu hạn thì hết thầy trí huệ, tài nghệ, đức năng, của cải đều vô ích.

Đối với chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, thánh hiền cổ đại của Trung Quốc có nhận thức rất khá. Chẳng hạn như trong Đạo Đức Kinh gồm năm ngàn chữ của Lão Tử, vừa mở đầu liền nói: “Đạo khả đạo, phi thường đạo. Danh khả danh, phi

thường danh”⁶. Ngài biết Danh là giả. Danh hiệu của Phật, Bồ Tát là do căn cứ

⁶ [Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chú]: Chương thứ nhất của Đạo Đức Kinh được mở đầu bằng: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo, danh khả danh, phi thường danh*”. Mấy câu này chính là cương lĩnh của toàn bộ Đạo Đức Kinh, chẳng dễ hiểu cho lắm. Nhằm thuận tiện cho hàng sơ cơ, tôi bổ sung đại lược. Chữ Đạo thứ nhất trong [câu trích dẫn trên đây] chỉ cái đạo “chân thường”, tức là Đạo Thể (bản thể của Đạo). Chữ Đạo thứ hai có nghĩa là “nói”. [*Đạo khả đạo, phi thường đạo*] nghĩa là] đạo chân thường, vô tướng, vô danh, hễ nói liền trật, khởi niệm liền sai. Cũng giống như Đại Thừa Khởi Tín Luận giảng về Chân Như như sau: “*Nhất thiết pháp tòng bốn dĩ lai, ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, tất cánh bình đẳng, vô hữu biến dịch, bất khả phá hoại, duy thị nhất tâm, cố danh Chân Như*” (Hết thầy pháp vốn từ trước đến nay lìa tướng ngôn thuyết, rời khỏi tướng danh tự, rời khỏi tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng, chẳng biến đổi, chẳng thể phá hoại, chỉ là nhất tâm, nên gọi là Chân Như). Nhà Phật gọi cái Đạo mà Lão Tử đã nói là Chân Như, còn triết học gọi là Bản Thể. Trong kinh Phật, chỗ nào cũng có thể thấy được Bản Thể ấy, nhưng danh xưng của nó biến hóa đa đoan. Từ những sách đã đọc thường ngày, tôi ghi lại được bảy mươi hai danh xưng khác nhau nhưng có cùng ý nghĩa với Chân Như mà vẫn chưa trọn vẹn. Lão Tử lại nói: “*Danh khả danh, phi thường danh*”, chính là nói: Đạo vốn không có tên. Nếu miễn cưỡng đặt cho nó một danh tự nào đó thì chỉ là một phần giả danh mà thôi, nhằm biểu hiện một phần ý nghĩa, chứ không thể nào hoàn toàn đại diện cho bản thể của Đạo được. Ngài lại nghĩ, Đạo đã là vô tướng, vô danh, nhưng muôn vật trong trời đất đều do nó biến hóa ra, nên Ngài lại nói: “*Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu*” (Vô danh là khởi đầu của trời đất, hữu danh là mẹ của muôn vật). Vô danh là Thể, hữu danh là Dụng. Vô danh là Tánh, hữu danh là Tướng. Tướng mà không có Tánh sẽ chẳng thể viên dung, Tánh mà không có Tướng sẽ chẳng thể tỏ lộ được. Lão Tử quán sâu xa đến mức ấy, nên tư tưởng triết học của Ngài được tôn là bậc nhất trong các sách vở xa xưa của Trung Quốc. Tôi có một ý nghĩ chưa chín chắn như thế này: Nói chung, Khổng Tử và Lão Tử đều là đại Bồ Tát tái lai, họ là quân tiên phong nhằm mở đường cho đức Phật. Đức Phật sai họ đến Trung Quốc tạo dựng nền tảng triết học tốt đẹp cho người Hoa để sau đây người Hoa mới có thể tiếp nhận tư tưởng rộng lớn mênh mông tinh vi, sâu thẳm của nhà Phật. Tuy Lão Tử đã quán sát được phía ngoài của Bản Thể, nhưng rốt cuộc, Ngài vẫn chưa đăng đường nhập thất (chưa thâm nhập), vì Ngài thường nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*” (Ta có hoạn nạn lớn là vì ta có thân). [Ý nghĩa này] khá giống với Nhị Thừa, hư vô tự nhiên; lại giống với ngoại đạo. Xét đến thực chất, Ngài là bậc phạm hạnh tu Nhân Thừa và Thiên Thừa, nhưng rốt cuộc chưa thể thấu suốt tột cùng nguồn tâm. Nếu Ngài có cơ duyên được học Phật,

trên tông chỉ giáo hóa chúng sanh mà đặt ra, nói theo ngôn ngữ hiện thời là “khẩu hiệu”. Như Thích Ca Mâu Ni Phật giảng sanh trong thế giới Sa Bà này, phương châm dạy học của Ngài là “dựa theo căn bệnh mà cho thuốc”. Chúng sanh trong thế giới này quá nhiều bệnh, điều thứ nhất họ thiếu sót là tâm từ bi, điều thứ hai là vọng tưởng, chấp trước quá nặng. Do vậy, Phật lập hiệu là Thích Ca Mâu Ni (Śākyamuni).

Thích Ca (Śākya) nghĩa là Nhân Từ, Mâu Ni (Muni) là Tịch Diệt, [danh hiệu ấy nhằm] hướng dẫn chúng sanh mang lòng từ bi, tâm địa thanh tịnh. Nếu A Di Đà Phật đến thế giới này làm Phật, cũng phải dùng tôn hiệu Thích Ca Mâu Ni thì mới có thể trị bệnh cho chúng ta. Nếu Thích Ca Mâu Ni đến Tây Phương

chắc chắn vừa được Phật chỉ điểm, Ngài liền trở thành bậc Pháp Thân đại sĩ hữu tu hữu chứng.

Cực Lạc thế giới làm Phật sẽ chẳng thể dùng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni. Bởi lẽ, người Tây Phương ai cũng nhân từ, tâm địa mỗi người đều thanh tịnh, chẳng cần đến món thuốc “nhân từ, tịch diệt”. Phật không có danh hiệu cố định, cũng chẳng có danh hiệu vĩnh cửu, mà là ứng theo căn cơ để thuyết pháp, nên cũng chẳng có pháp nào nhất định để nói. Đức Phật giáo hóa chúng sanh, tùy loại hiện thân, không có tướng mạo nhất định, mà thị hiện tùy theo tướng mạo của mỗi dân tộc, như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (Tùy theo tâm chúng sanh mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ).

Kinh Phật muôn đời vẫn mới mẻ, thích ứng mọi thời đại. Từ ba ngàn năm trước, những kinh điển được giảng tại Ấn Độ khiến cho người Ấn Độ thời ấy được thọ dụng. Ba ngàn năm sau, đối với những

kinh điển ấy, chúng sanh ngày nay vẫn được thọ dụng giống hệt, chẳng khác biệt gì! Nhưng vì hình thái ý thức, bối cảnh văn hóa, cũng như hoàn cảnh sống xưa nay rất khác nhau, nhằm phổ biến ứng dụng thích hợp với mỗi thời đại, cần phải có chú giải. Chú giải chính là hiện đại hóa và địa phương hóa kinh Phật. Bản Yếu Giải này do Ngẫu Ích đại sư viết dưới đời Minh, cách nay đã năm trăm năm. Ngày nay, giảng cuốn Yếu Giải này, lại phải dùng phương thức hiện đại hóa để giải thích. Còn người như thế nào thì mới có thể dịch, giảng, giải, đều là những câu hỏi nghiêm túc. Nếu phiên dịch kinh điển mà chẳng hiểu rõ ý nghĩa chân thật của Phật, có lẽ sẽ phiên dịch sai lạc. Cổ nhân nói: *“Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan”*. Ất cần phải như bài kệ Khai Kinh đã nói: *“Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”*.

Các vị đồng học nên biết: Trong thời gần đây, Trung Quốc chịu nhục, gần như điều gì cũng thua người ngoại quốc. Thật ra, người Trung Quốc chính là những người may mắn nhất, có phước nhất. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, cao tăng đại đức tu hành trong các đời đều là người tu hành chứng quả. “*Chứng quả*” có nghĩa là đối với những lý luận do đức Phật giảng giải trong kinh, họ đều hiểu rõ hoàn toàn. Nếu họ chẳng thể chứng nghiệm thật sự, chỉ nghe Phật nói, chứ chính mình chưa thể đích thân chứng nhập thì phiên dịch kinh điển hoặc giảng kinh thuyết pháp nhất định sẽ nảy sanh sai lầm. Do vậy, những bậc cổ đức phiên dịch, giảng kinh, thuyết pháp từ xưa đều chẳng phải là phàm nhân. Nếu chúng ta muốn kế thừa di sản quý báu ấy, tổ tiên chúng ta chỉ đòi hỏi một điều kiện: Thông hiểu văn chương

Văn Ngôn⁷. Tổ tiên thông minh, biết ngôn ngữ sẽ biến đổi theo thời đại, nhưng văn tự bất biến, nên chia ngôn ngữ và văn tự thành hai đường lối. Vì vậy, thể loại văn chương Văn Ngôn lưu truyền cả ngàn năm chẳng biến hóa. Hiện thời, đọc Luận Ngữ giống như trò chuyện cùng Khổng Lão Phu Tử, đọc sách Mạnh Tử giống như gặp mặt Mạnh Tử.

Kinh Phật được phiên dịch trễ nhất là vào thời đại Nam Tống, số lượng những bản kinh [được dịch trong thời] ấy không nhiều. Bảy, tám phần trong mười phần là được phiên dịch vào thời Tùy, Đường.

⁷ Văn Ngôn là một loại văn viết được lưu hành đã lâu, có nghĩa đen là “lối viết văn chương cổ điển được sử dụng trong sách vở”, Văn Ngôn khác với văn nói thông thường (Bạch Thoại). Theo Vương Lục (một nhà Hán học trứ danh cận đại), Văn Ngôn lấy ngôn ngữ thời Tiên Tần (trước thời Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa) làm cơ sở, được canh cải qua các đời Hán, Đường, Tống trở thành một thứ văn viết thống nhất và không bị lệ thuộc vào ngôn ngữ hội thoại thông dụng. Theo tiên sinh Trần Văn Chánh, có thể phân biệt Bạch Thoại và Văn Ngôn một cách đơn giản như sau: “*Hễ dùng tai nghe và hiểu được thì là Bạch Thoại. Hễ không dùng mắt để xem sẽ không hiểu được thì đó là Văn Ngôn*”. Sau phong trào vận động Ngũ Tứ (1919) của một số người quá khích muốn xóa bỏ toàn bộ nền học vấn cũ, hầu như không còn sách vở nào viết bằng Văn Ngôn. Ngay trong số những người tốt nghiệp đại học ở Đại Lục hoặc Đài Loan hiện thời (nhất là tại Đại Lục), có không ít người lúng túng, cảm thấy Văn Ngôn rất khó hiểu.

Văn tự dùng trong kinh điển là những từ ngữ dễ hiểu, đơn giản nhất trong thời đại dịch kinh, đây cũng là thể văn “Bạch Thoại” trong thời đó. Chẳng hạn như A Di Đà Kinh được phiên dịch vào thời đại Diêu Tần, còn trước thời Tùy - Đường nữa, nhưng dễ hiểu hơn nếu đem so với văn chương của Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) sống cùng thời ấy. Nếu có trình độ thông hiểu văn chương Văn Ngôn kha khá, quý vị sẽ có thể tiếp nhận di sản trí huệ quý báu của cổ thánh tiên hiền. Để học văn chương Văn Ngôn thì phải thực hiện bằng cách học thuộc cổ văn, tận hết sức chọn lựa những tác phẩm trong bộ Cổ Văn Quán Chi⁸, học thuộc năm mươi bài là có

⁸ Cổ Văn Quán Chi là bộ sách tập hợp 222 bài cổ văn nổi tiếng, đặc biệt là những bài thuộc thể loại Tản Văn và Biền Văn từ thời Tiên Tần cho đến cuối đời Minh do Ngô Sở Tài và Ngô Điều Hầu biên soạn và chú thích dưới đời Thanh với mục đích giúp đỡ hàng hậu học thấu hiểu cổ văn. Chữ Quán Chi lấy từ một câu nói trong bộ Tả Truyện. Công tử nước Ngô là Quý Trát đi sứ nước Lỗ, nghe nhạc công tấu bài Thiều Tiêu đã ca ngợi: “*Quán chi hỹ! Nhược hữu tha nhạc, ngôn bất cảm thỉnh dĩ*”. Câu này được các nhà chú giải Tả Truyện giải thích: “*Thiều Tiêu là tuyệt đỉnh của âm nhạc, sau khi đã được thưởng thức rồi thì chẳng còn muốn nghe những loại nhạc khác nữa*”. Do vậy, chú cháu Ngô Sở Tài và Ngô Điều Hầu đã dùng chữ Quán Chi

thể đọc được Cổ Văn. Học thuộc một trăm bài sẽ có thể viết theo lối văn Văn Ngôn. Tôi thường khuyến khích các đồng tu bảo ban con cháu của chính họ hãy học thuộc cổ văn. Hiện thời, tuy các cháu cảm thấy rất khó khăn, nhưng trong tương lai, chúng nó sẽ cảm kích cha mẹ suốt đời. Nếu tuổi đã lớn hơn một chút, thì do bận bịu công việc, họ sẽ không còn thời gian, tinh lực như vậy nữa. Tốt nhất là học thuộc Vô Lượng Thọ Kinh, chỉ có bốn mươi tám chương. Bản hội tập của Hạ lão cư sĩ hết sức hay, những phần kinh văn quan trọng nhất, tinh hoa nhất đều được thâm thập, bao gồm [nội dung của] năm bản dịch gốc. Bản dịch [Vô Lượng Thọ Kinh] sớm nhất là bản dịch thời Hậu Hán, bản trễ nhất là bản đời Tống. Nếu có thể

để đặt tên cho bộ sách với ý nghĩa ca ngợi: Đây là những tác phẩm tuyệt đỉnh của Cổ Văn Hán ngữ.

tụng thuộc thì đọc các kinh điển khác sẽ chẳng thấy khó khăn gì!

A Di Đà Kinh là do La Thập đại sư dịch vào thời Diêu Tần. Tại Trung Quốc, có bốn triều đại lấy quốc hiệu là Tần⁹, các

⁹ Ở đây, Hòa Thượng chỉ tính những triều đại lớn lấy tên là Tần trong lịch sử Trung Hoa:

1) Đế quốc Đại Tần (221-207 trước Công Nguyên) do Tần Thủy Hoàng Đế (Doanh Chính) sáng lập, chỉ truyền được ba đời: Tần Thủy Hoàng Đế, Nhị Thế Hoàng Đế (Doanh Hồ Hợi) và Tam Thế (Doanh Tử Anh).

2) Tiền Tần (350-394), còn gọi là Phù Tần, do Huệ Vũ Đế (Phù Hồng) sáng lập, truyền được tám đời. Vua cuối cùng là Tần Thái Tông (Phù Đăng) bị vua Hậu Tần là Diêu Hưng đánh bại tại núi Mã Mao vào năm 394, rồi bị chém đầu. Thái Tử Phù Sùng lên ngôi, chưa kịp chọn đế hiệu thì bị tướng Tây Tần là Khất Phục Kha Đạn giết chết. Nhà Tiền Tần diệt vong.

3) Hậu Tần (384-417), còn gọi là Diêu Tần, do Tần Thái Tổ (Diêu Trành) sáng lập, truyền được ba đời. Khi vua thứ hai là Diêu Hưng chết, con là Diêu Hoảng kế vị, tông thất tàn sát lẫn nhau, Lưu Dũ, quyền thần của nhà Đông Tấn thừa cơ phá Trường An, Diêu Hoảng thế cô lực kiệt, phải đầu hàng nhà Đông Tấn. Nhưng Lưu Dũ ra lệnh giết sạch toàn bộ gia quyến, họ hàng của Diêu Hoảng. Về sau, Lưu Dũ soán ngôi nhà Đông Tấn của Tấn Cung Đế (Tư Mã Đức Vãn), lập ra nhà Lưu Tống.

4) Tây Tần (385-431) do một viên tướng người Tiên Ty là Khất Phục Quốc Nhân sáng lập. Tộc trưởng người Tiên Ty là Khất Phục Quốc Nhân do thấy Tiền Tần suy yếu bèn chiếm cứ vùng Lũng Tây, xưng là Đại Thiên Vu. Để mua chuộc, nhà Tiền Tần phong cho ông ta làm Uyển Giang Vương. Đến đời vua thứ hai là Khất Phục Càn Quy (em trai Quốc Nhân) mới chính thức xưng đế hiệu là Tần, và tôn anh làm Tần Liệt Tổ. Triều đại này bị diệt vong dưới thời Khất Phục Mộ Mạt. Mộ Mạt hiếu sát, u mê, khiến quốc chánh nát bét, rốt cuộc phải quy thuộc nhà Tây Ngụy. Cuối cùng, Mộ Mạt bị hoàng đế xứ Hồ Hạ là Hách Liên Định bắt được, đem giết chết.

Nếu kể cả những sứ quân chiếm lãnh một hai quận huyện xưng vương, đặt tên cho vương quốc là Tần thì Trung Hoa có rất nhiều “nước” nhỏ có quốc hiệu là Tần như dưới thời các tướng Hư Trừ Quyền Cừ (tù trưởng người Khương, chiếm cứ vùng Lũng Hữu thời Tiền Triệu), Dương Nạn Đương (thủ lĩnh quân phiệt vùng Cam Túc, chiếm cứ vùng Cửu Trì thời Thập Lục Quốc), Tiết Cừ (thủ lĩnh quân phiệt cuối đời Tùy, chiếm lãnh vùng Cam Túc) v.v...

nhà sử học đem dòng họ của đế vương đặt trước [chữ Tần] để phân biệt. Triều đại thứ ba là Phù Tần, vua là Phù Kiên. Đại thần của ông ta là Diêu Trành phát động chánh biến, lật đổ Phù Kiên¹⁰, tự lập làm vua, xưng là Diêu Tần. Thuở ấy, có không ít cao tăng, đại đức xuất hiện, như Huệ Viễn, Đạo An, Tăng Triệu, [các danh sĩ như] Tạ Linh Vận, Đào Uyên Minh đều thuộc cùng một thời đại.

Tam Tạng Pháp Sư là danh xưng học vị. Đối với Tam Tạng Kinh, Luật, Luận do đức Phật đã nói, không gì chẳng thông đạt thì mới có thể xưng là Tam Tạng Pháp Sư.

Ngẫu Ích đại sư sanh vào cuối thời Minh, mất vào đầu đời Thanh. Cuộc đời Ngài đã được ghi chép tường tận trong truyện ký. Ngoài ra, trong các sách Di Đà

¹⁰ Tuy Phù Kiên bị đánh bại trong trận Hợp Phì, mất phần lớn đất nước, nhưng nhà Tiền Tần vẫn tồn tại cho đến khi thái tử Phù Sùng của vua Phù Đăng (đã bị Diêu Hưng giết chết trước đó) bị Khất Phục Kha Đạn giết chết, nhà Tiền Tần mới hoàn toàn diệt vong.

Yếu Giải Giảng Nghĩa và Di Đà Yếu Giải Thân Văn Ký đều có chép tường tận. Sách Yếu Giải Giảng Nghĩa do pháp sư Viên Anh soạn, Di Đà Yếu Giải Thân Văn Ký do pháp sư Bảo Tịnh viết, đây là hai tác phẩm chú giải rất hay. Đại sư tuổi già chuyên tu Tịnh Độ; do vậy, Ngài lấy biệt hiệu là Tây Hữu, ngụ ý: Tây Phương Cực Lạc thế giới như đức Phật đã nói là một nơi có thật.

Từ trước đến nay mọi người đều nghĩ thế giới Sa Bà do đức Phật đã nói chỉ là một hệ Ngân Hà (Milky Way), nhưng theo như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giải thích thì một hệ Ngân Hà chỉ là một đơn vị thế giới được nói tới trong kinh Phật. Tính toán theo cách này, một tam thiên đại thiên thế giới bao gồm mười ức hệ Ngân Hà, là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Có thể thấy là vũ trụ to lớn gần như không có cách nào tưởng tượng được!

Trước hết, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ; kế đó, giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, cuối cùng, giảng kinh A Di Đà. Tây Phương Cực Lạc thế giới thật sự có, A Di Đà Phật cũng thật sự có. Phải như thế nào mới đến được nơi đó? Thứ nhất là phải thật sự tin tưởng. Thứ hai, phải thật sự phát nguyện chịu sanh sang đó. Thứ ba, chuyên niệm A Di Đà Phật. Chuyên niệm thì phải nhất loạt diệt sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu đời này chẳng thể sanh sang Tây Phương thì đời sau nhất định sẽ khổ hơn, vì chúng ta từ sáng đến tối suy nghĩ không ngừng. Nếu nghĩ đến chuyện làm lợi cho chúng sanh thì ít mà làm chuyện tự tư tự lợi thì nhiều, tương lai nhất định sẽ bị khổ nhiều vui ít, càng lúc càng tệ hơn.

“*Sa-môn*” (Śramaṇa) là tiếng gọi chung người xuất gia trong các tôn giáo ở Ấn Độ vào thời cổ, còn dịch là Càn Túc, [có

nghĩa là] “*cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, diệt dứt tham, sân, si). Sau khi Phật giáo được truyền đến Trung Quốc, sa-môn liền trở thành danh xưng chuyên dùng để chỉ hàng xuất gia trong Phật giáo, lại còn hàm nghĩa [những vị xuất gia ấy] đang còn thuộc trong giai đoạn học tập. Ngẫu Ích đại sư tự xưng là sa-môn với ý nghĩa tự khiêm, chẳng dám xưng là pháp sư. Có người dùng chữ “*đại sư*” để gọi người xuất gia, sự thật là đã xưng hô vượt phạm. Bởi lẽ, các vị Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Âm, Phổ Hiền, Đại Thế Chí v.v... và Di Lặc là vị sau này sẽ nối ngôi thành Phật mà vẫn còn xưng là Đại Sĩ. Đại Sư chính là tiếng tôn xưng đức Phật. Người đời nay chẳng hiểu rõ những kiến thức Phật học thông thường, bèn dùng danh xưng ấy để gọi hàng phàm phu, gần như là chế nhạo

họ! Ngẫu Ích là biệt hiệu của đại sư, Trí Húc là pháp danh xuất gia của đại sư.

Hai chữ “*nguyên phò*” (原夫) là từ ngữ dùng để mở đầu một câu trong Văn Ngôn, nó là hư từ, chẳng có ý nghĩa gì hết. Phật là tiếng Phạn dịch âm, nói cho đủ là Phật Đà Da (Buddhaya), nghĩa là Giác Giả (người giác ngộ), do tôn trọng nên không dịch nghĩa. Người Hoa thích đơn giản, chỉ chọn dùng chữ Phật. Người thật sự hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ thì gọi là Giác Giả. Vũ trụ là hoàn cảnh sống. Nhân sinh chính là bản thân con người. Ai nhận biết chính mình? Do đâu đến? Tương lai sẽ đi về đâu? Quá khứ không khởi đầu, tương lai không kết thúc. Nhỏ thì như gia đình của một cá nhân, lớn thì là xã hội, quốc gia, cho đến hư không pháp giới rộng lớn; nếu có thể thật sự hiểu rõ thì mới có thể làm chủ nó được, mới được đại tự tại, chẳng bị hoàn cảnh chi

phối, đè nén. Thành Phật chính là thành tựu trí huệ viên mãn rốt ráo, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Chư Phật là người triệt để hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, số nhiều đến vô lượng. Các Ngài đã làm được thì chúng ta cũng sẽ có thể làm được.

Ngẫu Ích đại sư giải thích pháp môn Niệm Phật cho chúng ta nghe, nương theo phương pháp ấy để tu học thì trong một đời cũng sẽ có thể đạt đến thành tựu giống như chư Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và chư tổ sư, đại đức các đời quyết chẳng dối gạt, họ chẳng mong cầu điều gì nơi chúng ta thì dối gạt chúng ta để làm gì? Vì thế, phải nên sanh lòng tin sâu đậm, đừng nghi ngờ những lời chỉ dạy của các Ngài. Phật Phật đạo đồng, vô lượng chư Phật đều từ bi, chân thành, thanh tịnh, nghĩ thương xót lữ mê muội. Chữ “*quần mê*” (群迷) chỉ chín pháp giới, bao gồm Bồ Tát, Thanh Văn,

Duyên Giác, trời, người, A-tu-la, súc sanh, nga quý, địa ngục.

“*Bồ Tát*” dịch nghĩa là Giác Hữu Tình, nhưng giác chưa viên mãn, tối thiểu là vẫn còn có một phần sanh tướng vô minh¹¹, cho nên vẫn thuộc trong chín pháp giới. Phật dạy chúng ta dùng lý trí, chứ không dùng cảm tình. Do Phật từ bi thương xót hết thảy chúng sanh vô điều kiện, nên toàn tâm toàn ý chăm sóc chúng sanh, tùy theo căn cơ mà lập ra phương cách giáo hóa, chỉ dạy chúng sanh tu trì chánh pháp mãi cho đến khi thành Phật.

“*Mãn niệm*” có nghĩa là từ bi. Nếu chẳng có tâm từ bi thì Phật sẽ chẳng có nguyên động lực (động lực ban đầu, động lực chính) để giáo hóa chúng sanh. Người thế gian nỗ lực làm việc suốt ngày từ sáng

¹¹ Sanh tướng vô minh (Mulavidya) còn gọi là Vô Thi Vô Minh, Căn Bản Vô Minh hoặc Nguyên Phẩm Vô Minh là căn bản của hết thảy phiền não. Từ trong biển Chân Như, chợt khởi một niệm vô minh, tạo thành các căn bản phiền não, lâm lạc ngàn cách lý tánh.

đến tới là do danh và lợi thúc đẩy sau lưng. Phật, Bồ Tát đã chẳng tham danh, lại chẳng mong lợi, chỉ vì nghĩ thương xót hết thảy chúng sanh đang mê hoặc bèn tùy theo căn cơ mà lập cách giáo hóa. Trong nội dung và phương pháp dạy học, do căn tánh, mê, ngộ, cách thức sanh sống và trình độ giáo dục của chúng sanh đều khác nhau, chẳng thể nào không tùy theo từng người mà lập ra cách giáo hóa. Nói tới “*giáo hóa*” thì “*giáo*” là nói theo mặt nhân, “*hóa*” là nói theo mặt quả. Sau khi tiếp nhận sự chỉ dạy của Phật, ắt khí chất có biến hóa, trước kia là ngu si, nay thì thông minh, trước kia cảm thấy khổ não, nay cảm thấy sung sướng. Tông chỉ giáo dục của Phật đối với hết thảy chúng sanh đều giống hệt nhau, đều nhằm dạy cho chúng sanh viên mãn thành Phật. Điều này được gọi là “*quy nguyên vô nhị*” (trở

về nguồn thì không hai): Phương pháp tuy nhiều, nhưng mục tiêu chỉ có một.

Tại Trung Quốc, từ thời Tùy - Đường trở đi, Phật giáo được chia thành mười tông phái Đại Thừa và Tiểu Thừa¹², cách nay đã một ngàn năm trăm năm. Người đời sau thường mang tư tưởng môn đình, cho pháp môn của mình tu là đúng, những pháp khác đều trật, nhưng Phật nói “*quy nguyên vô nhị, phương tiện đa môn*”. Xin đừng khen mình, chê người. Lúc Phật tại thế, có người đến thưa hỏi, nhất định Phật sẽ chỉ dạy một phương pháp chánh xác khiến cho người ấy đạt được thành tựu viên mãn. Hiện thời, Phật đã khuất bóng, chỉ có thể nương theo kinh Phật để tu học. Kinh điển giống như bác sĩ tùy theo từng bệnh nhân mà kê toa. Nếu toa thuốc

¹² Mười tông phái là: Thành Thực Tông (Không Tông), Câu Xá Tông (Hữu Tông), Thiên Tông (Tâm Tông), Luật Tông (Nam Sơn Tông), Thiên Thai Tông (Pháp Hoa Tông), Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông), Từ Ân Tông (Pháp Tướng Tông, Duy Thức Tông), Tam Luận Tông (Tánh Tông), Mật Tông (Chân Ngôn Tông) và Tịnh Độ Tông (Liên Tông).

không hợp căn bệnh, e rằng sẽ phát sanh hậu quả nghiêm trọng. Ngẫu Ích đại sư cho biết [sở dĩ] đức Phật giới thiệu A Di Đà Kinh là do đức Phật thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, không ai hỏi mà tự nói, chẳng phải nhằm chuyên nói với một loại người nào đó, mà nhằm nói với hết thảy chúng sanh thuở ấy và mai sau. Từ xưa đến nay, người tu Tịnh Độ đạt được thành tựu đồng nhất. Tịnh Độ là thẳng chóng nhất, viên đốn nhất, có thể vượt cấp, không cần phải trải qua tiệm tu (tu dần dần theo thứ tự), có thể đốn siêu (nhanh chóng vượt lên), từ lớp Một của Tiểu Học vượt thẳng lên lớp Tiến Sĩ, vượt qua năm mươi một địa vị Bồ Tát, nhưng phương pháp lại cực đơn giản, khiến người ta chẳng dám tin tưởng, rất chẳng thể nghĩ bàn¹³.

¹³ [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: Pháp sư nói “*pháp môn Niệm Phật có thể vượt cấp*”, [nghĩa là] có thể vượt thoát, chẳng cần phải tiệm tu, Ngài nói chẳng sai chút nào! Trong Vô Lượng Thọ Kinh đã chép rõ “mười niệm thành tựu”. Nhưng

Luân hồi trong lục đạo là do chính mình tạo, do mê hoặc mà tạo nghiệp. Tạo nghiệp ắt phải hứng chịu quả báo, quả báo thiện hay ác chẳng sai sót một mảy. Nếu muốn vượt thoát lục đạo thì đừng tạo nghiệp nữa! Chẳng tạo nghiệp rất khó! Chẳng mê hoặc càng khó hơn. Thế nào gọi là nghiệp? Nghiệp là cái quả của sự tạo tác. Sự có thiện và ác, nên nghiệp cũng có thiện và ác. Nghiệp chia thành ba loại: Thân, miệng, ý. Thân thể tạo tác, miệng thốt ra lời lẽ, tâm khởi lên ý niệm, những tạo tác từ nơi thân và miệng là do ý điều khiển. Muốn vượt thoát luân hồi thì

những đồng tu sơ cơ chớ nên hiểu lầm, học Phật không có chuyện mách lới, nghĩa là: Đốn siêu cũng do tiệm tu mà có. Huệ Năng Lục Tổ Đại Sư là người bán củi, không biết chữ, vừa nghe “*hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm*” liền đại ngộ, lại còn nói mấy câu khai ngộ. Ngũ Tổ bèn truyền y bát. Lục Tổ đã tu bao nhiêu kiếp, ai biết được? Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba vị thiện tri thức, chứng nhập pháp giới, nhưng phải hiểu rõ: Khi Thiện Tài sanh ra, các thứ trần bảo tự nhiên trôi lên. Vì thế, thầy bói đề nghị đặt tên cho đứa trẻ là Thiện Tài. Ai biết Thiện Tài đã tu bao nhiêu kiếp? Một kẻ hạ ngu vừa nghe pháp môn Niệm Phật liền sanh lòng tin, hành theo, người ấy chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi một, hai, ba, bốn, năm đức Phật, mà là đã gieo thiện căn nơi vô lượng trăm ngàn vạn đức Phật. Người ấy là kẻ có lai lịch. Chúng ta cũng đừng coi rẻ chính mình, chúng ta cũng tu bao nhiêu kiếp, nên hiện tại mới chịu đến nghe kinh, tiếp nhận pháp môn Niệm Phật. Đời này đã gặp được cơ hội hy hữu khó gặp gỡ này, ngàn vạn phần chớ để luống qua!

phải đoạn Hoặc trước. Nghiệp nhân trong tam giới lục đạo chính là Kiến Hoặc và Tư Hoặc¹⁴, hoàn toàn đoạn được chúng thì mới có thể thoát khỏi tam giới. Chẳng

¹⁴ [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: Kiến Hoặc và Tư Hoặc là tên gọi chung của các phiền não trong tam giới. Chúng được liệt kê thành biểu đồ như sau:

Kiến Hoặc & Tư Hoặc	Tư Hoặc (tác dụng tâm lý theo phương diện cuộc sống)	Tham	Phiền Não Chướng (ác kiến câu sanh khởi do mê nơi mặt Sự)
		Sân	
		Si	
		Mạn	
		Nghi	
	Kiến Hoặc (tác dụng tâm lý theo phương diện tri thức)	Thân Kiến (Ngã Kiến)	Sở Tri Chướng (ác kiến phân biệt khởi do mê nơi mặt Lý)
		Biên Kiến	
		Tà Kiến	
		Kiến Thủ Kiến	
		Giới Cấm Thủ Kiến	

Trên đây, Kiến Hoặc và Tư Hoặc, mỗi loại gồm năm thứ. Các đồng tu sơ cơ đọc đến những danh từ này sẽ hiểu ngay được nghĩa, chỉ có hai thứ cuối là cần phải giảng rõ:

1. Kiến Thủ Kiến chính là kiến giải chủ quan, Thủ (取) có nghĩa là chấp trước. Chấp chặt quan niệm chủ quan của chính mình là chánh xác. Như ngoại đạo coi sanh lên cõi trời là sẽ sống nơi đó vĩnh viễn. Đây gọi là “*phi quả kế quả*” (chẳng phải là quả, mà chấp là quả).

2. Giới Cấm Thủ Kiến: Giới là tánh giới, như giết, trộm, dâm, dối. Cấm là ngăn cấm, như uống rượu, ăn thịt. Giữ gìn giới cấm là thiện pháp, nhưng sẽ mắc lỗi nếu chấp vào một thành kiến thiên lệch, tức là dùng quan niệm sai lầm để giữ giới cấm, nhọc nhằn nhưng chẳng ích gì. Như ngoại đạo đức Thiên Nhân Thông, thấy trâu được sanh lên trời, liền cho rằng học theo nếp sống của trâu sẽ có thể sanh lên trời. Do vậy, họ bắt chước trâu ăn cỏ, chỉ khiến cho chính mình chịu khổ sở mà chẳng đạt được kết quả. Đây gọi là “*phi nhân kế nhân*” (chẳng phải là nhân mà chấp đó là nhân).

thể làm được điều này ngay trong một đời!

Nếu

muốn hưởng phước báo trong cõi người, cõi trời thì sẽ dễ hơn, các vị thánh hiền thế gian và những nhà tôn giáo đều có thể giúp con người thực hiện được điều đó, chứ vượt thoát luân hồi thì người thế gian không có cách nào thực hiện được. Vì thế, đức Phật mới xuất hiện trong cõi đời nhằm tạo duyên cho chúng sanh gặp gỡ hòng đắc độ.

Pháp môn Niệm Phật là đời nghiệp vãng sanh, đời nghiệp thì có hy vọng [thành tựu], chứ không đời nghiệp sẽ khó khăn đấy! Những pháp môn khác chưa hề có thuyết đời nghiệp. Trước đây, đã có người nói: “Thuyết đời nghiệp vãng sanh trong Tịnh Tông chẳng tìm được căn cứ nào trong kinh điển!” Năm 1984, cư sĩ Trầm Gia Trinh thỉnh tôi đến Nữ Ước (New York) giảng kinh. Lúc đổi máy bay

ở Los Angeles, lão cư sĩ Châu Tuyên Đức ra phi trường đón tôi, vừa gặp mặt, cụ liền nói: “Thưa pháp sư! Không xong rồi! Có người nói trong pháp môn Niệm Phật nếu đời nghiệp sẽ chẳng thể vãng sanh, tôi niệm Phật mấy chục năm chẳng phải là uổng phí hay sao?” Thái độ của cụ hết sức nghiêm trọng. Tôi bảo: “Đời nghiệp chẳng thể vãng sanh thì không cần phải sanh về đó nữa! Nếu đời nghiệp chẳng thể vãng sanh thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ trợ trợ một mình A Di Đà Phật, chúng ta đến đó để làm gì? Văn Thù, Phổ Hiền, Đại Thế Chí, Quán Âm... các vị Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đều là đời nghiệp. Nếu chẳng đời nghiệp thì tại sao còn chia thành ba bậc chín phẩm vãng sanh vậy?” Cụ Châu nghe lời ấy rồi mới yên lòng.

Ba kinh Tịnh Độ được cổ đức gọi là Vãng Sanh Kinh. Sau này, các vị tổ sư lại

đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm và chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm ghép vào sau ba kinh [A Di Đà, Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ Phật] thành ra Tịnh Độ Ngũ Kinh. Trong Tịnh Độ Ngũ Kinh, nói tới pháp môn Niệm Phật thì chia thành bốn loại:

1. Thật Tướng Niệm Phật.
2. Quán Tướng Niệm Phật.
3. Quán Tượng Niệm Phật.
4. Trì Danh Niệm Phật.

Đức Phật hết sức coi trọng Trì Danh Niệm Phật. Trong Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh và Tiểu Bản A Di Đà Kinh, đức Phật đều dạy chúng ta chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật. Không riêng mình Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là như thế mà hết thầy chư Phật đều đồng thanh tán thán. Niệm Phật rốt cuộc có chỗ nào hay? Những người chẳng khế nhập sâu xa cảnh

giới này, sẽ thật khó thể nói ra. Trong trước tác của cổ đức như các vị Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, quả thật đã giảng rõ điều này tường tận, thấu triệt. Đáng tiếc là chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, đọc những sách ấy xong vẫn cứ y như cũ, chẳng thể sanh tâm thanh tịnh, vẫn cần phải được thiện tri thức chỉ dạy, giải thích, rồi chính mình phải nỗ lực tu hành thì mới đạt được lợi ích. Nếu không, chẳng qua là gieo được một tí thiện căn trong tám thức điền mà thôi!

Trong bốn thứ pháp môn Niệm Phật, chuyên trì danh hiệu đơn giản, dễ hành nhất. Chuyên (專) là chuyên nhất, chuyên tâm, Trì (持) là giữ gìn, chẳng để nó mất đi. Danh hiệu chính là sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, chớ nên lìa khỏi câu Phật hiệu này.

Phương pháp là niệm sáu chữ hay bốn chữ, niệm lớn tiếng hay nhỏ tiếng, không cách nào chẳng được. Không niệm ra tiếng mà niệm thầm thì cũng được luôn! Cốt sao không gián đoạn, không xen tạp, không hoài nghi. Thời gian bao lâu mới thấy được hiệu quả? Tôi thưa cùng quý vị: Từ ba tháng đến sáu tháng sẽ thấy công hiệu, có thể tiêu trừ được một phần nghiệp chướng, cảm thấy đầu óc sáng suốt, thông minh hơn trước. Phiền não, ưu lự, vọng tưởng, vướng mắc đều bớt, tâm địa thanh tịnh. Hiểu lý luận hay không chẳng quan trọng, chỉ cần theo đúng pháp tu hành, chắc chắn sẽ thấy hiệu quả.

Cần phải có lòng tin vào giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Phật nói câu nào cũng đều chân thật, chỉ cần chân thành, tin tưởng khẩn thiết, thật sự phát nguyện, sẽ lập tức được bốn nguyện, oai thần của A Di Đà Phật ngấm ngấm gia trì. Dùng

nguyên tắc ấy niệm Phật thì khi công phu thành thực, nhất định sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Phước báo lớn nhất của con người trong thế gian chẳng phải là giàu có, trường thọ, mà phước báo chân chánh chính là khi lâm chung chẳng sanh bệnh, đầu óc tỉnh táo, biết sẽ đi về đâu, đây là phước khí thật sự. Trong những năm qua, tại Đài Loan, người ngồi mát hay đứng qua đời khoảng hai, ba chục người, còn lâm chung hiện tượng lành thì khoảng năm trăm người trở xuống. Tại Nam Dương, Tân Gia Ba, Mã Lai cũng có năm sáu vị. Cam lão thái thái có một người thân thích di dân sang Mỹ, tuổi đã cao, sống chung với con cái, ở nhà chăm sóc trẻ nhỏ và cơm nước. Có một hôm, sáng sớm cụ không thức dậy nấu bữa sáng, người nhà vào phòng cụ xem thì cụ ngồi xếp bằng trên giường vắng sanh rồi. Kỳ lạ nhất là cụ đã may sẵn đồ tang cho cả nhà

lớn bé, sắp đặt hậu sự nghiêm chỉnh, đủ thấy cụ biết trước lúc mất. Chính mắt Cam lão thái thái thấy chuyện này.

Đời người trong cõi thế là một giấc mộng xuân, thời thời khắc khắc đều là trong mộng. Người thật sự giác ngộ mới chịu buông xuống. Thế gian không có một pháp nào để được cả! Nếu thân có thể đạt được thì lẽ ra chẳng có suy, lão, bệnh, tử. Con người gặp gỡ nhau do duyên, có duyên tụ hội chớ mừng, khi duyên tan diệt, chớ buồn bã! Đây là hiện tượng bình thường!

Thiền Tông tiếp dẫn người thượng thượng căn, chứ trung căn và hạ căn chẳng có phần; ngay cả với người có căn tánh Đại Thừa, Thiền Tông vẫn còn cao lắm. Đối tượng của [các tông phái thuộc] Giáo Hạ, như Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Pháp Tướng, Tam Luận, là kẻ căn tánh bậc thượng hay bậc trung. Đại khái, người

thượng căn lợi trí tu học thì mới có thành tựu. Trung căn sẽ khác hẳn, còn hạ căn thì chẳng có phần. Chỉ có pháp môn này, ba căn thượng, trung, hạ, ông già bà cả không biết chữ cũng đều có thể tu được, cũng đều có thể chứng được. Trong Vãng Sanh Truyện có chép ông Vương Đả Thiết ở Hành Châu¹⁵ là thợ rèn, một nhà bốn miệng ăn, cuộc sống rất khổ. Có một vị xuất gia đi qua cửa nhà ông ta. Vương Đả Thiết liền mời sư vào nhà tiếp nhận cúng dường và thưa hỏi phương pháp “lìa khổ, được vui”. Pháp sư dạy ông ta niệm Phật. Ông ta y giáo phụng hành, cứ rèn sắt một búa liền niệm Phật một tiếng. Suốt ba năm như thế, một hôm, ông ta đọc kệ:

*Đinh đinh, đang đang,
Cửu luyện thành cang,
Thái bình tương cận,
Ngã vãng Tây Phương.*

¹⁵ Hành Châu thuộc tỉnh Hồ Nam, khác với Hàng Châu ở Giang Tô.

(Beng beng, bang bang,
Luyện mãi thành gang,
Thái bình sắp tới,
Ta về Tây Phương).

Nói xong, đập xuống một búa, đứng sững qua đời. Năm Dân Quốc năm mươi bảy (1968), tại làng Tướng Quân ở Đài Nam có một bà cụ đứng sững qua đời. Năm ngoái, khi tôi giảng kinh ở Cao Hùng có nhắc tới chuyện này, có mấy vị cùng nói họ thật sự biết chuyện này. Chuyện vãng sanh của lão cư sĩ Lý Tế Hoa thuộc Đài Bắc Liên Hữu Niệm Phật Đoàn càng chẳng thể nghĩ bàn. Cụ giảng khai thị tại Niệm Phật Đoàn, giảng trong một tiếng rưỡi, buốt lòng rất miệng khuyên mọi người niệm Phật. Giảng xong, cụ nói: “Tôi sắp trở về nhà”. Cụ bước xuống bục giảng, ngồi trên ghế mây nơi phòng khách vãng sanh. Hai tháng trước đó, cụ đã có dự cảm, hễ lúc nào rảnh rồi

bèn đến thăm bạn bè, tựa hồ có ý giã biệt. Có một lần, cụ cùng vợ ngồi xe ba bánh đi dự pháp hội, cụ bảo vợ: “Nếu tôi vãng sanh, bà có cảm thấy trống vắng hay không?” Bà vợ bảo: “Nếu ông vãng sanh là chuyện quá tốt đẹp, tôi chẳng cảm thấy trống vắng đâu!” Điều này chứng tỏ cụ biết trước lúc mất.

Niệm Phật chia thành Lý niệm và Sự niệm. Lý niệm là đạo lý, phương pháp, cảnh giới đều hiểu rõ ràng, đương nhiên sẽ chuyên tâm niệm. Sự niệm là chưa hiểu rõ lý luận, nhưng chuyên tâm niệm Phật. Sự niệm mà niệm đến mức tâm địa thanh tịnh, trí huệ tự khai thì cũng có thể đạt đến Lý niệm.

Từ xưa đến nay, hoằng dương Phật pháp thì kinh điển phổ biến nhất chính là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Do vậy, kinh này được chú giải với số lượng rất nhiều. Trong số ấy, có giá trị nhất chính là bộ Di

Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư. Ngài Ngẫu Ích tôn xưng ngài Liên Trì là Vân Thê Hòa Thượng. Trong thời ngài Ngẫu Ích, ngài Liên Trì đã viên tịch, nhưng trước tác của Ngài vẫn còn đó. Ngài Ngẫu Ích coi ngài Liên Trì như thầy, học tập theo giáo huấn của ngài Liên Trì, tức là như ta thường gọi là “*tư thực đệ tử*”¹⁶, giống như Mạnh Tử bên Nho Gia [là “*tư thực đệ tử*” của Khổng Tử]. Ngài Liên Trì là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông, ngài Ngẫu Ích là tổ sư đời thứ chín. Ngài Liên Trì viết bộ Sớ Sao để chú giải kinh Di Đà. Trước hết, viết lời Sớ, Sớ nhằm giải thích kinh. Sau đấy, cảm thấy [lời Sớ] quá sâu, sợ người đời sau đọc không hiểu; do vậy, Ngài lại viết lời Sao, Sao nhằm giải thích Sớ. Tại Đài Loan, bộ Sớ Sao này được lưu hành rất rộng. Hiện thời,

¹⁶ Tư thực đệ tử: Thờ một vị đã khuất làm thầy, kế thừa chí hướng và học thuyết của vị ấy thì gọi là Tư Thực Đệ Tử.

chúng tôi in chung Sớ Sao và bộ Di Đà Sớ Sao Diễn Nghĩa do pháp sư Cổ Đức biên soạn thành một bản. Diễn Nghĩa nhằm chú giải Sớ Sao. Pháp sư Cổ Đức vừa là đồ đệ vừa là thị giả của ngài Liên Trì. Trước tác của ngài Liên Trì được lưu truyền trong đời sau là nhờ công sức của pháp sư Cổ Đức. Ở Đài Bắc, tôi đã từng giảng bộ Diễn Nghĩa một lần, thu âm thành ba trăm ba mươi lăm cuốn băng cassette. Tác phẩm này nội dung phong phú, được [ngài Ngẫu Ích] xưng tụng là “*bác đại tinh thâm*” (rộng lớn, tinh vi, sâu xa) thật xứng đáng!

Ngài U Khê là pháp sư Truyền Đăng ở chùa Cao Môn tại U Khê, núi Thiên Thai. Ngài Ngẫu Ích dùng tên đất để gọi vị này nhằm biểu lộ lòng tôn kính. Vị này cũng là huynh đệ của sư phụ ngài Ngẫu Ích¹⁷

¹⁷ Do hâm mộ ngài Hám Sơn, ngài Ngẫu Ích xin xuất gia với pháp sư Tuyết Lãnh (đệ tử của ngài Hám Sơn) vào năm Thiên Khải thứ 2 (1622) đời Minh. Ngoài tôn hiệu tổ thứ chín của Tịnh Độ Tông, ngài Ngẫu Ích còn được tôn xưng là một vị đại thành tựu

nên ngài Ngẫu Ích gọi ngài U Khê là “*sur bá*”. Ngài U Khê tuổi già chuyên tu Tịnh Độ, mỗi lần giảng kinh Di Đà đều cảm nhạc trời vang rền không trung, đại chúng đều nghe tiếng. Ngài soạn bộ Viên Trung Sao để chú giải kinh A Di Đà, dùng Tam Quán Chân - Giả - Trung của tông Thiên Thai để phô bày ý nghĩa, giữ lấy ý nghĩa Trung Đạo viên dung. Sao nhằm giải thích lời Sớ, lời Sớ do pháp sư Đại Hựu¹⁸ viết dưới thời Nguyên, có tên là A Di Đà Kinh Lược Giải. Bộ Viên Trung Sao này không được lưu hành rộng rãi, ngài Ngẫu Ích bảo

cuối cùng của tông Thiên Thai. Ngài U Khê cùng thế hệ với ngài Tuyết Lãnh. Các vị Hám Sơn, U Khê và Ngẫu Ích được tôn là những bậc long tượng trùng hưng tông Thiên Thai.

¹⁸ Đại Hựu (1334-1407) là cao tăng tông Thiên Thai đời Minh, quê ở Ngô Huyện, Cô Tô (Giang Tây), tự là Khải Tông, hiệu Cừ Am. Sư xuất gia năm 12 tuổi, thông thạo nội ngoại điển, học kinh Hoa Nghiêm với ngài Cổ Đình, rồi học Ma Ha Chỉ Quán với ngài Cửu Cao Thanh. Một hôm do đọc bộ Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Chú của ngài Mông Nhuận có chỗ ngộ, dần dần quán thông giáo nghĩa Thiên Thai. Do vậy, Sư tôn ngài Mông Nhuận làm viễn tổ, thề xiển dương giáo nghĩa Thiên Thai. Tuổi già, Sư chuyên tu Niệm Phật tam-muội, được nhà Minh phong chức Tăng Lục Ty Hữu Thiện Thế vào năm Hồng Vũ 26 (1393), giữ nhiệm vụ khảo thí Tăng đồ. Năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405), Sư vâng chiếu vào kinh giáo duyệt kinh Phật. Sư để lại những tác phẩm Tịnh Độ Chỉ Quy, A Di Đà Kinh Lược Giải, Kim Cang Kinh Lược Giải v.v... Do Ngài sống vào cuối đời Nguyên, tịch đầu đời Minh nên bộ A Di Đà Kinh Lược Giải được biên soạn vào đời Nguyên.

bộ sách ấy “*cao thâm, hồng, bác, văn phú, nghĩa phồn, hoặc bất tiện sơ cơ*” (cao, sâu, mênh mông, bát ngát, văn nhiều, nghĩa lắm, có lẽ chẳng thuận tiện cho hàng sơ cơ).

Nhằm lợi lạc hàng sơ cơ, ngài Ngẫu Ích viết bộ Yếu Giải này, có kiến giải độc đáo. Vì thế, nội dung cũng chẳng cần phải giống với hai vị Liên Trì đại sư và U Khê đại sư. Hai câu “*trắc khán thành phong, hoành khán thành lãnh*” là mượn ý từ bài thơ do Tô Đông Pha sáng tác khi du ngoạn Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Bài thơ ấy như sau:

Hoành khán thành lãnh, trắc thành phong,

Viễn cận cao đê các bất đồng,

Bát thức Lô Sơn chân diện mục,

Chỉ duyên thân tại thử sơn trung.

(Tạm dịch:

Nhìn dọc thành đỉnh, ngang thành rặng,
Cao, thấp, gần, xa vốn khác nhau,
Chẳng biết Lô Sơn chân diện mục,
Cốt sao thân ở tại non này).

[Mượn hai câu thơ này] với ngụ ý: Ngài đã từng thấy chân diện mục (diện mạo thật sự) của Lô Sơn, đã từng đích thân chứng được cảnh giới Tây Phương Tịnh Độ.

Theo phương cách giảng kinh trong tông Thiên Thai, trước khi giảng kinh sẽ giảng huyền nghĩa. “*Huyền nghĩa*” chính là trong một thời gian rất ngắn có thể giới thiệu một cách tổng hợp những ý nghĩa chánh yếu trong một bộ kinh, khiến cho thính chúng trước hết có được một khái niệm, rồi sau đó tiếp tục nghe kinh văn sẽ dễ thấu hiểu. Tông Thiên Thai dùng năm đoạn để giảng rõ cương yếu của kinh, gọi là “*ngũ trùng huyền nghĩa*”:

1. Giải thích tựa đề bản kinh (Thích Danh).

2. Biện Thể (biện định Thể), tức là chỉ rõ chỗ căn cứ để lý luận của kinh này, vì nếu chẳng hiểu rõ ý nghĩa, sẽ khó thể tạo dựng tín tâm.

3. Minh Tông, tức là nói rõ tông chỉ, cương lĩnh và phương pháp tu học trong kinh này.

4. Luận Dụng (luận định về Dụng), tức Kinh có tác dụng ở chỗ nào? Tông là tu nhân, còn Dụng là kết quả.

5. Phán giáo: Tổ sư, đại đức chính lý, phân loại kinh Phật, dựa theo thứ tự sâu hay cạn, khế hợp căn cơ các loại [để phán định một bộ kinh thuộc về giáo pháp nào].

III. Giải thích huyền nghĩa của kinh

3.1. Thích danh

(Giải) Đệ nhất, thích danh. Thử kinh dĩ năng thuyết, sở thuyết nhân vi danh.

Phật giả, thử độ năng thuyết chi giáo chủ, tức Thích Ca Mâu Ni. Thừa đại bi nguyện lực, sanh ngũ trược ác thế, dĩ tiên giác giác hậu giác. Vô pháp bất tri, vô pháp bất kiến giả dã. Thuyết giả, duyệt sở hoài dã. Phật dĩ độ sanh vi hoài, chúng sanh thành Phật cơ thực, vị thuyết nan tín pháp, linh cứu cánh thoát, cố duyệt dã. A Di Đà, sở thuyết bỉ độ chi đạo sư. Dĩ tứ thập bát nguyện, tiếp tín nguyện niệm Phật chúng sanh, sanh Cực Lạc thế giới, vĩnh giai bất thoái giả dã. Phạm ngữ A Di Đà, thử vân Vô Lượng Thọ, diệt vân Vô Lượng Quang. Yếu chi, công đức, trí huệ, thần thông, đạo lực, y chánh, trang nghiêm, thuyết pháp, hóa độ, nhất nhất vô lượng dã. Nhất thiết kim khẩu, thông danh vi Kinh. Đồi thượng ngũ tự, thị thông biệt hiệp vi đề dã. Giáo, Hạnh, Lý tam, các luận

*thông biệt. Quảng như Thai tạng sở
minh.*

(解) 第一。釋名。此經以能說所說人為名。佛者。此土能說之教主。即釋迦牟尼。乘大悲願力。生五濁惡世。以先覺覺後覺。無法不知。無法不見者也。說者。悅所懷也。佛以度生為懷。眾生成佛機熟。為說難信法。令究竟脫。故悅也。阿彌陀。所說彼土之導師。以四十八願。接信願念佛眾生。生極樂世界。永階不退者也。梵語阿彌陀。此云無量壽。亦云無量光。要之。功德。智慧。神通。道力。依正。莊嚴。說法。化度。一一無量也。一切金口。通名為

**經。對上五字。是通別合為題也。教行
理三。各論通別。廣如台藏所明。**

(Giải¹⁹: Thứ nhất là giải thích tên kinh. Kinh này dùng người nói và người được nói để đặt tên. Phật là đức giáo chủ nói kinh trong cõi này, tức Thích Ca Mâu Ni Phật. Do đại bi nguyện lực, sanh trong đời ác ngũ trược, dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác, không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng thấy. Thuyết là thỏa lòng mong mỏi²⁰. Phật mang chí nguyện độ sanh, căn cơ thành Phật của chúng sanh đã chín muồi, bèn giảng cho họ biết pháp khó tin, khiến họ được giải thoát rốt ráo, cho nên Phật vui sướng. A

¹⁹ Nhằm phân biệt lời giải thích của Tổ với chánh kinh, trước những lời chú giải của Tổ, cụ Lưu Thừa Phù đề chữ Giải, còn trước phần chánh kinh thì ghi chữ Kinh.

²⁰ Thời cổ, chữ Thuyết (說: nói) và Duyệt (悅: vui vẻ) được dùng lẫn cho nhau. Đại sư dùng ngay ý này để giải thích tuyệt khéo: Thuyết là nói ra để thỏa mãn bản hoài độ sanh của chính mình. Do thấy chúng sanh căn cơ chín muồi, có thể tiếp nhận pháp vô thượng này nên vui sướng nói ra.

Di Đà, là đấng đạo sư của cõi đang được nói đến. Ngài dùng bốn mươi tám nguyện tiếp độ chúng sanh tín nguyện niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn đạt đến địa vị Bất Thoái. Tiếng Phạn là A Di Đà, cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, còn dịch là Vô Lượng Quang. Nói tới những điểm trọng yếu thì công đức, trí huệ, thần thông đạo lực, sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, thuyết pháp, hóa độ, mỗi mỗi đều vô lượng. Hết thảy những gì do kim khẩu [của đức Phật] nói ra đều gọi chung là Kinh. Chữ Kinh đem phối hợp với năm chữ trước (tức Phật Thuyết A Di Đà) là đem ghép cả Thông lẫn Biệt²¹ thành tựa đề kinh. Ba món Giáo, Hạnh, Lý mỗi thứ đều luận định Thông và Biệt,

²¹ Thông thường, các vị cổ đức chú giải thường chia tên gọi của một bộ kinh ra làm hai phần: Thông Đề và Biệt Đề. Thông Đề là tên chung của các kinh (chỉ gồm một chữ Kinh), và Biệt Đề là tên riêng của kinh đó. Chẳng hạn, Phật Thuyết A Di Đà Kinh thì Kinh là Thông Đề, còn Biệt Đề là Phật Thuyết A Di Đà.

giảng giải chi tiết thì như trong kinh sách của tông Thiên Thai đã giảng).

Thích Ca Mâu Ni Phật nương theo đại bi nguyện lực, sanh trong đời ác năm trước, rộng độ hữu tình. Vì sao con người phải sanh vào thế gian? Lúc tôi mười ba, mười bốn tuổi thường nghĩ đến vấn đề này, có lúc nghĩ cả mấy tháng, nhưng chẳng tìm được câu trả lời. Phật dạy: “*Nhân sanh vi thù nghiệp nhi lai*” (Đời người là do đền trả cái nghiệp mà sanh ra). Trong quá khứ làm lành thì đời này hưởng phước. Nếu không, chuyện gì cũng trái ý, nhân quả báo ứng chính là chân tướng sự thật. Nếu hiểu rõ sự thật này thì sẽ tâm an lý đắc, chẳng còn oán trời trách người, tâm liền an ổn. Tâm an, ắt định, Định sanh ra Huệ; từ đây, bỏ ác, hướng lành, thay đổi tương lai. Tiên sinh Viên Liễu Phàm viết Liễu Phàm Tứ Huấn nhằm xiển minh

[phương pháp] “sửa đổi vận mạng” hết sức tường tận. Ông ta cả đời sửa lỗi, đổi mới, đoạn ác, tu thiện. Ông ta đã thay đổi vận mạng của đời mình khác với lời dự đoán của Không lão tiên sinh từ Vân Nam tới, [cụ Không] là một người đắc chánh truyền phép bói Hoàng Cực Số²² của Thiệu Tử (Thiệu Khang Tiết). Trong nhà Phật, “*hữu cầu tất ứng*”. “Cầu” là mong cầu đúng lý, đúng pháp thì đều có thể cầu được. Nếu cầu chẳng được thì là do [chính bản thân ta] có chướng ngại. Điều mong cầu trong sách Di Đà Yếu Giải này chính là cầu thành Phật. Ai cầu thành Phật thì cũng đều có thể đạt được, chứ tiếng tăm, lợi dưỡng, công danh, phú quý trong thế gian thì có khác gì lông gà, vỏ tỏi? Cầu đúng lý, đúng pháp thì sẽ có thể chuyển biến cái thân nghiệp báo thành cái thân

²² Hoàng Cực Số là một phép bói toán vận mạng dựa theo nguyên tắc và lý luận trong bộ Hoàng Cực Kinh Thế Thư của Thiệu Ung (Thiệu Khang Tiết). Sách này dựa trên lý luận của kinh Dịch để hình thành một hệ thống lý luận bói toán độc đáo.

nguyện lực. Trước kia, thân nghiệp báo trong mỗi niệm đều tính toán vì bản thân, từ nay trở đi, mỗi niệm đều vì hết thảy chúng sanh, niệm niệm vì Phật pháp. Phật pháp là nền giáo dục viên mãn chí thiện trong thế gian. Nếu chúng sanh có cơ duyên tiếp nhận Phật pháp thì sẽ đều có thể chuyển biến nghiệp lực thành nguyện lực.

Vào ba ngàn năm trước, khi đức Phật giảng kinh này, nếu chẳng phải là bậc đại trí huệ sẽ rất khó thể thấu hiểu được. Ngày nay, giảng bộ kinh này, đại đa số mọi người đều nhận thấy giống như vậy. Đức Phật nói cõi này là “ngũ trược ác thế”, hiện thời nhìn lại, chẳng sai chút nào!

“*Trược*” (濁) là ô nhiễm. Hiện thời, tình hình ô nhiễm nghiêm trọng, các nước đều đề xướng bảo vệ môi trường. “Ác” là ác nghiệp, tâm con người chẳng lành: Thân phạm giết, trộm, dâm; miệng phạm nói

đôi, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt; ý phạm tham, sân, si. Xã hội hiện tại tràn ngập mười điều ác, đức Phật do đại từ đại bi nguyện lực mà sanh vào thời đại này, nhằm cứu vớt chúng ta thoát lìa biển khổ.

Phật là tiên giác (người đã giác ngộ trước), triệt để hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng thấy, dùng tiên giác để giác ngộ hậu giác (kẻ sẽ giác ngộ sau này); Bồ Tát là hậu giác. Nếu ai có thể thật sự nương theo Phật pháp để tu hành thì là Bồ Tát, nhất là đối với pháp môn này. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã ghi “*Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ*”, cho thấy pháp môn Niệm Phật là pháp môn tu hành của hàng Đại Thừa Bồ Tát. Phật ôm ấp chí nguyện độ sanh, niệm niệm giúp đỡ chúng sanh mau chóng thành Phật hòng thỏa mãn tâm nguyện. Nếu nguyện lực của chúng ta và

nguyện lực của Phật giống nhau thì sẽ có thể chuyển nghiệp lực thành nguyện lực. Ý niệm vừa xoay chuyển thì trước kia là chúng sanh trong lục đạo, ngay lập tức liền biến thành Pháp Thân đại sĩ. Chúng ta học Phật cũng phải giữ tâm lòng vì chúng sanh, đề cao, giới thiệu nền giáo dục viên mãn này cho hết thấy chúng sanh. Có như vậy thì mới đồng nguyện, đồng đức, đồng tâm với chư Phật.

Cơ duyên của chúng sanh chín muôi, nên đức Phật giới thiệu với chúng sanh pháp môn này. Trong phần Phát Khởi Tự của kinh Vô Lượng Thọ, vừa mở đầu, về mặt đức Phật rạng rỡ, tôn giả A Nan từ trước đến nay chưa hề trông thấy như thế, là vì cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã đến rồi, Phật đặc biệt hoan hỷ. Nói “*cơ duyên chín muôi*” nghĩa là họ vừa nghe liền hiểu ngay, vừa nghe liền tin ngay, vừa nghe liền khai ngộ. Người này trong đời

này sẽ liền có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, đạt được giải thoát rốt ráo, cái thân trong hiện tại sẽ gọi là “*tối hậu thân*” (thân sau cùng). Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đều là đi ngay trong lúc sống, chứ không phải chết rồi mới đi về đó. Đây là pháp môn bất tử, còn gọi là “*pháp môn thành tựu ngay trong khi còn sống*”. Người công phu giỏi sẽ biết trước lúc mất, chính mình tự biết, vui vẻ ra đi.

Trong lời khai thị cho Phật thất, pháp sư Đàm Hư có nói trong đời Ngài đích thân thấy hai mươi mấy người vãng sanh, còn nghe kể lại thì chẳng thể kể xiết. Người cơ duyên chín muồi là thiện căn đã tu trong quá khứ vô lượng kiếp [tới nay] chín muồi, hiện thời được mười phương hết thảy chư Phật Như Lai ngấm ngấm gia trì, khiến cho người ấy tiếp xúc pháp môn này liền có thể lập tức hiểu, tin, nguyện, hành. Chúng ta nhất định phải quý tiếc cơ hội

được nghe pháp trong thời khắc này, hạ quyết tâm niệm Phật, chớ nên bỏ uổng cuộc đời này.

Trong kinh A Di Đà, đức Phật đã dạy: *“Ngã u ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan”* (Ta trong đời ác ngũ trước, làm chuyện khó khăn này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thấy thế gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó). Phật Thích Ca chính là vị Phật do tu pháp môn Niệm Phật mà thành Phật, Ngẫu Ích đại sư nhắc nhở chúng ta điều này, chúng ta mới đột nhiên liễu giải.

A Di Đà Phật là bậc đạo sư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới được hết thấy chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới ca ngợi. Chư Phật có cùng một đại nguyện, tức là “độ chúng sanh thành Phật đạo”.

Phật Phật đạo đồng, đều nhận thấy chúng sanh khó độ, đồng thời biết Tây Phương A Di Đà Phật có pháp môn thuận tiện là Niệm Phật, thích hợp khắp ba căn, thâm tóm độn căn lẫn lợi căn. Do vậy, chư Phật đều đề cao, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật với những chúng sanh đang được các Ngài hóa độ. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng ra ngoài thông lệ ấy, nói ba kinh Tịnh Độ nhằm khuyên chúng ta sanh về Tây Phương. Đã thế, pháp môn sanh về Tây Phương lại cực đơn giản, chỉ cần tín nguyện niệm Phật là được, thật thà niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi. Khi lâm chung, Phật nhất định đến tiếp dẫn, đây là bốn nguyện của Ngài. Trong hết thảy cõi nước, hết thảy các pháp môn đều là khi tiến, khi lùi, chỉ riêng pháp môn Niệm Phật là sau khi sanh về Tây Phương,

chỉ có lên lớp, chứ không sụt xuống, bất quá là tiến nhanh hay chậm mà thôi!

Có ba thứ Bất Thoái Chuyển:

1. Vị Bất Thoái: Thánh nhân Tiểu Thừa chứng đến Sơ Quả, chẳng lui sụt trở lại địa vị phàm phu, nhưng thời gian vượt lên những địa vị cao hơn rất dài.

2. Hạnh Bất Thoái: Bồ Tát đại từ đại bi giáo hóa chúng sanh, chẳng còn lui sụt xuống Tiểu Thừa.

3. Niệm Bất Thoái: Niệm niệm hướng đến Vô Thượng Bồ Đề, chính là Pháp Thân đại sĩ, phá một phàm vô minh, chứng một phần Pháp Thân.

Niệm Phật sanh về Tây Phương liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, đúng là pháp khó tin!

Phải hiểu rõ ràng hai chữ “công đức”. Công (功) là công phu tu hành, Đức (德) là quả báo. Cày bừa một phần thì sâu

hoạch một phần, cày bừa là Công, thâu hoạch là Đức. Lợi ích chúng sanh là Công, trưởng dưỡng Bồ Đề là Đức. Chữ Đức có cùng ý nghĩa với chữ Đắc (得) trong “đắc thất” (得失: được, mất). Ví dụ như: Trì giới là Công, nhất định sanh ra Định, Định là Đức. Tu Định là Công, nhất định khai Huệ, khai trí huệ là Đức. Trí huệ đã mở mang sẽ phá vô minh, đoạn phiền não, thành tựu vô thượng Bồ Đề Niết Bàn. Công đức khác phước đức, phước đức chỉ có thể đạt được phước báo trong cõi trời, cõi người, chẳng thể vượt thoát luân hồi. Lương Vũ Đế là đệ tử tiền thân của nhà Phật, trong thời gian làm vua, ông ta đã dựng bốn trăm tám mươi tòa tự viện, độ mấy chục vạn người xuất gia. Đạt Ma Tổ Sư của Thiên Tông đến Trung Quốc gặp mặt Lương Vũ Đế, vua có ý khoe khoang, nói: “Trẫm dựng chừng đó chùa miếu, độ

bao nhiêu Tăng chúng, công đức có to lớn hay không?” Tô Đạt Ma nói: “Trọn chẳng có công đức gì!” Kết quả, nói năng không hợp ý, Tô Đạt Ma lánh xa, sang chùa Thiếu Lâm nhìn vách suốt chín năm. Nếu thuở ấy, Lương Vũ Đế hỏi Tô Đạt Ma, “phước đức của trẫm lớn hay nhỏ”, Tô Đạt Ma nhất định nói “phước đức vô lượng vô biên”. Trong Đàn Kinh, Lục Tô đại sư cũng có nói: “*Sanh tử đại sự, phước chẳng thể cứu được*”. Không có cách nào ban công đức cho người khác, còn phước đức có thể trao cho người khác.

Thần thông là năng lực. Thông (通) là thông đạt, Thần (神) là thần kỳ chẳng thể lường. Chữ “*đạo lực*” chỉ công phu tu dưỡng, trong Phật pháp gọi nó là Giới - Định - Huệ.

“*Y báo*” là sự thụ hưởng trong hoàn cảnh sống, “*chánh báo*” là thân thể của

chính mình. “*Trang nghiêm*” là chân, thiện, mỹ, huệ. Người giỏi thuyết pháp có phương pháp dạy học rất khéo léo, khiến cho người nghe vui vẻ tiếp nhận. “*Hóa độ*” là giúp cho chúng sanh biến đổi khí chất, hóa phàm thành thánh. Những thứ vừa nói trên đây đều là mục tiêu tối cao trong sự tu học Phật pháp.

Phàm những pháp do chính miệng đức Phật nói ra đều được gọi là Kinh. Thật ra, kinh Phật do năm loại người nói ra²³. Những điều do người khác nói ra, nếu phù hợp khít khao với chân tướng sự thật, được Phật chấp nhận, thì cũng được coi là giống như Phật nói. Trong nhà Phật nói tới “*pháp ấn*” thì Ấn biểu thị cho sự tin tưởng. Công văn của quan phủ có đóng

²³ Có hai cách giải thích câu này:

1. Kinh Phật do đức Phật, đệ tử Phật, tiên nhân, chư thiên và hóa nhân (người được biến hóa) nói ra. Đây là quan điểm của ngài Tịnh Ảnh trong Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sở.
2. Năm loại người nói kinh là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, chúng sanh, khí thể gian (vật chất như núi, sông, đại địa). Đây là quan điểm của Hoa Nghiêm Kinh Sở.

cái ấn to lên, sẽ được công nhận là có hiệu lực. Hết thầy pháp Đại Thừa dùng Thật Tướng làm Pháp Ấn. Chẳng phải do Phật nói, nhưng nội dung [những lời nói ấy] cũng là chân tướng sự thật thì cũng giống như do đức Phật nói.

“Giáo, Hạnh, Lý tam, các luận thông biệt, quảng như Thai Tạng sở minh”: Đối với Giáo, Hạnh, Lý, Ngẫu Ích đại sư không giảng tường tận, là vì trong bộ Số Sao của ngài Liên Trì và bộ Viên Trung Sao của ngài U Khê đã giảng rất tường tận. Ngoài ra, những kinh sách của tông Thiên Thai cũng đều có thể dùng để tham khảo. Giáo là tài liệu dạy học, hết thầy kinh điển nhà Phật chính là sách giáo khoa. Nội dung kinh Phật ắt có đạo lý thích hợp cho từng tầng cấp, từng địa phương, thích hợp với nhu cầu của chúng sanh trong từng thời đại [đó gọi là Lý]. Ngoài Lý ra, ắt phải có phương pháp để nương theo Lý

mà tu hành, nhằm chứng tỏ: Hễ nương theo đó để hành thì trong tương lai nhất định có thể đạt được, [đó gọi là Hạnh].

3.2. Biện Thể

(Giải) Đệ nhị, biện Thể. Đại Thừa kinh giai dĩ Thật Tướng vi chánh thể. Ngô nhân hiện tiền nhất niệm tâm tánh, bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung gian, phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai, phi thanh, hoàng, xích, bạch, trường, đoản, phương, viên, phi hương, phi vị, phi xúc, phi pháp, mịch chi liễu bất khả đắc, nhi bất khả ngôn kỳ vô. Cụ tạo bách giới thiên như, nhi bất khả ngôn kỳ hữu. Ly nhất thiết duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn văn tự tướng, nhi duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự, phi ly thử, biệt hữu tự tánh. Yếu chi, ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Ly cố, vô tướng. Tức

*cố, vô bất tướng. Bất đắc dĩ, cường danh
Thật Tướng. Thật Tướng chi Thể, phi
tịch, phi chiếu, nhi phục tịch, nhi hằng
chiếu, chiếu nhi hằng tịch. Chiếu nhi
tịch, cường danh Thường Tịch Quang
độ. Tịch nhi chiếu, cường danh Thanh
Tịnh Pháp Thân. Hựu, chiếu tịch, cường
danh Pháp Thân. Tịch chiếu, cường
danh Báo Thân. Hựu, tánh đức tịch
chiếu, danh Pháp Thân. Tu đức chiếu
tịch, danh Báo Thân. Hựu tu đức chiếu
tịch, danh Thụ Dụng Thân. Tu đức tịch
chiếu, danh Ứng Hóa Thân. Tịch chiếu
bất nhị, thân độ bất nhị. Tánh tu bất nhị,
chân ứng bất nhị, vô phi Thật Tướng.
Thật Tướng vô nhị, diệc vô bất nhị. Thị
cố, cử Thể tác y, tác chánh, tác pháp, tác
báo, tác tự, tác tha. Nãi chí năng thuyết,
sở thuyết, năng độ, sở độ, năng tín, sở tín,
năng nguyện, sở nguyện, năng trì, sở trì,*

năng sanh, sở sanh, năng tán, sở tán, vô phi Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn dã.

(解) 第二。辨體。大乘經皆以實相為正體。吾人現前一念心性。不在內。不在外。不在中間。非過去。非現在。非未來。非青黃赤白。長短方圓。非香。非味。非觸。非法。覓之了不可得。而不可言其無。具造百界千如。而不可言其有。離一切緣慮分別。語言文字相。而緣慮分別。語言文字。非離此別有自性。要之。離一切相。即一切法。離故無相。即故無不相。不得已強名實相。實相之體。非寂非照。而復寂而恆照。照而恆寂。照而寂。強名常寂光土。寂

而照。強名清淨法身。又。照寂強名法身。寂照強名報身。又。性德寂照。名法身。修德照寂。名報身。又。修德照寂。名受用身。修德寂照。名應化身。寂照不二。身土不二。性修不二。真應不二。無非實相。實相無二。亦無不二。是故舉體作依作正。作法作報。作自作他。乃至能說所說。能度所度。能信所信。能願所願。能持所持。能生所生。能讚所讚。無非實相正印之所印也。

(Giải: Thứ hai, biện định cái Thể. Các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Chánh Thể. Một niệm tâm tánh hiện tiền

của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là hiện tại, chẳng phải là tương lai, chẳng phải là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, chẳng phải Hương, chẳng phải Vị, chẳng phải Xúc, chẳng phải Pháp. Tìm thì trọn chẳng thể được, nhưng chẳng thể nói là Không. Tạo đầy đủ bách giới thiên như, nhưng chẳng thể nói là Có. Lìa hết thấy duyên lực²⁴, phân biệt và tướng ngôn ngữ, văn tự, nhưng duyên lực, phân biệt và tướng ngôn ngữ, văn tự chẳng lìa khỏi điều này mà có tự tánh riêng biệt. Nói tóm gọn thì lìa hết thấy tướng chính là hết thấy pháp. Do “lìa” nên không có tướng, do “chính là” nên chẳng phải là không có tướng. Bất đắc dĩ, cưỡng gọi là Thật

²⁴ Duyên lực: Gọi đủ là “tâm duyên niệm lực”. Đây là từ ngữ diễn tả sự phân biệt, chấp trước của thức thứ sáu. Do tâm (vọng tâm) tiếp xúc (duyên) trần cảnh (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp), khởi lên suy nghĩ, so đo, tính toán, yêu ghét v.v... Những ý niệm đó đều gọi chung là “tâm duyên niệm lực”.

Tướng. Thể của Thật Tướng chẳng Tịch, chẳng Chiếu, nhưng lại Tịch và luôn luôn Chiếu, tuy Chiếu nhưng luôn Tịch. Tuy Chiếu mà vẫn Tịch nên cũng gọi là Thường Tịch Quang Độ. Tuy Tịch nhưng vẫn Chiếu, nên cũng gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân. Lại nữa, do Chiếu mà Tịch nên cũng gọi là Pháp Thân. Tuy Tịch nhưng lại Chiếu nên cũng gọi là Báo Thân. Hơn nữa, do Tánh Đức tuy Tịch mà Chiếu nên gọi là Pháp Thân. Do Tu Đức tuy Chiếu mà Tịch nên gọi là Báo Thân. Lại nữa, Tu Đức tuy Chiếu nhưng vẫn Tịch nên gọi là Thụ Dụng Thân, Tu Đức tuy Tịch nhưng có thể Chiếu nên gọi là Ứng Hóa Thân. Tịch và Chiếu chẳng hai, thân và cõi nước chẳng hai, Tánh và Tu không hai, Chân và Ứng không hai, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Thật Tướng không hai, mà cũng chẳng không hai. Vì thế, toàn bộ cái Thể có thể làm thành y

báo, làm thành chánh báo, tạo thành Pháp Thân, tạo thành Báo Thân, tạo thành Tự, tạo thành Tha, cho đến người nói, đối tượng được nói, người hóa độ, kẻ được hóa độ, người tin, pháp được tin, người phát nguyện, điều được phát nguyện, người trì, pháp được trì, người sanh về, cõi để sanh về, người khen ngợi, đối tượng được khen ngợi, không gì chẳng được Thật Tướng Chánh Ấn in vào).

Phật giảng kinh này dựa theo lý luận và sự thật nào để nói? Phải hiểu rõ điều này trước rồi mới có thể thật sự sanh khởi tín tâm, y giáo phụng hành. Các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Thể²⁵. Thật

²⁵ Thể ở đây có thể tạm hiểu như khái niệm bản thể trong triết học, tức thực chất của một sự vật, bản tánh chân thật của một sự vật. Có thể dùng một tỷ dụ để tạm hiểu như thế này. Các món như xuyên, vòng, bông tai, nhẫn, lắc, dây chuyền v.v... đều chế bằng vàng, thì vàng là Thể của những vật đó. Những vật đó là Tướng của vàng. Tuy tướng khác nhau (ta có các món trang sức khác nhau), nhưng Thể chỉ một (tức là chúng đều là vàng). Các pháp, ngay cả các kinh Đại Thừa thiên sai vạn biệt nhưng Thể của chúng chỉ là một, cái Thể ấy tạm gọi bằng Thật Tướng. Ngay cả chữ Thật Tướng cũng chỉ là giả danh, tạm đặt ra để nhằm diễn tả Thể mà thôi.

Tướng là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Nhân sinh là chính mình, vũ trụ là hoàn cảnh sống. Đối với chúng ta, kinh Đại Thừa trọng yếu như thế, chẳng thể không hiểu rõ hoàn cảnh sống của chính mình. Nếu không hiểu, sẽ mê hoặc. Hễ mê, ắt điên đảo, coi thật là giả, tướng tà là chánh, xem ác là thiện; bởi đó, xử thế, đãi người, tiếp vật và tư tưởng, quan niệm đều nẩy sanh sai lầm. Kinh Đại Thừa chỉ dạy chúng ta một con đường tu hành chánh xác, đó là chỗ thù thắng của kinh điển Đại Thừa vậy.

“Ngô nhân hiện tiền nhất niệm tâm tánh, bất tại nội, bất tại ngoại” (một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài): Đoạn này rất khó hiểu, nhưng đúng là chân tướng sự thật được nói một cách đơn giản, ách yếu. Triết học gọi Thật Tướng là Bản Thể. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật giải thích, nói theo

mặt Thể thì Thật Tướng là “vô tướng”.
Muôn pháp trong vũ trụ sanh ra như thế nào? Thế giới hình thành như thế nào? Động vật, thực vật tồn tại như thế nào? Đều là do một căn nguyên mà sanh ra. Căn nguyên ấy chính là Bản Thể. Những nhà triết học và tôn giáo trong ngoài nước xưa nay đều tìm tòi [lời giải đáp] cho vấn đề Bản Thể nhưng chưa đạt được kết luận, nên mới có những thuyết gọi là Nhất Nguyên Luận, Nhị Nguyên Luận, Đa Nguyên Luận²⁶, Duy Tâm, Duy Thức. Từ ba ngàn năm trước, qua các kinh Đại Thừa đức Phật đã nói rồi. Đức Phật nói bản thể của vạn hữu là tâm.

²⁶ Nhất Nguyên Luận (Monism): Học thuyết cho rằng thế giới chỉ từ một cội nguồn mà có. Thuyết này còn gọi là Bản Nguyên Luận. Quan điểm duy vật cho rằng cội nguồn của thế giới, vạn vật chỉ là do vật chất, còn duy tâm cho cội nguồn của thế giới là tinh thần.

Nhị Nguyên Luận (Dualism) cho rằng vũ trụ do hai yếu tố căn bản, tồn tại độc lập tạo thành. Điển hình của thuyết này như Descartes cho rằng vũ trụ do hai nguyên tố là tinh thần và vật chất hợp thành, hoặc Bái Hỏa Giáo (Zoroastrianism) cho rằng thế giới do hai thế lực quang minh và hắc ám tạo thành v.v...

Đa Nguyên Luận (Pluralism) quan niệm thế giới do nhiều nguyên tố bất đồng tạo thành. Quan niệm này đã có từ cổ Hy Lạp, chẳng hạn như Empedocles cho thế giới do nước, không khí, gió và lửa tạo thành.

Muôn vật trong trời đất đều do tâm biến hiện ra. Chủ thể biến hiện là một, còn những cái được biến hiện thì vô lượng vô biên. Kinh Đại Thừa gọi nó là Chân Như Bản Tánh. Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan kiếm chân tâm ở bảy chỗ, Phật đều bảo chẳng đúng. Chân tâm ấy không có hình tượng, không có màu sắc, không phải là quá khứ, hiện tại, vị lai, không phải là Hương, Vị, Xúc, Pháp; nhưng nó là Có, chẳng phải là Không! Phật pháp thường dùng chữ Không để hình dung nó. “Không” chẳng phải là cái gì cũng chẳng có! Tâm Kinh dạy: “*Sắc chính là Không, Không chính là Sắc. Sắc chẳng khác Không. Không chẳng khác Sắc*”. Sắc là nói về hiện tượng, Không là nói về Bản Thể. Không là chủ thể biến hiện (Năng Biến), Sắc là cái được biến hiện (Sở Biến). Quý vị đều có kinh nghiệm nằm mộng, cảnh giới trong mộng nhất định phải có

một thứ gì đó biến hiện cảnh mộng, đem so với tâm tánh thì cảnh giới hiện ra trong mộng là sắc tướng, là do cái Thể có khả năng biến hiện đã biến hiện ra chúng. Sắc tướng là giả, Năng Biến (cái có khả năng biến hiện) là chân. Do vậy, tâm gọi là Chân Tâm, tánh được gọi là Bản Tánh. Tướng là giả, bị biến đổi, nhưng Thể của những tướng được biến hiện thì là chân. Sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều do nó biến hiện ra. Do vậy, Thiên gia có một câu nói: *“Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”* (Nếu ai hiểu được tâm, đại địa không còn một tác đất).

Chúng ta hiện đang mê, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, tạo nghiệp, chịu báo, cảm nhận lục đạo luân hồi, hoàn toàn là do tự tâm biến hiện ra. Nếu rời khỏi tâm tánh thì chẳng có một pháp nào để có thể đạt được! Một niệm tâm tánh

hiện tiền của chúng ta và một niệm tâm tánh chư Phật Như Lai chẳng hai, chẳng khác, nhưng có ý niệm thứ hai là sai rồi. Niệm thứ nhất là bốn tánh, niệm thứ hai là vọng tưởng, chấp trước. Nếu giữ được nhất niệm thì sẽ thành Phật. Niệm thứ nhất không có phân biệt, chấp trước, bình đẳng đối với muôn pháp bên ngoài, chẳng có thiện hay ác, đúng hay sai, tà hay chánh, chân hay vọng, lợi hay hại, đó gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Cái niệm thứ hai là phân biệt, chấp trước đã dấy lên. Ví như tôi cầm một vật nào đó trong tay, quý vị vừa trông thấy thì rất rõ ràng, nhưng qua ý niệm thứ hai liền suy nghĩ vật này có tên là gì. Nó vốn không có tên gọi, tên gọi là do người ngoài đặt cho nó, là giả danh. Gọi nó là một trang giấy, màu trắng, tức là khởi lên phân biệt, chấp trước. Từ đây, dẫn khởi tham, sân, si, mạn. Chúng ta chẳng thể giữ cho niệm thứ nhất không

biến đổi, hễ gặp bất cứ cảnh giới nào liền lập tức mê. Đã mê lại càng thêm mê, luân chuyển trong sáu nẻo, chẳng có thuở thoát ra. Đây chính là lý luận căn bản trong Phật pháp, chẳng thể không biết. Dùng vàng chế ra đồ vật, món nào cũng là vàng. Đồ vật có thể biến đổi, chứ vàng chẳng thay đổi. Tượng có thể biến đổi, chứ Thẻ chẳng biến đổi. Tâm tánh bất biến nhưng tùy duyên, tùy duyên nhưng bất biến. Đáng tiếc là chúng ta vọng niệm này tiếp nối vọng niệm khác, vĩnh viễn không ngưng nghỉ. Do đây, tướng mà mình thấy được là vọng tướng. Nếu có một ngày nào đó, thật sự đạt được nhất tâm thì sẽ thật sự thấy được Thật Tướng. Thật Tướng là hết thấy pháp bất sanh bất diệt, trong kinh Phật gọi đó là Vô Sanh Pháp Nhãn.

Chúng ta sử dụng cái tâm sanh diệt, nên thấy hết thấy pháp đều có sanh, có diệt. Con người có sanh, lão, bệnh, tử, thế giới

có thành, trụ, hoại, không. Chư Phật, Bồ Tát dùng tâm bất sanh bất diệt, thấy hết thấy pháp bất sanh bất diệt. Học Phật tức là muốn công phu đạt đến mức nhất tâm, sự tu học trong Đại Thừa Phật pháp xoay quanh điều này. Thiền Tông gọi nó là Thiền Định, còn pháp môn Niệm Phật gọi nó là Nhất Tâm. Nhất Tâm là Thiền Định, mà cũng là Thật Tướng, Chân Như, Bản Tánh. Niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn thì sẽ có cùng một cảnh giới với minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền. Trong phương diện Giáo Học, ắt cần phải lập ra thuật ngữ danh tướng để tiện cho con người thấu hiểu. Danh từ là giả lập, chớ nên chấp trước. Căn bệnh lớn nhất trong các pháp thế gian là chấp trước. Chúng ta nghiên cứu tâm tánh, nói đến các thứ danh tướng của Chân Như Bản Tánh, tự mình đừng nên chấp trước, mà cũng đừng khiến cho người khác chấp

trước. Tu học Phật pháp khó nhất là ở chỗ này. Đức Phật thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, nhưng kinh Kim Cang lại chép Ngài chẳng nói một pháp nào cả! Đức Phật nói: *“Tu Bồ Đề! Nhữ vật vi Như Lai tác thị niệm, ngã đương hữu sở thuyết pháp, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi bán Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố”* (Này Tu Bồ Đề! Ông đừng nói: Như Lai nghĩ như thế này, ta sẽ có pháp để nói, đừng nghĩ như vậy. Vì sao? Nếu có ai nói Như Lai có thuyết pháp thì chính là bán Phật vì chẳng thể hiểu lời ta nói). Chúng ta chớ nên chấp trước pháp do đức Phật đã nói, phải thấu hiểu sâu xa điều này. Hễ chấp sẽ mê!

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”*. Chỉ

một câu này đã nói toạc ra cái gốc bệnh của chúng ta chính là phân biệt, chấp trước. Không có phân biệt, chấp trước thì chính là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là cuộc sống ở ngay trước mắt chúng ta. Phật pháp không có gì khác, chỉ là phá chấp mà thôi. Phá trừ Ngã Chấp, chứng quả vị A La Hán trong Tiểu Thừa; Đại Thừa phá trừ Pháp Chấp, sẽ viên mãn thành Phật. Thành Phật chỉ là phá được cả hai chấp mà thôi! Ngã Chấp là cội nguồn của Phiền Não Chướng, phá được Ngã Chấp thì đoạn được Kiến Tư phiền não. Phá được Kiến Tư phiền não sẽ thoát khỏi lục đạo luân hồi. Pháp Chấp là cội nguồn của vô minh, phá được Pháp Chấp sẽ đoạn vô minh. Kinh điển dù Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều giảng như vậy. Do đó, có rất nhiều tông phái, vô lượng pháp môn, nhưng phương pháp, lý luận đều nhằm giúp cho người học phá chấp và minh tâm

kiến tánh. Nay chúng ta chọn lựa pháp môn Niệm Phật, niệm một câu A Di Đà Phật, dùng công phu chân thật của chính mình lại thêm bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, người căn tánh lành lợi chịu buông phân biệt, chấp trước xuống sẽ khai ngộ dễ dàng.

“*Mịch chi liễu bất khả đắc*” (tìm kiếm thì trọn chẳng thể được) là nói về tâm tánh. Đạt Ma Tổ Sư lúc diện bích (nhìn vào vách) chín năm tại chùa Thiếu Lâm, tìm chẳng được một ai để truyền pháp. Về sau, có Huệ Khả đến cầu pháp, chân thành, cung kính Tổ Đạt Ma. Tổ Đạt Ma ngồi yên, chẳng đếm xỉa gì tới. Nhằm biểu thị lòng thành, Huệ Khả dùng đao chặt tay trái, dâng lên cúng dường. Tổ Đạt Ma cảm động, chấp nhận. Huệ Khả liền hướng về Tổ Đạt Ma, thưa: “*Tâm con chẳng an, cầu đại sư an cái tâm cho con*”. Tổ Đạt Ma bảo: “*Ông đem cái tâm lại đây, ta sẽ an*

nó cho ông”. Huệ Khả thưa: “Con tìm tâm trọn chẳng thể được!” Đạt Ma nói: “Ta đã an cái tâm cho ông rồi!” Huệ Khả vừa nghe liền đại ngộ. Trong cuộc đối thoại của hai vị, Tổ Đạt Ma nói mà chẳng nói, Huệ Khả nghe mà chẳng nghe.

Tâm là có, chẳng thể bảo là không có, tận hư không, trọn pháp giới, muôn pháp, bách giới, thiên như trong vũ trụ đều do nó biến hiện, nhưng chẳng thể nói muôn pháp trong vũ trụ là thật sự có. Chúng ta thấy chúng thật sự có, vì dùng cái tâm phân biệt để nhìn. Chân tướng là “*Đương Thể tức Không*” (ngay nơi bản thể của chúng là Không). Kinh Lăng Nghiêm khai huệ nói: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*”²⁷. Vẫn phải nói tới sanh diệt, vì

²⁷ [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: Kinh Lăng Nghiêm quyển hai, có câu “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*”, ý nói: Hết thấy tướng huyền hóa trong thế gian đều do một niệm vọng tâm của chúng ta huyền hiện. Câu này chỉ rõ các pháp do nhân duyên sanh, đã không có thực thể, chỉ có giả danh, giả tướng, cho nên bản thể của chúng là không. Tướng huyền hóa tuy giả, nhưng tánh nó vốn chân. Tánh ấy, xét về Thể, là vô tướng, nhưng có thể hiện ra các tướng. Tánh ấy là chỗ nương tựa cho các tướng. Hết thấy tướng đều do Tánh biến hiện. Tánh là chủ thể biến hiện (Năng

không nói sanh diệt, chúng ta sẽ không có cách gì thấu hiểu được. Sanh và diệt là một, chẳng phải hai. Tướng của nó là giả tướng, kinh gọi là Diệu Hữu: “*Chân Không bất không, Diệu Hữu phi hữu*” (Chân Không chẳng phải là không mà Diệu Hữu chẳng phải là hữu). Nếu tâm đạt đến mức thanh tịnh kha khá thì mới có thể phần nào lãnh ngộ được ý nghĩa này. Ví như coi phim, cuộn phim là do từng tấm phim ghép lại, nhưng khi chiếu phim với tốc độ rất nhanh, chỉ thấy hình tướng liên tục, mỗi một giây [ống kính của máy chiếu phim] đóng mở hai mươi bốn lần, kẻ tâm thô, thiếu công phu định lực sẽ

Biến), Tướng là đối tượng được biến hiện (Sở Biến). Tánh là chân thật, không hư vọng, cho nên đặt tên là Thật Tướng. Thật Tướng vô tướng, chẳng phải là không có tướng. Tánh tuy chẳng có tướng, nhưng có thể hiện tướng. Hết thấy tướng đều duyên theo Tánh để khởi, nên nói là “vô bất tướng” (chẳng phải là hoàn toàn không có tướng gì). Đây chính là nhằm biểu thị tướng trạng chân thật của Tánh thể (bản thể của Tánh). Do vậy, Không và Hữu chẳng hai, Tánh và Tướng viên dung, cũng chính là nghĩa lý đã được dạy trong Tâm Kinh: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc*”. Vì thế, pháp sư nói: “*Nếu tâm thanh tịnh đạt đến mức kha khá thì mới có thể lãnh hội Chân Không chẳng phải là Không, Diệu Hữu chẳng phải là Có*”. Các đồng tu sơ cơ đối với câu nói này có thể chẳng hiểu rõ trọn vẹn, nên tôi đặc biệt thêm vào mấy câu đề quý vị tham khảo.

chẳng thể nào phân biệt được! Đức Phật nói giả tướng của vạn hữu trong vũ trụ sanh diệt chỉ trong khoảng khảy ngón tay. Trong một giây có thể khảy ngón tay bốn lần. Trong một khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Do vậy, trong một giây vừa vạn có hai cái mười tám ngàn lần sanh diệt²⁸. Quý vị có thể nào nhận biết nó là giả hay chẳng? Bạc Đại Thừa Bát Địa Bồ Tát công phu định lực sâu dày mới có thể thấy được rõ ràng!

Niệm Phật niệm đến mức “công phu thành phiên” là bước thứ nhất, tiến hơn một bước nữa là “Sự nhất tâm bất loạn”. Tiến thêm bước nữa là niệm đến mức “Lý nhất tâm bất loạn” sẽ thấy được cảnh giới sanh diệt ấy. Tướng đều là huyễn tướng, chẳng phải là chân tướng. Nếu quả thật có

²⁸ Hai cái mười vạn tám ngàn ($2 \times 10.800 = 21.600$). Vì một giây có bốn lần khảy ngón tay, mỗi khảy ngón tay là 60 sát-na, mỗi sát-na có 900 lần sanh diệt, vì thế: $4 \times 60 \times 900 = 21.600$ lần.

thể thấu hiểu hoặc có thể khẳng định thì sẽ hiểu thấu đáo câu kinh Kim Cang sau đây: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Kinh Kim Cang còn dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Ấy là lời chân thật. Pháp hữu vi: Theo như Bách Pháp Minh Môn Luận thì tất cả hết thảy pháp quy nạp thành một trăm pháp, trong ấy chia thành năm loại lớn: Tâm pháp, tâm sở hữu pháp, sắc pháp, bất tương ứng hành pháp, vô vi pháp. Trừ sáu pháp vô vi ra, chín mươi bốn pháp kia đều gọi là hữu vi pháp. Hữu vi pháp đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, như ánh chớp, đây là sự thật. Nếu có thể thật sự tin tưởng thì liền đạt được thanh lương tự tại. Đây chính là sự thụ dụng thật sự trong Đại Thừa Phật pháp.

“*Bách giới*” chính là mười pháp giới được mở rộng ra, trong mỗi một pháp giới lại có đủ mười pháp giới, nên [10x10] thành một trăm giới. “*Thiên như*”: Trong mỗi một giới đều có mười như thị, [khái niệm] này xuất phát từ kinh Pháp Hoa. “*Thập như thị*” là như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mặt cứu cánh đẳng. Mỗi một pháp giới có mười như thị, nên một trăm pháp giới có một ngàn như thị; vì vậy gọi là “*bách giới thiên như*”²⁹.

²⁹ Theo cách giải thích của tông Thiên Thai, “như thị” trong Thập Như Thị diễn tả ý nghĩa hết thảy đều viên dung, xét về bản thể là một. Hiểu đơn giản, Tướng là sự biểu hiện, sự tướng; Tánh là không biến đổi, tức bản tánh nội tại của vật. Thể là bản chất thật sự của Tánh và Tướng (Tánh và Tướng chỉ là hai khía cạnh của Thể, tùy theo nhìn từ góc độ nào), Lực là tác dụng, năng lực của Thể, Tác là biểu hiện, tạo tác của Lực, Nhân là nguyên nhân trực tiếp, Duyên là nguyên nhân gần giúp cho Nhân thành tựu, Bản là tướng trạng ban đầu, Mặt là quả báo cuối cùng. Đẳng là bình đẳng. Nói cách khác, mười món như thị này nói lên trọn vẹn Thể, Tướng, Dụng của các pháp trong thế gian, không thiếu sót một điều nào. Tất cả hữu tình chúng sanh nói quy nạp đều thuộc về mười pháp giới. Trong mười pháp giới, mỗi pháp giới lại có mười pháp giới, nhân lên thành một trăm pháp giới nên gọi là Bách Giới. Con số một trăm này tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn, trùng trùng vô tận. Trong một trăm giới đó, mỗi một pháp đều trọn đủ mười món như thị, nên thành ra một ngàn món như thị (thiên như). Do vậy, “bách giới thiên như” là một từ ngữ phiếm chỉ toàn bộ các pháp và mọi đặc tánh, mọi khía cạnh của chúng.

Đại Thừa Bồ Tát chẳng chấp trước Có, mà cũng chẳng chấp trước Không. Thấp hơn Đại Thừa thì phạm phu chấp Có, Nhị Thừa chấp Không, chấp lệch vào một bên là sai. Chấp Có thì luân hồi trong lục đạo; chấp không sẽ chẳng thể thấy được tánh. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát biết chân tướng sự thật, chẳng chấp bên nào hết. Tâm tánh chẳng thể được, cảnh giới cũng chẳng thể được. “Chẳng thể được” là thật; nếu nghĩ là “có thể được” thì đã hiểu sai rồi! Thân thể của chúng ta và hết thảy muôn pháp đều biến hóa sanh diệt trong từng sát-na, không có một pháp nào có thể được. Nếu thật sự hiểu rõ sâu xa sự thật này thì ý niệm được - mất sẽ nhạt bớt, phiền não, ưu lự có thể giảm thiểu tới tám chín chục phần trăm! Đây là cảnh giới chẳng thể được, sự cũng chẳng thể được. Tâm kinh dạy: “*Vô trí, diệt vô đắc*”, không chỉ Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Bát Giới chẳng thể

được, ngay trí Năng Chứng và pháp được chứng là Bồ Đề Niết Bàn cũng chẳng thể được. Do tâm tánh là Không, Năng Biến (chủ thể biến đổi, tức tâm) đã chẳng thể được, thì Sở Biến (đối tượng bị biến hóa, tức hết thấy vạn pháp trong vũ trụ) làm sao có thể được? Nhập cảnh giới này thì chân tướng sẽ thấu hiểu rành rành, ngộ nhập Thật Tướng thì sẽ tận tình hưởng thụ hết thấy sự vật. Đừng nghĩ chúng là thật sự có, rồi mong chiếm hữu thì cuộc sống trên thế gian sẽ là du hí thần thông.

Bốn tánh tuyệt đối chẳng có tướng hư vọng, “*duyên lục*” là tư tưởng, “*phân biệt*” là kiến giải. Trong tâm tánh không có duyên lục, phân biệt. Cổ đức dạy kẻ sơ học phải khởi sự từ Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là vô tri, cầu đạt tâm thanh tịnh, chứ không chấp thuận quý vị có kiến giải, có tư tưởng. Là hết thấy ngôn ngữ, văn tự, ở mãi trong cảnh giới Định. Người học Phật

hiện thời dồn công sức vào nơi “có hiểu biết, có tư tưởng, có kiến giải”, sai lầm quá đỗi! Dầu học Phật giỏi đến mấy, cũng chỉ có thể gọi là nhà nghiên cứu Phật học lớn, chứ chẳng thể đoạn phiền não, đắc thanh tịnh tâm, liễu sanh tử, thoát tam giới, siêu phàm nhập thánh. Tu học Tịnh Tông khá đặc biệt, ai nấy đều có thể học, môn này không dạy người học trụ tâm nơi Định mà trụ nơi danh hiệu A Di Đà Phật. Trong tâm, trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có một chút gì khác. Đây gọi là “*có Tịnh Độ*”, hễ có Tịnh Độ, ắt sẽ sanh về Tịnh Độ.

Trong lúc học Phật thì vẫn có những chuyện thế gian cần phải làm, mà lại càng phải sốt sắng làm. Phật pháp nằm trong thế gian, chẳng hoại tướng thế gian. Kinh Hoa Nghiêm nói “*sự lý vô ngại, sự sự vô ngại*”. Lý là tâm tánh, vĩnh viễn thanh tịnh. Sự là muôn hình tượng, làm chuyện thế gian đến mức viên mãn. Hoằng pháp

trong hiện thời ắt phải dùng phương pháp cởi mở. Trước mắt, bất luận nam, nữ, già, trẻ, ai nấy đều cầu danh vọng, lợi dưỡng. Nếu quý vị nói học Phật phải buông bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng, sẽ chẳng có ai học. Phải kèm cặp chúng sanh, dùng phương pháp chánh xác để cầu tiếng tăm, lợi dưỡng vừa lòng thỏa ý họ. Điều này hoàn toàn chẳng trái nghịch Phật pháp. Phật pháp vốn dạy con người lìa khổ được vui mà! Hiểu rõ rệt đạo lý sau đây: “*Trong cửa Phật, có cầu ắt ứng. Cầu phú quý, đắc phú quý. Cầu công danh, đắc công danh*”. Gia đình mỹ mãn, xã hội an định, thiên hạ thái bình, điều gì cũng cầu được. Đọc kỹ và làm theo những chỉ dạy trong ba kinh Tịnh Độ thì sẽ đạt được những mục đích ấy.

“Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Ly có, vô tướng. Tức có, vô bất tướng. Bất đắc dĩ, cường danh Thật

Tướng” (Lìa hết thấy tướng chính là hết thấy pháp. Do “lìa”, nên vô tướng. Do “chính là”, nên chẳng phải không có tướng. Bất đắc dĩ, cưỡng gọi là Thật Tướng). Thật Tướng cũng là một danh từ giả danh. Tách lìa tướng danh tự liền thấy được chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Khi chẳng khởi một niệm sẽ thấy được chân tướng, phải dùng nhất tâm thì mới được. Còn dùng ý niệm sẽ là nhị tâm, rồi lại có phân biệt, liền trở thành tam tâm! “*Vô tướng*” là không có phân biệt, vọng tướng, chấp trước, chẳng có tướng hư vọng, chẳng có ý niệm. Chữ “*tức*” ý nói sống ngay trong thế gian này, chẳng tách rời thế gian, chẳng tách lìa, chỉ có thể thụ dụng nó. Hết thấy muôn sự muôn pháp đều tồn tại, là có tướng, nhưng chẳng chấp trước vào những tướng ấy, chúng sẽ chẳng khởi tác dụng phụ, nhưng cũng chẳng thể

buông bỏ nó. Hễ buông bỏ thì lại là chấp vào Không.

“*Thật Tướng chi Thể, phi tịch, phi chiếu, nhi phục tịch, nhi hằng chiếu, chiếu nhi hằng tịch*” (Thể của Thật Tướng chẳng tịch, chẳng chiếu, nhưng lại vừa tịch vừa luôn chiếu, tuy chiếu nhưng luôn tịch): Câu này giảng rõ “không rớt vào hai bên”. Tịch và Chiếu có thể lần lượt làm Thể và Dụng cho nhau. Thật Tướng tức là tâm tánh, bản thể của tâm tánh là Tịch, khởi tác dụng là Chiếu. Cũng có thể nói: Thể của tâm tánh là Chiếu, khởi tác dụng là Tịch. Tịch là vắng lặng³⁰, chẳng sanh một niệm, tức là như Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. “*Chiếu*” là hiểu rõ, vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều hiểu rõ ràng. Thể chẳng phải là Tịch, chẳng phải

³⁰ Theo Viên Anh pháp sư, chữ “vắng lặng” (tịch tĩnh) ở đây hàm nghĩa bất biến. Chiếu hàm nghĩa tùy duyên. Tịch là nói tánh của Thật Tướng, bất biến hàm nghĩa nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm. Nói Tịch hay nói Chiếu đều là phân biệt, còn thuộc trong vòng đối đãi, nên mới nói “*Thể chẳng phải là Tịch, chẳng phải là Chiếu*”.

là Chiếu. Nó vốn chẳng thể nói là Tịch hay Chiếu. Hễ rớt vào Tịch hay Chiếu sẽ khởi lên phân biệt. Thánh nhân thế gian lần xuất thế gian thường dạy chúng ta hãy dùng Trung, tuyệt đối đừng thiên chấp một bên. Tiểu Thừa thiên chấp Không, phàm phu thiên chấp Có. “Trung” là “*tịch nhi hằng chiếu, chiếu nhi hằng tịch*” (là tịch nhưng luôn chiếu, tuy chiếu nhưng luôn tịch)³¹. “*Như như bất động*” là Tịch, “*rõ rệt rành rành*” là Chiếu. Lý luận này hết sức trọng yếu. Khó thể hình dung Thật Tướng, lìa ngôn thuyết, lìa văn tự, lìa tâm duyên³². Ngôn ngữ nói chẳng được, suy

³¹ Để dễ hiểu câu này, xin tạm mượn một cách giải thích của Viên Anh pháp sư: “*Bất biến nhưng tùy duyên, tùy duyên nhưng luôn bất biến*”. Sư còn dùng một hình ảnh như sau: Thể của chân tâm giống như tấm gương. Gương không bị xao động bởi bất cứ hình ảnh nào đối trước nó, người Hồ, người Hán, vật xấu, vật đẹp, gương không phân biệt (đó là Tịch, là “bất biến”), nhưng vật gì soi trước gương, gương đều hiện bóng (đó là chiếu, là tùy duyên). Tức là gương không phân biệt, không xao động bởi hình ảnh, nhưng không mất công năng soi bóng. Tuy soi bóng muôn hình vạn tượng, bản chất của gương không bị thay đổi. Tổ Ngẫu Ích nói “*tịch nhi phục chiếu, chiếu nhi hằng tịch*” nhằm nhấn mạnh hai khía cạnh này tồn tại đồng thời, không tách rời nhau, mà cũng chỉ là nhìn trên phương diện hình tướng vì Thật Tướng chẳng thể nào diễn tả, suy lường được.

³² Chữ “tâm duyên” ở đây hàm nghĩa dùng tâm ý thức phân biệt để suy lường.

ngĩ, tướng tượng cũng chẳng dò lường được. Cổ đức thường nói: “*Khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai*” (Mở miệng liền sai, động niệm liền trật). Khởi tâm động niệm đã chẳng phải là Thể của Thật Tướng, đem Tịch và Chiếu áp dụng vào Thật Tướng cũng chẳng được, nhưng quả thật tồn tại ý nghĩa Tịch và Chiếu. Lặng trong như nước, mặt nước giống như một tấm gương [đó là Tịch], có thể soi bóng những thứ bên ngoài rõ ràng, rành rẽ. Tâm địa thanh tịnh, thông suốt khắp mười phương tam thế, được gọi là Chiếu, còn gọi là “thần thông”, phàm phu chẳng thể thấu hiểu được. Loại năng lực này chẳng phải riêng chư Phật mới có, mà hết thảy chúng sanh đều có, đáng tiếc là đã chôn vùi phần lớn. Hiện thời, mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, đều thuộc về “thần thông”, nhưng năng lực nhỏ nhoi đến mức mắt bị ngăn cách bởi một tờ giấy

sẽ không thể thấy được, khả năng nghe của tai cũng giống như vậy. Năng lực ấy vì sao bị chôn vùi? Chính là do một niệm bất giác mà có vô minh. Vô minh vừa khởi lên, năng lực của Chiếu bị mất đi. Có một niệm khởi, liền bị chướng ngại thành mê, càng mê, càng sâu. Những đạo lý “mê như thế nào, phương cách đả phá sự mê hoặc ấy hòng khôi phục cái tâm thanh tịnh” được sáu kinh, mười một luận³³ của tông Hoa Nghiêm và tông Duy Thức giảng tường tận nhất. Mê là tác dụng của cảm tình, tình càng sâu, mê càng nặng. Tình do mê vọng sanh ra, chính là hư tình giả ý [chắc chắn] sẽ biến đổi. Chiếu là Lý

³³ Tông Duy Thức coi sáu bộ kinh và mười một bộ luận là kinh điển trọng yếu phải nghiên cứu hòng thông hiểu Pháp Tướng: Hoa Nghiêm Kinh, Giải Thâm Mật Kinh, Lăng Già Kinh, Mật Nghiêm Kinh, Như Lai Xuất Hiện Công Đức Trang Nghiêm Kinh và A Tỳ Đạt Ma Kinh. Mười một bộ luận là 1) Du Già Sư Địa Luận 2) Hiền Dương Thánh Giáo Luận 3) Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận 4) Tập Lượng Luận 5) Nhiếp Đại Thừa Luận 6) Thập Địa Kinh Luận 7) Quán Sở Duyên Duyên Luận 8) Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Luận 9) Duy Thức Nhị Thập Luận 10) Biện Trung Biên Luận 11) Phân Biệt Du Già Luận. Đôi khi có những vị giảng sư đề xướng thêm vào danh sách trên đây bộ Duy Thức Tam Thập Luận, tạo thành mười hai luận chủ yếu của tông Duy Thức.

Trí, do Lý Trí sanh ra, vĩnh viễn chẳng biến đổi, Chiếu là chân tình. Phật pháp chẳng dùng chữ Tình, mà dùng một danh từ khác là Từ Bi. Từ Bi sanh từ Tịch và Chiếu, chẳng bị biến đổi.

Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ có năm chữ “*thanh tịnh bình đẳng giác*”, “*thanh tịnh bình đẳng*” là Tịch, “*giác*” là Chiếu, từ đây, sanh ra đại từ, đại bi. Phải như thế nào thì mới có thể khế nhập cảnh giới ấy? Thực hiện từ “thấy thấu suốt, buông xuống”. “Thấy thấu suốt” là trí huệ, “buông xuống” là công phu. Phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc thấy đều buông xuống. Trong cuộc sống thường nhật, sống tùy duyên, được đại tự tại. Đây chính là hạnh phúc chân chánh.

“*Chiếu nhi tịch, cường danh Thường Tịch Quang độ. Tịch nhi Chiếu, cường danh Thanh Tịnh Pháp Thân*” (Tuy tịch mà chiếu nên cường gọi là cõi Thường

Tịch Quang. Tuy Chiếu mà Tịch, cưỡng gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân). Hai câu này ý nói: Một niệm tâm tánh nơi bốn tánh của chúng ta cũng chính là thân và cõi nước của chư Phật Như Lai. Thân và cõi nước chẳng hai, do Tịch và Chiếu chẳng hai, Tịch và Chiếu có thể dùng làm Thể và Dụng lẫn cho nhau, đây là chỗ dựa nguyên thủy để lập luận. Cõi Thường Tịch Quang và Thanh Tịnh Pháp Thân đều thuộc vào bản thể của tâm tánh. Ba thân của Phật, tức Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân là từ Thể mà khởi Dụng, [nói như vậy] dễ thấu hiểu hơn. “Pháp” là hết thấy vạn pháp, hết thấy vạn pháp là chính mình. Thân cũng là một pháp trong vạn pháp. Nghĩa này hết sức khó hiểu. Đức Phật thường dùng mộng huyễn để sánh ví: Trong mộng có các hình tượng biến hiện, mà trong mộng cũng có chính mình. Trừ chính mình ra, có sơn hà, đại địa, lâu, đài,

điện, gác, rất nhiều nhân vật. Cảnh giới trong mộng từ đâu mà có? Mộng do tâm tánh biến hiện ra. Tâm tánh chia ra thành chân và vọng. Mộng là do vọng tâm biến hiện. Những cảnh tượng khác cũng đều do vọng tâm ấy biến hiện. Do đây, có thể lãnh ngộ “toàn bộ giấc mộng ấy vốn là do chính mình [biến hiện]”, toàn thể mộng chính là tâm, đây là điều có thể khẳng định được. Hiện tại, chúng ta đang nằm mộng, y báo, chánh báo trang nghiêm, núi, sông, đại địa trong mười pháp giới đều do tự tâm biến hiện. Trừ chân tâm bản tánh ra, không có một pháp nào để có thể được. Phật và các đại Bồ Tát hiểu biết rõ ràng sự thật này, chúng đắc Pháp Thân, nên các Ngài nhất loạt đối đãi bình đẳng với chúng sanh. Bởi lẽ, hư không pháp giới và chính mình có cùng một Thể, há còn nói tới điều kiện nào nữa ư? Phật, Bồ Tát đối xử chúng sanh là chính mình đối xử chính

mình, vì thế mới “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”. Người đời không biết, La Hán, Bích Chi Phật và Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng hiểu rõ. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đích thân chứng được chân tướng sự thật mới hiểu rõ. Tư tưởng, kiến giải, cách nghĩ, cách nhìn của họ chẳng khác chư Phật Như Lai. Đây gọi là “*nhập Phật tri kiến*”.

“*Tịch chiếu cường danh Báo Thân*” (Tuy tịch mà chiếu nên cường gọi là Báo Thân). Tịch mà chiếu, đây là công phu, tức tâm thanh tịnh khởi tác dụng, tràn đầy trí huệ, trở thành Báo Thân trí huệ, thấy tột cùng trọn khắp hư không pháp giới đều là hiện tượng tịch diệt.

“*Tánh Đức tịch chiếu, danh Pháp Thân. Tu Đức chiếu tịch, danh Báo Thân*” (Tánh Đức tịch mà chiếu, gọi là Pháp Thân. Tu Đức chiếu mà tịch, gọi là Báo Thân). Đây

là dựa theo Tánh và Tu để nói. Tánh là bốn tánh, Chân Như bốn tánh tịch chiếu ai nấy đều có, phàm và thánh giống nhau, nơi Phật chẳng tăng, tại phàm chẳng giảm. Nhưng Tu Đức thì khác nhau, Phật, Bồ Tát có tu hành, hiểu rõ chân tướng của sự thật. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta thì chúng ta nửa tin, nửa ngờ, thậm chí chẳng thể tiếp nhận. “Chiếu” là hiểu rành rẽ, rõ ràng, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng. “Tịch” là như như bất động, đối với cảnh giới chẳng khởi tâm động niệm. Đây gọi là Tự Thụ Dụng Thân. Như như bất động, trọn chẳng có phiền não, thứ gì cũng rõ ràng, đầy áp trí huệ, đây là tự thụ dụng, mà cũng chính là sự hưởng thụ chân chánh của chính mình.

Chúng ta sống rất khổ, phiền não nhiều như vậy, chẳng có Tịch. Trong tâm suy nghĩ lung tung, thứ gì ở bên ngoài cũng chẳng hiểu biết, nên không có Chiếu. Để

giúp đỡ người khác thì chính mình phải Tịch Chiếu, chính mình phải như bất động. Hiểu rõ ràng, rành rẽ cảnh giới bên ngoài thì mới có thể chỉ dạy người khác. Chính mình như như bất động thì mới chẳng bị người khác lôi kéo, cho nên được đại tự tại. Chỉ có Chiếu không có Tịch mà độ chúng sanh và tiếp xúc chúng sanh, hễ tiếng tăm, lợi dưỡng đưa tới thì tham, sân, si, mạn nầy sanh, sẽ bị chúng sanh lôi kéo. Ứng Hóa Thân là Tha Thụ Dụng Thân nhằm giúp đỡ người khác.

“*Thật Tướng vô nhị, diệc vô bất nhị*” (Thật Tướng không hai, mà cũng chẳng không hai). Vũ trụ vạn hữu, vốn là bình đẳng nhất tướng, trong ấy không có sai biệt. Kinh Kim Cang nói đại thiên thể giới là “*nhất hiệp tướng*”³⁴. Vật chất cơ bản

³⁴ Thế giới do các vi trần hợp thành. Nếu tạm vận dụng Vật Lý Học cho dễ hiểu thì “vi trần” là những hạt vật chất cơ bản (elementary particles), nhỏ hơn nguyên tử rất nhiều. Bất cứ vật chất nào trong thế gian đều do vi trần hợp thành nên thế giới không thật sự có (vì do các vi trần hợp thành). Các vi trần nếu chia chẻ ra đến tận cùng thì chúng cũng chẳng còn có gì. Vì thế gọi thế giới là Nhất Hiệp Tướng. Nếu cho rằng

của vạn vật chỉ là một, chỉ là công thức cấu tạo khác nhau. Vì vậy, muôn pháp trong vũ trụ là bình đẳng, đều là một hiệp tướng, không sai biệt. Nếu các nhà khoa học đọc kinh Phật, nhất định họ sẽ bội phục Thích Ca Mâu Ni năm vóc sát đất.

Trông thấy chân tướng của sự thật bình đẳng vô nhị, mà nếu vẫn khởi phân biệt, chấp trước, thị phi, thiện ác thì lầm lẫn quá đỗi rồi! Có kẻ hoài nghi: “Nếu vạn pháp đã là bình đẳng, chẳng hai, cứ sao Phật nói chân tâm và vọng tâm?” Hãy nên biết: Phật nói chân tâm và vọng tâm chính là nói phương tiện. Nếu nói chân thật, sẽ chẳng mở miệng. Những điều Ngài đã nói trong suốt bốn mươi chín năm đều là nói phương tiện. Phải từ lời nói phương tiện mà ngộ nhập chân thật, chớ nên chấp vào những danh tướng đức Phật đã nói. Nghe

chúng thật sự không có thì lại trở thành chấp Không, vì thế giới có hiện hữu (tuy là giả tướng).

kinh phải nghe bằng cái tâm thanh tịnh, chớ nên suy tưởng. Hễ suy tưởng thì ngộ môn (sự ngộ giải của người nghe) liền bị đóng lại. Nếu học tập Phật pháp giống như học pháp thế gian thì sẽ biến thành “Phật học”, chứ không phải là “học Phật”. Học Phật phải khai ngộ, phải học cái tâm thanh tịnh, phải học Tịch Chiếu. Trước hết, nói ra nguyên lý, sau đây mới thực hiện trên phương diện sự tướng.

“*Thế*” là Thật Tướng, tức tâm tánh. “*Y*” là y báo, “*chánh*” là thân thể. Pháp là Pháp Thân, Báo là Báo Thân, cũng do tự tánh biến hiện. Tự là chính mình, Tha là người khác. Tự Tha bất nhị. Giúp đỡ người khác chính là giúp đỡ chính mình. “*Năng thuyết*” (người nói kinh này) là Thích Ca Mâu Ni Phật, “*sở thuyết*” (những điều được nói đến) là A Di Đà Phật, tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. “*Năng độ*” (người hóa độ) là chư Phật,

“*sở độ*” (kẻ được hóa độ) là chúng sanh. “*Năng tín*” là cái tâm của ta, “*sở tín*” là pháp môn này. “*Năng nguyện*” là sự hâm mộ, mong mỏi của chính mình, “*sở nguyện*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Năng trì*” là thân, khẩu, ý, thân lễ Phật, miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, “*sở trì*” là một câu Phật hiệu “*nam-mô A Di Đà Phật*”. “*Năng sanh*” là điều kiện để có thể vãng sanh, tức Tín - Nguyện - Hạnh; “*sở sanh*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ở Tây Phương có bốn loại Tịnh Độ, nhưng bốn loại này dung hợp thành một. Đã sanh về một cõi thì sẽ sanh trong hết thảy cõi, chỉ có Tây Phương thù thắng như vậy! “*Năng tán*” là mười phương chư Phật Như Lai, “*sở tán*” là Tây Phương Tịnh Độ. Những điều này đều là Thật Tướng, đức Phật thuyết pháp cho chúng ta đã dựa vào một điều duy nhất, tức là Thật Tướng.

Ở đây, tôi lại nói rõ cùng các vị đồng tu. Lý này thông với hết thấy tất cả các kinh Đại Thừa, đó gọi là “*một kinh thông, hết thấy các kinh thông*”. Chẳng phải chỉ như vậy, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian cũng đều có thể thông đạt; bởi lẽ, không có một pháp nào chẳng do tâm tánh biến hiện ra. Bạc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Hiểu rõ lý này, cái tâm tu học sẽ ổn định, chẳng còn suy nghĩ Thiên Thai cũng rất hay, hoặc là Thiên Tông cũng khá lắm, đều muốn học hết. Tông Môn, Giáo Hạ, bất cứ tông phái nào nếu có khế nhập thì đều có thể thành tựu, nhưng ắt cần phải chuyên tu. Chuyên tu sẽ dễ thành tựu! Từ xưa, những bậc đại đức tuy tu những pháp môn khác nhau, nhưng phương hướng, mục tiêu giống nhau, đôi bên khen ngợi lẫn nhau. Con

người học Phật hiện thời thường là khen ngợi bản thân, hủy báng người khác³⁵.

Phụ Chú:

Lời giảng của Hòa Thượng rất chi tiết, nhưng nói hơi rộng nên có thể khiến cho những vị đồng tu nếu có cùng căn tánh kém hèn như mặt nhân khó thể hiểu những điều giảng giải trong sách Yếu Giải. Mặt nhân phải đọc đi đọc lại, đồng thời tham

³⁵ [Ghi chú của cư sĩ Lưu Thừa Phù] Sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, văn lẫn nghĩa rất sâu, may nhờ pháp sư phân tích đến mức tinh vi nên mới nắm được đại ý một cách sơ lược. Đoạn văn trên đây thuộc về phần Biện Thể trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, tợ hồ chỉ coi Thật Tướng là Thể, chưa đề cập đến những thứ khác. Trong lời chú giải, đại sư cũng nói các pháp Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Chánh Thể, nhưng Thể của mỗi bộ kinh Đại Thừa cũng sẽ có đặc tánh riêng biệt. Tôi cho rằng phần lớn A Di Đà Kinh thuật bày công đức trang nghiêm trong cõi Cực Lạc. Nếu nói tổng quát, thì kinh này lấy Thật Tướng làm Thể. Nếu chuyên dựa trên kinh này để luận thì lấy sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong cõi nước Tây Phương làm Thể của kinh so ra sát sao hơn. Do vậy, chẳng nề hà quê kệch, tôi dùng những phần kinh văn đã có, viết nháp thành những tiêu đề nhỏ đơn giản, rõ ràng cho phần Ngũ Trùng Huyền Nghĩa nhằm giúp cho kẻ sơ cơ dễ hiểu. Đúng sai, thích đáng hay chẳng, kính xin sư phụ xét soi, sửa đổi.

1. Thích Danh (giải thích tên kinh): A Di Đà Phật, Vô Lượng Quang Thọ.
2. Biện Thể (biện định về Thể): Tây Phương quốc độ, y chánh trang nghiêm.
3. Minh Tông (nêu rõ Tông): Tín nguyện trì danh, nhất thừa diệu quả.
4. Minh lực dụng (thuật lực dụng): Vãng sanh bất thoái, chứng trọn vẹn bốn cõi.
5. Phán giáo tướng (phán định giáo tướng): Tối cực viên đôn, thích hợp cả ba căn.

chiếu hai tác phẩm giải thích Yếu Giải của pháp sư Bảo Tịnh và pháp sư Viên Anh, mới tạm thấu hiểu chút phần. Xin ghi lại tóm tắt những điều mật nhân cảm nhận nông cạn về đoạn văn Yếu Giải trên đây với ước vọng giúp cho những đồng tu có cùng căn tánh tệ hại như mật nhân có thể hiểu được phần nào lời dạy của Tổ và Hòa Thượng Tịnh Không (đây chỉ là những điều chúng tôi cảm nhận qua lăng kính kiến giải u tối, đầy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, suy đoán ngông cuồng của chính mình, rất có thể đã hiểu sai bét ý Tổ và ý Hòa Thượng. Kính xin những vị thiện tri thức phủ chánh cho):

- Tịch: Vắng lặng, bất biến, diễn tả đặc tánh không bị biến đổi bởi trần cảnh hay bất cứ nguyên nhân nào của bản thể (tạm gọi là Thật Tướng).

- Chiếu: Khả năng nhận biết muôn pháp và hết thấy sự vật rõ ràng.

- Chân tâm (Thật Tướng, Chân Như, bản tánh v.v...) bất biến nhưng luôn nhận biết sự vật không sai lầm, không mê hoặc, tuy nhận biết sự vật rõ ràng nhưng không vướng mắc, không bị sự vật ô nhiễm. Do chân tâm vượt ngoài đối đãi, thấy nó có Chiếu hay có Tịch đều chỉ là nhìn từ một khía cạnh, không thể nói chân tâm là Tịch hay Chiếu được. Tuy vậy, chân tâm luôn trọn đủ ý nghĩa Tịch và Chiếu, nên chân tâm cũng chẳng thể tách rời Tịch và Chiếu được. Điều này diễn tả bằng câu “*bất biến nhưng tùy duyên, tùy duyên nhưng bất biến*” hoặc nói như Yếu Giải “*phi tịch, phi chiếu, nhi phục tịch, nhi hằng chiếu, chiếu nhi hằng tịch*” (chẳng phải tịch, chẳng phải chiếu, nhưng lại vừa tịch vừa luôn chiếu, tuy chiếu nhưng luôn tịch).

- Những danh từ như Thường Tịch Quang, Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân, Thụ Dụng Thân, Ứng Hóa Thân là những danh từ được đặt ra nhằm diễn tả một khía cạnh nào đó của Thật Tướng, vì tất cả đều do Thật Tướng biến hiện.

- Nhấn mạnh đến khía cạnh “*tùy duyên nhưng bất biến*” của Thật Tướng, ta có Thường Tịch Quang Độ. Tuy gọi là cõi, nhưng đây chỉ là cảnh giới chứng đắc của bậc Pháp Thân đại sĩ và chư Phật, chứ không phải là một cõi về mặt sự tướng. Tâm các vị ấy thấu hiểu vạn pháp, nhận biết vạn pháp, nhưng không ô nhiễm bởi phân biệt, chấp trước, suy lường, thành kiến, có thể sự sự vô ngại, nên gọi cảnh giới ấy là Thường Tịch Quang. Do vậy, Yếu Giải ghi “*Chiếu nhi Tịch, cưỡng danh Thường Tịch Quang độ*” (Tùy duyên

nhưng vẫn bất biến thì cưỡng gọi là cõi Thường Tịch Quang).

- Nhấn mạnh đến khía cạnh “*bất biến nhưng tùy duyên*” của Thật Tướng, thì gọi là Pháp Thân. Pháp Thân không có hình tướng, nó là Lý Thể. Lý ấy bất biến, thường hằng, dung thông muôn pháp, tồn tại trong vạn pháp. Chúng sanh đang mê thì Pháp Thân vẫn không mất, chư Phật chứng quả viên mãn, Pháp Thân vẫn không tăng thêm. Pháp Thân có thể lưu lộ vô lượng tánh đức (nên gọi là tùy duyên). Do vậy Yếu Giải ghi: “*Chiếu nhi Tịch, cưỡng danh Thanh Tịnh Pháp Thân*”.

- Nếu từ Dụng nhìn ngược lại Thể, thì Thật Tướng có tác dụng vô biên không chướng ngại, nhưng không vì thế mà nó biến đổi nên gọi là Pháp Thân, nhấn mạnh đến ý nghĩa “vô tướng” của Thật Tướng. Do vậy, sách Yếu Giải ghi “*Chiếu tịch,*

cưỡng danh Pháp Thân” nhấn mạnh ý nghĩa Tịch.

- Lại từ Thể nhìn ra Dụng, chú trọng nơi Dụng. Thật Tướng tuy bất biên, nhưng có vô biên tác dụng, tác dụng ấy là trí huệ tràn đầy, không gì chẳng biết, giống như gương tuy rộng rang mà vẫn có thể chiếu soi vô ngại tất cả sự vật. Thật Tướng vô tướng (rộng rang, không lệ thuộc hình tướng), nhưng không trở ngại tướng nào, tràn đầy trí huệ, nhấn mạnh ý nghĩa Thật Tướng tuy vô tướng nhưng chẳng phải là chẳng có tướng gì (có tướng, nhưng không vướng mắc, trệ ngại nơi hình tướng) nên sách Yếu Giải bảo “*Tịch chiếu cưỡng danh Báo Thân*”, tức nhấn mạnh vào ý nghĩa Chiếu.

- Tiếp đó, nhìn vào phương diện đức năng, tức vô biên phẩm đức (công dụng, đặc tánh) của Thật Tướng để luận định. Xét theo Lý thì những đức năng ấy gọi là

Tánh Đức. Do Thật Tướng bất biến, nhưng có vô lượng vô biên đức năng, ai cũng sẵn đủ vô lượng vô biên các đức năng ấy. Nhân mạnh đến khía cạnh “xét theo Lý (tức theo chân lý tuyệt đối), ai cũng có sẵn vô lượng đức năng trong tự tánh”, sự thật ấy tạm gọi là Pháp Thân, nên sách Yếu Giải ghi “*Tánh đức tịch chiếu, danh Pháp Thân*”.

- Tuy sẵn đủ đức năng nơi tự tánh, nhưng do đang mê hoặc, chấp trước, chúng sanh không thể thụ dụng được, phải tu tập để trừ khử vọng tưởng, chấp trước, phân biệt (kinh diễn tả điều này là phiền não, hoặc Tam Hoặc v.v..), hòng khôi phục đức năng. Đức năng do tu tập mà đạt được từng phần gọi là Tu Đức. Do tu tập, sẽ dần dần khôi phục trọn vẹn đức năng, các đức năng ấy chính là Dụng của Thật Tướng, vô biên lực dụng, không gì chẳng hiểu thấu nhưng chân tâm bất biến, bất

biến nhưng vẫn tùy duyên. Nhấn mạnh đến sự khôi phục đặc tánh “tùy duyên nhưng bất biến” sau khi tu tập viên mãn, chúng đấng Phật Quả nên gọi là Báo Thân. Do vậy, sách Yếu Giải ghi là “*Tu Đức chiếu tịch, danh Báo Thân*”.

- Xét riêng phương diện Chiếu, vận dụng lực dụng của Chiếu để độ sanh, nhấn mạnh đến khía cạnh Giác Tha hay Giác Hạnh Viên Mãn nơi quả vị Phật mà có giả danh là Thụ Dụng Thân và Ứng Hóa Thân.

- Thụ Dụng Thân chính là tên gọi khác của Báo Thân, chỉ nhấn mạnh đến khía cạnh lực dụng vô ngại, được khôi phục trọn vẹn sau khi tu tập viên mãn, chúng nhập bản tánh chân thường bất biến (Tịch) của Thật Tướng, do vậy độ sanh không điều kiện, không gì chẳng thể làm, không gì chẳng thể biết, không chúng sanh nào chẳng độ. Do vậy, sách Yếu Giải ghi là

“Tu Đức tịch chiếu, danh Thụ Dụng Thân”.

- Tuy độ sanh vô tận, nhưng không thấy có chúng sanh đê độ, chúng sanh và mình cùng một thể, thuyết pháp không gián đoạn nhưng không thấy có người nói pháp, không có người nghe pháp, không có pháp để nói v.v... Nói cách khác, đây là “tùy duyên nhưng bất biến”, dẫu độ sanh nhưng chẳng rời tự tánh, là cảm ứng đạo giao, giống như gõ vào chuông thì chuông bèn ngân. Do vậy, sách Yếu Giải ghi là *“Tu Đức chiếu tịch, danh Ứng Hóa thân”.*

- Qua những điều trên đây, mọi khái niệm chủ thể (Năng) và đối tượng được tác động (Sở), mọi khái niệm tương đối như thân và cõi nước, y báo và chánh báo v.v... đều chỉ là những khía cạnh nhìn từ hình tướng khác nhau của Thật Tướng, tùy theo cách nhìn theo khía cạnh nào mà có một khái niệm, một pháp ấy, chớ nên

chấp trước. Nhằm khuyên hành giả phá trừ mọi chấp trước đối đãi nên tổ Ngẫu Ích mới viết: “*Tịch Chiếu bất nhị, thân độ bất nhị, chân ứng bất nhị, vô phi Thật Tướng, Thật Tướng vô nhị*”. Rồi lại sợ chúng sanh chấp vào quả thật có một cái “*bất nhị*”, nên lại viết “*diệc vô bất nhị*” (mà cũng chẳng không hai). Tiếp đó, Tổ chỉ rõ bản chất chân thật của mọi pháp là Thật Tướng, do Thật Tướng biến hiện nên mới viết: “*Cử thể tác y, tác chánh, tác tự, tác tha...*” Phải từ những điều ấy, chúng nhập Thật Tướng nên mới viết “*vô phi Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn dã*” (không gì chẳng được chánh ấn Thật Tướng in vào).

3.3. Minh Tông (nêu rõ Tông)

(Giải) Đệ tam, minh Tông. Tông thị tu hành yếu kính, hội Thể xu cơ, nhi vạn

hạnh chi cương lãnh dã. Đề cương, tắc chúng mục trương; khiết lãnh, tắc khâm tỵ chí. Cố Thể hậu, ưng tu biện Tông. Thử kinh dĩ “tín nguyện trì danh” vi tu hành chi tông yếu. Phi Tín, bất túc khai Nguyên. Phi Nguyên, bất túc đạo Hạnh. Phi trì danh diệu hạnh, bất túc mãn sở nguyện, nhi chứng sở tín. Kinh trung, tiên trần y chánh dĩ sanh Tín. Thứ khuyến phát nguyện dĩ đạo Hạnh. Thứ thị trì danh dĩ kính đấng Bất Thoái. Tín tắc tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, tín lý. Nguyên tắc yếm lý Sa Bà, hân cầu Cực Lạc. Hạnh tắc chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.

Tín Tự giả, tín ngã hiện tiền nhất niệm chi tâm, bốn phi nhục đoàn, diệt phi duyên ảnh. Thụ vô sơ hậu, hoành tuyệt biên nhai. Chung nhất tùy duyên, chung nhất bất biến. Thập phương hư không vi trần quốc độ, nguyên ngã nhất niệm tâm

*trung sở hiện vật. Ngã tuy hôn mê, đảo
hoặc, cầu nhất niệm hồi tâm, quyết định
đắc sanh tự tâm
bốn cụ Cực Lạc, cánh vô nghi lự. Thị
danh Tín Tự.*

*Tín Tha giả, tín Thích Ca Như Lai
quyết vô cuống ngữ, Di Đà Thế Tôn
quyết vô hư nguyện, lục phương chư
Phật quảng trường thiết, quyết vô nhị
ngôn. Tùy thuận chư Phật chân thật
giáo hối, quyết chí cầu sanh, cánh vô
nghi hoặc. Thị danh Tín Tha.*

*Tín Nhân giả, thâm tín tán loạn xưng
danh, do vi thành Phật chủng tử, hưởng
nhất tâm bất loạn, an đắc bất sanh Tịnh
Độ? Thị danh Tín Nhân.*

*Tín Quả giả, thâm tín Tịnh Độ, chư
thiện tụ hội, giai từng Niệm Phật tam-
muội đắc sanh, như chủng qua đắc qua,
chủng đậu đắc đậu. Diệc như ảnh tất tùy*

hình, hưởng tất ứng thanh, quyết vô hư khí. Thị danh Tín Quả.

Tín Sự giả, thâm tín chỉ kim hiện tiền nhất niệm bất khả tận cố. Y tâm sở hiện thập phương thế giới, diệc bất khả tận. Thật hữu Cực Lạc quốc tại thập vạn ức độ ngoại, tối cực thanh tịnh trang nghiêm, bất đồng Trang Sinh ngụ ngôn. Thị danh Tín Sự.

Tín Lý giả, thâm tín thập vạn ức độ, thật bất xuất ngã kim hiện tiền giới nhĩ nhất niệm tâm ngoại. Dĩ ngô hiện tiền nhất niệm tâm tánh thật vô ngoại cố. Hựu thâm tín Tây Phương y, chánh, chủ, bạn, giai ngô hiện tiền nhất niệm tâm trung sở hiện ảnh. Toàn Sự tức Lý, toàn vọng tức chân, toàn Tu tức Tánh, toàn Tha tức Tự. Ngã tâm biến cố, Phật tâm diệc biến. Nhất thiết chúng sanh tâm tánh diệc biến. Thí như nhất thất thiên đăng, quang quang hỗ biến, trùng trùng

giao nhiếp, bất tương phương ngại. Thị danh Tín Lý.

Như thử tín dĩ, tác Sa Bà tức tự tâm sở cảm chi uế, nhi tự tâm uế, lý ưng yếm ly. Cực Lạc tức tự tâm sở cảm chi tịnh, nhi tự tâm tịnh, lý ưng hân cầu. Yếm uế, tu xả chí cứu cánh, phương vô khả xả. Hân tịnh, tu thủ chí cứu cánh, phương vô khả thủ. Cổ Diệu Tông vân: “Thủ xả nhược cực, dĩ bất thủ xả diệt phi dị triệt”. Thiết bất tòng Sự thủ xả, đản thượng bất thủ bất xả, tức thị chấp Lý phế Sự. Kỳ phế u Sự, Lý diệt bất viên. Nhược đạt toàn Sự tức Lý, tác thủ diệt tức Lý, xả diệt tức Lý. Nhất thủ, nhất xả, vô phi pháp giới. Cổ thứ Tín nhi minh Nguyễn dã.

Ngôn chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn giả. Danh dĩ triệu đức. Đức bất khả tư nghị cố, danh hiệu diệt bất khả tư nghị. Danh hiệu công đức bất khả tư

*ngộ cố, sử tán xưng vi Phật chủng, chấp
trì đấng Bất Thoái dã. Nhiên chư kinh
thị Tịnh Độ hạnh, vạn biệt thiên sai.
Như Quán Tượng, Quán Tướng, Lễ Bái,
Cúng Dường, Ngũ Hối, Lục Niệm đấng;
nhất nhất hạnh thành, giai sanh Tịnh
Độ. Duy Trì Danh nhất pháp, thâm cơ tối
quảng, hạ thủ tối dị. Cổ Thích Ca từ tôn
vô vấn tự thuyết, đặc hướng Đại Trí Xá
Lợi Phát niệm xuất, khả vị phương tiện
trung đệ nhất phương tiện, liễu nghĩa
trung vô thượng liễu nghĩa, viên đốn
trung tối cực viên đốn. Cổ vân: “Thanh
châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất
đắc bất thanh. Phật hiệu đầu ư loạn tâm,
loạn tâm bất đắc bất Phật dã”. Tín
nguyện trì danh, dĩ vi Nhất Thừa chân
nhân. Tứ chủng Tịnh Độ, dĩ vi Nhất
Thừa diệu quả. Cử nhân, tác quả tất tùy
chi. Cổ dĩ “tín nguyện trì danh” vi kinh
chánh tông. Kỳ tứ chủng Tịnh Độ chi*

trưởng, trưởng tại Diệu Tông Sao, cập Phạm Võng Huyền Nghĩa, tư bất cụ thuật. Sĩ hậu, thích y chánh văn trung, đương lược thị nhĩ.

(解) 第三。明宗。宗是修行要徑。會體樞機。而萬行之綱領也。提綱則眾目張。挈領則襟袖至。故體後應須辨宗。此經以信願持名。為修行之宗要。非信不足啟願。非願不足導行。非持名妙行。不足滿所願。而證所信。經中先陳依正以生信。次勸發願以導行。次示持名以徑登不退。信則信自。信他。信因。信果。信事。信理。願則厭離娑婆。欣求極樂。行則執持名號。一心不亂。信自者。信我現前一念之心。本非

肉團。亦非緣影。豎無初後。橫絕邊涯。終日隨緣。終日不變。十方虛空微塵國土。元我一念心中所現物。我雖昏迷倒惑。苟一念回心。決定得生。自心本具極樂。更無疑慮。是名信自。信他者。信釋迦如來。決無誑語。彌陀世尊。決無虛願。六方諸佛廣長舌。決無二言。隨順諸佛。真實教誨。決志求生。更無疑惑。是名信他。信因者。深信散亂稱名。猶為成佛種子。況一心不亂。安得不生淨土。是名信因。信果者。深信淨土。諸善聚會。皆從念佛三昧得生。如種瓜得瓜。種豆得豆。亦如影必隨形。響必應聲。決無虛棄。是名

信果。信事者。深信只今現前一念不可盡故。依心所現。十方世界。亦不可盡。實有極樂國。在十萬億土外。最極清淨莊嚴。不同莊生寓言。是名信事。信理者。深信十萬億土。實不出我今現前。介爾一念心外。以吾現前一念心性。實無外故。又深信。西方依正主伴。皆吾現前一念心中所現影。全事即理。全妄即真。全修即性。全他即自。我心遍故。佛心亦遍。一切眾生心性亦遍。譬如一室千燈。光光互遍。重重交攝。不相妨礙。是名信理。如此信已。則娑婆即自心所感之穢。而自心穢。理應厭離。極樂即自心所感之淨。而自心

淨。理應欣求。厭穢。須捨至究竟。方無可捨。欣淨。須取至究竟。方無可取。故妙宗云。取捨若極。與不取捨。亦非異轍。設不從事取捨。但尚不取不捨。即是執理廢事。既廢於事。理亦不圓。若達全事即理。則取亦即理。捨亦即理。一取一捨。無非法界。故次信而明願也。言執持名號。一心不亂者。名以召德。德不可思議故。名號亦不可思議。名號功德不可思議故。使散稱為佛種。執持登不退也。然諸經示淨土行。萬別千差。如觀像。觀想。禮拜。供養。五悔。六念等。一一行成。皆生淨土。唯持名一去。收機最廣。下手最

易。故釋迦慈尊。無問自說。特向大智舍利弗拈出。可謂方便中。第一方便。了義中。無上了義。圓頓中。最極圓頓。故云清珠投於濁水。濁水不得不清。佛號投於亂心。亂心不得不佛也。信願持名。以為一乘真因。四種淨土。以為一乘妙果。舉因則果必隨之。故以信願持名。為經正宗。其四種淨土之相。詳在妙宗鈔。及梵網玄義。茲不具述。俟後釋依正文中。當略示耳。

(Giải: Thứ ba là nêu rõ Tông. Tông là con đường trọng yếu để tu hành, là mấu chốt để thấu hiểu Thế, là cương lĩnh của muôn hạnh. Giờ cái lưới lên thì các mắt lưới đều căng ra, nắm cổ áo thì tay áo

xuôi theo. Vì thế, sau phần Thế, cần phải biện định Tông. Kinh này lấy Tín Nguyên Trì Danh làm tông yếu tu hành. Nếu không có Tín, sẽ chẳng đủ để khơi gợi Nguyên. Không có Nguyên, sẽ chẳng đủ để hướng dẫn Hạnh. Không có diệu hạnh Trì Danh, chẳng đủ để thỏa mãn Nguyên, hòng chứng thực Tín. Trong kinh, trước hết nêu bày y báo, chánh báo để sanh lòng tin. Kế đó là khuyên phát nguyện để hướng dẫn Hạnh, tiếp đến là dạy Trì Danh hòng mau đạt lên Bất Thoái. Tín là tín Tự, tín Tha, tín Nhân, tín Quả, tín Sự, tín Lý. Nguyên thì chán lìa Sa Bà, vui ưa Cực Lạc. Hạnh thì chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.

Tín Tự là tin cái tâm một niệm hiện tiền của ta vốn chẳng phải là quả tim thịt, cũng chẳng phải là duyên ảnh (bóng dáng của các duyên), theo chiều dọc thì chẳng có trước sau, theo chiều ngang thì trọn

không ngăn mé. Suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến. Các cõi nước trong mười phương hư không số nhiều như vi trần vốn chỉ là vật được biến hiện trong một niệm tâm của ta. Ta tuy hôn mê, điên đảo, mê hoặc, nhưng nếu một niệm hồi tâm sẽ quyết định được sanh về cõi Cực Lạc sẵn có trong tự tâm, chẳng còn ngờ vực gì! Đây gọi là Tín Tự (tin vào chính mình).

Tín Tha là tin Thích Ca Như Lai quyết chẳng nói dối, Di Đà Thế Tôn quyết chẳng nguyện xuống, tướng lưỡi rộng dài của sáu phương chư Phật quyết chẳng nói hai lời. Tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật, quyết chí cầu vãng sanh, chẳng còn ngờ vực gì, đây gọi là Tín Tha (tin vào người khác).

Tín Nhân là tin tưởng sâu xa, tâm tán loạn xưng danh vẫn còn tạo nên hạt giống thành Phật [trong tương lai], hướng hồ nhất tâm bất loạn, lẽ nào chẳng được

sanh về Tịnh Độ? Đây gọi là Tín Nhân (tin vào cái nhân).

Tín Quả là tin tưởng Tịnh Độ sâu xa là nơi các vị thiện nhân tụ hội, đều do Niệm Phật tam-muội mà được vãng sanh, như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, cũng như bóng nương theo hình, tiếng vang ứng theo âm thanh, quyết chẳng luống uổng. Đó gọi là Tín Quả (tin vào quả).

Tín Sự là tin tưởng sâu xa, chỉ một niệm hiện tiền trong hiện tại đã chẳng thể cùng tận, nên mười phương thế giới do tâm biến hiện cũng chẳng thể cùng tận. Quả thật có cõi Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, thanh tịnh, trang nghiêm tốt bậc, chẳng giống như chuyện ngụ ngôn của Trang Sinh (Trang Tử). Đó gọi là Tín Sự (tin vào Sự).

Tín Lý là tin tưởng sâu xa mười vạn ức cõi thật sự chẳng ngoài một tâm niệm nhỏ

nhoi của ta trong hiện tiền, bởi một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta quả thật chẳng có gì ra ngoài nó được. Lại tin sâu xa rằng y báo, chánh báo, chủ, bạn trong cõi Tây Phương đều là bóng dáng hiện trong một niệm tâm hiện tiền của ta. Toàn thể Sự chính là Lý, toàn thể Vọng chính là Chân, toàn thể Tu chính là Tánh, toàn thể Tha chính là Tự. Do tâm ta trọn khắp, tâm Phật cũng trọn khắp, mà tâm tánh của hết thảy chúng sanh cũng trọn khắp. Ví như một ngàn ngọn đèn thắp trong một căn phòng, ánh sáng đan xen trọn khắp, trùng trùng giao thoa với nhau, chẳng hề ngăn ngại. Đây gọi là Tín Lý (tin vào Lý).

Đã tin như thế rồi thì Sa Ba chính là như uế do chính tâm mình cảm thành, đối với sự như uế trong tự tâm, theo đúng lý phải nên chán lìa. Cực Lạc chính là sự thanh tịnh do tự tâm cảm vời, đối với sự

thanh tịnh trong tự tâm, theo đúng lý phải nên ưa cầu. Chán uế thì phải bỏ đến rốt ráo, mới không còn có gì để bỏ được nữa. Ưa tịnh thì phải giữ lấy đến mức rốt ráo thì mới không còn gì để giữ lấy nữa. Vì thế, sách Quán Kinh Diệu Tông Sao có câu: “Nếu lấy và bỏ đến mức cùng cực thì sẽ hoàn toàn không khác gì chẳng lấy, chẳng bỏ”. Nếu chẳng dựa trên mặt Sự để lấy, bỏ, chỉ chuộng “chẳng lấy, chẳng bỏ” thì chính là chấp Lý phé Sự. Đã phé Sự thì Lý cũng chẳng trọn vẹn. Nếu thấu hiểu toàn thể Sự chính là Lý thì lấy cũng chính là Lý, mà bỏ cũng chính là Lý. Một lấy, một bỏ không gì chẳng phải là pháp giới. Vì thế, sau Tín phải nói rõ về Nguyên.

Nói đến “chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”, Danh để vời đức, do đức chẳng thể nghĩ bàn, nên danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Do danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, nên khiến cho tâm tán

loạn xưng danh vẫn tạo thành hạt giống Phật, hễ chấp trì danh hiệu bèn đạt Bất Thoái. Nhưng các kinh dạy hạnh Tịnh Độ muôn ngàn sai khác, như Quán Tượng, Quán Tướng, Lễ Bái, Cúng Dường, Ngũ Hối, Lục Niệm v.v... Mỗi một hạnh hễ thành tựu thì đều sanh về Tịnh Độ. Chỉ có pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rộng nhất, thực hiện dễ dàng nhất, nên Thích Ca Từ Tôn chẳng ai hỏi mà tự nói, đặc biệt hướng đến Đại Trí Xá Lợi Phật nêu bày. Pháp Trì Danh đáng gọi là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, là vô thượng liễu nghĩa trong các liễu nghĩa, là viên đốn tối cực trong các pháp viên đốn. Vì thế nói: “Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; Phật hiệu gieo vào loạn tâm, loạn tâm chẳng thể không trở thành tâm Phật”. Tín nguyện trì danh là cái nhân chân thực của Nhất Thừa, là chánh tông của kinh. Tướng

trạng của bốn cõi Tịnh Độ đã được giảng tường tận trong bộ Diệu Tông Sao và Phạm Võng Huyền Nghĩa, ở đây, tôi không trình bày cặn kẽ, đợi đến đoạn sau, trong phần giải thích kinh văn sẽ trình bày đại lược).

Phần thứ ba là giảng về Tông. “Tông” (宗) là tông chỉ tu hành. Khế nhập Lý Thể của tâm tánh chính là mấu chốt trọng yếu nhất, mà cũng là cương lĩnh của muôn hạnh. Kinh này lấy “*tín nguyện trì danh*” làm mục tiêu tu hành. Muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì hãy nên có mức độ hiểu biết Tây Phương kha khá. Tin cõi ấy có thật, tâm mong sanh về đó thì mới có thể sanh khởi. Nếu không có ý nguyện mạnh mẽ, làm sao chịu tu? Đã có ý nguyện thì cần phải có chân tâm niệm Phật mới đạt hiệu quả. Do hành đã lâu nên trong hiện thời đạt được hiệu nghiệm là

phiền não giảm thiểu, trí huệ tăng trưởng. Trong tương lai, khi lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, liên hoa hóa sanh, trông thấy cảnh tượng cõi Tây Phương mới biết Phật chẳng nói dối.

Kinh văn của kinh A Di Đà không dài, nhưng luận theo mặt nghĩa lý thì nó chẳng khác gì Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Vì thế, nó được gọi là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, tức là bản rút gọn, cô đọng của kinh Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà được chia thành ba đoạn lớn, trước hết, giới thiệu tình trạng của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Y báo*” là hoàn cảnh vật chất của thế giới ấy. “*Chánh báo*” là tình hình con người nơi đó. Kinh mô tả Tây Phương tốt đẹp tột bậc, không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui, chúng ta phải nên tin tưởng như thế nào? Kinh dạy: Phật là bậc chân ngữ (tức không nói lời giả tạo), là bậc thật ngữ (tức không bịa

chuyện), là bậc như ngữ (tức lời nói hoàn toàn phù hợp sự thật, nói đúng như điều Ngài đã chứng), là bậc bất cuống ngữ (chẳng nói dối), trọn chẳng lừa dối chúng sanh. Đức Phật dạy: “*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà*” (Có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà). Ngẫu Ích đại sư tự xưng là Tây Hữu cũng do dựa theo hai chữ Hữu [trong hai câu kinh này]. Trong đoạn trước, tôi đã nói Ngài cũng quả thật là bậc đến cõi này nhằm chứng minh. Vào thời Đông Tấn, ngài Lô Sơn Huệ Viễn là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Tông, cả đời Ngài ba lần thấy thế giới Cực Lạc, tương trạng hoàn toàn giống hệt như kinh Phật đã dạy. Tuy ba lần trông thấy, nhưng chưa từng nói ra, đến khi vãng sanh mới bảo cho đệ tử biết.

Sanh về Tây Phương có bốn điều lợi ích:

1. Thọ mạng dài: Trong thế giới này, thọ mạng quá ngắn, làm chuyện gì cũng không đủ thời gian. Nếu muốn thành Phật, ắt phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, quá dài! Nếu sanh về Tây Phương, thọ mạng vô hạn. Dầu thời gian để thành Phật dài lâu đến mấy cũng chẳng bị trở ngại.

2. Thấy Phật: Phật là vị thầy giỏi nhất, mà cũng là bậc đại thiện tri thức tốt nhất.

3. Nghe pháp: Sáu trần trong Tây Phương đều thuyết pháp. Do nghe pháp chẳng gián đoạn, nên chẳng bị thoái chuyển.

4. Các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Đại Thế Chí là đồng tham đạo hữu.

Có bốn điều tốt đẹp như thế, hãy nên hạ quyết tâm phát nguyện quyết định được sanh về cõi ấy.

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu). Chữ “*thiện*” trong từ ngữ “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” hết sức quan trọng, then chốt. Đây là mấu chốt khiến cho người niệm Phật có được vãng sanh hay không. Theo cách giảng giải trong Tịnh Tông, chân tín, chân nguyện, không có mảy may hư ngụy nào thì mới đáng gọi là Thiện. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, nương theo những điều này để hành, sẽ quyết định vãng sanh mà trọn chẳng cần phải dốc sức công phu trong một thời gian rất dài. Trong Tịnh Tông có lệ cử hành Phật thất nhằm hạn định thời gian hồng cầu chứng đắc. Đả thất lẽ ra phải ngày đêm không gián đoạn. Hiện thời, chúng ta đả thất có thời gian

ngủ ngơi. Chẳng hạn như buổi sáng có công khóa chừng hai cây hương. Một cây hương là một tiếng rưỡi. Giữa chừng, nghỉ ngơi khoảng nửa tiếng. Trong khi nghỉ ngơi, [xôn xao bàn luận] những khuyết điểm của nhà họ Trương, họ Lý, toàn bộ thị phi, nhân ngã hiện diện. Như vậy thì chỉ có thể gọi là pháp hội, chứ chẳng thể coi là “đả thất” được!

Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có chép chuyện pháp sư Oánh Kha đời Tống, đáng coi như một tấm gương. Vị pháp sư này lúc bình thường chẳng dụng công cho lắm, lại còn thường phá giới, tạo nghiệp; nhưng ông ta có thiện căn, tin tưởng nhân quả báo ứng, biết tương lai mình ắt đọa lạc, tự hối hận, tự trách sâu xa. Có bạn đồng tham khuyên ông ta niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ sẽ thoát khỏi ác báo. Ông ta tin tưởng sâu đậm, chẳng nghi, tự giam mình trong phòng, chuyên tâm niệm Phật,

chẳng ngủ, chẳng nghỉ ngơi suốt ba ngày ba đêm. Kết quả, A Di Đà Phật đến bảo ông ta: “Tuổi thọ của ông vẫn còn mười năm nữa, hãy gắng lên, khi lâm chung ta sẽ đến đón ông!” Ông ta thưa: “Con nghiệp chướng nặng nề, không chống đỡ nổi quyền rũ, mê hoặc. Nếu sống thêm mười năm nữa, sợ rằng con sẽ tạo ra rất nhiều tội nghiệp, con chẳng cần mười năm tuổi thọ ấy!” A Di Đà Phật dạy: “Được! Ba ngày nữa, ta đến tiếp độ ông”. Ông ta hết sức cảm tạ, mở cửa phòng bảo mọi người rằng ba ngày hôm nữa tôi sẽ vãng sanh. Mọi người đều không tin. Đến hôm thứ ba, trong khi đại chúng đang tụng kinh khóa sáng, ông ta thỉnh mọi người niệm Phật đưa tiễn. Niệm chưa đầy một khắc đồng hồ, ông ta đã vãng sanh.

“Tín Tụ giả, tín ngã hiện tiền nhất niệm chi tâm, bốn phi nhục đoàn, diệc phi

duyên ảnh, thụ vô sơ hậu, hoành tuyệt biên nhai, chung nhật tùy duyên, chung nhật bất biến” (Tín Tụ là tin cái tâm trong một niệm hiện tiền của ta vốn chẳng phải là quả tim thịt, cũng chẳng phải là tâm phản chiếu bóng dáng của duyên, theo chiều dọc chẳng có trước sau, theo chiều ngang tuyệt không ngăn mé, suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến): Mấy câu này ý nghĩa rất sâu. “*Hiện tiền nhất niệm chi tâm*” chính là “*chân tâm*”, trọn chẳng phải là quả tim bằng thịt, cũng chẳng phải là vọng tâm có thể suy nghĩ, tưởng tượng, phản chiếu bóng dáng các duyên. Nói theo phương diện thời gian (chiều dọc), trong tâm không có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng phải là cái tâm in bóng các duyên. Nói theo chiều ngang (tức không gian) thì tâm không ngăn mé, không có giới hạn, chẳng phải là vọng tâm in bóng các duyên. Vọng tâm có ba đời, có giới

hạn thị phi, ta - người. Chân tâm không có những thứ ấy, cũng giống như nói: “*Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương*” (theo chiều dọc thì cùng tột ba đời; theo chiều ngang, trọn khắp mười phương). Đây chính là chân tâm của chúng ta.

Hiện thời, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối thuận theo các duyên thuộc xã hội và đại chúng trong thế gian, nhưng chân tâm chẳng biến đổi mảy may. Trong kinh Lăng Nghiêm, phần mười lượt chỉ rõ cái thấy đã phân tích điều này rất tường tận. Đức Phật nêu lên một việc để chỉ tánh Thấy³⁶, tánh Thấy chính là chân tâm vượt khỏi ba đời và mười phương. Tại địa vị phàm phu, tuy suốt ngày tùy duyên, chân tâm cũng chẳng biến đổi. Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nghe xong rất hoan hỷ, biết thân

³⁶ Đây là một chuyện được Phật nêu ra trong mười phen gạn hỏi A Nan nhằm chỉ rõ tánh Thấy. Phật hỏi vua Ba Tư Nặc thấy sông Hằng vào năm 10, 20 tuổi cho đến 60 tuổi như thế nào, chỉ rõ thân có già suy, mặt có nhăn, nhưng tánh Thấy không nhăn, cho thấy trong cái thân sanh diệt có chân tánh chẳng sanh diệt.

có sanh diệt, nhưng trong cái thân sanh diệt có một chân tánh bất sanh bất diệt, đó mới là chính mình. Bất sanh bất diệt là Chân Ngã, sanh diệt là Giả Ngã. Vô lượng vô biên tinh cầu và cõi nước trong mười phương hư không đều từ trong một niệm chân tâm của chính mình biến hiện ra. Các nhà khoa học, triết gia và các nhà tôn giáo trong thế gian đã nghiên cứu tìm lời giải đáp cho câu hỏi: “Các tinh cầu trong không gian do đâu mà có? Các sinh vật diễn biến như thế nào?” Hiện thời, họ vẫn chưa tìm được căn cứ nào. Khoa học tiến bộ, chứng minh có những sự thật rất phù hợp với những điều kinh Phật đã nói, nhưng các nhà khoa học vẫn chưa tìm ra biện pháp nhằm thấu hiểu cội nguồn của chúng. Bởi lẽ, các nghiên cứu khoa học từ đầu đến cuối chưa hề rời khỏi phân biệt, chấp trước. Những hiện tượng ấy do tâm ý thức biến hiện ra. Công năng của tâm ý

thức rất lớn, nó có thể duyên³⁷ hư không pháp giới, nhưng không duyên được chân tâm. Nói cách khác, bọn họ chẳng có cách nào tìm được căn nguyên của hư không, pháp giới. Lý luận khoa học dùng động, còn Phật pháp dùng tịnh. Động và tịnh là một, động đến tột cùng là tịnh, tịnh đến cùng cực là động. Nếu hiểu động - tịnh là một thì sẽ đại triệt đại ngộ. Phật pháp dùng Định [thuộc về tịnh], khoa học dùng động, hai cách đều đúng, nhưng các nhà khoa học phải nhờ vào khoa học kỹ thuật thì mới có tiến triển. Phật pháp chẳng cần đến ngoại giới giúp đỡ, chỉ dựa vào công phu Định lực trong nội tâm liền có thể thấy được chân tướng sự thật. Cảnh giới ấy chính là “*nhập Phật tri kiến*”.

Tây Phương thế giới và A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều do tự tánh biến

³⁷ Chữ “*duyên*” ở đây có nghĩa là có thể nhận biết, có thể suy tưởng đến. Nói cách khác, khi một thức tiếp xúc một trần, nhận biết trần cảnh đó thì gọi là “*căn duyên nơi cảnh*”.

hiện. Rời khỏi tự tánh sẽ không có một pháp nào để được. Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà. Ta muốn vãng sanh cõi Tịnh Độ do chính mình biến hiện thì còn có chướng ngại nào nữa hay chướng? Lý luận như thế, nhưng sự thật thì tâm chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, chẳng thể đạt đến nhất niệm. Nếu nhất niệm hồi tâm, sẽ quyết định vãng sanh! Chúng ta biết A Di Đà Phật ở Tây Phương thế giới là do tự tánh của chúng ta biến hiện, tự tâm sẵn có Cực Lạc. Vì thế, niệm A Di Đà Phật, nghĩ đến y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là trở về với tự tánh, từ trong hết thảy vọng tưởng, tạp niệm trở về nhất niệm. Trong sáu chữ Phật hiệu “Nam-mô A Di Đà Phật”, thì hai chữ Nam-mô chính là “quy y”, cũng có nghĩa là “nhất niệm hồi tâm”, phải trở về tự tánh! Trong các tông phái khác, điều

này hết sức khó [thực hiện]. Thiên Tông gọi [sự trở về tự tánh] là “minh tâm kiến tánh”, phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não, lại còn phải phá được mấy phẩm vô minh thì mới có thể trở về tự tánh. Tịnh Tông thuận tiện hơn, chỉ niệm một câu Phật hiệu, ai cũng có thể tu, có thể chứng.

Điều thứ hai là Tín Tha. “*Tha*” là Phật Thích Ca và Phật A Di Đà, mong các Ngài giúp đỡ, hướng dẫn chúng ta. Chính mình không đủ năng lực, cần phải được Phật, Bồ Tát gia bị. Tịnh Độ Tam Kinh câu nào cũng chân thật, nương theo kinh để tu học, chắc chắn sẽ thành tựu. Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà, nguyện nào cũng đều nhằm thành tựu chúng sanh. Kinh A Di Đà nguyên bản (bản gốc bằng tiếng Phạn) nói tới mười phương Phật, người Hoa thích đơn giản; do vậy, La Thập đại sư rút gọn mười phương thành sáu phương. Sáu phương Phật đều hiện

tướng lưới rộng dài, tán thán pháp môn này để làm chứng cho Phật Thích Ca, chứng thực sự chân thật, quyết chẳng nói hai lời. *“Tùy thuận chư Phật chân thật giáo hối, quyết chí cầu sanh, cánh vô nghi hoặc, thị danh Tín Tha”* (tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật, quyết chí cầu vãng sanh, trọn không còn ngờ vực gì, đây gọi là Tín Tha). Mấy câu này có phân lượng rất nặng. Tùy thuận Phật Thích Ca, tùy thuận bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, tùy thuận lời khuyên răn của hết thầy chư Phật trong tận hư không trọn pháp giới, chết lòng sát đất³⁸ niệm một câu A Di Đà Phật, đó chính là tùy thuận giáo huấn của chư Phật. Nếu hỏi: Trong

³⁸ Chết lòng sát đất (tử tâm tháp địa): Dứt tuyệt những mong ngóng quá phận, so đo, tính toán, cầu may (chẳng hạn, nghe kinh dạy “mười niệm cũng được vãng sanh” bèn tính toán: Niệm Phật mỗi ngày làm gì cho mệt? Chờ đến già, gần chết, niệm Phật vẫn còn kịp), trọn lòng trọn ý nơi pháp môn này, giống như cõi lòng đã nguội lạnh nên gọi là “tử tâm” (chết lòng). Nhận biết căn cơ của chính mình thuộc phạm phu, độn căn, dốc lòng phát nguyện cầu sanh để được về Tịnh Độ là nơi có hoàn cảnh tu học tốt đẹp hồng để tán tu, không ngạo nghễ, kiêu căng, không tự phụ “chỉ có ông già bà cả dốt nát mới niệm Phật, còn ta là kẻ đại căn đại trí thì phải học Giáo, tu Thiền, tu Mật mới xứng”, nên gọi là “tháp địa” (nếp sát đất).

những kinh điển do đức Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào chân thật nhất? Câu trả lời sẽ là kinh A Di Đà, kinh dạy thẳng thừng, trọn vẹn, thỏa đáng pháp môn thành Phật ngay trong một đời. Kinh Đại Thừa chân thật hơn kinh Tiểu Thừa, kinh Văn Nhất Thừa chân thật hơn kinh Đại Thừa, kinh A Di Đà là chân thật nhất trong những điều chân thật.

“Tin nhân giả, thâm tín tán loạn xưng danh, do vi thành Phật chủng tử, hướng nhất tâm bất loạn, an đắc bất sanh Tịnh Độ” (Tin vào nhân là tin tưởng sâu xa, tâm tán loạn xưng niệm danh hiệu còn trở thành hạt giống để thành Phật, hướng hồ nhất tâm bất loạn lẽ nào chẳng sanh về Tịnh Độ). Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: *“Nhất xưng Nam Mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo”* (Kể mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo). Đây chẳng qua là gieo nhân mà thôi, bất luận hữu tâm hay

vô tâm, niệm một câu A Di Đà Phật sẽ tạo thành chủng tử sanh về Tây Phương trong tương lai. Hiểu rõ sự thật này, liền biết độ chúng sanh như thế nào, bất luận hữu ý hay vô ý, làm cho người ta niệm A Di Đà Phật một tiếng, họ sẽ đắc độ, sớm muộn gì cũng sẽ vãng sanh.

Tiêu chuẩn “nhất tâm bất loạn” rất cao, có những người lo lắng “chỉ sợ trong một đời này chẳng thể vãng sanh”. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã hội tập các bản dịch kinh A Di Đà của hai vị đại sư La Thập và Huyền Trang, tạo thành một bản. Trong bản kinh A Di Đà do ngài Huyền Trang dịch, trọn chẳng có từ ngữ “*nhất tâm bất loạn*”, chỉ có “*nhất tâm hệ niệm*”. Chúng ta nghe nói “*nhất tâm hệ niệm*” tự hồ cảm thấy có thể thực hiện được. Kinh Vô Lượng Thọ bảo “*nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật*” (một mực chuyên niệm A Di Đà Phật), tự hồ cũng có thể thực hiện

được. Nhưng bản dịch của ngài La Thập hoàn toàn chẳng phải là dịch sai! Bởi lẽ, đối với bản dịch của ngài La Thập, ngài Huyền Trang rất khâm phục, không phê bình gì cả. Hơn nữa, đại đệ tử đồng thời là học trò đặc ý nhất của ngài Huyền Trang là pháp sư Khuy Cơ, tổ sư khai sơn của Duy Thức Tông, khi viết chú giải cho kinh A Di Đà, nếu theo thói quen của con người hiện thời, ngài Khuy Cơ nhất định phải dùng bản dịch của thầy mình là ngài Huyền Trang, nhưng ngài Khuy Cơ lại dùng bản dịch của ngài La Thập, chứng tỏ cả thầy lẫn trò đều tán đồng bản dịch của ngài La Thập.

Những hành giả nói niệm Phật đến mức “công phu thành phiền” chính là nói đến “nhất hướng chuyên niệm” như trong kinh Vô Lượng Thọ đã dạy. Niệm đến mức “công phu thành phiền” thì khi lâm chung, A Di Đà Phật đến đón. Trước hết, có Phật

quang chiếu đến thân hành giả, nghiệp chướng lập tức tiêu diệt, công phu tự nhiên tăng gấp bội, đạt đến mức nhất tâm bất loạn. Nếu chính mình niệm Phật đạt đến mức Sự nhất tâm thì vừa được Phật quang chiếu tới, sẽ đạt đến mức Lý nhất tâm. Đây chính là bốn nguyện, oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Do vậy, “*nhất tâm bất loạn*” không cần phải lo lắng, chỉ cần thật thà niệm, sẽ nhất định thành tựu.

“*Tín Quả giả, thâm tín Tịnh Độ, chư thiện tụ hội, giai tùng Niệm Phật tam-muội đắc sanh*” (Tin vào quả, tin tưởng sâu xa Tịnh Độ là nơi các vị thượng thiện nhân tụ hội, đều từ Niệm Phật tam-muội mà được vãng sanh): Quả báo là vãng sanh, nhất định phải lấy vãng sanh Tịnh Độ làm mục tiêu mong cầu duy nhất. Trong xã hội hiện thời, đối với hoàn cảnh sống, [hãy nên] hết thảy tùy duyên, đời

này vốn do đền trả nghiệp mà sanh trong thế gian này, chỉ nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Tây Phương thế giới là nơi các vị thượng thiện nhân cùng ở một chỗ. Chữ “*thượng thiện nhân*” không dùng để chỉ người tầm thường, mà để chỉ hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Ở Tây Phương, Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể tính xuê, đều do Niệm Phật tam-muội mà được sanh về đây. “*Tam-muội*” (Samādhi) dịch là Chánh Thọ, nghĩa là sự hưởng thụ chánh đáng, còn dịch là Thiên Định. Người Niệm Phật trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không có những tạp niệm khác, trong tâm vui sướng, không vướng mắc phiền não, lo âu, nên công phu có thể thành phiền. Nếu cứ thật thà niệm thì công phu tam-muội sẽ tự nhiên nâng cao không ngừng, ắt sẽ có thành tựu. Nhân quả như bóng theo hình, trọn chẳng luống uổng!

Tin vào Sự là cõi Tây Phương Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật quả thật có, chẳng giống như truyện ngụ ngôn của Trang Sinh³⁹. Chúng ta có thiện tâm, có ác tâm, có chân tâm, có vọng tâm, có thanh tịnh tâm, có ô nhiễm tâm. Thế giới Sa Bà này là do tâm tham, sân, si, mạn của chúng ta biến hiện ra. Tây Phương thế giới là do một niệm tâm thanh tịnh của chúng ta biến hiện. Tịnh Độ hay Uế Độ đều do tự tánh biến hiện, đều chẳng phải do bên ngoài đưa tới. Tịnh Độ là do tâm thanh tịnh của Phật biến hiện, mà cũng do hết thấy người niệm Phật trong mười phương thế giới biến hiện ra. Tâm Phật và tâm chúng sanh là một, chẳng phải hai.

³⁹ Trang Sinh là Trang Tử, tên thật là Trang Châu (sống trong khoảng 369-286 trước Công Nguyên), tự là Tử Hưu, người nước Tống. Ông này là một nhà văn học và triết gia sống vào thời Chiến Quốc. Những trước tác của ông được ghi chép thành bộ Nam Hoa Kinh (do Đạo Giáo vào đời Đường đã tôn xưng ông là Nam Hoa Chân Nhân). Trong bộ sách này, có nhiều câu chuyện ngụ ngôn ngụ ý khuyên đời, hoặc châm biếm, chẳng hạn như chuyện Không Tử đi khuyên Đạo Chích hãy hồi cải, thôi trộm cướp, bị Đạo Chích mạt sát nặng nề.

“*Tín Lý giả, thâm tín thập vạn ức độ, thật bất xuất ngã kim hiện tiền giới nhĩ nhất niệm tâm ngoại*” (Tin vào Lý là tin tưởng sâu xa mười vạn ức cõi, quả thật chẳng ngoài một niệm tâm hiện tiền nhỏ nhoi của ta). Hãy nên đặc biệt chú ý tới từ ngữ “*nhất niệm tâm*”. Nhất niệm là chân tâm. Nhị niệm là vọng tâm. Chân tâm không phải trong hay ngoài. Kinh Lăng Nghiêm vừa mở đầu liền có bảy chỗ gạn tâm. Chân tâm tìm chẳng được, vọng tâm cũng tìm chẳng được. Vọng tâm có phân biệt, chấp trước; cho nên có giới hạn. Phân biệt, chấp trước là một khái niệm trừu tượng, trên thực tế, nó cũng chẳng có giới hạn thật sự.

Tây Phương có y báo, chánh báo, chủ, bạn. Chủ là A Di Đà Phật, Bạn là các đệ tử của Phật. Chủ bạn là thầy và trò, đều do một niệm chân tâm của chính mình biến hiện. Toàn thể Sự chính là Lý, toàn thể

hiện tượng đều là Lý Thể. Toàn thể Vọng chính là Chân, Vọng là Tướng, Chân là Tánh. Chân là chủ thể biến hiện (năng biến), Vọng là đối tượng được biến hiện (sở biến). Như nằm mộng, cái có thể biến hiện những cảnh trong mộng là tâm, cái được biến hiện là cảnh trong mộng. Do vậy nói: Toàn thể mộng chính là tâm, toàn thể tâm chính là mộng. “*Toàn thể Tu chính là Tánh, toàn thể Tha chính là Tự*”, đều chân tướng sự thật. Cách tu của Tịnh Tông là chấp trì danh hiệu, niệm một câu A Di Đà Phật vốn là “*xưng Tánh khởi Tu, toàn thể Tu chính là Tánh*”. Có mấy ai hiểu được, mà cũng chẳng hiểu rõ; trong sự tu học, đây là pháp môn cao nhất. Nhưng phải tu như thế nào thì toàn thể Tu mới chính là Tánh? Đừng hoài nghi, chớ xen tạp, đừng gián đoạn, có thể làm được như thế thì sẽ tương ứng với Phật, tương ứng với sự thật. Nhất niệm tương ứng nhất

niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. “*Toàn thể Tha tức Tự*” bao gồm y báo, chánh báo, chủ, bạn. Những điều vừa được nói trên đây được kinh Hoa Nghiêm gọi là “*Lý Sự vô ngại*”. “*Ngã tâm biến cố, Phật tâm diệt biến, nhất thiết chúng sanh tâm tánh diệt biến*” (do tâm ta trọn khắp, tâm Phật cũng trọn khắp, tâm tánh của hết thảy chúng sanh cũng trọn khắp). Giống như một ngàn ngọn đèn cùng thắp trong một căn phòng, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, chẳng trở ngại nhau, đây chính là “*Sự Sự vô ngại*”. Kinh Hoa Nghiêm nói tới bốn thứ vô ngại, kinh này cũng nói bốn thứ vô ngại, đủ thấy kinh này chính là Tiểu Bản Hoa Nghiêm.

Như trong hiện thời, địa cầu ô nhiễm nghiêm trọng, các nhà khoa học nói: Nếu chẳng sửa đổi thì năm mươi năm sau quả đất này sẽ chẳng thích hợp cho nhân loại sống. Nhà Phật nói “*y báo chuyển theo*

chánh báo”, tư tưởng, kiến giải, tinh thần của chúng sanh ngày nay bị ô nhiễm còn nghiêm trọng, đáng sợ hơn sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh. Làm thế nào để tịnh hóa lòng người chính là nhiệm vụ cấp bách. Dùng phương pháp “thật thà niệm Phật” để đối trị thì sẽ có hiệu quả. Một mặt, hoằng dương Phật pháp khiến cho con người hiểu rõ những lý luận cơ bản như lục đạo luân hồi, nhân quả báo ứng cũng như “đời người là khổ” v.v... khiến cho họ bỏ ác, hướng lành. Mặt khác, khuyên người ta niệm Phật, khiến cho tâm địa của họ thanh tịnh, vọng tưởng giảm thiểu, trên kính, dưới hòa, tuân theo lẽ công, giữ đúng pháp tắc. Nếu trên dưới đồng tâm hiệp lực nghiêm túc thực hiện thì cũng chẳng bao giờ không thể văn hồi vận mạng thế gian trong muôn một được!

“Sa Bà tức tự tâm sở cảm chi ứ, nhi tự tâm ứ, lý ưng yếm ly. Cực

Lạc tức tự tâm sở cảm chi tịnh, nhi tự tâm tịnh, lý ưng hân cầu” (Sa Bà chính là sự nhớ uest do tự tâm cảm nên, nhưng đối với sự nhớ uest trong tự tâm, theo đúng lý phải nên chán lìa. Cực Lạc chính là sự thanh tịnh do tự tâm cảm thành, nhưng sự thanh tịnh nơi tự tâm, theo đúng lý phải nên vui cầu). Trong phần trên, tôi đã nói, hư không pháp giới đều là vật biến hiện bởi tự tánh của chúng ta. Thế giới hiện tại này, các cõi Phật trong mười phương và Tây Phương Tịnh Độ cũng chẳng phải là ngoại lệ, chúng đều do tự tánh biến hiện. Chân tâm của chúng ta rất đơn thuần thì cái được biến hiện sẽ là cõi Thường Tịch Quang. Sau khi tâm tánh đã mê thì do mê cạn hay sâu sai khác mà hiện ra chín pháp giới. Tây Phương có bốn cõi, ngoài cõi Thường Tịch Quang, trong mỗi cõi đều có ba bậc chín phẩm, toàn là đời nghiệp vãng sanh. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm,

các vị Đẳng Giác Bồ Tát nơi hội Hoa Tạng đều mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, cũng là đời nghiệp vãng sanh. Trong các thế giới Phật khác, ba bậc chín phẩm phân chia rất rõ rệt, giữa mỗi tầng cấp có cách biệt, chỉ riêng Tây Phương thì ba bậc chín phẩm trong bốn cõi không chướng ngại. Do vậy, cổ đức nói: “*Nhất sanh, nhất thiết sanh*” (Sanh về một cõi là sanh về hết thảy). Đại Bồ Tát sanh vào Thượng Thượng Phẩm trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đồng thời, Ngài cũng thấy đại chúng vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tây Phương thù thắng như thế, cùng với các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, cái tâm cầu nguyện vãng sanh tự nhiên dấy lên. Tín nguyện là mấu chốt để vãng sanh, người đời nghe nói pháp môn Tịnh Độ, tâm cũng quy hướng, nhưng vẫn chưa thể lập chí phát nguyện cầu sanh, thật ra là do chưa

tự giác ngộ. Người thật sự giác ngộ phải biết:

1. Đời người là khổ. Trong các kinh Đại, Tiểu Thừa, đức Phật đã khai thị tường tận. Chư thiên vui nhiều khổ ít, loài người thọ được mấy chục năm, khổ nhiều vui ít. Quán sát theo phương diện tạo nhân, tức là nhìn theo nghiệp tạo tác bởi thân - miệng - ý thì con người đại đa số là ác nhiều, thiện ít, quả báo trong đời sau nhất định khổ hơn.

2. Đời người là Không. Đời người như mộng, như huyễn, thời gian mấy chục năm thoáng qua. Bất luận giàu, nghèo, sang, hèn, đến lúc tắt hơi mới biết là rỗng tuếch thì chẳng phải là kẻ thông minh. Buổi tối đi ngủ, nhắm mắt lại, có khác gì đã chết? Thứ gì mới chính là của quý vị? Ngay cả thân thể cũng chẳng phải, huống hồ vật ngoài thân! Nếu giác ngộ, sẽ mở mang trí huệ, đắc đại tự tại, ý niệm được -

mất sẽ giảm nhẹ, chuyện tổn người lợi mình sẽ chẳng làm nữa.

3. Đòi người vô thường, biển xanh biến thành ruộng dâu, con người có sanh, lão, bệnh, tử, địa cầu luôn biến hóa, hoàn cảnh vật chất như thế đó. Người đòi tợ hồ chẳng hề nhận biết, sự cảm nhận gần như đã chai lì, thiếu lòng nhân.

4. Đòi người vô ngã. Tất cả hết thảy tội nghiệp đều do Ngã Chấp sanh ra. Nếu thật sự biết thân ta do Tứ Đại giả hợp thì tối thiểu là phiền não sẽ giảm bớt một nửa!

Kinh Phật nói đến Tứ Đại, dùng Địa, Thủy, Hỏa, Phong để tượng trưng. Tứ Đại là vật chất. Kinh Kim Cang nói thế giới là “*nhất hiệp tượng*”, [nghĩa là thế giới] do những vật chất cơ bản kết hợp thành. Có bốn thứ hiện tượng:

1. Vật chất tuy nhỏ nhưng có thể tích [thì gọi là Địa Đại].

2. Nó có nhiệt độ, mang điện tích Dương thì gọi là Hỏa Đại.

3. Nó có độ ướt, mang điện tích Âm thì gọi là Thủy Đại.

4. Loại thứ tư là động, không nằm yên, gọi là Phong Đại.

Từ ngữ Tứ Đại chỉ tánh chất của vật chất cơ bản, bất cứ vật gì cũng đều do vật chất cơ bản kết hợp thành, hễ tụ thì thành hình, hễ tán bèn tiêu diệt. Chẳng hạn như viên phấn này do bột phấn hợp thành, nghiền vụn nó ra thì chẳng còn nữa, chỉ là bột phấn tụ hay tán mà thôi! Khi tụ thì chẳng sanh, khi tán thì chẳng diệt, quả thật là bất sanh bất diệt. Bất cứ vật chất nào cũng đều giống như vậy. Con người thì ngoài thân thể còn có tinh thần. Tinh thần chính là Thọ, Tướng, Hành, Thức trong Ngũ Uẩn như Tâm Kinh đã nói, chúng thuộc về tác dụng tâm lý. Ý niệm trong tâm sanh diệt vô thường. Thân do

Tứ Đại giả hợp, tâm là Thọ, Tướng, Hành, Thức. Đây là chân tướng của thân và tâm, kinh Phật gọi nó là “*nhân vô ngã*”. Nói cách khác, thân người là do Tứ Đại và Ngũ Uẩn giả hợp, không có Ngã Thể (bản thể của cái Ngã) trường cửu, nên gọi là “*nhân vô ngã*”. Đức Phật lại nói “*pháp vô ngã*”. Chữ Pháp chỉ cho hết thảy các pháp, trong hết thảy các pháp vốn không có Ngã. Hãy nên hiểu chữ Ngã vừa nói đó mang ý nghĩa “*chủ thể*”, và cũng có nghĩa là “*tồn tại*”. Chúng sanh bất giác, đối với hết thảy pháp làm lạc nầy sanh cái nhìn phân biệt, huông hồ hết thảy các pháp vốn sẵn không tịch (rỗng rang, vắng lặng). Kinh Kim Cang dạy: “*Nhược phục hữu nhân tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành u Nhân, thử Bồ Tát thắng tiền Bồ Tát sở đắc công đức*” (Nếu lại có người biết hết thảy pháp là vô ngã, đắc thành Nhân, thì công đức của vị Bồ Tát này vượt trội công đức của

vị Bồ Tát nói trong đoạn trước). Trong cuộc sống hiện tại, nếu luôn luôn thấu hiểu ý nghĩa và cảm nhận Khổ, Không, Vô Ngã, Vô Thường, sẽ có ích rất lớn cho việc chán nhàm, lìa bỏ thế giới Sa Bà này. Tây Phương Tịnh Độ không có những hiện tượng ấy:

1. Thứ nhất là không khổ, tức là không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui.

2. Thứ hai là chẳng Không, [cõi Cực Lạc] có thật và vĩnh hằng. Các cõi nước trong mười phương thế giới là Tướng Phần⁴⁰ của tám thức. Tướng Phần là vật chất. Do vậy, nó là Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Tây Phương không giống vậy, nó là Tướng Phần của tâm tánh, là vô lậu, là chân thường.

⁴⁰ Tướng Phần (còn gọi là Sở Thủ Phần): Theo quan điểm của Duy Thức Học, sự vật bên ngoài và hình ảnh của cảnh giới bên ngoài in bóng vào trong tâm thì gọi là Tướng Phần. Sách Tam Tạng Pháp Số lại cho rằng Tướng Phần chính là các thứ hình tướng, là đối tượng nhận biết của Thức.

“*Yếm uest, tu xả chí cứu cánh, phương vô khả xả. Hân tịnh, tu thủ chí cứu cánh, phương vô khả thủ*” (Chán cái uest thì cần phải bỏ đến rốt ráo mới không còn gì để có thể bỏ được. Ưa tịnh thì cần phải giữ lấy đến rốt ráo thì mới không có gì để giữ được). Nếu bỏ thì phải bỏ sạch sẽ. Nếu hiểu Xả có nghĩa là chuyện gì cũng chẳng làm, chỉ chuyên tâm niệm Phật thì đã hiểu sai hoàn toàn ý nghĩa của Xả. Chuyện gì cũng đều làm, lại còn làm tích cực, viên mãn hơn người khác. Tích công, lũy đức, nhưng trong tâm thì thứ gì cũng chẳng có, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Trừ Phật hiệu ra, tất cả chấp trước, vướng mắc, lo sầu đều chẳng có. Đây mới được tính là “*xả đến mức rốt ráo*”. Cái tâm cầu giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới phải mạnh mẽ tột bậc, chỉ có Tây Phương thế giới, chỉ có một đức Phật A Di Đà. Cổ đức bảo

như vậy là “*có Tịnh Độ*”⁴¹. Sách Diệu Tông Sao chép: “*Nếu lấy bỏ đến mức cùng cực thì cũng chẳng khác gì không lấy, không bỏ*”. Diệu Tông Sao do Trí Lễ đại sư (Tứ Minh tôn giả) viết, Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ do Trí Giả đại sư viết, lời Sao do Tứ Minh tôn giả viết nhằm chú giải lời sớ của Trí Giả đại sư. Trí Giả đại sư lâm chung niệm Phật vãng sanh. Ngài tu Quán Tưởng Niệm Phật, tu theo Thập Lục Quán Kinh để vãng sanh. Bốn loại niệm Phật được chép cặn kẽ trong Quán Kinh, nhưng Trì Danh đơn giản dễ dàng nhất, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng nhất.

Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, mỗi một việc các Ngài làm đều có thể làm gương cho người đời. Các vị đại thiện tri

⁴¹ Đây là từ ngữ “*có Tịnh Độ*” trong bài Tứ Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh Diên Thọ: “*Có Thiên, có Tịnh Độ, ví như cạp đội sừng, đời này làm thầy người. Đời sau làm Phật, Tổ. Không Thiên, có Tịnh Độ. Vạn tu, vạn người về, nếu được thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ*”.

thức trong năm mươi ba lần tham học của kinh Hoa Nghiêm đều sống trong thế giới này, các ngành, các nghề, sống như thế nào, đãi người tiếp vật như thế nào, bọn họ đều là Phật hay Bồ Tát tái lai. Trưởng giả Chúc Hương⁴² mỗi ngày mò ra chợ, trong tâm như như bất động, tu Định và Huệ bình đẳng. Đây là tham Thiên ở mức độ cao nhất, kẻ sơ học chẳng thể làm được! Chẳng bằng niệm Phật, giữ chặt một câu Phật hiệu sao cho không gián đoạn. Trong khi làm việc, nếu không cần phải dùng đến trí óc thì vừa làm vừa niệm Phật. Như ông Vương Đả Thiết ở Hành Châu, vừa rèn sắt vừa niệm Phật, chẳng trở ngại công việc. Cầu sanh Tịnh Độ chính là đại sự trọng yếu nhất trong cả một đời người, hy hữu, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay.

⁴² Trưởng giả Chúc Hương (Utpala-bhūti) là vị thiện tri thức thứ 21 trong 53 vị thiện tri thức được Thiện Tài đồng tử tham học. Ngài tên là Ưu Bát La Hoa (hoa sen xanh), có tiệm bán hương ở nước Quảng Đại, nên được gọi là trưởng giả Chúc Hương. Vị này dạy Thiện Tài pháp môn Điều Hòa Nhất Thiết Hương. Do tu môn giải thoát này mà ty căn thanh tịnh.

Trong thời đại này, đạo thầy trò không còn nữa, phải hoàn toàn dựa vào chính mình nỗ lực tự tu. Dầu công việc bận rộn cũng phải dành một ít thời gian để chuyên tâm niệm Phật, những chuyện khác đều là lông gà, vỏ tỏi!

Thiền Tông chủ trương không chấp tướng, như “chẳng lấy mà cũng chẳng bỏ”, đây cũng là chấp tướng, tức là chấp vào tướng Không của “chẳng lấy, chẳng bỏ”. Hiện thời nói đến “chẳng chấp tướng” thì chúng ta không thể làm được, phải thật sự đối đãi với bất cứ ai đều nhất loạt bình đẳng thì mới là đúng. Nếu vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước và phê bình, bàn tán thì chẳng thể nói là “không chấp tướng”. Liên Trì đại sư nói: *“Chấp vào Sự mà nếu niệm Phật niệm niệm liên tục, sẽ có thể đời nghiệp vãng sanh. Chấp vào Lý thiên trọng lý luận, vứt bỏ tu hành nơi mặt Sự, hoàn toàn chưa minh tâm kiến*

tánh thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo”. Minh tâm kiến tánh nói dễ dàng sao! Nếu chấp Lý, phé Sự, Lý cũng chẳng viên, vì Lý và Sự là một, chẳng phải hai. Toàn thể Sự chính là Lý, lấy hay bỏ, không đâu chẳng phải là pháp giới. Đây quả thật là tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật vậy.

Danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, trong sách vở Tịnh Tông thường nói tới tánh trọng yếu của danh hiệu, nhưng học nhân thường hay xem nhẹ, chẳng biết đến ý nghĩa chân thật! Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải kinh Vô Lượng Thọ, dẫn dụng rất nhiều lời thuyết pháp của cao tăng, đại đức đời Tùy - Đường. [Theo đó], trong hết thảy các kinh do đức Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào bậc nhất? Các tông phái đều công nhận Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Phạm Võng là những bộ kinh lớn của Nhất Thừa, nhưng đem so với

kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất, bởi lẽ, kinh Hoa Nghiêm đến quyển cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện dẫn về Cực Lạc thì kinh Hoa Nghiêm mới viên mãn rất ráo. Kinh Vô Lượng Thọ là tổng kết và quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà chính là tiểu bản của kinh Vô Lượng Thọ.

Nếu quán sát sâu xa hơn, lão cư sĩ Hạ Liên Cư chia kinh Vô Lượng Thọ thành bốn mươi tám phẩm, lấy bốn mươi tám nguyện trong phẩm thứ sáu làm trung tâm của kinh. Trong bốn mươi tám nguyện, cổ đức coi nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt sanh*”, viết rành rẽ, rõ ràng công đức chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu. Một câu Phật hiệu này mở rộng ra là bốn mươi tám nguyện, rồi lại mở rộng ra thành kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ mở rộng ra sẽ thành kinh Hoa Nghiêm. Kinh

Hoa Nghiêm mở rộng chính là Đại Tạng Kinh. Do vậy, một câu A Di Đà Phật chính là tổng cương lĩnh của pháp tạng do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm. Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật giống như niệm hết thủy kinh điển do đức Phật đã nói, công đức của danh hiệu thật chẳng thể nghĩ bàn.

Đối với pháp Quán Tượng Niệm Phật thì trong kinh Ban Châu Tam Muội có giảng phương pháp tu hành phép Quán Tượng Niệm Phật. Ngoài ra, Thập Lục Quán Kinh cũng giảng phép Quán Tượng Niệm Phật, nhưng chỉ giảng trong phép quán thứ mười ba, còn những phép quán khác, có mười hai phép đều giảng về cách Quán Tượng Niệm Phật⁴³. Trong phần

⁴³ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật gồm mười sáu phép Quán nên còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, nhưng thật sự chỉ có mười ba phép Quán (quán mặt trời lặn, quán nước đóng thành băng, quán đất báu, quán cây báu, quán ao báu, quán toàn bộ y báu, quán tòa hoa sen, quán hình tượng Phật, quán chân thân của A Di Đà Phật, quán thân tướng Quán Thế Âm Bồ Tát, quán tướng thân tướng của Đại Thế Chí Bồ Tát, quán tướng chính mình vãng sanh, quán thân tướng trượng sáu của Phật (đây chính là phép Quán Tượng như Hòa Thượng Tịnh Không đã nói), ba phép Quán cuối giảng

trước, tôi đã nói Quán Kinh có hai bộ chú giải, một là bộ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai, do Tri Lễ đại sư chú giải. Lại còn có bộ chú giải mang tên Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của Thiện Đạo đại sư. Hai bản này đều rất phổ biến, tôi đã đều giảng rồi. Tôi hưởng lợi ích nhiều nhất từ bộ Tứ Thiếp Sớ, bộ này được tôn là sách chú giải Quán Vô Lượng Thọ Kinh bậc nhất từ xưa đến nay, có thể sánh với Di Đà Yếu Giải. Trong bộ ấy có nhiều nhận định mà cổ đức chưa từng nói đến. Có người nói Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, trong sách chú giải kinh Vô Lượng Thọ, Hoàng cư sĩ cũng từng nhắc tới điều này. Cũng có thể nói: “Tứ Thiếp Sớ là do chính A Di Đà Phật tự thuyết pháp cho chúng ta!”

về ba bậc chín phẩm vãng sanh, là nói về chánh nhân, phẩm vị và cảnh tượng vãng sanh.

Đối với Lễ Bái, Cúng Dường, Ngũ Hối đều có thể lấy kinh Hoa Nghiêm để làm thí dụ. Trong mười đại nguyện vương thuộc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm thì “lễ kính chư Phật” và “xưng tán Như Lai” thuộc về Lễ Bái, “quảng tu cúng dường” chính là Cúng Dường như ở đây đã nói. Ngũ Hối là năm phương pháp “Sám Hối, Khuyến Thỉnh, Tùy Hỷ, Hồi Hướng, Phát Nguyện”. Ngoài Sám Hối ra, bốn thứ còn lại, tức Khuyến Thỉnh, Tùy Hỷ, Hồi Hướng và Phát Nguyện đều có ý nghĩa sám hối. Nếu không thật sự sám hối thì bốn phương pháp này đều chẳng thể có. Do vậy, chúng đều thuộc vào pháp Sám Hối. Nếu đem Ngũ Hối áp dụng vào mười đại nguyện vương thì: “Sám hối nghiệp chướng” thuộc về phép thứ nhất trong Ngũ Hối. Tùy Hỷ thuộc phép Ngũ Hối thứ ba. “Thỉnh chuyển pháp luân” và “thỉnh Phật

trụ thế” thuộc phép Khuyến Thỉnh thứ hai trong Ngũ Hối. “Thường tùy Phật học” và “hằng thuận chúng sanh” thuộc phép thứ năm là Phát Nguyện trong Ngũ Hối. “Phổ giai hồi hướng” thuộc về phép thứ tư, tức là Hồi Hướng trong Ngũ Hối. Có thể thấy rằng: Pháp được Phổ Hiền Bồ Tát tự tu là mười đại nguyện vương; Ngài dạy người khác tu pháp môn Niệm Phật.

Ở đây, còn có Lục Niệm, trong rất nhiều kinh, đức Phật đã nói đến. Lục Niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Ba loại đầu là niệm Tam Bảo. Loại thứ tư là niệm Giới, thứ sáu là niệm Thiên, hai loại này có quan hệ mật thiết với nhau. Để sanh lên trời thì phải thỏa điều kiện sanh lên trời. Đức Phật nói đến trạng huống trong cõi trời, so với bất cứ tôn giáo nào cũng đều tường tận hơn. Chẳng phải là tin vào Thượng Đế sẽ sanh lên trời, ngàn vạn

phần chớ hiểu lầm. Phật nói Ngũ Giới thanh tịnh, đời sau sẽ được thân người. Thành tựu Thập Thiện nghiệp đạo thì mới được sanh lên trời. Chỉ tu Thập Thiện thì chỉ có thể sanh trong các tầng trời thuộc Dục Giới trở xuống, tức là sanh trong Tứ Vương Thiên và Đao Lợi Thiên. Muốn tu lên cao hơn thì phải tu Định, tu Tứ Vô Lượng Tâm “từ, bi, hỷ, xả”. Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới do đức Phật đã định và những điều răn dạy trong các kinh đều thuộc phạm vi của Giới.

Thứ năm là Niệm Thí. Thí (施) là Bố Thí, Thí có công đức khiến cho chúng ta đoạn phiền não. Vô lượng phiền não được quy nạp thành một trăm lẻ tám loại, rồi lại quy nạp thành hai mươi sáu thứ, bao gồm sáu căn bản phiền não và hai mươi tùy phiền não. Lại quy nạp thành sáu căn bản phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, rồi lại quy nạp thành ba độc tham,

sân, si. Ba độc lại quy nạp thành một thứ là Tham. Bồ thí chuyên trị keo tham, tham là cội gốc lớn lao của phiền não. Bồ thí nhằm tạo thuận tiện cho chính mình, dẹp trừ triệt để căn bản phiền não. Học bồ thí thì lúc mới học, thường là chính mình dư dả mới bằng lòng đem cho người khác. Chẳng hạn như có hai món đồ nào đó, món tốt giữ lại để mình dùng, cái dở hơn đem cho người ta. Tiến bộ hơn là đem cái tốt tặng cho người khác, cái dở giữ lại để mình dùng. Lại tiến một bước nữa là nếu người ta cần mà mình cũng cần thì giúp cho người ta trước, chính mình sẽ dần dần tính sau. Con người thường lo ngại nếu đem toàn bộ của cải của mình bồ thí hết thì chính mình không có gì, làm sao đây? Nhất là trong lúc này, cuộc sống khó khăn, kiếm được tiền chẳng dễ. Tuy vậy, nhà Phật nói: “*Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định*” (Một miếng ăn, một miếng

uống, không gì chẳng phải đã được định sẵn). Bồ thí thì của cải đưa đến càng nhiều, chúng ta thật sự chưa dám tin tưởng. Tôi khuyên người học Phật phải đọc cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lượt. Trong một đời người, giàu, nghèo, sang, hèn đều có số phận định sẵn. Đời trước đã tài bồ thí thì đời này phát tài. Giàu có là quả báo, bồ thí là nhân. Thông minh, trí huệ là quả báo, pháp bồ thí là nhân. Khỏe mạnh, sống lâu là quả báo, vô úy bồ thí là nhân. Dùng tâm chân thành, tâm cung kính, tâm thanh tịnh tu ba thứ bồ thí sẽ tự nhiên được quả báo tốt đẹp. Phật, Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, thành Phật rồi lại thả chiếc bè Từ vào trong thế gian, không có chuyện gì khác, chỉ để bồ thí! Cận đại, tại Trung Quốc, trong hàng xuất gia, Ấn Quang đại sư của Tịnh Độ Tông và Hư Vân đại sư của Thiền Tông suốt đời làm chuyện bồ thí, tài, pháp, vô

úy bổ thí, chẳng giữ lại mảy may nào, làm rất viên mãn.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh đặc biệt nhắc tới ba loại người sẽ được sanh về Tịnh Độ:

1. Loại thứ nhất là từ tâm, chẳng giết, đầy đủ giới hạnh, tức là hai điều thứ nhất và thứ hai trong Tịnh Nghiệp Tam Phước.

2. Loại thứ hai là đọc tụng kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa, tức là điều thứ ba “*phát Bồ Đề tâm, đọc tụng Đại Thừa*” trong Tịnh Nghiệp Tam Phước.

3. Loại thứ ba là tu hành lục niệm, hồi hướng, phát nguyện, cầu sanh Tịnh Độ. Tâm thanh tịnh cảm ứng bốn nguyện của Phật. Hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này thì phải nên phát tâm sốt sắng niệm Phật, Chánh Trợ song tu. Chánh Tu là tín nguyện trì danh, Trợ Tu là mười đại nguyện vương, ngũ hồi, lục niệm. Sống trong xã hội hiện thời, dùng tâm tư thái độ

này để xử thế, đãi người, tiếp vật, đây chính là Chánh Hạnh của Phật giáo đồ.

“Duy Trì Danh nhất pháp, thâm cơ tối quảng, hạ thủ tối dị. Cố Thích Ca từ tôn, vô vấn tự thuyết, đặc hương Đại Trí Xá Lợi Phát niêm xuất, khả vị: Phương tiện trung đệ nhất phương tiện, liễu nghĩa trung vô thượng liễu nghĩa, viên đốn trung tối cực viên đốn” (Chỉ có pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rộng nhất, thực hiện dễ dàng nhất, nên Thích Ca Từ Tôn, chẳng ai hỏi mà tự nói, đặc biệt hương đến Đại Trí Xá Lợi Phát nêu bày. Pháp Trì Danh đáng gọi là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, là vô thượng liễu nghĩa trong các liễu nghĩa, là viên đốn tối cực trong các pháp viên đốn). Ý nghĩa được nêu trong đoạn văn này của Ngẫu Ích đại sư chính là cương lĩnh, nguyên tắc của rất nhiều kinh luận Tịnh Tông. Nếu chú tâm quán sát thì những điều này bao gồm vô

lượng pháp môn; trong vô lượng pháp môn, pháp môn Niệm Phật là thù thắng nhất. Đại sư nói ra những câu này rất khó có. Nếu Ngài chẳng phải thật sự là bậc trong quá khứ đã từng nghiên cứu thấu triệt hết thấy pháp môn, sẽ chẳng nói ra những câu này, cũng chẳng có gan thốt ra.

Do vậy, chúng tôi nghĩ rằng: Vì sao chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, đại đức đều khuyên chúng ta trì danh niệm Phật? Chữ Cơ (機) trong câu “*thâu cơ tối quảng*” (收機最廣) chính là Căn Cơ. Căn cơ có ba loại thượng căn, trung căn, hạ căn khác nhau. Chẳng hạn như Lục Tổ đại sư của Thiên Tông nói rất minh bạch, Ngài tiếp dẫn kẻ thượng thượng căn; ngài Thần Tú tiếp dẫn người có căn tánh Đại Thừa. Trong Giáo Hạ như Hoa Nghiêm Hiền Thủ Tông thì đối tượng của họ là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Trong hết thấy kinh luận,

mỗi một pháp môn nhằm chuyên độ một loại đối tượng nào đó. Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ là đối với tất cả những người có căn tánh bất đồng đều có thể tiếp nhận, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, đều bình đẳng độ thoát. Thật là chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật liền có thể đắc độ. Thực hiện hết sức dễ dàng, có ai chẳng thể niệm? Vấn đề ở chỗ có chịu niệm hay là không, bằng lòng niệm hay là không? Thành tựu của pháp môn này lại viên mãn khôn sánh. Chẳng riêng gì người bình thường chẳng tin, ngay cả những bậc Bồ Tát, La Hán trong Tông Môn, Giáo Hạ cũng chẳng thể tin tưởng. Do vậy, chư Phật Như Lai gọi pháp này là “*pháp khó tin*”.

Lúc ấy, đức Phật quán sát thiện căn, phước đức của chúng sanh đã chín muồi, bèn không ai hỏi mà tự nói. Nói tới “*thiện*

căn” thì chính là đức Phật nói ra pháp môn này, người nghe liền tin được, hiểu được. Nói tới “*phước đức*” thì chính là “có thể nguyện, có thể hành”. Pháp môn này không ai biết, đương nhiên chẳng có ai có thể hỏi được! Còn với đối tượng để tuyên nói, Phật bèn đặc biệt chọn ngài Xá Lợi Phất, vì Ngài là bậc trí huệ đệ nhất, không có trí huệ sẽ tuyệt đối chẳng thể tin tưởng pháp này. Cơ duyên thành Phật chín muồi, ắt phải có kinh điển để thành Phật. Kinh A Di Đà là căn bản để chúng sanh trong chín pháp giới viên mãn thành Phật ngay trong một đời. Nói như vậy thì chúng ta cũng có phần. Trong tất cả các phương pháp tu hành, pháp môn Niệm Phật thuận tiện bậc nhất. Đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể tu hành. Nếu có ai không thích ta niệm, ta bèn niệm thầm. Chẳng câu nệ hình thức, chỗ nào cũng đều có thể niệm được!

Trong Tứ Y Pháp, đức Phật nói “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*”. Phàm những pháp nào nói tới phước báo trong cõi trời, cõi người, chẳng thể liễu sanh tử, xuất tam giới thì gọi là “*bất liễu nghĩa*”. Kinh Tiểu Thừa lấy đoạn Kiến Tư Hoặc đề xuất tam giới, chứng quả La Hán, chẳng thể thành Phật, cũng gọi là bất liễu nghĩa. Kinh Đại Thừa tuy đoạn Tam Hoặc, liễu sanh tử, cao hơn La Hán, nhưng chưa đạt đến Phật quả rốt ráo thì vẫn là bất liễu nghĩa. Nhất Thừa liễu nghĩa là “thành Phật ngay trong một đời”. Trong một đời thành Phật thì chỉ có Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần trong hội Hoa Nghiêm, tới cuối cùng, thành tựu là nhờ mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật là loại rất hiếm, ít có, khó gặp. Trong kinh này, hết thảy chúng sanh trong một đời đều có thể viên

thành Phật đạo, có thể nói là kinh này vượt trội Hoa Nghiêm lẫn Pháp Hoa. Phật dùng pháp môn này để độ chúng sanh trong chín pháp giới, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai cũng dùng pháp môn này để độ chúng sanh. Nói “*vô thượng liễu nghĩa, đệ nhất phương tiện*” là chuyên nói về bộ kinh này.

Viên (圓) là viên mãn, Đôn (頓) là nhanh chóng vượt thoát, chẳng theo thứ tự. Tiểu Thừa thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Theo như tông Thiên Thai nói thì phải trải qua Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đây là “*tiệm tu*” (tu dần dần theo thứ tự). Đại Thừa tu Bồ Tát đạo, từ Sơ Tín đến Đẳng Giác gồm năm mươi một địa vị. Kinh Hoa Nghiêm nói: Thành Phật phải mất vô lượng đại kiếp, chứ không phải chỉ ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Đức Phật nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp là vì sợ chúng sanh nghe [nói vô lượng kiếp] sẽ

co đầu rứt cổ, chẳng dám học Phật. Đại Thừa Bồ Tát tâm lượng to lớn, có tánh nhẫn nại, chẳng sợ thời gian lâu xa. Tổ sư khai sơn của Duy Thức Tông là Khuy Cơ đại sư soạn A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ, trong ấy Ngài cũng nói rõ pháp môn này thuộc về Đốn Giáo; bởi lẽ, trong kinh nói từ một ngày đến bảy ngày liền thành công. “*Thành công*” có nghĩa là thành Phật.

Nước đục ví với tâm ô nhiễm, tâm tạp loạn, Phật hiệu ví như thanh thủy châu. Đối trị tạp niệm hữu hiệu nhất chính là niệm Phật. Nếu tham cứu thấu đáo Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và Di Đà Yếu Giải thì niệm Phật sẽ đúng lý, đúng pháp, câu nào cũng tương ứng, quả thật hữu hiệu. Nghe đạo lý Phật pháp rất nhiều, nhưng phiền não, tập khí vẫn rất nặng như cũ là vì chúng ta từ vô thỉ kiếp đến nay đã quá quen với rất nhiều phiền não tham, sân, si, mạn, đối với Phật

pháp cảm thấy rất lợi lạc. Vì thế, cổ nhân nói: “*Sanh xứ chuyển thực, thực xứ chuyển sanh*” (Chuyển chỗ sống thành chỗ chín, chuyển chỗ chín thành chỗ sống). Ất phải đem cái tâm phiền não ô nhiễm chuyển biến một trăm tám mươi độ thành tâm niệm Phật thanh tịnh. Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng, hết thấy pháp do tâm biến hiện.

Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Đây chẳng phải là nhân quả thông thường. Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là thành Phật. Trong thế giới Cực Lạc, chúng đắc bốn loại Tịnh Độ cùng một lúc. Hễ chúng được một, sẽ chúng hết thấy; vì thế gọi là “*diệu quả*”. Nhân và quả chẳng tách rời nhau. Điểm đặc biệt là pháp môn này được gọi là Liên Tông. Hoa sen là nhân và quả đồng thời; vì thế, tín nguyện trì danh là chánh tông. Bốn cõi Tịnh Độ là [giáo thuyết] do tông Thiên Thai sáng lập, nếu

muốn hiểu rõ hơn, có thể tham khảo các sách Quán Kinh Diệu Tông Sao và Phạm Võng Kinh Huyền Nghĩa⁴⁴.

3.4. Minh Lực Dụng (giảng về lực dụng)

(Giải) Đệ tứ, minh lực dụng. Thử kinh dĩ “vãng sanh bất thoái” vi lực dụng. Vãng sanh hữu tứ độ, các luận cứu phẩm. Thả lược minh đấng sanh tứ độ chi tướng. Nhược chấp trì danh hiệu, vị đoạn Kiến Tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, ư Đồng Cư độ phân tam bối cứu phẩm. Nhược trì chí Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Tư nhậm vận tiên lạc, tặc sanh Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ. Nhược chí Lý nhất tâm bất loạn, khoát phá vô minh nhất phẩm, nãi chí tứ thập nhất phẩm, tặc sanh Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh

⁴⁴ Phạm Võng Kinh Huyền Nghĩa là một tác phẩm nhằm giảng về Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của Phạm Võng Kinh Bồ Tát Tâm Địa Phẩm do Ngẫu Ích đại sư soạn.

Độ, diệt phần chứng Thường Tịch Quang độ. Nhược vô minh đoạn tận, tắc thị thượng thượng Thật Báo, cứu cánh Tịch Quang dã. Bất Thoái hữu tứ nghĩa, nhất Niệm Bất Thoái, phá vô minh, hiển Phật tánh, kính sanh Thật Báo, phần chứng Tịch Quang. Nhị Hạnh Bất Thoái, Kiến Tư ký lạc, Trần Sa diệt phá, sanh Phương Tiện độ, tiến xu cực quả. Tam Vị Bất Thoái, đời nghiệp vãng sanh, tại Đồng Cư độ, liên hoa thác chát, vĩnh ly thoái duyên. Tứ Tất Cánh Bất Thoái, bất luận chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hoặc giải, bất giải, đản Di Đà danh hiệu, hoặc lục phương Phật danh, thử kinh danh tự nhất kinh ư nhĩ, giả sử thiên vạn kiếp hậu, tất cánh nhân tư độ thoát. Như văn đồ độc cổ, viễn cận giai táng. Thực thiếu kim cang, quyết định bất tiêu dã. Phục thứ, chỉ đời nghiệp sanh Đồng Cư tịnh, chứng Vị Bất Thoái giả, giai dữ

*Bồ Xứ câu, diệc giai nhất sanh tất bồ
Phật vị. Phù thượng thiện nhất xứ, thị
sanh Đồng Cư. Tức dĩ hoành sanh
thượng tam độ, nhất sanh bồ Phật. Thị
Vị Bất Thoái. Tức dĩ viên chứng Tam
Bất Thoái. Như tư lực dụng, nãi thiên
kinh vạn luận sở vị tăng hữu. Giáo bỉ
đốn ngộ chánh nhân, cần vi xuất trần
giai tiệm. Sanh sanh bất thoái, thủy khả
kỳ u Phật giai giả, bất khả đồng nhật
ngữ hỹ. Tông giáo chi sĩ, như hà vật tư.*

**(解)第四。明力用。此經以往生不退
為力用。往生有四
土。各論九品。且略明得生四土之相。
若執持名號。未斷見思。隨其或散或
定。於同居土。分三輩九品。若持至事
一心不亂。見思任運先落。則生方便有**

餘淨土。若至理一心不亂。豁破無明一品。乃至四十一品。則生實報莊嚴淨土。亦分證常寂光土。若無明斷盡。則是上上實報。究竟寂光也。不退有四義。一念不退。破無明。顯佛性。徑生實報。分證寂光。二行不退。見思既落。塵沙亦破。生方便土。進趨極果。三位不退。帶業往生。在同居士。蓮華託質。永離退緣。四畢竟不退。不論至心散心。有心無心。或解不解。但彌陀名號。或六方佛名。此經名字。一經於耳。假使千萬劫後。畢竟因斯度脫。如聞塗毒鼓。遠近皆喪。食少金剛。決定不消也。復次祇帶業生同居淨。證位不

退者。皆與補處俱。亦皆一生。必補佛位。夫上善一處。是生同居。即已橫生上三土。一生補佛。是位不退。即已圓證三不退。如斯力用。乃千經萬論。所未曾有。較彼頓悟正因。僅為出塵階漸。生生不退。始可期於佛階者。不可同日語矣。宗教之士。如何勿思。

(Giải: Thứ tư, nói về lực dụng. Kinh này lấy “vãng sanh bất thoái” làm lực dụng. Vãng sanh có bốn cõi, trong mỗi cõi đều luận định chín phẩm, nên bên giảng đại lược về tướng trạng của bốn cõi. Nếu chấp trì danh hiệu mà chưa đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tùy theo tán tâm hay định tâm, sẽ sanh vào cõi Đông Cư, chia ra thành ba bậc, chín phẩm. Nếu trì đến mức Sự nhất tâm bất loạn, giữa Kiến

Hoặc và Tư Hoặc, tùy ý đoạn trước một thứ, sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ. Nếu trì đến mức Lý nhất tâm bất loạn, phá rỗng toang từ một phẩm vô minh cho đến bốn mươi một phẩm vô minh, sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ và cũng chứng một phần cõi Thường Tịch Quang. Nếu đoạn sạch vô minh, sẽ là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Bất Thoái có bốn nghĩa:

1. Niệm Bất Thoái: Phá vô minh, hiển Phật tánh, mau chóng sanh về cõi Thật Báo, chứng một phần cõi Tịch Quang.

2. Hạnh Bất Thoái: Đã trừ được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, cũng phá được Trần Sa Hoặc, sanh về cõi Phương Tiện, tiến hướng cực quả.

3. Vị Bất Thoái: Đời nghiệp vãng sanh, ở trong cõi Đồng Cư, gởi thân nơi hoa sen, vĩnh viễn lìa khỏi duyên thoái thất.

4. *Tất Cánh Bất Thoái*: Chẳng cần biết là chí tâm hay tán tâm, hữu tâm hay vô tâm, hiểu hoặc chẳng hiểu, chỉ cần danh hiệu Di Đà, hoặc danh hiệu của chư Phật trong sáu phương và tên gọi kinh này, vừa nghe thoảng qua tai, giả sử ngàn vạn kiếp sau, rớt ráo sẽ do điều này mà được độ thoát. Như nghe tiếng cái trống có bôi chất độc, xa hay gần đều bị chết. Ăn một chút kim cang, quyết định mãi mãi chẳng tiêu.

Hơn nữa, những kẻ chỉ cần đời nghiệp vãng sanh Đông Cư Tịnh Độ, chứng Vị Bất Thoái, đều cùng ở chung với các vị Bồ Xứ, cũng sẽ đều trong một đời ắt dự vào địa vị Bồ Xứ làm Phật. Phàm ở chung với các bậc thượng thiện, tức là sanh vào cõi Đông Cư thì là đã sanh ngang sang ba cõi trên, trong một đời được bồ xứ thành Phật. Đây là [hễ dự vào] Vị Bất Thoái thì là đã chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Lực

dụng như vậy chính là điều chưa hề có trong ngàn kinh vạn luận. So với những chánh nhân đốn ngộ khác thì chúng đều chỉ là thoát khỏi cõi trần dần dần theo thứ tự, phải đời đời bất thoái thì mới có thể mong thành Phật được. Dẫu nói suốt ngày cũng chẳng thể nói trọn hết [lực dụng của kinh này]. Những bậc tu hành bên Tông, bên Giáo có sao chẳng suy nghĩ?)

Phần thứ tư là giảng về Lực Dụng, [tức là] phần này nói rõ công đức tu hành, lợi ích do học tập, mà cũng có nghĩa là cái hay của niệm Phật nằm ở chỗ nào? Cổ đức nói: “*Kinh này lấy vãng sanh làm Công, lấy bất thoái làm Dụng*”. Trong kinh cũng dạy: “*Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí*” (Những chúng sanh sanh về đó đều là Bất Thoái Chuyên Bồ Tát). Thân nghiệp báo [trong cõi Sa Bà] này là thân tối hậu (thân cuối cùng). Thân của những

vị tái lai đến thế gian này để độ người chính là Ứng Hóa Thân. Hiện thời, người chân chánh phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, lòng tin chân thật, phát nguyện chân chánh, tuân theo lời giáo huấn của Phật. Cái tâm ấy vừa phát ra thì Tây Phương đã ghi danh, chúng được thân tối hậu trong hiện tại, trong khoảng một niệm liền đến được cõi ấy.

Vãng sanh [Tịnh Độ] có bốn cõi:

a) Một là Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Thế giới Sa Bà cũng là Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Tuy [trong cõi Sa Bà] có thánh nhân, nhưng thiếu duyên sẽ chẳng gặp được. Trong truyện ký xa xưa có chép: Pháp Chiếu đại sư (tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông), là người đời Đường, gặp Văn Thù Bồ Tát ở núi Ngũ Đài, đạo tràng của Bồ Tát là Đại Thánh Trúc Lâm Tự, đẹp đẽ, cao rộng. Tổ nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, thưa hỏi Bồ Tát: “Trong

thời kỳ Mật Pháp, tu pháp môn nào sẽ dễ thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy Tổ tu pháp môn Niệm Phật, lại còn niệm cho Tổ nghe mấy câu thánh hiệu A Di Đà Phật. Cách niệm ấy sau này được gọi là Ngũ Hội Niệm Phật. Phép Ngũ Hội Niệm Phật này đã thất truyền. Năm 1977, tôi giảng kinh tại Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán (thư viện Phật Giáo Trung Hoa) do lão pháp sư Đàm Hư sáng lập ở Hương Cảng. Trong thư viện ấy có tập sách nhỏ mang tựa đề Ngũ Hội Niệm Phật, có ghi chép nhạc phổ, âm điệu, tôi đem về Đài Loan. Cuốn sách ấy được biên soạn vào đầu thời Dân Quốc, rất cũ, sợ đã thất truyền, nên tôi in ra mấy ngàn bản ở Đài Loan. Trong số những vị xuất gia tại Đài Loan có người thông hiểu âm nhạc bèn đem sang Viên Quang Phật Học Viện ở Trung Lịch kiếm những vị đồng học, dựa theo nhạc phổ để luyện tập. Sau đây lại

thâu vào băng ghi âm. Nghe cuốn băng ấy, cảm thấy rất dễ nghe, rất náo nhiệt, nhưng hoàn toàn chẳng thanh tịnh. Đủ thấy rằng, nó hoàn toàn chẳng phù hợp với âm điệu do ngài Pháp Chiếu truyền lại. Ngài Pháp Chiếu gặp Văn Thù Bồ Tát xong, sợ trong tương lai sẽ tìm [Bồ Tát] chẳng được, nên trên đường trở về đã đánh dấu dọc theo lối đi. Mải miết đi, quay đầu nhìn lại thì đã là một giải núi hoang, thứ gì cũng chẳng có!

Phi hành gia Mỹ sau khi đáp xuống mặt trăng, chỉ thấy một vùng hoang vu. Có người hỏi tôi, trong tương lai, khi tụng công khóa sáng tối, có còn niệm Nguyệt Quang Bồ Tát hay không? Tôi nói: “Vẫn phải niệm!” Vì Nguyệt Quang Bồ Tát ở trong nguyệt cung, phi hành gia đến đó, không thấy được Ngài, cũng giống như đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát được lập tại núi Ngũ Đài, nhưng chúng ta cũng chẳng tìm được!

Trong Tam Muội Thủy Sâm, Ngộ Đạt quốc sư tìm kiếm đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca tại Tây Thục, đạo tràng của tôn giả cũng là vàng ngọc chói ngời. Sáng hôm sau, [Sư dùng nước] rửa vết ghẻ hình mặt người xong thì trong nháy mắt, chẳng thấy đạo tràng đâu nữa. Do đây có thể biết rằng: Phàm phu gặp được thánh giả thì phải có duyên phận đặc biệt thù thắng. Đâu Suất Thiên là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, chia thành hai viện nội và ngoại. Ngoại viện là chỗ phàm phu cư trụ, Di Lạc Bồ Tát trụ trong nội viện. Đệ Tứ Thiên cũng là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, trong ấy có Ngũ Bất Hoàn Thiên, phàm phu cũng chẳng thấy được. Trong lục đạo có ba chỗ là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong thế giới Cực Lạc khác hẳn, toàn là người niệm Phật vãng sanh tu Tịnh nghiệp, đôi bên

chẳng bị ngăn ngại. Đây chính là chỗ thù thắng của cõi Đông Cực bên Tây Phương.

Kiến Hoặc và Tư Hoặc chẳng dễ diệt trừ, bước đầu tiên chỉ là “phục đoạn” (khuất phục, chế ngự). Đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc liên chứng quả A La Hán, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Hễ có ý niệm thì là phiền não, bất luận ý niệm nào, thiện hay ác đều chẳng màng, ý niệm thứ nhất vừa khởi lên thì ngay lập tức dùng một câu A Di Đà Phật để đè nó xuống. Cổ nhân ví von: “*Dùng đá đè cỏ*”, chỉ cần đè xuống được thì niệm Phật dễ thành phiền. Trong thực tế, lúc bình thường, vọng niệm rất nhiều, nhưng ta hoàn toàn chẳng nhận biết, tốt nhất là đừng quan tâm tới nó. Nếu chú ý tới vọng tưởng, đâm ra càng nhiều vọng tưởng hơn! Hãy mặc kệ nó, dốc sự chú ý vào Phật hiệu. Đại khái là trong thời gian tàn một cây hương, tức là trong một tiếng rưỡi, có

dăm ba vọng tưởng thì coi như công phu đã khá lắm. Niệm năm năm mới được như thế. Nếu trong vòng một cây hương mà không có vọng tưởng thì cũng phải tốn công phu tám năm hay mười năm. Công khóa sáng tối mỗi ngày nhất định không được thiếu sót, còn tán niệm (ở đây có nghĩa là niệm Phật ngoài thời khóa nhất định) có thể niệm nhiều hơn hay ít hơn. Tại Mỹ, công việc bận bịu, áp lực nặng nề, khóa tối khóa sáng hạn định thời gian càng ít càng hay. Tốt nhất là dùng cách Thập Niệm. Cứ hết một hơi là một niệm, mặt hướng về phương Tây, mười hơi mất chừng năm phút là đủ rồi, chẳng trở ngại công việc. Người niệm Phật biết trước lúc mất, không bệnh tật mà qua đời, chỉ cần chế phục phiền não là có thể đạt được điều ấy. Nhưng chúng ta khó đạt được Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, nhất tâm nhất ý muốn thấy

A Di Đà Phật. Ý chí hết sức mạnh mẽ, ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Ra đi nghiêm túc, đẹp đẽ, ra đi tự tại, đây chính là phước báo lớn nhất.

b) “*Trì chí Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Tư nhậm vận tiên lạc, tác sanh Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ*” (Trì đến mức Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Hoặc và Tư Hoặc tùy ý đoạn trước một thứ nào, sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ). Điều kiện để sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư là phải đoạn được Kiến Tư Hoặc. Trong phần trước, tôi đã có nói: Kiến Hoặc là ác kiến do mê Lý, do phân biệt khởi lên, là tác dụng tâm lý thuộc phương diện tri thức, căn nguyên chủ yếu là Ngã Kiến. Tư Hoặc là ác kiến do mê Sự, tự nhiên khởi lên⁴⁵, thuộc về tác dụng tâm lý trên mặt

⁴⁵ Nguyên văn “*câu sanh nhi khởi*”. “*Câu sanh*” có nghĩa là sanh ra đã có, tự nhiên mà có, giống như con người được sanh ra thì loại phiền não này cũng sanh theo nên gọi là “*câu sanh*”. Xét đến sự hưng khởi của phiền não thì có hai loại:

1. Phân biệt khởi: Do nghe tà sư, tà thuyết, hoặc do suy nghĩ xằng bậy, chấp trước mà khởi phiền não thì gọi là Phân Biệt Khởi.

sinh hoạt, căn nguyên chủ yếu là ba độc Tham, Sân, Si. Kiến Hoặc và Tư Hoặc là căn bản phiền não, còn gọi là Phiền Não Chương.

Trong cõi Phương Tiện Hữu Dư của các thế giới trong mười phương chư Phật có chín loại người cùng sống. Theo cách giảng giải của tông Thiên Thai, Thanh Văn và Duyên Giác trong Tạng Giáo; Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thuộc Thông Giáo, cộng chung là năm loại người, những người thuộc Tam Hiền, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, thêm vào Thập Tín của Viên Giáo [thành chín loại người trong cõi Phương Tiện Hữu Dư]. Những vị ấy đều đã đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Người niệm Phật chẳng cần nghĩ tới những danh tướng và các cách giảng giải trong kinh giáo.

2. Câu sanh khởi: Đối trước trần cảnh tự khởi phiền não, thì gọi Câu Sanh Khởi.

Bốn cõi, ba bậc [vãng sanh] đều chẳng cần nghĩ tới, chỉ nên thật thà niệm một câu Phật hiệu. Công phu sâu sẽ tự nhiên đoạn được phiền não, đó gọi là “*nhàm vận*” (tùy ý). Đừng suy tưởng mình có thể đạt được nhất tâm hay không, càng nghĩ sẽ càng xen tạp.

Sự nhất tâm bất loạn: Sự (事) là hoàn toàn luận theo sự tướng, Nhất (一) là thuần nhất, Loạn (亂) là tạp loạn. Vọng niệm sanh khởi do vô ý, chính mình chẳng thể khống chế được thì hoàn toàn chẳng quan trọng chi cả. Nếu hữu ý [sanh khởi vọng niệm] như tu pháp môn Niệm Phật mà lại tính tham Thiên, lại toan học Mật, nhất định sẽ nẩy sanh chướng ngại. Do vậy, niệm Phật phải có ý chí kiên định, bất cứ ai khuyên đổi sang học pháp môn nào khác đều chẳng nghe theo. Niệm Phật sao cho từng câu rõ ràng, từng chữ phân minh,

tâm chẳng lìa Phật, Phật chẳng lìa tâm, tâm liền biến thành Phật. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, không chỉ đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc, mà Trần Sa hay vô minh cũng tùy ý đoạn được.

“*Lý nhất tâm bất loạn, khoát phá vô minh nhất phẩm, nãi chí tứ thập nhất phẩm, tắc sanh Thật Báo Trang Nghiêm*” (Lý nhất tâm bất loạn là phá rỗng toang từ một phẩm vô minh cho đến bốn mươi một phẩm vô minh, sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm): Cõi Thật Báo Trang Nghiêm còn gọi là cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại. Lý là tâm tánh, tức là như Thiên Tông gọi là “*minh tâm kiến tánh*”. Thiên Tông dùng phương pháp tham cứu, chúng ta dùng một câu Phật hiệu cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy. So ra, Niệm Phật thuận tiện, đơn giản hơn. Niệm Phật có Sự Niệm và Lý Niệm. Người thượng căn lợi

trí có cơ sở lý luận là Lý Niệm. Kẻ hạ ngu chuyện gì cũng chẳng hiểu thuộc về Sự Niệm. Nếu là Sự Niệm mà niệm đến mức phá một phẩm vô minh thì cũng là do Sự Niệm mà đạt đến Lý Niệm, cảnh giới ấy và minh tâm kiến tánh chẳng hai, chẳng khác. Lý nhất tâm bất loạn có bốn mươi một tầng bậc khác nhau, mức độ đoạn vô minh trong mỗi tầng cấp cao thấp khác nhau. Đoạn sạch bốn mươi một phẩm vô minh sẽ thành Phật trong Viên Giáo, rớt rảo viên mãn vô thượng Bồ Đề. Thường Tịch Quang là Lý Thể, vô tướng. Ba cõi kia là sự tướng.

Thường (常) là Pháp Thân, Tịch (寂) là Định, tức Giải Thoát, Quang (光) là trí huệ, tức Bát Nhã. Bốn tánh chân tâm của chúng ta trọn đủ ba thứ đức viên mãn này:

- Pháp Thân có thể hiện hết thấy cõi nước, hữu tình và vô tình trong mười

phương thế giới đều do tâm tánh biến hiện ra. Đây gọi là Pháp Thân Đức.

- Tịch là giải thoát tự tại, tâm tánh vốn tự tại. Chúng ta tự hồ bị phiền não trói buộc, chứ thật ra phiền não ở chỗ nào? Tìm phiền não chẳng thể được! Phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng. Tâm tánh vốn tự tại, đây là Giải Thoát Đức.

- Quang là trí huệ, thế gian và xuất thế gian đều do tự tánh biến hiện, lẽ ra là “*không gì chẳng biết*”, nhưng lại biến thành sự hiểu biết hữu hạn, lỗi là do Sở Tri Chương. Đức Phật giảng Bát Nhã trong một khoảng thời gian dài nhất, giảng đến hai mươi hai năm. Bát Nhã là nói vô tri. Chân trí huệ là vô tri, vô tri chính là vô sở bất tri (không gì chẳng biết). Chỉ sợ hữu tri, hữu tri chính là hữu sở bất tri (có cái không biết). Nếu có sở tri (có cái để biết) thì chỉ là biết một tí ti mà thôi! Trí

huệ viên mãn vốn sẵn có trong bốn tánh của chính mình, chẳng phải do từ bên ngoài đưa tới.

Các tông, các phái trong Phật giáo đều tu Định, trong Định quyết chẳng thể có một vọng niệm nào! Hễ có, sẽ trở thành chướng ngại. Khi đạt đến mức “một niệm chẳng sanh” thì hết thảy đức năng trong tâm tánh sẽ hoàn toàn khôi phục. Câu kết luận cuối cùng trong Tâm Kinh là “*vô trí, diệt vô đắc*” (vô trí nên cũng vô đắc). Đắc là do phiền não mà có, Sở Tri Chướng là do hiểu biết mà có. Vô trí thì Sở Tri Chướng bị gạt bỏ, vô đắc thì Phiền Não Chướng bị dẹp trừ. Hằng ngày niệm Tâm Kinh, mà nếu chẳng thể đề cao cảnh tỉnh, hiểu thấu chân nghĩa của kinh ấy thì đã uổng công niệm mất rồi!

Bất Thoái có bốn nghĩa:

1. Niệm Bất Thoái: “*Phá vô minh, hiển Phật tánh, kính sanh Thật Báo, phần*

chứng Tịch Quang” (Phá vô minh, hiển Phật tánh, mau chóng sanh sang cõi Thật Báo, chứng một phần Tịch Quang). Trong pháp Đại Thừa, bậc chứng Niệm Bất Thoái là Pháp Thân Bồ Tát, trong Viên Giáo là từ Sơ Trụ trở lên, trong Biệt Giáo là từ Sơ Địa Bồ Tát trở lên, đều là Niệm Bất Thoái. Xét theo công phu đoạn chứng⁴⁶, các vị Bồ Tát này đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Trong bốn cõi Tây Phương Tịnh Độ, họ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm độ. Thường Tịch Quang là Lý Thể, ba cõi trước đó là sự tướng. Lý không đâu chẳng tồn tại, nhưng trong cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện, không có cách nào nhận thức Lý Thể, mà cũng chẳng thể cảm nhận được. Sanh về cõi Thật Báo mới có thể cảm nhận Lý Thể, đó gọi là “*Lý - Sự viên dung, Tánh - Tướng bất nhị*”. Trong kinh

⁴⁶ Đoạn chứng: Đoạn phiền não, chứng Pháp Thân.

Đại Thừa gọi là “*thân và cõi chẳng hai*” (thân độ bất nhị). Nghe đã quen tai, nhưng không có cách nào thấu hiểu được. Đạt đến cõi Thật Báo sẽ đích thân chứng đắc. Chữ Niệm trong Niệm Bất Thoái nghĩa là chánh niệm, niệm niệm đều tiến hướng Vô Thượng Bồ Đề. Hiện thời, nếu chúng ta hữu niệm thì cũng là vọng niệm, mà nếu vô niệm thì lại là vô minh.

2. Hạnh Bất Thoái: “*Kiến Tư ký lạc, Trần Sa dĩ phá, sanh Phương Tiện độ, tấn xu cực quả*” (Kiến Hoặc và Tư Hoặc đã đoạn, Trần Sa đã phá, sanh vào cõi Phương Tiện, tiến hướng quả tột cùng). Bồ Tát tu Lục Độ vạn hạnh, chẳng bị lui sụt xuống Nhị Thừa. Quyền Giáo Bồ Tát⁴⁷ vẫn có thể lui sụt xuống Nhị Thừa, do vì

⁴⁷ Quyền Giáo Bồ Tát là đối với Thật Giáo Bồ Tát mà nói. Quyền Giáo là những giáo pháp quyền biến, nhằm hướng dẫn người tu từ từ thâm nhập Đại Thừa. Ví dụ như trong Quyền Giáo, quan niệm có nhân trước, quả sau, còn Thật Giáo thấy rõ nhân chính là quả, quả chính là nhân, nhân quả chẳng hai. Nói cách khác, Quyền Giáo chưa ngộ Chân Như, còn chấp tướng tu trì, chưa hoàn toàn thấu hiểu Tam Luân Không Tịch.

thấy chúng sanh khó độ, hạng Bồ Tát ấy không có tánh nhẫn nại, thường hay ngã lòng. Đại Thừa Bồ Tát trọn đủ Định - Huệ, chẳng bị lui sụt xuống Nhị Thừa. Đức Phật bảo chúng ta: Nhị Thừa chẳng thể thành Phật! Để thành Phật thì nhất định phải là “Lý Sự viên dung, Sự Sự vô ngại”. Nhị Thừa có chướng ngại, chẳng viên dung, tự mình tu rất khá, nhưng chẳng thể cùng đại chúng tiếp xúc, họ cảm thấy chẳng thể chịu đựng phiền rộn được. Do vậy, muốn thành Bồ Đề thì phải chứng vô chướng ngại pháp giới như trong kinh Hoa Nghiêm đã giảng, tất phải tiếp xúc chúng sanh trong chín pháp giới. Tiếp xúc chúng sanh là tu hành, phải tu sao cho những điều mình không vừa ý trở thành vừa ý. Phải trừ cho sạch phiền não, phải diệt trừ cho hết. Bồ Tát tu Lục Độ, độ chúng sanh cũng là độ chính mình. Bất luận trong hoàn cảnh nào thì chính mình

cũng đều có lợi. Quán sát trên sự thật, điều cần thiết trước nhất là phải tu khổ hạnh⁴⁸, đối với hết thảy những gì chẳng vừa ý, hãy nên tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, tu Thiên Định Ba La Mật. Cuối cùng, lại phải tu trong thuận cảnh, nếu chuyện gì cũng vừa lòng toại ý sẽ dễ dàng giải đãi. Thuận cảnh còn làm cho con người bị lui sụt dữ dội hơn, do thỏa mãn với tình cảnh hiện thời, cái tâm dũng mãnh hướng thượng không còn nữa. Trong các vị đệ tử Phật tham dự hội Bát Nhã, tôn giả Tu Bồ Đề tượng trưng cho khổ hạnh, Sơ Tổ Thiên Tông là tôn giả Đại Ca Diếp cũng tượng trưng cho khổ hạnh, đều là được rèn luyện trong nghịch cảnh. Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử được rèn luyện trong thuận cảnh. Trong nghịch

⁴⁸ Khổ hạnh ở đây không có nghĩa là hành xác như chỉ ngủ ngồi không nằm, nhịn ăn v.v... mà là “làm được những việc người khác không thể làm, chịu đựng những việc người khác không thể chịu”, dứt bỏ những tập khí quen hưởng thụ sung sướng, biếng nhác của chính mình, giảm thiểu nhu cầu đến mức thấp nhất.

cảnh tu nhẫn nhục, phá trừ tâm nóng giận, trong thuận cảnh đoạn tham ái. Khi Thiện Tài đồng tử sanh ra, trong nhà bảy báu trời lên. Trong thuận cảnh, tu trì khó khăn hơn trong nghịch cảnh. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều phải dùng những cảnh đó để đoạn tham, sân, si.

3. Vị Bất Thoái: “Đời nghiệp vãng sanh, tại Đồng Cư độ, liên hoa thác chất, vĩnh đoạn thoái duyên” (Đời nghiệp vãng sanh trong cõi Đồng Cư, gởi thân nơi hoa sen, vĩnh viễn đoạn trừ duyên gây lui sụt). Từ ngữ Vị Bất Thoái chỉ quả vị của thánh nhân. Bạc Sơ Quả trong Tiểu Thừa đã chứng Vị Bất Thoái, chẳng còn lui sụt xuống hàng phàm phu. Sau khi chứng được Sơ Quả, sẽ sanh trở lại trong nhân gian hay trên cõi trời bảy lần, liền chứng quả A La Hán. Kinh Phật nói để thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tính từ lúc nào? Phải tính từ lúc đắc Sơ Quả.

Nếu không như vậy thì có thể là người tu hành lại lui sụt xuống lục đạo luân hồi. Trong các kinh Kim Cang, Lăng Nghiêm, Vô Lượng Thọ, đức Phật đều nói chúng ta có duyên phận với Phật chính là do thiện căn đã tu tập trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay. Vì sao vẫn chưa thành Phật? Vì từ trước đến nay chưa hề chứng được Sơ Quả. Kinh Hoa Nghiêm nói để thành Phật phải tốn vô lượng kiếp, cũng là vì chẳng tính từ Vị Bất Thoái. Chúng đắc Vị Bất Thoái hoàn toàn chưa lìa khỏi tam giới, nhưng chẳng còn là phàm phu, chỉ qua lại trong đường trời người, trọn chẳng đọa trong tam đồ. Làm thế nào mới có thể chứng được địa vị Vị Bất Thoái? Phật dạy đối với Kiến Tư Hoặc, phải đoạn được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới⁴⁹.

⁴⁹ [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù] Trong đoạn văn trên đây, Hòa Thượng nói phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong thế giới. Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc được gọi là tám mươi tám Sứ, liệt kê như sau:

Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt sanh*” là nói về mười niệm lúc lâm chung. Lâm chung mà có thể niệm Phật cũng chẳng đơn giản, ắt phải hội đủ ba điều kiện:

- 1) Thần trí tỉnh táo.
- 2) Có thiện tri thức nhắc nhở đúng lúc.
- 3) Nghe xong có thể thật sự làm theo.

Chẳng phải ai cũng có đủ ba điều kiện trên đây, nhất định lúc bình thường phải nỗ lực, đừng mang tâm cầu may. Hễ mê

Kiến Hoặc	Dục Giới	Khô (tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến)	10 Sử	32 Sử	Tổng cộng 88 Sử
		Tập (trừ thân kiến, biên kiến, giới cấm thủ kiến)	7 Sử		
		Diệt (giống như trên)	7 Sử		
		Đạo (trừ thân kiến, biên kiến)	8 Sử		
	Sắc Giới	Khô (trừ sân)	9 Sử	28 Sử	
		Tập (trừ sân, thân kiến, biên kiến, giới cấm thủ kiến)	6 Sử		
		Diệt (giống như trên)	6 Sử		
		Đạo (trừ sân, thân kiến, biên kiến)	7 Sử		
	Vô Sắc Giới	Khô (trừ sân)	9 Sử	28 Sử	
		Tập (trừ sân, thân kiến, biên kiến, giới cấm thủ kiến)	6 Sử		
		Diệt (giống như trên)	6 Sử		
		Đạo (trừ sân, thân kiến, biên kiến)	7 Sử		

hoặc liền đọa vào tam ác đạo. Nếu thần trí tỉnh táo, sẽ chẳng đọa trong tam đồ. Vì thế, lúc bình thường phải giữ lòng làm lợi chúng sanh, tu phước làm đầu.

Chúng ta quá nửa có thể sanh về cõi Đồng Cư, chứng Vị Bất Thoái. Thế giới Sa Bà này cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng chúng ta chưa chứng được Vị Bất Thoái. Sau khi sanh về cõi Đồng Cư của Tây Phương, liền chứng Vị Bất Thoái. Đủ thấy Tây Phương thù thắng hơn Sa Bà. Càng thù thắng hơn nữa là trong Tây Phương, sanh về một cõi liền sanh hết thảy cõi, chứng được một thứ, liền chứng hết thảy, đồng thời chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Tây Phương thù thắng như thế là vì ba lý do lớn:

1) Sanh về Tây Phương sẽ hằng ngày gặp Phật.

2) Luôn luôn nghe pháp, chẳng riêng gì Phật, Bồ Tát thuyết pháp, mà sáu trần

(Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp) đều thuyết pháp.

3) Thường cùng các vị đại Bồ Tát ở chung một chỗ.

Ở trong hoàn cảnh như vậy, sẽ không có nhân duyên gây thoái chuyển. Trong thế giới Sa Bà, rất khó được nghe chánh pháp, ác tri thức đông đảo, thiện tri thức ít ỏi. Vì thế, dễ bị thoái chuyển.

4. Tát Cánh Bất Thoái: “*Bất luận chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hoặc giải, bất giải, đản Di Đà danh hiệu, hoặc lục phương Phật danh, thử kinh danh tự, nhất kinh ư nhĩ, giả sử thiên vạn kiếp hậu, tất cánh nhân tư độ thoát*” (Bất luận chí tâm hay tán tâm, hữu tâm hay vô tâm, hiểu hoặc chẳng hiểu, chỉ cần danh hiệu Di Đà, hoặc danh hiệu của chư Phật trong sáu phương và tên gọi kinh này, vừa nghe thoảng qua tai, giả sử ngàn vạn kiếp sau, rốt ráo sẽ do điều này mà được độ thoát).

“*Chí tâm*” là nhất tâm, chân thành tâm. “*Tán tâm*” là có xen tạp. Bất luận hữu tâm hay vô tâm, hiểu hoặc chẳng hiểu, chỉ cần nghe được một tiếng Phật hiệu hoặc tựa đề kinh, liền gieo được hạt giống thành Phật, trong tương lai sớm muộn gì cũng có thể bước vào cửa Phật, tu hành, chứng quả. Kinh Pháp Hoa chép: Khi đức Phật tại thế, có một cụ già muốn theo Phật xuất gia. Những đệ tử Phật đã chứng A La Hán, có Túc Mạng Thông biết được quá khứ, vị lai, quán sát thấy cụ già ấy trong năm trăm đời chẳng có thiện căn nên không chịu thu nhận. Cụ già buồn khóc, chẳng chịu bỏ đi. Đức Phật trông thấy, liền kêu cụ già lại, cho cụ xuống tóc. Đức Phật bảo các đệ tử: Trong vô lượng kiếp trước, cụ già này làm tiểu phu, lên núi đẵn củi, gặp một con mãnh hổ, bí quá, trèo lên cây, vô tình kêu lên một tiếng “nam-mô Phật”. Có nhân duyên như vậy, đời này cơ

duyên chín muôi, phát tâm xuất gia. Cụ già ấy về sau chứng quả A La Hán.

“*Nhất sanh bổ Phật, thị Vị Bất Thoái, tức dĩ viên chứng tam Bất Thoái*” (trong một đời được bổ xứ thành Phật, là Vị Bất Thoái, tức là đã chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái). Máy câu này hết sức trọng yếu, ắt phải ghi nhớ thật kỹ. Không những chính mình sẽ có thể thật sự phát khởi nguyện vọng cầu sanh Tịnh Độ, mà còn có thể giải đáp cho không ít người nghi hoặc. Những điều này là sự thù thắng tối cực, các pháp môn khác không có sự nhanh chóng như thế này. Như các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa thường giảng, sau khi chứng được quả Tu Đà Hoàn phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp hoặc vô lượng kiếp mới có thể thành Phật, chẳng thể nào thành tựu ngay trong một đời. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật, trong một đời sanh về thế giới Cực Lạc, liền ở cùng một chỗ

với các vị Bồ Xứ Đẳng Giác Bồ Tát, cũng đồng thời chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Trong thế giới Sa Bà, chúng Vị Bất Thoái là Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, chúng Hạnh Bất Thoái là Đại Thừa Bồ Tát, chúng Niệm Bất Thoái là Pháp Thân đại sĩ, phân định rất rành mạch. Hễ sanh về Tây Phương thế giới liền hoàn toàn chứng được [cả ba thứ Bất Thoái này].

Cuối cùng, Ngẫu Ích đại sư khích lệ chúng ta. Trong hết thảy kinh luận được đức Phật giảng trong bốn mươi chín năm đều không có thuyết “*chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái*”, trong mười phương thế giới của chư Phật cũng không có tình trạng này. Ngài lại dùng Thiên Tông để so sánh. Thiên Tông là đốn ngộ, nhưng chẳng thể đoạn sạch tập khí phiền não ngay trong một đời, phải đời đời kiếp kiếp chẳng lui sụt [thì mới hòng đoạn sạch]. Trong Thiên Tông, sau khi triệt ngộ, đời

đời chẳng lui sụt chẳng phải là chuyện dễ dàng. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, những vị đại triết đại ngộ bên Thiên Tông, đến đời sau bị thoái chuyển rất nhiều. Có một câu chuyện rất nổi tiếng là Tam Sanh Thạch (hòn đá ba đời) kể về thiền sư Viên Trạch. Sư có thể biết quá khứ và vị lai, vẫn chẳng thể tránh khỏi đời sau đầu thai. May mắn là Sư chẳng bị mê khi cách âm, nhớ được chuyện đời trước, nhưng vẫn phải luân hồi để tiếp tục tu. Khi thay đổi thân thể này, Sư chẳng có cơ hội ở cùng một chỗ với các vị đại Bồ Tát, mà cũng chẳng thể viên chứng ba thứ Bất Thoái. Bởi lẽ, trong Thiên Tông, hễ có tu trì thì trong đời thứ hai sẽ có phước, có huệ, có thể sẽ là đại phú, đại quý, rồi lại đầu thai, càng đầu thai, càng mê, tình cảnh mỗi ngày một tệ hơn. Đây chính là nguyên

nhân vì sao để thành Phật phải mất vô lượng kiếp⁵⁰.

3.5. Minh giáo tướng (giảng về giáo tướng)

(Giải) Đệ ngũ, giáo tướng. Thử Đại Thừa Bồ Tát Tạng nhiếp. Hựu thị vô vấn tự thuyết, triệt để đại từ chi sở gia trì, năng linh Mật Pháp đa chương hữu tình, y tư kính đặng Bất Thoái. Cố đương lai kinh pháp diệt tận, đặc lưu thử kinh trụ

⁵⁰ [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: Trong đoạn văn trên đây nhắc tới Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, sợ hàng sơ học cảm thấy bỡ ngỡ, nên ở đây tôi giảng đại lược.

1. Tu Đà Hoàn (Srotāpanna) là thánh nhân Sơ Quả trong Tiểu Thừa, dịch là Nhập Lưu, hoặc Dự Lưu, tức là tham dự vào dòng Thánh, ngộ pháp tánh bình đẳng. Còn gọi là Nghịch Lưu, ngụ ý: Ngược dòng sanh tử, vào biển thánh trí.

2. Đoạn tám mươi tám Sử trong tam giới, hết sạch Kiến Hoặc, đắc pháp nhãn tịnh, thấy lý Chân Không, lại trải qua bảy lần sanh tử liền nhập Niết Bàn.

3. Vào trong dòng pháp tánh của bậc thánh nhân, ngược dòng lục trần của phàm phu.

4. Chẳng nhập trong tướng của hết thấy cảnh giới lục trần Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Do tình thức đã rỗng không, không còn Ngã, Ngã Sở, nên chẳng vào trong lục trần. Đã chẳng nhập lục trần nên tuy Tu Đà Hoàn xưng là Nhập Lưu cũng chẳng tự cảm thấy mình đã dự vào dòng thánh, chẳng qua giả gọi là Nhập Lưu mà thôi, nên nói là “vô sở nhập”. Đắc quả chính là vì vô niệm, hề khởi niệm sẽ chẳng đắc quả. Do vậy, kinh Kim Cang chép: “Tu Bồ Đề nói: - Bạch Thế Tôn, không ạ! Vì có sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, nhưng chẳng có gì để nhập, chẳng nhập Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, nên gọi là Tu Đà Hoàn”.

*thể bách niên, quảng độ hàm thức. A
Già Đà dược, vạn bệnh tổng trì, tuyệt đãi
viên dung, bất khả tư nghị. Hoa Nghiêm
áo tạng, Pháp Hoa bí tử, nhất thiết chư
Phật chi tâm yếu, Bồ Tát vạn hạnh chi
tư nam, giai bất xuất ư thủ hỷ. Dục
quảng thán thuật, cùng kiếp mạc tận. Trí
giả tự đương tri chi.*

(解)第五。教相。此大乘菩薩藏攝。

**又是無問自說。徹底大慈之所加持。能
令末法多障有情。依斯徑登不退。故當
來經法滅盡。特留此經住世百年。廣度
含識。阿伽陀藥。萬病總持。絕待圓
融。不可思議。華嚴奧藏。法華秘髓。
一切諸佛之心要。菩薩萬行之司南。皆**

不出於此矣。欲廣歎述。窮劫莫盡。智者自當知之。

(Giải: Thứ năm là giáo tướng. Kinh này thuộc về Đại Thừa Bồ Tát Tạng. Lại là kinh không ai hỏi mà Phật tự nói, được lòng đại từ triệt để gia trì, có thể khiến cho hữu tình lăm chướng trong đời Mạt Pháp nương vào kinh này sẽ mau chóng chứng Bất Thoái. Vì thế, trong tương lai khi kinh pháp diệt sạch, riêng lưu lại kinh này một trăm năm trong cõi đời để rộng độ hàm thức⁵¹. Thuốc A Già Đà trị chung muôn bệnh, dứt bật đối đãi⁵² một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Tạng sâu mâu của kinh Hoa Nghiêm, cốt tủy bí mật

⁵¹ Hàm thức (Sattva) còn dịch là Tát Đỏa, Hữu Tình, Hàm Linh, Hàm Sanh, Bẩm Thức, hoặc Chúng Sanh, tức là hết thấy những sinh vật có tâm thức. Từ ngữ này thường được dùng chỉ cho hết thấy chúng sanh trong lục đạo.

⁵² Trong chữ “tuyệt đãi”, đãi là “đối đãi”, tức là thấy có hai bên, có tương đối. Hễ thấy Có thì phải thấy Không, thấy Khổ thì sẽ thấy Lạc. “Đối đãi” còn được gọi bằng danh xưng “nhị biên”. Gọi là tuyệt đãi viên dung vì không còn thấy có nhị biên, nhưng cũng chẳng thấy là chính mình không thấy còn có đối đãi.

của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thầy chư Phật, là kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ Tát, đều chẳng ra ngoài kinh này. Muốn khen ngợi, nêu bày rộng rãi thì dầu hết cả kiếp cũng chẳng thể nói trọn, người trí hãy nên tự biết lấy).

Phần này nêu rõ đối tượng của sự dạy học. Trong thế gian có những người chưa thâm nhập, nghiên cứu kinh này, tưởng niệm Phật là Tiểu Thừa, là chỉ lo tự giải thoát cho riêng mình. Thật ra, pháp môn này là pháp môn thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Luận theo phương diện giáo tướng (kinh thuộc thể loại giáo pháp nào), so trong các kinh Đại Thừa và Tiểu Thừa thì kinh này thuộc về Đại Thừa, trong Ngũ Thừa⁵³ thuộc về Bồ Tát Thừa,

⁵³ Ngũ Thừa: Có nhiều cách hiểu như sau:

1. Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa (quan điểm này được đề xướng bởi Pháp Hoa Huyền Luận và được dùng phổ biến nhất trong phán giáo).

trong mười hai phần giáo, thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết. Phương pháp tu trì thích hợp trọn khắp ba căn, mà cũng khéo hợp căn cơ nhất đối với kẻ lắm phiền não, nghiệp chướng nặng nề.

Do một đại sự nhân duyên mà đức Phật xuất hiện trong cõi đời, điều này cũng thuộc về pháp sanh diệt. Pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm, hiện thời nhằm đúng thời kỳ Mạt Pháp, vẫn còn hơn tám ngàn năm nữa. Mai sau, Phật pháp sẽ suy vi dần dần, cuối cùng bị tiêu diệt hẳn.

2. Ngũ Thừa là Thiên Thừa (pháp sanh trong Dục Giới), Phạm Thừa (tức những giáo pháp tu lên cõi Sắc và Vô Sắc), Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Phật Thừa. Đây là quan điểm của Lăng Già A Bát Đa La Bảo Kinh.

3. Ngũ Thừa là Nhất Thừa, Bồ Tát Thừa, Duyên Giác Thừa, Thanh Văn Thừa, Tiểu Thừa (Tiểu Thừa ở đây có nghĩa là nhân thiên thừa). Đây là quan điểm của riêng Hoa Nghiêm Tông.

4. Ngũ Thừa là Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, Vô Thượng Thừa, Chung Chung Thừa và Nhân Thiên Thừa. Đây là thuyết được giảng trong Xung Tán Đại Thừa Công Đức Kinh.

5. Theo Chân Ngôn Tông, Ngũ Thừa là Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa (gần giống quan điểm thứ nhất, nhưng Chân Ngôn Tông phối hợp mỗi thừa với một Đại, chẳng hạn Nhân Thừa là Địa Đại).

6. Tông Thiên Thai phán định Ngũ Thừa là Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa và Phật Thừa (tức là gộp chung Thanh Văn và Duyên Giác thành một thừa).

Như vậy, Bồ Tát Thừa được nói ở đây chỉ có thể hiểu theo cách thứ nhất hoặc cách thứ sáu.

Có người hoài nghi, hiện thời kỹ thuật ấn loát tiến bộ, phần lớn kinh sách đã được tàng trữ trong các thư viện lớn, có thể bảo tồn lâu dài, làm sao bị tiêu diệt cho được? Hãy nên biết rằng: Kinh điển tuy chẳng bị tiêu mất, nhưng không ai tin tưởng, đọc tụng, thọ trì thì cũng giống như đã bị tiêu diệt. Trong kinh Pháp Diệt Tận, đức Phật có nói: Trong tương lai, đến cuối thời kỳ Mạt Pháp, bộ kinh đầu tiên bị tiêu diệt là kinh Lăng Nghiêm. Đến khi Phật pháp diệt tận, do sức oai thần của đức Phật ban ơn cho chúng sanh nên đặc biệt lưu lại kinh A Di Đà tồn tại trong cõi đời thêm một trăm năm nữa. Đến khi kinh giáo hoàn toàn tiêu mất rồi, vẫn còn có một câu “Nam-mô A Di Đà Phật”, hễ ai niệm câu này thì vẫn có hiệu quả.

Pháp môn này giống như thuốc A Già Đà⁵⁴, trị chung muôn bệnh, bất luận căn tánh nào cũng đều thích hợp. Trong hết thủy kinh, các vị đại đức trong ngoài nước xưa nay đều công nhận Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đại diện cho Phật pháp, nhất là kinh Hoa Nghiêm, được các tông phái cùng xưng tụng là căn bản, những kinh khác là cành lá của kinh Hoa Nghiêm. Đại sư xưng tụng kinh này là “áo tạng” (kho uyên áo, kho sâu mầu) của kinh Hoa Nghiêm. Pháp môn Niệm Phật này có thể khiến cho hết thủy chúng sanh trong chín pháp giới mau chóng, bình đẳng thành Phật ngay trong một đời. Bồ Tát trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, giúp hết thủy chúng sanh mau chóng thành Phật cũng dùng pháp môn này, đều chẳng ra ngoài pháp trì danh niệm Phật của kinh

⁵⁴ A Già Đà (Agada), còn dịch là Phở Khử, Vô Giá, Vô Bệnh, Bất Tử Dược, còn phiên âm là A Kiệt Đà hoặc A Yết Đà, những từ ngữ này đều có nghĩa là thuốc trị chung hết mọi căn bệnh.

này. Trong lời tựa cho bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giải (chú giải kinh Vô Lượng Thọ) của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, tôi có viết một câu như sau: “*Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà hoàn toàn tương đồng, chẳng qua là đại bản và tiểu bản mà thôi, đây là kinh bậc nhất để mười phương hết thầy chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo*”. Đây chính là điều chúng tôi cảm niệm sau nhiều năm tu học. Trong quá khứ đã có người hỏi tôi: Nếu trong Đại Tạng Kinh chỉ lấy một bộ thì thầy sẽ lấy bộ nào? Tôi nói: “Tôi lấy kinh A Di Đà, lợi ích của kinh này đối với chúng sanh nếu nói cạn kẽ thì hết cả kiếp vẫn chẳng thể nói trọn!”

IV. Giải thích chánh kinh

(Giải) Nhập văn phân tam: Sơ Tự Phân, nhị Chánh Tông Phân, tam Lưu

Thông Phần. Thử tam danh Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện. Tự như thủ, ngũ quan cụ tồn. Chánh Tông như thân, phủ tạng vô khuyết. Lưu Thông như thủ túc, vận hành bất trệ. Cổ, Trí Giả thích Pháp Hoa, sơ nhất phẩm giai vi Tự, hậu thập nhất phẩm bán, giai vi Lưu Thông. Hựu nhất thời Tích Bản nhị môn, các phân tam đoạn, tắc Pháp Sư đẳng ngũ phẩm, giai vi Tích Môn lưu thông. Cái Tự tất đề nhất kinh chi cương, Lưu Thông tắc pháp thí bất ứng, quan hệ phi tiểu. Hậu nhân bất đạt, kiến kinh văn sảo thiệp nghĩa lý, tiện phán nhập Chánh Tông, trí Tự cập Lưu Thông căn tồn cố sảo, an sở xưng “sơ ngữ diệt thiện, hậu ngữ diệt thiện” dã tai?

(解) 入文分三。初序分。二正宗分。三流通分。此三名初善。中善。後善。

序如首。五官具存。正宗如身。腑臟無闕。流通如手足。運行不滯。故智者釋法華。初一品皆為序。後十一品半。皆為流通。又一時跡本二門。各分三段。則法師等五品。皆為跡門流通。蓋序必提一經之綱。流通則法施不壅。關係非小。後人不達。見經文稍涉義理。便判入正宗。致序及流通。僅存故套。安所稱初語亦善。後語亦善也哉。

(Giải: Bước vào phần kinh văn, chia thành ba phần: Một là Tự Phần, hai là Chánh Tông Phần, ba là Lưu Thông Phần. Ba phần này gọi là Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện. Tự giống như đầu, ngũ quan⁵⁵

⁵⁵ Ngũ Quan: Thông thường, Ngũ Quan được hiểu là mắt, mũi, tai, miệng, lưỡi.

đầy đủ. Chánh Tông như thân, tạng phủ chẳng thiếu. Lưu Thông như chân tay, đi lại không trở ngại. Vì thế, ngài Trí Giả chú giải kinh Pháp Hoa, coi một phẩm đầu là Tự Phần, mười một phẩm rưỡi trong phần cuối đều thuộc Lưu Thông Phần. Lại trong một thời, chia thành hai môn Tích và Bôn, đối với mỗi môn đều chia thành ba đoạn, tức là năm phẩm như phẩm Pháp Sư v.v... đều thuộc Lưu Thông Phần của Tích Môn. Bởi lẽ, Tự Phần ắt phải nêu lên cương lĩnh của một bộ kinh, Lưu Thông Phần chính là pháp thí không úng tắc. Quan hệ chẳng nhỏ! Người đời sau chẳng thông hiểu, hễ thấy phần kinh văn nào dính dáng đôi chút nghĩa lý bèn phán định thuộc phần Chánh Tông, đến nỗi Tự Phần và Lưu Thông Phần chỉ còn là khuôn sáo cũ kỹ, đâu đáng được gọi là “những câu nói trong phần đầu cũng tốt

lành, những lời nói cuối cùng cũng tốt lành” đó ư?)

Đoạn văn giảng giải trong phần này nhằm nêu rõ cách phân chia kinh văn thành từng khoa. Tại Trung Quốc, dưới thời Đông Tấn, pháp sư Đạo An đã chia mỗi bộ kinh thành ba đoạn lớn, trước đó không hề có lệ này. Thuở ấy, có người chẳng tán đồng làm như vậy là đúng. Về sau, bộ Phật Địa Luận⁵⁶ (tức bản chú giải phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm) của pháp sư Thân Quang tại Ấn Độ được truyền đến Trung Quốc, sau khi được dịch ra thì [người đọc mới thấy ngài Thân Quang] cũng chia kinh văn thành ba phần Tự, Chánh Tông và Lưu Thông. Từ đây

⁵⁶ Bộ luận này có tên gọi đầy đủ là Phật Địa Kinh Luận (Buddhabhūmi-sūtra-sāstra) do các vị như Thân Quang v.v... trước tác, ngài Huyền Trang dịch ra tiếng Hán. Ngài Thân Quang (Bandhu-prabha) là học giả thuộc Duy Thức Học của Ấn Độ, đệ tử của đại luận sư Hộ Pháp (Dharmapāla). Nội dung luận này giải thích những khái niệm trọng yếu trong kinh Hoa Nghiêm như thanh tịnh pháp giới, đại viên kính trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sát trí, thành sở tác trí v.v...

về sau, hết thấy kinh văn đều tuân theo cách phân đoạn này. Cách phân khoa kinh A Di Đà của Ngẫu Ích đại sư có chỗ khác biệt với cổ đức nên Ngài đặc biệt nêu lên cách Thiên Thai Trí Giả đại sư giảng kinh Pháp Hoa, gồm Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện, [tức là] cả ba phần đều tốt lành. Tụ Phần giống như đầu, Chánh Tông Phần giống như thân, Lưu Thông Phần như chân tay, cả ba phần đều tốt lành, chẳng phân chia cao thấp. Trí Giả đại sư là một nhân vật lỗi lạc trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, nếu quý vị muốn biết cặn kẽ, xin hãy đọc Trí Giả Đại Sư Truyện. Kinh Pháp Hoa gồm hai mươi tám phẩm, chia thành hai phần trước và sau. Nửa phần trước gọi là Tích Môn, nửa phần sau gọi là Bản Môn. “*Tích*” (跡) là nói về sự tướng hoàn toàn hiển lộ trước mặt chúng ta. “*Bản*” (本) là nói về quả vị

đã chứng đắc trong quá khứ. Giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, luận về Tích thì Ngài dùng thân phận Bồ Tát vào thế gian hóa độ chúng sanh. Luận theo Bốn, Ngài đã thành Phật từ lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, thả chiếc bè từ, dùng thân phận Bồ Tát giáng thế độ sanh. Lại như đại đệ tử của đức Thế Tôn là ngài Xá Lợi Phất, [mang thân phận] là Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán, nhưng ngài Xá Lợi Phất cũng là cổ Phật tái lai.

Trong phần Tích Môn của kinh Pháp Hoa cũng có ba phần Tự, Chánh Tông và Lưu Thông. Phẩm thứ nhất là Tự Phần, từ phẩm thứ hai đến phẩm mười bảy, tức phẩm Phân Biệt Công Đức, là Chánh Tông Phần. Nửa phần còn lại cho đến phẩm cuối cùng, tức phẩm hai mươi tám, thuộc Lưu Thông Phần. Vì thế, được gọi là Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện. Đại sư lại đem hai mươi tám phẩm ấy chia

thành hai phần là Bốn Môn và Tích Môn, Tích Môn gồm mười bốn phẩm đầu. Phẩm thứ mười lăm là Tự Phần của Bốn Môn, từ đó cho tới phẩm thứ mười bảy là Chánh Tông Phần của Bốn Môn, từ phẩm mười tám đến phẩm hai mươi tám đều thuộc về Lưu Thông Phần của Bốn Môn. Do đây, có thể thấy rõ là kinh diễn từ đầu đến cuối đều tốt lành, như người ăn mật, nếm ở giữa hay chung quanh đều ngọt. Từ Tự Phần có thể thấy được cương yếu của toàn bộ kinh, do Lưu Thông Phần nên kinh có thể lưu truyền mười phương ba đời không bị chướng ngại, quan hệ chẳng nhỏ. Người đời sau chẳng biết tánh chất trọng yếu [của hai phần này], hễ thấy kinh văn dính dáng đôi chút nghĩa lý bèn phán định đoạn ấy thuộc vào Chánh Tông Phần, đến nỗi Tự Phần và Lưu Thông Phần chỉ còn là hình thức. Cách phân chia ba phần như vậy là do người đời sau đặt ra, chứ trong

lúc giảng kinh Thế Tôn không phân chia như vậy.

4.1. Tự Phần

4.1.1. Thông Tự

(Kinh) Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ, Cấp Cô Độc viên.

(Giải) “Như thị” tiêu tín nguyện, “ngã văn” tiêu sư thừa, “nhất thời” tiêu cơ cảm, “Phật” tiêu giáo chủ. “Xá Vệ đảnh” tiêu thuyết kinh xứ dã. Thật Tướng diệu lý cổ kim bất biến, danh Như. Y Thật Tướng lý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vô phi, viết Thị. Thật Tướng phi ngã, phi vô ngã, A Nan bất hoại giả danh, cố nhưng xưng Ngã. Nhĩ Căn phát sanh nhĩ thức, thân linh viên âm, như không âm không, danh Văn. Thời vô thực pháp, dĩ sư tư đạo hợp,

thuyết thính châu túc, danh Nhất Thời. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, nhân thiên đại sư, danh Phật. Xá Vệ, thủ vôn Văn Vật, Trung Ấn Độ đại quốc chi danh, Ba Tư Nặc vương sở đô dã. Nặc vương Thái Tử danh Kỳ Đà, thủ vôn Chiến Thắng. Nặc vương đại thân danh Tu Đạt Đa, thủ vôn Cấp Cô Độc. Cấp Cô trưởng giả, bố kim mãi Thái Tử viên, cúng Phật cập Tăng. Kỳ Đà cảm thán, thí dư vị bố thiếu địa. Cố tịnh danh Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên dã.

(經) 如是我聞。一時佛在舍衛國。祇樹給孤獨園。

(解) 如是標信順。我聞標師承。一時標機感。佛標教主。舍衛等。標說經處也。實相妙理。古今不變。名如。依實

相理。念佛求生淨土。決定無非。曰是。實相非我非無我。阿難不壞假名。故仍稱我。耳根發耳識。親聆圓音。如空印空。名聞。時無實法。以師資道合。說聽周足。名一時。自覺。覺他。覺行圓滿。人天大師。名佛。舍衛。此云聞物。中印度大國之名。波斯匿王所都也。匿王太子名祇陀。此云戰勝。匿王大臣名須達多。此云給孤獨。給孤長者。布金買太子園。供佛及僧。祇陀感歎。施餘未布少地。故並名祇樹給孤獨園也。

(Chánh Kinh: Ta nghe như thế này, một thời đức Phật ngự tại nước Xá Vê,

trong “vườn ông Cấp Cô Độc, cây của Thái Tử Kỳ Đà”.

Giải: Chữ “như thị” nêu bày tín nguyện, “ngã văn” nêu sư thừa, “nhất thời” nêu sự cơ cảm. Chữ “Phật” nói về vị giáo chủ. “Xá Vệ...” chỉ ra chỗ nói kinh. Diệu lý Thật Tướng xưa nay chẳng biến đổi, nên gọi là Như. Nương vào lý Thật Tướng để niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng sai, thì gọi là Thị. Thật Tướng chẳng phải là ngã, chẳng phải là vô ngã, nhưng ngài A Nan chẳng bỏ giả danh nên vẫn xưng là Ngã (ta). Căn tai phát sanh ra nhĩ thức, đích thân nghe viên âm, giống như hư không in vào hư không, nên gọi là Văn (nghe). “Thời” không phải là pháp thật có, do thầy và trò đạo hợp, người nói kể nghe xong xuôi thì gọi là “nhất thời”. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, là bậc đại sư của người và trời thì gọi là Phật. Xá Vệ, cõi này (Trung Hoa) dịch là

Văn Vật, là tên một nước⁵⁷ lớn ở Trung Ấn Độ, kinh đô của vua Ba Tư Nặc. Thái Tử của vua Ba Tư Nặc tên là Kỳ Đà, côi này dịch là Chiến Thắng. Đại thần của vua Ba Tư Nặc tên là Tu Đạt Đa, côi này dịch là Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc trải vàng [lót đất] để mua khu vườn của Thái Tử [hòng lập tinh xá] cúng Phật và Tăng. Kỳ Đà cảm động, than thở, bố thí chút đất còn lại chưa kịp lót vàng, nên gọi gộp chung [khu vườn ấy] là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên).

Thuở ấy, đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp hoàn toàn chẳng ghi chép, giống như cách Khổng lão phu tử dạy học

⁵⁷ Chữ “nước” ở đây không hẳn là một quốc gia mà phải hiểu gần như là “quận quốc” tức nước phong của vua chư hầu tại Trung Hoa, hoặc các nước nhỏ ở Trung Hoa thời Xuân Thu Chiến Quốc. Xá Vệ vừa là tên của một vương triều lớn (tức vương triều Kiều Tát La - Kasi Kosala) ở Ấn Độ, vừa là tên của đô thành vương triều ấy. Tại Ấn Độ thuở ấy có nhiều vương triều tồn tại, đồng thời, lãnh thổ của mỗi vương triều ấy thường được kinh điển gọi là Quốc, và người thời ấy có thói quen thường đồng nhất tên kinh đô với tên quốc gia. Do vậy, chữ “Xá Vệ Quốc” ở đây nếu nói tỉ mỉ thì là kinh thành Xá Vệ của vương quốc Xá Vệ.

tại Trung Quốc. Sau khi đức Phật nhập diệt, các đệ tử nhận thấy những pháp trọng yếu do thầy đã nói ra lúc Ngài còn tại thế, nếu không được chỉnh lý, ghi chép, gìn giữ thì do năm tháng lâu xa có thể bị thất truyền. Do vậy, các vị đệ tử cùng suy cử ngài A Nan chủ trì chuyện này. A Nan (Ānanda) là em họ của đức Thế Tôn, lại còn là thị giả. A Nan giáng sanh nhằm ngày đức Thế Tôn thành đạo [nên mới được đặt tên là A Nan (Khánh Hỷ)]. Đức Thế Tôn giảng kinh đã hai mươi năm rồi A Nan mới xuất gia. Những kinh đã được giảng trước đó, A Nan chưa từng nghe qua, nên trong lúc xuất gia, Ngài đã xin đức Phật đem những kinh đã giảng trước đó nhắc lại một lượt, Phật chấp thuận. Lại có thuyết nói ngài A Nan tu đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, có thể từ trong Định, thấu triệt hết thấy các pháp. Vì thế, khi kết tập pháp tạng, [đại chúng]

ắt phải suy cử A Nan. Trong khi kết tập, có năm trăm vị A La Hán tham gia, họ đều là đệ tử của đức Thế Tôn khi Ngài còn tại thế. Họ đặt ra một quy định: Ngài A Nan lên tòa thuật lại nội dung của kinh giáo do đức Phật đã giảng khi Ngài còn tại thế, nếu có một người nào dị nghị một chữ hay một từ ngữ nào, thì phải bỏ từ ngữ ấy đi, không ghi lại. [Điều này] nhằm giữ chữ tín với đời sau, chứ không phải là thiếu số phục tùng đa số. Trong hội, ngài A Nan vừa lên pháp tòa, liền được Phật lục gia trì, tướng mạo rất giống Phật, người tham dự ngỡ là Phật lại xuất thế, hoặc là Phật từ phương khác đến, hoặc A Nan đã thành Phật. Đến khi A Nan nói câu thứ nhất “*như thị ngã văn*”, mọi mối nghi nhanh chóng hóa giải. Các kinh điển vừa mở đầu, ắt đều có những câu như “*như thị ngã văn, một thời đức Phật ở chỗ đó, và bao nhiêu người cùng nhóm họp*”

v.v... giống như biên bản cuộc họp. Những câu ấy gọi là Chứng Tín Tự (lời tựa để chứng thực nhằm tạo lòng tin). Kế đến, những lời tường thuật nhân duyên phát khởi của pháp hội, được gọi là Phát Khởi Tự.

“*Như thị ngã văn*” có nghĩa là tôi (A Nan) đích thân nghe đức Phật nói như vậy, tôi chỉ nhắc lại, chẳng tăng thêm, chẳng giảm bớt. Đối với chữ “*nhất thời*”, lúc tôi mới học Phật đã hoài nghi: Có sao không viết rõ năm tháng? Lúc Phật tại thế, Ấn Độ còn thuộc thời kỳ bộ lạc, các nước lớn nhỏ rất nhiều, mỗi nước có lịch pháp (cách tính lịch) riêng. Tại Trung Quốc, vào thời nhà Thương, nhà Châu, cũng có rất nhiều bộ lạc, nhưng nguyên tắc tính lịch giống nhau. Hai chữ “*nhất thời*” nêu bày sự cơ cảm, nghĩa là khi chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao thì sẽ giống như đảo ngược thời gian, có thể quay về quá

khứ. Trí Giả đại sư là người đời Tùy, cách Phật hơn một ngàn năm. Khi Ngài đọc kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương, nhập Định, thấy Phật còn đang giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, Ngài nghe hết một buổi giảng. Sau khi xuất Định, kể với đại chúng: “*Một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan*”. “*Nhất*” là nhất tâm, nhất tâm là chân tâm, không có quá khứ, hiện tại, vị lai.

“*Phật*” là vị chủ giảng, còn giảng đường là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên.

“*Thật Tướng diệu lý, cổ kim bất biến, danh Như*” (Diệu lý Thật Tướng xưa nay chẳng đổi, nên gọi là Như): Thật Tướng là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, lý trong ấy màu nhiệm tốt bậc. Trong kinh Đại Thừa thường nói đến “*Thế, Tướng,*

Dụng”. Thể là Lý Thể⁵⁸, Tướng là hiện tượng, Dụng là tác dụng. Một mà ba, tuy ba nhưng là một. “*Như*” là vĩnh viễn chẳng biến đổi.

“*Y Thật Tướng lý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vô phi, viết Thi*” (Nương theo lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ quyết định chẳng sai, thì gọi là Thi). Đủ thấy chuyện niệm Phật có căn cứ lý luận, căn cứ lý luận ấy cao tột nhất, chân thật nhất, viên mãn nhất. Nếu hoàn toàn thấu hiểu, chẳng hoài nghi thì chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật sẽ là Thật Tướng Niệm Phật. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn chính là Thật Tướng Niệm Phật. Nếu vẫn còn có tư hào gì không thể buông xuống hoặc hoài nghi thì chẳng phải là Thật Tướng Niệm Phật, mà là Sự niệm. Sự niệm chân chánh

⁵⁸ Lý Thể có thể tạm hiểu là bản thể của một pháp xét theo mặt Lý. Các pháp thiên hình vạn trạng, nhưng Thể của chúng là Không nếu xét theo mặt Lý, đừng nhìn theo hình tướng. Do vậy, ta thường nói Lý Thể của các pháp là Không.

thì cũng tốt, Sự niệm mà niệm đến mức công phu thành phiền hay nhất tâm bất loạn thì cũng có thể vãng sanh giống như [Thật Tướng Niệm Phật]. Sanh về Tây Phương rồi mới hiểu rõ ràng thì cũng chẳng chậm trễ gì!

“*Thật Tướng*” là bốn tánh chân tâm của chính mình, cổ đức nói “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Di Đà và Tịnh Độ là sự tướng, tâm tánh là Thật Tướng. Tâm tánh là Như, Di Đà và Tịnh Độ là Thị. Thân thể của chúng ta do tự tánh biến hiện ra, mười phương vô lượng vô biên cõi nước chỉ do tâm biến hiện. Đông đảo chúng sanh, núi, sông, đại địa chỉ do tâm biến hiện. Chân tâm biến hiện chân độ, chân thân (cõi thật, thân thật), vọng tâm biến hiện huyễn độ, huyễn thân. Thân, tâm, thế giới của chúng ta hư huyễn, “*hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. “*Huyễn*” là biến hóa trong từng

sát-na. “*Chân*” là chẳng biến đổi. Tây Phương thế giới do chân tâm của chúng ta biến hiện ra. Cái tâm vọng tưởng sanh diệt trong từng sát-na; vì vậy, thế giới của chúng ta là thế giới sanh diệt. Thiên căn cứ trên đạo lý này để tu tập, Giáo cũng căn cứ trên đạo lý này để tu tập, Niệm Phật cũng không ngoài lệ ấy. Pháp môn tuy nhiều, khác đường, nhưng cùng về một chỗ. Thật Tướng Niệm Phật chính là dùng cái tâm chân thành để niệm Phật. Trong Độc Thư Bút Ký (bút ký đọc sách), tiên sinh Tăng Quốc Phiên⁵⁹ đã định nghĩa chữ Thành (誠) như sau: “*Nhất niệm bất sanh vị chi thành*” (Một niệm chẳng sanh gọi là Thành). Trong cái tâm niệm Phật

⁵⁹ Tăng Quốc Phiên (1811-1872), tự Bá Hàm, hiệu Dịch Sanh, thụy hiệu Văn Chánh, quê ở phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, cháu bảy mươi đời của Tăng Sâm, vừa là chính trị gia, quân sự gia, Lý Học gia và văn học gia đời Thanh. Ông được coi là công thần trung hưng bậc nhất của nhà Thanh, làm quan đến chức Anh Vũ Điện Đại Học Sĩ, Lương Giang Tổng Đốc, tước phong Nhất Đẳng Nghị Dũng Hầu, đời đời tập ấm. Công lao lớn nhất của ông là dẹp yên loạn Thái Bình Thiên Quốc, ông cũng được coi là đại biểu xuất sắc nhất của Dòng Thành Học Phái (một trường phái văn chương cuối đời Thanh, có ảnh hưởng rất rộng đến mọi trào lưu văn học thời ấy).

không có tạp niệm, vứt bỏ hết thảy các vọng duyên, chẳng cần nghĩ đến quá khứ, vị lai, hết thảy đều chẳng nghĩ tới, chân tâm liền hiển lộ. Trong tâm có Ngã thì là vọng niệm. Nếu trong tâm có vô ngã thì cũng là vọng niệm. Có và Không là đối lập. Không và Hữu cũng là đối lập. Cả hai đằng đều chẳng phải là thanh tịnh thật sự. Bất đắc dĩ, Lục Tổ phải nói: “*Bổn lai vô nhất vật*” (Vốn chẳng có một vật). “*Bổn lai vô nhất vật*” cũng chẳng có, bất cứ thứ gì cũng đều chẳng nói tới, đây mới là Tánh Đức hoàn toàn hiển lộ. Phàm phu suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, chấp trước thân này là ta, nhân, ngã, thị, phi trói buộc không ngừng. Nếu Phật trụ trong cảnh giới chân thật, một câu cũng chẳng nói thì làm sao chúng sanh có thể khai ngộ? Ất phải tùy thuận chúng sanh mà nói thì mọi người mới có thể hiểu được. Mọi người đều nói thân thể này là

Ngã, Phật cũng nói Ngã, do tùy thuận chúng sanh mà Phật nói có Ngã, chứ Ngài trọn chẳng chấp trước Ngã. Phật là “*nói mà chẳng nói, không nói mà nói*”. A Nan chẳng hoại giả danh nên vẫn xưng là Ngã.

Nhĩ Căn tiếp xúc với âm thanh bên ngoài thì [thì sự nhận biết âm thanh] gọi là Nhĩ Thức, cũng gọi là “*liễu biệt*” (nhận biết, phân biệt rõ ràng). “*Thân linh viên âm*” tức là ngài A Nan đích thân nghe lời đức Phật giảng. “*Như không ấn không, danh Văn*”: Tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, giống như hư không in vào hư không nên gọi là Nghe.

Thời gian và không gian đều chẳng phải là thực tại, “*Thời*” có quá khứ, hiện tại, vị lai, “*Không*” có bốn phương, trên, dưới, đều phát sanh từ những khái niệm trừu tượng, [trong Bách Pháp Minh Môn Luận] chúng được xếp vào Bất Tương Ứng

Hành Pháp. Bách pháp (một trăm pháp) được chia thành năm loại:

1. Tâm pháp, tức hiện tượng tâm lý.
2. Tâm sở pháp, tức tác dụng tâm lý.
3. Sắc pháp, tức vật chất.
4. Tâm bất tương ứng hành pháp, tức những pháp chẳng thuộc về tâm, chẳng phải là tâm sở, mà cũng chẳng phải là vật chất, mà là những thứ trừu tượng.
5. Vô vi pháp, tức là những pháp vô sanh vô diệt.

“*Sư tư đạo hợp*”, tức là người dạy và kẻ học giúp nhau tăng tấn, người dạy và kẻ học khế hợp thì gọi là “*đạo hợp*”. “*Giáo*” là những chỉ dạy từ tâm tánh lưu lộ, nhất cử nhất động đều là những phương tiện để dạy học, khiến cho học trò thấu hiểu những ý nghĩa được bao hàm trong lời chỉ dạy, nghe và nói xong xuôi, trọn vẹn, cơ duyên tương hợp thì gọi là “*nhất thời*”.

Thiện Đạo đại sư nói: “*Chín phẩm vãng sanh nói chung là do gặp duyên khác nhau*”. Ngày nay, chúng ta có duyên gặp gỡ thù thắng khôn sánh, ai nấy đều có phần Thượng Phẩm vãng sanh. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật là người phước đức lớn bậc nhất. Của cải, quyền lợi, tiếng tăm, địa vị trong thế gian đều là giả, chỉ đến khi lâm chung, A Di Đà Phật tới tiếp đón mới là thật!

Đời người khổ sở, ngắn ngủi, sanh tử nhọc nhằn, phải gắng hết sức tự cứu, tối thiểu cũng phải cứu độ người nhà, quyến thuộc. Chỉ cần sanh về Tây Phương, bất luận gia quyến, thân thuộc đang ở trong thế giới nào, đọa vào đường nào, ta đều có thể trông thấy, lại còn có năng lực giúp đỡ họ. Nếu chẳng sanh về Tịnh Độ, đợi tới khi cái thân nghiệp báo chấm dứt, ai nấy phải thuận theo nghiệp lực mà lưu chuyển, mà cũng chẳng ai giúp đỡ ai được.

Phật là dịch âm của từ ngữ Phật-đà-da, người Hoa thích đơn giản, nên gọi là Phật. Phật có nghĩa là Giác, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. “*Tự giác*” thuộc Tiêu Thừa, chỉ cầu tốt lành cho riêng thân mình. “*Giác tha*” là Bồ Tát, có tâm từ bi, tự động giáo hóa chúng sanh, làm bạn chẳng thỉnh của họ. “*Giác hạnh viên mãn*” là Phật. Chữ “*viên mãn*” không nói về số người được độ, mà là luận theo tâm tánh. Tâm tánh của chúng ta có ba thứ phiền não, một là Kiến Tư phiền não, [hai thứ kia là Trần Sa và Vô Minh]. Người tự giác đã đoạn được Kiến Tư phiền não. Bạc giác tha có thể đoạn thêm Trần Sa, tự hành, dạy người. Đoạn sạch Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh, liền viên mãn thành Phật.

Chữ Đại trong từ ngữ “*đại sư*” có tánh chất bình đẳng. Phật xưng là đại sư vì đối đãi hết thấy chúng sanh bình đẳng giống

hết như nhau. Bồ Tát chưa đoạn hết vô minh nên chẳng thể xưng là “đại sư”, chỉ có thể xưng là Đại Sĩ hoặc Chánh Sĩ. Đối với người xuất gia lại càng chớ nên gọi là đại sư, chỉ có thể gọi là pháp sư. Trí Giả đại sư là do con cháu tông Thiên Thai tôn kính gọi Ngài như thế. Nếu tổ sư biết, nhất định sẽ quở trách bọn họ.

“*Xá Vệ*” (Srāvastī) là tên một nước lớn ở Ấn Độ, là dịch âm của tiếng Phạn, có nghĩa là Văn Vật, tức là có rất nhiều danh nhân, trình độ văn hóa cao, sản vật phong phú. *Xá Vệ* là thủ đô của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit). Thái Tử của vua Ba Tư Nặc tên là Kỳ Đà (Jeta-Kumāra), Hán dịch là Chiến Thắng. Xưa kia, vua cùng nước khác giao chiến, khi vua khải hoàn thì Thái Tử hạ sanh. Vua Ba Tư Nặc có một đại thần tên là Tu Đạt Đa (Sudatta), dịch nghĩa thành Cấp Cô Độc

(Anāthapindada)⁶⁰, thích điều lành, ưa bố thí, thích cứu giúp kẻ nghèo khổ. Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe Phật Thích Ca là một vị có học vấn, muốn mời Ngài sang đại thành Xá Vệ để giảng kinh, thuyết pháp. Đức Phật có một ngàn hai trăm năm mươi lăm môn đệ, cần có một chỗ rộng lớn [để dừng chân]. Cuối cùng, ông ta thấy hoa viên của Thái Tử Kỳ Đà rất thích hợp, nhà cửa cũng rất nhiều, bèn thương lượng với Thái Tử để mua lại. Thái Tử liền nói đùa với trưởng giả Cấp Cô Độc: “Nghe nói nhà ông có rất nhiều vàng. Nếu

⁶⁰ Cấp Cô Độc có nghĩa là nuôi dưỡng, châu cấp trẻ mồ côi và kẻ không con, không nơi nương tựa). Anāthapindada là tiếng Bắc Phạn (Sankrit), thông thường, tên ông thường được các sách vở ghi theo tiếng Nam Phạn (Pali) là Anathapindika. Đôi khi kinh sách Hán Truyền còn gọi ông là trưởng giả Cấp Cô, hoặc trưởng giả A Na Bàn. Theo kinh chép, ông sang thành Vương Xá (Rājagrha) để thăm chị. Chị ông ta cũng là vợ của một vị trưởng giả nổi tiếng tại Vương Xá. Thấy cả nhà anh rể bận bịu chuẩn bị tiệc tùng, ông ngỡ họ làm đám cưới, hỏi ra, mới biết họ chuẩn bị vật thực để cúng dường cho Phật và tăng đoàn vào hôm sau. Nghe đến tên Phật, ông sanh hỷ tâm vô lượng, đang đêm đi đến vườn Sitāvana nơi Phật ngụ. Do tín tâm, đường đi sáng ngời, trên đường, ông thấy miếu thờ trời, vào lễ bái, trời lại tối om như cũ, kinh sợ muốn trở về. Dạ xoa Sīvaka bèn nói kệ khuyến khích, ông tiếp tục đi, trời lại tỏa sáng như cũ. Đến nơi, thấy Phật đang đi kinh hành thiền định trong vườn. Đức Phật từ bi thuyết pháp khiến Tu Đạt Đa pháp hỷ sung mãn, liền đắc quả Tu Đà Hoàn. Ông bèn cung thỉnh Phật sang Xá Vệ thuyết pháp độ sanh.

ông đem vàng lót khắp hoa viên của ta thì ta sẽ bán cho ông”. Trưởng giả Cấp Cô Độc tin thật, liền sai thợ chuyên vàng đến lót đất. Thái Tử lại hỏi vì sao mua khu vườn này trịnh trọng đến như thế? Ông ta nói: “Tôi thỉnh Phật Thích Ca sang đây giảng kinh, thuyết pháp”. Thái Tử nghe nói liền hết sức cảm động, bảo: “Công đức này do hai người chúng ta cùng làm, đất trong vườn tính là của ông, còn cây cối coi như của tôi”. Vì thế, [khu vườn ấy] được gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma: vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của Thái Tử Kỳ Đà). Đức Phật cũng chẳng phụ lòng bọn họ, trụ ở nơi ấy rất lâu, rất nhiều bộ kinh trọng yếu của Đại Thừa đã được giảng tại khu vườn này.

(Giải) Thanh Văn cư thủ giả, xuất thế tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp

lại Tăng truyền cổ. Bồ Tát cư trung giả, tướng bất định cổ, bất thường tùy cổ, biểu Trung Đạo nghĩa cổ. Thiên nhân liệt hậu giả, thế gian tướng cổ, phạm thánh phạm tạp cổ, ngoại hộ chức cổ.

(解) 聲聞居首者。出世相故。常隨從故。佛法賴僧傳故。菩薩居中者。相不定故。不常隨故。表中道義故。天人列後者。世間相故。凡聖品雜故。外護職故。

(Giải: Thanh Văn được xếp lên đầu [trong hàng thánh chúng nghe pháp] vì mang hình tướng xuất thế, vì là những người thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để lưu truyền. Bồ Tát được xếp vào giữa, vì hình tướng bất định, vì chẳng thường theo Phật, vì nhằm biểu

thị ý nghĩa Trung Đạo. Trời người được kể sau cùng, vì mang hình tướng thế gian, vì phạm vị thánh phàm xen tạp, vì mang chức trách làm người bảo vệ bên ngoài).

Đoạn văn chú giải này nhằm giảng rõ đại chúng tham dự hội được xếp theo thứ tự thuận: Thanh Văn được xếp vào vị trí thứ nhất, vì là đệ tử Tiểu Thừa của Phật, đều là hàng xuất gia, thường theo học với đức Phật, họ còn được gọi là Thường Tùy Chúng. Phật pháp nhờ vào Tăng đoàn để duy trì, truyền thừa, nên đặc biệt tôn trọng Tăng chúng; vì thế, xếp họ vào địa vị thứ nhất. Các vị Bồ Tát thường thay thầy giáo hóa tại một phương. Ở Trung Quốc, thờ phụng bốn vị đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, và Địa Tạng. Trong ấy, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát mang hình tướng xuất gia, ba vị kia đều là hình tướng tại gia. Người xuất gia ở Trung Quốc đại đa

số thọ Bồ Tát Giới, đầy đủ thân phận Bồ Tát, khác với hàng tỳ-kheo [theo truyền thống Phật giáo] Nam truyền. Bồ Tát cũng biểu thị Trung Đạo, chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ vào Niết Bàn, tùy duyên hóa độ chúng sanh. Lục đạo phàm phu trụ trong sanh tử, không có cách gì thoát lìa luân hồi. Bạc Tiểu Thừa chứng đến Tứ Quả A La Hán, vượt thoát tam giới, trụ trong Niết Bàn. Thiên nhân được xếp cuối cùng, là một trong tứ chúng, phần nhiều là đệ tử tại gia quy y Phật, phẩm loại rất tạp. Như trong năm mươi ba lần tham học của kinh Hoa Nghiêm, chỉ có năm vị trong số [các vị thiện tri thức] là người xuất gia⁶¹, những vị còn lại đều là tại gia Bồ Tát, thân phận, các ngành nghề, già, trẻ, trai, gái đều có. Vì thế, học Phật chẳng trở ngại bất cứ nghề nghiệp nào.

⁶¹ Năm vị xuất gia là tỳ-kheo Đức Vân, tỳ-kheo Hải Vân, tỳ-kheo Thiện Trụ, tỳ-kheo Hải Tràng, và tỳ-kheo Thiện Hiện.

(Kinh) Dĩ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

(Giải) Đại tỳ-kheo, thọ Cụ Giới xuất gia nhân dã. Tỳ-kheo Phạm ngữ, hàm tam nghĩa. Nhất khất sĩ, nhất bát tư thân, vô sở súc tàng, chuyên cầu xuất yếu. Nhị phá ác, chánh huệ quán sát, phá phiền não ác, bất đọa ái kiến. Tam bố ma, phát tâm thọ giới, yết-ma thành tựu, ma tức bố dã. Tăng giả, cụ vân Tăng Già, thử phiên Hòa Hợp Chúng. Đồng chứng vô vi giải thoát danh Lý Hòa. Thân đồng trụ, khẩu vô tránh, ý đồng duyệt, kiến đồng giải, giới đồng tu, lợi đồng quân, danh Sự Hòa dã. Thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, tam Ca Diếp, sư tư cộng thiên nhân, Thân Tử, Mục Liên, sư tư nhị bách nhân, Da Xá tử đấng, ngũ thập nhân, giai Phật thành đạo, tiên đắc độ

*thoát, cảm Phật thâm ân, thường tùy
tùng dã.*

(經) 與大比丘僧。千二百五十人俱。

**(解) 大比丘。受具戒出家人也。比丘
梵語。含三義。一乞士。一鉢資身。無
所蓄藏。專求出要。二破惡。正慧觀
察。破煩惱惡。不墮愛見。三怖魔。發
心受戒。羯磨成就。魔即怖也。僧者。
具云僧伽。此翻和合眾。同證無為解脫
名理和。身同住。口無諍。意同悅。見
同解。戒同修。利同均。名事和也。千
二百五十人者。三迦葉。師資共千人。
身子目連。師資二百人。耶舍子等。五**

十人。皆佛成道。先得度脫。感佛深恩。常隨從也。

(Chánh kinh: Cùng với các vị đại tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp.

Giải: Đại tỳ-kheo là hạng xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Tiếng Phạn tỳ-kheo (Bhiksu) gồm ba nghĩa:

1. Khất Sĩ: Một bát nuôi thân, không tích cóp gì, chuyên cầu pháp yếu xuất thế.

2. Phá Ác: Chánh huệ quán sát, phá ác phiền não, chẳng đọa vào ái kiến.

3. Bồ Ma (làm cho ma kinh sợ): Phát tâm thọ giới, tác pháp Yết Ma thành tựu, ma liền kinh sợ.

Tăng, gọi đủ là Tăng Già (Sangha), cõi này dịch là Hòa Hợp Chúng. Cùng chứng sự giải thoát vô vi thì gọi là Lý Hòa (hòa hợp về mặt Lý). Thân cùng ở, miệng

không tranh cãi, tâm ý cùng vui vẻ, cùng hiểu biết giống như nhau, cùng tu giới như nhau, chia sẻ quyền lợi đồng đều thì gọi là Sự Hòa.

Một ngàn hai trăm năm mươi người là thầy trò ba vị Ca Diếp gồm một ngàn người, thầy trò hai vị Xá Lợi Phất và Mục Liên gồm hai trăm người, nhóm ông Da Xá gồm năm mươi người, đều là những người được độ thoát trước nhất sau khi Phật thành đạo, cảm kích ân Phật sâu đậm, thường theo hầu).

Trước chữ tỳ-kheo, thêm vào chữ Đại, tức là hàng tỳ-kheo Đại Thừa, cũng tức là Đại Thừa Bồ Tát. Kinh này là kinh điển Đại Thừa. Tỳ-kheo là người xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Chữ tỳ-kheo (bhikṣu) có ba nghĩa:

1. Khất Sĩ: [“Khất” (乞) là] ôm bát xin thức ăn để sống, Sĩ (士) là người đọc sách. Ở Trung Quốc, người xin xỏ để sống gọi là “khất cái” (ăn mày) bị người khác coi thường. Tại Ấn Độ, Khất Sĩ có học vấn, có đạo đức, được người khác tôn kính, bởi cảnh văn hóa khác nhau. Đức Phật chế định toàn bộ tài sản của người xuất gia là ba y một bát. Tại Ấn Độ, khí hậu nóng, ba y là đủ dùng. Vĩ độ của Trung Quốc nằm lệch về phía Bắc địa cầu, ba y chẳng đủ để chống rét. Do vậy, [tăng ni Phật giáo] mặc theo y phục Trung Quốc, lúc bình thường liền mặc hải thanh. Áo hải thanh chính là lối phục sức của người có học thời Hán. Khi gặp pháp hội, diễn lễ, khoác thêm một tấm cà-sa ra ngoài. So với y cà-sa Ấn Độ, y cà-sa theo kiểu Trung Quốc được rút nhỏ, chỉ bằng một phần ba, dùng vòng và móc để treo trên thân. Pháp sư Nhật Bản

mặc Âu phục, cà-sa⁶² lại còn nhỏ hơn, chỉ có một, hai tấc, cất trong túi đựng Âu phục. Khi có pháp hội mới lấy ra đeo vào,

⁶² Thật ra, ở Nhật Bản lưu hành hai loại cà-sa chánh yếu:

1. Loại nhỏ, đeo ở cổ như hòa thượng vừa nhắc đến, gọi là Rakusu (絡子: Lạc tử) hoặc Ô-Kuwara (大掛絡: Đại quả lạc). Loại này trông như một cái túi nhỏ hình chữ nhật, có quai đeo vào cổ, thân túi được kết bằng 16 miếng vải may chằm lại, viền quanh mép, có cả khoen và móc đeo, kết cấu giống như một tấm ca-sa thu nhỏ. Tùy theo tông phái mà Rakusu có màu sắc và may bằng chất liệu khác nhau. Có những tông phái, tăng sĩ đeo những tấm Rakusu may bằng vải lụa gấm rực rỡ, thêu thùa rất công phu. Riêng tín đồ Tào Động tông tại Nhật Bản khi thọ giới, được trao truyền một tấm Rakusu màu xanh dương. Thông thường, mặt trước tấm Rakusu trông giống như cà-sa thu nhỏ, mặt sau có thêu biểu hiện của một tông phái, chẳng hạn tông Lâm Tế thêu hình ba ngọn núi, tông Hoàng Bá thêu ngôi sao sáu cánh. Người Nhật tin rằng: Khi hoàng đế Trung Hoa hủy diệt đạo Phật, bắt Tăng sĩ hoàn tục, phá chùa chiền, chư Tăng bèn lén lút chế ra một bức cà-sa thu nhỏ như vậy để đeo dưới lớp áo thường nhằm nhắc nhở mình vẫn là tu sĩ và do vậy, thiền sư Đạo Nguyên (Dogen) của Nhật Bản sang Trung Hoa cầu pháp vào năm 1224 đã mang Rakusu về nước.

2. Thứ hai là loại y cà-sa (thường gọi là Kesa) nhỏ hơn y cà-sa của Trung Hoa màu sắc và chất liệu cũng thay đổi tùy theo tông phái. Thông thường các thiền phái mặc y àa-sa gần giống Trung Quốc, màu sắc thường xám, xanh đậm, đen, hoặc vàng úa. Trong các tông phái khác, y cà-sa chỉ nhỏ bằng một phần ba y Trung Quốc, bằng lụa là, gấm vóc rực rỡ, nhất là trong các tông Tịnh Độ, Thiên Đài, Hoa Nghiêm, Chân Ngôn. Trong một số pháp hội, y cà-sa thường may bằng gấm hay lụa, hoặc các thứ vật liệu rực rỡ khác, có hoa văn tròn to, đeo lên vai bằng một sợi dây lớn chéo qua vai phải, chỉ che khoảng nửa lưng đến trên đầu gối, chứ không choàng lên vai như loại ca-sa truyền thống. Loại này còn chia ra thành hàng chục loại nữa như luân cà-sa, điệp ngũ điều, oai nghi tế, huyền linh, bình cà-sa, giáp cà-sa, nạp cà-sa, viền sơn cà-sa v... Nói chung là do kích thước lớn nhỏ, cách may “điều” và số lượng điều cũng như chất liệu sử dụng khác nhau mà có nhiều loại như thế.

Các tăng sĩ Nhật thuộc các phái Thiền, Thiên Đài, và Chân Ngôn Tông vẫn mặc áo tràng. Thông thường, họ chỉ mặc áo tràng và đeo Rakusu khi tụng kinh, thuyết pháp, khi nào có pháp hội mới đắp cà-sa. Các tăng sĩ thuộc các phái khác như Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông, Nhật Liên Tông thường không cạo tóc, chỉ cắt tóc ngắn, luôn mặc đồ tây, đeo cà vạt, khi lên làm lễ mới khoác áo tràng ra ngoài và đeo Rakusu hay đắp cà-sa. Đôi khi, họ chỉ đeo Rakusu, không mặc áo tràng.

đủ thấy năng lực thích ứng của Phật giáo hết sức viên dung, đạt đến mức độ địa phương hóa và hiện đại hóa.

Sau khi xuất gia bèn không có nhà, không lo, không nghĩ, chẳng vướng mắc gì, tâm mới an định, có thể đạt đến tam-muội hiện tiền. “*Chuyên cầu xuất yếu*”: “*Xuất*” (出) là xuất ly tam giới, “*yếu*” (要) là phương pháp tu học trọng yếu nhất, chí hướng xuất gia nằm ở chỗ này. Do vậy, đối với hết thảy pháp thế gian đều chớ nên lưu luyến. Trong quá khứ, có thể thực hiện điều này thuận lợi, chỉ cần xuất gia, thọ giới, bất cứ tự viện, am đường nào đều có thể quải đơn (nhập chúng tu học). Mỗi một đạo tràng có đạo phong, học phong đặc thù. Trung Quốc có nhiều tông phái, người xuất gia muốn tu học một pháp môn nào đó đều có thể đến tham học. Phật pháp truyền sang Trung Quốc gần hai ngàn năm, lâu ngày sanh ra thói tẻ. Những

thập phương từng lâm vào thời cổ về sau này biến thành “tử tôn miếu”, tức là chỉ truyền lại cho đồ tử, đồ tôn, đời đời truyền cho nhau, hoàn toàn chẳng dung nạp người ngoài. Đến nay, đạo phong thời cổ đã tan sạch chẳng còn, bó buộc người xuất gia chẳng thể không tích cóp, chẳng thể không có trụ xứ. Hiện tại, người xuất gia đã gần giống như người tại gia. Trong thời đại to lớn này, người xuất gia tuy phải tích cóp để cầu sinh tồn, về mặt Sự thì có thể chấp nhận được, nhưng trong tâm chớ nên thường giữ ý niệm ấy, mà cũng chớ nên tham nhiều. Nếu không, lúc lâm chung A Di Đà Phật đến đón, quý vị còn có nhà cửa, đất đai, cổ phiếu đầu tư, đô-la Mỹ cả đống, chẳng bằng lòng theo Phật về Tây Phương.

2. Phá Ác: Phá phiền não ác, chẳng đọa trong ái kiến. Câu này chỉ chung hai thứ

Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Trong phần sau sẽ giải thích tường tận.

3. Bồ Ma (làm cho ma sợ hãi): Chử Ma thường chỉ thiên ma giống như Ba Tuần (Māra-pāpman) Tụ Tại Thiên Vương, tam giới lục đạo đều bị ông ta thống trị. Nếu có một người nào đó xuất gia tu đạo thì dân chúng thuộc quyền cai quản của ông ta lại bị hốt đi một người, ma vương cảm thấy sợ hãi. “*Yết-ma*” (Kárma) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Tác Pháp, tức là cử hành nghi thức, trịnh trọng tuyên thệ, tiếp nhận lời răn dạy của đức Phật, y giáo phụng hành, hòng lìa thoát tam giới. Hiện tại, có người xuất gia tuy đã thọ giới trong giới đàn, nhưng tâm chẳng xuất ly, chưa chắc ma đã sợ hãi.

Ngẫu Ích đại sư sống vào cuối đời Minh, tịch vào đầu đời Thanh. Thuở trẻ, Ngài học giáo pháp Thiên Thai, nghiên cứu giới luật rất sâu. Theo lời Ngài nói, ở Trung

Quốc, từ sau thời Nam Tống đã không còn người xuất gia nữa. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thọ giới thì tối thiểu phải có năm vị tỳ-kheo truyền giới thì mới được coi là “*đắc giới*”. Bồ Tát Giới và những giới khác thì có thể chính mình đối trước Phật tuyên thệ liền *đắc giới*. Ngẫu Ích đại sư sau khi thọ tỳ-kheo giới, hiểu rõ sự thật này, tự mình trả lui giới, chẳng dám xưng là tỳ-kheo, chỉ xưng là “*Bồ Tát Giới sa-di*”. Đồ đệ của Ngài là pháp sư Thành Thời biên soạn toàn tập [các tác phẩm] của đại sư, cũng chẳng dám sử dụng cách xưng hô của thầy, mà xưng là “*xuất gia ưu-bà-tắc*”. Hiện thời, thật sự giữ trọn Ngũ Giới, Thập Thiện là đã hết sức đáng phục rồi.

“*Tăng già, cụ vân Tăng Già*” (Tăng, nói đầy đủ là Tăng Già), còn dịch là “*Hòa Hợp Chúng*”. Hòa Hợp Chúng phải tuân thủ bảy điều răn. Thứ nhất là Lý Hòa (hòa hợp về mặt Lý), tức là cùng chứng vô vi

giải thoát. Có cùng một nguyện vọng: Liễu sanh tử, thoát tam giới. Điều này thuộc về Lý Hòa. Ngoài ra, còn có sáu điều thuộc về mặt Sự:

1. Thân đồng trụ: Tức cùng ở trong một đơn vị học tập như tự viện hoặc học viện.

2. Khẩu vô tranh: Tức là trong lời ăn tiếng nói không có sự tranh chấp.

3. Ý đồng duyệt: Đối xử với nhau một cách dung thông, hòa hợp, vẻ mặt vui vẻ.

4. Kiến đồng giải: Có cách nhìn giống nhau, kiến lập một sự hiểu biết chung đối với nguyên tắc, phương pháp, cảnh giới tu học.

5. Giới đồng tu: Giới là quy ước, mọi phương diện của cuộc sống đều có những khuôn phép.

6. Lợi đồng quân: Cuộc sống vật chất bình đẳng, không có đặc quyền, giai cấp.

Bốn vị xuất gia cùng tu với nhau tại một chỗ thì gọi là “*Tăng đoàn*”. Nếu trong nhà có bốn người cùng tu với nhau ở một chỗ thì cũng gọi là “*Tăng đoàn*”. “*Tăng*” có nghĩa là đoàn thể, nghĩa gốc của từ ngữ này không nhằm chỉ riêng người xuất gia. Tăng đoàn xuất hiện trong thế gian, hy hữu, khó được, nhất định được chư Phật hộ trì, long thiên thủ hộ. Không những Tăng đoàn có phước mà địa phương nơi họ ở cũng được hưởng lây. Người chân chánh tu hành chính là người có đại phước đức. Kinh Dịch có câu: “*Tam nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạ kim*” (Ba người đồng lòng, sắc bén cắt đứt vàng). Những vị minh quân khai quốc của Trung Quốc bất quá là vài người ít ỏi, đồng tâm hợp tác mà đoạt được thiên hạ. Trong quá khứ, lão cư sĩ Triệu Mậu Lâm ở Đài Bắc mời tôi dùng cơm tại Công Đức Lâm, nói đến vấn đề Tăng đoàn, cụ nói: “Con người hiện

thời tạo tội nghiệp phá hòa hợp Tăng, tương lai phải đọa vào địa ngục A Tỳ, phải làm như thế nào đây?” Tôi nói: “Cụ thấy ở đâu có hòa hợp Tăng vậy?” Cụ nghe hỏi xong cũng cười xòa.

Thường Tùy Chúng của Phật có một ngàn hai trăm năm mươi vị, ngoài ra còn có năm vị nữa, nhưng bỏ đi con số lẻ [nên chỉ nói là một ngàn hai trăm năm mươi]. Tam Ca Diếp là ba anh em [họ Ca Diếp], họ đều là lãnh tụ tôn giáo thuở ấy, chính họ có tín đồ. Người lớn nhất tên là Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp (Uruvilvā-kāśyapa) và đệ tử của Ngài là năm trăm người. Hai em trai của Ngài là Ca Da Ca Diếp (Gayā-kāśyapa, còn phiên âm là Già Da Ca Diếp) và Na Đề Ca Diếp (Nadī-kāśyapa), mỗi vị [kể cả thầy lẫn trò] gồm hai trăm năm mươi người, tất cả là năm trăm người. Gộp chung [số người của ba vị Ca Diếp] thành một ngàn người. “*Thân Tử*” chính

là ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên cùng với các đồ đệ, tính chung là hai trăm người. Ngoài ra, lại thêm năm mươi người thuộc nhóm Da Xá Tử (Yaśa)⁶³, lại kể thêm năm vị tỳ-kheo đầu tiên (tức nhóm ngài Kiều Trần Như), tổng cộng là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Các vị này là Thường Tùy Chúng, suốt một đời đức Phật, họ thường vây quanh bên Phật, mãi cho đến khi Phật nhập Niết Bàn mới tách ra.

(Kinh) Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

(Giải) A La Hán diệt hàm tam nghĩa: Nhất, ứng cúng, tức khát sĩ quả. Nhị, sát tặc, tức phá ác quả. Tam, vô sanh, tức bố

⁶³ Ngài Da Xá đôi khi còn được ghi là Yaśoda (do vậy, còn phiên âm là Gia Thâu Đa), dịch nghĩa là Danh Văn hoặc Thiện Xung, người xứ Ba La Nại (Vārānasī), là con của trưởng giả Thiện Giác. Do chán nhàm thế tục, Ngài đến xin xuất gia với Phật, trở thành vị đệ tử thứ sáu (sau năm anh em ngài Kiều Trần Như). 49 người kia là bạn bè thân thiết của ngài Da Xá. Khi Ngài xuất gia, cha mẹ buồn phiền, yêu cầu các bạn bè hãy đến khuyên giải. Khuyên không được, họ bèn giả vờ xuất gia để tìm cách dụ Ngài hoàn tục, nhưng sau khi nghe Phật thuyết giảng, tất cả đều chứng Sơ Quả.

ma quả. Phục hữu Huệ Giải Thoát, Câu Giải Thoát, Vô Nghi Giải Thoát, tam chủng bất đồng. Kim thị Vô Nghi Giải Thoát, cố danh Đại. Hựu, bốn thị Pháp Thân đại sĩ, thị tác Thanh Văn, chứng thữ Tịnh Độ bất tư nghị pháp, cố danh Đại dã. Tùng Phật chuyển luân, quảng lợi nhân thiên, cố danh “chúng sở tri thức”.

(經) 皆是大阿羅漢。眾所知識。

(解) 阿羅漢亦含三義。一應供。即乞士果。二殺賊。即破惡果。三無生。即怖魔果。復有慧解脫。俱解脫。無疑解脫。三種不同。今是無疑解脫。故名大。又。本是法身大士。示作聲聞。證

此淨土不思議法。故名大也。從佛轉輪。廣利人天。故為眾所知識。

(Chánh kinh: Điều là đại A La hán, được mọi người hay biết.

Giải: A La Hán cũng gồm ba nghĩa:

- 1. Ứng Cúng: là quả của Khất Sĩ.*
- 2. Sát Tặc: là quả của Phá Ác.*
- 3. Vô Sanh: là quả của Bồ Ma.*

Lại có Huệ Giải Thoát, Câu Giải Thoát, Vô Nghi Giải Thoát, ba thứ khác nhau. Những vị được nói ở đây là Vô Nghi Giải Thoát, nên gọi là Đại. Lại nữa, họ vốn là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện làm Thanh Văn để chứng pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn này, nên gọi là Đại. Theo Phật chuyển pháp luân lợi lạc rộng khắp hàng nhân thiên nên được đại chúng nhận biết).

Những vị Thường Tùy Chúng ấy đều là Đại A La Hán (Mahā-Arhat). Chữ “*Đại*” này chỉ hàng Đại Thừa A La Hán. “*A*” là Vô, “*La Hán*” là “*Học*”, [A La Hán] được gọi là Vô Học (không còn gì để học nữa), mang ý nghĩa “đã tốt nghiệp”. Hàng Tiểu Thừa đã đoạn xong Kiến Tư phiền não liền gọi là Vô Học. Trong Đại Thừa, đạt đến bậc Pháp Vân Địa thì mới học xong, cũng gọi là Vô Học. Lên cao hơn nữa là Đẳng Giác Bồ Tát, sau đó được bổ làm Phật, cũng gọi là Bồ Xứ Bồ Tát.

“*Tỳ-kheo*” chính là nhân của A La Hán, La Hán là quả địa. Từ ngữ A La Hán cũng bao hàm ba nghĩa:

1. Ứng Cúng: Xứng đáng tiếp nhận sự cúng dường của đại chúng. Trong khi tu nhân, khi đạo đức, học vấn chưa thành thực, xin ăn để duy trì mạng sống của chính mình, xin pháp để vun bồi huệ mạng của chính mình. Sanh mạng là do

cha mẹ mà có, huệ mạng nhờ thầy mà có. Khi đã viên mãn quả vị, liền đáng nhận lãnh sự cúng dường.

2. Sát Tặc (giết giặc): Có người vừa trông thấy điều này liền cho rằng giới thứ nhất của nhà Phật là không sát sanh, vậy mà La Hán là Sát Tặc. Điều này do tiên sinh Phương Hào nói, ông ta là linh mục Thiên Chúa Giáo, là viện trưởng viện văn học Chánh Đại, là hàng xóm của tôi. Có một hôm, ông ta hỏi tôi câu này, ông ta chẳng biết chữ Tặc ở đây là “*phiền não tặc*” (giặc phiền não). Ba thứ phiền não Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh chướng ngại trí huệ, đức năng trong tự tánh, nên gọi là Tặc.

3. Vô Sanh: Vĩnh viễn nhập Niết Bàn, chẳng còn mắc quả báo sanh tử. Lục đạo phàm phu có sanh tử luân hồi, khổ chẳng thể nói được. Chính mình không có năng lực giải quyết cho xong vấn đề sanh tử

này. Do vậy, đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời. Trong đám chúng sanh đông đảo có một số người nghĩ đến chuyện liễu sanh tử, Phật liền dạy họ đạo xuất ly tam giới.

“*A La Hán*” lại còn có mức độ cạn sâu khác nhau, chia thành ba loại lớn:

1. **Tạng Giáo A La Hán** (Huệ Giải Thoát La Hán): Nương theo Tứ Niệm Xứ đề tu, [tức là] quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đây là vũ trụ nhân sinh quan thuộc về pháp Tiểu Thừa. Pháp Đại Thừa cũng chẳng ra ngoài những điều này. Vì thế, Tứ Niệm Xứ chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Tông Thiên Thai giảng điều này hết sức tường tận, họ dựa theo Tạng, Thông, Biệt, Viên để giải thích bốn loại Tứ Niệm Xứ. Do vậy, ba mươi bảy đạo phẩm đều là pháp chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa.

2. Câu Giải Thoát La Hán: Người tu học Thiền Định trong pháp Đại Thừa, chế phục phiền não, dùng Thiền Định rất sâu có thể đoạn được phiền não. Tứ Thiền, Bát Định⁶⁴ được gọi là Thế Gian Thiền Định. Công phu của bậc Tiểu Thừa La Hán tu đến mức Cửu Thứ Độ Định, liền có thể vượt khỏi tam giới.

3. Vô Nghi Giải Thoát La Hán: Hai loại trước chẳng thể so sánh với công phu Định lực, trí huệ, cảnh giới của các vị A La Hán thuộc loại này được. Các vị này đều đại khai viên giải, hết thảy mọi vấn đề nghi nan đều có thể giải đáp, vì thế gọi là Vô Nghi, họ chính là Pháp Thân Đại Sĩ.

Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ. Một mình đức Phật Thích Ca đóng vai chánh, còn những vị khác đóng vai phụ.

⁶⁴ Tứ Thiền (Catvāri-dhyānāni) còn gọi là Tứ Tịnh Lự, Tứ Sắc Giới Định, tức các món Thiền Định trong Sắc Giới. Hợp bốn món Thiền của Sắc Giới với bốn món Thiền của Vô Sắc Giới sẽ thành Bát Định.

Trong những vai phụ, có rất nhiều vị là cô Phật tái lai, Phật Phật đạo đồng, ủng hộ lẫn nhau, trọn không tranh chấp danh phận. Hết thấy nhằm phá mê khai ngộ cho chúng sanh, khiến họ lìa khổ, được vui. Từ ngữ “*Pháp Thân đại sĩ*” chỉ chung các vị đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Trong Biệt Giáo là từ Sơ Địa Bồ Tát trở lên, trong Viên Giáo là từ Sơ Trụ trở lên. Kinh này thuộc vào Viên Giáo, giống như kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa. Pháp Thân đại sĩ có bốn mươi một tầng cấp, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Họ thị hiện làm Thanh Văn, hoặc làm quốc vương, đại thần, như vua Ba Tư Nặc, Thái Tử Kỳ Đà, trưởng giả Cấp Cô Độc đều là hàng Pháp Thân đại sĩ biến hiện, tới biểu diễn, chứ phàm phu chẳng thể làm được. Phật nói pháp chẳng thể nghĩ bàn, những vị ấy đến làm chứng,

giúp đỡ Phật chuyển pháp luân. Những tiêu chí (symbol) thường thấy nhất trong Phật giáo là ba thứ:

- Bánh xe (luân) tượng trưng cho viên mãn.
- Hoa sen biểu thị thanh tịnh.
- Chữ Vạn (卐) biểu thị cát tường.

Phật pháp giảng giải chân lý, tức là Thật Tướng của các pháp. Chân tướng chẳng phải có, chẳng phải không. Luân (bánh xe) tròn khắp nhưng tìm chẳng được tâm, hiển thị Không - Hữu bất nhị, Không và Hữu như một. Tác dụng của Luân là phải chuyển động. “*Chuyển pháp luân*” có ba nghĩa:

1. Luân có ý nghĩa nghiền nát, giống như xe ủi lô (xe hủ lô, road roller), sánh ví Phật pháp có khả năng cán phẳng phiền não trong tâm.

2. Luân có ý nghĩa chuyên chở. [Phật pháp] có thể chở chúng sanh từ đường nẻo sanh tử sang cảnh giới Niết Bàn bất sanh bất diệt. Chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ, pháp môn này có thể chuyên chở chúng ta từ đời ác Ngũ Trược sang Tây Phương Cực Lạc thế giới.

3. Luân mang ý nghĩa viên mãn vì bánh xe có cãm, có trục, có vành.

Trong thuở đức Phật Thích Ca thị hiện trong thế giới này, xét về mặt hình tích, chẳng khác gì con người, cũng do cha mẹ sanh ra, được hưởng sự giáo dục tốt đẹp, xuất gia, tu hành, chứng đạo, rồi mới đi các nơi hoằng pháp. Nhưng mọi nơi đều cần đức Phật thuyết pháp, giảng đạo, Phật có rất nhiều đệ tử, các vị ấy có học vấn, có đạo đức, đi các nơi giúp Phật hoằng hóa, nên quen thuộc với hết thủy đại chúng.

(Kinh) Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà. Như thị đẳng chư đại đệ tử.

(Giải) Đức lập câu tôn, cổ danh “trưởng lão”. Thân Tử tôn giả, Thanh Văn chúng trung, trí huệ đệ nhất. Mục Liên tôn giả, thần thông đệ nhất. Âm Quang tôn giả, thân hữu kim quang, truyền Phật tâm ấn, vi Sơ Tổ, Đầu Đà hạnh đệ nhất. Văn Sức tôn giả, Bà-la-môn chúng, luận nghị đệ nhất. Đại Tất tôn giả, đáp vấn đệ nhất. Tinh Tú tôn giả, vô đảo loạn đệ nhất. Kế Đạo tôn giả, nhân căn độn, căn trì nhất kệ, biện tài vô tận, nghĩa trì đệ nhất. Hỷ tôn giả, Phật

chi thân đệ, nghi dung đệ nhất. Khánh Hỷ tôn giả, Phật chi đường đệ, phục vi thị giả, đa văn đệ nhất. Phú Chương tôn giả, Phật chi Thái Tử, mật hạnh đệ nhất. Ngưu Ty tôn giả, túc thể ác khẩu, cảm thử dư báo, thọ thiên cúng dường đệ nhất. Bất Động tôn giả, cứu trụ thể gian, ứng mật thể cúng, phước điền đệ nhất. Hắc Quang tôn giả, vi Phật sứ giả, giáo hóa đệ nhất. Phòng Tú tôn giả, tri tinh tú đệ nhất. Thiện Dung tôn giả, thọ mạng đệ nhất. Vô Bàn tôn giả, diệt Phật đường đệ, thiên nhân đệ nhất. Thử đấng Thường Tùy Chúng, bốn Pháp Thân đại sĩ, thị tác Thanh Văn, vi Ảnh Hưởng Chúng. Kim văn Tịnh Độ, nhiếp thọ công đức, đặc Đệ Nhất Nghĩa Tất Đản chi ích, tăng đạo tôn sanh, tự tịnh Phật độ. Phục danh Đương Cơ Chúng hỹ.

(經) 長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶拘絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅侯羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賓那。薄拘羅。阿耨樓駄。如是等諸大弟子。

(解) 德臘俱尊。故名長老。身子尊者。聲聞眾中。智慧第一。目連尊者。神通第一。飲光尊者。身有金光。傳佛心印。為初祖。頭陀行第一。文飾尊者。婆羅門種。論議第一。大膝尊者。答問第一。星宿尊者。無倒亂第一。繼道尊者。因根鈍。僅持一偈。辯才無盡。義持第一。喜尊者。佛之親弟。儀

容第一。慶喜尊者。佛之堂弟。復為侍者。多聞第一。覆障尊者。佛之太子。密行第一。牛呌尊者。宿世惡口。感此餘報。受天供養第一。不動尊者。久住世間。應末世供。福田第一。黑光尊者。為佛使者。教化第一。房宿尊者。知星宿第一。善容尊者。壽命第一。無貧尊者。亦佛堂弟。天眼第一。此等常隨眾。本法身大士。示作聲聞。為影響眾。今聞淨土。攝受功德。得第一義悉檀之益。增道損生。自淨佛土。復名當機眾矣。

(Chánh kinh: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp,

Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà. Các vị đại đệ tử như thế.

***Giải:** Đức hạnh và tuổi hạ đều đáng tôn trọng, nên gọi là Trưởng Lão. Tôn giả Thân Tử, trong hàng Thanh Văn, trí huệ bậc nhất. Tôn giả Mục Liên thần thông bậc nhất. Tôn giả Âm Quang thân có ánh sáng vàng ròng, truyền tâm ấn của Phật, là Sơ Tổ [Thiền Tông], hành Đầu Đà bậc nhất. Tôn giả Văn Súc thuộc dòng Bà-la-môn, luận nghị bậc nhất. Tôn giả Đại Tất trả lời câu hỏi bậc nhất. Tôn giả Tinh Tú, không điên đảo, không tán loạn bậc nhất. Tôn giả Kế Đạo do căn cơ chậm lụt, chỉ trì một bài kệ mà biện tài vô tận, nghĩa trì bậc nhất. Tôn giả Hỷ là em ruột đức Phật, nghi dung bậc nhất. Tôn giả Khánh Hỷ là*

em họ đức Phật, lại còn là thị giả, đa văn bậc nhất. Tôn giả Phú Chướng là Thái Tử của đức Phật, mật hạnh bậc nhất. Tôn giả Ngưu Ty, do đời trước ác khẩu, cảm lấy dư báo này, được chư thiên cúng dường bậc nhất. Tôn giả Bất Động, trụ dài lâu trong thế gian, tiếp nhận cúng dường trong đời Mạt Pháp, là phước điền bậc nhất. Tôn giả Hắc Quang là sứ giả của Phật, giáo hóa bậc nhất. Tôn giả Phòng Tú hiệu tinh tú bậc nhất. Tôn giả Thiện Dung thọ mạng bậc nhất. Tôn giả Vô Bản cũng là em họ của đức Phật, thiên nhân bậc nhất. Các vị Thường Tùy Chúng này vốn là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện làm Thanh Văn, nhằm làm người tạo ảnh hưởng. Nay nghe pháp môn Tịnh Độ, giữ lấy công đức, đắc lợi ích Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, tăng trưởng đạo nghiệp, giảm thiểu sanh tử, tự tịnh cõi Phật, còn gọi là Đương Cơ Chúng).

Thường Tùy Chúng của đức Phật gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị. Ở đây, chỉ nêu đại lược mười sáu vị đệ tử mang tánh chất đại biểu. Những nhân vật đại biểu trong mỗi bộ kinh không hoàn toàn giống nhau. Mỗi vị đại đệ tử đều có sở trường, như vị đầu tiên là ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, vị thứ hai là Mục Kiền Liên thần thông bậc nhất, không lẽ ngài Xá Lợi Phất chẳng có thần thông hay sao? Ngài Mục Liên chẳng có trí huệ hay sao? Nhìn xem những vị đệ tử nào được nêu tên ở đầu một bộ kinh, ta liền biết hội giảng kinh ấy mang tánh chất nào.

“Đức lập câu tôn, cố xưng Trưởng Lão” (Đức hạnh lẫn tuổi hạ đều đáng tôn trọng, nên gọi là Trưởng Lão). Mười sáu vị trưởng lão này đều thị hiện thân phận A La Hán. Có người cho rằng pháp môn Niệm Phật là pháp môn tu học của mấy bà

cụ già, chứ phần tử trí thức phải nên học đại kinh, đại luận của Tướng Tông, Tánh Tông! Nếu bây giờ họ xem đến kinh này, nhận thấy bậc trí huệ đệ nhất là ngài Xá Lợi Phất (Śāriputra) còn tiếp nhận pháp môn này, khiến cho những ý tưởng tự phụ thường ngày sẽ bị khuất phục.

Vị thứ hai là Mục Kiền Liên (Maudgalyāyana) thần thông bậc nhất. Thần thông hết sức gần giống với khoa học kỹ thuật hiện thời, ngài Mục Liên là chuyên gia.

Vị thứ ba là Ma Ha Ca Diếp (Mahā-Kāśyapa): “*Âm Quang tôn giả, thân hữu kim quang, truyền Phật tâm ấn*” (Tôn giả Âm Quang, thân có ánh sáng màu vàng ròng, truyền tâm ấn của Phật). Trong Phật môn, Thiên Tông được người ta biết đến nhiều nhất. Thoạt đầu, đức Phật truyền pháp cho ngài Ca Diếp, ngài Ca Diếp là Sơ Tổ Thiên Tông. A Nan là Nhị Tổ,

truyền đến đời thứ hai mươi tám là Đạt Ma, truyền sang Trung Quốc, truyền đến Lục Tổ Huệ Năng đại sư, Thiên Tông mới được phát huy rực rỡ. Trước kia, người xuất gia đều là mạnh ai nấy tu, đến thời Mã Tổ kiến lập tông lâm, ngài Bách Trượng lập Thanh Quy, đề xướng “*cộng tu*” (tu chung với nhau) thì cách dạy học trong Phật giáo mới được “chế độ hóa” (hình thành một khuôn mẫu, quy củ nhất định). Tông lâm giống như đại học Phật giáo. Thiên Tông nếu chẳng tu Tịnh Độ, chỉ dựa vào một mình pháp tu Thiên sẽ rất khó thành tựu. Do vậy, đến tuổi xế bóng, các tổ sư Thiên Tông chuyên tu Tịnh Độ rất nhiều. Tôn giả Ca Diếp khổ hạnh bậc nhất, khổ hạnh là hạnh Đầu Đà.

Vị thứ tư là Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahā-Katyayana), tức tôn giả Văn Súc⁶⁵,

⁶⁵ Văn Súc (文飾) có nghĩa là lời nói văn nhã, đẹp đẽ, bóng bẩy, thanh tao.

thuộc dòng Bà-la-môn, xuất thân là quý tộc, luận nghị (bàn luận, biện bác) bậc nhất.

Vị thứ năm là Ma Ha Câu Hy La (Mahā - Kausthila), tức tôn giả Đại Tất (đầu gối to), vấn đáp bậc nhất. Vị này học rộng, nghe nhiều, là cậu của ngài Xá Lợi Phất. Khi chị của Ngài mang thai Xá Lợi Phất, biện tài vô ngại. Tôn giả mỗi lần tranh luận cùng chị đều thua, trước kia không như vậy. Ngài nghĩ đứa bé trong bụng chị ắt hẳn có đại trí huệ, tương lai khi đứa cháu sanh ra, ta làm cậu nó mà biện luận không thắng nổi nó, há chẳng ngượng lắm ư? Vì thế, gắng sức đọc sách. Tất cả sách vở tại Ấn Độ, gần như Ngài đọc sạch. Do quá siêng khổ, ngay cả móng tay cũng chẳng rảnh rồi để cắt, nên lại còn được gọi là Trường Trảo Phạm Chí (thầy tu Bà La Môn móng tay dài).

Vị thứ sáu là Ly Bà Đa (Revata), tức tôn giả Tinh Tú, là bậc không điên đảo, không tán loạn bậc nhất. Cha mẹ Ngài cầu đảo với tinh tú mà sanh ra Ngài. Vị này tượng trưng cho Chánh Giác, chẳng mê.

Vị thứ bảy là Châu Ly Bàn Đà Già (Śuddhipanthaka, hoặc Cullapatka), tức tôn giả Kế Đạo, do độn căn, chỉ trì một bài kệ, biện tài vô tận, nghĩa trì⁶⁶ đệ nhất. Vị tôn giả này bầm tánh rất chậm lụt, trí nhớ kém cõi lạ lùng. Anh Ngài xuất gia trước, Ngài cũng muốn xuất gia. Người anh bảo hãy đọc bốn câu kệ, Ngài đọc suốt ba tháng vẫn chẳng nhớ được. Người

⁶⁶ Gọi là “nghĩa trì bậc nhất” vì từ một câu kệ rất ngắn ngủi, Ngài có thể ngộ ra bao nhiêu nghĩa lý. Kinh chép đức Phật thấy Ngài học trước quên sau, không thể nào nhớ được một bài kệ nào, bèn dạy Ngài hãy dạy niệm hai chữ “tảo chử” (cây chổi để quét dọn). Phật sai Ngài quét dọn tinh xá, vừa dọn vừa niệm hai chữ ấy. Thế mà chập vật mãi Ngài mới nhớ được. Sau một thời gian Ngài ngộ được vô biên nghĩa lý từ hai chữ ấy, chứng quả A La Hán. Khi được cử đi thuyết pháp cho chư ni, các vị ni cười cợt vì nghĩ Ngài nổi tiếng dốt nát, biết gì mà nói. Ngài lên tòa chỉ nói ngắn gọn: “Thưa các vị! Tôi độn căn u tối, không biết nói gì. Đức Phật dạy tôi học hai chữ ‘tảo chử’. Từ đó, tôi nghĩ quét dọn bụi bặm bên ngoài không quan trọng bằng quét dọn bụi bặm trong tự tâm. Tất cả các pháp môn tu học trong Phật pháp không ngoài quét sạch phiền não trong tự tâm”. Chư ni giật mình, cúi lạy sám hối, hết sức kính phục vì Ngài đã nắm được tinh túy của Phật pháp. Do vậy, Ngài được tôn xưng là bậc Nghĩa Trì đệ nhất.

anh liền bảo hãy về nhà, Ngài khóc lóc, chẳng chịu đi. Đức Phật biết được bèn giữ lại, dạy Ngài học hai câu kệ, niệm câu trên, quên tuốt câu dưới. Niệm câu dưới, quên bằng câu trên. Đức Thế Tôn biết tức mạng, bảo các đệ tử: “Người này đời trước là Tam Tạng pháp sư, có thể thuyết pháp, nhưng keo kiệt pháp. Vì thế, đời này mắc quả báo ngu si”.

Vị thứ tám là Nan Đà (Nanda), tức tôn giả Hỷ, là em ruột đức Phật, là con của Tịnh Phạn Vương (Śuddhodana), hình dung tuần tú bậc nhất. Đức Phật có ba mươi hai tướng, vị này có ba mươi tướng.

Vị thứ chín là A Nan Đà (Ānanda), tức tôn giả Khánh Hỷ, đa văn bậc nhất, là em họ đức Phật, lại vừa là thị giả, cũng là người chủ trì kết tập Kinh Tạng.

Vị thứ mười là La Hầu La (Rāhula), tức tôn giả Phú Chướng, là Thái Tử của Phật,

mật hạnh bậc nhất. Ngài nhỏ tuổi, hằng ngày chơi đùa bên ngoài, nhưng trong khi vui chơi thành tựu Định - Huệ của chính mình. Ngài là người có hạnh thật sự, chứ không phô trương ngoài miệng.

Vị thứ mười là Kiều Phạm Ba Đề (Gavāmpati), tức tôn giả Ngưu Ty (trâu nhơi). Phật nói trong quá khứ, khi ngài là tiểu Sa-di, thấy một vị tỳ-kheo già tụng kinh, môi mấp máy, bèn cười nhạo là trông giống như một trâu già đang nhơi cỏ. Vị tỳ-kheo già nói: “Ta đã chứng được quả A La Hán, người coi thường ta, tương lai ắt bị quả báo”. Ngài vội sám hối, nhưng đến đời thứ hai bèn sanh làm trâu suốt cả năm trăm đời. Đời này may được mang thân người, nhưng mồm vẫn còn tập khí nhai nhóp nhép. Đức Phật dạy Ngài: “Ông đừng nên ra ngoài khát thực. Ông đã chứng quả, nếu bị người khác cười nhạo sẽ khiến kẻ ấy mắc tội. Từ nay, ông hãy

nên tiếp nhận sự cúng dường của chư thiên”. Chư thiên có thiên nhãn, biết Ngài đắc đạo, chẳng cười chê Ngài.

Vị thứ mười hai là Tân Đầu Lô Phả La Đọa (Pindola Bharadvaja), tức tôn giả Bất Động, trụ lâu dài trong thế gian, tiếp nhận sự cúng dường trong đời Mạt Pháp, là phước điền bậc nhất. Vị tôn giả này thích hiển lộ thần thông, bị Phật biết được, bèn trừng phạt bằng cách chẳng cho Ngài nhập diệt, mà thường trụ trong thế gian, làm phước điền cho người đời. Vị tôn giả này đã hơn ba ngàn tuổi, chẳng lộ thân phận⁶⁷.

Vị thứ mười ba là Ca Lưu Đà Di (Kaludayin), tức tôn giả Hắc Quang, giỏi giáo hóa nhất, là sứ giả của đức Phật, giáo hóa bậc nhất.

⁶⁷ Do lý do này, mỗi khi trai tăng, các tự viện Trung Hoa thường để trống một ghế giữa bàn chủ tọa, nhằm cung thỉnh ngài Tân Đầu Lô chứng giám. Cũng như khi tác bạch thỉnh tăng thọ trai, luôn niệm danh xưng của trưởng lão Tân Đầu Lô Phả La Đọa.

Vị thứ mười bốn là Ma Ha Kiếp Tân Na (Mahākapphina), tức tôn giả Phòng Tú (sao Phòng)⁶⁸, thông hiểu tinh tú bậc nhất. Cha mẹ Ngài cầu đảo nơi tinh tú mà sanh ra Ngài. Ngài thông hiểu thiên văn, là một nhà thiên văn.

Vị thứ mười lăm là Bạc Câu La (Vakkula), tức tôn giả Thiện Dung, tuổi rất cao, khi ấy đã một trăm sáu mươi tuổi. Trong quá khứ, vào thời Tỳ Bà Thi Phật (Vipaśyin), Ngài từng cúng dường một vị Tăng bị bệnh, do xuất phát từ lòng chân thành, cảm được quả báo: Trong chín mươi một kiếp dung mạo đoan chánh,

⁶⁸ Sao Phòng (Phòng Tú, gọi đầy đủ là Phòng Nhật Thố) là một trong Nhị Thập Bát Tú. Nhị Thập Bát Tú không phải là 28 ngôi sao riêng lẻ mà là hai mươi tám chòm sao (tinh cung) theo Chiêm Tinh Học Trung Hoa. Người Hán chia bầu trời thành bốn khu vực, gọi là Thanh Long (phương Đông), Huyền Vũ (phương Bắc), Bạch Hổ (phương Tây), và Châu Tước (phương Nam). Trong mỗi khu, lại chia thành 7 tinh cung. Do vậy, có khái niệm Nhị Thập Bát Tú. Phòng Tú là tinh cung thứ tư trong bảy tinh cung thuộc phương Đông, được coi là “bụng rỗng” vì nằm chính giữa vị trí Thanh Long. Chòm sao này được gọi tên theo ngôi sao chánh là sao Phòng (Phòng tinh). Phòng Tú Tinh Cung gồm bảy ngôi sao là Phòng, Câu Linh, Kiện Bế, Phật, Đông Hàm, Tây Hàm, Nhật Tinh và Tùng Cung.

khỏe mạnh, trường thọ, là bậc thọ mạng đệ nhất, hiển thị thiện nhân, thiện quả.

Vị thứ mười sáu là A Nậu Lô Đà (Aniruddha), tức tôn giả Vô Bần, cũng là em họ của đức Phật, thiên nhân bậc nhất. Trong nhiều kiếp lâu xa trước kia, nhằm thời đói kém, có một vị Bích Chi Phật đi khát thực, xin không được thức ăn. Thức ăn cung cấp năng lượng cho thân thể. Sự tiêu hao năng lượng của mỗi người khác nhau, nhưng chín mươi phần trăm bị tiêu hao bởi vọng tưởng. Người xuất gia tâm tịnh, vọng tưởng ít, thường trụ trong Định thì mỗi ngày ăn một bữa là đủ. Bậc La Hán mỗi tuần khát thực một lần, Bích Chi Phật Định lực càng sâu, nửa tháng mới đi khát thực một lần. Khi vị Bích Chi Phật ấy đi khát thực, tôn giả A Nậu Lô Đà bèn đem một phần lương thực của chính mình cúng dường Bích Chi Phật. Do vậy, Ngài cảm được quả báo chín mươi một kiếp

chẳng bị nghèo cùng. Đồng thời, Ngài lại là bậc thiên nhân đệ nhất. Sau khi xuất gia, Ngài rất giải đãi, trong khi nghe Phật giảng kinh thường ngủ gục, đức Phật trông thấy quở trách:

*Như bạng cấp nhất loại,
Nhất thụ, nhất thiên niên,
Bất văn Phật danh tự.*

(Giống như loài nghêu sò,
Ngủ một giấc ngàn năm,
Chẳng nghe danh hiệu Phật).

Bị giáo huấn một chập, trong tâm Ngài cảm thấy hết sức khó chịu, bèn liêu mạng dụng công, không ngủ suốt bảy ngày bảy đêm, khiến mắt bị mù. Phật dạy Ngài tu một loại Định gọi là Nhạo Kiến Quang Minh Định. Sau khi tu thành, đắc Thiên Nhân Thông, có thể thấy được tam thiên đại thiên thế giới.

Ngẫu Ích đại sư phán định kinh này gồm ba phần Tín - Nguyện - Hạnh. Trong

Tự Phần cũng có ba phần Tín - Nguyện - Hạnh. Mười sáu vị tôn giả này chính là Chúng Tín, các Ngài đều đáng nêu gương cho chúng ta. Người tu Tịnh Độ thấy người hiền liền mong được bằng. Nếu cậy mình thông minh thì ngài Xá Lợi Phất càng thông minh hơn ta, Ngài vẫn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta có lý do nào mà chẳng chịu niệm Phật. Nếu nghĩ mình quá ngu thì nói chung vẫn còn hơn ngài Châu Ly Bàn Đà Già nhiều lắm, Ngài vẫn có thể thành tựu, nên chúng ta tu học ắt cũng có thể thành tựu. Những vị Thường Tùy Chúng khác không được nêu danh đều là Pháp Thân đại sĩ. Mười sáu vị này chẳng qua chỉ là đại diện mà thôi!

“*Tăng đạo, tôn sanh*” (tăng trưởng đạo nghiệp, giảm thiểu sanh tử), câu văn chú giải này đặc biệt tán thán pháp môn Tịnh Độ. Do đây, có thể biết là những vị suốt đời theo Phật này đều chuyên tu Tịnh Độ.

Trong những pháp hội khác, họ làm Ảnh Hưởng Chúng (những người gây ảnh hưởng), trong Tịnh Tông họ là Đương Cơ Chúng (người có căn cơ thích hợp tiếp nhận pháp môn này). Pháp Thân đại sĩ tri kiến thuần chánh, triệt để hiểu rõ lý luận, sự thật, phương pháp, cảnh giới, ngộ “*duy tâm Tịnh Độ*”, thấy Tự Tánh Di Đà, không hoài nghi mảy may nào, tăng trưởng đạo nghiệp, đoạn sạch sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Đồng thời, họ cũng đoạn được Biến Dịch Sanh Tử ở ngoài tam giới. Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương thì từ địa vị La Hán cho đến khi thành Phật vẫn còn Biến Dịch Sanh Tử, sanh về Tây Phương rồi thì mới thật sự đạt được vô lượng thọ.

(Kinh) Tinh chú Bồ Tát Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát,

***Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị
đẳng chư đại Bồ Tát.***

**(經) 並諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王
子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精
進菩薩。與如是等。諸大菩薩。**

*(Chánh kinh: Và các vị Bồ Tát Ma Hát,
Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Di Đà
Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát,
Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng với các vị
đại Bồ Tát như thế).*

Trong Tự Phần có Tín - Nguyện - Hạnh, trong đoạn trước là mười sáu vị Thanh Văn nhằm khuyến tín (khuyến phát khởi lòng tin). Ở đây, trong hàng Bồ Tát, hai vị Bồ Tát đầu tiên [được nêu tên] nhằm khuyến chúng ta phát nguyện.

“*Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử*”: Phật tử rất nhiều, giống như đế vương cũng đông con, phải chọn ra một người làm Thái Tử để kế thừa ngôi vua trong tương lai. Nhà Phật dùng tỷ dụ này nên có danh xưng Pháp Vương Tử. Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī) trí huệ bậc nhất. Trong hội Hoa Nghiêm, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài và Phổ Hiền Bồ Tát đồng thời phát nguyện. Hai vị này là trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na Phật trong thế giới Hoa Tạng, [hai vị Bồ Tát này cùng với Tỳ Lô Giá Na Phật] được gọi là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Trong phần trên, A La Hán phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc. Sau khi sanh về Tây Phương, đoạn dứt hai thứ sanh tử (Biến Dịch và Phần Đoạn), tiếp nhận sự dạy bảo của A Di Đà Phật, viên thành Phật đạo, điều này chúng ta còn có thể hiểu được;

chứ Văn Thù và Phổ Hiền là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, đều là bậc bồ xú thành Phật sau này, các Ngài sanh về Tây Phương để làm gì? Nếu Tây Phương thế giới chẳng vượt trội thế giới Hoa Tạng, hai Ngài sanh về đó sẽ chẳng có may mắn ý nghĩa chi cả! Do đây, có thể biết rằng: Bất luận tu học pháp môn nào trong Phật pháp, đến cuối cùng, chỗ quy túc vẫn là thế giới Hoa Tạng. Sau khi sanh về Hoa Tạng, gặp Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài lại khuyên hành giả niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị hãy suy nghĩ kỹ càng: Chúng ta đi đường thẳng, không cần phải đi vòng một khúc quanh lớn sang Hoa Tạng trước, gặp bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng phải bận tâm tới.

Có kẻ hoài nghi, pháp môn đã tốt đẹp như thế, vì sao Phật còn phải nói nhiều pháp môn như vậy? Phải biết rằng: Pháp

môn này nhằm nói với kẻ cơ duyên chín muồi, sắp thành Phật! Nếu chưa đến giai đoạn thành Phật, cũng chỉ đành học các pháp môn Đại Thừa rộng lớn, tinh vi, sâu xa khác. Trước kia, tôi nầy sanh tín tâm đối với pháp môn Niệm Phật này chính là vì đọc kinh Hoa Nghiêm, thấy Văn Thù, Phổ Hiền cũng như Thiện Tài đồng tử ai nấy đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, tôi mới nghiêm túc phản tỉnh, suy nghĩ cặn kẽ, quay đầu lại, buông bỏ hết thầy kinh giáo, sốt sắng tu học pháp môn này. Nếu chẳng phải là những vị ấy đã ban cho tôi sự khai thị, dù thầy có buốt lòng rất miêng khuyên dạy, tôi cũng rất khó thể tiếp nhận.

A Dật Đa (Ajita) là Di Lạc Bồ Tát (Maitreya)⁶⁹. Trong Hiền Kiếp, Thích Ca

⁶⁹ Theo Wikipedia, từ ngữ Maitreya phát xuất từ Maitrī (từ ái). Sở dĩ chữ Maitreya bị phiên âm thành Di Lạc là dựa trên cách phát âm của những nhà dịch kinh thời Hậu Hán, đa số những vị này đến từ Nhục Chi và Quý Sương (thuộc vùng Bactria, miền Bắc Afghanistan ngày nay), ngôn ngữ được sử dụng thời đó tại các nước này là tiếng Tocharian. Trong tiếng Tocharian, chữ Maitreya được đọc thành Metrak, nên mới bị

Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư, Di Lặc Bồ Tát là vị Phật thứ năm. Ngài là “*hậu bổ Phật*” (vị Phật kế tiếp), hiện đang ở trong Đâu Suất nội viện. Có kẻ bịa chuyện Phật Thích Ca đã thoái vị, Phật Di Lặc đang cầm quyền, hoàn toàn là ăn nói nhảm nhí! Theo kinh Di Lặc Hạ Sanh, tính theo thời gian của chúng ta thì năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn (567.000.000) năm sau, Di Lặc Bồ Tát mới giáng sanh thành Phật trong nhân gian. Ngài hiện đang ở trên trời Đâu Suất (Tusita). Cõi trời Đâu Suất có thọ mạng là bốn ngàn năm, một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Đem bốn ngàn nhân với ba trăm sáu mươi rồi nhân với bốn trăm (tức là 576.000.000 năm)⁷⁰, sẽ tính ra

phiên thành tiếng Hán là Di Lặc. Ngài Huyền Trang từng dịch danh hiệu này theo âm tiếng Phạn là Mai Đát Ly Da. Trong kinh Pháp Hoa, có đôi chỗ, ngài La Thập phiên chữ này thành Di Đa La Ni khi ghi tên ngài Phú Lô Na là Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử (Purna Maitrayani-putra), nhưng do thói quen, cách phiên âm là Di Lặc vẫn phổ biến nhất.

⁷⁰ [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù] Theo cách tính nói trên, dùng thọ mạng của trời Đâu Suất để tính toán thì kết quả là năm ức bảy ngàn sáu trăm vạn (576.000.000)

được thời gian Di Lạc Bồ Tát giáng sanh trong nhân gian. Trong kinh Vô Lượng Thọ, nửa bộ đầu, ngài A Nan là đương cơ, nửa bộ sau ngài Di Lạc là đương cơ. Có người mong sanh lên trời Đâu Suất, thân cận Di Lạc Bồ Tát, tương lai ngài Di Lạc hạ sanh nhân gian, cũng có thể theo Ngài hoằng hóa trong thế gian. Nhưng trời Đâu Suất hoàn toàn chẳng dễ sanh về, phải có công phu định lực. Đã thế, ngài Di Lạc là chuyên gia về Duy Thức, môn đình rất cao, phải tu Duy Tâm Thức Định, tu thành công thì mới sanh về đó được! Hãy nên biết rằng: Sanh về Tây Phương, làm đệ tử Phật Di Đà, Di Lạc Bồ Tát cũng là đệ tử Di Đà, [người vãng sanh Cực Lạc] mang

năm, không khớp với con số năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm như kinh đã nói. Ấy là vì trong đơn vị tính toán của Ấn Độ, một Ưc là bao nhiêu lại có nhiều cách giải thích:

1. Mười vạn là một Ưc.
2. Trăm vạn là một Ưc.
3. Ngàn vạn là một Ưc.
4. Vạn vạn là một Ưc.

Chúng ta chỉ có thể hình dung là trong tương lai rất lâu nữa, Di Lạc Bồ Tát mới giáng sanh trong nhân gian, có ân tượng thời gian rất dài là được rồi!

thân phận là bạn học của Di Lạc Bồ Tát, có thể đến thăm Đâu Suất nội viện bất cứ lúc nào.

Danh hiệu Càn Đà Ha Đề (Gandhahastin) có nghĩa là Bất Hưu Túc (không ngơi nghỉ), danh hiệu Thường Tinh Tấn cũng có nghĩa là không gián đoạn, không xen tạp, không hoài nghi, tinh tấn không lui sụt. [Nêu tên] hai vị Bồ Tát này nhằm khuyên hãy nên hành trì.

(Giải) Bồ Tát Ma Ha Tát, thử vân Đại Đạo Tâm, thành tựu chúng sanh, nãi Trí Bi song vận, tự tha kiêm lợi chi xưng. Phật vi Pháp Vương, Văn Thù thiệu Phật gia nghiệp, danh Pháp Vương Tử. Bồ Tát chúng trung, trí huệ đệ nhất. Phi dũng mãnh Thật Trí, bất năng chứng giải Tịnh Độ pháp môn, cố cư sơ. Di Lạc đương lai thành Phật, hiện cư Đẳng Giác, dĩ cứu cánh nghiêm tịnh Phật

quốc vi yếu vụ, cố thứ liệt. Bất Hưu Túc giả, khoáng kiếp tu hành, bất tạm đình cố. Thường Tinh Tấn giả, tự lợi, lợi tha, vô bì quyện cố. Thử đẳng thâm vị Bồ Tát, tất giai cầu sanh Tịnh Độ, dĩ bất ly kiến Phật, bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng tăng, nãi năng tột tận viên mãn Bồ Đề cố.

(解) 菩薩摩訶薩。此云大道心。成就眾生。乃智悲雙運。自他兼利之稱。佛為法王，文殊紹佛家業。名法王子。菩薩眾中。智慧第一。非勇猛實智。不能證解淨土法門。故居初。彌勒當來成佛。現居等覺。以究竟嚴淨佛國為要務。故次列。不休息者。曠劫修行。不暫停故。常精進者。自利利他。

無疲倦故。此等深位菩薩。必皆求生淨土。以不離見佛。不離聞法。不離親近供養眾僧。乃能速疾圓滿菩提故。

(Giải: Bồ Tát Ma Ha Tát, cõi này dịch là Đại Đạo Tâm, là từ ngữ để gọi bậc “thành tựu chúng sanh, vận dụng Bi và Trí, tự lợi, lợi tha”. Phật là Pháp Vương, Văn Thù nối tiếp gia nghiệp của Phật, nên gọi là Pháp Vương Tử. Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù trí huệ bậc nhất. Nếu không có Thật Trí dũng mãnh, sẽ chẳng thể chứng giải pháp môn Tịnh Độ, nên xếp Ngài vào đầu [danh sách những vị Bồ Tát]. Ngài Di Lặc trong tương lai sẽ thành Phật, hiện đang ở bậc Đẳng Giác. Do rất ráo nghiêm tịnh cõi Phật là nhiệm vụ cần kíp, nên được nêu tên kế tiếp. Bất Hưu Tức tu hành từ bao kiếp lâu xa, chẳng tạm nghỉ. Thường Tinh Tấn tự lợi,

lợi tha, không mệt mỏi. Những vị Bồ Tát thuộc địa vị sâu xa này đều cầu sanh Tịnh Độ, vì chẳng lìa thấy Phật, vì chẳng lìa nghe pháp, vì chẳng lìa thân cận cúng dường chúng tăng, để có thể mau chóng viên mãn Bồ Đề vậy).

“*Bồ Tát*” là tiếng Phạn, gọi tắt của Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva). Người Hoa thích đơn giản, văn tự và ngôn ngữ chú trọng đơn giản, trọng yếu, rõ ràng. Huyền Trang đại sư dịch là Giác Hữu Tình, dịch theo lối cổ (cách dịch trước thời ngài Huyền Trang) là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, nhằm chỉ bậc chân chánh phát nguyện tu học, muốn viên thành Vô Thượng Đại Đạo. Ma Ha (Mahā) là Đại, những vị thuộc địa vị Tam Hiền⁷¹ gọi là Bồ Tát, Đẳng Địa Bồ Tát gọi là Bồ Tát

⁷¹ Tam Hiền là từ ngữ chỉ những vị chưa thuộc vào Thập Địa Bồ Tát, tức Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng. Đẳng Địa là những vị Bồ Tát đã chứng từ Sơ Địa trở lên.

Ma Ha Tát. Thanh Văn, Duyên Giác chỉ có tâm tự lợi, chẳng chủ động giúp đỡ chúng sanh, nên gọi là Tiểu Thừa. Bồ Tát chủ động hóa độ chúng sanh vô điều kiện, vận dụng cả Bi lẫn Trí. [Trong kinh này], những nhân vật đại biểu trong hàng Bồ Tát không nhiều, chỉ kể ra bốn vị. “*Phật vi Pháp Vương*”: Trong hết thầy pháp, Phật đặc đại tự tại, nên gọi là Pháp Vương, đây là tiếng tôn xưng với ý nghĩa tỷ dụ. Văn Thù trí huệ bậc nhất, kế thừa sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của đức Phật, vì thế, gọi là “*Pháp Vương Tử*” (con đáng Pháp Vương). Sự dạy học và truyền thừa trong Phật pháp coi trí huệ là bậc nhất. Huệ là mục tiêu cuối cùng, tột bậc của Phật pháp. Giới và Định là phương thức, phương pháp; vì thế, Phật học được gọi là “*trí huệ chi học*” (cái học trí huệ). Trí huệ, thần thông, đức năng của mỗi một vị Bồ Tát đều giống như nhau, bình đẳng, nhưng

nhằm biểu thị pháp, mỗi một vị Bồ Tát nêu gương về một sở trường riêng, chẳng hạn như ngài Văn Thù là trí huệ bậc nhất. Pháp môn Niệm Phật này cần phải có trí huệ cao độ thì mới có thể tiếp nhận được. Chúng ta nghe tới pháp môn này liền sanh đại hoan hỷ, phát đại nguyện, y giáo phụng hành, chính là chọn lựa theo trí huệ cao tốt nhất, chẳng khác gì Văn Thù Bồ Tát và ngài Xá Lợi Phất. Trí huệ này là Thật Trí, không phải là trí huệ thông minh của thế gian. Do vậy, ngài Văn Thù được nên tên đầu tiên.

“*Di Lạc*” là tiếng Phạn, có nghĩa là Từ Bi; vì thế, Ngài còn được gọi là Từ Thị. Di Lạc là họ, A Dật Đa là tên. Các vị đồng tu học Phật hằng ngày niệm kệ hồi hướng có câu “*nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ*” (nguyện đem công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ), trang nghiêm như thế nào?

Di Lạc Bồ Tát lấy rốt ráo trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật làm nhiệm vụ trọng yếu. A Di Đà Phật từ bi hoan nghênh chúng ta sanh về Tây Phương thế giới, còn có rất nhiều vị Bồ Tát ai nấy đều thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật. Nếu chúng ta không thanh tịnh sẽ biến cõi ấy thành ô nhiễm, thì làm sao cõi ấy có thể dung nạp chúng ta? Hãy nên biết rằng: Trang nghiêm cõi Phật phải được thực hiện ngay trong hiện tại, tâm tịnh thì cõi tịnh. Vì sao niệm Phật? Vì sao đọc kinh? Mục đích là muốn sửa đổi cái tâm ô nhiễm thành tâm thanh tịnh. Thân là chánh báo, cõi nước là y báo. Nếu tâm niệm Phật, đọc kinh chẳng thanh tịnh, sẽ biến thành phước báo, quả báo trong tương lai là ở trong lục đạo, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Từ Thị Bồ Tát là vị Phật kế tiếp của thế giới Sa Bà, hiện đang ở địa vị Đẳng Giác, Ngài đại từ đại bi.

Trong nhà Phật, từ bi được thêm vào chữ Đại nhằm chỉ rõ lòng từ bi ấy là bình đẳng, thanh tịnh. Tâm có phân biệt sai khác là chẳng thanh tịnh. Hai thứ phước và huệ trang nghiêm trọn đủ là điều kiện tất yếu để vãng sanh Tịnh Độ. Ngài Văn Thù tượng trưng cho trí huệ, ngài Di Lặc tượng trưng cho phước đức trang nghiêm.

Hai vị Bồ Tát sau cùng nhằm khuyên hành (khuyên hành trì). Bất Hưu Tức là tu hành chẳng hề biếng nhác, bê trễ. Người Trung Quốc thường nói: “*Nhật nhật bọc chi, thập nhật hàn chi*” (Một ngày nóng, mười ngày lạnh). Chẳng hạn như, mỗi ngày dụng công bốn giờ thì vẫn còn có hai mươi giờ gián đoạn. Ở Ấn Độ [vào thời cổ], thời gian được chia thành đêm ba thời, ngày ba thời. Ban ngày được chia thành Sơ Nhật Phần, Trung Nhật Phần, Hậu Nhật Phần; ban đêm chia thành Sơ Dạ Phần, Trung Dạ Phần, Hậu Dạ Phần.

Trước kia, tại Trung Quốc, thời gian được chia thành mười hai đơn vị, dùng Tý, Sửu, Dần, Mão (Meo), Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi để phân định mười hai Thời Thân. Hiện thời đã áp dụng quy cách “ngày đêm gồm hai mươi bốn tiếng đồng hồ”. Một Thời ở Ấn Độ bằng bốn giờ [hiện thời] của Trung Quốc. Lúc đức Phật tại thế, người xuất gia ngủ trong khoảng Trung Dạ Phần, tức là mười giờ đêm đi ngủ, hai giờ sáng phải thức dậy, họ chỉ ngủ bốn tiếng đồng hồ thuộc Trung Dạ Phần, có hai mươi giờ để tu hành. Nếu muốn có thành tựu, chẳng thể không tận dụng thời gian dũng mãnh dụng công. Ngoài ra, còn phải học theo Thường Tinh Tấn Bồ Tát, tự mình tu là tự lợi, còn phải giúp đỡ người khác, lợi người chính là tự lợi. Trong tâm thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, không có chấp trước, được - mất, ngạo nghễ, ngã mạn, đạt đến mức “làm

mà không làm, tam luân thể không⁷²”, có như thế thì mới có thể không mệt mỏi.

Bốn vị Đại Sĩ vừa được nêu tên trên đây như Văn Thù v.v... đều là Đẳng Giác Bồ Tát, đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Sanh về Tịnh Độ có mấy điều tốt đẹp. Thứ nhất là chẳng lìa thấy Phật, thứ hai là chẳng lìa nghe pháp, thứ ba là thân cận cúng dường hải hội đại chúng, lại còn có thể mau chóng viên mãn đạo Bồ Đề. Lấy Đẳng Giác Bồ Tát để nói thì các Ngài có năng lực đến mười phương cõi nước bất cứ lúc nào, vì sao vẫn phải sanh về thế giới Cực Lạc? Kinh Hoa Nghiêm nói bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều theo Phổ Hiền Bồ Tát cầu sanh Tịnh Độ, cho thấy Tây Phương là một nơi có quang cảnh ngoạn mục khôn sánh, cho thấy sanh

⁷² “Tam luân thể không” (tức Thí Không, Thọ Không, Thí Vật Không) vốn là từ ngữ nói về sự bố thí, có nghĩa là khi bố thí hoàn toàn phá trừ chấp tướng, chẳng thấy ta là người thí, chẳng thấy có kẻ nhận sự bố thí mà cũng chẳng thấy có vật để bố thí. Từ ngữ này về sau được áp dụng rộng rãi chỉ cho sự không chấp trước khi làm bất cứ việc gì.

về Tây Phương thấy Phật, nghe pháp, thân cận chư thiện tri thức, không gián đoạn một phút, một giây nào, nêu rõ Tây Phương có hoàn cảnh đặc biệt thù thắng. Đẳng Giác Bồ Tát tuy có năng lực đến mười phương thế giới công đức chư Phật, vẫn khó tránh khỏi có lúc bị gián đoạn. Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ trụ thế bảy mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, thời gian trọn chẳng dài lắm. Pháp vận của Ngài cũng chỉ có một vạn hai ngàn năm. Sau thời gian đó sẽ không còn Phật pháp, phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau Di Lạc Phật mới hạ sanh, mới có Phật pháp. Thời gian gián đoạn giữa chừng dài quá! Trong các cõi Phật khác cũng đều giống như thế. Người trong cõi Tây Phương thọ mạng vô lượng, dù nói theo mặt lý luận thì vẫn là hữu lượng⁷³.

⁷³ Do không thể tính kể nên gọi là vô lượng. Nhưng A Di Đà Phật có nhập diệt (thân

Sau khi A Di Đà Phật diệt độ, Quán Thế Âm Bồ Tát kế thừa ngôi vị Phật, nhưng khi nào A Di Đà Phật sẽ nhập diệt, kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng: Ngài Mục Liên thân thông rộng lớn, có thể trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ tính ra số lượng chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Giả sử chúng sanh trong mười phương thế giới đều thành Duyên Giác, thọ đến vạn ức năm, thân thông giống như ngài Mục Liên, trọn hết tuổi thọ cùng nhau tính toán cũng không có cách gì tính được thọ mạng của Vô Lượng Thọ Phật. Do đây có thể biết rằng: Cõi Tây Phương thọ mạng vô lượng, trên đường Bồ Đề chẳng có mấy may chướng ngại nào, Đẳng Giác Bồ Tát vì muốn mau chóng viên thành Phật đạo nên đều nguyện vãng sanh Tây Phương.

Phật hiện trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư độ) là Ứng Thân. Chúng sanh trong cõi Cực Lạc có lúc nhập diệt để làm Phật nơi phương khác, nên xét theo lý luận thông thường thì do có thời điểm từ thế giới khác sanh về Cực Lạc và thời điểm nhập diệt nên vẫn là hữu lượng (có hạn lượng). Nói hữu lượng hay vô lượng ở đây chỉ là luận theo hoàn cảnh của Phạm Thánh Đồng Cư độ.

(Kinh) Cật Thích Đề Hoàn Nhân đấng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

(Giải) Thích Đề Hoàn Nhân, thứ vãn Năng Vi Chủ, tức Đạo Lợi thiên vương. Đẳng giả, hạ đẳng tứ vương, thượng đẳng Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa, Sắc, Vô Sắc, vô lượng chư thiên dã. Đại chúng câu, vị thập phương thiên nhân, bát bộ Tu La, nhân, phi nhân đấng, vô bất dự hội, vô phi Tịnh Độ pháp môn sở nhiếp chi cơ dã. Thông Tự cánh.

(經) 及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

(解) 釋提桓因。此云能為主。即忉利天王。等者。下等四王。上等夜摩。兜率。化樂。他化。色。無色。無量諸天

**也。大眾俱。謂十方天人。八部修羅。
人非人等。無不與會。無非淨土法門所
攝之機也。通序竟。**

*(Chánh kinh: Và Thích Đề Hoàn Nhân
v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng
nhóm họp.*

*Giải: Thích Đề Hoàn Nhân, cõi này
dịch là Năng Vi Chủ, tức là vua cõi trời
Đao Lợi. Chữ “đẳng”: Phía dưới như trời
Tứ Vương, phía trên như các tầng trời Dạ
Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa, Sắc,
Vô Sắc, vô lượng chư thiên. “Đại chúng
câu” nghĩa là mười phương trời, người,
tám bộ [trời rồng], Tu La, nhân, phi nhân
v.v... không ai chẳng tham dự pháp hội,
không ai chẳng là căn cơ được nhiếp thọ
bởi pháp môn Tịnh Độ. Hết phần Thông
Tự)*

“*Thích Đề Hoàn Nhân*” (Śakro-devānām Indrah) được dịch là “*Năng Vi Chủ*”, chính là vua cõi trời Đao Lợi (Trāyastriśā), tức tầng trời thứ hai trong Dục Giới. Ông này là chúa trời của ba mươi ba vị trời, còn gọi là Đế Thích Thiên, người Trung Quốc thường gọi [ông ta] là Ngọc Hoàng Đại Đế. Vị được các tôn giáo khác gọi là Thiên Chúa chính là Đao Lợi thiên vương. Chúng ta lắng lòng xem xét kinh sách và lý luận, phương pháp tu hành của các tôn giáo khác, sẽ thấy dường như họ chẳng tách rời Đao Lợi thiên. Muốn tu lên cao hơn, ắt phải có công phu Thiền Định, tu tâm thanh tịnh. Nếu tu Thiền Định thành công sẽ sanh lên Tứ Thiên Thiên (Caturdhyānabhūmi)⁷⁴ trong Sắc

⁷⁴ Tứ Thiên Thiên gồm bốn tầng trời: Sơ Thiên (gồm Phạm Phụ, Phạm Chúng, Đại Phạm Thiên), Nhị Thiên (gồm Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Cực Quang Tịnh), Tam Thiên (gồm Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh), Tứ Thiên (Phước Sanh, Vô Vân, Quảng Quả, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc Cứu Cánh và Vô Tướng Thiên).

Giới (Rūpadhātu). Nếu có cơ sở Thiên Định nhưng chưa tu thành, tức là “chưa đắc Định” thì chỉ sanh lên đến trời Dạ Ma (Yāma), trời Đâu Suất (Tusita), trời Hóa Lạc (Nirmānaratī), trời Tha Hóa Tự Tại (Parinirmita-vaśavartin). Nếu muốn sanh lên Tứ Thiên Thiên, trừ Thiên Định ra, còn phải tu Tứ Vô Lượng Tâm, tức Từ, Bi, Hỷ, Xả thì mới sanh lên Sắc Giới được. Xứ nào duyên đã chín muồi, chư Phật, Bồ Tát liền đến đó giáo hóa chúng sanh. Trong tam đồ và các cõi trời đều có Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp. Chỉ có Tứ Không Thiên (Caturārūpyadhātu)⁷⁵ chẳng tiếp nhận Phật pháp vì họ tưởng mình đã chứng đắc Đại Niết Bàn. Nếu các tôn giáo khác bài xích Phật giáo thì chỉ là tạm thời,

⁷⁵ Tứ Không Thiên là bốn cõi trời thuộc Vô Sắc Giới, tính từ dưới lên trên như sau:

1. Không Vô Biên Xứ Thiên (Ākāśānantyāyatana).
2. Thức Vô Biên Xứ Thiên (Vijñānānantyāyatana).
3. Vô Sở Hữu Xứ Thiên (Ākimcanyāyatana).
4. Phi Tướng Phi Vô Tướng Xứ Thiên (Naivasamjñānāsamjñāyatana).

Bốn cõi trời này không có sắc thân, chỉ có tâm tưởng, chư thiên chìm đắm trong Không Định.

vì trong tương lai, họ sanh lên trời, sẽ cùng với Thiên Chúa đều được Phật, Bồ Tát giáo hóa, mai sau sẽ biết học Phật. Trên đến bậc Đẳng Giác, dưới đến chúng sanh trong địa ngục đều được thâm nhiếp bởi pháp môn Tịnh Độ, chín pháp giới bình đẳng tu hành, bình đẳng thành Phật. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, chỉ có một bộ kinh này thích hợp trọn khắp ba căn, gồm thâm độn căn lẫn lợi căn. Đến đây, phần Chứng Tín Tự tức Thông Tự đã được giảng xong. Tiếp theo đây là phần Phát Khởi Tự, còn gọi là Biệt Tự.

4.1.2. Biệt Tự

(Giải) Phát Khởi Tự dã, Tịnh Độ diệu môn bất khả tư nghị, vô nhân năng vấn, Phật tự xưng y chánh danh tự vi phát khởi. Hựu Phật trí giám cơ vô lậu, kiến thử đại chúng, ưng văn Tịnh Độ diệu

môn, nhi hoạch tứ ích, cố bất sĩ vãn, tiện tự phát khởi, như Phạm Võng Kinh hạ quyền, tự xưng vị hiệu vân: “Ngã kim Lô Xá Na đấng”, Trí Giả phán tác Phát Khởi Tự, lệ khả tri dã.

(解) 發起序也。淨土妙門。不可思議。無人能問。佛自倡依正名字為發起。又佛智鑒機無謬。見此大眾。應聞淨土妙門。而獲四益。故不俟問。便自發起。如梵網經下卷。自倡位號云。我今盧舍那等。智者判作發起序。例可知也。

(Giải: Trong phần Phát Khởi Tự thì pháp môn Tịnh Độ màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, không ai có thể hỏi, đức Phật tự xưng lên danh tự của y báo và chánh báo

hòng phát khởi. Lại nữa, Phật trí soi xét căn cơ không sai lầm, thấy đại chúng đáng được nghe pháp môn Tịnh Độ mâu nhiệm, đạt được bốn thứ lợi ích, nên chẳng đợi hỏi mà tự phát khởi. Giống như trong quyển hạ của kinh Phạm Võng, Ngài tự xưng danh hiệu nơi quả vị như sau: “Ta nay là Lô Xá Na....” Ngài Trí Giả phán định phần kinh văn ấy là Phát Khởi Tự, cứ dựa theo đó sẽ biết [vì sao tôi phán định phần này của kinh A Di Đà là Phát Khởi Tự]).

Vì sao gọi Tịnh Độ là “*diệu môn*”? Biết nó mâu nhiệm ở chỗ nào thì mới thấu hiểu sự thù thắng của nó. Mâu nhiệm ở chỗ phương pháp đơn giản, chỉ cần thật thà niệm Phật, chẳng cần biết hiểu hay không hiểu, đều có thành tựu. Hiểu rõ ràng lý luận thì sự Niệm Phật ấy được gọi là Lý Niệm. Nếu chẳng hiểu, chỉ thật thà mà

niệm thì gọi là Sự Niệm. Công phu bình đẳng, do vậy, pháp môn này phổ độ hết thảy chúng sanh trong một đời đều bình đẳng thành Phật, gọi là “*diệu*” là vì điểm này. Chúng ta chọn lựa pháp môn này giống như các vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền, phương pháp tu hành cũng tương đồng, sanh về Tây Phương đạt được quả vị đương nhiên cũng tương đồng.

Pháp môn này sâu mầu cùng tột, chẳng những người tầm thường chẳng thể hỏi được, mà bậc Đại Trí Xá Lợi Phất cho đến bậc Pháp Vương Tử trí huệ bậc nhất là Văn Thù Bồ Tát cũng chẳng thể hỏi. Phật nói pháp cần phải có người khái thỉnh, nhưng pháp môn này sâu quá, ai cũng chẳng nghĩ tới được. Do vậy, đức Phật quán sát cơ duyên của đại chúng dự hội đã chín muồi, chẳng cần đệ tử khái thỉnh, tự động tuyên nói pháp môn “thành Phật viên mãn ngay trong một đời này”. Trong

mười hai phần giáo, thể loại này được gọi là Vô Vấn Tự Thuyết (không ai hỏi mà tự nói). Lúc đức Phật ở dưới cội Bồ Đề, ban đêm thấy sao Mai, viên thành Phật đạo, Ngài muốn tuyên nói với mọi người pháp môn này, nhưng khi ấy, cơ duyên của chúng sanh chưa chín muồi, do vậy, phải bắt đầu nói từ các kinh Tiểu Thừa, Đại Thừa trước. Đợi đến khi cơ duyên chín muồi, không ai hỏi, tự nói, khiến cho chúng sanh đạt được bốn thứ lợi ích, gọi là Tứ Tất Đàn (catur-siddhānta). “*Tất*” là phổ biến, “*đàn*” là thí cho, [Tứ Tất Đàn là]:

a. **Thế giới Tất Đàn:** Tuyên nói với chúng sanh hết tẩy chân tướng sự thật trong thế gian, khiến cho họ sanh lòng tin ưa. Phật pháp trước hết phải làm cho chúng sanh sanh lòng hoan hỷ. Nếu chẳng thế làm cho chúng sanh đối xử hòa thuận với nhau, ắt sẽ khiến cho xã hội bất an.

Vì thế, Phật pháp lấy việc tạo lợi ích cho thế gian làm đầu.

b. **Vị nhân Tất Đàn:** Quán sát cơ duyên của chúng sanh mà thuyết pháp phù hợp căn cơ, khiến họ sanh được lợi ích tốt lành. Như rắc rối to lớn trong hiện thời là luân lý, đạo đức thiếu sót, xã hội bất an, bèn vì họ nói Tứ Duy, Bát Đức⁷⁶ khiến cho họ sanh khởi thiện nguyện, thiện hạnh.

c. **Đối trị Tất Đàn:** Thuyết pháp nhằm đối trị những khuyết điểm của chúng sanh, khiến cho họ đoạn ác.

d. **Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn:** Ba thứ trên thuộc về pháp thế gian, loại thứ tư thuộc về pháp xuất thế gian, khiến cho chúng sanh ngộ đạo chứng quả.

⁷⁶ Tứ Duy là lễ, nghĩa, liêm, si. Bát Đức là trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình. Đây là những nguyên tắc đạo đức được đề xướng vào năm Dân Quốc 23 (1934) trong công cuộc vận động nếp sống mới do ủy viên trưởng Tưởng Trung Chánh của Quốc Dân Chính Phủ Quân Sự Ủy Viên Hội khởi xướng. Những điều này lấy ý tưởng từ bài giảng thứ sáu về Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Văn và quan điểm Tứ Duy trong sách Quản Tử.

Nay đức Phật giới thiệu tại phương Tây quả thật có thể giới Cực Lạc và cũng thật sự có A Di Đà Phật. Chúng sanh nghe xong, sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện cầu sanh. Đây chính là Thế Giới Tất Đàn. Nghe xong, chấp trì danh hiệu, thiện căn, phước đức viên mãn hiện tiền, được lợi ích sanh trưởng điều thiện, đây là Vị Nhân Tất Đàn. Dùng cái tâm chân thành, cung kính, ngày đêm niệm một câu Phật hiệu không ngừng, ác nghiệp nơi thân khẩu ý chẳng thể hiện hành, đè nén phiền não, đây là Đối Trị Tất Đàn. Niệm Phật niệm đến mức “công phu thành phiền”, chắc chắn sanh về Tây Phương, muốn ra đi lúc nào sẽ đi trong lúc ấy, có thể sanh tử tự tại, đây là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Ngẫu Ích đại sư phán định đoạn kinh văn tiếp theo [phần Thông Tự], tức đoạn “*nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất, tòng thị Tây Phương, quá thập vạn*

ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp” thuộc phần Phát Khởi Tự. Đây chính là quan điểm độc đáo của đại sư. Từ xưa, các vị đại đức đều phán định đoạn này thuộc Chánh Tông Phần, nhưng đại sư cũng có tiền lệ để viện dẫn. Ngài nói Trí Giả đại sư vào đời Tùy khi chú giải Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản đã phán định phần kệ tụng trước [phần kinh văn giảng về các giới] thuộc vào Phát Khởi Tự. Đây là căn cứ để lập luận của Ngẫu Ích đại sư, điều này cũng nhằm biểu thị lòng khiêm hư của đại sư. Người xuất gia Trung Quốc thọ Bồ Tát Giới đều lấy Phạm Võng Kinh Giới Bản làm y cứ, nhưng tại Đài Loan, trong thời gần đây, cũng có người sử dụng phần Anh Lạc Giới Bản trong Ưu Bà Tắc Giới Kinh, so với kinh Phạm Võng thì giới điều ít hơn, chỉ có sáu giới trọng và hai mươi tám

giới khinh. Trước đó (tức trước phần chánh thức tuyên giới trong kinh Phạm Võng), có bốn câu kệ:

*Ngã kim Lô Xá Na,
Phương tọa liên hoa đài,
Châu táp thiên hoa thượng,
Phục hiện thiên Thích Ca.*

(Nay ta, Lô Xá Na,
Ngồi trên đài hoa sen,
Trên ngàn hoa vây quanh,
Hiện ngàn Thích Ca Phật).

Trí Giả đại sư phán định đoạn kinh văn này thuộc Tự Phần. Đức Phật chưa được khái thỉnh mà đem danh hiệu và địa vị của chính mình tự nói ra, phương thức rất giống như trong kinh này, nên Ngẫu Ích đại sư phán định đoạn [kinh A Di Đà] này thuộc về Phát Khởi Tự.

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất: “Tùng thị Tây Phương,

quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”.

(經) 爾時。佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Chánh kinh: Lúc bấy giờ, Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất: “Từ đây đi qua phương Tây mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp).

Trong đoạn kinh văn này có ba sự thật:

a. Từ thế giới Sa Bà đi qua Tây Phương, trải qua mười vạn ức cõi Phật, có thế giới Cực Lạc.

b. Trong cõi ấy, quả thật có A Di Đà Phật.

c. A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp nơi đó.

(Giải) Tịnh Độ pháp môn, tam căn phổ nhiếp, tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị. Viên thâm, viên siêu nhất thiết pháp môn, thậm thâm nan tín. Cổ đặc cáo đại trí huệ giả. Phi đệ nhất trí huệ, bất năng trực hạ vô nghị dã. “Tây Phương” giả, hoành cẳng trực Tây, tiêu thị hiện xứ dã. “Thập vạn ức” giả, thiên vạn viết ức, kim tích ức chí thập vạn dã. “Phật độ” giả, tam thiên đại thiên thế giới, thông vi nhất Phật sở hóa. Thả dĩ thử độ ngôn chi, nhất Tu Di sơn, Đông, Tây, Nam, Bắc các nhất châu, đồng nhất nhất nguyệt sở chiếu, nhất Thiết Vy sơn sở nhiều, danh nhất “tứ thiên hạ”. Thiên tứ thiên hạ, danh tiểu thiên thế giới.

Thiên tiểu thiên, danh trung thiên thế giới. Thiên trung thiên, danh đại thiên thế giới. Quá như thử Phật độ, thập vạn ức chi Tây, thị Cực Lạc thế giới dã.

Vấn: Hà cố Cực Lạc tại Tây Phương?

Đáp: Thử phi thiện vấn. Giả sử Cực Lạc tại Đông, nhữ hựu vấn hà cố tại Đông, khởi phi hý luận? Huống tự thập nhất vạn ức Phật độ thị chi, hựu tại Đông hỹ. Hà túc trí nghi?

“Hữu thế giới danh viết Cực Lạc”, tự y báo quốc độ chi danh dã, thụ ước tam tế, dĩ biện thời kiếp; hoành ước thập phương, dĩ định cương ngung, cố xưng “thế giới”. “Cực Lạc” giả, Phạm ngữ Tu Ma Đề, diệc vân An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái đẳng. Nãi vĩnh ly chúng khổ, đệ nhất an ổn chi vị. Như hạ quảng thích. Nhiên Phật độ hữu tứ, các phân tịnh uest. Phàm Thánh Đồng Cư độ, ngũ trược trọng giả uest, ngũ trược khinh giả

tịnh. Phương Tiện Hữu Dư độ, tích không chuyết độ chứng nhập giả uế, thể không xảo độ chứng nhập giả tịnh. Thật Báo Vô Chướng Ngại độ, Thứ Đệ Tam Quán chứng nhập giả uế, Nhất Tâm Tam Quán chứng nhập giả tịnh.

(解) 淨土法門。三根普攝。絕待圓融。不可思議。圓收圓超一切法門。甚深難信。故特告大智慧者。非第一智慧。不能直下無疑也。西方者。橫亘直西。標示現處也。十萬億者。千萬日億。今積億至十萬也。佛土者。三千大千世界。通為一佛所化。且以此土言之。一須彌山。東西南北各一洲。同一日月所照。一鐵山圍所繞。名一四天

下。千四天下。名小千世界。千小千。名中千世界。千中千。名大千世界。過如此佛土。十萬億之西。是極樂世界也。問。何故極樂在西方。答。此非善問。假使極樂在東。汝又問何故在東。豈非戲論。況自十一萬億佛土視之。又在東矣。何足致疑。有世界名曰極樂。序依報國土之名也。豎約三際。以辨時劫。橫約十方。以定疆隅。故稱世界。極樂者。梵語須摩提。亦云安養。安樂。清泰等。乃永離衆苦。第一安穩之謂。如下廣釋。然佛土有四。各分淨穢。凡聖同居土。五濁重者穢。五濁輕者淨。方便有餘土。析空拙度證入者

**穢。體空巧度證入者淨。實報無障礙
土。次第三觀證入者穢。一心三觀證入
者淨。**

(Giải: Pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn ba căn, dứt bặt đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Gồm thâu trọn vẹn, nhưng vượt thoát trọn vẹn hết thảy pháp môn, rất sâu, khó tin. Vì thế, đặc biệt nói với bậc đại trí huệ, vì nếu không phải là người trí huệ bậc nhất sẽ chẳng thể nào hiểu được ngay mà không nghi. “Tây Phương” là đi thẳng mãi suốt theo chiều ngang sang phía Tây, [từ ngữ này] nhằm chỉ ra chỗ Phật thị hiện. “Thập vạn ức”: Mười vạn là một ức, nay dòn số ức ấy đến mười vạn ức. “Phật độ” (cõi Phật): Cả tam thiên đại thiên thế giới là khu vực hóa độ của một đức Phật. Hãy lấy cõi này để giảng thì một núi Tu Di, bốn phía Đông,

Tây, Nam, Bắc mỗi phía đều có một châu, cùng được một mặt trời, một mặt trăng chiếu, một rặng núi Thiết Vy bao quanh thì gọi là Tứ Thiên Hạ. Một ngàn Tứ Thiên Hạ gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Đi về phương Tây, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật như vậy bèn tới thế giới Cực Lạc.

Hỏi: Vì sao Cực Lạc ở phương Tây?

Đáp: Đây chẳng phải là câu hỏi hay ho gì. Giả sử Cực Lạc ở phương Đông, ông lại hỏi vì sao nó ở phương Đông, há chẳng phải là nói giỡn hay sao? Huống chi, nếu nhìn từ mười một vạn ức cõi Phật, Cực Lạc lại thuộc phương Đông mất rồi, có gì đáng để nghi ngờ nữa ư?

“Có thế giới tên là Cực Lạc”: Nêu ra cái tên cõi nước trong y báo. [“Thế’ là] theo chiều dọc suốt cả ba đời, nhằm luận

về thời kiếp. [“Giới” là] theo chiều ngang thì trọn cả mười phương, nhằm phân định ranh giới. Vì thế gọi là thế giới. “Cực Lạc”: Tiếng Phạn là Tu Ma Đề (Sumatī, Sukhāvātī), còn dịch là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái v.v... nghĩa là cõi vĩnh viễn là khỏi các khổ, an ổn bậc nhất. Từ ngữ này sẽ được giải thích chi tiết trong phần sau. Cõi Phật có bốn loại, với mỗi loại đều chia thành tịnh và uế. Phạm Thánh Đồng Cư độ: Ngũ Trược nặng nề là cõi uế, Ngũ Trược nhẹ nhàng là cõi tịnh. Phương Tiện Hữu Dư độ: Dùng phương pháp phân tích cái Không vụng về để chứng nhập thì là uế. Dùng phương pháp thấu hiểu cái Không để khéo léo chứng nhập thì là tịnh. Thật Báo Vô Chướng Ngại độ: Chứng nhập bằng cách tu Tam Quán theo thứ tự là uế, chứng nhập bằng Nhất Tâm Tam Quán là tịnh).

Pháp môn Tịnh Độ quả thật là pháp rất sâu khó tin. Trong kinh này, đức Phật có nói: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về cõi ấy được). Bạc đại trí huệ thiện căn, phước đức viên mãn trọn đủ, có thể gánh vác ngay lập tức, tin sâu, chẳng nghi. Hết thấy chúng sanh bất luận căn tánh như thế nào, pháp môn Tịnh Độ đều có thể bao dung, khiến cho họ thành tựu. Trên là các vị thượng thượng căn Đẳng Giác Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v..., dưới thì cho đến chúng sanh Ngũ Nghịch, Thập Ác sắp đọa địa ngục A Tỳ đều có phần. Đối tượng được độ thoát của các kinh khác chẳng giống như vậy. Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chỉ có thể độ bậc thượng thượng căn, hàng trung hạ chẳng có phần. Kinh A Hàm độ căn cơ trung hạ, chẳng khế cơ (phù hợp căn cơ)

bậc thượng thượng căn. Chỉ có kinh này thích hợp trọn khắp ba căn, dứt bật đối đãi một cách viên dung. Các vị tổ sư nói một câu A Di Đà Phật trọn đủ bốn câu tông chỉ:

1) “*Duy tâm là tông*”: Tất cả hết thấy kinh điển Đại Thừa, Tiểu Thừa đều lấy duy tâm làm tông.

2) “*Duy Phật là tông*”: Chữ Phật ở đây chỉ A Di Đà Phật, chỉ cần xưng niệm A Di Đà Phật liền có thể thành tựu.

3). “*Dứt bật đối đãi một cách viên dung là tông*”: Như các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa có thể thực hiện điều này, mà kinh này cũng không nằm ngoài lệ ấy, là kinh Đại Thừa bậc nhất trong các kinh Đại Thừa, là Nhất Thừa bậc nhất trong các pháp Nhất Thừa.

4) “*Vượt thoát tình kiến là tông*”.

Dựa trên lời các vị cổ đức đã giảng về tông chỉ để xét, thì biết pháp môn này vượt trội hết thấy đại kinh, đại luận, căn

cứ trên sở đặc của lịch đại tổ sư đại đức thì lời kết luận của các vị gần như giống hệt nhau. Trong cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Giải (chú giải kinh Vô Lượng Thọ), lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn những câu nói của các vị cổ đức thời Tùy - Đường, trong hết thảy các kinh điển thâm nhiếp trọn vẹn, vượt thoát trọn vẹn thì kinh Hoa Nghiêm là bậc nhất. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc thì mới được tính là viên mãn. So sánh giữa Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất, kinh Hoa Nghiêm kém hơn. Kinh Vô Lượng Thọ là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập năm bản dịch gốc để tạo thành bản hoàn chỉnh, trong ấy, chia ra thành bốn mươi tám chương. Chương thứ sáu nói về bốn mươi tám nguyện là bậc nhất. Trong bốn mươi tám nguyện, cổ đức công nhận

nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Phật nói kinh A Di Đà nhằm giải thích nguyện thứ mười tám, nguyện thứ mười tám là “*mười nguyện ắt sanh*”. Do đây, có thể biết là danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do từ điều này, sanh khởi tín tâm chân thành thì là kẻ có đại thiện căn và đại phước đức. Niệm một câu Phật hiệu là cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật. Tin sâu một câu Phật hiệu bao gồm cả Tam Học Giới - Định - Huệ. Nhất tâm trì danh hiệu không có tạp niệm, chính là “*đừng làm các điều ác*”. Một câu Phật hiệu, vô lượng công đức đều nằm trong ấy, chính là “*vâng làm các điều thiện*”, trọn đủ Đại Thừa Bồ Tát Giới. Nhất tâm xưng niệm, nhất tâm là Định, Định Học trọn đủ. Tín, nguyện, trì danh, là trí huệ bậc nhất, Huệ Học trọn đủ! Tam Học ấy chính là Tam Học rốt ráo viên mãn. CỎ

đức nói: “*Đây chính là con đường tu học thành Phật gần nhất*”.

So sánh giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Đại Thừa đi theo đường gần. So sánh giữa các pháp môn Đại Thừa với Thiền Tông thì Thiền Tông lại gần hơn rất nhiều. So sánh giữa Thiền và Tịnh, Tịnh lại càng gần hơn nữa. Trong kinh dạy từ một ngày đến bảy ngày liền có thể vãng sanh. Trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chẳng thiếu những trường hợp như thế, chứng minh những điều kinh nói là chân thật, chẳng dối. Hiểu rõ đạo lý, vừa nghe liền tin tưởng, đúng như pháp tu trì, hoàn toàn chẳng hoài nghi, người như vậy thuộc căn tánh Bồ Tát.

Chữ “*Tây Phương*” nhằm trình bày nơi chốn hiện thời của thế giới Cực Lạc, cách thế giới Sa Bà của chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Nhìn thì có vẻ xa, nhưng thật ra, khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, vãng

sanh chỉ là chuyện trong khoảng sát-na, đừng nên khởi vọng tưởng. Khi La Thập đại sư dịch kinh này, nghĩ tưởng chúng ta đều là kẻ đời nghiệp, phàm tình chưa đoạn, khó thể tránh khỏi có lúc nhớ nhà. Người trong cõi Tây Phương thiên nhãn thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thông suốt, có thể thấy người nhà, quyến thuộc đang ở trong đường nào. Nếu muốn quan tâm đến họ, trong sát-na liền có thể quay về thế giới Sa Bà.

Câu “*tùng thị Tây Phương*” chỉ phía Tây của tam thiên đại thiên thế giới này, chứ không phải là phía Tây của địa cầu. Hiện thời, Thiên Văn Học có khái niệm gọi là Hoàng Cực (Ecliptic pole), địa cầu của chúng ta có Nam Cực và Bắc Cực. Hệ Ngân Hà cũng chuyển động, hai đầu trục chuyển động của hệ Ngân Hà gọi là Hoàng Cực. Trước kia, người ta thường suy đoán một tam thiên đại thiên thế giới

như đức Phật đã nói, đại khái là một hệ Ngân Hà (Milky Way). Pháp vận của đức Phật bất quá là một vạn hai ngàn năm, góc xoay của hệ Ngân Hà chỉ có thể chuyển dịch chừng một, hai độ. Cách nói này nghe cũng khá hợp lý.

Nếu chiếu theo cách lập luận của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thì kinh Phật gọi một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới. Do vậy, một tam thiên đại thiên thế giới có mười ức hệ Ngân Hà. Căn cứ theo kinh văn đã dạy, một núi Tu Di (Sumeru), bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi phía có một châu⁷⁷, cùng được một mặt trời, mặt trăng chiếu soi, được một núi Thiết Vy (Cakravāda-parvata) bao quanh, thì gọi là một Tứ Thiên Hạ. Một ngàn Tứ Thiên Hạ gọi là một Tiểu Thiên Thế Giới, một ngàn Tiểu Thiên Thế Giới gọi là một Trung

⁷⁷ Tức là bốn đại bộ châu: Nam Thiêm Bộ Châu (Jambudīpa), Đông Thắng Thần Châu (Pubbavideha), Tây Ngu Hóa Châu (Aparagoyāna) và Bắc Câu Lô Châu (Uttarakuru, còn gọi là Uất Đan Việt).

Thiên Thế Giới. Một ngàn Trung Thiên Thế Giới gọi là một Đại Thiên Thế Giới.

Nếu có người hỏi, vì sao thế giới Cực Lạc ở phương Tây? Nếu như thế giới Cực Lạc ở phương Đông, ắt sẽ lại hỏi vì sao ở phương Đông? Hỏi như vậy tức là giỡn chơi. Huống chi, nếu ở tại mười một vạn ức cõi Phật, quay đầu nhìn lại Cực Lạc thì Cực Lạc đã thuộc về phương Đông rồi, phương vị đâu có nhất định. Thân thể là chánh báo, những gì để thân thể nương vào mà tồn tại như thức ăn, quần áo, hoàn cảnh cư trú và thế giới được gọi là “y báo”. Thế giới này có tên là Sa Bà, dịch nghĩa là Kham Nhẫn. Hai chữ “*thế giới*” xét theo Lục Thư⁷⁸ thì thuộc về loại Hội Ý. Ba

⁷⁸ Lục Thư (六書) là sáu phương thức kết cấu và sử dụng chữ Hán. Khái niệm này được hình thành từ thời Hán (tài liệu trình bày khái niệm Lục Thư sớm nhất là thiên Nghệ Văn Chí trong Hán Thư). Lục Thư gồm:

1. Tượng hình: Mô phỏng hình dạng của sự vật, như chữ Nhật (日), Nguyệt (月), Thủy (水), Nhân (人), Sơn (山), Khâu (口) chẳng hạn.

2. Chỉ sự: Tức là nhìn từ mặt chữ, có thể nhận biết được sự vật mà chữ ấy muốn miêu tả, như Thượng (上), Hạ (下), Nhất (一), Nhị (二) chẳng hạn.

mười năm là một Thế (世)⁷⁹, đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai là thời gian. Theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhằm định ranh giới là không gian. Hợp nhất thời gian và không gian là “*thế giới*”.

“*Cực Lạc*”, tiếng Phạn là Tu Ma Đề, còn gọi là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái v.v... có nghĩa là vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, an ổn bậc nhất. Tây Phương thế giới chia thành bốn cõi:

3. Hình thanh: Mô phỏng âm thanh của sự vật. Chữ Giang (江) thuộc loại này. Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: “*Giang là nước, mô phỏng tiếng nước rơi khi chảy từ sông Tiên ở đất Thục, vượt qua rặng Hôn Sơn, đổ vào biển*”.

4. Hội ý: Ghép hai hoặc nhiều chữ đơn thành một chữ để diễn tả một ý. Chẳng hạn chữ Tửu (酒) dùng cái bình ủ rượu (Dậu: 酉) phối hợp với dịch thể (nước 水). Chữ Minh (鳴: có nghĩa gốc là chim kêu), ghép chữ Khẩu (口) với Điểu (鳥: chim), Hiếu (孝) gồm Lão (老) và Tử (子) ghép lại, hội ý người con công cha mẹ già.

5. Chuyển chú: Có nhiều cách giải thích, một là hình chuyển (chữ cùng bộ thủ, ý nghĩa tương đồng có thể dùng lẫn cho nhau), hai là nghĩa chuyển (chữ có ý nghĩa giống nhau thì có thể dùng lẫn cho nhau), ba là âm chuyển (thanh âm giống nhau thì có thể dùng lẫn cho nhau), nhưng đến hiện thời, vẫn chưa có ý kiến thống nhất những chữ như thế nào sẽ được coi là Chuyển Chú.

6. Giả tá: Mượn để dùng tạm, tức là vốn không phải là chữ ấy, nhưng có thanh âm giống nhau nên mượn để dùng. Cách này thường áp dụng khi viết tắt. Chẳng hạn, Thuyết (說) và Duyệt (悅) thời cổ đọc cùng một âm nên được dùng lẫn cho nhau.

⁷⁹ Chữ Thế (世) do ba chữ Thập (十) ghép lại.

1) **Phàm Thánh Đồng Cư độ**: Là chỗ ở của kẻ đối nghiệp vãng sanh. Do đối nghiệp (mang theo nghiệp) nặng hay nhẹ khác nhau, nên chia thành ba bậc chín phẩm. Tu hành phải nên tận hết sức tiêu trừ nghiệp chướng, sẽ có thể nâng cao phẩm vị khi sanh về Tây Phương. Ở đây, tôi chỉ giảng đại lược từ ngữ Ngũ Trược (pañca-kasāyāh).

- **Kiếp Trược (Kalpa-kasāyāh)**: Trược (濁) là ô nhiễm, Kiếp (劫) chỉ thời gian. Chúng sanh tội ác sâu nặng chiêu cảm đời loạn, nhân dân bệnh tật, khốn khổ, trong lịch sử thường gọi là “thời đại hắc ám”.

- **Kiến Trược (Drsti-kasāyāh)**: Tức là chúng sanh quan sát nhân sinh và vũ trụ, nảy sanh những cách nhìn sai lầm, mà tự cho là đúng.

- **Phiền Nã Trược (Klesa-kasāyāh)**: Hoài nghi giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát,

cổ thánh, tiên hiền, trái nghịch lời răn dạy, chẳng chịu vâng giữ, làm theo. Sách Hành Sự Sao Tư Trì Ký còn giảng: “*Phiền Nã Trược chính là Ngũ Độn Sử*”⁸⁰.

- Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāyāh): Là quả báo của Kiến Trược và Phiền Nã Trược, tức là sự ô nhiễm trong hoàn cảnh sống. Chẳng hạn như không khí, nguồn nước và những hoàn cảnh khác bị ô nhiễm, khí hậu biến đổi dị thường, đều thuộc về loại Trược này.

- Mạng Trược (Āyu-kasāyāh): Thọ mạng giảm ngắn, chẳng thể hưởng hết tuổi trời, là chướng ngại lớn nhất cho sự tu hành.

Hôm nay, đọc đến đoạn kinh văn này, nhận biết sâu xa đức Phật đã có tiên kiến, gần như hoàn toàn nói trực tiếp đến thời đại hiện tại. Phật dạy: “*Hết thấy pháp từ*

⁸⁰ Ngũ Độn Sử: Năm món phiền não sai khiến con người, do tác dụng của nó không mạnh mẽ lắm, nên gọi là Độn (chậm lụt), gồm: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi.

tâm tưởng sanh”. Lại nói: “*Hết thấy pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến*”, đủ biết rằng: Đoạn trừ các điều ác, khôi phục sự thanh tịnh, ắt phải dốc công nơi tâm địa, tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Thân và tâm là chánh báo, hoàn cảnh là y báo. Đức Phật thường nói: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”, vì thế, tu tâm là bậc nhất.

2) Phương Tiện Hữu Dư độ: Là nơi ở của Quyền Giáo Bồ Tát và A La Hán, Bích Chi Phật. Tây Phương thế giới không có Nhị Thừa, thuần là Bồ Tát. Những người đời nghiệp vãng sanh, chưa đoạn phiền não, Hạ Hạ phẩm vãng sanh, sanh sang Tây Phương cũng mang thân phận Bồ Tát, chẳng phải là Tiểu Thừa. Bất quá, Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín là học trò lớp Một, nếu học đến lớp Bảy (tức địa vị Thất Tín), đã đoạn Kiến Tư phiền não, thật sự đạt được thân tâm thanh tịnh, liền đạt đến Phương Tiện Hữu Dư Độ. Niệm Phật mà

niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, liền sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ. Tiêu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật và Quyền Giáo Bồ Tát chấp trước nặng nề, dùng phương pháp phân tích, giác ngộ thân tâm thế giới đều chẳng phải là tướng chân thật, biết vạn vật là “*nhất hiệp tướng*”. Bất luận động vật, thực vật, hay khoáng vật đều cùng do một loại vật chất cơ bản kết hợp thành. Dùng Tích Không Quán (quán sát theo cách lần lượt phân tích sự vật cho đến khi thấy bản chất của chúng là Không) để khế ngộ Thật Tướng thì phương pháp ấy là vụng về. Ngoài ra, còn có một hạng người thông minh, vừa nghe đức Phật nói liền có thể ngộ đến mức thấu hiểu, nhập vào Không Quán, đây gọi là Thễ Không Xảo Độ, so ra khéo léo hơn. Nếu dùng Tứ Giáo của tông Thiên Thai, tức Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo, để so sánh thì căn tánh nhạy bén nhất là Viên

Giáo, kế đến là Biệt Giáo, rồi mới đến Thông Giáo và Tạng Giáo. Những điều vừa nói trên đây có lẽ khá phức tạp, chỉ dựa theo lời đại sư giải thích, thì mỗi cõi Phật gồm có bốn cõi, mỗi cõi đều chia thành tịnh và uế. “*Phương Tiện Hữu Dư độ, nếu dùng phép Quán phân tích cái Không vụng về để chứng nhập thì là Uế, còn thể nhập Không Quán một cách khéo léo thì là tịnh*”. Tuy cùng trong một cõi Phật, trong ấy vẫn có đẳng cấp tịnh và uế khác nhau, mong quý vị hãy khéo thấu hiểu.

3) **Thật Báo Vô Chương Ngại độ**: Còn gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, tức cảnh giới “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” như kinh Hoa Nghiêm đã nói, là chỗ của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới

có thể đạt đến cảnh giới này, đây là địa vị kiến tánh. Nói theo Tịnh Tông thì là Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ, Lý nhất tâm bèn sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Bí quyết chính là một câu Phật hiệu niệm đến tột cùng, chẳng cần phải bận tâm, nước chảy mãi sẽ thành suối. Nếu muốn hỏi “như thế nào thì mới được coi là Lý nhất tâm”, sẽ chẳng có hy vọng gì đâu! Vì tâm chẳng thanh tịnh. Bà cụ già trong làng quê chuyện gì cũng chẳng hiểu, bà ta có thể niệm đến Sự nhất tâm hoặc Lý nhất tâm, lâm chung biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh. “*Thứ Đệ Tam Quán*” và “*Nhất Tâm Tam Quán*” đều là những danh từ trong tông Thiên Thai. Thiên Thai đại sư dạy phương pháp tu hành gồm “*Tam Chỉ, Tam Quán*”⁸¹. Trước hết là

⁸¹ Tam Chỉ là ba Chỉ Hạnh (những hạnh tu tập để dứt trừ phiền não, vọng tưởng) được lập ra bởi tông Thiên Thai dựa trên Tam Quán “Không, Giả, Trung”:

quán Không rồi đến quán Giả, cuối cùng là quán Trung. Đây là “*Thứ Đệ Tam Quán*” (thực hành Tam Quán theo thứ tự), khế hợp với căn cơ trung hạ. Bậc lợi căn

1. Thễ Chân Chỉ: Tương ứng với Không Quán. Thấu hiểu vô minh điên đảo là vọng, chính là thấu hiểu Thật Tướng là chân. Thấu hiểu các pháp do nhân duyên hòa hợp, không có tự tánh, sẽ có thể dứt được vọng niệm nắm níu nơi trần cảnh, kiên giải, ý kiến phân biệt v.v... chứng đắc Lý Không. Do vậy sẽ thành tựu Chân Đệ tam-muội.

2. Phương Tiện Tùy Duyên Chỉ (Phương Tiện Chỉ): Tương ứng với Giả Quán. Tiếp xúc các trần cảnh, thấu hiểu, nhận biết rõ ràng, nhưng tâm yên ổn không lay động bởi Tục Đế, không chấp trước, biết các pháp đều giả có, biết Không chẳng phải là Không. Do pháp Chỉ này sẽ mở mang Pháp Nhãn, thành tựu Tục Đệ tam-muội.

3. Tức Nhị Biên Phân Biệt Chỉ (Chê Tâm Chỉ): Tương ứng với Trung Quán, chẳng phân biệt sanh tử và Niết Bàn, có và không v.v... Bởi lẽ, hai phép Chỉ trên đây thiên trọng Chân Đệ và Tục Đế, nên phải có phép Chỉ này để dứt bật sự thấy có hai Đế. Biết Chân chẳng phải là Chân, Tục chẳng phải là Tục, dứt bật kiến chấp thấy có hai bên. Đạt cảnh giới này sẽ đắc Trung Đạo Định, mở Phật Nhãn, thành tựu Trung Đạo tam-muội.

Tam Quán dựa theo giáo nghĩa được giảng trong phẩm Hiền Thánh Học Quán của Bồ Tát Anh Lạc Bồn Nghiệp Kinh mà lập ra, gồm:

1. Không Quán (Nhị Đế Quán): Không có nghĩa là lia cả Tánh và Tướng. Do quán thấy một niệm tâm chẳng phải ở trong, ngoài, khoảng giữa, nên gọi là Không. Hễ một thứ không, thì hết thấy mọi thứ đều không. Nói đơn giản, nhận biết quan điểm của thế tục là Giả (vì không khế hợp chân tướng sự thật), tiên nhập sự thấy biết đúng với chân lý (Không), thấy thấu suốt bản thể của các pháp là Không, nên gọi là Không Quán.

2. Giả Quán (Bình Đẳng Quán): Quán một niệm tâm đầy đủ hết thấy pháp, chẳng dừng nơi Không, tiên nhập Phật trí chiếu khắp hết thấy cảnh giới thuộc Tục Đế.

3. Trung Quán (Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Quán): dứt bật mọi đối đãi, chẳng chấp vào Không Quán lẫn Giả Quán, Không Quán và Giả Quán cùng viên dung.

Như vậy, theo thứ tự thông thường: Dùng Không Quán để phá kiến chấp Tục Đế, chứng nhập Chân Đế. Rồi từ đó, dùng Giả Quán để từ Chân chiếu Tục, quay trở lại Tục Đế, tùy duyên mà hóa độ, không chấp trước, hiểu rõ Tục Đế là giả, nhưng chẳng chấp trước vào Không, chẳng bỏ bi nguyện độ sanh. Từ Không Quán và Giả Quán tiến lên Trung Quán để chứng nhập chân lý rốt ráo. Tu tập theo kiểu này gọi là Thứ Đệ Tam Quán.

trong một niệm liền chính là Không, Giả, Trung, viên mãn Tam Không, Tam Quán, không có giới hạn. “Trong một niệm mà tu trọn Tam Quán” nằm ngay trong một câu Phật hiệu. Cái tâm để niệm Phật nằm ở chỗ nào? Chẳng thể được! Đức Phật được niệm ở chỗ nào? Cũng chẳng thể được! Quán sát trên mặt Thể, đều trọn chẳng thể được, chính cái Thể ấy là Không. Trên mặt Sự thì giả có, vì sự tướng vẫn rành rành. Nhưng Không và Giả là một, Không chẳng trở ngại Giả, Giả chẳng trở ngại Không, Không và Giả giống hệt như một thì chính là Trung Đạo. Trong một niệm, Không, Giả, Trung đều đầy đủ. Sau khi hiểu rõ Lý và Sự, điều gì cũng buông xuống, chẳng quan tâm đến nữa, một câu Phật hiệu ấy tương ứng với Nhất Tâm Tam Quán, thật sự niệm thành công, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều chẳng còn nữa, bèn đoạn trọn vẹn ba Hoặc

(Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc), chứng trọn vẹn ba đức (Pháp Thân, Giải Thoát, Bát Nhã) thì kiến tánh, trí huệ Bát Nhã hiện tiền, thông đạt hết thấy pháp, quá khứ, hiện tại, vị lai đều hiện trước mắt, đặc đại tự tại. Đạt đến cảnh giới ấy, tức là đắc Niệm Phật tam-muội, cũng chớ nên sanh tâm hoan hỷ. Hễ hoan hỷ thì cảnh giới ấy sẽ chẳng còn nữa.

(Giải) Thường Tịch Quang độ, phân chứng giả uế, cứu cánh mãn chứng giả tịnh. Kim vân Cực Lạc thế giới, chánh chỉ Đông Cư Tịnh Độ, diệt tức hoành cụ thượng tam Tịnh Độ dã. “Hữu Phật hiệu A Di Đà”, tự chánh báo giáo chủ chi danh dã, phiên dịch như hạ quảng thích. Phật hữu tam thân, các luận đơn, phức. Pháp Thân đơn, chỉ sở chứng Lý tánh. Báo Thân đơn, chỉ năng chứng công đức trí huệ. Hóa Thân đơn, chỉ sở hiện

tướng hảo sắc tượng. Pháp Thân phức giả, Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân, Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Báo Thân phức giả, Tự Thụ Dụng Báo Thân, Tha Thụ Dụng Báo Thân. Hóa Thân phức giả, Thị Sanh Hóa Thân, Ứng Hiện Hóa Thân. Hựu, Phật Giới Hóa Thân, Tùy Loại Hóa Thân. Tuy biện đơn phức tam thân, thực phi nhất, phi tam, nhi tam, nhi nhất. Bất tung hoành, bất tịnh biệt, ly quá, tuyệt phi, bất khả tư nghị. Kim vân A Di Đà Phật, chánh chỉ Đồng Cư độ trung Thị Sanh Hóa Thân. Nhưng phức tức Báo, tức Pháp dã. Phục thứ, thế giới cập Phật, giai ngôn “hữu” giả, cụ tứ nghĩa, đích tiêu thực cảnh, linh hân cầu cố. Thành ngữ chỉ thị, linh chuyên nhất cố. Giản phi Càn thành, dương diễm, phi quyền hiện khúc thị, phi duyên ảnh hư vọng, phi bảo chân thiên đản, phá ma, tà, quyền, tiểu cố,

viên chương tánh cụ, linh thâm chứng cố.

(解) 常寂光土。分證者穢。究竟滿證者淨。今云極樂世界。正指同居淨土。亦即橫具上三淨土也。有佛號阿彌陀。序正報教主之名也。翻譯如下廣釋。佛有三身。各論單複。法身單。指所證理性。報身單。指能證功德智慧。化身單。指所現相好色像。法身複者。自性清淨法身。離垢妙極法身。報身複者。自受用報身。他受用報身。化身複者。示生化身。應現化身。又。佛界化身。隨類化身。雖辨單複三身。實非一非三。而三而一。不縱橫。不並別。離過

絕非。不可思議。今云阿彌陀佛。正指同居土中。示生化身。仍復即報即法也。復次。世界及佛。皆言有者。具四義。的標實境。令欣求故。誠語指示。令專一故。簡非乾城陽燄。非權現曲示。非緣影虛妄。非保真偏但。破魔邪權小故。圓彰性具。令深證故。

(Giải: Thường Tịch Quang độ, phân chứng là uế, rốt ráo chứng viên mãn là tịnh. “Thế giới Cực Lạc” đang được nói ở đây chính là nói về Đồng Cư Tịnh Độ, mà cũng là cõi Tịnh Độ theo chiều ngang có đủ cả ba cõi Tịnh Độ trên. Câu “có Phật hiệu là A Di Đà” nhằm nêu ra danh hiệu của vị giáo chủ trong chánh báo, sẽ được giải thích rộng rãi trong tiểu đoạn giảng về sự phiên dịch [danh hiệu vị Phật này])

trong phần sau. Phật có ba thân, với mỗi thân đều luận thân đơn và thân kép. Pháp Thân đơn chỉ cho Lý tánh được chứng, Báo Thân đơn chỉ trí huệ, công đức có công năng chứng [Lý tánh ấy], Hóa Thân đơn chỉ các hình tượng, tướng hảo đã được hiện [bởi chân tâm]. Pháp Thân kép gồm Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân và Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Báo Thân kép gồm Tự Thụ Dụng Báo Thân và Tha Thụ Dụng Báo Thân. Hóa Thân kép gồm Thị Sanh Hóa Thân và Ứng Hiện Hóa Thân. Lại còn có Phật Giới Hóa Thân và Tùy Loại Hóa Thân. Tuy phân biệt ba thân đơn và kép, nhưng thật ra, chúng chẳng phải một, chẳng phải ba, nhưng là ba, là một, chẳng dọc ngang, chẳng cùng tồn tại hay sai khác, lìa lỗi, dứt sai, chẳng thể nghĩ bàn. Nay nói A Di Đà Phật chính là nói về Thị Sanh Hóa thân của A Di Đà Phật trong cõi Đông Cư, nhưng thân phức

cũng chính là Pháp Thân, cũng chính là Báo Thân. Lại nữa, [trong chánh kinh, đối với] thế giới và Phật đều nói là “có”. [Hai chữ Có ấy] gồm đủ bốn nghĩa (Tứ Tất Đàn):

- Nêu ra cảnh thật khiến [cho người nghe] vui thích, mong cầu.

- Lời thành thật chỉ bày khiến cho [người nghe] chuyên nhất.

- Nhằm phân biệt rõ ràng [cõi Cực Lạc] chẳng phải là thành Càn Thát Bà, hay là bóng nước gợn khi trời nắng gắt, chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận theo căn tánh, chẳng phải là bóng dáng hư vọng của các duyên, chẳng phải là hư hư giữ lấy thiên chân Niết Bàn, phá dẹp ma, tà, quyền, tiểu.

- Phô bày trọn vẹn tánh vốn trọn đủ, nhằm làm cho [người nghe] chứng nhập sâu xa).

“*Cõi Thường Tịch Quang*”: Các kinh Đại Thừa thường nói Thường Tịch Quang Tịnh Độ là cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Theo cách nói của tông Thiên Thai thì Tạng Giáo và Thông Giáo chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chưa phá vô minh, đương nhiên không tính tới. Thành Phật trong Biệt Giáo sẽ chứng nhập cõi Thường Tịch Quang; nhưng nếu so sánh giữa Biệt Giáo và Viên Giáo thì hàng Sơ Địa trong Biệt Giáo phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, được gọi là Pháp Thân đại sĩ, trên [địa vị] Thập Địa Bồ Tát lại có thêm địa vị Đẳng Giác, phá mười một phẩm vô minh [liền chứng địa vị] Diệu Giác tức là thành Phật. [Nhu vậy] thành Phật [trong Biệt Giáo] là phá cả mười hai phẩm vô minh⁸². [Thế nhưng] vô minh có

⁸² Theo Tứ Giáo Nghi Tập Chú, để chứng Sơ Địa trong Biệt Giáo, phải trừ một phẩm vô minh đầu tiên (thường gọi là Tối Sơ Vô Minh). Từ Sơ Địa lên Đẳng Giác, mỗi địa vị phải phá một phẩm vô minh, tức là lần lượt phải phá thêm mười một phẩm vô

tất cả bốn mươi hai phẩm, [vị Bồ Tát thành Phật trong Biệt Giáo] chỉ mới phá được mười hai phẩm, vẫn còn ba mươi phẩm [vô minh] chưa phá. Đây là quả vị Phật trong Biệt Giáo. Cảnh giới được chứng bởi vị ấy là uế độ của cõi Thường Tịch Quang. [Đức Phật trong] Viên Giáo đã phá sạch bốn mươi hai phẩm vô minh, viên mãn chứng đắc Phật quả; cảnh giới của vị ấy là Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Pháp môn Tịnh Độ hết sức đặc biệt, lạ lùng, dầu là kẻ đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng có thể hưởng thụ cảnh giới Thường Tịch Quang độ, các kinh, luận, pháp môn khác đều không có chuyện này! Bởi lẽ, bọn phàm phu chúng ta trong một đời chẳng thể nào chứng đắc ba cõi phía trên (tức Thường Tịch Quang, Phương Tiện Hữu

minh nữa mới lên được Diệu Giác. Như vậy để đạt lên địa vị Diệu Giác phải phá tất cả mười hai phẩm vô minh.

Dur và Thật Báo Trang Nghiêm). Chúng ta muốn đoạn phiền não quả thật chẳng dễ dàng. Dầu đoạn được Kiến Tư phiền não thì bất quá cũng chỉ là địa vị A La Hán trong Tiểu Thừa hay địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Nếu muốn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dur, trong một đời khó thể nào đạt được. Đối với cõi Thật Báo và cõi Tịch Quang, khởi cần phải nhắc tới nữa! Riêng cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chỉ cần có thể chế phục phiền não là được, chế phục dễ hơn đoạn trừ. Nhưng chế phục phiền não cũng cần phải dụng công, phiền não tuy có, nhưng giữ sao cho nó chẳng khởi tác dụng. Theo đường lối thông thường thì dùng Định, Định có thể chế phục phiền não. Pháp môn Tịnh Tông thì dùng một câu Phật hiệu để chế phục [phiền não], so với Thiền Định dễ dàng hơn nhiều. Niệm Phật chỉ cần “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm*

tiếp nối” là được. Chánh niệm là một câu Phật hiệu, cổ đức thường nói: “*Buông xuống vạn duyên, đề khởi chánh niệm*”. Trừ một câu Phật hiệu ra, tất cả hết thảy ý niệm đều là vọng tưởng, không có gì là chân thật. Kinh Kim Cang dạy: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Pháp hữu vi bao gồm hết thảy ý niệm, kiến giải, tư tưởng của chúng ta.

Chúng ta chỉ có thể sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chứ không thể lên cao hơn, nhưng cả ba cõi trên đều có thể thụ dụng được, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Trong các thế giới chư Phật khác, ít phải đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể hưởng thụ cõi Phương Tiện, phá một phần vô minh thì mới có thể thụ dụng cõi Thật Báo, nhất định phải dựa vào công phu [của chính mình].

Kinh dạy: Sanh về Tây Phương sẽ cùng ở một chỗ với các vị thượng thiện nhân;

nếu chẳng thể đồng thời hưởng thụ cảnh giới của ba cõi trên thì làm sao có thể thấy được các vị thượng thiện nhân? Thế giới Sa Bà của chúng ta cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng chúng ta không thấy A La Hán, Bồ Tát, càng chẳng thể thấy Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí. Ở Tây Phương, hằng ngày gặp gỡ các Ngài, vì có chuyện này nên trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật đã dạy, A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, là vua trong các Phật). Đọc đến chỗ này liền hiểu rõ: Do tín nguyện trì danh, ắt sẽ đạt được công đức và lợi ích thù thắng như trong kinh đã dạy.

Phật có ba thân là Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân. Pháp Thân là Lý, Báo Thân và Hóa Thân là Sự. Lý là chủ thể có công năng biến hiện (Năng Biến), Sự là cái được biến hiện (Sở Biến). Lý chính là

Chân Như bốn tánh như trong kinh đã nói. Kinh Hoa Nghiêm nói tới Nhất Chân pháp giới, lại nói “*bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới*” (cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn) đều là nói về sự việc này. Những danh từ, thuật ngữ đồng nghĩa với Nhất Chân pháp giới nhiều đến mấy chục thứ. Vì sao lại nói ra nhiều danh từ? Nhằm mục đích khiến cho chúng ta đừng chấp trước danh tướng, khiến cho chúng ta lìa khỏi tướng danh tự, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, thì mới có thể thật sự thấu hiểu chân tướng của nó. “Bản thể của vũ trụ vạn hữu” như các nhà triết học đã nói chính là Pháp Thân. Báo Thân là trí huệ. Báo Thân là trí có khả năng chứng đắc (năng chứng trí), Pháp Thân là Lý được chứng (sở chứng lý) [bởi cái trí ấy]. Lý và Trí là một, chẳng phải hai. Trong triết học, Năng và Sở đối lập với nhau, nhưng Phật pháp nói trí năng chứng và lý

sở chúng là một, chẳng thể tách rời. Hóa Thân còn gọi là Ứng Thân nhằm lợi ích chúng sanh, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Chư Phật, Bồ Tát ứng hiện tùy theo từng loại chúng sanh. Tam thân của chư Phật, Bồ Tát rõ ràng, tam thân của chúng ta chẳng rõ ràng, vì tâm của chúng ta bị vọng tưởng, chấp trước, thất tình, ngũ dục mê hoặc. Sự giáo học của đức Phật chỉ nhằm phá mê, khai ngộ. Hễ ngộ sẽ liền chứng đắc Pháp Thân. Cái thân hiện thời của chúng ta là thân nghiệp báo, thuận theo nghiệp mà hứng chịu quả báo. Luân hồi trong lục đạo là vì chính mình mê mất tự tánh, do tạo nghiệp thiện hay ác mà biến hiện ra. Làm thế nào để khôi phục tam thân, làm thế nào mới thụ dụng được tam thân, đây chính là những chủ đề dạy dỗ chánh yếu của đức Phật.

Từ ngữ “*Pháp Thân đơn*” chỉ Lý tánh được chứng. Lý và Sự là một, Tánh và Tướng là một. Đây là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, mà cũng chính là Pháp Thân. “*Báo Thân đơn*” chính là công đức trí huệ có công năng chứng được Lý Tánh. Hiểu minh bạch, đích xác chân tướng của nhân sinh và vũ trụ thì gọi là trí huệ, đây là Báo Thân. “*Hóa Thân đơn*” chỉ tướng hảo, sắc tướng được biến hiện. Đây là Tha Thụ Dụng. Vì sao có sanh, lão, bệnh, tử? Là vì chúng ta có tự thụ dụng, tức là chính mình mong cầu hưởng thụ. Chư Phật, Bồ Tát chẳng tự thụ dụng, thân cũng không có tướng, những tướng ấy nhằm để cho người khác hưởng dùng (tha thụ dụng). Vì thế, các Ngài không có sanh, lão, bệnh, tử. Phật pháp dạy Vô Ngã, đối với chính mình thì nói là không có Ngã, nhưng đối với người khác thì nói có Ngã. Có Ngã là để cho người khác thụ dụng,

[Ngã] là công cụ để giáo hóa chúng sanh giác ngộ. Vì vậy, thân của chư Phật, Bồ Tát tùy theo sự cảm ứng của chúng sanh mà hiện. [Kinh điển kể ra] ba mươi hai ứng thân của Quán Âm Bồ Tát [thì ba mươi hai ứng thân ấy] là những loại tổng quát, hoàn toàn là vô tâm, mà cũng là vô niệm, nên mới có thể cảm ứng. Như gõ chuông, gõ mạnh, chuông ngân to; gõ nhẹ, chuông ngân nhỏ. Đức Phật thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, đều là hễ hỏi liền đáp, chẳng phải suy nghĩ. Do vậy, học Phật trong hết thấy thời, trong hết thấy chỗ, trong hết thấy cảnh duyên, chẳng sanh một niệm, chỉ dùng một câu A Di Đà Phật, dùng nhất niệm để dứt hết thấy vọng niệm. Pháp môn này hay khéo, dễ dàng, [bởi lẽ], một niệm dễ tu hơn vô niệm rất nhiều. Trong quá khứ, ta thấy phương pháp tiếp dẫn chúng sanh của nhiều vị đại đức là sử

dụng thân giáo (dùng hành vi, ứng xử nơi thân để giáo hóa), không dùng tới ngôn ngữ. Có khi dùng ngôn giáo (dạy dỗ bằng lời nói) nhằm giải nói tường tận. Tùy căn tánh và hoàn cảnh khác biệt của từng người mà đều có thể khiến cho chúng sanh được lợi ích. Pháp môn vô lượng vô biên, nhưng mục tiêu chỉ có một, tuy khác đường nhưng cùng về một nơi!

“*Pháp Thân phức*”: Loại thứ nhất là Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân.

Thân này chỉ về bản thể, cũng chính là Pháp Thân đơn, mọi người chúng ta ai nấy đều có. Loại thứ hai là Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Nói theo phương diện sự tướng, “*Cấu*” (垢) là vô minh phiền não. Cũng xét theo quả vị Như Lai trong Viên Giáo, bốn mươi một phẩm vô minh đều đoạn sạch thì gọi là Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Do Đẳng Giác Bồ Tát còn có

một phần sanh tướng vô minh chưa phá nên chẳng thể xưng là Diệu Cực. Khi thành Phật bèn có Diệu Cực Pháp Thân, từ Bồ Tát trở xuống đều không có.

“*Báo Thân phước*” chia thành Tự Thụ Dụng Báo Thân và Tha Thụ Dụng Báo Thân. Kinh Bát Nhã gọi Thật Trí là Tự Thụ Dụng Báo Thân. Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, Tự Thụ Dụng là vô tri. Phật vì chúng sanh thuyết pháp bèn sử dụng Quyền Trí, [còn trí để] chính Phật tự thọ dụng là Thật Trí. Phật là “*nói mà không nói, không nói mà nói*”. Tâm Phật thật sự thanh tịnh.

“*Hóa Thân phước*” chia thành Thị Sanh Hóa Thân và Ứng Hiện Hóa Thân. Thị Sanh Hóa Thân (thân thị hiện cho chúng sanh) là như Phật trụ trong thế gian, [thị hiện có thân hình] giống hệt như người đời, giảng kinh, thuyết pháp, tám mươi tuổi viên tịch. Ứng Hiện Hóa Thân là thân

cảm ứng xuất hiện khi cần thiết. Trong quá khứ, trước thời Kháng Chiến⁸³, vợ của tiên sinh Châu Bang Đạo sang Nam Kinh sống, đã gặp Địa Tạng Vương Bồ Tát hóa duyên. Đây chính là Ứng Hiện Hóa Thân của Bồ Tát. Họ Châu nhà cửa rất to, có ba lớp cửa. Một hôm, có một vị xuất gia đến nhà họ, hướng về Châu phu nhân hóa duyên, xin bà phát tâm cúng dường năm cân dầu thơm. Thuở ấy, Châu phu nhân còn chưa học Phật, chưa hề gặt đầu ưng chịu, tiếp đãi hời hợt khiến vị xuất gia ấy bỏ đi. Sau đấy, Châu phu nhân nghĩ lại, nhà ta có ba lớp cửa, đều chưa mở khóa,

⁸³ Kháng Chiến ở đây là nói tắt của từ ngữ “*Kháng Nhật Chiến Tranh*” (còn gọi là Trung Nhật Chiến Tranh), tức thời gian dân Trung Hoa chống lại cuộc chiến xâm lược của quân phiệt Nhật (từ ngày 7 tháng 7 năm 1937 đến ngày 15 tháng 8 năm 1945). Trước đó, từ năm 1931, Nhật đã xâm chiếm ba tỉnh Đông Bắc (Đông Tam Tỉnh) của Trung Quốc. Ngày 7 tháng 7 năm 1937, một toán quân Nhật đồn trú tại huyện Uyển Bình (phụ cận Bắc Kinh) tập trận, đến tối, lấy có một số binh lính Nhật mất tích, quân Nhật đòi chánh quyền thành Uyển Bình phải mở cửa thành cho họ lục soát. Khi bị cự tuyệt, quân Nhật đã ra lệnh nổ súng tấn công thành Uyển Bình và chiếm đóng cầu Lư Câu (trên sông Vĩnh Định). Do sự cố này, chiến tranh Trung Nhật nổ ra trên quy mô lớn. Vì vậy, sự kiện này được gọi là Lư Câu Kiều Sự Biến (盧溝橋事變). Chiến tranh kéo dài cho đến khi phe Trục đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện.

làm sao vị xuất gia này lại bước vào được, thật chẳng hiểu nổi! Về sau, đến Đài Loan đem chuyện ấy hỏi thầy Lý. Thầy Lý nói: “Vị xuất gia ấy chính là Địa Tạng Bồ Tát”. Vợ chồng Châu tiên sinh nghe xong hết sức hồi tiếc.

“Phật Giới Hóa Thân, Tùy Loại Hóa Thân”. Loại này (Phật Giới Hóa Thân) chỉ riêng cho sự thị hiện dưới thân tướng Phật, [tức là thân có] ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, còn các thân thị hiện khác chính là Tùy Loại Hóa Thân (hóa thân theo từng loài chúng sanh). *“Tuy biện đơn phức tam thân, thực phi nhất, phi tam, nhi tam, nhi nhất, bất tung hoành, bất tịnh biệt, ly quá, tuyệt phi, bất khả tư nghị”* (Tuy phân biệt ba thân đơn và kép, nhưng thật ra chẳng phải ba, chẳng phải một, mà là ba, là một, chẳng dọc ngang, chẳng cùng tồn tại hay sai khác, dứt lỗi, tuyệt sai, chẳng thể nghĩ bàn). Đại sư [viết những

lời này vì] sợ chúng ta nghe xong bèn chấp trước [vào danh tướng của ba thân] thì hỏng mất. Nói theo mặt Lý thì có Thể, Tướng, Dụng, luận theo Phật Giới thì có ba thân, nhưng ba món này viên dung, chẳng phân biệt là theo chiều dọc (thời gian) hay chiều ngang (không gian), cũng chẳng sai biệt. Nếu chấp trước sẽ sai lầm. Nếu thuyết pháp và nghe pháp đều hiểu nguyên tác và nguyên lý này, sẽ chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Người thuyết pháp nói pháp thanh tịnh, người nghe pháp chẳng chấp trước ngôn ngữ, danh tướng. Chẳng khởi lên phân biệt và chấp trước thì người nghe và kẻ nói đều có giác, có ngộ.

A Di Đà Phật được nói trong kinh này rốt cuộc thuộc loại thân nào vậy? A Di Đà Phật trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư chính là Thị Sanh Hóa Thân. Ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện

trong thế gian cũng là Thị Sanh Hóa Thân. Tuy cùng là Thị Sanh Hóa Thân, nhưng tinh thần hoàn toàn khác nhau. Phật Thích Ca thị hiện giáng sanh có đôi chút ý nghĩa “tùy duyên”. Đức Phật xuất hiện trong thế gian, thuở ấy, người thế gian thọ một trăm tuổi, đức Phật tám mươi tuổi bèn viên tịch. Thứ nhất là vì hóa duyên (duyên hóa độ) đã hết. Thứ hai là vì Ma Vương Ba Tuần khái thỉnh, hấn bạch Phật: “Ngài hóa độ chúng sanh đã nhiều lắm rồi, hãy nên nhập Niết Bàn”. Phật nhận lời hấn cũng là vì tùy thuận duyên thế gian.

A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là Thị Sanh Hóa Thân, Ngài sáng tạo thế giới Cực Lạc do nguyện vọng của hết thảy chúng sanh trong tốt cùng hư không trọn khắp pháp giới cảm ứng, nên thân tướng và cõi nước đều là Thị Sanh Hóa Thân, khác hẳn với cách thức hóa độ chúng sanh của hết thảy chư Phật, hết sức

đặc biệt, thù thắng. Nhưng xét theo Hóa Thân ấy để nói, thì nó cũng là Báo Thân, mà cũng là Pháp Thân, một chính là ba, ba chính là một. Vì thọ mạng quá dài, dầu trong tương lai khi hóa duyên đã hết, Phật sẽ nhập Niết Bàn, Quán Thế Âm Bồ Tát liền thành Phật để nối ngôi trong thế giới Cực Lạc, nhưng chuyện ấy xảy ra khi nào, không ai có thể tính ra được! Trong phần trước, tôi đã nói tường tận [điều này]. Chúng ta vãng sanh Tây Phương, thọ mạng, trí huệ, thần thông, đức năng đều giống như A Di Đà Phật, ai nấy đều có phần. Nếu hiểu rõ sự thật này thì mới biết niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là một đại sự bậc nhất trong đời người, những thứ khác hoàn toàn là giả!

“Phục thứ, thế giới cập Phật, giai ngôn hữu giả” (Lại nữa, [trong chánh kinh, đối với] thế giới và Phật, đều nói là “có”). Hai chữ “*hữu*” (tức hai chữ “*hữu*” trong câu

“*hữu thế giới danh viết Cực Lạc*” và “*hữu Phật hiệu A Di Đà*”) này hết sức quan trọng. “*Cụ tứ nghĩa*” (có đủ bốn nghĩa): [Bốn nghĩa ấy] chính là Tứ Tắt Đàn.

1) Thứ nhất, Thế Giới Tắt Đàn: Phật thí pháp cho hết thấy chúng sanh, “*đích tiêu thật cảnh, linh hân cầu cố*” (nêu đích xác cảnh thật, khiến cho chúng sanh ưa thích, mong cầu). Cực Lạc là có thật, A Di Đà Phật cũng có thật, khiến cho tâm chúng sanh hâm mộ, hướng về.

2) Thứ hai, Vị Nhân Tắt Đàn: “*Thành ngữ chỉ thị, linh chuyên nhất cố*” (lời thành thật chỉ dạy, khiến cho chúng sanh chuyên nhất). Phật dùng lời nói chân thành, chỉ dạy chúng ta tín, nguyện, trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, tin vào bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng thực tiễn, giúp chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ, viên thành Phật đạo. Tin

tưởng những lời tán thán A Di Đà Phật của hết thầy chư Phật trong mười phương thế giới câu nào cũng chân thành, khiến cho chúng ta sanh khởi tín tâm chân thật, chuyên học pháp môn này. Trong một đời này, nhất định thành tựu viên mãn, được lợi ích vãng sanh.

3) Thứ ba, Đới Trị Tất Đàn: Đại sư nói: “*Giản phi Càn thành, dương diệm, phi quyền hiện khúc thị, phi duyên ảnh hư vọng, phi bảo chân thiên đản, phá ma, tà, quyền, tiểu cố*” (nhằm phân biệt rõ ràng [cõi Cực Lạc] chẳng phải là thành Càn Thát Bà⁸⁴, là bóng nước gợn khi trời nắng gắt, chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận

⁸⁴ Càn Thát Bà Thành (Gandharva-nagara), còn gọi là Kiện Đạt Bà Thành hoặc Kiện Đạt Phục Thành, Càn Thành, hoặc Hương Thành. Đây là từ ngữ được dùng để chỉ những huyền cảnh trông giống như cung điện, lầu quán, thành quách xuất hiện trên không trung tại các vùng rừng núi, sa mạc hoặc biển khơi. Thần thoại Ấn Độ cho rằng những huyền cảnh đó là do các vị Càn Thát Bà (Hương thân) biến hiện. Do vậy, kinh điển nhà Phật thường mượn từ ngữ này để tỷ dụ những gì không thật, huyền hóa.

theo căn tánh, chẳng phải là bóng dáng hư vọng của các duyên, chẳng phải là khu khu giữ lấy thiên chân, phá dẹp ma, tà, quyền, tiểu). Đoạn văn này nói Tây Phương Cực Lạc thế giới và A Di Đà Phật chẳng phải là thành Càn Thát Bà. Thành Càn Thát Bà là huyền hóa. “*Dương diệm*” cũng chẳng phải là thật, giống như “*dã mã*” (ngựa hoang) do Trang Tử đã nói (Chuyện “*dã mã*” xin đọc thiên Tiêu Dao trong sách Trang Tử, ý nói: Mây trôi trên không trung có hình giống như ngựa hoang, hư huyền, chẳng thật). Tại Đại Lục, trên bình nguyên phương Bắc, hơi đất bốc lên trông xa như có nước, đến gần chẳng có, những con nai khát nước rảo chạy đến uống, rốt cuộc tìm không ra. Câu “*phi quyền hiện khúc thị*” (chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận theo căn tánh) chính là lời phản bác Lý Trưởng Giả (Lý Thông Huyền). Lý

Trưởng Giả là người thời Đường, là một vị đại đức lỗi lạc. Kinh Hoa Nghiêm từ xưa tới nay chỉ có hai bản chú giải nổi danh nhất, một là bộ Hoa Nghiêm Sớ Sao của Thanh Lương đại sư, bộ kia là Hoa Nghiêm Hợp Luận của Lý Trưởng Giả. Trong bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận, Lý Trưởng Giả cho rằng Tây Phương Cực Lạc thế giới là quyền biến thị hiện, tức là A Di Đà Phật nhằm tạo phương tiện tiếp dẫn chúng sanh nên bày ra [cõi ấy]. Ở chỗ này, Ngẫu Ích đại sư phản bác cách nói của Lý Trưởng Giả, nên mới nói “*phi quyền hiện khúc thị*”. Hàng Bồ Tát hiệu làm thế giới Tây Phương rất nhiều, Lý Trưởng Giả nói mấy câu nói ấy có gì lạ đâu! Tây Phương thế giới chỉ có chư Phật mới có thể hiểu thấu rõ ráo. “*Duyên ảnh*”: Chúng sanh ngỡ bóng dáng biến hiện của các duyên Lục Trần [trong tâm thức] là cái tâm của chính mình, đó cũng là hư

vọng. Ngoài ra, từ ngữ “*bảo chân thiên đản*” chỉ bậc Tiểu Thừa chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn. Đức Thế Tôn nói Niết Bàn của Tiểu Thừa giống như trạm nghỉ giữa đường, chưa phải là mục tiêu rốt ráo. Đây là đả phá những kiến giải sai lầm của ma, tà, quyền giáo, Tiểu Thừa đối với Tịnh Tông.

4) Thứ tư, Đệ Nhất Nghĩa Tất Đản: Đại sư nói: “*Viên chương tánh cụ, linh thâm chứng cố*” (phô bày trọn vẹn tánh vốn trọn đủ nhằm làm cho [người nghe] chứng nhập sâu xa) nhằm dạy cho chúng ta biết lợi ích do chứng quả. “*Viên*” là viên mãn, “*chương*” (章彰) là phơi bày rõ ràng, chẳng có mảy may ẩn giấu nào. “*Tánh cụ*” là nói rõ y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới vốn đều có sẵn trong tự tánh, chẳng phải là pháp ở ngoài tâm, hoàn toàn phù hợp với những điều đã được nói trong kinh luận Đại Thừa Viên

Giáo, quả thật có căn cứ lý luận, khiến cho chúng ta tin sâu, chẳng nghi. Chính vì tánh ta và người sẵn đủ [y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới], khiến cho chúng ta càng thêm tin tưởng sâu xa chính mình nhất định sẽ có thể vãng sanh chứng quả. Nếu vẫn còn nghi ngờ, ắt sẽ tạo thành chướng ngại lớn nhất cho việc vãng sanh Tịnh Độ. Vì sao Ngẫu Ích đại sư viết Di Đà Yếu Giải, vì sao Liên Trì đại sư viết Di Đà Sớ Sao? Dụng tâm của các Ngài đều nhằm đoạn nghi sanh tín cho chúng ta.

(Giải) “Kim hiện tại thuyết pháp” giả, giản thượng y, chánh nhị hữu, phi quá khứ dĩ diệt, vị lai vị thành. Chánh ưng phát nguyện vãng sanh, thân cận thánh pháp, tức thành Chánh Giác dã. Phục thứ, nhị hữu hiện tại, khuyến tín tự dã. “Thế giới danh Cực Lạc”, khuyến

*nguyện tự dã. “Phật hiệu A Di Đà”,
khuyến trì danh diệu hạnh tự dã. Phục
thứ, A Di tự Phật, “thuyết pháp” tự Pháp.
Hiện tại hải hội tự Tăng. Phật, Pháp,
Tăng đồng nhất Thật Tướng, tự Thể.
Tùng thứ, khởi Tín Nguyện Hạnh, tự
Tông. Tín Nguyện Hạnh thành, tất đắc
vãng sanh, kiến Phật văn pháp, tự Dụng.
Duy nhất Phật giới vi sở duyên cảnh, bất
tạp dư sự, tự Giáo Tướng dã. Ngôn lược,
ý châu hỹ. Sơ, Tự Phần cánh.*

**(解) 今現在說法者。簡上依正二有。
非過去已滅。未來未成。正應發願往
生。親覲聽法。速成正覺也。復次。二
有現在。勸信序也。世界名極樂。勸願
序也。佛號阿彌陀。勸持名妙行序也。
復次。阿彌序佛。說法序法。現在海會**

**序僧。佛法僧同一實相。序體。從此起
信願行。序宗。信願行成。必得往生。
見佛聞法。序用。唯一佛界為所緣境。
不雜餘事。序教相也。言略意周矣。初
序分竟。**

(Giải: “Nay hiện đang thuyết pháp” nhằm phân định trong hai thứ y báo và chánh báo đã có như đã nói trong phần trên, chẳng phải là trong quá khứ, đã diệt, chẳng phải là trong vị lai còn chưa thành, đúng là [người nghe kinh] rất nên phát nguyện vãng sanh hồng thân cận, nghe pháp, mau thành Chánh Giác. Lại nữa, hai chữ Hữu và chữ “hiện tại” chính là phần Tựa nhằm khuyến tín. “Thế giới tên là Cực Lạc” là phần Tựa khuyên hãy nên phát nguyện. “Phật hiệu A Di Đà”, chính là phần Tựa nhằm khuyến [thực hành]

diệu hạnh Trì Danh. Lại nữa, A Di Đà là lời Tựa giới thiệu Phật, chữ “thuyết pháp” là lời Tựa giới thiệu Pháp, hiện tại hải hội là lời Tựa giới thiệu Tăng. Phật, Pháp, Tăng cùng một Thật Tướng, đó là lời Tựa nói về Thể. Từ đây, khởi lòng tin, phát nguyện, hành trì, là lời Tựa nói về Tông. Tín - Nguyện - Hạnh thành tựu, ắt được vãng sanh, thấy Phật nghe pháp, là lời Tựa nói về Dụng. Chỉ dùng một Phật giới dùng để làm cảnh sở duyên, chẳng xen tạp các sự khác, là lời Tựa nói về Giáo Tướng. Lời lẽ vắn tắt, nhưng ý trọn đủ. Phần thứ nhất là Tựa Phần đã giảng xong⁸⁵).

Đoạn văn chú giải này chỉ rõ tình hình của Phật và đại chúng ở Tây Phương Cực

⁸⁵ Đây là lời giảng rất đặc sắc của Ngẫu Ích đại sư: Từ trong một đoạn ngắn, đại sư chỉ rõ Tựa Phần của kinh này giới thiệu trọn đủ ba môn Tín, Nguyện, Hạnh, Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), có đủ Thể, Tông, Tướng, Dụng, dẫn khởi ba phần Lưu Thông (khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh). Trong các bản chú giải khác, chưa ai chỉ rõ chi tiết như vậy.

Lạc thế giới là như thế nào. Chữ “kim” chỉ đời này, chứ không phải là quá khứ hay vị lai. Đức Phật quán sát căn cơ của chúng sanh trong thế gian, nói Nhĩ Căn của chúng ta nhạy bén nhất. Trong hội Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát chọn lựa pháp Viên Thông, đã nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Giáo thể chân thật của phương này, thanh tịnh ở nơi nghe tiếng). Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay chưa hề có khả năng vượt thoát luân hồi lục đạo. Nhĩ Căn của chúng sanh trong thế giới Sa Bà nhạy bén nhất; do vậy, trong bốn mươi chín năm, đức Phật luôn dùng âm thanh để giảng kinh, thuyết pháp. Chúng sanh sanh về Tây Phương, tập khí vẫn còn, nên A Di Đà Phật cũng thuyết pháp để giáo hóa chúng sanh. Trong các kinh Đại Thừa nói mười phương chúng sanh căn tánh bất đồng, có nơi nhãn căn nhạy bén, cũng có nơi thiệt

căn nhảy bén, như trong nước Hương Tích⁸⁶ dùng cơm thơm để làm Phật sự. Trong Tây Phương thế giới, sáu trần thuyết pháp, bất cứ căn tánh nào cũng đều có thể đạt được lợi ích.

Nhà Phật thường nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Trong sáu đường, tuổi thọ con người chẳng dài, tuổi thọ của chư thiên lâu dài. Tầng trời thứ nhất là Tứ Vương Thiên. Một ngày trên Tứ Vương Thiên là năm chục năm nhân gian, thọ mạng của cõi trời này là năm trăm năm. Tính toán như vậy thì thọ mạng của chư thiên cõi trời Tứ Vương bằng chín trăm mười hai vạn năm ngàn năm (9.125.000) trong nhân gian. Một ngày trên trời Đao Lợi là một trăm năm trong

⁸⁶ Theo Duy Ma Cát Sở Thuyết Kinh, nơi phương trên của thế giới Sa Bà, lên đến tột cùng có một cõi Phật tên là Chúng Hương. Trong cõi này, mùi hương vi diệu nhất. Mọi thứ đều do hương tạo thành, đức Phật trong cõi ấy có tên là Hương Tích Như Lai. Ngài Duy Ma Cát xin cơm thơm từ nước ấy về ban cho đại chúng, mọi người ăn vào thân thể có mùi thơm bất tuyệt, ngài Duy Ma Cát bảo: “*Mùi thơm ấy còn mãi cho đến khi cơm hoàn toàn tiêu hết*”. Nhân đó, đức Phật cho biết trong cõi Chúng Hương, Hương Tích Như Lai dùng hương thơm để làm Phật sự, giáo hóa chúng sanh.

nhân gian, tuổi thọ của họ là một ngàn năm. Thọ mạng của chư thiên Đao Lợi là ba ngàn sáu trăm năm mươi vạn (36.500.000) năm trong nhân gian. Càng lên cao, thọ mạng của chư thiên càng dài, phước báo cũng càng lớn. Thọ mạng trong địa ngục cũng dài. Trong tác phẩm Phật Học Thập Tứ Giảng do thầy Lý biên soạn tại Từ Quang Giảng Tòa ở Đài Trung cũng từng có nói một ngày trong địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm (2.700) trong nhân gian. Trung Quốc nổi tiếng là năm ngàn năm lịch sử, nhưng so với địa ngục thì vẫn chưa đầy hai ngày! Kinh Lăng Nghiêm giảng về địa ngục đặc biệt rất tường tận “dễ vào, khó ra” nhằm cảnh tỉnh chúng ta. Thọ mạng trong ngạ quỷ đạo cũng dài, một ngày trong quỷ đạo bằng một tháng trong nhân gian, tuổi thọ của họ là vài ngàn năm. Đầu thời Dân Quốc, bậc

đại sư về Quốc Học⁸⁷ là tiên sinh Chương Thái Viêm từng làm phán quan của Đông Nhạc Đại Đế⁸⁸, mỗi tối vào cõi âm để phán án, từng gặp những người thuộc thời Đường, thời Tống, cùng thảo luận văn chương với bọn họ. Chuyện này do con rể của cụ là lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể cho tôi biết. Súc sanh ngu si, thọ mạng ngắn ngủi, tâm lượng nhỏ nhoi, hạn cuộc trong phạm vi cuộc sống nhỏ nhoi của chúng, chấp trước thân của chúng là chính mình, chết đi vẫn thụ thân súc sanh y như cũ. Thời đức Phật, khi kiến tạo Kỳ Thụ Cấp

⁸⁷ Quốc Học: Một ngành học chuyên nghiên cứu về văn hóa Trung Quốc trên mọi phương diện như văn chương, triết học, trào lưu tư tưởng, thư pháp v.v...

⁸⁸ Đông Nhạc Đại Đế là thần cai quản Hoa Sơn (Thái Sơn), còn được gọi là Đông Nhạc Đế Quan, Thái Sơn phủ Quân, hoặc Nhạc Đế. Dân gian Trung Quốc tin vị thần này cai quản những người vừa mới chết, chưa tới chỗ Diêm Vương phán án, hoặc đã phán án, nhưng chưa đi đầu thai. Có phái Đạo Giáo còn cho rằng Đông Nhạc Đại Đế chưởng quản sự sanh tử của con người. Đạo Giáo đã đưa ra nhiều thuyết nhằm giải thích nguồn gốc vị thần này:

1. Cát Hồng cho rằng Đông Nhạc Đại Đế chính là Thái Hạo (thuộc họ Phục Hy, lãnh tụ của tộc Đông Di thời cổ). Các nước chư hầu như Nhậm, Túc v.v... ở lưu vực sông Tế Thủy là hậu duệ của Thái Hạo.
2. Đông Nhạc là hậu duệ của Bàn Cổ, tức Kim Hồng Thị, tu luyện đắc đạo tại Thái Sơn, nên được phong làm Đông Nhạc Đại Đế.
3. Đông Nhạc Đại Đế là đại tướng Hoàng Phi Hổ, một đại thần của vua Trụ.

Cô Độc Viên (tinh xá Kỳ Hoàn), trông thấy một tổ kiến trên đất, Phật mỉm cười nói: “Tổ kiến này đã trải qua bảy đức Phật mà vẫn chưa thoát khỏi thân kiến”. Trong lục đạo, chỉ có nhân đạo có thể tiếp nhận Phật pháp. Cõi trời sung sướng, tam ác đạo quá khổ, đều chẳng dễ học đạo. Trong kinh, đức Phật từng nói: “*Thân người đáng quý nhất*”. Thị hiện thành Phật độ chúng sanh nhất định phải ở trong nhân đạo. Loài người nghe pháp dễ giác ngộ, ngộ xong liền có thể vượt thoát tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Nếu được làm thân người, mà chưa thể gặp Phật, nghe pháp, hoặc nghe mà chưa thể nghiêm túc tu học, đời người có gì đáng quý nữa? Chúng ta nghe pháp trọn chẳng phải là do đức Phật trực tiếp truyền dạy; vì thế, nghe rồi mà chưa thể khai ngộ. Trong thuở đức Phật giảng kinh, giảng một bộ kinh chưa xong mà đã có nhiều người khai ngộ,

chứng quả. Hiện thời nghe nói A Di Đà Phật đang thuyết pháp tại Tây Phương, cơ hội thật khó có.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn nói thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng thọ, Ngài thị hiện thành Phật mới chỉ mười kiếp ở Tây Phương. Nếu chúng ta sanh về đó, trong tương lai sẽ thuộc vào bậc nguyên lão. A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”. Nếu đích thân nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Cổ nhân nói: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ?*” (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Nếu hiểu rõ ràng rồi thì nhất định phải buông xuống vạn duyên, chết lòng sát đất niệm một câu Phật hiệu, chiếu theo phương pháp dạy trong kinh Di Đà để tu học, trong một đời này nhất định thấy Phật, thấy Phật rồi sẽ thường theo học với Phật, lẽ nào chẳng thành tựu?

Hơn nữa, “*nhị hữu hiện tại*”, bốn chữ này nhằm khuyên nên tin tưởng. “*Thế giới danh Cực Lạc*” nhằm khuyên nên phát nguyện. Thế gian khổ nạn quá nhiều, chuyện gì cũng chướng ngại trùng trùng, chuyện chẳng như ý [trong mười phần] thường có tới tám chín phần. Trong một đời này, chúng ta chiêm nghiệm, nhất là trong xã hội hiện thời, quả thật đúng như vậy. Nếu nay đã biết Tây Phương Cực Lạc thế giới ở đâu, nơi đó không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui; hơn nữa, đức Phật nói, chỉ cần quý vị chịu về đó, ai nấy đều có thể tới đó, trọn chẳng khó khăn gì. “*Phật hiệu A Di Đà, khuyến trì danh diệu hạnh tự đã*” (Câu “*Phật hiệu là A Di Đà*” là lời tựa nhằm khuyên hành diệu hạnh Trì Danh). A Di Đà Phật hằng ngày thuyết pháp bên đó, có thể thành tựu học nghiệp và đạo nghiệp cho chúng ta. Phương pháp chỉ là niệm một

câu Phật hiệu; do vậy, Phật hiệu được xếp vào Hạnh Môn.

“Phục thứ, A Di tự Phật, thuyết pháp tự Pháp, hiện tại hải hội tự Tăng” (Lại nữa, A Di Đà là lời tựa giới thiệu Phật, chữ *“thuyết pháp”* là phần tựa giới thiệu Pháp, hiện tại hải hội là phần tựa giới thiệu Tăng). Trong đoạn này, lời chú giải đã phối hợp kinh văn với Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng. Phật, Pháp, Tăng có cùng một Thật Tướng, Thật Tướng là chân tâm bản tánh. Ý báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do chân tâm biến hiện ra, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Do những sự thực và lý luận trong phần trên mà sanh khởi tín tâm, nguyện tâm, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh, đây là tông chỉ của kinh này, mà cũng dụng ý của Phật khi nói kinh này. Tín, Nguyện, Hạnh thành tựu, hoàn toàn không nghi hoặc sự thật này, có nguyện vọng

manh mẽ, có thể buông bỏ thân, tâm, thế giới. Trong mười hai thời, Phật hiệu không gián đoạn, nhất định sẽ vãng sanh, thấy Phật, nghe pháp, tâm nguyện liền viên mãn. Đức Thế Tôn giảng hết thảy kinh luận, nội dung sâu rộng, có Sự, Lý, Tánh, Tướng, những thứ để tâm duyên vào rất rộng. Pháp môn này chỉ duyên nơi một vị A Di Đà Phật; trừ Phật ra, hết thảy đều chẳng phan duyên (nắm níu), chẳng xen tạp những chuyện khác, thanh tịnh khôn sánh. Luận trên phương diện giáo học, bất cứ răn dạy nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp này, lời lẽ tuy không nhiều, nhưng ý nghĩa trọn vẹn, đầy đủ. Đến đây đã nói xong Tự Phần, tiếp theo là Chánh Tông Phần.

4.2. Chánh Tông Phần

4.2.1. Giảng rộng về y báo và chánh báo để khơi gợi lòng tin

(Giải) Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ. Tín nguyện vi Huệ Hạnh, trì danh vi Hành Hạnh. Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển. Cổ Huệ Hạnh vi tiên đạo, Hành Hạnh vi chánh tu. Như mục túc tịnh vận dã.

(解) 信願持名。一經要旨。信願為慧行。持名為行行。得生與否。全由信願之有無。品位高下。全由持名之深淺。故慧行為前導。行行為正修。如目足並運也。

(Giải: “Tín, nguyện, trì danh” là tông chỉ trọng yếu của bộ kinh này. Tín và nguyện là Huệ Hạnh, trì danh là Hành Hạnh. Được vãng sanh hay không hoàn

toàn là do có tín, nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn. Vì thế, Huệ Hạnh để hướng dẫn, Hành Hạnh là hạnh tu chánh yếu. Giống như mắt và chân cùng vận dụng vậy).

Mấy câu này của Ngẫu Ích đại sư các bậc cổ đức từ trước đến nay chưa hề nói tới, nhưng hoàn toàn phù hợp khít khao tông chỉ của ba kinh Tịnh Độ. Điều hiếm có là Ngài đã vì bọn chúng sanh Mạt pháp như chúng ta mà nói rõ sự kiện sau đây: Điều kiện tối trọng yếu để vãng sanh Tây Phương chính là “*đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển*” (được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn). Tây Phương có bốn cõi, ba bậc, chín

phẩm, phẩm vị cao hay thấp chính là do trì danh sâu hay cạn. “*Thâm*” hay “*thiền*” là do lấy sự thanh tịnh trong tâm làm tiêu chuẩn, nghĩa là: “*Thâm*” là tin sâu, nguyện sâu, hạnh sâu, niệm Phật hiệu cũng sâu. Tín nguyện trì danh là ba món tư lương. Đại sư giải thích kinh này, đối với Tự Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần, trong mỗi phần đều bao hàm ý nghĩa Tín, Nguyện, Hạnh. Đây chính là chỗ khác biệt giữa Ngài và các vị đại đức khác. Hãy nên biết: Tín - Nguyện là Huệ, Hạnh là phước, người niệm Phật phước huệ song tu. Phước huệ do tu Niệm Phật chính là phước huệ bậc nhất trong thế gian, mọi người đừng sợ thiếu phước. Trong hết thảy pháp môn, pháp môn này dễ dàng nhất. Ngay trong một đời này, quý vị đã hưởng thụ phước huệ mà người khác chẳng thể hưởng thụ được!

Có người nói: Nếu tôi hằng ngày niệm Phật thì làm sao duy trì đời sống? Quý vị đừng sợ, chân chánh niệm Phật thì Phật, Bồ Tát sẽ cúng dường quý vị. Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy, lẽ ra phải trụ thế một trăm năm, nhưng tám mươi tuổi đã viên tịch, còn có hai mươi năm phước báo để dành cho tứ chúng đệ tử học Phật trong thế gian. Có một năm kết hạ an cư, lão hòa thượng Linh Nguyên mời tôi giảng kinh Lăng Nghiêm tại chùa Đại Giác ở Cơ Long⁸⁹. Giảng đường nằm sát vách điện Thiên Vương. Khi ấy, tôi khuyên bốn mươi mấy người đàn ông hiện diện hãy bớt làm Phật sự để niệm Phật nhiều hơn. Nếu trong chùa mà thiếu lương thực, đại chúng bị đói, thì Vi Đà Bồ Tát sẽ bị cất chức, điều tra! Nếu chính mình lo kiếm sống thì Vi Đà Bồ Tát được một phen vui hưởng tiêu dao. Không cần phải lo lắng về

⁸⁹ Cơ Long là một thành phố ở cực Bắc của Đài Loan.

lượng thực! Hãy nhất tâm tu đạo, chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, phước ở trong ấy. Đời Đường, pháp sư Đạo Tuyên là tổ sư của Luật Tông, hằng ngày chỉ ăn một bữa, mỗi ngày được chư thiên đưa cơm đến là chuyện mọi người đều biết cả rồi! Phước báo lớn nhất là trong một đời vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vãng sanh Tịnh Độ, viên thành Phật đạo. Đây chính là điều chư Phật, Bồ Tát ngưỡng mộ. Tín Nguyện là động lực, là sự dẫn đường, niệm Phật là chánh hạnh.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bĩ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

(Giải) Chúng sanh thị Năng Thụ Dụng nhân, Đẳng Giác dĩ hoàn giai khả danh. Kim thả ước nhân dân ngôn, dĩ hạ hạ lệ thượng thượng dã. Sa Bà khổ lạc

tạp, kỳ thật, Khổ thị Khổ Khổ, bức thân tâm cố. Lạc thị Hoại Khổ, bất cứu trụ cố. Phi khổ phi lạc thị Hành Khổ, tánh thiên lưu cố. Bĩ độ vĩnh ly tam khổ, bất đồng thử độ đôi khổ chi lạc, nãi danh Cực Lạc.

(經) 舍利弗。彼土何故名為極樂。其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(解) 眾生是能受用人。等覺以還皆可名。今且約人民言。以下下例上上也。娑婆苦樂雜。其實。苦是苦苦。偏身心故。樂是壞苦。不久住故。非苦非樂是行苦。性遷流故。彼土永離三苦。不同此土對苦之樂。乃名極樂。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Cõi kia vì có sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui, nên gọi là Cực Lạc.

Giải: Chúng sanh là người thụ dụng. Từ Đẳng Giác trở xuống đều có thể gọi là chúng sanh. Nay ước theo nhân dân để nói, dùng [trạng huống của] hạng hạ hạ để suy ra [tình trạng của] hạng thượng thượng. Cõi Sa Bà khổ và vui xen tạp, thật ra, Khổ là Khổ Khổ, vì [các nỗi khổ] bức não thân tâm. Lạc là Hoại Khổ vì nó chẳng tồn tại lâu dài. Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ vì tánh nó đổi dời. Cõi kia vĩnh viễn thoát khỏi ba sự khổ này, chẳng giống như cõi này, lạc là do so với khổ mà nói. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).

Trong kinh, hễ nhắc đến danh tự của một người nào là nhằm làm cho người ấy

chú ý. Trong phần sau có những khai thị rất quan trọng. Đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất bảo: “*Cõi ấy vì sao gọi là Cực Lạc?*” Ngài Xá Lợi Phất tròn chẳng thể đáp được, vì đây là cảnh giới thuộc Phật quả, ngài Xá Lợi Phất chưa thành Phật, không thể đáp được. Do vậy, đức Phật tiếp tục nói, chúng sanh trong thế giới ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui. Vì thế, gọi là Cực Lạc. Đức Phật dạy trong thế giới này của chúng ta, có năm thứ Thọ (cảm nhận): Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả. Thân có hai thứ Thọ là Lạc và Khổ (sương và khổ), tâm có hai thứ Thọ là Ưu và Hỷ (buồn và vui). Nếu không có bốn thứ Thọ trên đây thì là Xả Thọ. Xả Thọ ngắn ngủi, tạm thời, nếu giữ được một thời gian dài sẽ là Định. Tuy đạt đến Tứ Thiên, Bát Định thì vẫn là Xả Thọ, chưa phải là tam-muội. Nếu vượt qua Bát Định, đạt đến

Cửu Thứ Đệ Định thì mới vượt thoát tam giới.

“*Chúng sanh thị Năng Thụ Dụng nhân*” (chúng sanh là người thụ dụng). “*Các duyên hòa hợp mà sanh*” thì gọi là “*chúng sanh*”. Con người là do các duyên hòa hợp mà sanh. Khăn lông cũng là do các duyên hòa hợp mà sanh. Không có một pháp nào chẳng phải do các duyên hòa hợp. Từ Đẳng Giác trở xuống đều gọi là “chúng sanh”. Trong chín pháp giới, trừ lục đạo ra, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều là học trò của Phật; trong năm mươi một địa vị, Đẳng Giác là cao nhất. Tại Tây Phương, hưởng thụ bình đẳng; ngoài Tây Phương thế giới ra, sự hưởng thụ của chúng sanh trong chín pháp giới đều chẳng bình đẳng. Thế giới Sa Bà khổ nhiều, vui ít. Khổ là thân lẫn tâm đều chịu áp lực. Thời gian sung sướng cũng chẳng lâu dài nên gọi là Hoại Khổ. Chẳng khổ

chẳng sướng là Xả Thọ, tâm chẳng thể thường giữ được [trạng thái ấy] nên gọi là Hành Khô. Trong kinh nói tới ba khô và tám khô. Tám khô là “sinh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, chán ghét phải gặp gỡ, năm Âm lũng lầy”. Kinh Phật giảng Sanh Khô hết sức thấu triệt, thần thức phải ở trong bụng mẹ mười tháng, cảm nhận như đang ở trong địa ngục. Mẹ uống một chén nước lạnh, con như đang ở trong địa ngục Hàn Băng, mẹ uống một chén nước nóng, con như ở trong địa ngục Bát Nhiệt. Ra khỏi thai, chuyện đời trước quên sạch sành sanh. Lúc sanh ra, như trong địa ngục Giáp Sơn (núi ép lại). Đẻ ra, tiếp xúc không khí như địa ngục Phong Dao. Bệnh Khô (khô vì bệnh tật), Lão Khô (khô vì già nua) bày ra trước mắt, ai nấy đều cảm nhận gián tiếp hay trực tiếp. Lúc chết, thần thức tách lìa thân thể, giống như con rùa còn sống bị

bóc mai. Người học Phật có công phu thật sự thì già, bệnh, chết đều không có. Tuổi già nhưng thân thể khỏe mạnh, lâm chung biết trước lúc mất, không bệnh tật mà qua đời. Trên đây là bốn nỗi khổ “sinh, lão, bệnh, tử”. Thứ năm là Cầu Bất Đắc Khổ, dục vọng quá nhiều, không cách gì đạt được. Thứ sáu là Oán Tắng Hội Ngộ Khổ, oan gia đối đầu, chẳng mong chạm mặt mà cứ phải gặp hoài. Thứ bảy, là Ái Biệt Ly Khổ, phải sanh ly tử biệt với người mà ta đem lòng yêu thương. Thứ tám là Ngũ Âm Xí Thịnh Khổ. Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức là những tạo tác sinh lý và tâm lý. Ngũ Âm là nhân, bảy thứ khổ trước là quả.

“Lạc thị Hoại Khổ, bất cứu trụ cố”
(Lạc là Hoại Khổ, vì chẳng tồn tại lâu dài).
Giống như ma túy, khổ là thật, sướng là giả. Sướng biến thành khổ, khổ chẳng thể biến thành sướng. Chẳng hạn như khiêu

vũ là sung sướng, nhưng khiêu vũ liên tiếp ba ngày ba đêm thì sướng biến thành khổ. Ba ngày không ăn cơm, khổ chẳng thể nói, đến bảy ngày thì lại càng khổ hơn, trọn chẳng thể biến thành sướng. Phi khổ phi lạc cố nhiên là tốt, nhưng nó có Hành Khổ. Tục ngữ có câu “*thanh xuân bất trụ*” (tuổi xuân chẳng còn mãi), già suy trong từng sát-na. Nói thật ra, từ ngày được sanh ra, con người đã bươn bả thẳng đến mộ phần chưa hề tạm ngừng. Thế giới Cực Lạc vĩnh viễn thoát khỏi tám khổ. Khổ và Lạc là tương đối; tại Tây Phương, Khổ lẫn Lạc đều không có, nên gọi là Cực Lạc. Loại cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chẳng những nói không ra, mà ngay cả tưởng tượng cũng không thể tưởng tượng được. Kinh Hoa Nghiêm giảng về cảnh giới Cực Lạc tường tận nhất. Đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ có thể tưởng tượng được sự thù thắng trang nghiêm ở Tây Phương.

Trong quá khứ, pháp sư Từ Vân Quán Đánh là người sống vào đời Càn Long nhà Thanh, trước tác hết sức phong phú, đã so sánh giữa Sa Bà và Cực Lạc. Luận về khổ và lạc thì:

- Cõi này chẳng gặp Phật là khổ. Sau khi vãng sanh Tây Phương, hoa nở thấy Phật là vui.

- Cõi này nghe pháp rất khó. Tây Phương sáu trần đều thuyết pháp.

- Cõi này bị bạn ác lôi kéo, buộc ràng, chẳng thể thỏa lòng tu đạo. Tây Phương có các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ.

(Giải) Nhất vãng phân biệt, Đồng Cư Ngũ Trược khinh, vô phân đoạn, bất khổ. Dẫn thọ bất bệnh, bất lão, tự tại du hành, thiên thực, thiên y, chư thiện tụ hội đẳng lạc. Phương Tiện thể quán xảo, vô tâm không trệ tịch chi khổ. Dẫn thọ du hý,

thần thông đẳng lạc. Thật Báo tâm quán viên, vô cách biệt bất dung chi khổ, đản thọ vô ngại bất tư nghị lạc. Tịch Quang cứu cánh đẳng, vô Pháp Thân sám lậu, chân thường lưu chú chi khổ, đản thọ xứng tánh viên mãn cứu cánh lạc. Nhiên Đồng Cư chúng sanh, dĩ trì danh thiện căn, phước đức đồng Phật cổ, viên tịnh tứ độ, viên thọ chư lạc dã. Phục thứ, Cực Lạc tối thắng, bất tại thượng tam độ, nhi tại Đồng Cư. Lương dĩ thượng chi, tác thập phương Đồng Cư tôn kỳ thù đặc. Hạ hựu khả dĩ thử độ giáo lượng. Sở dĩ, phàm phu ưu nhập nhi thung dung, hoành siêu nhi độ việt. Phật thuyết khổ lạc, ý tại ư thử.

(解) 一往分別。同居五濁輕。無分段八苦。但受不病不老。自在遊行。天食天衣。諸善聚會等樂。方便體觀巧。無

沉空滯寂之苦。但受遊戲神通等樂。實報心觀圓。無隔別不融之苦。但受無礙不思議樂。寂光究竟等。無法身滲漏。真常流注之苦。但受稱性圓滿究竟樂。然同居眾生。以持名善根福德同佛故。圓淨四土。圓受諸樂也。復次。極樂最勝。不在上三土。而在同居。良以上之。則十方同居。遜其殊特。下又可與此土較量。所以凡夫優入而從容。橫超而度越。佛說苦樂。意在於此。

(Giải: Phân biệt đại khái thì trong cõi Đông Cư, Ngũ Trục nhẹ, không có phần đoạn sanh tử và tám khổ, chỉ hưởng những điều vui như chẳng bệnh, chẳng già, du hành tự tại, thức ăn trời, áo

trời, các vị thượng thiện nhân tụ hội v.v... Trong cõi Phương Tiện, khéo léo quán Thế, không có nỗi khổ vướng mắc, trầm trệ vào không tịch, chỉ hưởng những sự vui như du hí, thần thông v.v... Trong cõi Thật Báo, quán tâm viên mãn, không có sự khổ cách biệt, chẳng dung thông, chỉ hưởng sự vui không chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn. Trong cõi Tịch Quang rất ráo bình đẳng, không các nỗi khổ như Pháp Thân rò rỉ, chân thường tuôn chảy, chỉ hưởng sự vui viên mãn rất ráo xứng tánh. Nhưng chúng sanh trong cõi Đồng Cư do thiện căn trì danh nên phước đức giống như Phật, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn vẹn các điều vui. Hơn nữa, Cực Lạc tối thắng chẳng ở trong ba cõi trên mà là trong cõi Đồng Cư. Ấy là vì: Trên thì các cõi Đồng Cư trong mười phương phải nhường phần đặc biệt thù thắng; dưới thì nếu so sánh với cõi này

(tức Sa Bà), [cõi Đông Cư của thế giới Cực Lạc vượt trội mọi mặt]. Do vậy, phàm phu hể được dự vào đó liền thông dong, vượt khỏi [tam giới] theo chiều ngang để được độ thoát. Đức Phật nói đến khổ và vui là nhằm ý này).

“Nhất vãng” chính là đại khái, [“nhất vãng phân biệt”] chính là nói đại khái tình trạng trong bốn cõi Tây Phương. “Đông Cư Ngũ Trược khinh” là lời so sánh giữa Tây Phương thế giới và Sa Bà. Người đời nghiệp vãng sanh tuy đã khuất phục, nhưng chưa đoạn được Kiến Tư, họ thật sự có Ngũ Trược từ đời quá khứ, nhưng nhẹ hơn. Mức độ [Ngũ Trược] nhẹ nhàng ấy, nhân thiên thừa chẳng thể sánh bằng.

“Vô Phần Đoạn, bát khổ”: Phần Đoạn là giai đoạn, tức là chia thành từng phần lớn, mỗi đời là một giai đoạn, đời kế tiếp lại là một giai đoạn nữa. [Chữ Phần Đoạn]

này chỉ sự luân hồi. Nếu chia nhỏ ra thì mỗi sát-na là một giai đoạn, sanh diệt trong từng sát-na, dời đổi không ngừng.

Thời cổ, hoàn cảnh đơn thuần, lòng người nồng hậu, giác ngộ dễ dàng. Đối với thiện, ác, nhân quả, báo ứng, tai đã quen nghe tường tận, khởi tâm động niệm đều rất chú ý. Con người hiện thời cứ tưởng khoa học phát triển, những chuyện thiện ác, báo ứng đã nói từ trước đến giờ đều là mê tín, đến nỗi đạo đức chôn vùi, phong tục cõi đời ngày một đi xuống. Những chuyện này chẳng phải là hễ tin thì có, nếu chẳng tin bèn không còn nữa! Tục ngữ có câu: *“Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, bất thị bất báo, thời khắc vị đáo”* (Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chẳng phải không báo, chưa tới lúc thôi).

“Tự tại du hành”: Du hành trong thế giới này tuy không bị hạn chế bởi khu vực, nhưng phải xin giấy thông hành, mà cũng

chỉ giới hạn trong địa cầu. Sau khi sanh về Tây Phương, có thể đi đến bất cứ cõi nước nào, sánh với thế gian giống như trời với đất.

“*Thiên y, thiên thực*”: Cuộc sống vật chất nơi Tây Phương là hết thảy cơm áo, sự cung ứng đều thuận theo lòng muốn. Người trong cõi Tây Phương vốn chẳng cần ăn uống, do tập khí của chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, ăn uống đã trở thành thói quen. Do tập khí nên vẫn còn có ý niệm ăn uống.

“*Chư thiện tụ hội*”: Cổ đức nói, trong cuộc sống của người thế gian đáng sợ nhất là người đồng hành. Người đồng hành là oan gia, có quan hệ rất lợi hại, khó tránh khỏi bị đôi bên ganh ghét. Thiện nhân ở Tây Phương tụ hội, nhất tâm tu đạo, trọn không có các nỗi khổ, mà có niềm vui trong bốn cõi.

“*Phương Tiện thể quán xảo*”: Người trong cõi Phương Tiện Hữu Dư đã đoạn Kiến Tư phiền não, công phu niệm Phật sâu xa, đặc Sự nhất tâm bất loạn. “*Thể Quán*”: Trí huệ càng cao, sức lãnh ngộ mạnh mẽ, biết vạn pháp đều là Không, hết thấy pháp đều chẳng thể được. Trong thế giới Sa Bà, người Tiểu Thừa tu đến cảnh giới này thì được gọi là “*nhập Thiên Chân Niết Bàn*”. Chân tướng của nhân sinh và vũ trụ phải được quán sát từ ba phương diện là Thể, Tướng và Dụng. Thể là Không, tuyệt đối chẳng đạt được; Tướng là Có, để có thể hưởng thụ thì phải sử dụng Trung. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đã biết sử dụng Trung, nhà Phật gọi đó là Trung Đạo, Nho gia gọi là Trung Dung. Đức Phật nói phàm phu sử dụng Hữu, vì thế, cảm nhận nhiều khổ não. Bậc Tiểu Thừa dùng Không, thường ở trong Định, chẳng khởi tác dụng, do vậy chìm

đắm, trì trệ trong Không Tịch. Bồ Tát biết sử dụng Trung, chẳng vướng mắc vào hai bên [Có và Không], hết sức sống động, chỉ hưởng những niềm vui như du hý, thần thông v.v...

“*Thật Báo tâm quán viên*”: Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm sử dụng Trung. Trong phần trước, tôi đã nói đến Thứ Đệ Tam Quán (lần lượt quán Không, Giả, Trung theo thứ tự). Ba môn Không Quán, Giả Quán, Trung Quán có thứ lớp, có sai khác, cho nên có nổi khổ cách biệt, chẳng dung thông, Đại Thừa Bồ Tát [chưa đạt đến Sơ Địa trong Viên Giáo] là như thế đó. Nhất Tâm Tam Quán thì không có hiện tượng ấy, lấy bất cứ một pháp nào cũng đều là Không, là Giả, là Trung, ba tầng viên dung, không có nổi khổ cách biệt, chẳng dung thông. Đây chính là “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Bồ Tát cùng chúng ta hòa

lẫn thành một khối, hòa quang đồng trần⁹⁰, nhưng thụ dụng hoàn toàn khác hẳn. Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, có Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả, nhưng Bồ Tát chẳng có, vì đã nhập cảnh giới không chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn.

“Tịch Quang cứu cánh đẳng, vô Pháp Thân sám lậu, chân thường lưu chú chi khổ” (Trong cõi Tịch Quang rốt ráo bình đẳng, không các nỗi khổ như Pháp Thân rò rỉ, chân thường tuôn chảy⁹¹): Cõi Tịch Quang cao nhất trong bốn cõi Tịnh Độ.

⁹⁰ “Hòa quang đồng trần” là một thành ngữ dựa theo câu nói “hòa kỳ quang, đồng kỳ trần” của Lão Tử. Nhà Phật mượn thuật ngữ này để nói lên hạnh Đồng Sự trong Tứ Nhiếp Pháp của hàng Đại Thừa Bồ Tát: Hiện đủ mọi thân thích ứng tùy loại căn cơ, thị hiện có cùng việc làm, cùng nghề nghiệp, cùng giai cấp, cùng môi trường sống như họ để thân cận, hướng dẫn họ bỏ ác tu thiện. Nếu cần, Bồ Tát có thể hiện nghịch hạnh (những hạnh trái nghịch thanh quy, như ngài Tế Điền uống rượu, ăn thịt chó) để nhiếp độ họ, nhưng tâm các Ngài vẫn thanh tịnh, như như bất động.

⁹¹ Do ở đây Hòa Thượng không giải thích câu này, mặt nhân xin ghi thêm như sau: “Lưu chú” cũng có nghĩa giống như “sám lậu”, đều có nghĩa là rò rỉ, tuôn chảy. Nói cách khác, chúng chính là những tên gọi khác của Lậu (phiền não), do chưa hoàn toàn viên chứng Pháp Thân, chưa viên ngộ chân thường, chỉ là phần chứng, phần ngộ, vẫn còn xen tạp vi tế vô minh trong ấy nên Chân Thường chưa trọn vẹn, còn bị thiếu khuyết, giống như cái bình bị rò rỉ, không hoàn bị, nên mới nói là “chân thường lưu chú”.

“*Pháp Thân sấm lậu*” tức là trong Chân Như bốn tánh vẫn còn chưa sạch hết phiền não. Phật pháp nói đến Chân và Vọng, Chân là sẵn có, Vọng thì vốn không. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Một câu này của Phật đã nói toạc căn bệnh của bọn phàm phu chúng ta. Tu học trong Phật pháp bất quá là trừ sạch vọng tưởng, chấp trước mà thôi; nhưng hãy cầu trừ Vọng, chớ nên tìm Chân. Chấp trước phát triển thành Ngã Chấp, phá Ngã Chấp liền chứng quả A La Hán. Nói cách khác, nếu có Ngã Chấp, sẽ chẳng thể thoát khỏi tam giới. Nếu có Pháp Chấp, sẽ chẳng thể kiến tánh. Pháp môn Đại Tiểu Thừa trong Phật pháp đều có thể giúp con người thoát khỏi tam giới. Ngã Chấp phát triển thành Phiền Não Chương, Pháp Chấp phát triển thành Sở

Tri Chương. Phật pháp từ đầu đến cuối chỉ là phá hai chấp ấy mà thôi. Từ cõi Phương Tiện trở lên, không có Ngã Chấp, cõi Đồng Cư vẫn còn Ngã Chấp. Ngã Chấp không còn, Pháp Chấp đã phá được phần lớn, nhưng vẫn còn có chút thừa sót, đó gọi là “*Pháp Thân sám lậu*” (Pháp Thân rò rỉ). Cõi Tịch Quang đoạn sạch Pháp Chấp, Chân Như bốn tánh hiển hiện viên mãn, sự thụ dụng của người trong cảnh giới ấy là “*xưng tánh viên mãn cứu cánh lạc*” (sự vui xưng tánh viên mãn rốt ráo). Đại Thừa Bồ Tát trong cõi Thật Báo đạt Lý nhất tâm bất loạn, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và chư Phật đều có thể gọi là “xưng tánh”; tuy một đẳng đã viên mãn, một đẳng chưa viên mãn, nhưng đều là xưng tánh. Đại khái sự khổ và vui trong bốn cõi là như vậy.

“*Nhiên Đồng Cư chúng sanh, dĩ trì danh thiện căn, phước đức đồng Phật cố, viên tịnh tứ độ, viên thọ chư lạc dã*” (Nhưng chúng sanh trong cõi Đồng Cư, do thiện căn trì danh nên phước đức giống như Phật, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn vẹn các niềm vui). Mấy câu chú giải này phải nhớ kỹ trong lòng, hết thấy các kinh luận, pháp môn khác không có điều này. Kinh này được xưng tụng là bậc nhất trong hết thấy kinh Phật chính là do đạo lý này. Chúng ta là đời nghiệp vãng sanh, nghiệp ấy chính là Ngã Chấp và Pháp Chấp, phương pháp được sử dụng là “*tín, nguyện, trì danh*”. Tin tưởng tuyệt đối A Di Đà Phật và Tây Phương thế giới, đây là Tín. Nhất tâm nhất ý hướng về Tây Phương, mong thấy A Di Đà Phật, đó là Nguyện. Trọn đủ Tín và Nguyện như thế, niệm một câu Phật hiệu, đó là Trì. Thiện căn, phước đức của người trì danh niệm

Phật giống như A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật. **Mười phương ba đời hết thấy chư Phật tu hành cho đến cuối cùng thành Phật đều là do niệm Phật mà thành Phật.**

“Viên tịnh tứ độ”: Viên (圓) là viên mãn, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào! Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, chẳng thể gọi là viên mãn, nhưng chúng ta đời nghiệp vãng sanh liền có thể thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn các niềm vui. Ngẫu Ích đại sư nói những lời này có quá lộ hay không? Xin quý vị đọc bốn mươi tám lời nguyện trong chương sáu của kinh Vô Lượng Thọ sẽ thấy là đúng hay là sai! Đại sư dựa theo kinh điển để nói; ngày nay chúng ta gặp được bộ kinh này đúng là cơ hội khó gặp trong ngàn năm mà ta nay may mắn gặp được.

“Cực Lạc tối thắng, bất tại thượng tam độ, nhi tại Đồng Cư” (Cực Lạc tối thắng không do ba cõi trên, mà là do cõi Đồng Cư). Vì sao đức Phật nói Cực Lạc là tối thắng? “Chán khổ, cầu vui” là chuyện thường tình của con người. Tục ngữ có câu “nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiên định” (một miếng ăn, một hợp uống, không gì chẳng phải đã định sẵn). Phú quý, cùng quần, hanh thông cho đến sanh tử đều có số mạng sẵn. Cầu là vọng tưởng, cầu thần thánh ban ơn, cầu Thượng Đế giáng phước, đều là mê tín, không giúp được gì! Đức Phật dạy chúng ta, muốn cầu quả báo tốt, chỉ có tu phước, tích đức. Tu nhân sẽ đắc quả: Tài Thí đắc của cải, Pháp Thí đắc thông minh, trí huệ, Vô Úy Thí đắc khỏe mạnh, trường thọ. Chớ nên tiếc của, mà cũng đừng tham của. Đây là tiểu nhân tiểu quả thế gian! Niệm Phật là đại phước đức tối thượng khôn sánh, trực

tiếp dùng thiện nhân, thiện quả do A Di Đà Phật đã tu hành trong vô lượng kiếp để chính mình tu nhân trong hiện tại. Quả báo của niệm Phật là có thể vượt thoát luân hồi lục đạo. Sanh về Tây Phương sẽ có thể thành Phật ngay trong thân này. Hết thảy các cõi Phật trong mười phương đều có bốn cõi Tịnh Độ, nhưng các cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong đó đều thua cõi Đồng Cư của Tây Phương một bậc. Phạm phu trong thế giới Sa Bà muốn vượt thoát lục đạo là chuyện hết sức khó khăn, đoạn hết phiền não thì mới có thể vượt thoát. Tứ Thiên, Bát Định mới có thể không chế phiền não chẳng cho nó khởi tác dụng. Tầng trời cao nhất trong Tứ Không Thiên là Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên có thể không chế phiền não trong tám vạn đại kiếp, thuộc về Thiên Định thế gian. Đạt đến Cửu Thứ Đệ Định, thành A La Hán mới thoát khỏi tam giới, thật chẳng dễ

dàng! Như nay chỉ cần đầy đủ Tín - Nguyện - Hạnh, thật thà niệm Phật, liền có thể vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng cần phải trải qua Tứ Thiên Bát Định, muôn người tu, muôn người vãng sanh. Dầu tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác mà nếu quả báo còn chưa hiện tiền thì vẫn có thể thông dong tiến nhập Tây Phương thế giới.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phật! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiều. Thị cố bỉ quốc, danh vi Cực Lạc.

(經) 又舍利弗。極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七重行樹。皆是四寶。周匝圍繞。是故彼國。名為極樂。

(Chánh kinh: Lại này, Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc bảy tầng lan can, bảy tầng lưới giăng, bảy tầng hàng cây, đều bằng bảy báu vây quanh trọn khắp. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).

Đoạn kinh này nói rõ sự vui thuộc về địa lợi trong Tây Phương thế giới, cũng chính là hoàn cảnh cư trú. Nếu các vị có thời gian rảnh rỗi, có thể sang thăm Hoàng Cung tại Bắc Kinh bên Đại Lục, kiến trúc của nó từng hàng lan can. “*Lan thuẫn*” chính là lan can, Lan (欄) là [những thanh chắn đặt nằm] theo chiều ngang, Thuẫn (楯) là [những thanh chắn dựng] theo chiều dọc. Tôi chưa được thấy “*la võng*” (lưới màn) tại Trung Quốc, nhưng ở Nhật Bản thì vẫn còn. Phật giáo Nhật Bản cũng rất hưng thịnh, gìn giữ chùa miếu hết sức tốt đẹp. Khi tôi sang

thăm Nhật Bản, chẳng thể nào không bội phục dân tộc ấy. Họ toàn tâm toàn lực hấp thụ văn minh khoa học kỹ thuật của Tây Phương, nhưng bảo vệ, giữ gìn những kiến trúc cổ cố hữu của chính mình hết sức hoàn chỉnh. Chùa miếu của họ đều là kiến trúc từ thời Đường, thời Tống, kết cấu kiến trúc theo mô thức thời Hán, thời Đường, điện vũ rất lớn mà chẳng dính một hạt bụi nào. Những vật liệu được dùng [để xây cất] nếu bị tổn hoại thì khi trùng tu vẫn dùng những vật liệu giống hệt như vậy để khôi phục nguyên trạng. Điện vũ rộng rãi, đồ sộ, ngăn nắp, sạch sẽ, chẳng thể nào không khiến cho người khác kính phục. Chúng tôi thấy rồi bèn sanh tâm hổ thẹn, nhất là vì phong tục theo cổ lễ Trung Quốc thì ngay tại Trung Quốc đã chẳng còn thấy nữa, nhưng phương thức sinh hoạt giống như sách Lễ Ký đã chép vẫn còn được bảo tồn tại Nhật Bản. Y phục

của người Nhật mặc được gọi là “Hòa phục” (Wafuku), còn gọi là “Ngô phục” (Gofuku), tức là [y phục] theo cách thức của xứ Ngô Việt vào thời đại Xuân Thu Chiến Quốc, một mực bảo tồn đến tận bây giờ. [Cách phục sức ấy] tại Trung Quốc đã tuyệt tích, lòng yêu mến và bảo tồn cổ tích của họ quả thật là hạng nhất trên thế giới. Trong những ngôi chùa miếu lớn ở Nhật Bản, chúng tôi trông thấy “*la võng*” bện bằng những sợi đồng để bảo vệ kèo cột. Kèo cột đều là những tác phẩm nghệ thuật cao cấp, ngoài ra, “*la võng*” lại còn có thể ngăn chim sẻ làm tổ.

“*Thất trùng hàng thụ*”, “*hàng thụ*” là cây cối. Chữ “*thất*” chỉ bốn phương, trên, dưới và chính giữa, tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn, hoàn toàn chẳng phải là con số. Ngẫu Ích đại sư nói “*thất*” biểu thị “*thất khoa đạo phẩm*”; “*tứ bảo*” biểu thị “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*”, đều nhằm

biểu thị pháp, nhưng sự biểu thị chẳng phải chỉ có vậy. Những nghĩa trên đây đều được giảng tường tận trong kinh Vô Lượng Thọ.

(Giải) “Thất trùng” biểu thất khoa đạo phẩm, “tứ bảo” biểu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức. “Châu táp nhiều” giả, Phật, Bồ Tát đẳng vô lượng trụ xứ dã, giai tứ bảo, tác tự công đức thâm. “Châu táp vi nhiều” tác tha hiện thánh biến, thử Cực Lạc chân nhân duyên dã.

(解) 七重表七科道品。四寶表常樂我淨四德。周匝繞者。佛菩薩等無量住處也。皆四寶。則自功德深。周匝圍繞。則他賢聖遍。此極樂真因緣也。

(Giải: “Thất trùng” biểu thị bảy khoa đạo phẩm, “tứ bảo” biểu thị bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. “Châu táp nhiều”: Vô lượng trụ xứ của Phật, Bồ Tát v.v... đều bằng bốn báu, ấy là công đức của chính mình sâu xa, “châu táp vi nhiều” nghĩa là những vị hiền thánh khác đều trọn khắp, đây chính là nhân duyên thật sự của cõi Cực Lạc vậy).

Đây là nói tổng quát về sự thù thắng của Tây Phương thế giới, sự thù thắng ấy do đâu mà có? Một là do công đức của chính mình sâu nặng, hai là do các vị hiền thánh khác [hiện diện] trọn khắp. Chúng ta phát nguyện vãng sanh Tây Phương, vì trong thế giới [Sa Bà] này đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức hết sức khó khăn, vì hoàn cảnh tu học có rất nhiều chướng ngại, đâu đâu cũng bị ngăn trở, quấy nhiễu. Người sanh về Tây Phương được bốn nguyện và

oai thần của A Di Đà Phật gia trì, lại được ở cùng một chỗ với các vị thượng thiện nhân cõi Tây Phương. Tây Phương thế giới không có ai mang ác niệm, được tôn là bậc nhất trong hết thảy cõi Phật. Trong đoạn văn này, trong bảy thứ biểu thị pháp, đại sư chỉ nêu đại lược một thứ, tức là Thất Khoa Đạo Phẩm (Thất Khoa Đạo Phẩm chính là ba mươi bảy đạo phẩm, [chia thành bảy khoa] gồm Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo).

“*Tứ bảo*” là tánh đức, tức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*”. Nói thông thường thì ba thứ Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, mỗi thứ đều có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, có thể nói là [bốn đức ấy bao gồm] trọn khắp hết thảy pháp, nhưng chỉ người kiến tánh mới có. Phàm phu đang mê, đối với bốn chữ này chỉ là “hữu danh vô thực”. Chúng ta cảm thấy thế giới này vô thường, khổ,

vô ngã, bất tịnh. Nếu chính mình không có công đức chân thật, sẽ chẳng thể nào cảm nhận Thường, Lạc, Ngã, Tịnh! Mọi sự, mọi vật trong thế giới ấy đều có bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nhưng chúng ta nhìn không ra mà nghĩ cũng không nổi! Từ mười phương thế giới, những người vãng sanh Tây Phương vô lượng vô biên, một mình A Di Đà Phật làm sao có thể chỉ dạy chúng sanh đông đảo như thế? Đúng là chẳng biết hóa thân của A Di Đà Phật là vô lượng vô biên, hóa thân và chân thân chẳng hai, chẳng khác! Do vậy, mỗi một người vãng sanh đều có thể thấy A Di Đà Phật bất cứ lúc nào. Kinh nói trong cõi Tây Phương các cây báu rất nhiều, dưới mỗi cội cây báu đều có Tây Phương Tam Thánh thuyết pháp. “*Châu táp vi nhiễn*” là vô lượng hóa Phật, Bồ Tát, đại sư gọi là “*tha hiên thánh biến*” (các vị hiên thánh khác trọn khắp).

Thông thường, “hiền” chỉ Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng), “thánh” chỉ bậc Bồ Tát đẳng địa (từ Sơ Địa trở lên). Ở đây, “hiền” chỉ các Bồ Tát, “thánh” chỉ A Di Đà Phật.

(Giải) Thử đẳng trang nghiêm, Đồng Cư độ thị tăng thượng thiện nghiệp sở cảm, diệt Viên Ngũ Phẩm Quán sở cảm. Dĩ duyên sanh thắng diệu Ngũ Trần vi Thể.

(解) 此等莊嚴。同居土是增上善業所感。亦圓五品觀所感。以緣生勝妙五塵為體。

(Giải: Có những sự trang nghiêm như thế là vì cõi Đồng Cư do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành, mà cũng do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo cảm thành,

[cõi Đồng Cư] lấy Ngũ Trần⁹² thù thắng nhiệm mầu do duyên sanh làm Thế).

Đại sư lại giải thích nhân duyên của sự trang nghiêm trong bốn cõi. [Nhân duyên thứ nhất]: Cõi Đồng Cư là do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành. “*Tăng thượng thiện*” chính là “*chỉ u chí thiện*” (đạt đến chí thiện), thứ thiện nghiệp này cảm thành cõi Đồng Cư. Phạm phu chẳng thể tu [“tăng thượng thiện”]. Ở đây, “lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, thật thà niệm Phật” chính là “*tăng thượng thiện nghiệp*”. Điều thiện thế gian hay xuất thế gian nào cũng chẳng thể sánh với điều thiện này. Điều thiện này có thể làm cho con người thoát khỏi tam giới theo chiều ngang, vắng sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật. Huống chi, trong kinh này, đức Phật

⁹² Ngũ Trần (còn gọi là Ngũ Cảnh) là năm trần đầu trong Lục Trần, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc.

dạy “tín nguyện trì danh, thật thà niệm Phật” chính là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, lắm nhân duyên. Phàm phu thấy người niệm Phật chẳng có gì đáng nể, nhưng chư Phật, Bồ Tát thấy người niệm Phật đương nhiên sẽ kính trọng. Bởi lẽ, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Người ấy có thể lập tức thành Phật, long thiên, quỷ thần cùng ủng hộ.

Nhân duyên thứ hai là [cõi Đồng Cư Tịnh Độ] do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo cảm thành. Thiên Thai Trí Giả đại sư nương theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh đề tu hành, tức là tu các pháp quán tưởng, quán tượng. Lúc lâm chung, đồ chúng hỏi Ngài sanh về Tây Phương sẽ đạt quả vị nào. Ngài nói địa vị của Ngài chỉ là Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Ngũ Phẩm trong Viên Giáo chính là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Ngài nói cả đời Ngài hoằng pháp lợi sanh, hoàn toàn chẳng chuyên tu. Ý nằm

ngoài lời: Nếu Ngài chuyên tu, phẩm vị ắt cao! Tông Thiên Thai nói đến Ngũ Phẩm thì: Thứ nhất là tùy hỷ, thứ hai là đọc tụng, thứ ba là giải nói (giảng kinh, thuyết pháp), thứ tư là kiêm tu Lục Độ, thứ năm là chánh tu Lục Độ. Đây chính là nghiệp nhân của cõi Phạm Thánh Đồng Cư, bao gồm hết thấy pháp môn tu học trong Đại Thừa, như kinh Vô Lượng Thọ có nói ba bậc vãng sanh. “*Nhất tâm tam bối*” như pháp sư Từ Châu đã giảng là do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo thành tựu⁹³.

⁹³ Khi pháp sư Từ Châu soạn khoa phán cho kinh Vô Lượng Thọ (bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư), Ngài đã phán định đoạn kinh nằm ngay sau phần giảng về Tam Bối Vãng Sanh là giảng về Nhất Tâm Tam Bối, tức là ngoài Tam Bối Vãng Sanh còn có một loại vãng sanh nữa, gọi là Nhất Tâm Tam Bối. Đoạn kinh ấy như sau: “*Nhược hữu chúng sanh trụ Đại Thừa giả, dĩ thanh tịnh tâm, hướng Vô Lượng Thọ, nãi chí thập niệm, nguyện sanh kỳ quốc, văn thậm thâm pháp, tức sanh tín giải, nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm niệm ư bỉ Phật. Thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung, kiến A Di Đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc Bất Thoái Chuyển Vô Thượng Bồ Đề*” (Nếu có chúng sanh trụ trong Đại Thừa, dùng tâm thanh tịnh hướng về Vô Lượng Thọ Phật, dầu chỉ mười niệm nguyện sanh cõi kia, nghe pháp thậm thâm liền sanh tin hiểu; thậm chí đạt được một niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm để niệm đức Phật kia thì lúc mạng người ấy sắp dứt, giống như ở trong mộng, thấy A Di Đà Phật, quyết định sanh trong cõi ấy, được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề).

Dùng sự thành tựu ấy để hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thì cũng được vãng sanh.

Cõi Đông Cự “*dùng Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu do duyên sanh để làm Thế*”. “*Duyên*” chính là nhân duyên sanh pháp (các pháp sanh bởi nhân duyên). Thế giới này của chúng ta cũng là duyên sanh, nhưng chỗ sai biệt là: Trong cõi Tây Phương, Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu, còn Ngũ Trần của chúng ta chẳng thù thắng mà cũng chẳng nhiệm màu. Vì đâu mà có sai biệt? Hai câu trên đây đã nói rất rõ ràng. Điều kiện tối thiểu để một người sanh về Tây Phương thế giới là thiện nghiệp tăng thượng. Chúng ta tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, là nhiễm nghiệp, chứ không phải là tịnh nghiệp. Do vậy, [Sa Bà] được gọi là uế độ, ô nhiễm nghiêm trọng. Trước hết là tâm địa ô nhiễm, nên biến hiện ra thế giới toàn là lục trần ô nhiễm.

(Giải) Phương Tiện Tịnh Độ, thị tức Không Quán Trí sở cảm, diệc Tương Tự Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Chân Đế, vô lậu Ngũ Trần vi Thể.

(解) 方便淨土。是即空觀智所感。亦相似三觀所感。以妙真諦。無漏五塵為體。

(Giải: Phương Tiện Tịnh Độ chính là do Không Quán Trí cảm thành, mà cũng do Tương Tự Tam Quán cảm thành. Dùng vô lậu Ngũ Trần trong Chân Đế màu nhiệm để làm Thể).

[Người sanh về] cõi Phương Tiện Hữu Đư đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Nghiệp nhân của cõi ấy là Không Quán Trí và Tương Tự Tam Quán. Chúng đều là giáo

nghĩa trong Viên Giáo. Tam Quán là Không, Giả, Trung. Tương Tự Tam Quán chính là địa vị Tương Tự trong Viên Giáo, trên thực tế, phương pháp dụng công là Nhất Tâm Tam Quán, tức là trong một niệm viên mãn trọn đủ Không, Giả, Trung. Đây là nghiệp nhân [của cõi Phương Tiện Hữu Dư]. Tịnh Độ được cảm bởi cái nhân ấy là Chân Đế màu nhiệm, mà cũng là Chân Đế chẳng thể nghĩ bàn được nói trong Viên Giáo.

“*Vô lậu Ngũ Trần vi Thế*” (Ngũ Trần vô lậu làm Thế): Thế giới này của chúng ta là hữu lậu, còn Tịnh Độ là vô lậu.

“*Lậu*” (漏) là tên gọi khác của phiền não. Có phiền não và vọng tưởng thì là Hữu Lậu, giống như chén trà có vết nứt, rót nước vào sẽ rỉ ra, tỷ dụ trong Chân Như bốn tánh xuất hiện vấn đề, công đức nơi chân tánh bị rò rỉ mất. Căn bệnh là do có phiền não, nên Bát Nhã, trí huệ, vô lượng

công đức bị rỉ mắt, bị phiền não gây chướng ngại, chẳng thể khởi tác dụng. Dầu có khởi tác dụng thì cũng như không. Người trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư chưa đoạn phiền não, nhưng sự hưởng thụ là do công đức của A Di Đà Phật biến hiện, [nên Ngũ Trần trong cõi Đồng Cư] được gọi là “*thắng diệu Ngũ Trần*”. Bản thân cõi Phương Tiện Hữu Dư đã có một phần công đức, đồng thời lại được A Di Đà Phật gia bị nên [Ngũ Trần trong cõi Phương Tiện Hữu Dư] gọi là “*vô lậu Ngũ Trần*”.

(Giải) Thật Báo Tịnh Độ, thị diệu Giả Quán Trí sở cảm, diệt Phần Chứng Tam Quán sở cảm. Dĩ diệu Tục Đế, vô tận Ngũ Trần vi Thế.

(解) 實報淨土。是妙假觀智所感。亦分證三觀所感。以妙俗諦。無盡五塵為體。

(Giải: Thật Báo Tịnh Độ do Giả Quán Trí mầu nhiệm cảm thành, mà cũng do Phân Chứng Tam Quán cảm thành, lấy vô tận Ngũ Trần trong Tục Đế mầu nhiệm làm Thể).

Cõi Phương Tiện thiên trọng tu hành cho chính mình, do trí huệ, đức năng của chính mình còn chưa đủ, tuy có lợi tha, nhưng trên thực tế là tự lợi. Cõi Thật Báo không giống như vậy, năng lực của chính mình kiện toàn, trí huệ hiển lộ, nên thiên trọng lợi tha. Để lợi tha thì phải nhập Giả (nhập Tục Đế), đến mười phương thế giới giúp Phật giáo hóa. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát liền có ứng. Biết nguyên lý này sẽ

chẳng cảm thấy lạ lùng nữa! Pháp Thân trọn khắp hết thảy chỗ. Giống như làn sóng vô tuyến điện⁹⁴ trọn khắp hết thảy chỗ, chỉ cần bắt đúng băng tần là nghe được. Bồ Tát hóa thân cũng giống như vậy. Chúng sanh có tâm cảm, còn Phật, Bồ Tát vô tâm mà ứng. Phương thức ứng hiện là tùy loại hóa thân. Trước kia, lý này rất khó hiểu, hiện thời có thể nhờ vào khoa học, kỹ thuật để chứng minh nhiều chuyện chẳng thể nghĩ bàn trong Phật học.

Tam Quán gồm Chân, Giả, Trung: Chân là còn gọi là Không Quán, tức là quán bản thể của hết thảy các pháp; Giả là quán tướng của hết thảy các pháp. “*Diệu Giả Quán Trí*” tức là biết “Có chính là Không, Không chính là Có” như Tâm Kinh đã dạy: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Đó gọi

⁹⁴ Nguyên văn “điện ba” (電波). Đây là từ ngữ người Hoa dùng để dịch chữ “radio wave”.

là Diệu, mà cũng có thể gọi là Phần Chứng Tam Quán. Tam Quán của Viên Giáo chẳng thể nghĩ bàn. Ở đây, [từ ngữ “*Diệu Giả Quán Trí*”] chỉ [quán trí của] những vị Phần Chứng Bồ Tát trong Viên Giáo, tức bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Trong Tịnh Tông, [Diệu Giả Quán Trí] được gọi là Lý nhất tâm bất loạn. [Do Diệu Giả Quán Trí] cảm được cõi Tịnh Độ là “*diệu Tục Đế*”, nó cũng là “Tục Đế chẳng thể nghĩ bàn” trong Viên Giáo, vừa là Chân, vừa là Giả, vừa là Trung. Quán Trí trong một niệm có thể giác quán Không, Giả, Trung. Sắc tướng bên ngoài đích thực là Không, Giả, Trung, đó là Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế, Trung Đế) chẳng thể nghĩ bàn, không một pháp nào chẳng phải là Tam Đế màu nhiệm.

“*Vô tận Ngũ Trần vi Thế*” (vô tận Ngũ Trần làm Thế [của cõi Thật Báo]) giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói: Thế giới vô

lượng vô biên. Nơi hết thấy phàm phu sanh tử luân hồi cũng chính là nơi chư Phật, Bồ Tát tiếp dẫn, độ thoát chúng sanh. Chúng sanh vô lượng, thế giới vô biên, chư Phật, Bồ Tát cũng vô lượng vô biên. “*Vô tận Ngũ Trần làm Thế*” hiển thị Phật pháp rộng lớn vô biên.

(Giải) Thường Tịch Quang độ, thị tức Trung Quán Trí sở cảm, diệt Cứu Cánh Tam Quán sở cảm, dĩ diệu Trung Đế, xứng tánh Ngũ Trần vi Thế.

(解) 常寂光土。是即中觀智所感。亦究竟三觀所感。以妙中諦。稱性五塵為體。

(Giải: Cõi Thường Tịch Quang do Trung Quán Trí cảm nên, mà cũng do Cứu Cánh Tam Quán cảm nên, dùng Ngũ

Trần xưng tánh trong Trung Đế màu nhiệm làm Thế).

Đến chỗ này, quả vị Phật siêu việt bốn mươi một địa vị Bồ Tát. Khi ấy, vô minh phiền não hoàn toàn đoạn sạch, công đức nơi tự tánh viên mãn, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào, chân tướng của nhân sinh và vũ trụ mới hiện tiền. Trung Quán Trí được nói ở đây chính là Cứu Cánh Tam Quán, tức là đã đạt đến cảnh giới viên mãn rốt ráo trong sự tu học của Đại Thừa. Thiên Thai đại sư nói Tam Chỉ, Tam Quán, nội dung của pháp ấy xuyên suốt Tông Môn, Giáo Hạ. Tuy Tịnh Tông chuyên niệm một câu Phật hiệu, công phu niệm Phật hiệu có sâu hay cạn khác nhau, nhưng xét trên cảnh giới thì cũng chẳng trái nghịch nguyên tắc Tam Quán. Chẳng hạn như Tịnh Tông thường nói tới Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn; còn

như công phu thành phiền cũng được gộp trong Sự nhất tâm bất loạn là vì “thành phiền” chính là công phu ở mức độ cạn nhất của Sự nhất tâm bất loạn. Có thể không chế Kiến Tư phiền não chẳng cho chúng nó hiện hành thì gọi là “thành phiền”. Nếu đoạn được Kiến Tư, thì là viên mãn chứng được “Sự nhất tâm”, đoạn được bốn mươi một phẩm vô minh chính là viên mãn chứng được “Lý nhất tâm”. Nếu một câu Phật hiệu cũng trải qua những cảnh giới này, tương ứng với nội hàm⁹⁵ của phép Chỉ Quán như Thiên Thai đại sư đã giảng, cõi Tịnh Độ cảm được sẽ là Diệu Trung Đế. “Xưng tánh Ngũ Trần làm Thể”, đến lúc ấy, Ngũ Trần Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp hoàn toàn là tự tánh, do tánh đức hiện ra, là lý thể của cõi Thường Tịch Quang.

⁹⁵ Nội hàm (connotation): Những ý nghĩa được chứa đựng trong một từ ngữ, khái niệm hoặc một thuật ngữ triết học.

Đoạn văn giải thích này chứa đựng ý nghĩa rất sâu, cảnh giới rất cao, người tu hành đã lâu ít nhiều gì cũng thấu hiểu được mấy phần, đến đây mới là đạt đến rốt ráo viên mãn. Tuy Tây Phương có bốn cõi, nhưng khác với bốn cõi của mười phương thế giới. Trong mười phương, bốn cõi Tịnh Độ khác biệt, trong cõi Đông Cực chẳng thể thấy được Bồ Tát, La Hán trong cõi Thật Báo hoặc cõi Phương Tiện. Bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương là hiện thánh ở cùng một chỗ; hễ ai sanh về đó đều có thể thấy được. Các kinh điển Đại Thừa khác chưa hề nói tới chỗ thù thắng này.

(Giải) Dục linh dị giải, tác thử phân biệt. Thật tứ độ trang nghiêm, vô phi nhân duyên sở sanh pháp, vô bất tức Không, Giả, Trung. Sở dĩ Cực Lạc Đông Cực tịnh cảnh, Chân, Tục viên dung, bất khả hạn lượng, hạ giai phỏng thử.

(解) 欲令易解。作此分別。實四土莊嚴。無非因緣所生法。無不即空假中。所以極樂同居淨境。真俗圓融。不可限量。下皆倣此。

(Giải: Muốn cho [người đọc] dễ hiểu, nên phân biệt như vậy. Thật ra, sự trang nghiêm trong bốn cõi không gì chẳng phải là pháp do nhân duyên sanh, không gì chẳng chính là Không, Giả, Trung. Do vậy, tịnh cảnh trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc là Chân và Tục viên dung chẳng thể hạn lượng. Những [lời giải thích trong những] phần dưới đều phỏng theo [cách luận định] ở đây).

Trạng huống chân thật trong Tây Phương thế giới là bốn cõi viên dung,

nhưng Phật hoàn toàn sử dụng những kiến thức thông thường, so đo của phàm phu để giới thiệu cõi Tây Phương cho chúng ta. Nói “cõi Tây Phương có các đẳng cấp Thanh Văn, Bồ Tát” thì chính là đức Phật đã nói một cách phương tiện cho chúng ta dễ hiểu. Chứ thật ra, trạng huống của A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới là: Trên thực tế, tuy có bốn cõi, nhưng viên dung, không hề cách biệt. Nói “*người, trời*” nhằm biểu thị pháp sanh bởi nhân duyên, nói “*La Hán*” nhằm biểu thị [các pháp do nhân duyên sanh ấy] chính là Không, nói “*Bồ Tát*” nhằm biểu chúng chính là Giả, nói “*Phật*” nhằm biểu thị chúng chính là Trung. Bốn cõi đều là Trung. Ở đây là nói phương tiện, chứ trên thực tế, tịnh cảnh trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc là “Chân và Tục viên dung, vừa là Không, vừa là Giả, vừa là Trung” chẳng thể hạn lượng!

(Giải) Vấn: Tịch Quang duy lý tánh, hà đắc hữu thứ trang nghiêm?

Đáp: Nhất nhất trang nghiêm, toàn thể lý tánh. Nhất nhất lý tánh, cụ túc trang nghiêm, phương thị chư Phật cứu cánh y quả. Nhược Tịch Quang bất cụ thắng diệu ngũ trần, hà dị Thiên Chân Pháp Tánh?

(解) 問。寂光唯理性。何得有此莊嚴。答。一一莊嚴。全體理性。一一理性。具足莊嚴。方是諸佛究竟依果。若寂光不具勝妙五塵。何異偏真法性。

(Giải: Hỏi: - Tịch Quang chỉ là lý tánh, sao lại có những thứ trang nghiêm ấy?

Đáp: - Trong mỗi một thứ trang nghiêm, toàn bộ cái Thể của nó là lý tánh. Mỗi một

lý tánh có đầy đủ sự trang nghiêm thì mới là y báo rốt ráo nơi quả vị của chư Phật. Nếu cõi Tịnh Quang chẳng trọn đủ Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu thì có khác gì Thiên Chân Pháp Tánh?)

Hành giả do nghiên cứu kinh luận tràn lan quá mức liền nêu ra nghi vấn, cho rằng “ba cõi trước trong bốn cõi Tịnh Độ là Sự, còn cõi Tịnh Quang là Lý”. Sự thì có tướng, chứ Lý làm sao có tướng được? Sao lại nói đến sự trang nghiêm [trong cõi Tịnh Quang]? Người ấy thật chẳng biết Sự và Lý là một, chẳng phải hai. Xét theo Sự thì có thể nói tới sự trang nghiêm, nhưng xét theo Lý, đương nhiên cũng có thể nói tới sự trang nghiêm. Nói theo mặt Sự, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, toàn thể đều do Lý thể biến hiện ra. Do vậy, nói: “*Mỗi một trang nghiêm, toàn bộ cái Thể của nó là lý tánh*”. Chẳng riêng gì A Di Đà Phật

là như thế, mà y báo của hết thầy chú Phật đều chẳng ra ngoài lệ ấy. Chỉ là do Bồ Tát và phàm phu nhìn thấy, cảm nhận khác nhau! Phật là giác chứ không mê, phàm phu là mê chứ chẳng giác, sai biệt ở chỗ này.

Nếu luận về Lý và Sự thì phàm và thánh giống hệt như nhau. Nếu cõi Tịch Quang chẳng trọn đủ Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu thì có khác gì La Hán trong Tiểu Thừa? Tiểu Thừa La Hán khô thân diệt trí⁹⁶, nhập Thiên Chân Niết Bàn, thứ gì cũng chẳng có, vạn pháp đều là Không, giống như Tứ Không Thiên, nhưng Phật thì có Ngũ Trần thù thắng màu nhiệm để lợi lạc khắp các chúng sanh.

⁹⁶ Khô thân diệt trí: Còn gọi là Vô Dư Khô Đoạn, Phân Thân Diệt Trí, gọi tắt là Diệt Trí, hoặc Khô Đoạn. Hiểu theo nghĩa đen là “thieu xác thân thành tro, diệt trừ tâm trí”. Từ ngữ này chỉ cảnh giới của hàng La Hán trong Tiểu Thừa, đem hết thân tâm dốc vào nơi sự không tịch của Vô Vi Niết Bàn. Do không còn thấy có xác thân nên gọi là “khô thân”, trí vắng lặng, không duyên theo trần cảnh nữa, chỉ có Tịch mà thiếu tác dụng Chiếu nên gọi là “Diệt Trí”.

Đoạn văn chú giải này đã khái thị cho ta mấy điều sau:

1. Pháp giới vốn là Nhất Chân, kinh Hoa Nghiêm nói điều này rất thấu triệt, pháp giới vốn luôn là Nhất Chân. Chân thì chẳng biến đổi, Giả sẽ bị biến đổi. Đeo cặp kính màu sẽ nhìn thấy màu sắc của những thứ bên ngoài bị biến đổi hoàn toàn; thật ra, sự vật bên ngoài hoàn toàn chẳng biến đổi. Vốn là Nhất Chân mà biến thành mười pháp giới! Mười pháp giới là do cảm nhận sai lầm, chẳng phải là sự thật. Sự thật là Nhất Chân. Nhận biết sai lầm phát sanh từ vọng tưởng, chấp trước; do vọng tưởng, chấp trước mà thấy pháp giới khác nhau. Nếu trừ sạch vọng tưởng, chấp trước, sẽ thấy được Nhất Chân pháp giới, vì nó vốn ở ngay trước mắt. Đức Phật nói mười pháp giới chỉ do Thức biến, chúng là giả; Nhất Chân pháp giới chỉ do tâm hiện, nó là thật. Có thể thấy rằng: Chân và

Giả giống hệt như nhau, Lý và Sự chẳng hai, hễ gỡ cặp kính xuống thì sẽ giống hệt.

2. Kinh còn dạy: “*Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng*”. Đây chính là “*duy thức sở biến*”. Chủ thể của sự biến hiện (năng biến) là tâm tướng, cái được biến hiện (sở biến) chính là vạn vật và cảnh giới. Lý tuy sâu, nhưng là sự thật. Phạm phu chỉ có thể thấy được cõi Đông Cự. Thanh Văn sống trong cõi Phương Tiện, có thể thấy cõi Đông Cự. Bồ Tát có thể thấy cõi Phương Tiện lẫn cõi Đông Cự. Chỉ có Phật là có thể thấy các cõi. Đây chính là cách nói thông thường; nếu sanh về Tây Phương thì do bốn cõi viên dung, cho nên [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] đều có thể thấy trọn hết [bốn cõi Tịnh Độ]. Đức Phật khuyên con người niệm Phật là do đạo lý này. Trong những thế giới Phật phương khác, bốn cõi tách rời, nhưng người trong cõi Tây Phương cũng có thể thấy khắp

bốn cõi Tịnh Độ của hết thảy thế giới chư Phật trong mười phương, thật chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phật! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuận dĩ kim sa bố địa, tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

(Giải) Thượng minh trụ xứ, kim minh sanh xứ. Bảo trì kim, ngân đẳng sở thành, bát đồng thử phương thổ, thạch dã. Bát công đức thủy giả: Nhất trừng thanh, nhị thử phương hồn trược. Nhị

thanh lãnh, dị hàn nhiệt. Tam cam mỹ, dị hàm đạm liệt vị. Tứ khinh nhuyễn, dị trầm trọng. Ngũ nhuận trạch, dị súc hủ thốn sắc. Lục an hòa, dị cấp bạo. Thất trừ cơ khát, dị sanh lãnh. Bát trưởng dưỡng chư căn, dị tổn hoại chư căn, cập lệ lệ tăng bệnh một nịch đẳng dã. Sung mãn kỳ trung, dị khô kiệt, phiếm lạm. Đễ thuần kim sa, dị ô nê.

(經) 又舍利弗。極樂國土。有七寶池。八功德水。充滿其中。池底純以金沙布地。四邊階道。金銀琉璃。玻璃合成。上有樓閣。亦以金銀琉璃。玻璃磈磈。赤珠瑪瑙。而嚴飾之。池中蓮華。大如車輪。青色青光。黃色黃光。赤色赤光。白色白光。微妙香潔。

(解) 上明住處。今明生處。寶池金銀等所成。不同此方土石也。八功德水者。一澄清。異此方渾濁。二清冷。異寒熱。三甘美。異鹹淡劣味。四輕軟。異沉重。五潤澤。異縮腐褪色。六安和。異急暴。七除饑渴。異生冷。八長養諸根。異損壞諸根。及沴戾增病沒溺等也。充滿其中。異枯竭汎濫。底純金沙。異汙泥。

(Chánh kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng bảy báu, nước tám công đức chứa đầy trong ấy. Đáy ao thuần dùng cát vàng trải đất, bạc lên, lối đi ở bốn phía đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu, gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ,

xích châu, mã não để trang hoàng. Hoa sen trong ao to như bánh xe, hoa màu xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa màu trắng tỏa ánh sáng trắng, vi diệu, thơm, sạch.

Giải: Đoạn trên nói về chỗ ở, đoạn này nói về chỗ [hành nhân vãng sanh Tịnh Độ sẽ] sanh ra. Ao báu bằng vàng, bạc v.v... hợp thành, chẳng giống như phương này ao bằng đất, đá. Nước tám công đức là:

1. Trong lắng, khác với nước phương này vẫn đục, dơ bẩn.

2. Trong mát, khác với nước phương này nóng, lạnh.

3. Ngọt ngào, khác với nước phương này mặn, nhạt, hoặc có vị hèn tệ.

4. Mềm nhẹ, khác với nước phương này thô nặng.

5. Tươi nhuận, khác với nước phương này thối rữa, màu sắc bệch bạc.

6. An hòa, khác với nước phương này chảy xiết dữ dội.

7. Trừ đói khát, khác với nước phương này [khiến người uống vào hay đụng đến] phát rét.

8. Tăng trưởng các căn, khác với nước phương này tổn hoại các căn và tăng thêm những bệnh dịch dữ dội, chết chìm v.v...

“Đầy ắp trong ấy”: Khác với nước phương này hoặc khô cạn, hoặc tràn ngập. “Đáy ao thuần là cát bằng vàng” khác với phương này đáy ao là bùn lầy).

Đoạn kinh này chỉ rõ sanh về Tây Phương là “liên hoa hóa sanh”, không có thai sanh (sanh trong bào thai) và các thứ khổ khác. Hoàn cảnh của chỗ sanh là ao báu do bảy chất báu hợp thành. A Di Đà Phật phước cực lớn, vô lượng kiếp tu trì, mỗi một kẻ vãng sanh tối thiểu đều tu thiện nhân tăng thượng, phước báo của

chúng sanh quá lớn. Do vậy, hoàn cảnh y báo đều bằng các thứ báu hợp thành, hoàn toàn khác Sa Bà. Nước cũng như vậy, có rất nhiều ưu điểm, rõ ràng nhất là tám điều:

(1) Trong lắng: Chẳng có mảy may tạp chất nào.

(2) Trong mát: Vĩnh viễn giữ cùng một nhiệt độ.

(3) Ngon ngọt: Hết sức ngon miệng.

(4) Mềm nhẹ: Có thể chảy ngược lên trên.

(5) Tươi nhuận: Chẳng bị hư rữa.

(6) An hòa: Không có sóng to, sóng dữ.

(7) Trừ đói khát: Chẳng những hết khát mà còn khỏi đói.

(8) Trưởng dưỡng các căn: Khiến cho con người khỏe mạnh, sống lâu.

Quán Kinh nói nước [trong cõi Cực Lạc] có thể chảy quanh thân cây lên tận ngọn cây, cực kỳ mềm mại, nhẹ nhàng, đẹp mắt.

Không chỉ có rất nhiều ưu điểm như thế mà còn có thể thuyết pháp. Nước chảy vang ra tiếng diển nói Khô, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật và các pháp Đại, Tiểu Thừa. Nước vốn là vật vô tình, A Di Đà Phật dùng trí huệ đức năng của chính mình biến nó trở thành công cụ để thuyết pháp, nhằm thỏa mãn nhu cầu nghe pháp của chúng sanh, thật chẳng thể nghĩ bàn!

(Giải) Giai đạo tứ bảo, dị chuyên thạch. Bệ cấp danh Giai, thảo đồ viết Đạo. Trùng ốc vi lâu, sầm lâu danh các. Thất bảo lâu các, dị thử phương thổ, mộc, đan thanh dã. Lâu các thị trụ xứ cập pháp hội xứ. Dẫn đắc bảo trì, liên bào khai phu, tiện khả đăng tứ ngạn, nhập pháp hội, kiến Phật, văn pháp dã. Hoa luân giả, Luân Vương kim luân, đại tứ thập lý, thả cử tối tiểu giả ngôn.

Nhược cứ Quán Kinh, cập Vô Lượng Thọ hội, đại tiểu thật bất khả lượng. Do Đồng Cư Tịnh Độ, thân tướng bất đẳng cố dã. Thanh sắc danh Ưu Bát La, hoàng sắc danh Câu Vật Đầu, xích sắc danh Bát Đầu Ma, bạch sắc danh Phân Đà Lợi. Do sanh thân hữu quang, cố liên bào diệp hữu quang. Nhiên Cực Lạc liên hoa, quang sắc vô lượng, thử diệp lược ngôn nhĩ. “Vi diệu hương khiết”: Lược thân liên hoa tứ đức. Chất nhi phi hình viết Vi. Vô ngại viết Diệu. Phi hình tắc phi trần, cố Khiết dã. Liên bào như thử, sanh thân khả tri.

(解) 階道四寶。異磚石。陞級名階。
坦途曰道。重屋為樓。岑樓名閣。七寶
樓閣。異此方土木丹青也。樓閣是住
處。及法會處。但得寶池。蓮胞開敷。

便可登四岸。入法會。見佛聞法也。華輪者。輪王金輪。大四十里。且舉最小者言。若據觀經。及無量壽會。大小實不可量。由同居淨土。身相不等故也。青色名優鉢羅。黃色名拘勿頭。赤色名鉢頭摩。白色名芬陀利。由生身有光。故蓮胞亦有光。然極樂蓮華。光色無量。此亦略言耳。微妙香潔。略歎蓮華四德。質而非形曰微。無礙曰妙。非形則非塵。故潔也。蓮胞如此。生身可知。

(Giải: Bạc lên, lối đi bằng bốn báu nhằm phân biệt khác [với cõi này, bạc lên, lối đi] bằng gạch, đá. Có tầng bạc gọi là Giai, đường bằng phẳng gọi là Đạo. Nhà

nhiều tầng là Lô, lầu cao là Các. Lô gác bằng bảy báu, khác với phương này, lầu các được dựng bằng đất, gỗ, sơn màu xanh đỏ. Lô gác là chỗ ở và nơi cử hành pháp hội. Nhưng hệ được sanh vào ao báu, thì khi búp sen nở, liền có thể lên bốn bờ, vào pháp hội, thấy Phật, nghe pháp. Hoa sen to như bánh xe: Kim luân của Chuyển Luân thánh vương to bốn mươi dặm. Hơn nữa, ở đây chỉ nêu ra hoa nhỏ nhất. Nếu căn cứ theo Quán Kinh và pháp hội Vô Lượng Thọ [trong kinh Đại Bảo Tích] thì hoa sen lớn hay nhỏ thật sự chẳng thể lường được, vì thân tướng [của những người] trong cõi Đồng Cư khác nhau. Hoa sen màu xanh gọi là Ưu Bát La (Utpala), hoa màu vàng gọi là Câu Vật Đầu (Kumuda), hoa đỏ gọi là Bát Đầu Ma (Padma), hoa trắng gọi là Phân Đà Lợi (Pundarīka). Do thân của người sanh về đó có quang minh nên búp sen cũng có

quang minh. Nhưng hoa sen trong Cực Lạc màu sắc và quang minh vô lượng, ở đây cũng chỉ là nói đại lược mà thôi. “Vi diệu hương khiết” là từ ngữ khen ngợi đại lược bốn đức của hoa sen. Có chất mà không có hình thì gọi là Vi. Vô ngại là Diệu. Không có hình thì không có trần, nên là Khiết. Búp sen như thế thì thân của người được vãng sanh [cứ suy theo đó] sẽ có thể biết được).

Chung quanh ao bảy báu là đường đi, đều bằng bảy báu tạo thành. Lâu (樓) có hai tầng, còn Các (閣) có hai, ba tầng như hình bảo tháp, trên đỉnh nhỏ dần. Những vật liệu xây dựng đều bằng bảy báu. Lâu các là nơi ở, mà cũng là chỗ để giảng kinh, thuyết pháp. Chúng sanh từ mười phương thế giới sanh về Tây Phương đều là liên hoa hóa sanh. Hoa sen ở trong ao bảy báu.

Hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh, cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đều thuộc về cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, thấy được Báo Thân của Phật. Khi hoa chưa nở cũng được thấy Phật, nhưng thấy Ứng Hóa Thân của Phật. Chính mình chưa tu đến cảnh giới ấy, nhưng nhờ bốn nguyện, oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cũng có hưởng thụ cõi Thật Báo. Nếu có thể “hoa nở, thấy Phật” thì chính mình thật sự đạt đến cảnh giới ấy.

Kinh nói hoa sen to như bánh xe. Trong lời chú giải có nói [bánh xe ở đây là] kim luân (bánh xe vàng) của Luân Vương (Cakra-varti-rāja: Chuyển Luân Thánh Vương) to bốn mươi dặm. Ở đây, lời chú giải cho biết trên thế giới có người thống trị, được gọi là Luân Vương, ông ta là người thống trị toàn thế giới. Trong lịch sử, chưa có Luân Vương xuất hiện. Đức Phật nói Luân Vương thống trị một đơn vị

thế giới được mặt trời, mặt trăng chiếu sáng, gồm bốn đại bộ châu, lấy núi Tu Di làm trung tâm, mặt trời, mặt trăng xoay quanh núi Tu Di. Trước kia, người ta thường nghĩ một thế giới là một hệ Thái Dương, lấy mặt trời làm trung tâm. Trên thực tế, kinh nói lấy núi Tu Di làm trung tâm. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho rằng mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà, trung tâm của hệ Ngân Hà được các nhà Thiên Văn Học gọi là lỗ đen (black hole)⁹⁷. Cái lỗ đen ấy có thể là núi Tu Di. Nếu thuyết ấy là sự thật thì một đơn vị thế giới chính là một hệ Ngân Hà. Người thống trị cả một hệ Ngân Hà gọi là Kim Luân Vương. Người cai quản ba phần tư hệ Ngân Hà là Ngân Luân Vương. Cai quản một nửa hệ Ngân Hà là Đồng Luân Vương. Người cai

⁹⁷ Lỗ đen (black hole) là một khu vực trong không gian có sức hút rất mạnh, không có gì thoát khỏi nó được, kể cả ánh sáng. Tuy gọi là “lỗ”, nhưng tại khu vực này có mật độ vật chất rất cao. Thiên Văn Học vẫn chưa đưa ra lời giải đáp thỏa đáng về cấu trúc và sự hình thành lỗ đen trong không gian.

quản một phần tư hệ Ngân Hà là Thiết Luân Vương. Tuy các vị vua này tồn tại, chúng ta cũng không thấy họ được. Luân vương có một vật báu, Ngài thường dùng nó làm phương tiện giao thông, trong một ngày đêm có thể tuần tra giáp vòng hệ Ngân Hà.

Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh đều nói phàm ai sanh về Tây Phương thế giới thì thân thể, dung mạo, sự thụ dụng của người đó sẽ được A Di Đà Phật gia trì, đều cùng giống hệt, chỉ riêng hoa sen là lớn hay nhỏ khác nhau; bởi lẽ, hoa sen lớn hay nhỏ là do công phu niệm Phật của chính mình sai khác. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư nói: *“Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn”*. Hoa sen và phẩm vị có quan hệ mật thiết.

Người ở Tây Phương thế giới thân có quang minh, hoa sen cũng có quang minh. Quang minh có vô lượng màu, ở đây chỉ nói có bốn màu là nói đại lược. Hoa sen vi diệu thơm sạch, cũng bằng các chất báu hợp thành, hình dạng tùy theo niệm lực mà lớn hay nhỏ khác nhau. Hết thấy thụ dụng trong Tây Phương không gì chẳng thuận theo lòng muốn, tự tại vô ngại chẳng thể nghĩ bàn, dầu có hình sắc cũng thông suốt vô ngại, tức là “Sự Sự vô ngại” như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Cảnh giới từ chư thiên trở lên đã là Sự Sự vô ngại, huống hồ sự trang nghiêm nơi quả địa Như Lai này! Chúng sanh trong mười phương thế giới nghe nói danh hiệu A Di Đà Phật, biết ở phương Tây có một thế giới tên Cực Lạc. Nếu có thể tin tưởng, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh thì trong ao bảy báu ở Tây Phương sẽ trở một búp sen, trên hoa có ghi tên họ của chính mình.

Chúng ta niệm Phật trong nhân gian, hoa sen trong ao bầy bấu sẽ càng niệm càng lớn dần. Nếu đổi sang tin tưởng pháp môn khác hoặc tham Thiền, hoặc học Mật, hoa ấy liền khô héo. Hết thấy cảnh sắc trong Tây Phương thế giới đều là bất sanh bất diệt, chỉ riêng hoa sen là biến hóa vô thường. Trong Đại Kinh (kinh Vô Lượng Thọ) có nói các thứ bấu trong Tây Phương thế giới không chỉ quang minh, màu sắc vi diệu mà còn có mùi thơm. Vì thế, Tây Phương còn được gọi là Hương Quang Trang Nghiêm (cõi được trang nghiêm bằng hương thơm và quang minh), quả thật là cảnh tượng tốt bậc màu nhiệm. Hoa sen không có hình dạng nhất định, tuy biến hóa, hiện hữu, nhưng trọn chẳng phải là Sắc Trần. Vì thế, không bị ô nhiễm, thuần là khiết tịnh, chỉ do tâm hiện ra. Hoa sen thù thắng viên mãn như thế chính là chỗ để [người vãng sanh] sanh vào. Vì

thể, thân thể, sắc tướng của người ấy so với hoa sen càng thù thắng hơn nữa!

(Kinh) Xá Lợi Phật! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Giải) Minh thượng trụ xứ, sanh xứ, chủng chủng trang nghiêm, giai thị A Di Đà Phật đại nguyện, đại hạnh, xứng tánh công đức chi sở thành tựu. Cố năng biến nghiêm tứ chủng Tịnh Độ, phổ nhiếp thập phương tam thế nhất thiết phàm thánh, linh vãng sanh dã. Phục thứ, Phật dĩ đại nguyện, tác chúng sanh đa thiện căn chi nhân, dĩ đại hạnh, tác chúng sanh đa phước đức chi duyên, linh tín nguyện trì danh giả niệm niệm thành tựu như thị công đức, nhi giai thị dĩ thành, phi kim, phi dương.

(經) 舍利弗。極樂國土成就如是功德莊嚴。

(解) 明上住處生處。種種莊嚴。皆是阿彌陀佛。大願大行。稱性功德之所成就。故能遍嚴四種淨土。普攝十方三世一切凡聖。令往生也。復次佛以大願。作眾生多善根之因。以大行。作眾生多福德之緣。令信願持名者。念念成就如是功德。而皆是已成。非今非當。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy.

Giải: Câu này nói rõ các thứ trang nghiêm nơi chỗ ở và chỗ sanh về đều được thành tựu bởi đại nguyện, đại hạnh và công đức xứng tánh của A Di Đà Phật.

Vì thế, có thể trang nghiêm trọn khắp bốn thứ Tịnh Độ, có thể nhiếp khắp hết thảy phàm thánh trong mười phương thế giới vãng sanh. Lại nữa, Phật dùng đại nguyện để làm cái nhân nhiều thiện căn cho chúng sanh, dùng đại hạnh để làm cái nhân lắm phước đức cho chúng sanh, khiến những kẻ tín nguyện trì danh trong mỗi niệm thành tựu công đức như thế, [những công đức như thế] đều là đã thành, chứ không phải là trong hiện tại hay tương lai mới thành).

Chỗ ở trong Tây Phương thế giới là đại hoàn cảnh, còn chỗ để thọ sanh là tiểu hoàn cảnh, đều được thành tựu bởi đại nguyện đại hạnh và công đức xướng táng của A Di Đà Phật. Nói theo mặt Lý, trí huệ, đức năng, tài nghệ của mười phương chư Phật đều là bình đẳng, bốn nguyện độ sanh cũng giống nhau, nhưng phương

pháp tiếp dẫn chúng sanh hoàn toàn khác biệt. Do duyên bất đồng nên A Di Đà Phật đặc biệt hữu duyên với mười phương chúng sanh. Duyên liên quan đến nguyện. Tuy hằng ngày niệm câu “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” trong Tứ Hoàng Thế Nguyện, nhưng trên thực tế, [chúng ta] hoàn toàn không có tâm lượng ấy. Chỉ nghĩ độ chúng sanh trong thành của mình hay trong nước của mình là đã khá lắm rồi, nhưng vẫn còn hữu hạn. Mỗi một vị Phật lấy một đại thiên thế giới làm khu vực giáo hóa, chỉ riêng A Di Đà Phật nguyện lực vô lượng vô biên, không có giới hạn. Lúc Ngài còn tu nhân, đã phát nguyện không giống những vị Phật khác. Hết thầy chư Phật có duyên với một thế giới nào đó, liền đến thế giới ấy để hóa độ chúng sanh. Nhưng thế giới được Phật giáo hóa ấy vốn đã có sẵn, ắt [chư Phật] phải dời sang thế giới ấy để biến lời phát nguyện thành sự

thật. Tây Phương thế giới là do A Di Đà Phật sáng tạo, phàm những ai muốn sanh sang đây phải hội đủ điều kiện là “tín, nguyện, trì danh, trong tâm thanh tịnh”. Nếu không, sẽ chẳng có hy vọng vãng sanh.

A Di Đà Phật nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, rộng lớn, bao la, sâu thẳm, tích lũy công đức, do công đức xứng tánh lưu lộ từ Chân Như bốn tánh mà thành tựu. Nói theo Lý, thế giới này của chúng ta là xứng tánh, nhưng nói theo Sự thì chẳng xứng tánh; bởi lẽ, bốn tánh của chúng ta có chướng ngại, có Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh. Mọi sự, mọi vật quả thật xứng tánh, nhưng rọi qua ba thứ phiền não ấy, đều bị biến chất, khác hẳn Chân Tánh. Công đức xứng tánh ở Tây Phương được bốn nguyện, oai thần của A Di Đà Phật gìn giữ. Người từ mười phương sanh về Cực Lạc, ai nấy đều được tự tại, đều có thể tự độ.

Do vậy, ở Tây Phương, ba thứ phiền não chẳng sanh, hết thấy những thứ xứng tánh chẳng bị biến chất. Đồng thời, [cõi Cực Lạc thành tựu trang nghiêm] cũng là do oai thần của mười phương hết thấy chư Phật Như Lai gia trì A Di Đà Phật và thế giới Cực Lạc, cũng như gia trì mỗi một người niệm Phật vãng sanh. Trong hết thấy các cõi Phật, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là vĩnh viễn giữ được công đức xứng tánh, không bị biến chất mảy may, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Thế giới này của chúng ta là uế độ, xã hội rất loạn, phong khí bại hoại, tham ăn của hối lộ, làm việc trái pháp, chỗ nào cũng đều như thế. Do vậy, người thông minh thật sự giác ngộ liền buông xuống hết thấy, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Phật Di Đà do đại nguyện, đại hạnh, sáng lập một trường sở tu học tốt đẹp, có bốn thứ Tịnh Độ trang nghiêm trọn khắp, viên

dung vô ngại, nhiếp trọn khắp hết thảy phàm thánh trong mười phương ba đời sanh về đây. Ngay cả Phật cũng muốn vãng sanh [Cực Lạc]. Tông Thiên Thai nói những quả vị Phật trong Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, trừ quả vị Phật trong Viên Giáo ra, những quả vị trong ba giáo Tạng, Thông, Biệt đều đã chứng quả nhưng chưa viên mãn, cũng muốn vãng sanh.

Có nguyện thì ắt phải có hạnh, bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đều đã viên mãn; Ngài đã thành Phật mười kiếp, chứng tỏ mỗi một nguyện đều được thực hiện viên mãn. Cùng một đạo lý, chúng ta hiện thời đang tu nhân, nguyện đã phát cũng phải được thực hiện, tận tâm tận lực làm, tuyệt đối chớ nên nói xuông, mà phải thật sự có trí huệ, phương tiện thiện xảo thì mới có thể tương ứng với Phật đôi chút. Kinh dạy: “*Chẳng thể dùng*

chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy”. Người học pháp môn này rất nhiều, người vãng sanh ít ỏi. Lắng lòng quán sát sẽ thấy là do thiện căn, phước đức chẳng đủ. Niệm Phật là phải biến thiện căn, phước đức của A Di Đà Phật thành thiện căn, phước đức của chính mình, biến như thế nào, đó là vấn đề. Kinh Vô Lượng Thọ dạy “người thiện căn, phước đức chín muôi sẽ chịu tiếp nhận, còn kẻ chưa chín muôi, có đưa cho họ, họ cũng chẳng muốn”. Thiện căn, phước đức chín muôi tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên. Trong kinh Vô Lượng Thọ, vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nghe Phật Thích Ca giảng kinh Vô Lượng Thọ bèn mong mỗi trong tương lai chính mình sẽ thành Phật giống hệt A Di Đà Phật, nhưng hoàn toàn chẳng phát nguyện vãng sanh. Thiện căn

cúng dường bốn trăm ức Phật vẫn chưa đủ, chưa thể khơi gợi bọn họ phát ra lòng tin chân thật, nguyện thiết ra, thật là khó nói! Có những người vừa nghe nói pháp môn Niệm Phật liền lập tức tiếp nhận, sốt sắng phụng hành, tin giữ không sai chạy, phần nhiều là hạng ông già bà cả ăn chay trong làng quê! Những người ấy từ vô thủy kiếp đến nay đã cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, thiện căn, phước đức đã chín muồi, đã đem thân, tâm, thế giới, buông xuống hết thảy. Một niệm tương ứng với đại nguyện, đại hạnh của A Di Đà Phật, thiện căn, phước đức của chính mình đã chín muồi, đồng thời lại tiếp nhận thiện căn, phước đức của A Di Đà Phật để tăng thêm cho bản thân, lẽ đâu họ chẳng vãng sanh? Biểu hiện của sự chín muồi thật sự thì thứ nhất là hoan hỷ, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, không có chuyện gì khiến họ hoan hỷ. Niệm Phật

như thế sẽ có thể biến bốn nguyện của A Di Đà Phật thành thiện căn tăng thượng của chính mình, biến đại hạnh của A Di Đà Phật thành phước đức tăng thượng của chính mình.

“*Phi kim, phi dương*” có nghĩa là công đức của A Di Đà Phật đã thành tựu viên mãn, chẳng phải là hiện thời mới tu, cũng chẳng phải là sẽ tu trong tương lai, [công đức của Phật] khiến cho người tín nguyện trì danh, niệm niệm thành tựu công đức giống hệt như thế. Trong lúc này, người niệm Phật còn chưa vãng sanh, còn đang trong thời gian tu hành, “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Nếu tương ứng thì tâm của hành nhân sẽ giống như tâm Phật.

(Giải) Thử tắc dĩ A Di chủng chủng trang nghiêm, tác tăng thượng bản chất, đời khởi chúng sanh tự tâm chủng

chủng trang nghiêm, toàn Phật tức sanh, toàn tha tức tự, cổ viết: “Thành tựu như thị công đức trang nghiêm”.

(解) 此則以阿彌種種莊嚴。作增上本質。帶起眾生自心。種種莊嚴。全佛即生。全他即自。故曰成就如是功莊嚴。

(Giải: Đây chính là dùng các thứ trang nghiêm của A Di Đà Phật để làm bản chất tăng thượng nhằm dẫn khởi những thứ trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh. Toàn thể Phật chính là chúng sanh, toàn thể Tha chính là Tự. Vì thế, nói: “Thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy”).

Trong Phật pháp, kinh luận, tông phái tuy nhiều, nhưng quy nạp lại thì chẳng ngoài hai tông là Tánh và Tướng, cũng tức là hai tông Không và Hữu. Ở đây, đại sư nói các thứ trang nghiêm của A Di Đà Phật đều được thành tựu bởi công đức xứng tánh của A Di Đà Phật; điều này thuộc về Tánh Tông. Nói “làm bản chất tăng thượng nhằm dẫn khởi những thứ trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh” thì thuộc về Tướng Tông. Nói tới bản chất và dẫn khởi thì tôi nêu lên một tỷ dụ. Giống như cuộn phim trong máy chụp hình, đó là bản chất, là rỗng rang. [Ánh sáng] chiếu qua một tấm phim thì hình ảnh [trong tấm phim ấy] bèn được in ra, trở thành một tấm hình. Đấy chính là sự trang nghiêm [trong tự tâm của chúng sanh] được dẫn khởi. Chúng ta đọc ba kinh một luận Tịnh Độ, trong tâm ta vốn chẳng có thế giới Cực Lạc, nghe kinh

xong, trong tâm liền nảy sinh ấn tượng về thế giới Cực Lạc. Duyên có bốn thứ, tức là Thân Nhân Duyên, Vô Gian Duyên, Sở Duyên Duyên và Tăng Thượng Duyên⁹⁸:

1) Thân Nhân Duyên chính là chân tâm bản tánh của chính mình chẳng hai, chẳng khác với hết thảy chư Phật. Tự tánh đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm.

⁹⁸ Thân Nhân Duyên (Hetu-pratyaya): Nhân duyên trực tiếp tạo nên sự sinh khởi của một pháp, tức là nguyên nhân chánh yếu sanh ra cái quả. Chẳng hạn như Thân Nhân Duyên của Nhân Thức là Căn và Trần. Nhân Thức lấy Nhân Căn làm Nhân, lấy Sắc Trần làm Duyên.

Đẳng Vô Gian Duyên (Samanantara-pratyaya): Còn gọi là Vô Gian Duyên hay Thứ Đệ Duyên. Có nghĩa là tâm và tâm sở liên tục tiếp nối, tâm (ở đây là vọng tâm) và tâm sở diệt trong sát-na trước bèn sanh ngay trong sát-na sau. Do có thứ tự tiếp nối, không gián đoạn nên gọi là Thứ Đệ Duyên hoặc Vô Gian Duyên.

Sở Duyên Duyên (Ālambana-pratyaya): Đối tượng của tâm và tâm sở tạo thành nguyên nhân. Khi tâm và tâm sở sanh ra kết quả thì đối tượng của tâm và tâm sở được gọi là Sở Duyên Duyên. Nói cách khác, Sở Duyên Duyên là những đối tượng tạo ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến Thân Nhân Duyên. Chẳng hạn như hết thảy Sắc là Sở Duyên Duyên của Nhân Thức.

Tăng Thượng Duyên (Adhipati-pratyaya): Những duyên khác phụ trợ cho ba duyên trên đây thành tựu.

Trên đây, Hòa Thượng chỉ giảng về Tứ Duyên của thế giới Cực Lạc như sau:

1. Thân Nhân Duyên là trong Chân Như bản tánh có sẵn các thứ trang nghiêm.
2. Vô Gian Duyên là chánh niệm của Phật và chúng sanh trong cõi Tịnh Độ vĩnh viễn chẳng đoạn.
3. Sở Duyên Duyên là Phật và chúng sanh trong cõi Tịnh Độ luôn duyên theo cảnh giới Thường Tịch Quang.
4. Tăng Thượng Duyên là chúng sanh trong cõi Cực Lạc luôn tưởng đến Phật, nên Phật trở thành Tăng Thượng Duyên giúp hành nhân vãng sanh Tịnh Độ. Đồng thời y báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc cũng là Tăng Thượng Duyên.

Trong bản tánh chứa đựng những chủng tử, không gì chẳng bao gồm. Ý báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hết thảy vạn pháp đều do tánh của chính mình biến hiện ra. Đây chính là những thứ sẵn có trong Chân Như bản tánh. Nếu chỉ có mình Thân Nhân Duyên mà không có ba thứ duyên sau đó thì cũng chẳng có cách nào kết quả. Nhà Phật nói nhân quả, nhưng thật ra là “nhân duyên quả”. Hết thảy pháp đều thuộc về duyên sanh, nhưng chẳng nói là “nhân sanh” vì nếu có nhân mà chẳng có duyên thì cũng chẳng thể sanh được.

2) Loại thứ hai là Thứ Đệ Duyên, còn gọi là Vô Giáán Duyên. Chúng sanh và Phật khác nhau, Phật không có vọng niệm, chánh niệm vĩnh viễn chẳng đoạn. Chúng ta có vọng niệm, biến đổi trong từng sát-na.

3) Loại thứ ba là Sở Duyên Duyên, lại càng khác biệt. Đức Phật duyên vào Thường Tịch Quang, chúng ta duyên theo thiên biến vạn hóa.

4) Loại thứ tư là Tăng Thượng Duyên. Chúng ta nghĩ đến tham, sân, si, mạn, yêu ma, quỷ quái liền làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta. Nghĩ đến Phật, Phật liền làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta. Vật tụ họp theo từng loài, người họp theo bầy. Các thứ trang nghiêm trong Tịnh Độ do A Di Đà Phật biến hiện tạo thành Tăng Thượng Duyên hết sức thù thắng, dẫn khởi ba thứ duyên kia (tức Thân Nhân Duyên, Vô Gian Duyên và Sở Duyên Duyên) của chúng ta, khiến cho tánh đức của chúng ta chẳng hai, chẳng khác với tánh đức của A Di Đà Phật, tánh đức hoàn toàn lưu lộ. A Di Đà Phật nêu gương, đó là “bản chất”. Như bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng là bản chất của A Di

Đà Phật. Chúng ta đọc thuộc bốn mươi tám nguyện, hiểu rõ bốn mươi tám nguyện, sau đó chúng ta học theo A Di Đà Phật, cũng phát đại nguyện như thế, dẫn khởi những nguyện nơi tâm tánh của chúng ta biến hiện [thành các sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo].

“Toàn Phật tức sanh, toàn Tự tức Tha”: Ý nghĩa này rộng lớn vô biên, không có cùng tận. Ví dụ như nói: *“Toàn Sự tức Lý, toàn Tánh tức Tướng”* thì cũng là đồng nghĩa. Nếu khế nhập cảnh giới ấy thì chẳng những không có phiền não, mà sanh tử cũng không. Ngộ đạo lý này thì chính là Phật, Bồ Tát, mê đạo lý này thì chính là phàm phu. Hễ ngộ thì là Nhất Chân pháp giới, hễ mê thì là mười pháp giới. Mê càng sâu, càng sẽ đọa xuống. Chữ *“toàn Phật”* chỉ bản chất của Phật và các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tánh

đức của mỗi một người vãng sanh hoàn toàn chưa hiển lộ, trông thấy cảnh giới của A Di Đà Phật thì tánh đức của họ sẽ tự nhiên dậy động. Tây Phương thế giới là như vậy, mà thế giới hiện tại của chúng ta (tức thế giới Sa Bà) cũng chưa bao giờ chẳng giống như vậy. Hiện thời, chúng ta dùng nghiệp lực của mọi người làm “bản chất tăng thượng”; cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của mọi người trong hiện tại đều chẳng phải là thiện nghiệp. Bản thân chúng ta vốn sẵn tốt lành, nhưng ở trong Sa Bà đã lâu, tự nhiên bị nhiễm rất nhiều tập khí ác, đây là vì hoàn cảnh xui khiến như vậy. Tây Phương thế giới A Di Đà Phật tự tánh viên mãn, lấy tánh đức ấy làm bản chất cho chúng ta. Do vậy, hễ sanh về Tây Phương, chẳng mấy chốc, chúng ta sẽ được huân nhiễm, trở thành có phẩm đức thù thắng. Tây Phương thế giới khác biệt những thế giới khác ở chỗ này.

Chữ Tha trong câu “*toàn Tha tức Tự*” chỉ A Di Đà Phật, tức là Tự Tánh Di Đà. Đây là quả, cho nên nói: “*Thành tựu như thị công đức trang nghiêm*” (thành tựu công đức trang nghiêm như thế). Đại sư sử dụng văn tự không nhiều, nhưng giảng giải Tây Phương thế giới, bất luận Sự hay Lý, Tánh hay Tướng, đều giảng hết sức thấu triệt. Quả thật là một bộ sách hay, khó có!

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phật! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đảo bốn quốc, phạn thực kinh hành.

(經) 又舍利弗。彼佛國土。常作天樂。黃金為地。晝夜六時。雨天曼陀羅華。其土眾生。常以清旦。各以衣祴。盛眾妙華。供養他方十萬億佛。即以食時。還到本國。飯食經行。

(Chánh kinh: Lại này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thường tấu nhạc trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời tuôn mưa hoa Mạn Đà La. Chúng sanh cõi ấy, thường vào sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa, đựng các hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác. Liên trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình, dùng cơm xong đi kinh hành)

Tây Phương thế giới thường có nhạc trời tấu trên không trung, tùy theo ý thích của từng người mà nghe loại âm nhạc

mình yêu thích. Mặt đất và đường đi đều phủ vàng ròng. “*Trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa*” (Ngày đêm sáu thời, tuôn mưa hoa Mạn Đà La). Đức Phật thuận theo quan niệm về thời gian của chúng sanh trong cõi này (Sa Bà) mà nói “*ngày đêm sáu thời*” chứ thật ra, ở Tây Phương không có ngày đêm!

“*Mạn Đà La*” (Māṇḍārava, Mandāraka) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là “*Thích Ý*”, tức là thấy và nghe đều đẹp ý mình. Về tình trạng sinh sống của chúng sanh cõi ấy, họ có thần thông rộng lớn, thường vào lúc sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa đựng các loại hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật trong những phương khác. “*Mười vạn ức*” ở đây cũng là nói phương tiện, chứ thật ra chẳng phải chỉ có mười vạn ức, [nói như vậy] nhằm thích hợp với những người vãng sanh từ thế giới Sa Bà, tình ý rất sâu, chẳng bỏ được quê nhà, mỗi

ngày đều có thể quay về nhìn ngó, đồng thời cúng dường mười vạn ức Phật ở những phương khác. Đủ thấy họ có thuật phân thân. Những người vãng sanh Tây Phương đều có năng lực này. Cúng Phật phước đức lớn nhất, mỗi ngày nghe Phật thuyết pháp, thiện căn, phước đức ngày ngày tăng trưởng, chúng ta cũng chẳng thể nào tưởng tượng được. Tại Tây Phương thành Phật dễ dàng, đạo lý là ở chỗ này. Từ kinh điển, chúng ta đọc thấy khi Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, trong thính chúng có người vừa nghe một nửa bộ kinh đã chứng quả. Nếu nghe hết thấy chư Phật thuyết pháp, lẽ đâu chẳng đại triệt đại ngộ? Sanh về các cõi Phật khác, chỉ nghe một vị Phật thuyết pháp, còn tại Tây Phương có thể tham lễ, nghe kinh, nghe pháp với khắp các vị Phật, chẳng thể so sánh được! Sáng dậy đi cúng dường chư Phật, lúc quay trở về nhằm

đúng lúc ăn cơm trưa. Ăn xong tản bộ, cuộc sống tiêu dao, tự tại. Vãng sanh Tây Phương thì phạm vi hoạt động là tận hư không, trọn pháp giới, nguyện lực tương ứng với A Di Đà Phật.

(Giải) Nhạc thị Thanh Trần. Địa thị Sắc Trần. Hoa thị Sắc, Hương nhị Trần. Thục thị Vị Trần. Thịnh hoa, tán hoa, kinh hành thị Xúc Trần. Chúng sanh Ngũ Căn đối Ngũ Trần khả tri. “Thường tác” giả, tức lục thời dã. “Hoàng kim vi địa” giả, thất bảo sở nghiêm địa giới. Thể thị hoàng kim dã. Nhật phân sơ, trung, hậu, danh “trú tam thời”. Dạ phân sơ, trung, hậu, danh “dạ tam thời”. Cổ vân “trú dạ lục thời”. Nhiên bỉ độ y chánh các hữu quang minh, bất giả nhật nguyệt, an phân trú dạ? Thả thuận thử phương, giả thuyết phân tế nhĩ.

(解) 樂是聲塵。地是色塵。華是色香二塵。食是味塵。盛華散華經行是觸塵。眾生五根對五塵可知。常作者。即六時也。黃金為地者。七寶所嚴地界。體是黃金也。日分初中後。名晝三時。夜分初中後。名夜三時。故云晝夜六時。然彼土依正。各有光明。不假日月。安分晝夜。且順此方。假說分際耳。

(Giải: Nhạc là Thanh Trần, đất là Sắc Trần, hoa là hai trần Sắc và Hương. Thức ăn là Vị Trần. Đựng hoa, rải hoa, kinh hành là Xúc Trần. Ta có thể nhận biết đây là kinh văn đem Ngũ Căn của chúng sanh đối ứng Ngũ Trần. “Thường tấu” là suốt cả sáu thời. “Vàng ròng làm đất” là cõi

đất được trang nghiêm bằng bảy báu, Thế là vàng ròng. Ngày chia thành sơ, trung, hậu, gọi là ngày ba thời. Đêm chia thành sơ, trung, hậu, gọi là đêm ba thời. Vì thế, nói: “Ngày đêm sáu thời”. Nhưng y báo và chánh báo trong cõi ấy mỗi thứ đều có quang minh, chẳng cần đến mặt trời, mặt trăng, há chia thành ngày đêm? Chỉ thuận theo phương này mà giả nói có phân chia thời hạn vậy)

Trong thế giới Sa Bà, [đôi tượng nhận thức của năm căn được quy nạp thành] năm loại lớn, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, đều chẳng thanh tịnh. Do vậy, dùng chữ Trần để biểu thị. Trần (塵: bụi bặm) có nghĩa “ô nhiễm”. Cái bàn hai ngày không lau sẽ phủ một lớp bụi. Đức Phật nói năm thứ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc ô nhiễm tâm thanh tịnh và bản tánh của chúng ta; vì thế gọi là Trần. Tây

Phương cũng có năm thứ này, nhưng hoàn toàn chẳng ô nhiễm, vì thế gọi là “*thắng diệu Ngũ Trần*”. Thắng diệu (nhiệm màu tốt bậc) ở chỗ chẳng ô nhiễm. Ngũ Căn của chúng ta tiếp xúc Ngũ Trần, kết quả có thể suy ra được. Chữ “*thường tác*” ý nói: Ngày đêm sáu thời không gián đoạn. “*Hoàng kim vi địa*”: Chẳng qua là dùng tất cả những thứ đang có trong thế giới của chúng ta làm tỷ dụ để nói, chứ vàng của chúng ta mà đem so với vàng trong Tây Phương thế giới thì bất luận chất lượng, màu sắc, quang minh đều chẳng thể sánh bằng. Ngày chia làm Sơ, Trung, Hậu, gọi là “ngày ba thời”; đêm chia làm Sơ, Trung, Hậu, gọi là “đêm ba thời”. Đây là cách chia thời gian ở Ấn Độ như trong phần trước đã giải thích. Y báo và chánh báo trong Tây Phương thế giới mỗi thứ đều có quang minh. Thế giới ấy được gọi là “thế giới quang minh”, không có mặt

trời, mặt trăng, tinh tú, chẳng chia ra ngày và đêm nên không có quan niệm thời gian. Quan niệm không gian cũng chẳng có. Tây Phương thế giới có đường đi, nhưng không tên đường, số nhà. Đây kia có thể giao tiếp bằng cách dùng tâm cảm. Phật nói “*ngày đêm sáu thời*” là thuận theo phương này mà giả nói có phân chia như vậy.

(Giải) Mạn Đà La, thử vân Thích Ý, hựu vân Bạch Hoa. “Y kích” thị thịnh hoa khí. “Chúng diệu hoa”, minh phi Mạn Đà La nhất chủng. Ứng như Diệu Kinh tứ hoa, biểu tứ nhân vị. Cúng dường tha phương Phật, biểu chân nhân hội xu cực quả, quả đức vô bất biến dã. Thả cứ Sa Bà ngôn thập vạn ức Phật, ý hiển sanh Cực Lạc dĩ, hoàn cúng Thích Ca, Di Lạc, giai bất nan nhĩ. Nhược A Di thân lực sở gia, hà viễn bất đáo tai!

(Giải) 曼陀羅。此云適意。又云白華。衣祴是盛華器。眾妙華。明非曼陀羅一種。應如妙經四華。表四因位。供養他方佛。表真因會趨極果。果德無不遍也。且據娑婆言十萬億佛。意顯生極樂已。還供釋迦彌勒。皆不難耳。若阿彌神力所加。何遠不到哉。

(Giải: Mạn Đà La, cõi này dịch là Thích Ý, còn dịch là Bạch Hoa. “Y kích” là dụng cụ đựng hoa. “Chúng diệu hoa” chỉ rõ chẳng phải chỉ có một loại hoa Mạn Đà La. Hãy nên hiểu là bốn loại hoa như trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhằm biểu thị bốn địa vị tu nhân⁹⁹. “Cúng

⁹⁹ Pháp sư Viên Anh giảng câu này như sau: “Kinh Pháp Hoa chép ‘trời mưa xuống Mạn Đà La Hoa, Ma Ha Mạn Đà La Hoa, Mạn Thù Sa Hoa (Nhu Nhuyễn Hoa), Ma

dường Phật ở phương khác” biểu thị do nhân chân thật sẽ tiến đến quả cùng tốt, quả đức không gì chẳng trọn khắp. Hơn nữa, dựa theo Sa Bà mà nói mười vạn ức Phật, nhằm nêu rõ ý: Đã sanh về Cực Lạc, trở về cúng dường Thích Ca, Di Lạc đều chẳng khó khăn gì! Nếu được thần lực của A Di Đà Phật gia bị thì xa cách mấy mà chẳng đến được ư?)

“Mạn Đà La”, Hán dịch là Thích Ý, còn dịch là Bạch Liên Hoa. “Y kích”¹⁰⁰ là dụng cụ đựng hoa. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói bốn thứ hoa cũng

Ha Mạn Thù Sa Hoa’. Dùng bốn loại hoa này để cúng dường các vị Phật nơi phương khác, nhằm biểu thị do cái nhân chân thật có thể tiến đến Phật quả, quả đức không gì chẳng trọn khắp. Các địa vị Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa phá vô minh, thấy Pháp Thân, đây chính là chân nhân. Niệm niệm tiến hướng Phật quả Diệu Giác, quả đức trọn khắp mười phương nên nói cúng dường tha phương thập vạn ức Phật”. Theo lời giải thích này thì “bốn địa vị tu nhân” như ngài Ngẫu Ích đã nói trong đoạn văn này chính là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và Thập Địa.

¹⁰⁰ Kích (袈) có nghĩa gốc là vạt áo, hoặc cái tấm địu (tấm vải có dây buộc bốn góc để buộc đứa con vào lưng mẹ). Do vậy, có một số vị cổ đức còn cho rằng “y kích” là vạt áo.

nhằm biểu thị pháp, mỗi thứ đều có vô lượng phẩm loại, tùy ý thích của mỗi người mà biến hóa. “*Cúng dường tha phương Phật, biểu chân nhân hội xu cực quả, quả đức vô bất biến dã*” (Cúng dường chư Phật ở phương khác nhằm biểu thị do cái nhân chân chánh sẽ tiến đến cái quả tốt cùng, quả đức không gì chẳng trọn khắp). Tây Phương thế giới hoàn toàn dùng chân Phật, chân sự để làm cảnh giới sở duyên, chẳng giống như chúng ta vẽ một bức tượng Phật. Tượng Phật chẳng phải là Phật thật. Trong Tây Phương thế giới, hoàn toàn là thật, lại còn thật sự là Báo Thân viên mãn, chứ không phải Ứng Hóa Thân. Do vậy, thành Phật nhanh chóng, không có bất cứ chướng ngại nào, nguyên nhân là do điều này. Trong những thế giới khác chẳng dễ gì thấy Phật, ngay như thưở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, các vị đệ tử thường tùy chúng là một ngàn

hai trăm năm mươi lăm người, hoàn toàn không phải là mỗi người ngày nào cũng có cơ hội thỉnh giáo. Nếu lấy cảnh giới của Phật làm nhân địa tu hành của chính mình thì sẽ có thể thành tựu Phật quả viên mãn. Ân đức của Phật Thích Ca đối với chúng ta rất lớn. Trong tương lai, đức Thích Ca đã diệt độ, Di Lạc thành Phật, nếu quý vị đã sanh về Tây Phương mà vẫn còn muốn trở lại Sa Bà nhìn ngó người nhà, quyến thuộc thì mỗi ngày đều có thể trở về. Người Tây Phương thiên nhãn thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thông suốt. Túc Mạng Thông của A La Hán chỉ có thể biết chuyện trong năm trăm đời. Năng lực của thiên nhãn chỉ giới hạn trong một tiểu thiên thế giới, không thể thấy đến một trung thiên thế giới. Người đời nghiệp vãng sanh vào Tây Phương thế giới, chưa đoạn Kiến Tư phiền não, Thiên Nhĩ của họ có thể nghe thấu âm thanh ngoài mười

vạn ức cõi Phật, Thiên Nhân cũng giống như thế. Tha Tâm Thông có thể biết khởi tâm động niệm của chúng sanh ở ngoài mười vạn ức cõi Phật. Năng lực ấy chẳng phải do chính mình tu được, mà là do bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Do vậy, đại sư nói: “*Nhược A Di thần lực sở gia, hà viễn bất năng đảo!*” (Nếu được thần lực của A Di Đà Phật gia trì thì xa đến đâu mà chẳng thấu tới).

(Giải) Thực thời, tức thanh đán, cổ vân “tức dĩ”, minh kỳ Thần Túc bất khả tư nghị. Bất ly bỉ độ, thường biến thập phương, bất giả du thời hồi hoàn dã. Thử văn hiển Cực Lạc, nhất thanh, nhất trần, nhất sát-na, nãi chí khóa bộ, đàn chỉ, tất dĩ thập phương Tam Bảo, quán triệt vô ngại. Hựu, hiển tại Sa Bà, tắc trực trọng ác chướng, dĩ Cực Lạc bất cách nhi cách, sanh Cực Lạc, tắc công

đức thậm thâm, dữ Sa Bà cách nhi bất cách dã.

(Giải) 食時。即清旦。故云即以。明其神足不可思議。不離彼土。常遍十方。不假逾時回還也。此文顯極樂。一聲。一塵。一剎那。乃至跨步彈指。悉與十方三寶。貫徹無礙。又。顯在娑婆。則濁重惡障。與極樂不隔而隔。生極樂。則功德甚深。與娑婆隔而不隔也。

(Giải: “Thực thời” chính là lúc sáng sớm, nên nói “tức dĩ” (liền ngay), chỉ rõ Thần Túc chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng là cõi ấy mà thường trọn khắp mười phương, chẳng mất thời gian quay trở lại. Đoạn văn này nêu rõ một thanh, một trần, một sát-na, thậm chí cất bước, khảy ngón tay

trong cõi Cực Lạc đều cùng với mười phương Tam Bảo quán triệt vô ngại. Lại còn, chỉ rõ: Trong Sa Bà, trước nặng, ác chướng, chẳng cách ngăn Cực Lạc mà thành ngăn cách. Sanh về Cực Lạc, công đức rất sâu, tuy cách ngăn Sa Bà mà chẳng hề ngăn cách).

Trong sáu thứ thần thông, có một thứ gọi là Thần Túc Thông. “*Thần*” (神) là thần kỳ chẳng thể lường, chẳng thể suy nghĩ được. “*Túc*” (足) là viên mãn, biểu thị biến hóa tự tại. Truyện Tây Du Ký nói Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, đấy chính là thần thông. Người sanh về Tây Phương nghe kinh, nghe pháp trong giảng đường của A Di Đà Phật, đồng thời phân thân đến khắp các cõi Phật trong mười phương để cúng Phật, độ chúng sanh, đi về tự tại. Phân thân đến

mười phương thế giới, ở lại đó một thời gian tùy theo duyên của chúng sanh. Hết thấy chúng sanh sanh về Tây Phương đều viên mãn đầy đủ sáu thứ thần thông, đều cùng mười phương Tam Bảo quán triệt vô ngại, một thanh, một trần, một sát-na, cho đến trong một động tác nhỏ nhất trong khoảng thời gian khảy ngón tay trong cuộc sống thường nhật, tùy tiện lấy một pháp nào cũng là toàn thể pháp giới. Do vậy, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai không ngừng hướng về hành giả nói pháp là chuyện có thể xảy ra; bởi lẽ, hết thấy vô ngại. Như trong kinh Đại Thừa có nói “*trong một đầu lông chuyển đại pháp luân, không có mấy may chướng ngại nào*”. Kinh Hoa Nghiêm bảo “*một chính là nhiều, nhiều chính là một. Một và nhiều viên dung, tự tại vô ngại*”.

“*Hựu hiển tại Sa Bà, tắc trực trọng ác chướng, dĩ Cực Lạc bất cách nhi cách*”

(Lại nữa, hiện thị trong cõi Sa Bà, do trước nặng, ác chướng, chẳng cách ngăn Cực Lạc mà thành ngăn cách). Thế giới này của chúng ta ô nhiễm rất nặng, các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh cáo: Nếu chẳng cấp tốc giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường, năm mươi năm sau, quả địa cầu sẽ chẳng thích hợp cho con người sống nữa. Có thể đạt được hiệu quả hay không, tôi cảm thấy hết sức khó khăn. Nhà Phật nói: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Y báo là hoàn cảnh, chánh báo là lòng người. Trong tâm chúng ta bị ô nhiễm còn nghiêm trọng hơn hoàn cảnh bị ô nhiễm. Do tư tưởng, kiến giải của chúng ta sai lầm mà dẫn đến những hành vi sai lầm. Muốn cầu xã hội an định, ắt phải dốc sức tịnh hóa lòng người. Trong giai đoạn hiện thời này, hết sức khó khăn. Người tạo Thập Ác trong xã hội rất nhiều. Trước kia, tạo Thập Ác còn có tâm hổ thẹn, hiện thời

lại coi đó như một hiện tượng bình thường! Do thế giới Sa Bà có những thứ trược nặng, ác chướng ấy, cho nên xa cách Cực Lạc; hai thế giới chẳng ngăn cách mà thành ngăn cách!

Trong các bộ Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện của Trung Quốc, có không ít người đã được chứng kiến [cảnh giới của thánh nhân], như câu chuyện thiền sư Pháp Chiếu của Tịnh Độ Tông đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự ở Ngũ Đài Sơn, thấy Văn Thù Bồ Tát mà tôi đã nhắc đến trong phần Huyền Nghĩa. Sau khi Bồ Tát thuyết pháp xong, Sư hướng về Văn Thù Bồ Tát thưa hỏi: “Trong thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh tu pháp nào thì thích hợp?” Văn Thù Bồ Tát bảo: “Tu pháp Ngũ Hội Niệm Phật là thích hợp nhất”. Văn Thù Bồ Tát còn niệm mấy câu cho Sư nghe. Ngài Pháp Chiếu vốn học Thiền, qua cuộc kỳ ngộ ấy,

bền chuyên tu Tịnh Độ. Về sau, Ngài trở thành tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông.

Thế giới này của chúng ta là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Ngài Văn Thù là thánh nhân, chúng ta không thấy được; tuy không ngăn cách với chúng ta mà thành ngăn cách. Trong Cao Tăng Truyện, những tình huống giống như vậy rất nhiều. Lại như trong Tam Muội Thủy Sám, quốc sư Ngô Đạt gặp tôn giả Ca Nặc Ca, cũng như hoa Đàm thoáng hiện.

(Giải) “Phạn thực kinh hành” giả, niệm thực, thực chí, bất giả an bài. Thực tất, bát khứ, bát lao cử thức. Đản kinh hành kim địa, hoa nhạc ngu lạc, nhậm vận tấn tu nhi dĩ.

(解) 飯食經行者。念食食至。不假安排。食畢鉢去。不勞舉拭。但經行金地。華樂娛樂。任運進修而已。

(Giải: “Phạn thực kinh hành” là nghĩ tới ăn, đồ ăn hiện tới, chẳng mất công xếp đặt. Ăn xong, bát biến mất, chẳng mất công lau, cất. Chỉ kinh hành trên đất vàng, vui hưởng hoa, âm nhạc, tùy ý tấn tu mà thôi)

Đoạn này giảng đại lược về tình hình cuộc sống của đại chúng trong Tây Phương thế giới. Trong phần trên, tôi đã có nói, từ cõi trời Sắc Giới trở lên, không có ham muốn ăn uống. Từ Dục Giới thiên trở xuống, ai nấy đều chẳng thể tránh khỏi Ngũ Dục. Trong Sắc Giới Thiên, từ tầng trời Sơ Thiên trở lên, chẳng có Ngũ Dục, lấy Thiên Duyệt làm thức ăn. Tây Phương

thế giới vượt trời chư thiên rất nhiều, mười tám tầng trời của Sắc Giới [trong cõi Sa Bà] trọn chẳng thể sánh bằng. Thanh Văn, Duyên Giác cũng chẳng thể sánh bằng. Phạm phu đời nghiệp vãng sanh từ vô thủy kiếp đến nay có tập khí này, chẳng thể đoạn được, có lúc khởi lên ý niệm muốn ăn cơm. Ý niệm vừa dấy, cảnh giới liền hiện tiền, hết thấy thụ dụng thuận theo ý nghĩ hiện ra, chẳng cần phải sắp đặt. Ăn xong, bát biến mất, chẳng mất công rửa chén, rửa đĩa. Hết thấy thụ dụng trong Tây Phương thế giới đều ứng theo ý nghĩ mà xuất hiện, bất luận hoàn cảnh vật chất hay hoàn cảnh nhân sinh đều thù thắng nhất. Từ đây, ta có thể biết rõ tình trạng cuộc sống hằng ngày của các vị thượng thiện nhân.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(經) 舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy)

Người đời nghiệp vãng sanh hoàn toàn dựa vào công đức gia trì từ bốn nguyện của A Di Đà Phật, điều khó có gì đáng quý hơn là họ có thể tùy ý phân thân qua lại các cõi Phật trong mười phương, cúng Phật, nghe pháp, độ sanh, giống như các vị Pháp Thân đại sĩ chẳng hai, chẳng khác. Như Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh đã dạy, phàm ai vãng sanh đều có năng

lực gần giống như Phật. Phật có thể từ trong tay biến hiện vật dụng thường ngày, như quần áo, thức ăn và tràng, phan, lọng báu, hoa trời, âm nhạc để cúng Phật và cũng đồng thời lợi ích hết thảy chúng sanh. Mười phương thế giới chẳng có việc này, chỉ riêng Tây Phương là như thế.

(Kinh) Phục thứ, Xá Lợi Phát! Bĩ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diệu, bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sóng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

**(經) 復次舍利弗。彼國常有種種奇妙
雜色之鳥。白鶴。孔雀。鸚鵡。舍利。
迦陵頻伽。共命之鳥。是諸眾鳥。晝夜
六時。出和雅音。其音演暢。五根五
力。七菩提分。八聖道分。如是等法。
其土眾生。聞是音已。皆悉念佛。念
法。念僧。**

*(Chánh kinh: Lại này, Xá Lợi Phật!
Cõi ấy thường có các loài chim
nhiều màu, kỳ diệu như bạch hạc, chim
công, chim vẹt, xá-lợi, ca-lăng-tần-già,
cộng mạng. Những con chim ấy ngày đêm
sáu thời hát tiếng hòa nhã. Tiếng hát ấy
diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực,
Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần...
những pháp giống như vậy. Chúng sanh*

cõi ấy nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng)

Phần đẹp đẽ tinh diệu nhất trong cuộc sống của đại chúng ở Tây Phương thế giới chính là thuyết pháp trang nghiêm. Giống như trong một trường học, sinh hoạt thường ngày của thầy và trò là học tập. Thời gian đẹp nhất của con người là lúc đi học, hễ bước chân ra xã hội khổ nạn trùng trùng. Người trong Tây Phương thế giới cuộc sống hết sức tự tại, có thể học môn gì mình thích học, làm những chuyện mình thích làm. Trong nhà trường, lúc vào lớp, hoặc khi nghe thầy thuyết pháp hết sức nghiêm túc, ắt phải cung kính. Hễ có chút tùy tiện nào liền cảm thấy thiếu tôn kính, oai nghi bị khiếm khuyết. A Di Đà Phật hiểu tâm lý của chúng sanh; do vậy, biến hóa rất nhiều loài chim để thuyết pháp khiến cho mọi người có thể tùy ý

nghe pháp, chẳng bị bó buộc mảy may nào! Các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, hót tiếng hòa nhã, diễn nói các pháp. Đại chúng muốn nghe pháp nào, chúng liền nói pháp ấy.

“*Kỳ âm diễn sướng*¹⁰¹ *Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp*” (Âm thanh ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp giống như vậy). Mấy câu này bao gồm hết thảy giáo nghĩa Đại Tiểu Thừa. Nghe Phật pháp xong, tâm an, lý đắc, tâm an thì không có tạp niệm, [mọi ý niệm] thảy đều là niệm Phật, niệm Pháp,

¹⁰¹ Trong các bản kinh Nhật Tụng lưu hành hiện thời, đôi khi chữ “diễn sướng” này bị sửa thành “diễn xướng” khiến cho ý nghĩa vi diệu của từ ngữ này bị mất hẳn, tức là lầm lẫn giữa chữ Sướng (暢) và Xướng (唱), chúng tôi xin mạn phép ghi lại lời giảng của pháp sư Bản Tông trong cuốn Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Thích (bản in của Cao Hùng Nhân Sinh Thư Cục, trang 137) về hai chữ này như sau: “*Có thể diễn nói pháp âm vi diệu khiến cho tâm hành giả sanh khoan khoái, vui vẻ thì gọi là Diễn Sướng. Lại nữa, giải nói phân minh cặn kẽ là Diễn, những pháp được nói ra đều thông đạt, không trệ ngại thì gọi là Sướng. Tuy âm thanh [của các loài chim ấy] khiến cho con người sáng khoái, vui thích, nhưng không mê đắm, khác với âm thanh trong cõi tục, khiến cho người nghe sanh huê, tư, tu, tăng trưởng đạo tâm*”.

niệm Tăng. Ngũ Căn, Ngũ Lực v..v.. là nói đến thánh giáo, còn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là nói tới tu hành.

(Giải) “Chúng chúng kỳ diệu tạp sắc”, ngôn đa thả mỹ dã. Hạ lược xuất lục chủng. Xá-lợi, cưu vân Thu Lộ, Kỳ thiên sư vân thị Xuân Oanh, hoặc nhiên. Ca-lăng-tần-già, thử vân Diệu Âm, vị xuất xác thời, âm siêu chúng diệu. Cộng mạng, nhất thân, lưỡng đầu, thức biệt, báo đồng. Thử nhị chủng, Tây Vực Tuyết Sơn đẳng xứ hữu chi, giai ký thử gian ái thưởng giả, ngôn kỳ tự nhi dĩ. Lục thời xuất âm, tắc tri Tịnh Độ bất dĩ diệu thê vi dụ. Lương dĩ liên hoa thác sanh chi thân, bản vô hôn thù, bất giả dụ ngọa dã. Ngũ Căn đẳng giả, Tam Thập Thất Đạo Phạm dã. Sở vị Tứ Niệm Xứ, nhất Thân Niệm Xứ, nhị

Thọ Niệm Xứ, tam Tâm Niệm Xứ, tứ Pháp Niệm Xứ.

(解) 種種奇妙雜色。言多且美也。下略出六種。舍利。舊云鶯鶯。琦禪師云是春鶯。或然。迦陵頻伽。此云妙音。未出殼時。音超眾鳥。共命。一身兩頭。識別報同。此二種。西域雪山等處有之。皆寄此間愛賞者。言其似而已。六時出音。則知淨土不以鳥棲為夜。良以蓮華託生之身。本無昏睡。不假夜臥也。五根等者。三十七道品也。所謂四念處。一身念處。二受念處。三心念處。四法念處。

(**Giải:** “*Chúng chúng kỳ diệu tạp sắc*” ý nói [các loài chim trong cõi Cực Lạc] đã nhiều còn đẹp. Tiếp đó, kinh nêu đại lược sáu loại. Xá-lợi, thời cổ dịch là Thu Lộ, Kỳ thiên sư nói nó chính là chim Xuân Oanh, chắc có lẽ là đúng. Ca-lăng-tần-già, cõi này dịch là Diệu Âm. Chim này khi chưa ra khỏi vỏ trứng, tiếng hót của nó đã vượt trội các loài chim khác. Cọng Mạng là chim có hai đầu một thân, mỗi đầu có thần thức khác biệt, nhưng có chung một báo thân. Hai loại chim này có ở những nơi như Tuyết Sơn v.v... bên Tây Vực. Điều là mượn tên những loài chim được yêu thích, tán thưởng trong cõi này để tạm mô tả [những loài chim trong cõi Cực Lạc] mà thôi. [Do kinh chép] “sáu thời vang tiếng hót” nên biết là trong Tịnh Độ chẳng coi chim đậu là đêm¹⁰²; ấy là vì

¹⁰² Đây chính là lời phản bác những cách diễn giải sai lạc lời tán thán cõi Cực Lạc của pháp sư Khuy Cơ trong bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ. Trong bộ sách ấy, pháp sư Khuy Cơ đã viết như sau: “*Hoa khai kim phổ, hóa sanh vi thiên thụ*

thân sanh từ hoa sen sanh ra, vốn chẳng có buồn ngủ, nên đêm chẳng cần ngủ. Ngũ Căn v.v... là nói về ba mươi bảy đạo phẩm, nghĩa là: Tứ Niệm Xứ gồm một là Thân Niệm Xứ, hai là Thọ Niệm Xứ, ba là Tâm Niệm Xứ, bốn là Pháp Niệm Xứ).

“*Chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điều*” nghĩa là chủng loại rất nhiều. Tiếp đó, kinh văn chỉ nêu đại lược sáu loài. Bạch hạc, chim công, chim vẹt, đều là những thứ ai cũng biết, chẳng cần phải bàn tới. “*Xá-lợi*” (Śāri), thời cổ dịch là Thu Lộ, Kỳ thiên sư¹⁰³ đời Tống bảo nó là chim Xuân Oanh, cũng có lý. “*Ca-lăng-tần-già*” (Kalavinka) là tiếng Phạn, dịch thành

chi tình. Điều thê quỳnh lâm, Bồ Tát tác thời hôn chi tướng” (Hoa nở đất vàng, kẻ hóa sanh còn mang ý niệm trời vừa rạng sáng. Chim đậu rừng quỳnh, Bồ Tát ngỡ là trời đã tối). Ở đây, pháp sư Khuy Cơ không hề giải thích khi hoa khép, chim đậu là trời tối, mà chỉ nhằm nói lên một sự kiện: Những người vãng sanh trong cõi Đồng Cư Tịnh Độ, do đời nghiệp vãng sanh, còn mang nhiều tình kiến nên có những ý niệm sáng tối, chứ thật ra cõi Cực Lạc không hề có sáng hay tối, ngày hay đêm v.v...

¹⁰³ Đây là lời giải thích ý nghĩa chữ Xá-lợi trong bộ Tây Trai Thi của ngài Sở Thạch Phạm Kỳ.

Diệu Âm. Khi chim chưa ra khỏi vỏ trứng đã có thể hót tiếng du dương. Cọng Mạng (Jivajivaka) là loại chim một thân hai đầu, có hai thần thức. Tại Trung Quốc, chưa hề thấy loại chim này. Tương truyền, ở núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya) có loại chim này. Nhắm ứng với những loài chim xinh đẹp người đời ưa thích, A Di Đà Phật dùng thần lực biến hiện nhiều loài chim đẹp để chẳng có trong nhân gian. Do Tây Phương không có tối tăm, nên loài cầm điều thuyết pháp suốt ngày đêm sáu thời không gián đoạn. Người trong cõi Tây Phương liên hoa hóa sanh, vốn không ngủ nghỉ; vì thế, ăn uống lẫn ngủ nghỉ đều chẳng cần. Khi tinh thần con người sung mãn thì thời gian ngủ rất ít. Người thật sự có công phu, ít vọng niệm, ít phiền não, tinh thần bị tiêu hao cũng ít. Thuở đức Phật tại thế, quy định các đệ tử chỉ ngủ trong lúc Trung Dạ, tức là mười giờ đi

ngủ, hai giờ đêm thức dậy. Hiện thời có người ngủ tám tiếng vẫn chưa đủ, lãng phí thời gian tốt đẹp nhất, thật là đáng tiếc. Hề tinh thần tốt đẹp, nhất định cuộc sống sẽ sung sướng.

“*Ngũ Căn đặng giả, tam thập thất đạo phạm dã*” (Ngũ Căn v.v... là ba mươi bảy đạo phạm). Câu này là nói tổng quát. Trong kinh chỉ nói bốn thứ “*Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần*”. Ba mươi bảy đạo phạm được chia thành bảy loại, Ngẫu Ích đại sư bổ sung ba thứ còn lại để nói. Ba thứ ấy là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc. Thông thường, chúng ta chỉ biết ba mươi bảy đạo phạm là pháp Tiểu Thừa; thật ra, pháp này chung cho cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Trong kinh Niết Bàn, đức Phật dạy: “*Nếu ai có thể quán Bát Chánh Đạo thì sẽ minh tâm kiến tánh*”. Câu này giảng rõ ba mươi bảy đạo phạm là pháp Đại Thừa.

Trong Đại Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát cũng nói ba mươi bảy phẩm không gì chẳng thâm nhiếp, vô lượng đạo phẩm đều nằm trong ấy. Ngài còn nói ba mươi bảy đạo phẩm bao gồm hết thảy Phật pháp Đại Thừa. Tây Phương là Đại Thừa viên đốn, há có Tiểu Thừa ư?

Tứ Niệm Xứ thuộc về Quán Trí, người ta thường gọi là nhân sinh quan, vũ trụ quan. Trong ấy có mê, có ngộ. Niệm (念) là trí huệ quán sát, chứ không phải ý niệm. Chữ Xứ (處) chỉ cảnh giới được quán. Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc có ích rất lớn cho người sơ học. Thường [có người] nói “tu học rất lâu, niệm Phật, tham Thiền, trì chú, tu Định, công phu đều chẳng đắc lực”, nguyên nhân là vì đã coi thường ba phương pháp tu học cơ bản này. Nhưng vì sao trong kinh đức Phật chẳng nói tới ba thứ này, mà lại bắt đầu bằng

Ngũ Căn, Ngũ Lực? Vì Ngũ Căn, Ngũ Lực là pháp của người trong cõi Tây Phương tu hành; họ đã tu ba môn trước rồi, không cần phải nói lại nữa. Nhưng đối với hàng sơ học chúng ta thì nhất định phải nói rõ. Tứ Niệm Xứ là:

1) “*Quán thân bất tịnh*”: Thân chẳng sạch sẽ. Người tu hành lợi dụng thân thể để thành tựu đạo nghiệp, chẳng cần phải đả đui nó. Người thế gian lợi dụng nó để tạo nghiệp, đáng tiếc quá! Những thứ do thân thể bài tiết ra đều không sạch sẽ. Quán thân thể của chính mình bất tịnh, chẳng đáng tham ái, thì làm sao tham ái thân thể của người khác cho được? Muốn buông xuống hết thân, tâm, thế giới thì phải bắt đầu từ cái thân của chính mình. Chẳng còn phải nhọc lòng vì cái thân thể này nữa thì mới có thể dưỡng sinh tốt đẹp. Người biết dưỡng sinh ít bệnh tật, có thể trường thọ. Thân thể con người và toàn

thể vũ trụ là một. Thuận theo tự nhiên sẽ mạnh khỏe. Chẳng hạn như thức ăn trong mùa Đông phải ăn đồ mát, mùa Hạ phải ăn đồ nóng. Hiện thời con người làm ngược lại, hoàn toàn chẳng tương ứng với tự nhiên. Vì vậy, trăm thứ bệnh đổ ra. Thiên Nguyệt Lệnh trong bộ sách cổ Lễ Ký của Trung Quốc có nói về cách sinh sống, ăn ở, một năm bốn mùa mười hai tháng, mỗi tháng ăn gì đều ghi chép tường tận. Cách ăn và dùng loại củ nào để nấu đều quy định cặn kẽ, những điều này gần như đã thất truyền. Nguyên tắc dưỡng sinh trong Phật pháp là coi thân thể như một cỗ máy, thân phải động, tâm phải tịnh. Hiện thời, thân mọi người bất động, cốt sao nhàn hạ, sung sướng cái thân, còn tâm thì suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, hết sức tương phản. Người trong cõi Tây Phương thân Kim Cang bất

hoại, chẳng cần ăn uống nên không bị bệnh tật.

2) “*Quán Thọ thị khổ*”: Con người suốt đời phấn đấu là vì lẽ gì? Đạt được gì? Đến tuổi già càng khổ, sống rất quạnh quẽ. Những chung cư dành cho người nhà ở Mỹ chăm sóc người già kể ra cũng chu đáo, nhưng vẫn khó tránh khỏi bệnh tật rề rề, khổ vì nằm bẹp giường, chỉ ngồi ăn đợi chết mà thôi. Đức Phật nói tam giới đều khổ. Cũng có lúc vui, nhưng thời gian vui chẳng dài, vui rồi lại khổ nên gọi là Hoại Khổ, chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ, vì nó dời đổi không ngừng, biến hóa vô thường. Nói thật đấy! Người học Phật cuộc sống khác hẳn, có viễn cảnh tương lai sáng sủa. Niệm Phật thân tâm thanh tịnh, đọc kinh sẽ khai ngộ. Huống chi kinh dạy: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật*”. Cư sĩ Bành Tế Thanh đã chép trong Vãng Sanh

Truyện chẳng ít vị nam nữ tại gia cư sĩ lúc lâm chung biết trước lúc mất. Nói chung [những người ấy] sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh. Bốn chục năm qua, tại Đài Loan, tôi đích thân mắt thấy tai nghe người đứng qua đời, người ngồi mà mất, chúng tích đều hầy còn, tuyệt đối chẳng phải là bịa chuyện.

3) “*Quán tâm vô thường*”: Người thế gian khổ nhất là ý niệm nầy sanh không ngừng. Đây là tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay, đó cũng là nhân tạo nên luân hồi trong lục đạo. Phật giáo tuy có nhiều pháp môn, nhưng đều nhằm mục đích tu Định, phương pháp khác nhau, nhưng mục đích là một. Định là bốn tâm, ý niệm là vọng tâm. Làm thế nào để trừ bỏ vọng tâm, khôi phục bốn tâm, đây là công phu thật sự. Vọng tâm là cội nguồn của hết thảy vọng tưởng, phiền não. Chẳng những khi thức nó nầy sanh liên tục không ngừng,

mà khi ngủ nó cũng biến thành mộng. Vọng tâm sanh diệt trong từng sát-na, thấy hết thấy cảnh giới đều là sanh diệt. Trong kinh Phật nói hết thấy pháp bất sanh bất diệt, chúng ta nhìn không ra. Phật dùng Định tâm chẳng sanh diệt nên thấy hết thấy pháp bất sanh bất diệt. Chúng ta dùng cái tâm sanh diệt để nhìn hết thấy pháp nên hết thấy pháp đều có sanh diệt. Chẳng hạn như, hết thấy động vật đều có sanh, lão, bệnh, tử. Đức Phật nói bất sanh bất diệt là thật, sanh diệt là giả. Không có ý niệm là nhất tâm, những gì được hiện bởi nhất tâm là chân. Đây là Nhất Chân pháp giới. Hễ ý niệm dấy lên thì sẽ thấy mười pháp giới. Vọng tâm vô thường, hãy nên bỏ đi, phải tích cực tu Định, người trong thế giới Tây Phương đều giữ được chân tâm thường trụ. Thường trụ là bất động. Chúng ta tập khí nặng nề, lại thêm hoàn

cảnh quyền rũ, mê hoặc, khó thể thường trụ bất động.

4) “*Quán pháp vô ngã*”: Ba thứ đầu trong Tứ Niệm Xứ thuộc về nhân sinh quan của bản thân chúng ta. Loại thứ tư chính là vũ trụ quan. Chữ Ngã trong “*quán pháp vô ngã*” có nghĩa là “tự tại”. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Kinh còn dạy: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Đây là “*quán pháp vô ngã*”. Mọi người thường cho rằng hết thấy pháp đều có thật; do vậy, khởi lên lắm thứ phiền não như tham, sân, si, mạn. Kẻ ngu muội ngỡ thân có thật, hết thấy vạn vật cũng có thật; do vậy, hết sức đoạt lấy, tạo tác Thập Ác, chẳng may may cân nhắc, e dè, nhưng tạo nghiệp ắt có quả báo. Đời sau phải đền trả, sợ rằng phải mang lông đội sừng. Người đầu óc tỉnh táo chẳng tạo ác nghiệp, biết đời người sống trong cõi

này, hết thấy thụ dụng đều có số mạng định sẵn, chẳng cần phải mong cầu xằng bậy. Kẻ thông minh hơn thì biết tuy số mạng đã định sẵn, nhưng làm lành có thể xoay chuyển số mạng. Bậc có đại trí huệ có thể thoát khỏi tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

Tứ Niệm Xứ thuyết minh chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Người học Phật trọn chẳng có ưu lự, chẳng vì riêng mình mà tính toán tương lai, đoạn ác, tu thiện, hết thấy tạo tác chẳng suy tính cho chính mình, mà nghĩ tưởng cho đại chúng. Hành như thế thì hoàn cảnh sinh hoạt ắt sẽ mỗi ngày chuyển biến dần dần tốt đẹp hơn. Dầu trong đời trước có oan gia đối đầu thì đến cuối cùng cũng biến thành bạn tốt, hết thấy chướng ngại cũng dần dần hóa giải. Đời sống phải chú trọng tiết kiệm, tiết kiệm một phần sẽ có thể giúp đỡ người khác một phần. Điều này có thể thực hiện

được, chứ không phải là một yêu cầu cao xa gì! Do chúng ta coi thường bốn cách tu trì này mà công phu chẳng đắc lực, trí huệ chẳng mở mang, tam-muội chẳng thành. Nếu lưu ý những điều này, buông thân, tâm, thế giới xuống, hy sinh mình vì người khác thì chẳng những công phu đắc lực, mà còn tăng trưởng phước huệ, tín tâm ngày càng mạnh, trong cuộc sống sẽ cảm nhận được nhiều cảm ứng, [những thứ cảm ứng ấy] tuyệt đối là chân thật, chẳng hư dối!

(Giải) Tứ Chánh Cần: Nhất, dĩ sanh ác pháp linh đoạn, nhị, vị sanh ác pháp linh bất sanh, tam, vị sanh thiện pháp linh sanh, tứ, dĩ sanh thiện pháp linh tăng trưởng. Tứ Như Ý Túc: Nhất, Dục Như Ý Túc, nhị, Tinh Tấn Như Ý Túc, tam, Tâm Như Ý Túc, tứ, Tư Duy Như Ý Túc.

**(解) 四正勤。一。已生惡法令斷。
二。未生惡法令不生。三。未生善法令生。四。已生善法令增長。四如意足。一。欲如意足。
二。精進如意足。三。心如意足。四。思惟如意足。**

(Giải: Tứ Chánh Cần: 1. Pháp ác đã sanh khiến đoạn. 2. Pháp ác chưa sanh làm cho chẳng sanh. 3. Pháp thiện chưa sanh khiến sanh. 4. Pháp thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng. Tứ Như Ý Túc: 1. Dục Như Ý Túc. 2. Tinh Tấn Như Ý Túc. 3. Tâm Như Ý Túc 4. Tư Duy Như Ý Túc)

Ba mươi bảy đạo phẩm chia thành bảy loại lớn, còn gọi là “bảy

khoa”. Thứ nhất là Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ là dùng trí huệ quán sát vũ trụ và nhân sinh, đây là “thấy thấu suốt” (khán phá). Thấy thấu suốt rồi mà nếu chẳng tích cực đoạn ác tu thiện thì sẽ biến thành tiêu cực. Do vậy, lại nói tới khoa thứ hai là Tứ Chánh Cần. “Cần” (勤) là siêng năng gắng sức đoạn ác tu thiện. Tiêu chuẩn thiện ác xưa nay, trong nước, ngoài nước khác nhau, có sai khác đôi chút, hãy nên lấy Phật pháp làm chuẩn. Phật pháp lấy Giới Luật làm chuẩn. Giới khác Thiện. Mục đích của Thiện là được phước, mục đích của Giới là đắc Định. Giới có thể xuất tam giới, nhưng phước báo thì chẳng thể. Kinh luận nói bậc chứng quả La Hán liền vượt thoát tam giới, sở chứng của họ là Cửu Thứ Độ Định, nghĩa là loại Thiên Định xuất thế gian. Những thứ như Tứ Thiên Bát Định được gọi là Thiên Định thế gian. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật

đã từng nói “*những gì tương ứng với tự tánh thì là thiện, những gì chẳng tương ứng tự tánh là ác*”. Tiêu chuẩn này rất cao, thực hiện cũng khó. Nếu nói theo tiêu chuẩn của Tịnh Tông thì thực hiện hoàn toàn chẳng khó khăn gì!

Phật hiệu là danh hiệu của tánh đức, niệm một câu A Di Đà Phật chính là “*xứng tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh*”. Chẳng có mấy người niệm Phật thật sự biết đạo lý trong ấy: “*Từng tiếng Phật hiệu đều tương ứng với tự tánh*”. Niệm Phật là điều lành nhất trong những điều lành, đạt đến tột cùng điều thiện. Nếu chẳng thể đạt đến cảnh giới này thì cũng có thể lùi xuống mong cầu mức độ thấp hơn, tức là lấy Giới Luật làm chuẩn mực. Nói theo người hiện thời, trì giới là “vâng giữ phép tắc”. Giới (戒) là răn cấm, Luật (律) là pháp luật. Đức Phật chế định Giới

Luật không giống với pháp luật thế gian. Pháp luật thế gian nhằm duy trì luân thường, đạo lý, giữ cho xã hội an định, hòa bình; còn Giới Luật của Phật pháp nhằm làm cho chúng sanh ra khỏi tam giới, thoát luân hồi, mục đích khác nhau. Văn kiện pháp luật thế gian cứ sau bao nhiêu năm là phải sửa đổi, điều chỉnh, vì xã hội biến đổi rất lớn. Pháp luật xưa nay, trong nước, ngoài nước đều khác nhau. Giới Luật nhà Phật ngàn đời bất biến, do nó siêu việt thời gian và không gian. Giới Luật do đức Phật chế định từ ba ngàn năm trước thích hợp với con người thuộc bất cứ thời đại ấy, giúp họ đắc Định, khai Huệ, liễu sanh tử, thoát tam giới. Ngày nay, căn cứ vào Giới Luật trước kia để tu trì thì vẫn có thể đắc Định, khai Huệ, liễu sanh tử, thoát tam giới giống hệt như vậy!

Nhà Phật thường nói đến Tam Tụ Tịnh Giới¹⁰⁴. Trong Giới Luật, phần lớn nói về Oai Nghi, tức những quy định, khuôn phép trong cuộc sống thường ngày. Chẳng hạn như Cự Túc Giới của người xuất gia gồm hai trăm năm mươi điều, trong ấy, những điều thật sự là Giới Luật không nhiều, chỉ có bốn giới trọng, tức “giết, trộm, dâm, dối”. Tiếp theo là mười ba điều gọi Tăng Tàn Giới¹⁰⁵, tổng cộng gồm mười bảy điều là Giới Luật. Những điều

¹⁰⁴ Tam Tụ Tịnh Giới gồm:

1. Nhiếp Luật Nghi Giới: Còn gọi là Luật Nghi Giới, hoặc Tụ Tịnh Giới. Nhiếp có nghĩa là thu tóm trọn vẹn. Nhiếp Luật Nghi Giới gồm tất cả những giới cấm nhằm mục đích tích thiện, ngừa ác như Cự Túc Giới, Ngũ Giới, Thập Giới v.v...

2. Nhiếp Thiện Pháp Giới: Còn gọi là Thiện Pháp Giới, bao gồm những giới nhằm thế nguyện thực hiện tất cả hết thảy thiện pháp.

3. Nhiếp Chúng Sanh Giới: Còn gọi là Chúng Sanh Giới, Tiếp Sanh Giới, hoặc Lợi Chúng Sanh Giới, bao gồm những giới nhằm lợi lạc chúng sanh. Chẳng hạn như Bồ Tát Địa Trì Kinh nói mười một giới như: Hễ chúng sanh làm những chuyện lợi ích bền cùng góp sức, đối với chúng sanh bị bệnh hoặc chưa bệnh, hoặc chăm sóc bệnh nhân đều góp sức v.v...

¹⁰⁵ Tăng Tàn (Sanghāvasesa): Còn phiên âm là Tăng Gia Bà Thi Sa, gồm những trọng tội ở mức độ thấp hơn Tứ Ba La Di (giết, trộm, dâm, dối), là một trong bảy tụ giới (Cự Túc Giới gồm bảy loại lớn, bảy loại lớn ấy được gọi là Thất Tụ). Nếu ai phạm phải những giới này giống như người bị chém, nhưng còn chút mạng tàn, phải gấp bỏ cứu, nương theo Tăng Đoàn sám hối, trừ khử tội khiên. Đối với Tăng, Tăng Tàn Giới gồm 13 điều, Ni gồm 17 điều. Ở đây, Hòa Thượng chỉ nói theo Cự Túc Giới của Tăng nên nói “trong 250 giới, chỉ có 17 điều thật sự là giới luật”.

khác liên quan đến oai nghi, xử thế, đãi người, tiếp vật, sinh hoạt thường nhật, ăn uống, cử động. Những điều ấy cũng giống như văn kiện mang tánh chất kỷ niệm, vì cuộc sống hiện tại của chúng ta và người thời cổ Ấn Độ đã hoàn toàn khác nhau, phải hiểu rõ tinh thần thật sự của Giới Luật rồi mới có thể biết trì giới như thế nào. Trên phương diện vận dụng thì phải tuân thủ pháp luật, phong tục, tập quán của con người hiện đại, nhập gia tùy tục¹⁰⁶, đến bất cứ quốc gia nào cũng phải sao cho thích ứng với bối cảnh văn hóa, phong tục, tập quán của nước ấy. Hễ đến một địa phương khác thì phải hòa lẫn thành một khối với địa phương ấy, để khỏi đến nỗi nảy sanh hiểu lầm. Đức Phật nói: “*Hễ những gì là tự lợi thì đều là ác, phạm những gì lợi tha thì đều là thiện*”. Lễ Phật,

¹⁰⁶ Nguyên văn là “*nhập cảnh tùy tục*” (vào nước nào theo phong tục nước đó), chúng tôi tạm dùng thành ngữ tương đương là “*nhập gia tùy tục*” cho dễ hiểu và gọi cảm giác thân thiết.

lễ Bồ Tát tuy cũng gọi là thiện, nhưng cái đạt được là phước. Nếu muốn [nhờ vào đó để] đắc Định, liễu sanh tử, thoát tam giới thì chẳng thể được. Qua kinh luận, chúng ta đọc thấy rất nhiều: Luân hồi trong tam giới lục đạo do chính mình tạo ra. Nguyên nhân chủ yếu là Ngã Chấp, khởi tâm động niệm đều có Ngã, gia đình của ta, tài sản của ta, đây là cái nhân tạo ra luân hồi. Nếu chuyển được ý niệm, nghĩ đến hết thấy chúng sanh trong quốc gia và trên thế giới, tâm lượng mở rộng, Ngã Chấp sẽ dần dần nhạt bớt, từ từ bỏ được Ngã Chấp, lục đạo luân hồi sẽ không còn nữa. Vì sao người niệm Phật lúc lâm chung chẳng thể vãng sanh? Chính là vì tham luyến người nhà, quyến thuộc, tài sản, sự nghiệp của chính mình, bỏ không được. Sau khi chết đi sẽ thành quỷ giữ thân. Ở Mỹ, nghe nói có rất nhiều ngôi nhà có ma, [là vì những người chủ nhà] chết đi rồi vẫn bỏ không được

căn nhà ấy. Đấy đều là vì Ngã Chấp quá nặng, niệm niệm luôn nghĩ đến hạnh phúc của chính mình, sai lầm quá đỗi!

Tứ Chánh Cần gồm bốn điều, ở đây tôi chia ra trình bày như sau:

1) “*Ác pháp đã sanh khiến dứt*”: Phàm những chuyện gì lợi mình tổn người đều là ác, nhất định phải đoạn dứt, từ nay trở đi không làm nữa! Quả báo của ác niệm và ác hạnh là trong tam ác đạo. Nếu đã tạo ác niệm, ác hạnh thì từ nay trở đi đừng làm nữa. Không có ác duyên nên cũng chẳng bị đọa vào tam đồ. Nhân quả chẳng thể tiêu được, nhân chẳng thể nắm bắt được, nhưng duyên thì có thể nắm bắt. Đoạn trừ ác duyên khiến cho thiện duyên tăng trưởng thì quả báo mong mỏi sẽ có thể đạt được.

2) “*Ác pháp chưa sanh khiến cho chẳng sanh*”: Thời thời, khắc khắc luôn đề phòng sợ phạm lỗi ác niệm, ác hạnh, ác

khẩu, chẳng đề cho chúng nầy sanh, ắt phải chú trọng cả Sự lẫn Lý. Nếu chẳng hiểu thấu triệt lý luận, dù hết sức đề nén chúng trên mặt Sự vẫn khó thể đạt được. Nói cách khác, mức độ nhẫn nại có hạn. Nếu lý luận dung hợp sự thật, sẽ nhẫn nại vô hạn. Về Lý thì phải đọc kinh, về Sự thì tốt nhất là niệm Phật. Chúng ta là phàm phu, tập khí từ vô thủy kiếp đến nay chưa đoạn, vọng niệm và ác niệm có thể khởi lên bất cứ lúc nào, có lúc chẳng khống chế chúng được. Ý niệm vừa dấy lên, ngay lập tức niệm Phật, ác niệm sẽ chẳng tiếp tục nữa. Một câu Phật hiệu là Giác.

3) “*Pháp thiện chưa sanh khiến sanh*”: Trong kinh, đức Phật nói rất nhiều thiện pháp, chúng ta chẳng nghĩ tới mà cũng chưa làm được. Phải thường đọc kinh Phật, lại còn phải đọc nhuần nhừ, ghi nhớ trong lòng, hễ gặp cảnh giới hiện tiền, lời Phật giáo huấn sẽ bừng bừng phát sanh.

Thời cổ, cuộc sống an định, quan hệ giữa con người với nhau tốt đẹp. Đọc sách thánh hiền, ghi nhớ kỹ càng giáo huấn của thánh hiền trong lòng, chẳng đến nỗi trái nghịch quá mức. Phật pháp truyền sang Trung Quốc đã hai ngàn năm, dân gian cũng lấy giáo huấn của Phật làm tiêu chuẩn. Từ sau cuộc vận động Ngũ Tứ¹⁰⁷

¹⁰⁷ Thoạt đầu, Ngũ Tứ Vận Động là một phong trào của thanh niên học sinh Trung Hoa, về sau lôi cuốn nhiều tầng lớp dân chúng, ngay cả thị dân, công nhân cũng tham gia. Lúc ban đầu, phong trào này chỉ hạn chế trong khuôn viên các trường đại học. Ngày Bốn tháng Năm năm 1919, hơn 3.000 sinh viên học sinh thuộc ba trường đại học lớn tại Bắc Kinh tập trung tại quảng trường Thiên An Môn, đả đảo những điều kiện bất bình đẳng trong hiệp ước Versailles, khiến cho công chúng chú ý và hưởng ứng rầm rộ. Liên tiếp các hình thức đấu tranh như ký tên thỉnh nguyện, biểu tình, bãi khóa, bãi công, thậm chí bạo động được tiến hành, nhằm đả đảo nền tảng học vấn, đạo đức truyền thống của Trung Quốc, đòi hỏi chính quyền ra sắc lệnh hoàn toàn phế bỏ nền tảng học vấn đạo đức cũ. Nguyên nhân gần của cuộc vận động này là sự bất mãn của dân chúng sau khi nhà Thanh bị lật đổ, Trung Hoa bị xâu xé thành nhiều mảnh bởi các thế lực quân phiệt thời ấy, hoàn toàn bị các đế quốc Tây Phương và Nhật Bản khống chế. Sự bất mãn lên đến cao độ khi Thế Chiến thứ nhất chấm dứt. Trước đó, Trung Hoa tham gia phe Đồng Minh chống lại Đức, nhưng sau khi phe Đồng Minh thắng trận, trong hội nghị Versailles nhằm ký kết những hiệp định giữa phe Đồng Minh và kẻ chiến bại, các nước Âu Tây tự tiện chuyển giao tô giới Sơn Đông của Đức cho Nhật, mặc kệ những phản kháng yếu ớt từ phía đại diện chánh quyền Quốc Dân Đảng. Giai cấp trí thức đổ lỗi sự suy yếu của chánh quyền và hiện tình rối rắm của đất nước là do những truyền thống đạo đức cũ cũng như những định chế cũ gây nên, tấn công Nho Học kịch liệt. Những trí thức nổi tiếng thời ấy như Hồ Thích, Trần Độc Tú v.v... là những người hô hào lớn tiếng nhất. Phong trào này đi đến những biện pháp quá khích như cấm sử dụng Văn Ngôn trong học đường, cấm đọc sách Nho, thậm chí cấm đọc các loại sách viết bằng thể loại Văn Ngôn trong nhà trường v.v... Họ chủ trương đề nâng cao dân trí, phải hoàn toàn học theo cách giáo dục và văn hóa Tây Phương, đoạn tuyệt hoàn toàn với nền văn hóa cũ. Không những

đầu thời Dân Quốc, “đả đảo Khổng gia điểm”¹⁰⁸, không đọc sách Nho nữa. Phật pháp thuộc về tôn giáo, là mê tín, cũng bỏ đi. Cuộc sống không còn tiêu chuẩn để noi theo nữa! Trong thời đại này, đặc biệt hữu hiệu là chân tướng nhân sinh vũ trụ như trong Phật pháp đã giảng. Phật pháp chẳng phải là những giáo thuyết do những tôn giáo tôn thờ thần thánh lập ra, mà cũng chẳng phải là một tôn giáo nhằm mục đích khuyến thiện, mà thực sự là một nền giáo dục cao tột vô thượng. Những giáo huấn hết sức quý báu của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng rất nhiều. Trong bốn mươi năm đầu thời Dân Quốc, tại các trường đại học ở Đài Loan có mấy vị giáo sư dốc sức gìn giữ và xiển dương

Nho Giáo bị đả kích mà Phật Giáo và Đạo Giáo cũng bị coi là những chướng ngại cho sự canh tân Trung Hoa.

¹⁰⁸ Đây là một trong những khẩu hiệu do Hồ Thích đề xướng thời trong giai đoạn Ngũ Tứ Vận Động (từ tháng Chín năm 1915 đến tháng Bảy năm 1921). “*Khổng gia điểm*” có nghĩa là “tiệm bán hàng của nhà họ Khổng”, một từ ngữ mang tính cách miệt thị Nho học.

nền văn hóa cổ hữu. Thuở ấy, ở Đài Bắc có một viện bảo tàng nghệ thuật văn hóa, người chủ trì là một vị giáo sư đại học của Đài Loan, chuyên in những cổ thư Trung Hoa. Về sau, Thương Vụ Ấn Thư Quán cũng đem bộ Tứ Khố Toàn Thư in ra. Thế Giới Thư Cục cũng in bộ Tứ Khố Hội Yếu¹⁰⁹. Đại Tạng Kinh cũng được in mấy lần. Đối với công tác duy trì, bảo vệ sách vở cổ, quả thật đảo báu Đài Loan đã có công hiến. Tuy xuất bản thật phong phú, nhưng nếu không có người đọc thì có khác gì giấy lộn? Phân lượng của bộ Tứ Khố Toàn Thư quá lớn, mỗi cá nhân đọc

¹⁰⁹ Tứ Khố Toàn Thư là tổng tập bao gồm những tác phẩm trọng yếu của Trung Hoa, cũng như những tác phẩm nổi tiếng của Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam được biên soạn và ấn hành dưới thời Càn Long từ năm Càn Long 38 (1773) đến năm Càn Long 43 (1778) hoàn thành bản thảo. Hoàn tất giáo duyệt, san định và chỉnh lỗi vào năm Càn Long 52 (1781). Tứ Khố Toàn Thư gồm hơn 3.503 thể loại khác nhau, được chia thành bốn loại chính là Kinh, Sử, Tử, Tập, dày đến 230 vạn trang, ước chừng 800 ngàn chữ do hoàng tử Vĩnh Dung chịu trách nhiệm chính, Nội Các Đại Học Sĩ Vu Mẫn Trung làm Tổng Tài (chủ biên), Kỳ Quân (Kỳ Hiểu Lam) làm Tổng Toán Tu (tổng biên tập). Nhân viên biên tập huy động đến hơn 3.600 đại học sĩ, danh nho, học giả thời ấy và 3.800 thư ký.

Tứ Khố Hội Yếu (tên đầy đủ là Tứ Khố Toàn Thư Hội Yếu) được biên tập theo lệnh vua Càn Long nhằm tóm gọn những điểm trọng yếu của mỗi tác phẩm trong Tứ Khố Toàn Thư, cũng do nhóm Vu Mẫn Trung, Vương Tế Hoa v.v... biên soạn.

suốt đời cũng không hết. Tôi nghĩ như thế này: Trích lục những câu văn tinh yếu trong bộ sách ấy, nhất là những lời giáo huấn cần thiết nhất cho xã hội chúng ta hiện thời như tu thân, tề gia, luân lý, đạo đức, tha thứ, thông cảm lẫn nhau, chung sống hòa bình. Đối với toàn thể nhân loại [những lời giáo huấn ấy] đều là nhu cầu bức thiết. Sau khi hội tập, biên soạn thành một cuốn sách nhỏ lưu truyền trong cõi đời, đối với đại chúng sẽ có lợi ích không gì lớn bằng.

4) “*Pháp thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng*”: Đã làm chuyện lành thì tiếp tục làm cho tăng trưởng, chẳng để nó lui sụt.

Tứ Niệm Xứ là thấy thấu suốt, Tứ Như Ý Túc là buông xuống. Buông xuống là tự tại, Như Ý là “quay đầu”. Nhà Phật nói “*hồi đầu thị nạn*” (quay đầu là bờ). Trong quá khứ, người phú quý tay thường

cầm một cây Như Ý¹¹⁰. Đầu cây Như Ý uốn cong vòng lại, chính là nhằm biểu thị pháp, phải biết “hồi đầu”. Đức Phật dạy bốn việc:

1) Thứ nhất là Dục Như Ý Túc. Dục (欲) là dục vọng, bất luận là vật chất hay tinh thần hãy đều nên biết đủ. Hễ biết đủ sẽ được đại tự tại. Hưởng thụ vật chất không cần phải truy cầu (mong cầu, theo đuổi) quá lộ. Truy cầu vật chất không thể nào chẳng tạo nghiệp, phước báo tuy có cũng sẽ bị giảm bớt. Nếu xoay chuyển ý niệm, vì xã hội, đại chúng tạo phước thì sẽ được

¹¹⁰ Như Ý là một vật trang trí, thoạt đầu là dụng cụ để gãi lưng, về sau dùng để tượng trưng cho những điều tốt lành, chúc tụng. Như Ý làm bằng xương, sừng, trúc, gỗ quý, ngọc, đá, đồng, sắt v.v... có cán dài chừng ba tấc, hơi uốn cong trông như chữ S bị kéo dài ra. Đầu to uốn cong lên hơi hướng về phía cán, chạm hình nắm Linh Chi hoặc áng mây, ở giữa thường gắn ngọc hay đá quý, hoặc chạm tổ nhiều vòn mây uốn lượn, bao quanh một chữ Thọ, Phước, Lộc v.v... khắc theo kiểu chữ triện. Chỗ tay cầm cũng làm hơi to ra, thường khắc chữ Tâm, chữ Phước, hoặc chữ Thọ, hoặc không khắc chữ. Trong nhà Phật cũng thường dùng Như Ý làm pháp khí để vị pháp sư chủ pháp cầm trong các pháp hội như Du Già Diệm Khâu hoặc Thủy Lục. Đối với những cây Như Ý dùng trong các nhà phú quý, cán thường gắn thêm một đôi tua kết bằng chỉ màu đỏ hoặc vàng. Đây cũng là vật dụng mà vua thường ban tặng cho các quan trong những dịp khánh hạ, nhất là ban cho mẹ hay phu nhân của các quan lại cao cấp.

vui sướng ngay trong ấy. Nếu chỉ vì chính mình mà truy cầu, ắt sẽ có được, mất. Hễ có mất, ắt sẽ đau khổ. Nếu vì đại chúng, chuyện chẳng thành tựu thì là đại chúng vô phước, ta chẳng thẹn với lòng.

2) Thứ hai là Tinh Tấn Như Ý Túc. Dùng cách nói hiện thời để giải thích câu này thì là “thường lạc”. Trên phương diện tu trì, hễ có lãnh ngộ thì bất luận tiến nhiều hay tiến ít, trong tâm ắt cảm thấy vui sướng.

3) Thứ ba là Tâm Như Ý Túc. Từ ngữ này có khi được dịch là Niệm Như Ý Túc, có nghĩa là “an tâm”. Mọi sự chỉ cầu sao cho tâm được yên.

4) Thứ tư là Tư Duy Như Ý Túc, có nghĩa là “lý đắc” (thấu hiểu lý). Trong thế gian, người có hạnh phúc chân thật nhất chính là người chẳng bỏ uổng một đời, sống có giá trị, có ý nghĩa, không gì hơn niệm Phật vãng sanh, viên thành Phật đạo.

Vấn đề là làm thế nào để tâm an trụ trong pháp môn Niệm Phật. Người ta thường nghe rồi chẳng thể tiếp nhận là vì nghĩ trong kinh luận Đại Thừa còn có những pháp môn thù thắng hơn, sao chẳng tận hết sức học rộng, nghe nhiều, sẽ có ích cho sự tu hành? Có kiểu suy tưởng này thì quả thật là vì người ấy vẫn chưa hiểu trọn vẹn lý luận. Trong một đời, nếu gặp được một vị thầy tốt, cùng với đồng tu đạo hữu tốt dùi mài lẫn nhau thì còn có hy vọng thành tựu, nhưng [điều này] chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu. Nếu chẳng gặp được thiện tri thức, thì lại nên như thế nào? Trong thời đại hiện tại, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Gặp phải một gã tà sư, bị hắn ta dạy dỗ sai lầm! Điều gì được nghe đầu tiên sẽ là chánh yếu. Nếu gặp gỡ chánh pháp, ngược ngạo sanh lòng chống đối, không có khả năng phân biệt đúng, sai, chân, vọng, chịu thua thiệt to

lớn thì thật đáng sợ quá! Tu học trong thời này, chẳng thể không chú ý, cẩn thận. Điều thứ nhất là phải nhận biết bản chất của Phật giáo: Phật pháp là nền giáo dục viên mãn chí thiện đối với hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới. Đức Phật nói hết thảy pháp trong bốn mươi chín năm, nội dung chính là nói rõ chân tướng vũ trụ và nhân sinh. Để hiểu rõ chân tướng, lý đắc thì tâm an, chỉ có một phương pháp là đọc kinh. Cổ nhân dùng đọc tụng kinh điển để nhập môn, thông thường lấy năm năm làm hạn, nghe lời thầy chỉ dạy. Các tông phái khác nhau [sẽ phải đọc tụng các kinh luận khác nhau]. Như học Hoa Nghiêm thì phải đọc kinh Hoa Nghiêm, hễ không thuộc sẽ không có cách nào quán chiếu được! Mấy năm gần đây, có người đến hỏi tôi nhập môn như thế nào? Tôi nói: “Đọc Vô Lượng Thọ Kinh mỗi ngày ba biến. Trước hết, hãy đọc ba năm. Đọc

xong ba ngàn biến sẽ biết đấng người, xử thế như thế nào, sẽ tâm an lý đắc trong cuộc sống, pháp hỷ sung mãn, niệm một câu A Di Đà Phật mới đắc lực”.

Kinh này không nhắc tới cả ba khoa trên đây là vì nói theo thói quen: Nói phần sau sẽ bao gồm cả phần trước, dầu không nói thì vẫn được bao gồm trong ấy. Ba khoa gồm mười hai điều (tức Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần và Tứ Như Ý Túc) trong phần này, người Tây Phương đã sớm tu hành viên mãn. Đại sư chú giải kinh vẫn nhắc tới [những khoa mục này] là vì muốn giảng trọn vẹn [ba mươi bảy đạo phẩm] cho chúng sanh trong đời sau. Mười hai khoa này có ích rất lớn đối với người niệm Phật. Công phu Niệm Phật chẳng đắc lực, nguyên nhân chủ yếu là vì xem nhẹ mười hai khoa mục tu hành này. Do vậy, người niệm Phật đối với mười hai khoa mục này phải đặc biệt lưu ý. Hãy đoạn trừ quan

niệm tự lợi, luôn luôn dấy lên ý niệm lợi người nhằm tạo phước cho xã hội, buông thân, tâm, thế giới xuống, biết đủ, thường vui, tâm an, lý đắc, tín nguyện trì danh, lẽ nào chẳng vãng sanh?

(Giải) Ngũ Căn giả, tín chánh đạo, cập trợ đạo pháp, danh Tín Căn. Hành chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, cần cầu bất tức, danh Tinh Tấn Căn. Niệm chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, cánh vô tha niệm, danh Niệm Căn. Nhiếp tâm tại chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp trung, tương ứng bất tán, danh Định Căn. Vị chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, quán u Khổ đẳng Tứ Đế, danh Huệ Căn.

(解) 五根者。信正道及助道法。名信根。行正道及諸助道善法。勤求不息。

名精進根。念正道及諸助道善法。更無他念。名念根。攝心在正道及諸助道善法中。相應不散。名定根。為正道及諸助道善法。觀於苦等四諦。名慧根。

(Giải: Ngũ Căn: Tin vào chánh đạo và pháp trợ đạo, gọi là Tín Căn. Hành chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, siêng cầu chẳng nghỉ, gọi là Tinh Tấn Căn. Niệm chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, trọn không có niệm nào khác, gọi là Niệm Căn. Nhiếp tâm nơi chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, tương ứng, chẳng tán loạn, gọi là Định Căn. Vì chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo mà quán Tứ Đế như Khổ v.v... thì gọi là Huệ Căn)

Đây là khoa thứ tư trong ba mươi bảy đạo phẩm. “Căn” (根) là nói tỷ dụ, như

thảo mộc có rễ, có thể sanh trưởng, mang ý nghĩa gìn giữ, nên gọi là Căn. Tổng cộng gồm năm điều, tức là “*Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ*”. Khoa mục tiếp theo là Ngũ Lực, danh xưng hoàn toàn tương đồng. Trong kinh Di Đà, đức Phật nói: Người trong thế giới Tây Phương, bất luận từ xứ nào sanh về, phẩm vị cao hay thấp, đều phải tu học năm điều này.

1) Tín Căn: Tín là tin vào chánh đạo. Đức Phật nói rất nhiều pháp môn đều là chánh đạo, nhưng hoàn toàn chẳng thể thích hợp với căn cơ của hết thảy mọi người. Như vào tiệm thuốc, trăm ngàn thứ thuốc tễ đều là thuốc hay, tùy theo căn bệnh mà cắt thuốc, uống vào sẽ hết bệnh. Do vậy, cổ đức thường răn dạy chúng ta phải chọn lựa pháp môn để thâm nhập một môn, còn chuyện quảng học đa văn là vì [lợi lạc] người khác. Nếu muốn làm thầy thuốc thì thứ gì cũng phải hiểu. Quý vị

biên toa thuốc là cho người khác uống, chứ không phải để chính mình uống. Người tu Tịnh Độ lấy “tín, nguyện, trì danh” làm chánh đạo. Trong ba kinh một luận Tịnh Độ có rất nhiều phương pháp đoạn ác tu thiện, như ba phước trong Quán Kinh đều thuộc về pháp trợ đạo, giúp chúng ta thành tựu nhất tâm bất loạn và Niệm Phật tam-muội. Nếu tin sâu chẳng nghi những điều này thì là “*có Căn*”. Nếu nghe pháp môn này cũng sanh lòng hoan hỷ, nhưng chưa hạ quyết tâm, tức là có Tín nhưng không có Căn. Hoặc là Thiên Tịnh Song Tu, Mật Tịnh Song Tu cho đến Mật Tịnh Thiên Tam Tu đều là “*không có Căn*”. Nếu Tín có Căn thì sẽ khởi lên tinh tấn.

2) Tấn Căn: Tinh tấn là chân tu, Tinh (精) là tinh thuần, Tấn (進) là chẳng lùi. Nếu có Tấn mà chẳng tinh ròng thì là Tạp Tấn, sức mạnh bị phân tán, tinh thần

chẳng thể tập trung. Tín và Tấn nếu không có Căn, xét đến nguyên nhân vẫn là do thiếu sót cơ sở tốt đẹp là mười hai điều trong ba khoa trước. Phân tích tỉ mỉ, ngày nay niệm Phật chẳng đặc lực, tinh thần tán loạn, muốn cho thân tâm thanh tịnh, công phu đặc lực thì chẳng thể không càng thêm nghiêm túc tu tập ba khoa trước, chẳng mệt mỏi, chẳng biếng nhác. Trong học tập, phát sanh pháp hỷ và phát sanh trí huệ.

3) Niệm Căn: Niệm chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, không nghĩ gì khác. Trong mười hai thời, thường niệm danh hiệu Phật, đây chính là pháp chánh đạo; thường nghĩ tới lời Phật giáo huấn, đây là trợ đạo thiện pháp. Hoàn toàn không xen tạp vọng niệm; niệm như vậy thì mới có thể sanh ra sức mạnh, tự có cảm ứng. Phiền não, vọng niệm ít đi thì tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng. Đây chính là

hiệu quả tương ứng. Đọc kinh hiểu rõ hơn trước, càng niệm càng cảm thấy có ý nghĩa mới mẻ, pháp vị mới mẻ, công phu càng sâu, thấu hiểu càng rộng.

4) Định Căn: Nhiếp tâm nơi chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, tương ứng không tán loạn. Các địa vị Bồ Tát đều chẳng tách rời phương pháp tu học này.

5) Huệ Căn: Chánh đạo và trợ đạo trọng yếu như nhau. Liên Trì đại sư coi “tín, nguyện, trì danh” là chánh đạo mà cũng coi đó là trợ đạo. Chánh Trợ Song Tu đều là tín nguyện trì danh. Những vị tổ sư đại đức khác cho rằng phép quán tưởng và quán tượng trong Quán Kinh là trợ đạo. Những khai thị ấy đối với người có thiện căn sâu dày thì có ích không chi lớn bằng, nhưng đối với chúng ta thì chẳng đúng bệnh cho lắm. Là vì chúng ta trước hết phải hiểu rõ trạng huống thân tâm của chính mình, rồi lại còn phải coi trọng cả

hiểu lẫn hành ba phước trong Quán Kinh và ba khoa trước [của ba mươi bảy đạo phẩm] trong sách Yếu Giải thì mới có hiệu quả thật sự.

Có những kẻ cho rằng chuyên niệm một bộ kinh dường như vẫn chưa đủ, cần phải học nhiều hơn. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ dạy người học Phật phải học nhiều kinh luận, cụ từng chỉ định từ mười đến hai mươi thứ, nhưng tôi dạy người học Phật phải chuyên, là vì tôi thấy có nhiều người khi lâm chung biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, lúc sống họ chưa từng đọc một bộ kinh nào. Đủ thấy một bộ kinh đủ lắm rồi, nhiều quá sẽ tạp. Chúng ta thấy Phật pháp mênh mông như sương khói tỏa trên mặt biển, làm sao không ngưỡng mộ, khâm phục? Hễ ngưỡng mộ, khâm phục sẽ mê! Do vậy, tôi thường nói “Phật pháp

là mê cung”¹¹¹, người học Phật chẳng thể không cẩn thận. Phật Thích Ca không hề có ý gạt người, Ngài muốn phổ độ chúng sanh, chứ không chuyên độ một mình quý vị! Huông chi kinh Đại Thừa nói: “*Một kinh thông, hết thấy kinh thông!*” Như Huệ Năng đại sư của Thiên Tông, Sư chưa hề đọc một bộ kinh nào. Thiên thứ nhất trong Đàn Kinh thuật tiểu sử của Sư. Sư là người bán củi, đưa củi đến giao cho người ta, ngẫu nhiên nghe có người đọc kinh Kim Cang, Sư vừa nghe liền khai ngộ. Về sau, tới núi Hoàng Mai yết kiến Ngũ Tổ, Ngũ Tổ sai Sư làm việc nặng trong nhà bếp. Lão hòa thượng muốn truyền pháp, đệ tử Thần Tú giữ chức Thủ Tọa viết một bài kệ. Đại sư nghe xong bèn sửa lại [bài kệ ấy]. Do nhân duyên đó, Ngũ Tổ bèn

¹¹¹ Mê cung (labyrinth, maze) là một thứ kiến trúc phức tạp, nhiều đường vòng, nhiều lối rẽ, nhiều ngõ cụt, khiến ai lạc vào đó sẽ khó thể biết lối ra. Theo thần thoại Hy Lạp, Daedalus đã xây dựng mê cung cho vua Minos ở đảo Crete để nhốt con quái vật Minotaur (thân người, đầu trâu mộng). Theseus nhờ Aridne giúp đỡ (trao cho chàng cuộn chỉ để đánh dấu lối ra) đã vào tận trung tâm mê cung, giết được Minotaur.

đem y bát truyền cho Sư. Lúc ấy, Sư mới hai mươi bốn tuổi. Ngũ Tổ bảo Sư hãy bỏ trốn để lánh nạn. Giữa đường, Sư gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng đem kinh Niết Bàn thỉnh giáo Sư. Kinh Niết Bàn có tới ba mươi sáu quyển. Sư nói Sư không biết chữ, bảo bà Vô Tận Tạng đọc cho Sư nghe. Sư nghe xong liền giảng giải cho Vô Tận Tạng, giảng hết một bộ. Ở Tào Khê, những chuyện giống như vậy thật nhiều. Như thiền sư Pháp Đạt niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn biến mà vẫn chưa khai ngộ. Kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển, niệm ba ngàn biến phải mất mười năm công phu. Tới thỉnh giáo ngài Huệ Năng, ngài Huệ Năng nói: “Ông đọc cho ta nghe!” Sư nghe xong hai phẩm, phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ liền giảng những ý nghĩa trong kinh giảng cho Pháp Đạt, Pháp Đạt nghe xong cũng khai ngộ.

Một kinh thông, hết thấy kinh thông. Chúng ta cần gì phải kiếm thêm phiên toái? Cứ nhờ vào một câu Phật hiệu, niệm đến nhất tâm bất loạn thì chính là Niệm Phật tam-muội, Định, Huệ hiện tiền. Định hiện tiền thì chẳng bị ngoại giới lay động, Huệ hiện tiền sẽ thông đạt hết thấy pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Người thông minh chẳng làm chuyện ngốc nghếch. Tôi giảng kinh gần bốn mươi năm, ở Đài Trung, tôi theo học [kinh luận] với thầy Lý hơn ba mươi thứ, nhưng tôi thật sự dụng công chỉ có năm bộ kinh. Như kinh Hoa Nghiêm tôi chỉ nghe giảng một quyển, mà một bộ Hoa Nghiêm tôi cũng giảng được. Kinh Pháp Hoa và kinh Địa Tạng tôi đều chưa học, nhưng cũng đã giảng Pháp Hoa Đại Ý và kinh Địa Tạng. Kinh điển Thiên Tông là kinh Kim Cang tôi chưa từng học, Chứng Đạo Ca của ngài Vĩnh Gia, Tín Tâm Minh, Đại Châu Hòa Thượng Ngũ

Lục¹¹² tôi cũng giảng rất nhiều lần, nhưng những thứ ấy tôi đều chưa học qua. Nếu thâm nhập một môn sẽ hiểu được tinh túy của môn ấy, nhất là kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đều là những bộ kinh Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn, phân lượng không nhiều, nhưng nội dung gần như không gì chẳng bao gồm, hết thấy pháp môn đều chẳng thể vượt ra ngoài phạm vi của hai kinh này. Nếu thâm nhập một môn, sẽ có thể dùng thời gian ít nhất mà thật sự đạt được Định - Huệ. Thông đạt Sự, Lý, nhất định phải chuyên, phải tinh thì mới có thể tương ứng, không tán loạn.

“Vị chánh đạo cập chư trợ đạo thiện pháp, quán ư Khổ đẳng Tứ Đế, danh Huệ Căn” (Vì chánh đạo và các thiện pháp trợ

¹¹² Đại Châu Hòa Thượng chính là ngài Huệ Hải, sống vào thời Đường. Sư xin xuất gia với pháp sư Đạo Trí tại chùa Đại Vân (Việt Châu). Về sau đến Giang Tây, tham học với Mã Tổ Đạo Nhất. Chỉ trong sáu năm đã đại ngộ, trở về Việt Châu, soạn cuốn Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận được Mã Tổ khen ngợi: “Đại châu viên minh” (viên châu lớn tỏa sáng trọn vẹn). Do vậy, Ngài được người đời gọi là Đại Châu Hòa Thượng.

đạo mà quán Tứ Đế như Khổ v.v..., gọi là Huệ Căn). Phàm phu tuy thông minh, nhưng thiếu trí huệ, thông minh là do tâm ý thức sanh ra, còn trí huệ thì phải lìa tâm ý thức. Huệ là do Định sanh, tâm địa thanh tịnh có thể sanh ra trí huệ. Trí huệ hiện tiền, có thể nhận thức chánh đạo và trợ đạo rõ ràng, Tứ Niệm Xứ Quán chính là nhân sinh quan chánh xác đối với chân tướng của vũ trụ.

(Giải) Ngũ Lực giả, Tín Căn tăng trưởng, năng phá nghi hoặc, phá chư tà tín, cập phá phiền não, danh Tín Lực.

**(解) 五力者。信根增長。能破疑惑。
破諸邪信。及破煩惱。名信力。**

(**Giải:** Ngũ Lực: Tín Căn tăng trưởng có thể phá nghi hoặc, phá các tà tín và phá phiền não, gọi là Tín Lực)

Lực (力) là tu hành có công phu. Cây cối đến giai đoạn trưởng thành liền có sức mạnh. Trong Tín có trí huệ chân thật. Quán Kinh nói ra chân lý sau đây: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Đây là lý luận căn bản nhất. Tin tưởng chắc chắn điều này chẳng nghi thì trong đời này sẽ nắm chắc vãng sanh. Trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói Tín gồm có sáu thứ. Điều thứ nhất là phải Tín Tự, tức là [tin tưởng vào] cái được gọi là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Thế giới Cực Lạc và A Di Đà Phật là do tâm tánh của chính mình biến hiện, thế giới Sa Bà cũng là do tự tánh của chính mình biến hiện. Y báo và chánh báo chẳng tách rời tâm tánh, tâm

tánh mới chính là “*tạo vật chủ*” (tạo hóa) thật sự. Thiên Tông nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Thiên dùng phương pháp tham cứu; chúng ta dùng phương pháp niệm Phật. Niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn liền đoạn phiền não. Niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn liền kiến tánh. Hiểu rõ đạo lý này thì nghi hoặc “có thể vãng sanh để một đời thành Phật hay không? Có thể thông đạt hết thảy pháp môn hay không” sẽ tiêu trừ. Do vậy nói “*Tín Căn tăng trưởng, năng phá nghi hoặc*” (Tín Căn tăng trưởng, phá được nghi hoặc).

“*Phá chư tà tín, cập phá phiền não*” (Phá các tà tín và phá phiền não): Ở đây, “tà tín” bao gồm hết thảy tín ngưỡng, thậm chí [những điều tin tưởng] của Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Quyền Giáo Bồ Tát trong Phật giáo, [những thứ ấy] so với Đại Thừa đều là chẳng chánh.

Nếu nâng lên mức cao hơn, nâng lên tới tiêu chuẩn tuyệt đối, chỉ có pháp môn Niệm Phật tín nguyện trì danh là chân chánh nhất trong các pháp chân chánh, những pháp môn Đại Thừa khác đều là những pháp thiên lệch trong các pháp môn được coi là chân chánh. Thiệu Đạo đại sư nói: “*Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong cõi đời, chỉ nhằm nói ra Di Đà nguyện hải*”. Tín tâm kiên cố sẽ có sức mạnh, tự nhiên phá được các phiền não. Phá sạch phiền não sẽ sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư.

(Giải) Tinh Tấn Căn tăng trưởng, phá chủng chủng thân tâm giải đãi, thành biện xuất thế đại sự, danh Tinh Tấn Lực.

(解) 精進根增長。破種種身心懈怠。

成辦出世大事。名精進力。

(Giải: Tinh Tấn Căn tăng trưởng, phá các thứ biếng nhác nơi thân tâm, hoàn thành đại sự xuất thế, gọi là Tinh Tấn Lực).

Trong Đại Thừa Phật pháp, thiện căn duy nhất của Đại Thừa Bồ Tát là Tinh Tấn. Thiện căn thế gian gồm ba loại là “không tham, không sân, không si”. Tất cả hết thảy thiện pháp trong lục đạo của thế gian đều do ba thiện căn này sanh ra. Người ta làm bất luận chuyện gì cũng dễ dàng biếng nhác, lui sụt. Người tu pháp xuất thế gian đông đảo, nhưng người thành tựu ít ỏi, nguyên nhân là do biếng nhác, lui sụt. Đối với đại sự xuất thế gian mà luôn có thể tinh tấn, không lui sụt thì những chuyện nhỏ nhặt trong thế gian chẳng cần phải nói nữa. Chính mình thường trách móc tại sao công phu của bản thân không đắc lực, lấy niệm Phật để nói thì có người

niệm ba năm, năm năm, chẳng có một tí hiệu nghiệm nào hết! Ân Quang đại sư dạy: “*Khi niệm Phật, vọng niệm xen tạp vào đấy đó là hiện tượng bình thường, chẳng cần phải bận lòng lo lắng. Hễ nó khởi lên, cứ mặc kệ nó, chỉ chú ý vào Phật hiệu*”. Dầu có vọng niệm cũng có thể nhờ nó để trừ nghiệm công phu của chính mình. Nói chung, ai trong khoảng thời gian tàn một cây hương (một tiếng rưỡi) mà có dăm ba vọng niệm thì công phu đã khá lắm rồi. Công phu như vậy cần phải mất ba năm. Nếu chẳng tích cực thì niệm ba mươi năm cũng chẳng đạt được! Nếu thật sự hiểu rõ sự thật, sẽ nhất định coi cầu sanh Tịnh Độ là đại sự bậc nhất trong một đời, ắt phải tinh tấn, không ăn cơm cũng chẳng sao, không có áo mặc cũng chẳng trở ngại gì, không có việc làm cũng không quan trọng, chứ không niệm Phật là không được. Dùng tinh thần ấy để niệm

Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Xã hội này khổ nạn quá nhiều, lo buồn chẳng thể giải quyết được, hết thấy vọng tưởng, chấp trước, so đo đều chẳng thể giải quyết vấn đề. Nhất là sống trong thời đại này, khiến cho chúng ta cảm thấy đời người khó khăn, khổ sở. Nếu chẳng cầu thoát lìa thì chỉ có liên tục chịu tội mà thôi!

(Giải) Niệm Căn tăng trưởng, phá chư tà niệm, thành tựu nhất thiết xuất thế chánh niệm công đức, danh Niệm Lực.

(解) 念根增長。破諸邪念。成就一切出世正念功德。名念力。

(Giải: Niệm Căn tăng trưởng, phá các tà niệm, thành tựu hết thấy

công đức chánh niệm xuất thế, gọi là Niệm Lực)

Những cách nhìn và cách nghĩ sai lầm vừa nói trong phần trên đều là tà niệm. Thậm chí, đối với Phật pháp cũng có những cách nhìn và cách nghĩ sai lầm giống như vậy thì sẽ gây trở ngại rất lớn trong sự tu học. Niệm Căn đặc lực thì hết thấy sai lầm không còn nữa. So sánh trên phương diện tu trì, pháp môn Tịnh Tông đơn giản hơn. Càng đơn giản, càng dễ thành tựu. Nhất tâm chuyên trì danh hiệu Di Đà, nhất tâm chuyên cầu vãng sanh Tịnh Độ thì niệm ấy có sức mạnh, những vọng niệm khác tự nhiên chẳng sanh. Nhất tâm có sức mạnh, nhị tâm sẽ phân tán. Khi trí huệ chưa hiện tiền, Định Huệ chưa thành tựu thì chánh hay tà đều chẳng liên quan gì đến ta, tạm thời bỏ chúng qua một bên. *“Hết thấy công đức chánh niệm xuất*

thế” chính là tín nguyện trì danh, mà cũng là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục*”. Có như vậy thì Niệm Căn mới có thể thành tựu.

(Giải) Định Căn tăng trưởng, năng phá loạn tưởng, phát chư Sự Lý Thiên Định, danh Định Lực.

(解) 定根增長。能破亂想。發諸事理禪定。名定力。

(Giải: Định Căn tăng trưởng, phá được loạn tưởng, phát khởi các Sự Lý Thiên Định, gọi là Định Lực).

Định phá được phiền não. Chữ “*loạn tưởng*” chỉ tham, sân, si, mạn, nghi. Định có thể phá được năm loại sai lầm lớn về mặt tư tưởng ấy. Sự và Lý bao gồm hết

thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Hiểu rõ Lý rồi thì lý đặc, tâm an. Sự và Lý đều rất phức tạp: Hễ có một Lý ắt có một Sự, có một Sự ắt có một Lý. Chẳng thể nào có Sự ở ngoài Lý hoặc Lý ở ngoài Sự được! Thiên Định là ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng dấy lên phân biệt. Hết thảy sự đều thông đạt là Chiếu Kiến, chẳng phải là nghiên cứu. Nghiên cứu là dùng ý thức. Phật pháp dùng tham cứu, lìa tâm ý thức để tham cứu. “Thức” là thức thứ sáu có công năng phân biệt, Ý là thức thứ bảy (Mạt Na Thức) có đặc tánh chấp trước, Tâm là thức thứ tám (A Lại Da Thức), chứa đựng chủng tử. “*Lìa tâm ý thức*” là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng.

***(Giải) Huệ Căn tăng trưởng, năng giá
thông biệt chư Hoặc, phát chân vô lậu,
danh Huệ Lực.***

(解) 慧根增長。能遮通別諸惑。發真無漏，名慧力。

(Giải: Huệ Căn tăng trưởng, có thể ngăn chặn các Hoặc chung và riêng, phát khởi vô lậu chân thật, gọi là Huệ Lực)

“Giá” (遮) có nghĩa là ngăn dứt.
“Hoặc” (惑) là mê hoặc. Nói đơn giản, tất cả hết thấy mê hoặc đều chẳng ngoài ba loại lớn là Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh. Ba loại lớn này biến hiện thành vô lượng tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm cho đến quả báo sướng khổ khác nhau. Chỉ có trí tuệ chân thật mới có thể ngăn dứt ba loại phiền não lớn này. Từ Tiểu Thừa Sơ Quả cho đến Đại Thừa Đẳng Giác Bồ Tát đều

chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc, nguyên lý tu học của Ngũ Căn và Ngũ Lực.

(Giải) Thất Bồ Đề Phần, diệc danh Thất Giác Phần. Trí huệ quán chư pháp thời, thiện năng giản biệt chân ngụy, bất mậu thủ chư hư ngụy pháp, danh Trạch Pháp Giác Phần.

(解) 七菩提分。亦名七覺分。智慧觀諸法時。善能簡別真偽。不謬取諸虛偽法。名擇法覺分。

(Giải: Thất Bồ Đề Phần còn gọi là Thất Giác Phần. Khi dùng trí huệ quán các pháp, có thể khéo phân biệt chân và ngụy, chẳng làm lẫn giũ lấy pháp hư ngụy thì gọi là Trạch Pháp Giác Phần).

Bồ Đề (Bodddhi) là tiếng Phạn, nghĩa là Giác. Nó có tác dụng ngăn ngừa chướng ngại phát sanh trong quá trình tu học của hành giả. Trí huệ do Căn và Lực sanh ra. Môn cuối cùng trong Ngũ Căn và Ngũ Lực trong phần trên đều là trí huệ. Nếu không có Căn và Lực thì sẽ không có cách nào phân định hết thấy pháp là chân hay vọng. Nói tới “chân - vọng” thì từ ngữ này bao quát rất nhiều thứ, đúng - sai, tà - chánh, thiện - ác, thiên - viên, đều bao gồm trong ấy. Ất phải có trí huệ chân thật thì mới có thể phân biệt pháp môn nào cần phải học. Đối với căn tánh của chính mình cũng phải dùng trí huệ để quán sát, chẳng thể xử sự theo tình cảm; bởi lẽ, một pháp [dù vi diệu đến mấy] cũng chưa chắc đã khế hợp căn tánh của chính mình. “*Chư pháp*” bao gồm pháp thế gian và xuất thế gian. Ba khoa trước trong ba mươi bảy đạo phẩm, tức Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh

Cần, Tứ Như Ý Túc, dễ hiểu, dễ học. Còn khoa này khó hiểu, khó học vì chúng ta không có trí huệ chân thật, chẳng dễ gì phân biệt hết thấy các pháp chân - vọng, tà - chánh. Thường chọn lầm pháp môn, lãng phí tinh lực lẫn thời gian. Nếu có thể sớm quay đầu lại thì còn được; nếu chấp mê chẳng ngộ, khó thể thành tựu ngay trong một đời. Nếu là người không có trí huệ, nhưng thật sự có thiện căn, phước đức thì cũng có thể thành tựu. Người có thiện căn sẽ có thể tin, người có phước đức sẽ chịu tu, người thật thà, trung hậu dễ thành tựu. Từ xưa đến nay, những người niệm Phật vãng sanh trong Tịnh Tông quá nửa là nhờ vào thiện căn, phước đức mà được thành tựu. Tâm địa chân thành, cung kính, nghe đến pháp môn này sẽ tin vào Thánh Ngôn Lượng¹¹³, Phật, Bồ

¹¹³ Lượng (量) là so lường, là tiêu chuẩn. Có nghĩa là những tiêu chuẩn để phân định sự hiểu biết là chân hay ngụy, gồm ba tiêu chuẩn như sau:

Tát, tổ sư, đại đức chẳng gạt ai. “*Thật thà*” chính là bí quyết thành công. Nói đến thành phần tri thức thì phiền lắm. Họ nhất định phải hiểu rõ sự tình; nếu không, sẽ chẳng thể hoàn toàn tin tưởng, sốt sắng tu học. Thuở đức Phật tại thế, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, chuyên nhằm xây dựng tín tâm, phá mê khai ngộ cho những kẻ ấy.

Dùng trí huệ quán sát thế gian, hiểu rõ chân tướng của pháp thế gian, chẳng lãng phí thời gian làm những chuyện chẳng liên can. Bất luận tạo thiện nghiệp tạo ác nghiệp đều là tạo nghiệp luân hồi lục đạo. Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện; “thiện” ấy không phải là thiện trong “thiện,

1. Hiện Lượng (Pratyakṣa-pramāna): Còn gọi là Chân Hiện Lượng. Dùng sự nhận biết sự vật trực tiếp của Ngũ Căn để biện định. Hiện Lượng chỉ có thể áp dụng cho bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên. Từ Địa Tiên Bồ Tát (những địa vị Bồ Tát chưa chứng Sơ Địa) trở xuống, sự nhận biết sự vật của Ngũ Căn đều là hư giả, lộn lạo, không thể gọi là Hiện Lượng được.

2. Tỷ Lượng (Anumāna-pramāna): Dùng so sánh để suy luận. Tức là đem những điều đã biết chắc chắn để so sánh với những điều chưa biết.

3. Thánh Giáo Lượng (còn gọi là Thánh Ngôn Lượng, Chánh Giáo Lượng): Dùng những lời dạy của bậc Nhất Thiết Trí để biện định.

ác”. Thiện và ác là tương đối, hai bên đều lìa bỏ thì mới là chân thiện. Trong cuộc sống thường ngày có chuyện tốt lẫn chuyện xấu, khởi lên ý niệm tạo tác ắt sẽ rớt vào một bên. Dầu làm hết thấy thiện sự, trong tâm chẳng giữ lại ấn tượng, tận hết sức thực hiện những chuyện tạo lợi ích cho chúng sanh trong thế gian. Trong tâm gìn giữ sự thanh tịnh, đạt đến mức tam luân thể không. Học Phật thì hết thấy pháp môn đều tốt lành, hết thấy kinh điển Đại Tiểu Thừa do đức Phật nói đều có thể khiến cho con người viên thành Phật đạo. Nói theo mặt Lý là như thế, nhưng trên mặt Sự, căn tánh mỗi người khác nhau. Trong thuở ấy, đức Phật giáo hóa chúng sanh, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng giữ lại, không có sách giáo khoa, cũng không có kinh bản. Trong đại hội, hễ ai hỏi, Phật liền đáp. Người đương cơ nghe giảng sẽ đạt được lợi ích. Lợi ích đạt

được sâu hay cạn tỷ lệ thuận với căn cơ
dày hay mỏng, như có người may mắn
gặp Phật, đích thân nghe pháp âm, có thể
là nghe xong liền khai ngộ, chứng quả.
Chúng sanh đời sau có duyên với Phật
kém hơn một bậc. Sau khi Phật diệt độ,
các đệ tử kết tập lời Phật thuyết pháp
thành Tam Tạng Kinh - Luật - Luận,
người đời sau đọc đến, lắng lòng suy nghĩ
xem căn tánh của chính mình có khế hợp
pháp môn do đức Phật đã dạy hay không?
Nếu chính mình không có năng lực chọn
lựa pháp môn thì Phật đặc biệt từ bi dạy
chúng ta hãy tu pháp môn Niệm Phật.
Trong kinh Đại Tập, đức Phật dạy: “*Thời
kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời
kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu.
Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”,
giống như đức Phật đã thọ ký cho chúng
ta. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật
nói: “*Thời Mạt Pháp, đến cuối cùng, hết*

thấy kinh điển đều bị diệt sạch, vẫn giữ lại kinh Vô Lượng Thọ tồn tại một trăm năm trong cõi đời”. Kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cùng một bộ kinh. Kinh Vô Lượng Thọ được gọi là Đại Bản, kinh A Di Đà được gọi là Tiểu Bản, hết sức thích hợp cho thời pháp diệt tận, chỉ cần chịu tu, sẽ có thể thành tựu ngay trong một đời. Vì thế, được gọi là Phật pháp “*đương sanh thành tựu*” (thành tựu ngay trong một đời). Từ xưa, tổ sư, đại đức đã căn cứ trên kinh văn, chia thời gian sau khi đức Phật diệt độ thành năm thời kỳ, mỗi thời kỳ dài năm trăm năm:

- Năm trăm năm thứ nhất là Giới Luật kiên cố.
- Thứ hai là Thiên Định kiên cố.
- Thứ ba là Đa Văn kiên cố, nhằm đúng vào thời đại hoàng kim của Phật pháp trong triều đại Tùy - Đường. Mọi người

đều nghiên cứu lý luận, trước thuật rất nhiều.

- Thứ tư là tháp miếu kiên cố, ít người thật sự tu hành, chỉ lo dựng chùa.

- Thứ năm là đấu tranh kiên cố, trong thời kỳ này có lắm sự tranh đấu. Vì vậy, Ngẫu Ích đại sư bảo chúng ta hãy “*tùy thuận giáo huấn chân thật*” của chư Phật, “*chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, “*giáo huấn*” là tín nguyện trì danh. Không riêng gì A Di Đà Phật, thậm chí Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương ba đời hết thấy chư Phật cũng dị khẩu đồng âm hộ trì, tán thán, khuyến khắp các chúng sanh trong đời sau hãy cầu sanh Tịnh Độ.

Chúng ta phải biết: Pháp thế gian dù chân hay vọng đều chớ nên giữ lấy. Nếu chẳng tu thiện sẽ trái nghịch bốn nguyện độ sanh của chư Phật. Chúng ta đoạn ác tu thiện, sốt sắng nỗ lực thực hành, nhưng chẳng mong cầu gì! Trong Phật pháp,

chuyên tu pháp môn Niệm Phật thì có thể gọi là “khéo chọn lựa pháp”.

(Giải) Tinh tấn tu chư đạo pháp thời, thiện năng giác liễu, bất mậu hành u vô ích khổ hạnh, thường cần tâm tại chân pháp trung hành, danh Tinh Tấn Giác Phần.

(解) 精進修諸道法時。善能覺了。不謬行於無益苦行。常勤心在眞法中行。名精進覺分。

(Giải: Khi tinh tấn tu các pháp đạo, có thể khéo hiểu rõ, chẳng làm lạc hành các khổ hạnh vô ích, thường dốc lòng siêng năng hành pháp chân thật thì gọi là Tinh Tấn Giác Phần).

“*Tinh*” là tinh thuần không tạp, “*tấn*” là chẳng lười. Tinh tấn nhất định phải là cầu giác ngộ trong Phật pháp bằng tinh niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*nhiep trọn sáu căn, tinh niệm tiếp nối*” mới là chân tinh tấn. Trong sáu căn, sự giao tiếp giữa trong và ngoài được cai quản chủ yếu bởi ý thức. Tác dụng của năm căn là nhận biết sự vật, chứ không phân biệt. Thức thứ sáu là Ý Thức khởi tác dụng, phân biệt thiện, ác, tốt, xấu. Mắt chỉ thấy, chứ không phân biệt, thì tâm định. Hiểu khá rõ ràng tướng của sáu trần bên ngoài, đó là Huệ. Chẳng khởi tâm động niệm là Định. Vĩnh viễn trụ trong Định Huệ là chân tinh tấn. Định và Huệ là một, chứ không phải hai. Định - Huệ bình đẳng, Định là Thể của Huệ, Huệ là Dụng của Định; mà cũng có thể nói Huệ là Thể của Định, Định là Dụng của Huệ. Hiểu rõ sự thật này nhưng rất khó thực hiện được.

Nếu chúng ta phân biệt, chấp trước thì dùng phương pháp Niệm Phật để phân biệt, chấp trước nơi A Di Đà Phật. Công phu đã vận dụng thuần thục rồi thì lại bỏ A Di Đà Phật đi. Dùng một câu danh hiệu A Di Đà Phật này để làm phương tiện hòng đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Đạt đến cảnh giới này, tuy vẫn niệm, nhưng niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Niệm Phật chỉ nhằm làm gương cho người khác, còn chính mình thì vô niệm. Niệm: Chẳng rớt vào Không; vô niệm: Chẳng rớt vào Có thì gọi là Trung Đạo. Câu Phật hiệu này quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm, tới cuối cùng là niệm Phật. Đức Phật nói kinh Pháp Hoa đến cuối cùng cũng là niệm Phật. Thậm chí các tông phái Tánh, Tướng đến cuối cùng vẫn là niệm Phật. Tại Trung Quốc, Thiên Tông thịnh hành nhất. Trong Thiên Môn Nhật Tụng, đến tối bèn niệm A Di

Đà Kinh, niệm A Di Đà Phật. Đây là sự giác ngộ triệt để của các vị tổ sư. Tổ sư nói: “Phàm ai học Phật mà chẳng muốn cầu sanh Tịnh Độ thì kẻ ấy chẳng thông hiểu Phật pháp”.

“Thiện năng giác liễu” (có thể khéo giác ngộ) là do công phu tu học mà thấu hiểu, chứng nghiệm. Mỗi lần đọc kinh một lượt là một lượt giác ngộ, nhưng càng ngộ càng sâu. Đây là “thiện năng giác liễu”. Chớ nên tu những khổ hạnh, chẳng hạn như “không ăn quá Ngọ”, người Tiểu Thừa hết sức coi trọng điều này. Sau giờ Ngọ có thể dùng những thực phẩm nhẹ như uống nước đường, sữa v.v... Những phần lắng xuống trong các loại nước ấy đều chẳng được ăn. Pháp Đại Thừa tán thán ăn chay với mục đích bồi dưỡng lòng từ bi, gián tiếp không sát sanh. Huống chi hiện thời do ăn thịt mà chúng ta bị bệnh nhiều lắm. Tại Mỹ, rau xanh còn ăn được,

ít dùng thuốc trừ sâu, chứ ở Đài Loan, rau xanh nhìn rất đẹp mắt, nhưng chẳng ngon lành gì. Có lẽ là do phun thuốc trừ sâu nhiều quá, có mùi vị khác hẳn rau xanh trồng tại Đại Lục.

(Giải) Nhược tâm đắc pháp hỷ, thiện năng giác liễu thử hỷ, bất y điên đảo chi pháp nhi hỷ, trụ chân pháp hỷ, danh Hỷ Giác Phần.

(解) 若心得法喜。善能覺了此喜。不依顛倒之法而喜。住眞法喜。名喜覺分。

(Giải: Nếu tâm đắc pháp hỷ, khéo có thể hiểu rõ niềm vui này, chẳng vui theo những pháp điên đảo, trụ trong chân pháp hỷ, thì gọi là Hỷ Giác Phần)

Trong pháp thể gian cũng có “*pháp hỷ*”, như câu thứ nhất trong Luận Ngữ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi tập luyện, chẳng vui lắm sao). Chữ Duyệt này chính là pháp hỷ. Pháp hỷ từ nội tâm phát ra. Dùng tâm chân thành, cung kính đọc kinh, cảm thấy có chỗ ngộ, ý vị vô cùng, đây là pháp hỷ. Trước kia, học trò nhỏ đi học trường tư, bảy tám tuổi học Tứ Thư. Tới năm bảy tám mươi tuổi, đọc những sách ấy vẫn thấy ý vị tràn trề, là do quả thật có lãnh ngộ, tức là cảm thấy vui sướng. Niềm vui do đọc sách là sự hưởng thụ tối cao trong đời người.

Đại sư nói: “*Bất y điên đảo chi pháp nhi hỷ*” (Chẳng vui theo pháp điên đảo). So với sách vở thế tục thì kinh điển Nho gia là chánh, nhưng nếu đem so với Phật pháp thì Phật pháp là chánh. Mục tiêu tu học của Nho gia không ngoài “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, chẳng thể

thoát khỏi tam giới! Dem pháp Tiểu Thừa so với pháp Đại Thừa, pháp Đại Thừa là chánh. Dem Đại Thừa Phật pháp so với trì danh niệm Phật thì trì danh niệm Phật là thuần chánh, vượt trội hết thảy pháp môn Đại Thừa. Nếu lại tu học những pháp môn khác, chính là đã lãng phí hết sạch tinh lực và thời gian rồi. Cơ hội hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, hôm nay đã được gặp, hãy sốt sắng tu học! Càng học thì sự lãnh ngộ càng sâu, càng học thì tín tâm đối với sự vãng sanh Tây Phương thế giới càng chân thật, thiết tha.

***(Giải) Nhược đoạn trừ chư kiến phiền
nã chi thời, thiện năng giác liễu, trừ
chư hư ngụy, bất tổn chân chánh thiện
căn, danh Trừ Giác Phần.***

(解) 若斷除諸見煩惱之時。善能覺了。除諸虛偽。不損真正善根。名除覺分。

(Giải: Nếu khi đoạn trừ các kiến phiền não, khéo có thể giác ngộ, trừ các hư ngụy, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh thì gọi là Trừ Giác Phần)

Đây chính là chi thứ tư trong Thất Giác Chi, tức Trừ Giác Phần, rất gần gũi với chi thứ năm là Xả Giác Phần. Trừ là đối nội, Xả là đối ngoại. Phân chia như vậy cho dễ hiểu. “*Chư kiến phiền não*” chính là Kiến Tư phiền não như các kinh luận đã nói, hoặc còn gọi là Kiến Tư Hoặc. Đây chính là tên gọi chung của phiền não, và cũng là cội nguồn của tam giới lục đạo. Nếu đoạn trừ Kiến Tư phiền não thì luân hồi lục đạo sẽ không còn nữa. Trong

Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có câu: “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên” (Trong mộng rành rành trọn sáu nẻo, tỉnh rồi tam giới rộng toang hoang). Kiến Tư Hoặc chia thành hai thứ là Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Kiến Hoặc là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến, Tà Kiến. Tư Hoặc là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Trong phần sau sẽ giải thích cặn kẽ, ở đây không cần phải nói rườm rà.

Sự tu học trong Tịnh Tông dựa trên kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Kinh văn của kinh A Di Đà chẳng dễ hiểu cho lắm, may là có hai tác phẩm bất hủ là Sớ Sao của Liên Trì đại sư và Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, giúp ích cho sự tu học của chúng ta không chi lớn bằng. Chỉ cần công phu niệm Phật thuần thực, chúng ta cũng sẽ đạt được cảnh giới và hiệu quả như trong Thiên Tông. Họ dùng

phương pháp tham cứu, không phải ai cũng có thể làm được. Chúng ta dùng phương pháp nhất tâm chuyên niệm thì ai cũng có thể thực hiện được. Trong khi đoạn trừ các kiến phiền não, bèn hết sức khéo léo trừ các hư ngụy, trọn chẳng tổn hại thiện căn chân chánh. Ba thứ thiện căn trong pháp thế gian là vô tham, vô sân, vô si. Giả sử trừ được phiền não thì đương nhiên sẽ chẳng làm những chuyện xấu, nhưng chuyện tốt cũng không làm thì thiện căn chân chánh đã bị tổn hại, lại đi chệch đường rồi. Đoạn ác tu thiện dù trong pháp thế gian hay xuất thế gian đều là chuyện phải làm hằng ngày. Không có ác, cố ý làm một chút ác; không có thiện, cố ý làm một chút thiện, nhằm khơi gợi sự giác ngộ của chính mình. Trong cuộc sống vẫn là biểu diễn. Đây là phương tiện thiện xảo, không làm là tự lợi, còn làm thì là lợi tha. Thiện căn trong pháp xuất thế chỉ có

một điều, tức là tinh tấn. Dũng mãnh tinh tấn, không mỏi mệt, chán ngán, chẳng tổn hại thiện căn chân chánh. “*Trừ các hư ngụy*”: Tiếng tăm, lợi dưỡng và sự hưởng thụ cá nhân đều là hư ngụy. Người thế gian đoạn ác tu thiện là vì có mục đích, chứ hoàn toàn chẳng phải vô điều kiện. Điều gì không có lợi ích họ sẽ chẳng làm. Chư Phật, Bồ Tát vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, Bi có thể dẹp khổ, Từ có thể ban vui. Từ bi lại thêm vào một chữ “*đại*” tức là vô điều kiện, hết thấy những thứ gì có điều kiện đều là hư ngụy.

(Giải) Nhược xả sở kiến niệm trước cảnh thời, thiện năng giác liễu sở xả chi cảnh, hư ngụy bất thật, vĩnh bất truy ức, danh Xả Giác Phần.

(解) 若捨所見念著境時。善能覺了所捨之境。虛偽不實。永不追憶。名捨覺分。

(Giải: Nếu buông bỏ sự chấp trước vào cảnh trong khi thấy nghĩ, khéo có thể hiểu rõ cảnh bị bỏ là hư ngụy, chẳng thật, vĩnh viễn chẳng theo đuổi, nhớ tưởng chúng thì gọi là Xả Giác Phần)

Xả là đối với cảnh bên ngoài mà nói, mà cũng chính là những thứ ta thường gọi là “vật ngoài thân”. Bên trong buồng Kiến Tư phiền não xuống, bên ngoài buồng ngũ dục lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng xuống. “Cảnh” là cảnh giới; những gì do mắt thấy đều gọi là Sắc, do tai nghe thì gọi là Thanh, do mũi ngửi gọi là Hương, cho đến Ý, Ý chính là ý niệm. Cái để ý duyên vào thì gọi là Pháp. Lục Căn là Nhãn, Nhĩ,

Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, tương ứng với sáu loại cảnh giới lớn bên ngoài là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Sáu loại cảnh giới lớn này hư huyễn, không thật. Hễ nói tới “chân thật” thì phải tồn tại vĩnh viễn, không bị biến đổi. Nếu bị biến đổi sẽ là hư ngụy. Thân thể con người có sanh, lão, bệnh, tử, thời thời khắc khắc biến hóa, chẳng phải là chân thật. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt. Khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Thiên Thân Bồ Tát quy nạp hết thảy các pháp thành một trăm loại lớn, gọi là Bách Pháp. Trong Tướng Tông có cuốn Bách Pháp Minh Môn Luận là sách nhập môn của Đại Thừa. Trong một trăm pháp ấy, lại chia ra pháp hữu vi và pháp vô vi. Pháp hữu vi có sanh, có diệt. Pháp vô vi vô sanh vô diệt. Pháp vô vi có sáu thứ, pháp hữu vi bao gồm tâm, tâm sở, sắc, bất tương ứng hành, gồm chín mươi bốn thứ. Trong các pháp vô vi có hư không vô vi.

Dường như từ cổ đến nay, hư không chẳng biến hóa. Hễ biến hóa thì chẳng phải là chân thật, chớ nên chấp trước. Hễ chấp trước, phiền não liền sanh, đây là do chính mình chuốc lấy. Đã biết chúng chẳng phải là thật, cũng phải biết nguồn cội của chúng rồi mới có thể thật sự buông xuống được. Đức Phật nói: Trong mười pháp giới, y báo và chánh báo trang nghiêm là Tướng Phần trong chân tâm bốn tánh của chúng ta. Bốn tánh là chủ thể có công năng biến hiện (Năng Biến), Tướng Phần là cái được biến hiện (Sở Biến) bởi bốn tánh. Có thể thấy rằng Năng Biến là chân, Sở Biến là giả hữu. Bốn tánh là Chân Không, Lục Tổ nói: “*Bốn lai vô nhất vật*” (Vốn chẳng có một vật), nhưng có thể biến hiện hết thảy pháp. Do vậy, bốn tánh là Thể, Tướng là hình tượng được hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm dạy “*hết thảy pháp chỉ do Tâm hiện, chỉ do Thức*

biến”. Tướng có biến hóa, do Thức khởi tác dụng. Thức là phân biệt, chấp trước. Nếu như bốn tánh hiện tướng thì tướng ấy được gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Trong tâm có Kiến, Tư, phân biệt, chấp trước, liền biến hiện ra lục đạo, luân hồi.

Mười phương vô lượng vô biên các thế giới Phật, hết thảy các vị Phật, Bồ Tát cũng là vật được biến hiện từ tâm tánh của chính mình, thường nói “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Hiện tại, chúng ta có bao giờ chẳng phải là “*duy tâm uế độ, tự tánh Thích Ca*” chẳng? Lìa khỏi tâm tánh sẽ không có một pháp nào để được. Đây chính là “*thiện năng giác liễu*” (khéo có thể hiểu rõ). Huống chi, trong kinh Phật đã khai thị: “*Hết thảy pháp từ tâm tướng sanh*”. Tâm tướng điều gì liền biến ra điều ấy. Đại đa số mọi người chết đi sẽ đọa vào tam ác đạo, [là do] họ nghĩ đến tham bèn đọa ngạ quỷ, nghĩ đến sân bèn đọa địa

ngục, nghĩ đến si, chẳng phân biệt tà - chánh, thiện - ác, lợi - hại rõ ràng, hồ đồ mờ mịt, bèn đọa vào súc sanh. Niệm Phật tưởng Phật, nhất định sẽ thành Phật, niệm trời tưởng trời, nhất định sẽ sanh lên trời. Chuyện sanh lên trời trong Cơ Đốc Giáo hay Thiên Chúa Giáo là thật, chẳng phải là giả. Nếu niệm Phật, tưởng Phật, trong tâm lại tưởng tham, sân, si thì tam ác đạo vẫn có phần, không về Tây Phương được! Phải hiểu rõ ràng đạo lý ấy, phải buông xuống hết thảy, chêt lòng sát đất niệm một câu A Di Đà Phật, trong một đời này có thể thật sự vượt thoát tam giới, đồng thời tùy duyên tùy phận giúp đỡ người khác khai ngộ, lìa khổ, được vui. Đây là tâm đại từ bi của chính mình, không có bất cứ điều kiện nào. [Coi những điều đó như] những chuyện thuộc về bốn phận phải làm; bởi lẽ, hết thảy chúng sanh và ta đồng thể, “đồng thể đại bi”, từ đó sanh ra “vô duyên

đại từ”, như cha mẹ yêu thương con cái vô điều kiện. Ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng đã là hư vọng thì phải bỏ. Bỏ xong, vĩnh viễn chẳng còn tưởng nhớ, đó gọi là Xả Giác Phần.

(Giải) Nhược phát chư Thiên Định chi thời, thiện năng giác liễu chư Thiên hư giả, bất sanh ái kiến vọng tưởng, danh Định Giác Phần.

**(解) 若發諸禪定之時。善能覺了諸禪
虛假。不生愛見
妄想。名定覺分。**

(Giải: Nếu lúc phát khởi các Thiên Định mà khéo có thể hiểu rõ các môn Thiên là hư giả, chẳng sanh ái kiến, vọng tưởng, thì gọi là Định Giác Phần)

Đối với hai loại trên, nếu thực hiện đến mức có hiệu quả chân thật thì sẽ đắc Thiên Định. Trừ Giác Phần khiến cho nội tâm thanh tịnh, tách lìa hết thấy phân biệt, chấp trước; Xả Giác Phần [khiến cho hành giả] quyết định chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, Thiên Định tự nhiên hiện tiền. Công phu Trừ và Xả sâu đậm thì công phu định lực cũng sâu. Định là trạm dừng giữa đường, chẳng phải là mục tiêu rốt ráo. Hơn nữa, Thiên Định sâu hay cạn vô lượng vô biên, tuyệt đối chớ nên “được chút ít đã cho là đủ”, khoe khoang với người khác. Tứ Thiên Bát Định là Thiên Định thế gian. Vì sao chẳng thể đạt đến Cửu Thứ Đệ Định, chứng quả La Hán, vượt thoát tam giới? Gốc bệnh là ở chỗ “ái kiến, vọng tưởng”. Hành giả hết sức ưa thích những cảnh giới trong Định, lại còn hiểu lầm là đã nhập Niết Bàn! Nếu chẳng sanh ái kiến vọng tưởng thì Thiên

Định sẽ sanh ra trí huệ. Người niệm Phật niệm đến mức “công phu thành phiền” sẽ rất gần với Thiền Định. Niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn chính là Thiền Định. Khi ấy, trọn chớ nên sanh khởi ái kiến vọng tưởng. Câu niệm Phật này cứ một mực niệm mãi, hãy thường so sánh với Phật, Bồ Tát, đừng so sánh với phàm phu, để khỏi sanh tâm ngạo nghễ, ngã mạn, vĩnh viễn giữ được lòng khiêm hư, cung kính hết thảy. Đây là Định Giác Phần.

(Giải) Nhược tu xuất thế đạo thời, thiện năng giác liễu, thường sử Định Huệ quân bình, hoặc tâm trầm một, đương niệm dụng Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ tam giác phần, dĩ sát khởi chi. Hoặc tâm phù động, đương niệm dụng Trì, Xả, Định tam giác phần, dĩ nhiếp trì chi, điều hòa thích trung, danh Niệm Giác Phần.

**(解) 若修出世道時。善能覺了。常使
定慧均平。或心沉沒。當念用擇法精進
喜三覺分。以察起之。或心浮動。當念
用除捨定三覺分。以攝持之。調和適
中。名念覺分。**

(Giải: Nếu khi tu đạo xuất thế, khéo có thể hiểu rõ, thường khiến cho Định và Huệ cân bằng. Nếu tâm chìm đắm, hãy nên nghĩ dùng ba thứ Giác Phần là Trạch Pháp, Tinh Tấn và Hỷ để dấy lên sự quán sát. Nếu tâm phập phều, chao động, hãy nên nghĩ dùng ba môn Giác Phần là Trì, Xả và Định để nhiếp trì cái tâm, điều hòa cho thích hợp, thì gọi là Niệm Giác Phần)

Hãy nên dùng Thất Bồ Đề Phần trong công phu tu hành bình thường, dùng sao cho ổn thỏa thì sẽ giúp ích rất lớn cho sự tu học. Bất cứ tông phái, pháp môn nào cũng đều có hai loại bệnh:

- Một là hôn trầm, thường cảm thấy mệt mỏi, tinh thần trì trệ. Niệm Phật chưa được bao lâu, hễ vừa Chỉ Tĩnh liền ngủ gục. Công phu nhất định phải giữ cho Định và Huệ cân bằng. Định nhiều sẽ hôn trầm, Huệ nhiều sẽ cảm thấy trong tâm lao xao, vọng niệm lên xuống nhộn nhịp. Nếu gặp tình trạng như vậy, liền sử dụng ba môn Giác Phần trong phần trước là Trạch Pháp, Tinh Tấn và Hỷ để điều chỉnh. Khi đã tọa gặp hiện tượng ấy, liền đứng lên niệm Phật hoặc lễ Phật, hoặc tưởng A Di Đà Phật lúc đang tu nhân nỗ lực tinh tấn tu hành, thấy người hiền liền mong được bằng. Trong Niệm Phật Đường thời cổ phải nương tựa vào đại chúng, có hoàn

cảnh tu học tốt đẹp. Hiện thời, những đạo tràng lớn đều biến thành địa điểm du lịch, xe du khách ra vào không ngớt, khó thể thanh tịnh. Hiện thời, thật sự dụng công vẫn chẳng bằng tại nhà. Ngày nay có băng thâu âm, băng thâu hình, máy niệm Phật, thuận tiện hơn trước kia. Mời mấy người chí đồng đạo hợp tu chung với nhau. Đạo tràng Dallas của chúng ta chia thành ba khu nhiều Phật, lễ Phật, tịnh tọa niệm Phật, mỗi khu chẳng làm rộn lẫn nhau. Không có pháp sư hướng dẫn thì mở máy niệm Phật, tiếng niệm Phật không ngừng. Bước vào Phật đường một câu cũng không nói, thấy người khác không chào hỏi, hoàn toàn dựa theo Phật hiệu để niệm Phật, không có bất cứ áp lực nào.

- Nếu trong tâm rất nhiều vọng niệm, phập phều vọng động lao xao, đây chính là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, tu luyện trong cuộc sống thường ngày hãy dùng ba

môn Giác Phần là Trừ, Xả và Định để nhiếp trì, luôn điều hòa sao cho thích đáng, làm cho tâm chẳng bị xen tạp. Tuy trong một lúc chẳng thể trừ sạch, chớ nên gấp rút mong trừ được, chớ nên miễn cưỡng, nhất định phải sao cho thân tâm thoải mái, hoan hỷ, càng học tâm càng thanh tịnh, phiền não ngày càng giảm, trí huệ tăng trưởng là được.

(Giải) Bát Thánh Đạo Phần, diệt danh Bát Chánh Đạo Phần. Tu vô lậu hạnh quán, kiến Tứ Đế phân minh, danh Chánh Kiến.

(解) 八聖道分。亦名八正道分。修無漏行觀。見四諦分明。名正見。

(Giải: Bát Thánh Đạo Phần còn gọi là Bát Chánh Đạo Phần. Tu vô lậu hạnh

quán, thấy Tứ Đế rành mạch, thì gọi là Chánh Kiến)

Khoa cuối cùng trong ba mươi bảy đạo phẩm là Bát Chánh Đạo, còn gọi là Bát Thánh Đạo. Bát Chánh Đạo là khoa mục trọng yếu nhất trong Phật môn, tiêu chuẩn rất nhiều. Tiểu Thừa cũng có Bát Chánh Đạo, mỗi một tông phái trong Đại Thừa cũng có Bát Chánh Đạo, tiêu chuẩn [trong mỗi một tông phái] khác nhau. Ở đây, đại sư giảng Bát Chánh Đạo theo tánh chất nguyên tắc.

“Tu vô lậu hạnh quán, kiến Tứ Đế phân minh”: Tứ Đế chính là danh xưng chung của pháp thế gian và xuất thế gian, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là quả báo thế gian. Tập là nhân duyên thế gian, nói rõ chân tướng của pháp thế gian. Diệt và Đạo là pháp xuất thế gian. Diệt là diệt phiền não, diệt sanh tử. Diệt là quả xuất thế gian,

Đạo là nhân xuất thế gian. Khổ, Tập, Diệt, Đạo là hai tầng nhân quả, mà cũng là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Nếu muốn thấy đạo thì phải tu vô lậu hạnh quán; câu này bao gồm hết thấy phương pháp tu học Đại Tiểu Thừa. “*Lậu*” (漏) là tên gọi khác của phiền não, là danh từ phản nghĩa của Chân Như bốn tánh. Đây chính là tỷ dụ Chân Như bốn tánh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khiến cho Bát Nhã, trí huệ, vô lượng công đức vốn sẵn có trong bốn tánh bị rò rỉ. Nếu tương ứng với bốn tánh thì gọi là “vô lậu”. Do vậy, phải tu pháp vô lậu thì mới có thể thấy được chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Thánh nhân Tiểu Thừa đoạn được Kiến Tư phiền não, nên gọi là “vô lậu”, nhưng so với Đại Thừa thì tuy đoạn được Kiến Tư, vẫn còn có Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn, chẳng thể gọi là “*chân vô lậu*”. Ất phải đoạn sạch Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh thì sẽ là

phàm vị Thập Địa Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo. Hàng Địa Thượng Bồ Tát (tức Bồ Tát đặc Sơ Địa Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên) còn được gọi là Đại A La Hán, cũng gọi là Vô Học, [ngụ ý] đã tốt nghiệp rồi [không cần phải học nữa]. Thông thường, bậc Bồ Tát phá một phần vô minh, thấy một phần chân tánh thì vị ấy cũng được xếp vào hàng “chân thật vô lậu hạnh quán”, tức là từ bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên, hoặc Đẳng Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Do vậy, tiêu chuẩn của Bát Chánh Đạo rất cao; trong các tông phái khác, đạt đến cảnh giới này chẳng dễ dàng. Tịnh Tông là pháp môn bình đẳng thành Phật. Hết thấy chúng sanh tu pháp bình đẳng: Đẳng Giác Bồ Tát lẫn phàm phu cùng tu học và chứng đắc một pháp “tín, nguyện, trì danh, cầu nguyện vãng sanh”. Nếu tin tưởng chẳng hoài nghi sự trang nghiêm nơi y báo và

chánh báo của Tây Phương thì đây chính là Chánh Kiến trong Tịnh Tông, có cùng kiến giải với chư Phật Như Lai.

(Giải) Dĩ vô lậu tâm tương ứng tư duy, động phát giác tri trừ lượng, vị linh tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn, danh Chánh Tư Duy.

(解) 以無漏心相應思惟。動發覺知籌量。為令增長。入大涅槃。名正思惟。

(Giải: Dùng tâm vô lậu để tư duy tương ứng, đây khởi sự hay biết, tính toán, so sánh, nhằm tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn, thì gọi là Chánh Tư Duy).

“Vô lậu tâm” là chân tâm, vọng tâm là hữu lậu, chẳng thanh tịnh. Quán Kinh nói “chí thành tâm”, Đại Thừa Khởi Tín Luận

nói “*trực tâm*”, Nho gia nói “*thành ý chánh tâm*”, [những tâm ấy] cũng tương tự với vô lậu tâm ở đây. Thanh tịnh tâm khởi tác dụng là trí huệ. Vô lậu tâm chính là Thật Trí, khởi ra tác dụng là Quyền Trí. Câu “*động phát giác tri trừ lượng*” là nói về sự khởi tác dụng, chính là “*chiếu kiến*” như trong Tâm Kinh đã nói. “*Tư duy*” được nói ở đây hoàn toàn chẳng phải là sự nghiên cứu, suy xét thuộc phạm vi ý thức như chúng ta thường nói. Ở đây, “*tư duy*” biểu thị sự thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài liền thông đạt, hiểu rõ, có thể tăng trưởng, tiến nhập Đại Niết Bàn là cảnh giới chứng đắc trong quả địa Như Lai. Đây chính là Chánh Tư Duy. Trong Tịnh Độ Tông, [hành nhân] dùng thức thứ sáu là Ý Thức để suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ tới sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế

giới, nghĩ tới A Di Đà Phật. Đây là Chánh Tư Duy. Quả báo là vãng sanh Tịnh Độ, đã vãng sanh rồi thì trong một đời sẽ nhất định chứng đắc Đại Niết Bàn.

(Giải) Dĩ vô lậu huệ, trừ tứ tà mạng, nhiếp chư khẩu nghiệp, trụ nhất thiết chánh ngữ trung, danh Chánh Ngữ.

(解) 以無漏慧。除四邪命。攝諸口業。住一切正語中。名正語。

(Giải: Dùng vô lậu huệ trừ bốn thứ tà mạng, giữ gìn các khẩu nghiệp, luôn nói hết thật lời lẽ chân chánh thì gọi là Chánh Ngữ).

“*Tứ tà mạng*” ở đây là “tri kiến, tư tưởng, và phương pháp mưu sinh bất chánh”.

Thứ nhất là Phương Khẩu Thực (方口食). Chữ Phương (方) chỉ bốn phương. Giao tế bốn phương, đến các nơi du ngoạn, ve vãn, nịnh hót, bợ đỡ những kẻ hào môn, quyền quý để tham cầu cúng dường.

Thứ hai là Duy Khẩu Thực (維口食), tức là dùng chú thuật trị bệnh, bói toán cát hung, đoán mạng, xem tướng, xem Phong Thủy.

Thứ ba là Ngưỡng Khẩu Thực (仰口食) tức ngửa mặt lên trời coi tinh tú, để tiên đoán hên xui, đều [là những mảnh khóc] thuộc loại mê hoặc chúng sanh.

Thứ tư là Hạ Khẩu Thực (下口食), tự mình cày cấy để duy trì cuộc sống.

Sau khi Phật Giáo truyền đến Trung Quốc, bốn thứ này vẫn tồn tại. Trung Quốc khác với Ấn Độ, Ấn Độ hết sức cung kính người xuất gia. Người xuất gia ôm bát khát thực, dân chúng cúng dường, nhưng ở Trung Quốc, rất dễ mang lòng khinh miệt, chê cười kẻ xuất gia khát thực. Sợ chúng sanh tạo tội nghiệp nên không thể hành [hạnh khát thực]. Trong phần trước, tôi có nói ngài Kiều Phạm Ba Đề là một vị đặc đạo, Ngài có tật miệng thường nhai nhóp nhép, sợ người ta chê cười tạo tội nghiệp, nên Phật không cho phép Ngài khát thực, bảo hãy nhận sự cúng dường của chư thiên. [Quy định chư Tăng ban đêm] ngủ dưới gốc cây ở Trung Quốc cũng không thực hiện được. Cao tăng Ấn Độ đến Trung Hoa là do quốc vương, triều đình lễ thỉnh mà tới. Người Trung Quốc tôn sư trọng đạo, đâu thể nào bảo thầy qua đêm dưới gốc cây! Do vậy, Trung Quốc lo

toan chuyện ăn ở cho các vị cao tăng đến mức tốt đẹp nhất, há lại bảo thầy ngủ dưới gốc cây? Vì thế, nhất loạt phế bỏ cách thức sống theo lối Ấn Độ. Đạo tràng Trung Quốc hề được tạo dựng đều có núi, có ruộng cho nông dân cấy rẫy, định thời hạn nộp tô. Cuộc sống trong chùa miếu khá an định, tâm an thì đạo sẽ hưng vượng. Ngày nay, phải dựa vào tín đồ cúng dường, nên chẳng dám làm mất lòng tín đồ. Do vậy, bốn thứ tà mạng này khó thể trừ hết được.

Chúng ta tách lìa bốn thứ tà mạng này, sống hết sức đơn giản thì cũng xong. Nếu chẳng thể chịu khổ, khó thể thành tựu đạo nghiệp. Lời dạy dò tha thiết tối hậu của đức Phật là “*hãy lấy Giới làm thầy*”. Hơn nữa, kinh điển còn chép “*lấy khổ làm thầy*”. Sống thanh bần khiến cho con người có ý tưởng xuất ly, mà cũng có thể nêu gương tốt đẹp nhất cho người tu hành.

Buông xuống hết thảy, một lòng với đạo, nhất là đối với pháp môn này, sẽ thành tựu nhanh chóng không chi sánh được. Nếu thật sự chịu tu, kinh dạy “*hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, sẽ có thể thành tựu*”. Kinh này là kinh được hết thảy chư Phật hộ niệm. Đã được chư Phật hộ niệm thì hết thảy thiên long bát bộ, hộ pháp, quý thần tự nhiên nhất loạt hộ trì. Chúng ta cứ việc yên tâm, cuộc sống giao trọn cho Phật, Bồ Tát, chẳng cần phải bận khoăn. Nghe nói kiêu này, chắc những đồng tu sơ cơ không thể tiếp nhận mà cũng chẳng dám làm.

Thứ nhất là do chưa hiểu biết rõ ràng pháp môn này. Thứ hai là vì thiện căn, phước đức chẳng đủ. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư bảo tôi: “*Cả một đời ông chuyên tâm tu học, hoằng dương Phật pháp thì đối với thân thể và cuộc sống của chính mình chẳng cần phải lo nghĩ nữa, nhất loạt đều do Phật, Bồ Tát an bài. Dầu*

sống thanh bản cũng không sao hết, dầu thế nào cũng chẳng cần phải bận tâm". Tôi hết sức tôn kính Chương Gia đại sư, nghiêm túc y giáo phụng hành, tôi đạt được một chút tốt đẹp, được tự tại một chút đều nhờ ân huệ của Chương Gia đại sư.

“Nhiếp chư khẩu nghiệp”: Đừng nói người khác đúng, sai, hay, dở, đừng nói lời thô lỗ, đừng hoa ngôn xảo ngữ. *“Trụ nhất thiết chánh ngữ trung”*, cũng chính là ăn nói đúng với bốn phận. Không riêng gì trong đạo tràng Tịnh Độ, mà trong các chùa miếu thông thường, người xuất gia hễ đôi bên hỏi han nhau đều dùng A Di Đà Phật để đáp lời. Đây chính là chánh ngữ thông dụng trong hết thầy tông phái.

(Giải) Dĩ vô lậu huệ, trừ thân nhất thiết tà nghiệp, trụ thanh tịnh chánh thân nghiệp trung, danh Chánh Nghiệp.

(解) 以無漏慧。除身一切邪業。住清淨正身業中。名正業。

(Giải: Dùng vô lậu huệ để trừ hết thảy tà nghiệp nơi thân, trụ trong thân nghiệp thanh tịnh chân chánh thì gọi là Chánh Nghiệp).

Khi chúng ta tạo tác thì gọi là Sự, cũng gọi là “hành vi”, kết quả của nó được gọi là Nghiệp. Xét theo phương diện nhân quả thì Hành (thực hiện, hành vi) và Sự là nhân, Nghiệp là quả. Nghiệp có thiện và ác. Khởi tâm, động niệm, tư duy, tưởng tượng, thuộc về Ý Nghiệp; ý tạo nghiệp. Nói năng là miệng tạo nghiệp. Do thân thể tạo tác thì gọi là Thân Nghiệp. Người Hoa nói tới lễ tiết; Lễ là chế độ¹¹⁴, nhất cử nhất

¹¹⁴ Chữ “chế độ” ở đây không có nghĩa là một chánh thể như dân chủ, độc tài, phong kiến, tư bản, cộng hòa v.v... mà có nghĩa là những phép tắc, khuôn khổ quy định cung cách ứng xử đúng mức trong sinh hoạt thường nhật.

động đều hợp với lễ tiết, duy trì trật tự xã hội, nhưng chẳng thể quá mức, mà phải thích đáng phù hợp. Trong thời đại hiện tại, lễ tiết theo Nho gia không còn nữa, oai nghi của nhà Phật cũng không còn nữa. Chúng ta không có sức cứu vãn, nhưng phải cảnh giác, giữ gìn tiết tháo¹¹⁵ của chính mình. Lễ phép, khiêm nhượng đối với người khác, tự khiêm, đề cao người khác, chẳng tạo hết thảy ác nghiệp, lợi dụng thân thể này để miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, thân lễ Phật, dựa theo những nghi thức tu niệm để chuyên tu lễ bái. Trong khi lễ bái bèn quán tưởng. Trong nghi thức Tịnh Tu Tiệp Yếu của lão cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn, có cách lễ Phật chỉ gồm ba mươi hai lạ, dùng làm công khóa tụng niệm sáng tối cũng rất hay.

¹¹⁵ Hiểu theo nghĩa hẹp, “tiết tháo” có nghĩa là giữ vững những nguyên tắc, nguyên lý đạo đức, phẩm tánh của chính mình, không bị khuất phục, thay đổi trước bạo lực, cường quyền. Theo nghĩa rộng, “tiết tháo” là giữ vững phẩm tánh, khí tiết, đạo đức, nguyên tắc sống, không vì hoàn cảnh dụ dỗ mê hoặc, hoặc vì bị sức ép của xã hội hay đồng bạn mà thay đổi, biến chất.

(Giải) Dĩ vô lậu huệ, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng, trụ thanh tịnh chánh mạng trung, danh Chánh Mạng.

(解) 以無漏慧。通除三業中五種邪命。住清淨正命中。名正命。

(Giải: Dùng vô lậu huệ trừ trọn năm thứ tà mạng nơi ba nghiệp, trụ trong chánh mạng thanh tịnh, thì gọi là Chánh Mạng).

Cái được gọi là “tà mạng” chính là đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, tức là những sự việc nhằm duy trì cuộc sống mà chẳng đúng pháp thì đều gọi là “tà mạng”. Nói theo cách bây giờ thì muốn được nổi tiếng bền:

1. Trá hiện tướng kỳ lạ, đặc biệt: “Trá” (詐) là dối gạt, “hiện” (現) là cố ý biểu diễn cho khác với mọi người. Mục đích là cầu được người khác cung kính, cúng dường.

2. Tự khen công đức: Đối với sự tu trì của chính mình, chẳng biểu hiện chân thật, cũng là vì tiếng tăm, lợi dưỡng.

3. Coi tướng, đoán cát hung: Dùng thủ đoạn xem tướng, đoán mạng để tiếp xúc đại chúng, mong được kẻ khác cung kính, cúng dường, xem ta như thần minh.

4. Lớn tiếng ra oai: Ăn to nói lớn để tỏ oai thế nhằm cầu lợi dưỡng. Nghe nói có những kẻ xuất gia thích chửi bới người khác, thường ra vẻ bề trên giáo huấn người khác. Những bậc thiện tri thức như Chương Gia đại sư và thầy Lý Bình Nam đối với bất cứ ai đều hòa nhã, vui vẻ, chẳng có tí ti hồng hách nào. Các vị giáo

huấn một người nào, nhất định sẽ gọi học trò vào phòng, răn trách người ấy. Giáo huấn một người chính là thật sự xem trọng người ấy.

5. Nói những món lợi mình đã có để lung lạc lòng người khác.

Năm điều trên đây trong Phật môn gọi là “*tà mạng*”. Chúng ta phải dùng cái tâm thanh tịnh để xa lìa năm thứ tà mạng. “*Trụ thanh tịnh chánh mạng trung*”, tức là sống đúng đắn để duy trì mạng sống của chính mình thì gọi là Chánh Mạng. Khẩn yếu nhất là phải siêng năng, tiết kiệm, cuộc sống càng đơn giản càng hay. Nhu cầu ít ỏi sẽ dễ dàng đạt được, cho nên chẳng cần phải tham cầu. Trong xã hội này, muốn gìn giữ nếp sống an định, chẳng gặp những chuyện ngang trái lớn, nhỏ thì chớ nên tạo ác nghiệp. Dẫu đời trước trót tạo ác nghiệp, đời này đừng làm các điều ác, sẽ không có ác duyên, chẳng hứng chịu

kết quả. Đấy chẳng phải là lời nói xuông! Trong một đời, tận hết sức Tu Thiện, phước đức ngày ngày tăng trưởng, oán gia trái chủ chẳng thể thừa dịp [làm hại được]. Làm lành chẳng cần phải rêu rao để khỏi bị kẻ ghen ghét gây chướng ngại. Người học Phật toàn tâm làm lành, hãy nên tam luân thể không, chẳng cầu mong gì thì mới là chánh đạo. Khi Phật còn tại thế, em họ của Phật là Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) nghĩ đủ mọi phương pháp để hại Phật, tự mình muốn chiếm lấy [địa vị Phật] để thay thế. Trong các đệ tử Phật, cũng có những kẻ chuyên môn gây rối, phá hoại Tăng Đoàn. Tại Trung Quốc, trường hợp rõ ràng nhất là khi Ngũ Tổ truyền y bát cho Huệ Năng, rất nhiều kẻ không phục, chẳng những muốn đoạt y bát đem về mà còn muốn làm hại Huệ Năng! Tâm người đời Đường thuần hậu mà còn có tình trạng như thế! Chúng ta vô phước vô đức,

chẳng tranh với người khác, chẳng mong gì nơi đời. Người đời tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng, chứ chúng ta trọn chẳng cần. Cái chúng ta muốn là thật thà niệm Phật, chứ bọn họ đâu có muốn, đôi bên chẳng trở ngại nhau.

(Giải) Dĩ vô lậu huệ tương ứng, cần tinh tấn, tu Niết Bàn đạo, danh Chánh Tinh Tấn.

(解) 以無漏慧相應。勤精進。修涅槃道。名正精進。

(Giải: Do tương ứng với vô lậu huệ mà siêng năng tinh tấn, tu Niết Bàn đạo, thì gọi là Chánh Tinh Tấn).

Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*”. Có thể đạt được tịnh niệm

tiếp nối thì tự nhiên sẽ có thể “*nhiep trọn sáu căn*”. Chữ Niệm (念) do hai chữ Kim (今) và Tâm (心) ghép thành, tức là cái tâm hiện tiền. Văn tự Trung Quốc đầy áp trí huệ. Tịnh là thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh chẳng có một tạp niệm nào. “*Chẳng xen tạp*” chính là không có Kiến Tư, Trần Sa phiền não. “*Chẳng hoài nghi*” là không có vô minh, đây chính là tịnh niệm tiếp nối. Trong quá trình tu học, dùng một câu Phật hiệu để làm phương tiện tấn tu. Câu Phật hiệu này chính là danh xưng tổng quát của mọi tánh đức vốn sẵn có trong tự tánh. Nói cách khác, một câu A Di Đà Phật có thể đánh thức tự tánh của chúng ta, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. “*Câu sanh Tịnh Độ*” chính là “*tu Niết Bàn đạo*”. Đây gọi là Chánh Tinh Tấn.

(Giải) Dĩ vô lậu huệ tương ứng, niệm chánh đạo cập trợ đạo pháp, danh Chánh Niệm.

**(解)以無漏慧相應。念正道及助道
法。名正念。**

(Giải: Do tương ứng với vô lậu huệ nên niệm chánh đạo và pháp trợ đạo thì gọi là Chánh Niệm)

Liên Trì đại sư nói: “*Tín nguyện trì danh là chánh đạo mà cũng là trợ đạo*”. Trong kinh này, kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh, chư Phật, Bồ Tát còn có nhiều phương pháp tu hành, nhưng những phương pháp ấy đều thuộc về pháp trợ đạo nhằm giúp cho công phu Niệm Phật thành tựu. Trong cuộc sống thường ngày, năm kinh một luận là đủ dùng rồi.

Học nhiều quá đâm ra tạo thành chướng ngại. Tổ sư, đại đức khai thị, chỉ dạy chúng ta, lấy kinh điển làm Cương, lấy ngữ lục của tổ sư đại đức làm Mục thì sẽ chẳng loạn. Nhất là bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, trong thời cận đại bộ sách này khế cơ nhất, vì thời của Ngài gần gũi với chúng ta nhất. Ngài thấy tình trạng xã hội suy đồi trong lúc ấy cũng rất giống với thời hiện tại.

(Giải) Dĩ vô lậu huệ tương ứng nhập Định, danh Chánh Định.

(解) 以無漏慧相應入定。名正定。

(Giải: Do tương ứng với vô lậu huệ nên nhập Định thì gọi là Chánh Định)

Định có tà và chánh, có rốt ráo và không rốt ráo, đây là so sánh về tánh chất. Định trong pháp Đại Thừa đều thuộc về Chánh Định. Nhà Phật thường nói “có tám vạn bốn ngàn pháp môn”. Pháp là phương pháp, Môn là cửa ngõ, đường lối, đều là tu Định. Tổng cương lãnh tu hành của Phật pháp là Tam Học, tức Giới, Định, Huệ; do Giới sanh Định, do Định khai Huệ. Pháp môn bình đẳng không có cao hay thấp. Trong rất nhiều phương pháp như vậy thì tín nguyện trì danh là vô lậu huệ. Đây chính là sự lựa chọn bằng trí huệ chân thật của các vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền. Lựa chọn bằng trí huệ chân thật thì chắc chắn chẳng có nghi hoặc, cũng tuyệt đối chẳng xen tạp; do vậy, sẽ thành công rất nhanh. Vấn đề lớn của chúng ta trong hiện thời là chọn lựa hoàn toàn không sai lầm, nhưng không tương ứng. Do chẳng tương ứng với tâm của chính mình nên

tâm chúng ta không thanh tịnh. Vì thế, vẫn còn có hoài nghi. Suốt đời tu hành chỉ dựa vào một bộ kinh là đủ đảm bảo chúng ta thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Nếu vẫn còn mong biết nhiều bộ kinh khác, tuy vẫn có thể vãng sanh, nhưng phẩm vị cũng không cao cho lắm.

(Giải) Thử đẳng đạo phẩm, y Sanh Diệt Tứ Đế nhi tu, tức Tạng Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Sanh Tứ Đế nhi tu, tức Thông Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Lượng Tứ Đế nhi tu, tức Biệt Giáo Đạo Phẩm. Y Vô Tác Tứ Đế nhi tu, tức Viên Giáo Đạo Phẩm.

(解) 此等道品。依生滅四諦而修。即藏教道品。依無生四諦而修。即通教道

**品。依無量四諦而修。即別教道品。依
無作四諦而修。即圓教道品。**

(Giải: Những đạo phẩm này, nương theo Sanh Diệt Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Tạng Giáo; nương theo Vô Sanh Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Thông Giáo; nương theo Vô Lượng Tứ Đế mà tu chính là Đạo Phẩm trong Biệt Giáo; nương theo Vô Tác Tứ Đế để tu thì là Đạo Phẩm trong Viên Giáo).

Theo sự phán giáo của tông Thiên Thai, Thiên Thai đại sư đem hết thầy kinh điển do Phật Thích Ca đã nói trong bốn mươi chín năm chia thành tứ giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Trong lần kết tập kinh điển sớm nhất tại Ấn Độ, chỉ là đem những lời Phật đã nói ghi chép lại, biên tập thành kinh điển để lưu thông, chứ

hoàn toàn không phân loại tỉ mỉ. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, vào thời Tùy - Đường, nhằm dạy học thuận tiện, tổ sư đại đức các tông các phái đã phân loại kinh điển. Do căn tánh của mỗi hạng người (tức đối tượng được đức Phật nhắm đến để thuyết giảng (đương cơ) trong mỗi kinh) khác nhau, [nên chư Tổ phân chia kinh điển] từ cạn đến sâu.

Tạng Giáo là Tiểu Thừa, nương theo kinh, luật, luận do đức Phật đã giảng như bốn kinh A Hàm là Kinh Tạng, Tỳ Nại Da là Luật Tạng, A Tỳ Đàm là Luận Tạng. Tam Tạng Tiểu Thừa đã được dịch sang Hán văn khá hoàn chỉnh. Những kinh điển được truyền sang những nước như Thái Lan, Tích Lan (Sri Lanka) v.v... dùng văn tự Pali. Dem những kinh ấy so với kinh Tiểu Thừa trong Đại Tạng Kinh thì kinh điển của họ chỉ nhiều hơn kinh của chúng ta năm mươi mấy bộ, đủ thấy kinh điển

được phiên dịch ở Trung Quốc khá hoàn chỉnh. Dưới đời Đường, kinh Tiểu Thừa từng hưng thịnh một thời, về sau suy vi là vì lời dịch [trong các kinh Tiểu Thừa] không đẹp đẽ, mà nghĩa lý cũng không thông suốt, trôi chảy. Lý do khác nữa là đa số những người xuất gia phần nhiều đã có cơ sở vững vàng nơi Nho và Đạo, rất gần Đại Thừa, chẳng kém gì nghiên cứu, đọc tụng kinh điển Tiểu Thừa. Hơn nữa, Tiểu Thừa giảng về Sanh Diệt Tứ Đế, hoàn toàn dốc công trên mặt sự tướng.

Thông Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, trước là thông với Tiểu Thừa, sau là thông với Biệt Giáo và Viên Giáo. Biệt Giáo là Đại Thừa thuần túy, Viên Giáo là viên dung rốt ráo. Tứ Đế và ba mươi bảy đạo phẩm là cương yếu của hết thảy Phật pháp, là pháp thuộc Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Ba mươi bảy đạo phẩm là Tứ Đế khai triển. Tứ Đế gồm Khổ, Tập, Diệt, Đạo, trong

phần trước tôi đã nói qua. Khổ - Tập - Diệt - Đạo là chân tướng của hết thảy sự lý thế gian lẫn xuất thế gian. Hết thảy các pháp do đức Phật chẳng có gì khác, chỉ là giảng rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ mà thôi! Người thế gian không ai có thể nói được. Tuy có không ít nhà tôn giáo cũng từng nói đến nhân quả thế gian, nhưng họ chỉ biết những lẽ đương nhiên chứ không biết được nguyên do. Vì vậy, đức Thế Tôn chẳng thể nào không xuất hiện trong thế gian, vì chúng sanh nói rõ chân tướng. Tuy đức Phật giảng giải cặn kẽ, mục đích vẫn nhằm làm cho chúng ta đích thân chứng nhập. Sự tu học trong Phật pháp gồm bốn giai đoạn: Tín, Giải, Hành, Chứng, trọn chẳng phải chỉ có Tín là coi như xong, vẫn cần phải dựa vào phương pháp, lý luận để thực hiện, dùng hành trì để chứng minh hiệu quả.

Loại thứ nhất là Tạng Giáo, dựa theo Sanh Diệt Tứ Đế để tu. Nếu nói theo quả báo thế gian thì hữu tình chúng sanh có sanh, lão, bệnh, tử. Hết thấy những phàm phu không thiện, không ác sau khi mất, trong vòng bốn mươi chín ngày sẽ thác sanh làm người, sanh tử luân hồi không ngơi. Những tôn giáo khác nói đến “sự sống đời đời” chỉ là sanh lên trời thọ mạng dài lâu mà thôi! Rốt cuộc tướng Ngũ Suy¹¹⁶ cùng hiện, trọn chẳng phải là thật sự sống đời đời. Tập là khởi Hoặc tạo nghiệp, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, liền sanh vọng tưởng, phiền não; do vậy, tạo nghiệp. Nghiệp có thiện và ác, cho nên có sáu thứ quả báo, ba loại trên là ba thiện đạo, tức Thiên, A Tu La và nhân. Ba loại

¹¹⁶ [Ghi chú của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: Ngũ Suy là một thuật ngữ trong nhà Phật. Khi một vị trời sắp chết sẽ hiện ra năm thứ tướng suy. Kinh Đại Niết Bàn chép: “Thích Đề Hoàn Nhân (chúa cõi trời Đạo Lợi, gọi tắt là Đế Thích), khi sắp mạng chung, có năm tướng hiện. Một là xiêm áo như bản, hai là hoa trên đầu héo, ba là thân thể hôi dơ, bốn là dưới nách toát mồ hôi, năm là chẳng thích tòa của mình”. Có năm tướng này thì chư thiên liền biết là sắp chết, lại phải theo nghiệp vào luân hồi.

dưới là ba ác đạo, tức địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh, đều là quả báo được cảm thành do mê hoặc tạo nghiệp, tự làm, tự chịu. Đây gọi là Tập.

Diệt là diệt trừ cái nhân của tam giới lục đạo, diệt phiền não, diệt vọng tưởng. Diệt là quả báo xuất thế gian. Diệt còn được dịch là Viên Tịch hoặc Niết Bàn. Niết Bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là chết. “Viên tịch”: Viên (圓) là viên mãn, Tịch (寂) là tịch diệt, tịch diệt viên mãn vọng tưởng, phiền não và sanh tử luân hồi. Sự chứng đắc của Tiểu Thừa La Hán được gọi là Niết Bàn. Cái nhân của tam giới lục đạo đã bị diệt, đương nhiên quả báo cũng chẳng còn nữa. Vì vậy, vượt thoát tam giới, nhưng vẫn chưa diệt rốt ráo. La Hán chỉ diệt một trong ba loại phiền não lớn là Kiến Tư phiền não, vẫn còn có Trần Sa và Vô Minh chưa phá nên chỉ có thể vượt

thoát tam giới, do chưa minh tâm kiến tánh nên gọi là Tiểu Thừa Niết Bàn.

Nếu muốn đạt đến hiệu quả Diệt thì phải tu Đạo. Đạo là nhân của Diệt, Diệt là quả của Đạo. Nói đơn giản, Đạo là ba mươi bảy đạo phẩm, mà cũng chính là vô lượng pháp môn do đức Phật đã nói. Đối với vô lượng pháp môn ấy, hãy nên dựa trên căn tánh và điều kiện sống của chính mình để làm tiêu chuẩn chọn lựa. Đức Phật dạy rất nhiều phương pháp, [tu theo phương pháp nào là] do chúng ta chọn lựa. Có rất nhiều người vẫn còn tập khí Tiểu Thừa, khá bảo thủ, coi trọng những nghi thức thuộc mặt Sự. Đại Thừa thường chẳng câu nệ tiểu tiết, như Nam Truyền Phật giáo so với Phật pháp Đại Thừa tại Trung Quốc khác biệt rất rõ rệt. Căn tánh Tiểu Thừa nương theo Sanh Diệt Tứ Đế để tu hành nên thuộc Tạng Giáo Đạo Phẩm.

Loại thứ hai là Thông Giáo, là bắt đầu của Đại Thừa. Có những người hết sức hâm mộ, yêu thích Tiểu Thừa, nhưng đối với Đại Thừa cũng rất hâm mộ, ưa thích. Người thuộc căn tánh này chiêm đại đa số. Vì thế, Thông Giáo thông với Tiểu Thừa ở phần trước và Đại Thừa trong phần sau. Căn tánh của những người [thuộc Thông Giáo] thông minh hơn những người trong phần trước (Tạng Giáo), sức lãnh ngộ mạnh mẽ. Họ dựa vào Khổ Đế, có thể tùy duyên buông xuống, thấy thấu suốt. Đối với Tập Đế, họ khởi tâm động niệm đều bất khả đắc, xem nhẹ pháp thế gian hơn người thông thường, có ích rất lớn cho sự tu học. Đối với Đạo Đế, kinh Bát Nhã thường nói “*bất nhị pháp môn*”, cũng như huyễn, như hóa giống như Tập Đế. Diệt Đế cũng chẳng có tướng sanh diệt; bởi lẽ, đức Phật đã nói Bồ Đề và Niết Bàn cũng như huyễn, như hóa. Người niệm Phật có

căn cơ giống như thế, nhất định sẽ nương theo Thông Giáo Đạo Phẩm để tu học. Thông Giáo và Tạng Giáo Đạo Phẩm cần phải có thầy tốt, được thầy chỉ điểm sẽ dễ thành tựu. Trong Thông Giáo, sợ nhất là tẩu hỏa nhập ma, trở thành cuồng huệ. Sợ nhất là không có trí huệ chân thật, lạc vào ác kiến, chấp Không.

Loại thứ ba là Biệt Giáo, là pháp Đại Thừa Bồ Tát thuần túy, chẳng thông với Tạng Giáo mà cũng chẳng thông với Thông Giáo, bao hàm vô lượng vô biên pháp môn. Nội dung của Biệt Giáo là Vô Lượng Tứ Đế. Khổ Đế có vô lượng tướng, quả báo trong mười pháp giới khác nhau. Kinh Hoa Nghiêm có phẩm Tứ Đế, nội dung phẩm ấy hoàn toàn giảng về Vô Lượng Tứ Đế của Biệt Giáo. Hoa Nghiêm là pháp để dạy Đại Thừa Bồ Tát trong Viên Giáo. Viên Giáo bao gồm cả Biệt Giáo, Thông Giáo và Tạng Giáo, quả báo

đã vô lượng vô biên, đương nhiên nhân duyên cũng vô lượng vô biên. Phiền não vọng tưởng, chấp trước, phân biệt của hết thảy chúng sanh mỗi người mỗi khác, pháp môn vô lượng; vì thế, đạo phẩm cũng vô lượng. Tạng Giáo có Tạng Giáo Phật (quả vị Phật trong Tạng Giáo); trong Thông Giáo và Biệt Giáo cũng đều có [quả vị] Phật, chỉ có cảnh giới nơi quả vị là chẳng giống nhau. Tạng Giáo Phật cao hơn địa vị La Hán, nhưng vẫn chẳng bằng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát kiến tánh, nhưng Tạng Giáo Phật chưa kiến tánh. A La Hán trong Tạng Giáo bằng với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Tạng Giáo Phật chỉ bằng với Bát Tín hoặc Cửu Tín [trong Viên Giáo] mà thôi, nên chưa kiến tánh. Thông Giáo Phật cũng chưa kiến tánh, Biệt Giáo Phật bằng với địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Thập Hạnh của Viên Giáo. Bạc Sơ

Trụ trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Biệt Giáo Phật (quả vị Phật trong Biệt Giáo) chỉ phá được mười hai phẩm vô minh trong bốn mươi một phẩm vô minh, chưa đoạn hoàn toàn, kể như đã kiến tánh, còn Viên Giáo Phật phá hoàn toàn bốn mươi một phẩm vô minh.

Đại chúng tu Tịnh Độ nếu thuộc căn tánh Biệt Giáo thì đại đa số sẽ nương theo Vô Lượng Tứ Đế để tu, có khi học trọn khắp kinh luận Đại Thừa. Nếu thật sự là bậc lợi căn thì sau một thời gian, người ấy sẽ quay đầu. Lịch đại tổ sư như Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư từ Thiên Tông mà quay đầu lại, có lẽ thuộc căn tánh Thông Giáo, nhưng Ngài học hỏi pháp Đại Thừa rất rộng. Thông Giáo nói Không, Biệt Giáo nói Có, chẳng phải hoàn toàn nói là Không. Lại như Liên Trì, Ngẫu Ích và Ấn Quang đại sư lúc trẻ đều học hỏi rất nhiều

môn Đại Thừa Phật pháp, quá nửa là căn cơ Biệt Giáo, nhưng đến lúc xế bóng, căn tánh đã chín muồi, buông toàn bộ sở học xuống, chuyên học pháp môn Niệm Phật. Đây là hễ chuyên thì sẽ biến thành Viên Giáo. Do đây có thể biết rằng: Căn tánh Viên Giáo có thể vun bồi. Do vậy, Liên Trì đại sư đến tuổi già đã nói: “*Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh để cho người khác hành*”. Chính mình chỉ một bộ A Di Đà Kinh, một câu A Di Đà Phật. Các vị Ngẫu Ích, Ấn Quang cũng giống như vậy. Quay đầu càng nhanh, càng thù thắng, tương lai phẩm vị ắt cao. Thật sự biết thế giới này là khổ, ắt phải cầu thoát lìa, trừ một câu Phật hiệu ra, không có chuyện gì khác, đây mới là người thật sự giác ngộ.

Loại thứ tư là Viên Giáo, giảng về Tam Đế viên dung, viên tu, viên chứng. Họ thấy pháp Tứ Đế là Vô Tác Tứ Đế, chân

và vọng như một, Tánh và Tướng chẳng hai, tâm địa thật sự thanh tịnh, tự tánh Bát Nhã trí huệ hiện tiền, nhìn vũ trụ nhân sinh quả thật chẳng giống với người khác, họ thấy được cái gọi là “*Thật Tướng của các pháp*”. Tâm Kinh chép: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời*”, “*hành*” tức là “*dụng*”, dùng trí huệ sâu nhất để quán sát vũ trụ và nhân sinh. Ngũ Uẩn đều là không, tướng của hết thảy vạn sự, vạn vật đều do Ngũ Uẩn hợp thành, cũng có nghĩa là vạn pháp đều là Không. “Không” hiện thành Tánh, “Sắc” là nói về Tướng. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Tánh và Tướng như một; Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Lý và Sự chẳng hai. Phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Phàm phu thấy là sanh tử, Viên Giác Bồ Tát thấy là Niết Bàn. Phàm phu thấy là sanh diệt, Viên Giác Bồ Tát thấy là bất sanh

bất diệt. Hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, có một số những cảnh giới được nói trong kinh Phật đã được chứng minh rất rõ. Các nhà khoa học nói vật chất bất diệt, tinh thần cũng bất diệt. Viên Giáo Bồ Tát thấy hết thấy pháp là duyên tụ, duyên tán. Pháp Đại Thừa coi trọng duyên sanh. Duyên tụ thì sanh, duyên tán thì diệt. Thật ra, duyên tụ cũng chẳng sanh mà duyên tán cũng chẳng diệt. Đây là sự thật. Ví như cuốn sách này, nhiều trang giấy được đóng thành cuốn thì gọi là sách, tương sách hiện tiền. Tách rời từng trang ra thì sách không còn nữa. Thật ra, nó chẳng diệt. Chẳng qua là hiện tượng duyên tán hay duyên tụ mà thôi. Nếu chấp trước vào tướng của sách sẽ sai lầm. Kinh Kim Cang giảng thế giới là “*nhất hiệp tướng*”. “*Nhất*” là vật chất cơ bản, kinh Phật gọi nó là “*vi trần*”. Tướng không có sanh diệt, tâm tánh cũng vô sanh vô diệt. Đại Bồ Tát

thị hiện thần thông, nên dùng thân nào để độ được liền hiện thân ấy để thuyết pháp. Hiểu rõ đạo lý này nên có thể không chế hoàn cảnh, có thể tùy theo lòng muốn mà biến hóa, đó gọi là “*thần thông*”.

Hiện thời, các nhà khoa học nói Năng (năng lượng, công năng) và Chất (vật chất) có thể biến đổi lẫn nhau. Năng là công năng của Chất, Chất là vật chất của Năng. Tâm có thể thao túng vật chất, từ trong Thiên Định rất sâu có thể đắc thần thông, tùy theo lòng muốn mà không chế vật chất và năng lượng. Hiện tại, khoa học gia còn chưa thể nghiên cứu tới, chưa thể đột phá tâm năng (công năng, năng lượng của tâm). Nói đến Đạo thì thiên (lệch lạc, chấp vào một bên) hay tà đều là trung, chánh, không có đạo để tu, tu nhưng không tu, không tu mà tu. Diệt Đế: Sanh tử tức Niết Bàn, vô chứng mà chứng, chứng nhưng vô chứng. Học nhân Tịnh Tông nếu thuộc

căn tánh Viên Giáo, sẽ thiên trọng Vô Tác Tứ Đế để tu, tức là Viên Giáo Đạo Phẩm. Có thể biết rằng: Tịnh Tông bao gồm Tạng, Thông, Biệt, Viên, các thứ căn tánh và tầng lớp khác nhau, bao gồm viên mãn hết thảy các pháp môn.

(Giải) Tạng Đạo Phẩm, danh bán tự pháp môn. Tịnh Độ trước khinh, tự bất tất dụng, vì Tiểu chủng tiên thực giả, hoặc tạm dụng chi. Thông Đạo Phẩm, danh Đại Thừa sơ môn, tam thừa cộng bảm, Đồng Cư Tịnh Độ đa thuyết chi. Biệt Đạo Phẩm, danh độc Bồ Tát pháp, Đồng Cư, Phương Tiện Tịnh Độ đa thuyết chi. Viên Đạo Phẩm, danh vô thượng Phật pháp, hữu lợi căn giả, u tứ Tịnh Độ, giai đắc văn dã.

(解) 藏道品。名半字法門。淨土濁輕。似不必用。為小種先熟者。或暫用之。通道品。名大乘初門。三乘共稟。同居淨土多說之。別道品。名獨菩薩法。同居方便淨土多說之。圓道品。名無上佛法。有利根者。於四淨土。皆得聞也。

(Giải: Đạo phẩm của Tịnh Giáo gọi là bán tự pháp môn. Trong Tịnh Độ trước ác nhẹ nhàng, nên hầu như không cần phải dùng đến, nhưng vì người căn cơ Tiểu Thừa đã quen nghe từ trước nên tạm dùng đến. Đạo phẩm của Thông Giáo, gọi là Đại Thừa sơ môn, ba thừa cùng vâng nhận, trong Đồng Cư Tịnh Độ thường nói nhiều về đạo phẩm này. Đạo phẩm của Biệt Giáo, gọi là pháp dành riêng cho Bồ

Tát, được nói nhiều trong hai cõi Tịnh Độ Đồng Cư và Phương Tiện. Đạo phẩm của Viên Giáo, gọi là Phật pháp vô thượng, kẻ có lợi căn ở trong bốn cõi ấy sẽ đều được nghe nói tới).

“*Bán tự pháp môn*” là nói tỷ dụ, “*bán*” (半: một nửa) là chưa viên mãn. Tạng Giáo chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chưa hoàn toàn [đoạn phiền não] viên mãn vì chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Tây Phương Tịnh Độ vốn không có Ngũ Trược; ngay trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hiện tượng Ngũ Trược hết sức nhẹ ít, có thể chẳng cần dùng đến bốn thứ đạo phẩm ấy. Chỉ vì người căn tánh Tiểu Thừa phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ mà thiện tri thức dùng bốn thứ đạo phẩm ấy [để thuyết pháp] hòng xứng hợp với căn tánh của những người ấy, khiến họ sanh tâm hoan hỷ nên có thể tạm thời dùng đến.

Nếu chẳng phải là căn tánh Tiểu Thừa, không cần phải dùng đến phương pháp này.

Đạo phẩm của Thông Giáo gọi là “*Đại Thừa sơ môn*” (môn đầu tiên của Đại Thừa), cả ba thừa cùng vâng nhận, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều phải tu học. Đây là khoa mục phổ thông thừa nào cũng phải tu. Đồng Cư Tịnh Độ là chỗ chúng sanh đời nghiệp vãng sanh ở. [Những người đời nghiệp vãng sanh] chưa đoạn Kiến Tư phiền não, chỉ do công phu niệm Phật đắc lực, có thể khuất phục phiền não [mà được vãng sanh]. Vì thế, đạo phẩm của Thông Giáo là môn tu học tất yếu nhằm giúp cho họ thấu triệt lý luận và phương pháp.

Đạo phẩm của Biệt Giáo gọi là “*độc Bồ Tát pháp*”, tức là pháp dành riêng cho Đại Thừa Bồ Tát, không phải dành cho cả ba thừa cùng tu. Hàng Bồ Tát trong cõi Đồng

Cư và cõi Phương Tiện có những vị chuyên tu môn học này, nhưng hàng Bồ Tát trong Thật Báo và Thường Tịch Quang hoàn toàn chẳng cần đến đạo phẩm của Biệt Giáo.

Đạo phẩm của Viên Giáo gọi là “*vô thượng Phật pháp*”. Trong kinh Đại Thừa thường nói đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loài đều hiểu. Âm thanh thuyết pháp của đức Phật gọi là “*viên âm*”. Bốn hạng hành nhân khác nhau nghe đức Phật thuyết pháp cùng một lúc, nhưng người Tiểu Thừa được lợi ích nơi Tiểu Thừa, cho đến người Viên Giáo được lợi ích nơi Viên Giáo. Tình huống này chẳng khó hiểu cho lắm. Ví như trong trường học, thầy giảng bài, học trò mỗi đứa hiểu khác nhau. Đạo phẩm trong Viên Giáo là vô thượng Phật pháp, bất luận ở cõi nào cũng đều nghe được, vì Tây Phương thế giới bốn cõi viên

dung. Hết thầy kinh luận khen ngợi Tây Phương thế giới đều chuyên khen ngợi điều này. Hết thầy các thế giới Phật cũng đều có bốn cõi, nhưng chẳng viên dung; chẳng hạn như đạo phàm của Viên Giáo thì chỉ tại cõi Tịch Quang và Thật Báo là có thể nghe được. Đây chính là tình hình nơi các thế giới khác. Trong Tây Phương thế giới, người căn tánh Viên Giáo sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương cũng có thể nghe vô thượng Phật pháp. Lúc đức Phật Thích Ca mới thành đạo, giảng kinh Hoa Nghiêm, đây cũng là đạo phàm trong Viên Giáo. Khi Ngài thuyết pháp dưới cội Bồ Đề thì có hai thuyết: Một là đức Phật thuyết pháp trong mười bốn ngày, thuyết kia bảo đức Phật thuyết pháp trong hai mươi một ngày, giảng cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, giảng Hoa Nghiêm trong Định, náo nhiệt phi phạm, nhưng phạm phu chỉ thấy

Phật tịnh tọa trên đụn cỏ dưới gốc Bồ Đề, chúng sanh chẳng có phần. Người Tiểu Thừa chấp trước sự tướng bèn nói “Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói”. Sau khi Phật diệt độ sáu trăm năm thì Long Thọ Bồ Tát lấy kinh Hoa Nghiêm từ long cung ra. Con người hiện thời chẳng chấp nhận [điều này], cho rằng tìm thủy đĩnh (tàu ngầm) cả Bắc Cực lẫn Nam Cực đều đã tới, mà chẳng tìm thấy long cung. Con người hiện thời đều biết là có quý, quý và người sống lẫn lộn với nhau, nhưng con người chẳng thấy được quý, vì chúng ta sống trong không gian ba chiều, còn bọn họ sống trong không gian nhiều chiều (đa duy không gian: multi-dimensional space). Phật có thể tùy loại hóa thân, cũng có thể biến hiện sáu trần thuyết pháp, đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra. Đối với tình huống này, trong kinh đã nói là nếu dùng

tâm sanh diệt để dò lường biển Viên Giác, quyết chẳng có lẽ ấy!

Trong bốn cõi Tịnh Độ, tại cõi Phàm Thánh Đồng Cư, kinh điển của tứ giáo đều có. Tại long cung, Long Thọ Bồ Tát thấy kinh Hoa Nghiêm số lượng lớn đến nỗi địa cầu không có cách nào chứa đựng được. Trung bản Hoa Nghiêm cũng lớn, Bồ Tát chỉ lấy “hạ bản” (bản nhỏ nhất). Bản nhỏ nhất là toát yếu. Kinh truyền đến Trung Quốc, chỉ dịch được một nửa nguyên văn, hoàn toàn chẳng phải là hạ bản nguyên gốc. Kinh Hoa Nghiêm nguyên văn có mười vạn bài kệ¹¹⁷, quý vị muốn biết tường tận có thể tham khảo Long Thọ Truyện, Ngài là tổ sư của tám tông phái.

¹¹⁷ Kệ: Kệ là đơn vị đo phân lượng của một văn bản theo truyền thống Cổ Ấn Độ. Cứ bốn câu, không cần biết dài ngắn như thế nào thì gọi là một Kệ. Chữ Kệ ở đây không có nghĩa là kệ tụng như ta thường hiểu.

(Giải) “Như thị đẳng pháp” giả, đẳng tiền Niệm Xứ, Chánh Căn, Như Ý Túc, đẳng dư Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng pháp môn dã.

(解) 如是等法者。等前念處正勤。如意足。等餘四攝六度。十力無畏。無量法門也。

(Giải: “Những pháp giống như vậy” nghĩa là những pháp giống như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Căn, Tứ Như Ý Túc trong phần trước và những pháp khác như Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng pháp môn).

Kinh văn có một chữ “đẳng” (等) bao gồm tất cả pháp môn Đại Thừa và Tiểu Thừa. Trong ba khoa ở phần trước, kinh

văn không nói đến Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, trong phần trên, tôi đã giới thiệu và trong vô lượng pháp môn khác [Ngẫu Ích đại sư] cũng nêu đại lược mấy thứ.

“*Tứ Nhiếp*” là nhiếp thụ chúng sanh, cũng có nghĩa là “tiếp dẫn chúng sanh”: Thứ nhất là Bồ Thí, thứ hai là Ái Ngữ, thứ ba là Lợi Hành, thứ tư là Đồng Sự.

Bồ Thí là ban ân huệ cho chúng sanh, cảm tình dần dần sâu đậm, rồi lại giới thiệu Phật pháp cho họ biết, họ sẽ dễ dàng tiếp nhận, cũng là ý nghĩa “*tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (trước hết dùng dục để lôi kéo, sau làm cho họ nhập Phật trí). Thoạt đầu, tôi thờ Chương Gia đại sư làm thầy để học Phật, Ngài hết sức quan tâm tới bọn người mới học Phật chúng tôi, Ngài liền sử dụng Tứ Nhiếp Pháp. Ngài sống ở nhà số 8 đường Thanh

Điền, Đài Bắc, bảo tôi mỗi Chủ Nhật đến nhà Ngài. Nếu có một hai lần tôi không tới, Ngài liền sai người đi hỏi thăm xem vì sao tôi không tới. Hỏi thăm như vậy, tôi chẳng thể không tới.

Thứ hai là Ái Ngữ, đối với học sinh nói lời yêu thương quan tâm chân thành khiến cho người nghe cảm động sâu sắc.

Thứ ba là Lợi Hành, Lợi là lợi ích. Người đời rất coi trọng lợi. Nếu có chỗ nào tốt đẹp, ắt sẽ bằng lòng vâng theo lời dạy bảo.

Thứ tư là Đồng Sự. Ba thứ trước dễ làm, môn thứ tư là Đồng Sự [đòi hỏi] chính mình phải có trí huệ cao độ và định lực rất sâu. Nếu không, ắt sẽ thất bại. Như có người nào đó thích đánh mạt chược¹¹⁸,

¹¹⁸ Mạt Chược, hoặc còn gọi là Mạt Chược (đây là chữ Ma Tước (麻雀) trong tiếng Hán đọc theo giọng Quảng Đông, người Hoa hiện thời lại thường gọi môn cờ này là Ma Tướng 麻將 nên Âu Mỹ thường gọi nó là Ma-jong) là một loại cờ với lối chơi phức tạp, khá tốn thời gian và khá tốn kém để sắm một bộ bài và bàn chơi. Mạt Chược của người Hoa thường từ 144 đến 152 quân, người Việt sử dụng đến 160

liền cùng chơi mạt chược với kẻ ấy. Đây là hành vi của bậc đại Bồ Tát. Đồng Sự là phương thức tiếp dẫn chúng sanh tối cao.

Lục Độ là hạnh pháp của Bồ Tát, trong phần trước chúng ta đã đọc qua rồi.

“*Bồ Tát*” là chúng sanh đã giác ngộ. Dịch theo lối cổ là “*đại đạo tâm chúng sanh*”, dịch theo lối mới (tức lối dịch theo quy cách, khuôn phép của ngài Huyền Trang) thì là “*giác hữu tình*”. Phật không có tình, tình hoàn toàn biến thành trí huệ.

quân. Mỗi quân cờ có hình khối vuông thường làm bằng ngà hoặc nhựa đúc cứng, khắc hoa lá và tên quân bài, thường phải chơi từ bốn đến sáu người. Tuy vay mượn từ Trung Hoa, lối chơi bài Mạt Chược của người Việt phức tạp và trang trọng hơn rất nhiều, phải có một cái bàn to phủ nỉ xanh đóng riêng cho bài Mạt Chược để chơi nên hầu như Mạt Chược chỉ thông dụng trong một số ít những người có của ăn của để. Theo lối chơi của người Việt, một bộ bài Mạt Chược được chia thành “bài nạc” (gồm quân Sách (có vẽ hình chim sẻ), Vạn (từ nhất vạn tới cửu vạn), Văn (vẽ những vòng tròn nhỏ, tượng trưng cho đồng xu), Tài Phao (Đông, Nam, Tây, Bắc và Trung Phát Bạch) và bài Khung (là những con bài đại diện cho những con bài khác, gồm Khung Xanh (Tổng, Thùng, Soọc, Mản), và Khung Đỏ (Hoa, Hỷ, Nguyên, Hạp), Tứ Hoa, Tứ Quý, Tứ Hoàng và Tứ Hậu. Trong bài Mạt Chược của người Hoa, quân bài được chia thành Vạn (cũng gồm chín con Vạn), Bính (hoặc Đồng Tử, tương ứng con Văn của người Việt), Điều (hoặc Sách Tử, tương ứng con Sách), Phong Bài (Đông, Tây, Nam, Bắc, tương ứng với quân Tài Phao), Tứ Hoa, Tứ Quý và Tiền Bài (Trung Phát Bạch), không hề có bộ Khung. Cách chơi cũng đơn giản hơn lối xoa Mạt Chược của người Việt rất nhiều.

Trong Phật pháp Đại Thừa, trí và tình là một, hể giác ngộ thì tình biến thành trí huệ, còn mê thì trí huệ biến thành tình thức. Bậc giác ngộ xử thế, đãi người, tiếp vật, nhất định tuân hành Lục Độ. Độ (度) có ý nghĩa là chúng ta từ bờ sanh tử luân hồi bên này vượt sang bờ Đại Niết Bàn bất sanh bất diệt bên kia, còn gọi là “*siêu phàm nhập thánh*”. Điều thứ nhất trong sáu điều này là Bồ Thí, có cùng tên gọi với Bồ Thí trong Tứ Nhiếp Pháp, nhưng ý nghĩa khác biệt. Bồ Thí trong Tứ Nhiếp Pháp nhằm kết thiện duyên với người khác, Bồ Thí trong Lục Độ của Bồ Tát nhằm độ chính mình. Quý vị nên biết cái gốc của phiền não là keo kiệt tham lam. Phiền não vô lượng vô biên, quy nạp thành tám vạn bốn ngàn [loại phiền não], Thiên Thân Bồ Tát quy nạp chúng thành hai mươi sáu loại lớn. Trong ấy có sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy

Phiền Nã¹¹⁹. Nếu đơn giản hóa thì sáu món Căn Bản Phiền Nã đến cuối cùng quy nạp thành Tam Độc Phiền Nã, tức tham,

sân, si. Lục Độ nhằm độ tham, sân, si; Đại Thừa đoạn phiền não cao minh hơn Tiểu Thừa nhiều lắm. Bồ Thí nhằm độ keo tham; Tam Độc Phiền Nã đến cuối cùng quy nạp thành một món là Tham. Phương pháp tu học của Bồ Tát không có gì khác cả, chỉ có một pháp Bồ Thí mà thôi! Bồ Thí chính là Xả, cũng có nghĩa là buông xuống. Nếu chẳng chịu buông xuống, tâm chẳng thanh tịnh, tạo thành chướng ngại.

¹¹⁹ Căn Bản Phiền Nã (Mūla-klesā) gồm tham, sân, si, mạn, kiên, nghi. Nếu nói chi tiết thì Kiến lại tách ra thành năm thứ (Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến) và gọi chung là Ngũ Lợi Sử, năm loại phiền não còn lại được gọi chung là Ngũ Độn Sử. Ngũ Độn Sử và Ngũ Lợi Sử lại được gọi chung là Thập Tùy Miên.

Tùy Phiền Nã (Upaklesā), còn gọi là Tùy Hoặc hay Chi Mạt Phiền Nã gồm ba tiểu loại: Đại Phiền Nã Pháp Địa (phóng dật, giải đãi, bất tín, hôn trầm, trạo cử, thất niệm, tán loạn), Đại Bất Thiện Địa Pháp (Vô Tàm, Vô Quý) và Tiểu Phiền Nã Địa Pháp (Phẫn, Phú (giấu diếm tội lỗi), Xan (keo kiệt), Tật (ganh ghét), Nã, Hại, Hận, Siểm, Cuồng (đối trá), Kiêu và Ác Tác). Ba tiểu loại này còn gọi là Đại Tùy, Trung Tùy và Tiểu Tùy Phiền Nã. Duy Thức Tông còn thêm vào Tiểu Tùy một loại nữa là Thùy Miên (ngủ ghê) trở thành 21 thứ Tùy Phiền Nã.

Pháp Đại Thừa nói Bồ Tát có năm mươi một cấp bậc, tức là căn cứ trên mức độ buông xuống nhiều hay ít mà phân chia thành tầng cấp. Buông xuống nhiều thì địa vị nâng cao, ngược lại sẽ thấp xuống, chỉ có vậy mà thôi! Chúng ta rất ráo là phàm phu, tập khí phiền não do vô lượng kiếp dưỡng thành, trọn chẳng phải một sáng một chiều mà có thể trừ hết được! Do vậy, thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, quả thật khó lắm, nhưng khó cũng phải làm. Lại còn phải thực hiện từ chỗ khó buông xuống nhất.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi trước hết hãy bỏ thí vật gì tôi ưa thích nhất. Tôi mê sách vở, cũng rất keo kiệt, chẳng chịu cho ai mượn. Về sau, dần dần tặng sách cũ cho người khác, sách mới giữ lại để mình dùng. Đến khi tôi tặng hết sách sách vở rồi thì nhân duyên xuất gia của tôi cũng chín muồi. Thoạt

đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi sáu chữ, bảo tôi hãy học cho thật tốt đẹp trong sáu năm. Sáu chữ ấy là “*thấy thấu suốt, buông xuống được*”. Tôi lại hỏi Ngài thực hiện bằng cách nào, Ngài nói: “*Hãy bắt đầu bằng Bồ Thí*”.

Bồ Thí thông thường chia thành ba loại lớn: Thứ nhất là Tài Bồ Thí, thứ hai là Pháp Bồ Thí, thứ ba là Vô Úy Bồ Thí. Tiền bạc và hết thảy vật chất thuộc về Tài, chính là thứ hết thảy chúng sanh tham cầu. Người đời cầu của cải, nhưng chẳng biết của cải do đâu mà có. Nói thật ra, trong một đời có bao nhiêu của cải đều do số mạng định sẵn. Sách Liễu Phàm Tứ Huấn giảng điều này cặn kẽ nhất. Đã là do số mạng định sẵn thì muốn cầu nhiều cũng chẳng cầu được, chẳng cầu cũng tự nhiên đưa tới. Tiên sinh Viên Liễu Phàm được Khổng lão tiên sinh ở Vân Nam tiên đoán những điều tốt xấu suốt cả đời, thoạt đầu,

chuyện gì cũng đều ứng nghiệm. Vì thế, ông Viên trong tâm an định, chẳng còn mong cầu chi nữa; về sau, ngài đối diện với thiền sư Vân Cốc suốt ba ngày ba đêm chẳng khởi ý niệm nào. Vân Cốc hỏi ông ta dụng công như thế nào. Ông ta nói: “Vận mạng của tôi đã được Khổng lão tiên sinh đoán định, khởi vọng tưởng cũng chẳng có ích gì!” Vân Cốc nghe xong, cười ha hả, bảo: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, nhưng ông vẫn là một gã phàm phu”. Do vậy, Sư dạy ông ta cách cải tạo vận mạng: Tu phước, tu đức như thế nào, ông ta đều nhất nhất tuân theo, thực hành sát rạt lời chỉ giáo. Về sau, những sự kiện tình huống trong đời Viên Liễu Phàm khác biệt rất lớn với lời tiên đoán của cụ Khổng. Tôi trong một đời này của cải chẳng nhiều, sống tiết kiệm, hễ dư dả đều tận hết sức bố thí, càng bố thí thì của cải đạt được càng nhiều. Bố Thí cũng phải có trí huệ,

tuy chính mình đã phát khởi cái tâm lành, nhưng tiền bị kẻ khác lừa gạt dùng món tiền ấy để làm ác thì hẳn là “tội khôì họa thủ” (kẻ cầm đầu gây họa), nhưng người thí cũng là kẻ giúp đỡ hẳn làm ác.

Bồ Thí phải gieo trồng nơi phước điền chân chánh. Một là hiếu dưỡng cha mẹ, hai là cứu giúp chúng sanh nghèo khổ, hoạn nạn, ba là cúng dường Tam Bảo. Nói theo cách bây giờ, hoàng dương nền giáo dục Phật giáo chính là gieo phước điền. Từ khi tôi học Phật đến nay, đối với Tam Bảo, thực hiện sự nghiệp in kinh chẳng ít. Bồ thí theo kiểu ấy, có lẽ không nầy sanh mỗi tậ. Có người bảo tôi, những sách vở do chúng ta ấn hành hiện đang thấy được mua đi bán lại trong các sạp sách cũ. Tôi cho rằng, sách được lưu thông trong cõi đời cũng là chuyện tốt. Ngoài ra, còn làm những chuyện phóng sanh và cứu giúp người bệnh khổ, nhưng in kinh nhiều nhất.

Gần đây, bộ Tứ Thư của Nho Gia cũng được in mấy lượt. Những loại khác như Liễu Phàm Tứ Huấn, Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký v.v... là những sách thuật chuyện nhân quả báo ứng cũng thường in tặng. Người tiếp nhận kinh điển, thiện thư, đọc xong, tâm an lý đắc, biến đổi khí chất, bỏ ác, hướng thiện, giúp cho xã hội an ninh, quả thật đã gồm trọn công dụng của ba loại Bồ Thí. Trong hết thảy các kinh, đức Phật thường nhắc tới Bồ Thí; Tứ Nhiếp, Lục Độ đều lấy Bồ Thí làm đầu, thật chí lý. Bồ Thí nhằm mục đích vượt thoát keo kiệt tham lam, thật sự có lợi ích đối với chính mình. Vận mạng con người cứ năm năm biến chuyển một lần. Trong một đời người, nhất định có năm năm tốt đẹp nhất, mà cũng có năm năm tệ hại nhất. Vận tốt hay vận xấu chính mình có thể điều khiển được. Gặp lúc vận mạng tốt đẹp chớ nên hưởng thụ, hãy để dành cho

lúc tuổi già. Khi tuổi trẻ, phát tài, hãy nên bố thí, làm chuyện từ thiện, công ích. Tiền xả được, nhưng tài vẫn còn đó, đợi đến tuổi già tài sẽ lại phát. Hạnh phúc thuở tuổi già là hạnh phúc chân chánh.

Thứ hai là Trì Giới. Không chỉ hạn cuộc trong Giới Luật Đại Thừa và Tiểu Thừa, mà nói theo cách bây giờ, [Trì Giới] là tuân thủ hết thảy những khuôn phép sinh hoạt. Chúng ta ở một mình, nhất cử nhất động chẳng buông lung, Nho Gia gọi là “*thận độc*” (慎獨: Cẩn thận ngay cả khi chỉ có một mình), điều này thuộc giới tỳ-kheo của Tiểu Thừa. Ở trong đại chúng, hãy nên tuân thủ các quy củ, giữ lễ, giữ pháp, thuộc Đại Thừa Bồ Tát giới. Người học Phật không chỉ tuân thủ giáo huấn của đức Phật mà ở bất cứ nơi nào cũng đều phải tuân thủ pháp luật, quy định, phong tục, tập quán và quan niệm đạo đức. Hành như vậy, khi thuyết pháp ắt sẽ được nhân

sĩ nơi ấy hoan nghênh. Tinh thần của Giới Luật là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”.

Thứ ba là Nhẫn Nhục. Nhẫn Nhục có nghĩa là Nhẫn Nại. Người dịch kinh đã thay đổi bằng cách thêm vào chữ Nhục, do người Trung Quốc coi chuyện bị lăng nhục rất nặng. Cổ nhân nói: “*Sĩ khả sát, bất khả nhục*” (Kẻ sĩ có thể giết, chứ không chịu nhục). Kinh luận Đại Thừa chia Nhẫn thành ba loại lớn:

1) Loại thứ nhất bị người khác khinh rẻ, làm nhục, làm hại, bất luận hữu ý hay vô ý.

2) Loại thứ hai là tai hại do tự nhiên, trời rét dữ, hoặc nắng gắt, phải chịu đựng.

3) Loại thứ ba là Phật pháp. Tu học Phật pháp cần một thời gian rất dài. Phật dạy chúng ta rất nhiều đạo lý và phương pháp nhằm sửa đổi những khuyết điểm, tập khí trong cuộc sống thường nhật, chẳng thể nào thành tựu trong một sớm

một chiều được! Nhẫn nhục quan trọng nhất là nhằm đối trị nóng giận. Kinh dạy: “*Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai*” (một niệm sân tâm nổi, trăm vạn cửa chướng mở). Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết pháp đắc thành u nhân*” (Hết thấy pháp do nhẫn mà được thành tựu). Chẳng nhẫn được chuyện nhỏ sẽ hỏng chuyện lớn, chẳng thể không cẩn thận!

Thứ tư là Tinh Tấn. Tinh Tấn nhằm đối trị giải đãi. Giải đãi là bệnh chung của mọi người, người khác chẳng giúp được. Nhất là trong thời đại dân chủ mở rộng hiện thời, đặc biệt tôn trọng nhân quyền, hễ không cẩn thận một chút liền chuốc lấy phiền phức. Chính tôi đã từng trải qua kinh nghiệm ấy, khi tôi đi học, có bản lãnh gặt thầy rất lớn. Thuở bé trí nhớ rất tốt, sách nào đọc đến, xem qua một lượt liền có thể nhớ nằm lòng. Do vậy, ở

trường không học bài, mười phút trước khi thi mới chuẩn bị. Mỗi lần thi vừa đủ đậu là được rồi, có thời gian rảnh bèn tới thư viện xem sách. Do vậy, kiến thức thông thường của tôi rất phong phú. Về sau, biết giảng kinh cũng là một cách đối trị giải đãi. Vì vậy, liền học giảng kinh, mục đích nhằm khắc phục cái tật giải đãi của chính mình. Thoạt đầu, để giảng một tiếng rưỡi, phải tốn hơn ba mươi tiếng đồng hồ để chuẩn bị. Đối phó với một vị thầy thì dễ, chứ đối với mấy trăm thính chúng thì không có cách gì xí gạt được. Do vậy, phải dốc sức để tìm hiểu thật rõ. Sau một năm, thời gian chuẩn bị giảm xuống một nửa. Sau mười năm, có thể không cần chuẩn bị nữa. Nhưng kinh vẫn phải đọc, chỉ sợ trong ấy có những chữ lạ, phải tra tự điển trước. Giải đãi quả thật là một căn bệnh nghiêm trọng nhất, chẳng

nhẹ hơn tham, sân, si. Thiện căn duy nhất của Bồ Tát là Tinh Tấn.

Thứ năm là Thiên Định. Giải thích theo nghĩa rộng, [Thiên Định có nghĩa là] trong tâm có chủ ý, chẳng dễ dàng bị ngoại giới lay động. Như trong thế gian ắt cần phải chuyên học một, hai kỹ năng để duy trì cuộc sống, hễ chuyên tinh thì sẽ trội hơn người khác, Phật pháp cũng giống như thế. Trong nhiều pháp môn, chuyên học một môn. Dẫu cho trí huệ cao minh, mạnh mẽ, học nhiều môn cũng không trở ngại gì, nhưng muốn có thành tựu to lớn thì vẫn phải chuyên! Hễ chuyên tâm thì tâm không bị chia đôi, trừ một chuyện nào đó ra, không có một chút tạp niệm nào, ý chí tinh thần tập trung, chuyên tinh là Thiên Định.

Thứ sáu là Bát Nhã (Prajñā). Bát Nhã là chân trí huệ, chứ không phải là tài trí, thông minh thế gian. Ở đây, do tôn trọng

nên không dịch nghĩa chữ Bát Nhã, mà vẫn giữ nguyên cách dịch âm tiếng Phạn. Trí huệ thế gian gọi là Thế Trí Biện Thông. Thế Trí là do ý thức, tư duy thúc đẩy tạo ra, còn Bát Nhã chân trí huệ là do Thiên Định sanh ra. Nói cách khác, Bát Nhã sanh từ tâm thanh tịnh, chẳng cần phải nghiên cứu, suy đoán, khảo sát, nghĩ ngợi, mà tự nhiên hiểu rõ, vừa tiếp xúc liền thông đạt. Toàn bộ Phật pháp nhằm cầu khai trí huệ, nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ. Định là mấu chốt để tu học Phật pháp.

Cổ đức dạy chúng ta một mặt tu Định, một mặt đọc tụng kinh điển Đại Thừa, tiến hành hai cách đồng thời. Trước kia, theo học với thầy Lý, thầy dạy tôi dùng phương pháp niệm Phật để tu Định, lại dùng phương pháp nghiên cứu kinh điển hòng giúp khai trí huệ. Ngài nêu ra lệ như thế này: Nếu đơn độc tu Định mà muốn

khai Huệ thì phải tốn thời gian mười năm. Nếu đồng thời nghiên cứu kinh luận Đại Thừa, thì có thể rút ngắn thời gian khai huệ còn năm hay sáu năm. Trong nhà Phật gọi cách này là Chánh Trợ Song Tu. Đọc tụng Đại Thừa có hai cách. Một là hoàn toàn đọc tụng không cần hiểu. Như rất nhiều người đọc kinh Pháp Hoa, suốt ngày niệm một bộ tôn chừng năm tiếng đồng hồ, khi đọc tuyệt đối chớ nên nghiên cứu văn tự, hễ nghiên cứu sẽ hỏng. Nếu muốn nghiên cứu thì cần phải kiếm thời gian khác, chỉ dùng [thời gian] đọc kinh để tu Định là chủ yếu. Dầu nghiên cứu rất giỏi, giảng đến mức hoa trời rơi loạn xạ, nhưng vẫn y như cũ, trí huệ chẳng mở mang! Sở đắc là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là chân trí huệ.

Lục Độ là cương lĩnh xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường nhật của Bồ Tát. Dùng Bồ Thí đối trị keo kiệt tham

lam, dùng Trì Giới đối trị ác nghiệp, dùng Nhẫn Nhục đối trị nóng giận, dùng Tinh Tấn đối trị giải đãi, dùng Thiền Định đối trị tán loạn, dùng Bát Nhã đối trị ngu si. Sáu đại cương lĩnh này chẳng nhằm độ ai khác mà nhằm độ chính mình. Tham, sân, si là gốc bệnh của chúng ta. Đức Thế Tôn dạy chúng ta dùng Lục Độ làm thuốc. Nếu dùng đúng pháp, uống thuốc vào sẽ hết bệnh. Nói cặn kẽ nhất là như Đại Trí Độ Luận, sách dành một phần thật lớn để giải thích Lục Độ. Kinh Hoa Nghiêm chỉ giảng riêng về Bồ Thí đã gồm một trăm thứ. Tài Bồ Thí chia thành Nội Tài và Ngoại Tài. Nội Tài là đầu, mắt, não, tủy, hết sức cặn kẽ! Nếu các đồng tu muốn học nhiều hơn một chút, có thể tham khảo cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Giang Vị Nông và cuốn Tâm Kinh Thuyên Chú của Châu Chỉ Am, nội dung hai bộ sách ấy đều rất phong phú, giải

thích những thuật ngữ, danh từ Đại Tiêu Thừa hết sức cặn kẽ, có thể dùng làm sách đọc để biết những kiến thức thông thường trong Phật pháp, hết sức có giá trị.

“*Thập Lực, Vô Úy*”: Lực (力) là năng lực, kinh Đại Thừa thường nói nơi quả địa, đức Phật chứng được mười thứ năng lực thù thắng đặc biệt. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai*”. Đức tướng là năng lực, mà cũng là khả năng sẵn có của chúng sanh. Nhưng do vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Có hai thứ chướng ngại: Một là Sở Tri Chướng, hai là Phiền Não Chướng. Hết thảy những lời Phật chỉ dạy chúng sanh chẳng ngoài trừ hai thứ chướng mà thôi! Năng lực vô lượng vô biên, nhằm thuận tiện giải nói nên nêu đại lược mười thứ.

1) ***Tri thị xứ phi xứ trí lực***: Nói rõ nhân quả tương ứng. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. Tạo nhân nào, gặt quả ấy thì gọi là “*thị xứ*”. Nếu làm lành mà gặp ác báo thì gọi là “*phi xứ*”. Đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư nói: Trong lúc thiên hạ đại loạn này, nếu nghĩ cách cứu giúp muôn dân thì phương pháp hữu hiệu nhất là đem sự thật nhân duyên quả báo chỉ dạy chúng sanh, khiến họ hiểu rõ một miếng ăn, một hớp uống không gì chẳng phải là định sẵn, giàu, nghèo, vinh, nhục, đều là do tự mình làm, tự mình chịu, chớ nên oán trời hờn người, ai nấy hãy nên yên phận.

2) ***Tri quá hiện vị lai nghiệp báo trí lực***: Nghiệp là “*tạo tác*”. Đang trong khi tạo tác thì gọi là Sự, tạo tác xong thì gọi là Nghiệp. Nghiệp có ba loại, tức là thiện, ác và vô ký (không thiện, không ác). Đức Phật có năng lực biết trọn khắp nghiệp duyên, quả báo ba đời của chúng sanh.

Như trong kinh này, đức Phật đã ba lần khuyên dạy niệm Phật, nhằm mục đích mong mỗi chúng sanh trong một đời này sẽ viên thành Phật đạo, đây chính là điều lành nhất trong các điều lành. Nói ngược lại, người chẳng muốn tu Tịnh nghiệp sẽ rất khó thể thoát lìa lục đạo luân hồi.

3) *Tri chư Thiên giải thoát tam-muội trí lực*: Trong Phật pháp có thế gian Thiên Định và xuất thế gian Thiên Định. Đức Phật tự tại vô ngại nơi các Thiên Định, thứ lớp cạn sâu của chúng, Ngài đều biết trọn khắp, đúng như thật. Phàm phu trong có vô lượng phiền não, ngoài có vô lượng dụ dỗ, mê hoặc, rất khó tu Thiên Định. Chỉ có Niệm Phật tam-muội là thường được chư Phật tán thán. Phương pháp niệm Phật thật nhiều, nhưng tam-muội đạt được do trì danh là thượng thượng thừa đại định.

4) ***Tri chư căn thẳng liệt trí lực***: Phật biết căn tánh của hết thảy chúng sanh. Phàm phu gặp Phật, nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp khế hợp căn cơ nhất. Đức Phật nói mấy câu liền có thể khai ngộ. Sách Luận Ngữ có câu: “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (Về bản tánh thì gần giống như nhau, nhưng do huân luyện, giáo dục mà trở thành khác nhau). “*Tập tánh*” mà Nho Gia nói đến [trong câu trên đây] là tập khí sinh hoạt trong đời quá khứ của chúng sanh, mỗi người mỗi khác, ắt phải triệt để liễu giải thì mới có thể thuyết pháp khế cơ. La Hán cũng có trí lực này, nhưng chỉ có thể thấy được năm trăm đời, còn Phật có thể biết tập khí, căn cơ của chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, cho nên tùy theo căn bệnh cho thuốc rất phù hợp.

5) ***Tri chủng chủng giải trí lực***: Đối với dục vọng, tri kiến thiện ác của chúng

sanh, đức Phật biết trọn khắp đúng như thật. Mỗi người ưa thích, yêu chuộng khác nhau. Nếu biết được dự vọng, hiểu biết, ham thích trong đời này và đời quá khứ [của người khác] thì có thể chỉ điểm khớp với điều họ ưa chuộng, ắt sẽ có thể khế cơ. Dự vọng luôn luôn biến hóa, chẳng dễ gì hiểu được, chính mình còn chẳng biết, cũng phức tạp giống như Nghiệp và Định đã nói trong phần trên, có quan hệ mật thiết với tập khí trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chỉ có Phật mới thấy rõ ràng.

6) **Tri chủng chủng giới trí lực**: Giới (界) là giới hạn, tức là cực hạn (mức tốt cùng) của năng lực, chẳng thể vượt hơn được. Chẳng hạn như đối với căn tánh Tiểu Thừa, nếu giới hạn của người ấy là Sơ Quả, thì Phật có thể giúp cho người ấy chứng Sơ Quả. Nếu cực hạn là Tứ Quả thì Phật giúp cho người ấy đạt đến A La Hán. Đối với các thứ giới hạn sai biệt của hết

thầy chúng sanh, Phật đều biết rất tường tận, giáo hóa mỗi người đều đạt được nguyện vọng của họ.

7) ***Tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực***: Đây là nói về quả vị. Có nghiệp nhân nào, tương lai sẽ đạt đến đạo quả nào, Như Lai đều có thể biết trọn khắp đúng như thật. Như người thế gian chưa thoát khỏi lục đạo thì mục tiêu giáo học là ngăn ngừa hết thầy chúng sanh tạo tác ác nghiệp, đọa nhập tam đồ. Vì ác đạo rất khổ, dễ vào, khó ra. Nếu là người có căn tánh nhân, thiên, bèn nói Ngũ Giới, Thập Thiện, thuận theo nguyện của họ. Đây đều là ứng theo căn cơ mà lập cách giáo hóa. Do đây có thể thấy rằng: Đại Thừa nói Phật chẳng độ chúng sanh, Phật chỉ làm Tăng Thượng Duyên, chỉ dạy con đường tu hành, chỉ do tài năng [của từng đối tượng] mà lập cách dạy dỗ, trọn chẳng miễn cưỡng, thật ra,

[mỗi một người được đức Phật giáo hóa] vẫn là tự độ.

8) ***Tri túc mạng vô lậu trí lực***: Túc là trí thông đạt, hạnh viên mãn. Quý thần cũng có thần thông, nhưng năng lực của họ hết sức hữu hạn. Trung Quốc có thuyết cầu cơ, linh quý giáng đàn chuyên cơ bút, quý có thể biết được chuyện xảy ra trong mấy tháng hoặc một, hai năm. Đối với các thứ túc mạng của hết thảy chúng sanh, Như Lai có thể biết tình trạng sanh tử từ một đời cho đến trăm ngàn vạn đời, biết trọn khắp, đúng như thật.

9) ***Tri thiên nhãn vô ngại trí lực***: Thiên nhãn của Phật là tận hư không, trọn pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng thấy, không gì chẳng biết. La Hán cũng có Thiên Nhãn Thông, nhưng cần phải tác ý. Hơn nữa, chỉ thấy được một tiểu thiên thế giới, vượt ra ngoài [phạm vi ấy] thì dù có nhìn thật kỹ cũng không thấy,

là vì họ còn có Trần Sa và Vô Minh gây chướng ngại, họ chỉ đoạn được Kiến Tư phiền não. Chỉ có thiên nhãn của Phật mới có thể thấy vô tận thế giới và quá khứ, vị lai lâu xa.

10) *Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực*: Đây chính là Lưu Tận Thông. Lưu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Tự mình biết Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều đã đoạn sạch, chẳng cần phải hỏi ai khác, đã thành tựu đại giác viên mãn.

Mười loại này chính là “*bốn năng*” (năng lực sẵn có) của chính mình, vốn có sẵn. Ngoài bốn năng ra chẳng có một pháp nào để đắc.

Tiếp theo là Vô Úy, chính là Như Lai đối với sự giáo hóa hết thấy chúng sanh mà nói thành bốn món Vô Úy, tức là trí huệ, đức năng của chính mình viên mãn, liền có thể giáo hóa hài hòa:

1) **Nhất Thiết Trí Vô Sở Úy**: Không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Bất cứ ai cũng chẳng thể bắt bí được. Trên thực tế, đây cũng là năng lực sẵn có của chính mình. Thuở ấy, có người toan trắc nghiệm Thích Ca Mâu Ni Phật, hỏi Ngài trên cái cây này có bao nhiêu lá, Phật trả lời lập tức. Sai người kiểm rõ, quả nhiên chẳng sai. Những chuyện như vậy trong kinh ghi chép rất nhiều.

2) **Lậu Tận Vô Sở Úy**: Môn thứ nhất (tức Nhất Thiết Trí Vô Sở Úy) là trí huệ viên mãn, môn thứ hai là Như Lai đoạn sạch phiền não, đức hạnh viên mãn. Phật có đức lớn, ở trong hết thảy đại chúng chẳng sợ hãi.

3) **Thuyết Chương Đạo Vô Sở Úy**: Tà tri tà kiến thường nói trong thế gian đều thuộc về chương đạo, người đời không biết, chẳng thể phân biệt tà, chánh. Do vậy, thời gian tu hành của chúng ta rất dài,

chính là vì chuyện gây chướng đạo quá nhiều, chướng ngại sự tu trì của chính mình. Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều khơi gợi đạo tâm của chúng ta, người ta vì sao có thể thành tựu, còn chúng ta vì sao chẳng thể thành tựu. Nếu tiêu trừ chướng ngại thì sẽ có hy vọng thành công. Phật biết sâu xa chuyện này, trong kinh, Ngài thường nhắc tới nhân duyên gây chướng đạo.

4) ***Thuyết Tận Khổ Đạo Vô Sở Úy***: Tam giới là khổ, ngoài tam giới cũng có khổ. Bạc Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đây cũng là khổ. Dùng phương pháp nào để tiêu trừ khổ sạch sẽ? Phật biết phương pháp ấy, liền nói cách hết khổ không sợ hãi. Phật dạy chúng sanh lìa khổ được vui, [chúng sanh] bao gồm cả Đẳng Giác trong ấy. Phật dạy Đẳng Giác Bồ Tát các pháp

môn, trong ấy có một phương pháp rất xảo diệu. Trong hội Hoa Nghiêm, khuyên Đẳng Giác Bồ Tát niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nói thật ra, lúc đầu tôi học Phật, đối với pháp môn Tịnh Độ cũng chẳng hứng thú cho lắm. Thầy Lý học Tịnh Tông, tôi theo học với thầy mười năm, tôi tôn trọng thầy, đối với Tịnh Tông chẳng hủy báng mà thôi, chứ bảo tôi suốt ngày từ sáng tới tối niệm Phật, tôi không chịu làm đâu nhé! Mãi cho đến khi đọc thấy trong hội Hoa Nghiêm, trong phương pháp tu thành Phật do đức Phật dạy hàng Đẳng Giác Bồ Tát có pháp môn này, tôi mới tỉnh ngộ, quay đầu lại nhìn thấy pháp môn này khác hẳn trước kia. Phật dạy các đại Bồ Tát các thứ lý luận và phương pháp, chúng ta là phàm phu đều chẳng thể làm được, còn dạy phương pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thấy A Di Đà Phật thì chúng ta cũng có thể làm được. Chúng ta chọn

lấy pháp môn này, há chẳng phải là một bước lên trời? Sau đây mới biết hết thầy chú Phật Như Lai đều khen ngợi pháp môn này đúng là đại từ đại bi vậy!

Pháp môn Niệm Phật này chỉ cần quý vị chịu tin, chịu niệm, bằng lòng ra đi (vãng sanh), thì vạn người tu vạn người đến. Lý ấy rất sâu, trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã phơi bày chẳng sót, phương pháp xảo diệu, tín nguyện trì danh, một đời thành Phật. Đây chính là Tận Khổ Đạo Vô Úy.

(Giải) Tam thập thất phẩm, thâm pháp tuy tận, nhi cơ duyên bất đẳng, tác chủng chủng khai hợp, danh nghĩa bất đồng, tùy sở dục văn, vô bất diễn sớng. Cố linh văn giả, niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não dã.

(解) 三十七品。收法雖盡。而機緣不等。作種種開合。名義不同。隨所欲聞。無不演暢。故令聞者。念三寶。發菩提心。伏滅煩惱也。

(Giải: Ba mươi bảy phẩm tuy bao gồm trọn hết các pháp, nhưng do cơ duyên khác nhau mà có các thứ mở rộng, hay tóm gọn, danh nghĩa khác nhau, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Vì thế, có thể làm cho người nghe nghĩ nhớ Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, khuất phục, diệt trừ phiền não).

Ba mươi bảy đạo phẩm là tổng cương lĩnh, gồm trọn hết thủy pháp. Khi Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, căn tánh và cơ duyên [của mỗi chúng sanh] khác nhau; do vậy, đức Phật thuyết pháp sẽ vì người

nghe, vì thời cơ, vì nơi chốn mà thuyết pháp khác nhau, sử dụng đủ mọi cách triển khai hay quy nạp, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Mỗi người tập tánh khác nhau, nhưng bản tánh giống nhau, chúng sanh vốn là Phật. Vì sao ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ quy? Bất luận pháp môn nào cũng đều chỉ về tự tánh, nhưng pháp môn Niệm Phật là Sự trong tự tánh. Do vậy, pháp này dạy chúng sanh niệm Tam Bảo, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh. Tam Bảo là món báu tánh đức trong tự tánh. Học Phật nhập môn liền quy y Tam Bảo, Quy (歸) là quay đầu trở lại, Y (依) là nương tựa. Phản nghĩa của Tam Bảo là “mê, tà, nhiễm”. Chúng ta hiện đang sống trong “mê, tà, nhiễm”, học Phật là từ trong mê hoặc quay đầu trở lại, nương theo Giác

nơi tự tánh thì gọi là “quy y Phật”. Từ tà tri tà kiến quay đầu trở lại, nương theo Chánh trong tự tánh, tức chánh tri chánh kiến thì gọi là “quy y Pháp”. Từ trong hết thấy tâm lý, tư tưởng, kiến giải, tinh thần ô nhiễm mà quay đầu trở lại, nương theo sự thanh tịnh trong tự tánh thì gọi là “quy y Tăng”. Tam Bảo là chỗ quy y chân chánh; thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chính mình. Công khóa sáng tối đơn giản nhất của đệ tử Phật là niệm Tam Quy Y. Buổi sáng nhắc nhở chính mình, buổi tối phản tỉnh, trong ngày hôm nay, ta xử thế, đãi người, tiếp vật có sai lầm gì hay chăng? Tư tưởng có sai lệch gì chăng? Tự mình kiểm điểm lỗi quấy của chính mình, như vậy thì mới có tác dụng, chứ không phải là niệm Tam Quy Y cho Phật, Bồ Tát nghe.

Phát Bồ Đề tâm, tức là giác tâm. Đại Thừa Phật pháp thời thời khắc khắc

khuyên lơn chúng sanh phát Bồ Đề tâm. Chúng sanh đều đang mê, do cách nghĩ, cách nhìn, cách làm đều sai lầm; do làm sai nên kết nghiệp cảm quả, rắc rối ở chỗ này. Nhất Chân pháp giới do bốn tánh đã hiện bị biến thành mười pháp giới, mười pháp giới là do “mê, tà, nhiễm” biến hiện. Mê nhẹ thì là bốn thánh pháp giới, mê nặng thì là lục đạo pháp giới, càng nặng thì càng đi xuống. Phật dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm. Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói thứ nhất là chí thành tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Chí thành tâm là Thể, có Thể ắt sẽ có Dụng, Dụng chia thành Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Thâm tâm ưa thiện chuộng đức là Tự Thụ Dụng. Hồi hướng phát nguyện tâm là tâm đại từ đại bi đối đãi chúng sanh, là Tha Thụ Dụng. Đối với chính mình phải thanh tịnh, đối với người khác phải từ bi. Trong Đại Thừa Khởi Tín

Luận, Mã Minh Bồ Tát dùng các danh từ khác, nhưng ý nghĩa giống hệt. Ngài nói Bồ Đề tâm là Trục Tâm, đây là Thể, tức Chí Thành Tâm. [Tự Thụ Dụng là] Thâm Tâm giống như trong Quán Kinh, còn Tha Thụ Dụng là Đại Bi Tâm. Thời thời khác khác phải nghĩ cách điều phục, diệt trừ phiền não, trước hết phải điều phục rồi sau đây mới diệt. Nương theo tiêu chuẩn trong Yếu Giải, Đẳng Giác Bồ Tát là điều phục [phiền não], đến quả địa Như Lai mới là đoạn. Tiểu Thừa La Hán đoạn Kiến Tư, nhưng Trần Sa và Vô Minh vẫn còn. Đại Thừa Bồ Tát đoạn được Trần Sa phiền não, phá được mấy phẩm Vô Minh, chỉ là điều phục. Chúng ta chưa đoạn phiền não thì phải có năng lực chế phục nó. Nói theo đường lối thông thường thì dùng Định lực; trong pháp môn Niệm Phật thì dùng Phật hiệu, tịnh niệm tiếp nối, phiền não chẳng

hiện tiền, dễ dàng hơn dùng công phu Định lực.

(Giải) Chước kiến từ oai bất khả tư nghị, cố niệm Phật. Pháp hỷ nhập tâm, pháp vị sung túc, cố niệm Pháp. Đồng văn cộng bảm, nhất tâm tu chứng, cố niệm Tăng. Năng niệm tức Tam Quán. Sở niệm Tam Bảo, hữu biệt tướng nhất thể, cập tứ giáo ý nghĩa. Tam Đế quyền, thật chi bất đồng, như thượng liệu giản đạo phẩm ưng tri.

(解) 灼見慈威。不可思議。故念佛。法喜入心。法味充足。故念法。同聞共稟。一心修證。故念僧。能念即三觀。所念三寶。有別相一體。及四教意義。三諦權實之不同。如上料簡道品應知。

(**Giải:** Thấy rõ rành rành oai đức từ bi chẳng thể nghĩ bàn, vì thế niệm Phật. Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập, vì thế niệm Pháp. Cùng nghe, cùng tiếp nhận, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng. Năng niệm là Tam Quán. Sở niệm là Tam Bảo, tuy có tướng sai khác, nhưng là cùng một Thể, và mang ý nghĩa bốn phương pháp giáo hóa. Tam Đế có quyền biến hay thật pháp khác nhau, hãy nên dựa theo sự phân định về đạo phẩm trong phần trước để hiểu điều này).

Phần này giải thích nhân duyên niệm Tam Bảo. Trong phần trên, kinh văn đã giới thiệu những điểm trọng yếu trong tình trạng cuộc sống và tình hình thuyết pháp nơi Tây Phương Tịnh Độ, đến cuối cùng, nói thành tích giáo học chính là niệm Tam Bảo. Trước tiên, phải biết vì sao quy kết về Tam Bảo? Tam Bảo đại diện toàn thể

Phật pháp. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ có ghi “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, tâm thanh tịnh là Tăng Bảo, tâm bình đẳng là Pháp Bảo, tâm giác ngộ là Phật Bảo. Lại còn là Tam Học: “Thanh tịnh” là Giới Học, “bình đẳng” là Định Học, “giác” là Huệ Học. Do vậy, Tam Bảo và Tam Học bao quát toàn thể Phật pháp. Toàn thể Phật pháp chính là tánh đức của chính mình. Chúng ta hết sức ngưỡng mộ đức Phật, tới một ngày nào đó có thể thấy rõ ràng A Di Đà Phật, chúng ta sẽ nhất định hết sức hoan hỷ. Trong thế gian này cũng có thể thấy, kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*”. Có cảm ắt có ứng, cảm chẳng phải là dùng vọng niệm, tâm thanh tịnh thì mới có cảm ứng. Đã có thể thấy Phật, ắt sẽ có thể thấy hết thấy những nhân vật khác nhau trong pháp giới, mà [đối với những sự vật] trong những

chiều không gian khác nhau cũng đều có thể thấy được. Tại Ấn Độ, có không ít nhà tôn giáo từ trong Định thật sự thấy được tình huống trên trời và lục đạo. Định có thể sanh thần thông, mức độ sâu hay cạn khác nhau. Lão hòa thượng Hư Vân hễ tịnh tọa là từ mười ngày cho đến nửa tháng, cảnh giới trong Định được ghi chép tường tận trong Hư Vân Niên Phổ. Có một lần, trong Định, Sư tới được Nội Viện trời Đâu Suất, nghe Di Lạc Bồ Tát thuyết pháp, đây tuyệt đối chẳng phải là hư cấu. Điểm đặc thù nhất trong Phật pháp là dạy hành giả chiếu theo lý luận, phương pháp trong kinh để thực hành, chính mình sẽ có thể đích thân chứng được. Niệm Phật công phu thành phiền chính là Định sơ cấp. Có người khi công phu thành phiền, thấy Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tu đến mức Sự nhất tâm bất loạn, cảnh giới giống như A La Hán, Bích Chi Phật. Tu đến Lý

nhất tâm bất loạn, công phu Định lực sâu xa, không có nhập Định hay xuất Định.

Thầy dạy học trò, đã có lòng từ ái, lại còn có sự oai nghiêm, chẳng thể phớt bỏ một bên nào. Do vậy, học sinh đối với thầy vừa cung kính lại vừa kiêng dè. A Di Đà Phật là một vị thầy tốt nhất, do mười phương hết thảy chư Phật và Bốn Su Thích Ca Mâu Ni Phật đều tán thán A Di Đà Phật. Đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là “*Phật trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (tôn quý nhất trong các vị Phật, vua của các vị Phật).

Thờ tượng Phật có hai ý nghĩa:

1) Thứ nhất là chẳng quên gốc. Người Trung Quốc nói: “*Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu*”¹²⁰. Nho gia Trung Quốc

¹²⁰ Đây là một câu nói của Tăng Tử trích từ thiên Học Nhi của sách Luận Ngữ. Câu này thường được giải thích như sau: “*Cha mẹ đã mất thì tang ma cẩn thận. Tưởng nhớ, truy niệm tổ tiên thì phẩm đức của dân chúng sẽ ngày càng sâu dày, tốt đẹp hơn*”. Ý nói để khơi gợi những đức tánh tốt đẹp của dân chúng phải khởi sự từ hiếu đạo.

và Đại Thừa Phật pháp đều kiến lập trên hiếu đạo, sanh mạng do cha mẹ mà có; vì thế ân đức phụ mẫu rất lớn. Kế đến là huệ mạng, huệ mạng là giáo dục, giáo dục do thầy mà có. Theo cổ lễ, cha mẹ qua đời, để tang ba năm. Thầy qua đời, để tang trong lòng ba năm, chẳng mặc hiếu phục (áo tang) mà thôi. Con cái của thầy giống như anh em trai, chị em gái của chính mình, phải luôn luôn chăm sóc họ. Do vậy, thờ tượng Phật và thờ bài vị tổ tiên mang ý nghĩa kỷ niệm giống nhau. Thờ Phật là thờ vị thầy bậc nhất nhằm biểu thị ý nghĩa “chẳng quên ân sư”.

2) Thứ hai là “*kiến hiện tư tề*” (thấy người hiền, mong được bằng). Trông thấy tượng Phật bèn nhớ trong kinh điển nhà Phật có rất nhiều giáo huấn, thường ngày chúng ta làm người sống trong cõi đời có tuân thủ, làm theo lời chỉ dạy của Phật hay không.

“*Pháp hỷ nhập tâm, pháp vị sung túc*” (Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập). Hiện thời, Phật đã không còn trên cõi đời, nhưng giáo huấn của Ngài vẫn còn lưu lại nhân gian. Mong tiếp nhận giáo huấn của Phật để đạt được lợi ích chân thật, ắt phải đọc tụng kinh điển, nhớ mãi chẳng quên. Đối với thầy ắt phải có tín tâm, thành tựu của quý vị lớn hay nhỏ tỷ lệ thuận với tín tâm đối với thầy. Nếu không có lòng cung kính thầy, chẳng bằng không học, học cũng vô ích. Người thật sự có trí huệ, chẳng coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng, mà quý trọng thời gian, “*một tác quang âm, một tác vàng, tác vàng khó chuộc tác quang âm*”. Cầu học ắt phải theo học với vị thầy mà ta ngưỡng mộ nhất thì mới được lợi ích; vì đối với lời thầy nói, ta ắt sẽ làm theo một trăm phần trăm. Cổ nhân tham học, tìm thầy, hỏi đạo, từ Cao Tăng Truyện, ta có thể thấy có

người học đến tham phỏng thầy, thầy nói chuyện với người ấy xong liền bảo: “Nhân duyên của ông là theo học với vị thầy nọ ở chỗ kia thì sẽ được lợi ích”. Người ấy tuân lời dạy đi qua đó, chẳng đầy mấy năm liền khai ngộ.

Từ nhỏ, tôi mang tư tưởng khá độc lập, chẳng bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài cho lắm. Lúc cầu học ở Nam Kinh, từng học hai năm trong giáo hội Cơ Đốc Giáo, đã hai lượt đọc Tân Ước Cựu Ước Toàn Thư¹²¹, lại học theo Y Tư Lan giáo (Islam, đạo Hồi) một năm. Giáo hội Cơ Đốc Giáo bảo tôi chịu phép rửa tội

¹²¹ Đây là hai phần của Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo:

1. Cựu Ước (Old Testament) tức những giao ước giữa Jehovah (Yahweh, Thượng Đế của người Do Thái). Phần này gần như hoàn toàn giống với Thánh Kinh của Do Thái Giáo, gồm Pentateuch (gồm năm quyển giải thích nguồn gốc vũ trụ, các điều răn, luật lệ và lịch sử dân Do Thái), Nevi'im (các lời tiên tri về sự xuất hiện của một đấng Cứu Thế), và Ketuvim (gồm những sách như Psalm (Nhã Ca hay Thi Thiên), Proverbs (Châm Ngôn) v.v...
2. Tân Ước (New Testament) chép hành trạng của Jesus (thường được biết dưới danh từ Phúc Âm – Gospel, gồm 4 quyển), Công Vụ Sứ Đồ (Acts of the Apostles, ghi chép những sự kiện trong công cuộc truyền đạo của các môn đệ thân cận của Jesus), những thư từ nhằm giải thích đạo Thiên Chúa của các tông đồ tiên khởi đối với các tín đồ (phần này được gọi chung là Epistle) và sách Khải Huyền (Revelation).

(baptism), tôi không nghe, vì tôi có nhiều nghi vấn nhưng không có cách nào giải đáp. Sau khi đến Đài Loan, thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, trong lòng tôi, Ngài là một vị đáng ngưỡng mộ nhất trong tâm ý của tôi. Ngài nói: “*Triết học trong kinh Phật là triết học cao sâu nhất trên thế giới, học Phật cũng là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Tôi đến chùa xem kinh, có rất nhiều câu văn chẳng dễ hiểu, ắt phải có người chỉ dạy, hướng chỉ những kinh luận trọng yếu phần nhiều là ý nằm ngoài lời. Về sau, gặp được Chương Gia đại sư hết sức từ bi, được Ngài chỉ dạy ba năm, định vững cơ sở học Phật cho tôi. Về sau, lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi quen biết với thầy Lý Bình Nam. Tôi lại theo học với cụ mười năm. Bái sư ắt phải chí thành, cung kính, y giáo phụng hành thì tu học mới có tâm đắc,

thoát thai hoán cốt¹²², biến đổi khí chất, pháp hỷ ngập tràn, phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng thêm, tự nhiên hoan hỷ.

Theo Cao Tăng Truyện, Huệ Viễn đại sư kiến lập một đạo tràng tại Lô Sơn, gọi là Đông Lâm Niệm Phật Đường, suốt ba mươi năm chưa từng rời khỏi nơi đó, tuy không bế quan, nhưng thật sự giống như cấm túc. Một đời Ngài ba lần thấy thế giới Cực Lạc, chẳng hai, chẳng khác với những gì kinh đã nói. Đến khi lâm chung, Ngài mới nói rõ với các đệ tử. Do vậy, “hành” thì mới có thể trừ khử được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khôi phục tâm thanh tịnh. Nếu chỉ cầu hiểu biết xuông, sẽ chẳng thể trừ chướng ngại được!

¹²² “Thoát thai hoán cốt” vốn là một thuật ngữ của Đạo Giáo. Họ tin rằng có những loại tiên đan đặc chế, uống vào sẽ chuyển thân phàm thành thánh thai, thay đổi xương phàm thành xương tiên. Về sau, từ ngữ này trở thành một thành ngữ ngụ ý người học được một nền giáo dục tốt đẹp bèn biến đổi tư cách phẩm đức triệt để, trở thành tốt đẹp, hoàn toàn khác hẳn trước khi học.

“*Đồng văn cộng bảm, nhất tâm tu chứng, cố niệm Tăng*” (Cùng nghe, cùng lãnh thụ, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng). Dưới tòa của A Di Đà Phật, những người cùng tu đều là thượng thiện nhân, tức là niệm Tăng. “*Năng niệm tức là Tam Quán*”, ở chỗ này giảng Năng Niệm và Sở Niệm khác nhau. “*Năng niệm*” là nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta không làm được. Thành quả tu học của họ chúng ta có thể lãnh ngộ sơ lược đôi chút. Tông Thiên Thai nói đến Tam Quán Tam Đế thì ở trong Tây Phương thế giới, [các vị thượng thiện nhân] hoàn toàn chứng đắc [những điều ấy]. Đối với tư tưởng, lý luận, cảnh giới của tông Thiên Thai, có thể nói là chúng ta hiểu biết có hạn; chẳng qua, tổ sư, đại đức nêu ra mấy danh từ, thuật ngữ mà thôi. Pháp môn Niệm Phật đặc biệt ở chỗ chỉ cần nhất tâm xưng niệm thì lý luận, phương pháp, cảnh giới đều

nằm trong ấy, không riêng gì tông Thiên Thai mà Thiên Tông, Mật Tông cũng nằm trong một câu Phật hiệu.

Có người hỏi tôi: “Hiện thời chúng tôi học Phật, nhưng người già trong nhà chẳng chịu học Phật thì phải làm sao?” Tôi nói: “Vậy là chỉ trách ông học Phật chưa nghiêm túc, không có thành tựu!” Hà Đông tước sĩ¹²³ phu nhân ở Hương Cảng niệm Phật, người trong nhà hoàn toàn tin theo Cơ Đốc Giáo, nhưng rất hiếu thuận với mẹ. Bà cụ khi lâm chung bảo con cái: “Nhà ta tự do tôn giáo, đối xử với nhau hết sức hòa hợp. Hôm nay mẹ sắp về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta có dịp làm mẹ con với nhau, vậy các con hãy niệm Phật mấy câu tiễn mẹ đi”. Nói xong, chưa đầy một khắc, cụ đã ngồi vãng sanh. Từ lúc ấy, cả nhà tướng quân Hà Thế Lễ,

¹²³ Tước Sĩ là phiên âm của chữ Sir trong tiếng Anh. Thông thường, tại Trung Hoa thời ấy, người được phong tước Kỵ Sĩ (Knight, ta thường dịch là Hiệp Sĩ) hoặc Tùng Nam Tước (Baronet) của hoàng gia Anh, sẽ được gọi là Tước Sĩ.

ông này là con trai bà cụ, đều tin Phật. Chuyện này từng gây xôn xao đất Hương Cảng một thời.

Phật pháp từ đầu đến cuối là cầu khai trí huệ, Năng Niệm là Tam Quán. Tam Quán là trí huệ chân thật, Tam Quán là quán sát chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, quán sát từ ba phương diện: Một là Không, hai là Giả, ba là Trung.

- Không chẳng phải là cái gì cũng chẳng có, Không là bản thể của vạn pháp trong vũ trụ. Bản thể tồn tại, nhưng không thấy được, mò chẳng được, nghe chẳng được, nói chẳng được, sáu căn không có cách nào tiếp xúc nó, nhưng nó tồn tại, nó có thể sanh ra Hữu. Hữu là sâm la vạn tượng, hết thấy vạn pháp, đều do bản thể biến hiện ra. Không là Tánh, Tánh là không. Tướng là có. Trong ứng xử nên dùng Trung, Nho gia gọi Trung là Trung Dung, còn Phật pháp gọi là Trung Đạo. Đã

không thiên chấp Hữu mà cũng đừng thiên chấp Không. Phàm phu phạm lỗi chấp Hữu, chấp tướng, chẳng biết bản thể, rớt vào lục đạo luân hồi. Hữu là giả có, chớ nên chấp trước! Thể là bất sanh bất diệt, còn Tướng sanh diệt trong từng sát-na, vạn pháp vô thường. Do vậy, nói “*Năng Niệm tức Tam Quán*”. Trong các hiện tượng, hãy nên dùng Trung¹²⁴. Đối tượng được niệm (Sở Niệm) là Tam Bảo. Tam Bảo là biệt tướng¹²⁵. Từ hiện tượng mà nói thì phiền não, vọng tưởng đã đoạn hết, trí huệ viên mãn hiện tiền bèn gọi là “*thành Phật*”. Phật có đại trí, thành tựu sự giác ngộ trí huệ viên mãn, thì gọi là Phật Bảo. Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói,

¹²⁴ Nói cách khác, khi tiếp xúc, khi cảm thụ sự vật, cái tâm của người niệm phải vận dụng Tam Quán. Quán các pháp bản thể là Không, tướng biến hiện của các pháp là Giả, nhưng không chấp vào Không hay chấp vào Có (đó là Trung). Vì thế, Hòa Thượng mới nói “*Trong các hiện tượng, hãy nên dùng Trung*”.

¹²⁵ Biệt tướng ở đây chỉ cho từng tướng riêng biệt của mỗi pháp. Các pháp có tổng tướng (tướng chung cho vạn pháp), tổng tướng ấy là Giả vì mỗi pháp đều do duyên sanh. Do phân biệt, so lường nên thấy mỗi pháp có tướng riêng biệt, đó gọi là Biệt Tướng.

lưu truyền thành kinh điển thì gọi là Pháp Bảo. Đệ tử xuất gia nương theo kinh luận đề tu hành thì gọi là Tăng Bảo. “*Nhất Thể*” là nói theo Tánh, tức là “*giác, chánh, tịnh*”. Chánh giác là Phật Bảo, chánh tri chánh kiến là Pháp Bảo, thanh tịnh vô nhiễm là Tăng Bảo. Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, thì gọi là Tự Tánh Tam Bảo, còn gọi là Nhất Thể Tam Bảo. “*Tứ giáo ý nghĩa*” chính là “*Tạng, Thông, Biệt, Viên*” như trong tông Thiên Thai đã nói.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bĩ Phật quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huống hữu thật? Thị chư chúng điều giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

(經) 舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Ông đừng nói những con chim ấy là do tội báo mà sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác. Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy còn không có danh từ ba đường ác, huống là có thật! Các loài chim ấy là do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được lan truyền rộng khắp mà biến hóa ra).

Trong đoạn kinh văn này, đức Phật sợ có người nghe nói trong Tây Phương vẫn còn có bạch hạc, chim công v.v... thuộc về

súc sanh đạo, vậy thì Tây Phương khác với thế giới này ở chỗ nào? Tại Tây Phương, những loài chim như vậy hoàn toàn chẳng có sanh mạng, đều do A Di Đà Phật biến hóa ra. Toàn thể cấu tạo của Tây Phương là do tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước tòa của đức Thế Tụ Tại Vương Phật, nương vào oai thần của Phật, tham khảo tình hình trong các thế giới Phật ở khắp mười phương, tập hợp những điểm tốt đẹp nhất để tạo thành. Không riêng gì các loài chim thuyết pháp, thậm chí cây báu, nước chảy đều có thể thuyết pháp, đều do A Di Đà Phật hóa ra. Thuở còn trẻ, tôi thích đọc những sách như Liêu Trai Chí Dị, chưa từng thấy quý, nhưng đã thấy hồ ly. Trong thời kỳ Kháng Chiến, tôi sống trong nhà một người giàu có tại Hành Sơn thuộc tỉnh Hồ Nam. Nhà ấy đã suy vi, trên lầu không có ai ở, nghe nói có hồ ly, rất nhiều người đã thấy. Tôi chỉ thấy một người đàn ông

mặc áo dài bằng vải xanh, nhưng mặt mũi lờ mờ không rõ ràng. Ngoài ra, quê tôi sản xuất gạo, có một người họ hàng đóng đầy một thuyền gạo, tính chở sang Nam Kinh bán. Trong lúc thuyền sắp nhổ neo, có người thấy một con vật giống con chồn lông vàng chạy lên thuyền, nhưng tìm khắp nơi không thấy, bèn vẫn theo đúng giờ khởi hành. Đến Nam Kinh, cả một thuyền đầy gạo không còn gì, chỉ toàn là bao rỗng, chung hững quay về. Đến nhà rồi mới thấy gạo chở đi còn nguyên trong kho. Chắc là người buôn gạo ấy đắc tội với nó nên nó mới giở trò như vậy. Đây là điều chính tôi mắt thấy tai nghe. Trên thế giới chuyện kỳ lạ gì cũng có. Rất nhiều nhà tôn giáo ở Ấn Độ có công phu định lực có thể thấy được những chuyện giống như thế, họ nhìn thấy lục đạo rất rõ ràng, chỉ biết lẽ đương nhiên, chứ không biết nguyên do sự tình phát sanh như thế nào?

Kết quả về sau ra sao họ cũng không biết! Chỉ riêng kinh Phật là giảng lý sự nhân quả tường tận nhất.

A Di Đà Phật do đại nguyện từ bi, giúp đỡ con người đời nghiệp vãng sanh, sanh về Cực Lạc thế giới là nơi có hoàn cảnh tu học tốt đẹp và thiện duyên thù thắng, chẳng đến nỗi nầy sanh một vọng niệm nào. Do vậy, Cực Lạc thế giới giống như một lớp học vĩ đại, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương hết thầy chú Phật cổ vũ, khích lệ chúng ta vãng sanh Cực Lạc thế giới là vì nguyên nhân này. Nói thật ra, vãng sanh Tây Phương dễ hơn sanh lên trời. Tôi sống tại Câu Tử Khẩu, Đài Bắc, cách vách có một nhà thờ Thiên Chúa, linh mục là tiên sinh Phương Hào, ông ta chỉ tốt nghiệp Sơ Trung (học hết cấp hai), tự tu thành tựu. Ông ta là chuyên gia về Sử đời Tống, là viện sĩ viện nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, và là viện

trường viện văn học của Quốc Lập Chánh Trị Đại Học, thường mượn tôi Đại Tạng Kinh để đọc. Ông ta nói: “Kinh Phật giảng Thiên Đường tử mĩ hơn Thánh Kinh, chắc là Phật đã thật sự đến được Thiên Đường!” Cõi trời có rất nhiều tầng, điều kiện sanh lên trời chẳng dễ dàng. Trời có đức hạnh cao hơn người. Đức Phật nói điều kiện để sanh lên trời là Thập Thiện Nghiệp đạo. Đây là tiêu chuẩn của Dục Giới Thiên. Nếu muốn sanh lên Sắc Giới Thiên ắt phải tu Tứ Vô Lượng Tâm, tức Từ, Bi, Hỷ, Xả và Tứ Thiên Bát Định, khó hơn sanh về Tây Phương nhiều lắm.

(Giải) Trưng thích khả tri.

Vấn: Bạch hạc đẳng, phi ác đạo danh da?

Đáp: Kỳ phi tội báo, tắc nhất nhất danh tự, giai thuyên Như Lai cứu cánh công đức. Sở vị cứu cánh, bạch hạc đẳng,

vô phi tánh đức mỹ xưng, khởi ác danh tai!

Vấn: Hóa tác chúng điều hà nghĩa?

Đáp: Hữu Tứ Tất Đàn nhân duyên. Phàm tình hỷ thử chư điều, thuận tình nhi hóa, linh hoan hỷ cố. Điều thượng thuyết pháp, linh văn sanh thiện cố, bất u điều khởi hạ liệt tướng, đối trị phân biệt tâm cố. Điều tức Di Đà, linh ngộ Pháp Thân bình đẳng, vô bất cụ, vô bất tạo cố. Thử trung hiển vi phong, thụ, vông đẳng âm, cập nhất thiết y chánh giả thật, đương thể tức thị A Di Đà Phật. Tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã.

(解) 徵釋可知。問。白鶴等。非惡道名耶。答。既非罪報。則一一名字。皆詮如來究竟功德。所謂究竟。白鶴等。無非性德美稱。豈惡名哉。問。化作眾

鳥何義。答。有四悉檀因緣。凡情喜此諸鳥。順情而化。令歡喜故。鳥尚說法。令聞生善故。不於鳥起下劣想。對治分別心故。鳥即彌陀。令悟法身平等。無不具。無不造故。此中顯微風樹網等音。及一切依正假實。當體即是阿彌陀佛。三身四德。毫無差別也。

(Giải: Lời Phật gạn hỏi và lời Ngài tự giải thích dễ hiểu.

Hỏi: Những danh từ như bạch hạc v.v... chẳng phải là danh xưng trong ác đạo ư?

Đáp: Đã không có tội báo thì mỗi một danh tự đều nói lên công đức rất ráo của Như Lai. Đã nói là rất ráo thì những danh tự như bạch hạc v.v... không gì chẳng phải mỹ hiệu của tánh đức, há có phải là ác danh vậy thay!

Hỏi: [A Di Đà Phật] hóa ra các loài chim có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Có nhân duyên của Tứ Tất Đàn. Phàm tình¹²⁶ ưa thích những loài chim ấy nên thuận theo lòng chúng sanh ưa thích mà hóa ra, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] hoan hỷ. Chim còn có thể thuyết pháp, khiến cho người nghe sanh điều thiện, sẽ chẳng khởi ý niệm coi những con chim ấy là kém hèn, nhằm đối trị cái tâm phân biệt. Chim chính là Di Đà, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] ngộ Pháp Thân bình đẳng, không gì chẳng đầy đủ, không gì chẳng tạo. Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu v.v... và hết thảy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mảy may).

¹²⁶ Phàm tình: Tình thức, tình cảm của phàm phu.

Nếu có người nêu câu hỏi: Bạch hạc, chim công v.v... chẳng phải là tên gọi trong ác đạo ư? Sao kinh nói “*thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thật*” (còn không có danh từ ác đạo, hưởng là thật sự có?) Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có tiêu chuẩn tuyệt đối dành cho chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác. Chẳng hạn như đối với thiện, ác, tà, chánh, tiêu chuẩn của cổ nhân khác với hiện thời, xưa nay không giống nhau. Trong và ngoài nước cũng khác nhau. Đó gọi là “*người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí*”. Theo cách nhìn của phàm phu, bạch hạc, chim công thuộc súc sanh đạo, nhưng trong cách nhìn của Phật, Bồ Tát, như kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác đã nói, “hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật”. Không riêng gì súc sanh đạo mà ngựa quý, địa ngục cũng là danh hiệu xứng tánh rớt ráo; nhất là sống trong xã hội hiện

thời, giao thông, thông tin phát triển, toàn thể địa cầu gần giống như một quốc gia, nhưng lịch sử, văn hóa, quan niệm đạo đức, tập quán sinh hoạt của mỗi nước đều khác nhau. Nếu chẳng hiểu cặn kẽ, hợp tác với nhau, sẽ khó tránh khỏi nảy sinh chướng ngại xung đột. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, hoàng dương Phật pháp chỉ hạn chế trong phạm vi Phật học, tối đa là dính dáng đến tư tưởng của Nho, Đạo, bá gia chư tử. Còn hoàng pháp trong hiện tại, đối với nội dung của sáu tôn giáo lớn¹²⁷ trên thế giới và lịch sử dân tộc các nước, nếu chẳng hiểu rõ, ắt sẽ gặp trở ngại, mâu thuẫn. Tôi đến nước Mỹ, trước hết, đọc lịch sử, phong tục, tập quán, văn hóa nước Mỹ; vì để lợi ích hết thảy chúng sanh, hoàng dương Phật pháp thì cần phải hiện đại hóa, địa phương hóa. Phật giáo truyền

¹²⁷ Sáu tôn giáo lớn: Do Thái Giáo (Judaism), Thiên Chúa Giáo (Cơ Đốc Giáo), Hồi Giáo, Bà La Môn (Ấn Độ Giáo, Hinduism), Phật giáo và Đạo Giáo.

đến Trung Quốc vào năm sáu mươi bảy Công Nguyên, đã hợp thành một thể với văn hóa Trung Quốc, hoàn toàn chẳng thể tách rời. Phật giáo truyền vào Trung Quốc liền bị Trung Quốc hóa, địa phương hóa, hòa lẫn thành một khối với tư tưởng, tập quán sinh sống, đạo đức, luân lý của người Trung Quốc. Do vậy, Phật giáo được toàn dân Trung Quốc tiếp nhận, biến thành văn hóa của chính Trung Quốc.

Có một mục sư người Mỹ rất cảm khái, bảo tôi: “Cơ Đốc Giáo truyền vào Trung Quốc chừng một trăm ba mươi hay một trăm bốn mươi năm trước, đã phải rất nhiều người sang công tác tại Trung Quốc, đến nay mới chỉ có hơn một trăm vạn tín đồ, thật đáng than thở!” Ông ta chẳng biết vì sao thất bại đến như thế! Là vì họ chẳng hiểu rõ lịch sử văn hóa Trung Quốc, họ muốn theo đuổi đường lối trái ngược văn hóa Trung Quốc. Người Trung Quốc lấy

hiếu đạo làm gốc, họ chẳng thờ tổ tiên tức là đã mất gốc, chẳng thể nào dung nạp giáo nghĩa của bọn họ được, khiến cho những người Trung Quốc học theo người ngoại quốc, hễ có hiểu biết đôi chút liền hoàn toàn chẳng chịu “số điển vong tổ” (tính đếm sách vở, quên mất tổ tiên, ý nói: mất gốc)¹²⁸. Thuở đầu, Phật giáo xây dựng đạo tràng, chọn cách kiến trúc theo lối cung điện Trung Quốc. Nếu dùng kiến trúc theo kiểu Ấn Độ, sợ rằng sẽ khó thể phát triển được! Tổng cương lĩnh của Phật pháp là “giác, chánh, tịnh”. Giác ngộ

¹²⁸ “Số điển vong tổ” (數典忘祖) là một thành ngữ ngụ ý chê trách những kẻ chỉ biết chạy theo những học thuyết hoặc cậy vào học thức, hoặc những chuyện trước mắt, không nhớ đến nguồn cội. Điển tích này xuất phát từ câu chuyện sau đây trong Sử Ký: Vợ vua Châu Cảnh Vương thời Đông Châu tạ thế. Theo lễ nghi, các chư hầu phái người đem lễ vật tới điều tang. Nước Tấn sai Tịch Đàm sang trước. Tịch Đàm không mang theo lễ vật gì, Châu Cảnh Vương bực mình, hỏi vì sao không mang lễ vật, Tịch Đàm trả lời: “Các nước đều chịu ân huệ nhà Châu, chứ nước tôi từ trước đến giờ chẳng nhận được gì, nên không dâng lễ vật”. Cảnh Vương nói: “Tổ tiên nước Tấn là Đường Thúc, là anh em của Châu Thành Vương, há đất Tấn chẳng phải là đất được nhà Châu phong thưởng đó ư?” Rồi vua lại nói: “Chẳng phải là tổ tiên nhà ngươi chuyên chường quân sách vở nước Tấn đó ư? Sao nhà ngươi chẳng biết lịch sử nước Tấn chút nào vậy?” Tịch Đàm cứng họng, ngượng ngùng thoái lui. Châu Cảnh Vương chê: “Tịch Đàm đúng là kẻ chỉ biết đếm sổ sách, quên mất tổ tiên”.

viên mãn, chánh tri chánh kiến viên mãn, tâm thanh tịnh viên mãn thì gọi là thành Phật. Vì sao hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật? Phật nói “giác, chánh, tịnh” trong tự tánh của hết thấy chúng sanh vốn đã viên mãn. Các nhà tôn giáo tán thán Thượng Đế là toàn tri toàn năng; nhưng kinh Đại Thừa nói “toàn tri, toàn năng là tự tánh của mỗi cá nhân, tánh đức chính là toàn tri, toàn năng”. Hiện thời chúng ta có vọng tưởng, chấp trước, khiến cho toàn tri toàn năng bị chướng ngại. Tuy có trí năng, nhưng không thể hiện lộ được. Đức Phật chẳng ban cho con người cái gì cả, Đại Thừa Khởi Tín Luận chép: “*Bổn giác vốn có, bất giác vốn không*”. Đã vốn có thì đương nhiên sẽ có thể khôi phục; vốn không thì tự nhiên sẽ trừ được. Hiểu rõ đạo lý này, ắt sẽ có tín tâm trong phương diện tu học, nhất định có thể thành tựu trí huệ đức năng của chính mình. Trí huệ đức

năng hiện tiền [mới là điều đáng kể], còn những phước báo mà người thế gian mong cầu chính là lông gà, vỏ tỏi. Đáng sợ nhất là mê, tà, nhiễm! Giác, chánh, tịnh là tánh đức, nhưng mê, tà, nhiễm có bao giờ tách khỏi tánh đức? Do vậy, mới nói “*mê và ngộ không hai, nhiễm tịnh hết như một*”. Hiểu rõ đạo lý này thì đoạn kinh văn này sẽ dễ hiểu. Bất cứ một danh tự nào đều nhằm trình bày, giải thích công đức rõ ràng của Như Lai. Hết thảy những sự đặt bày trong thế giới Cực Lạc đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra.

Lại có kẻ hỏi: “*Hóa ra các loài chim là do ý nghĩa nào?*” Đáp: “*Có bốn nhân duyên Tát Đàn*”. “*Tát*” là phổ biến bình đẳng, “*đàn*” là bổ thí. Phật giáo hóa chúng sanh, điều kiện thứ nhất là làm cho người tiếp nhận sự giáo hóa ấy sẽ sanh tâm hoan hỷ. Tiếp đó, chim có thể thuyết pháp, người chẳng bằng chim, nên có thể

tự cảnh tỉnh, răn nhắc chính mình. Vốn coi thường loài chim chóc, chúng có thể thuyết pháp khiến cho con người sanh lòng kính nể, bèn đoạn trừ cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn. Chim là vật được biến hóa từ tự tánh của A Di Đà Phật, khiến cho con người hoảng nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây chính là lợi ích thù thắng nhất. Đức Phật thuyết pháp, trước hết quán sát căn cơ, phương pháp dạy học rất cao minh. Trước hết, quán sát trình độ căn cơ, sự yêu thích, thói quen sống, bối cảnh tư tưởng của chúng sanh, điều gì cũng hiểu rõ, rồi mới thuyết pháp khế cơ, tất nhiên sẽ phù hợp rất tốt đẹp. Chúng tôi dạy học hoặc giảng kinh trên bục giảng, từ những nguyên tắc dạy học của Phật mà đạt được khả thi rất lớn. Tóm lại, có mấy điều như sau:

1) Vì sao phải giảng kinh? Ví dụ như chúng sanh đều đang mê, đức Phật giảng

kinh để làm cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chúng sanh tri kiến bất chánh, tư tưởng sai lầm, [đức Phật] giảng kinh nhằm uốn nắn tâm họ. Tâm địa họ ô nhiễm, giảng kinh để tâm họ được thanh tịnh.

2) Giảng cho ai? Con người có lợi căn, độn căn; căn tánh mỗi người mỗi khác, ắt phải hiểu rõ đối tượng. Trong xã hội, người đi học muốn hiểu rõ lý, người làm ăn muốn kiếm tiền, công tác, sự nghiệp của mỗi chúng sanh đều khác biệt! Cùng một bộ kinh điển, có đủ mọi cách giảng khác nhau, đều là vận dụng sống động. Bất luận áp dụng vào nghề nghiệp nào đều được hoan nghênh. Đời Tống, Triệu Phổ dùng nửa bộ Luận Ngữ để trị thiên hạ, [Luận Ngữ] là một bộ sách rất nổi tiếng. Tống Thái Tổ dùng Triệu Phổ làm Tể Tướng để xây dựng chánh quyền. Về sau, Tống Thái Tông tức vị (lên ngôi), vẫn

dùng Triệu Phổ làm Tể Tướng. Ông ta tâu với Tống Thái Tông: “*Thần có một bộ Luận Ngữ, dùng nửa bộ phù tá Thái Tổ định thiên hạ, dùng nửa bộ để phù tá bệ hạ đạt đến thái bình*”. Dùng một bộ Luận Ngữ vận dụng vào quân sự, chính trị cho đến công thương nghiệp. Do những điều đã nói trong kinh điển đều là nguyên lý, nguyên tắc, nhưng trên phương diện ứng dụng, mỗi nơi mỗi khác. Vận dụng khéo léo là nhờ nhất tâm.

3) Giảng vào lúc nào? Xã hội bình trị hay loạn lạc khác nhau, quốc gia hưng thịnh hay suy vong cũng khác nhau, nhỏ thì như một năm có bốn mùa, tình cảm con người cũng biến hóa, ắt phải khế cơ, phải chú ý thấu hiểu, phải hiểu rõ thời tiết, nhân duyên hòng ứng hợp căn cơ.

4) Dùng phương pháp nào để giảng khiến cho chúng sanh vui vẻ tiếp nhận, lại

còn có thể lãnh ngộ, đạt được lợi ích chân thật.

Đức Phật giáo hóa giống như vậy đó. Trong kinh nhắc đến những loài chim như bạch hạc, công v.v... là do A Di Đà Phật thuận theo sự ưa thích của chúng sanh mà biến hóa ra, để làm họ vui thích. Do vậy, Phật giáo hoằng pháp tại các nơi, chẳng phá hoại tín ngưỡng, tập quán sinh hoạt và bối cảnh văn hóa của dân địa phương, vẫn gìn giữ những khuôn khổ cũ. Dùng phương pháp này để dạy dỗ thì gọi là Thế Giới Tất Đàn.

Thứ hai là Vị Nhân Tất Đàn, là nội dung và thành quả của sự dạy dỗ nhằm giúp cho người ta đoạn ác, tu thiện. Phong tục, tập quán của Trung Quốc và cổ Ấn Độ có nhiều chỗ khá giống nhau, chẳng hạn như giềng mối đạo đức của Trung Quốc được kiến lập trên nền tảng hiếu đạo, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy thì Phật

pháp cũng giống như vậy. Kinh Địa Tạng là Hiếu Kinh trong nhà Phật, đại địa chứa đựng vô lượng kho báu, chúng ta phải dựa vào nó để sanh tồn. “*Địa*” biểu thị tâm địa, tâm địa có vô lượng trí huệ, đức năng, tài nghệ, chẳng cày cấy nơi đất sẽ chẳng thể thâm hoạch ngũ cốc, các loại lương thực, chẳng đào bới kho tàng dưới đất thì chẳng thể sử dụng được. Kho báu trong tâm địa phải dùng hiếu kính để đào bới, có hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy thì tánh đức của chính mình mới tỏ lộ rộng lớn.

“*Bất ư điều khởi hạ liệt tướng*” (Chẳng khởi ý tưởng nghĩ những loài chim ấy là hèn kém) chính là Đới Trị Tất Đàn, chẳng khinh thị chúng sanh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: Hữu tình và vô tình đều cùng viên thành Chung Trí. Không chỉ động vật là bình đẳng, mà thực vật, khoáng vật cũng phải bình đẳng. Chúng đều do duy tâm sở hiện, duy thức

sở biến. Thiên gia nói: “*Khi chưa ngộ, đâu đâu cũng là chướng ngại, lúc đã ngộ, tùy ý lấy một vật nào cũng đều là Chân Như bốn tánh, thứ gì cũng là đạo, nơi nào cũng là nguồn, vạn pháp bình đẳng*”. A Di Đà Phật do tự tánh của chúng ta biến hiện, đó gọi là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới, có vật nào chẳng phải do tự tánh biến hiện? Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm. Tâm và pháp là một, chẳng phải hai. Tâm là Năng Biến, pháp là Sở Biến. Ví như tâm là vàng, pháp là đồ vật, đồ vật và vàng có tách rời nhau hay không? Thông đạt nghĩa này, sẽ biết chúng sanh và Phật bình đẳng, hữu tình và vô tình bình đẳng, hết thảy muôn pháp bình đẳng, liền ngộ Pháp Thân bình đẳng. “*Vô bất cụ*” (không gì chẳng đủ) là như Lục Tổ khi khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ*”. “*Vô bất tạo*”

(không gì chẳng tạo) là như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Nếu hiểu rõ đoạn kinh văn này thì sẽ ngộ nhập cảnh giới ấy, liền giống hệt như Lục Tổ đại sư.

“*Thử trung hiển vi phong, thụ, vông đặng âm, cập nhất thiết y chánh giả thật, đương thể tức thị A Di Đà Phật, tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã*” (Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu v.v... và hết thấy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mảy may): Lãnh hội thấu triệt những nghĩa trên đây thì đoạn chú giải nhỏ này chẳng cần phải giải thích nữa. Đoạn văn trước đó nói về chim là hữu tình chúng sanh, còn đoạn này nói đến vô tình chúng sanh, mà cũng là sự thật của “*vô bất cụ*” và “*vô bất tạo*” như trong đoạn trước đã nói. “*Vi phong*” (gió nhẹ) là không khí

chuyển động mà cũng là tướng được hiện bởi tự tánh của chúng ta. Đức Phật thường nói “y báo chuyển theo chánh báo”. Y báo là hiện tượng vật chất, chánh báo là tâm. Tâm là chủ tể, vận mạng cả đời của mỗi người đều đã định sẵn, [số mạng định sẵn ấy không do Thượng Đế hay do một vị chúa tể nào quyết định mà là] do tâm thiện hay ác mà có. Tâm thiện thì hành vi ắt thiện, ắt được thiện báo, cả đời hạnh phúc. Thân là chánh báo, những vật ngoài thân và hoàn cảnh, hư không đều thuộc y báo. Đời thái bình, nhân dân cơm no áo ấm, lòng người thuần hậu. Thuở loạn động, lòng người gian dối, tà ngụy, cảm vờ thiên tai, nhân họa. Trong ấy có cộng nghiệp và biệt nghiệp. Trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, đại chúng tuy cùng sống trong đời ác, nhưng mỗi cá nhân cảm nhận họa phúc khác nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới thuần thiện không ác, đều tu

Tịnh nghiệp, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh. Huống hồ còn có một vị tu giác chánh tịnh đến viên mãn rốt ráo là A Di Đà Phật chủ trì sự giáo hóa tại Tây Phương. Tâm chúng ta thanh tịnh cảm ứng đạo giao với “giác, chánh, tịnh” của Phật; cho nên hết thấy hoàn cảnh vật chất, hết thấy y báo và chánh báo là “*giả thật*”, bản thể của nó chính là tam thân và tứ đức của A Di Đà Phật, không có mảy may sai biệt nào! Chử Giả chỉ vạn pháp được biến hiện, Thật chỉ tâm tánh Năng Biến.

“*Tam thân*” của A Di Đà Phật là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Nói theo Lý, Pháp Thân chính là chân tâm bản tánh. Nói theo mặt Sự thì là hết thấy vạn pháp; hết thấy vạn pháp đều là chính mình. Ý nghĩa này hết sức khó hiểu! Ví như nằm mộng, trong mộng có bản thân ta và núi, sông, đại địa, người, vật, hoàn toàn do cái tâm ý thức của ta biến hiện ra. Ngoài tâm

không có pháp, hết thấy mọi thứ tồn tại trong vũ trụ chỉ là chính mình. Nếu quý vị nhận biết điều này rõ ràng thì quý vị chúng được Pháp Thân. Sau khi chúng được Pháp Thân, sẽ thương yêu hết thấy mọi người, hết thấy chúng sanh là chính mình; cho nên yêu thương chúng sanh vô điều kiện. Đây gọi là “vô duyên đại từ”, “vô duyên” là vô điều kiện, từ bi là yêu thương. Yêu thương hết thấy chúng sanh tức là yêu thương chính mình. Báo Thân là trí huệ. Ứng Hóa Thân là Dụng, [tức là] dùng Ứng Hóa Thân để thực hành đại từ đại bi. Tam Thân là một Thể, Phật có đủ ba thân, chúng ta cũng có đủ ba thân, nhưng do mê nên không có trí huệ, Pháp Thân tuy ở trước mắt mà chẳng biết gì. Thân thể hiện thời của chúng ta là thân nghiệp báo.

“*Tứ đức*” là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.
“*Thường*” là bất sanh, bất diệt. Chúng ta

đang mê, những gì ta cảm nhận đều là pháp sanh diệt. Chúng ta dùng cái tâm sanh diệt để quán sát vũ trụ nhân sinh nên hết thấy pháp đều là sanh diệt. Tâm Phật là chân tâm, chân tâm vô niệm, bất sanh bất diệt. Dùng chân tâm quán sát nhân sinh và vũ trụ thì đều là bất sanh bất diệt, thấy được chân tướng sự thật. Chúng ta định tâm lại, trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước, sẽ thấy cảnh giới giống như chư Phật, Bồ Tát đã nói. Hết thấy những cảnh giới mà đức Phật đã nói, chúng ta đều có thể đích thân chứng đắc. Kinh Phật định nghĩa Ngã là “chủ tể”. Nếu chính mình có thể làm chủ tể thì lẽ ra năm nào cũng là năm mười tám tuổi, tự tại chẳng cần phải nói nữa, trong cuộc sống vạn sự xứng tâm vừa ý. Hễ có một sự kiện nào chẳng vừa lòng tức là chẳng tự tại. Đến khi minh tâm kiến tánh thì mới thật sự được tự tại. “Lạc” là chân lạc, vĩnh viễn chẳng khổ,

không có phiền não, vĩnh viễn thanh tịnh, quyết định chẳng bị ô nhiễm mảy may nào. Trong Tây Phương, ai nấy đều viên mãn trọn đủ “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”. Nhìn lại chúng ta trong lục đạo, chẳng những con người không được tự tại mà trời cũng chẳng hề tự tại! Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên thọ mạng tám vạn đại kiếp, khi hết tuổi thọ, lại phải đọa lạc. Do vậy, trong lục đạo không có Tứ Đức (Thường, Lạc, Ngã, Tịnh). Trong ấy, trọng yếu nhất là tinh nghĩa (nghĩa lý tinh vi) “*chúng sanh và Phật chẳng hai*”, bình đẳng với Phật. Bình đẳng về mặt Lý, mà về mặt Sự cũng bình đẳng. Hiện thời có một giả tướng bất bình đẳng là do mê hay ngộ khác nhau. Phật là giác, chúng ta là mê, trừ điều ấy ra, không có gì khác nhau. Do vậy, Phật tôn kính chúng sanh, vì Ngài biết chúng sanh và Phật trọn chẳng sai biệt, nhưng chúng sanh chẳng hoàn toàn cung kính Phật.

Chúng sanh có kẻ ngạo nghễ, ngã mạn là vì họ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, còn chúng ta phải tôn kính người khác. Người khác chẳng cung kính chúng ta là chuyện đương nhiên, vì họ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Chẳng tôn kính người khác chính là chẳng tôn kính chính mình, mà cũng là chẳng tôn kính cha mẹ, sư trưởng, Phật, Bồ Tát, đặc biệt là đối với những tôn giáo khác! Ở Mỹ, tôi đã từng viếng thăm giáo đường của Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo. Vào giáo đường phải hành lễ. Tôn trọng họ, họ cũng hoan hỷ tiếp đón tôi. Thượng Đế của họ là thượng đế của tôi, Thượng Đế là quốc vương trong thiên giới. Đối với nguyên thủ của quốc gia khác, chúng ta cũng phải tôn kính, đây chính là lễ tiết. Nho Gia nói: “*Kính quý thân nhi viễn chi*” (Kính trọng quý thân, nhưng không thân cận họ). Do trước kia không hoàn toàn hiểu rõ ràng

tình hình quý thần nên phải giữ khoảng cách đối với họ. Phật pháp không có khoảng cách, quý thần cũng là chúng sanh, cũng là vật được biến hiện trong tâm. Do vậy, họ là chính mình. Ở đây nói: “*Tức thị A Di Đà Phật, tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã*” (Chính là A Di Đà Phật, ba thân, bốn đức, không sai biệt mảy may nào), cũng có nghĩa là tam thân, tứ đức của chính mình cũng chẳng có sai biệt mảy may nào! Nếu nói đến Thượng Đế thì tam thân, tứ đức của Thượng Đế cũng chẳng có mảy mai sai biệt nào. Trong tâm không có chút giới hạn nào, tâm lượng mở rộng đến tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới. Tâm lượng rộng lớn sẽ vui sướng, khí lượng hẹp hòi thì đối với ý kiến trái ngược sẽ khởi lên xung đột, khổ chẳng thể nói nổi, đều do tự mình chuốc lấy, Phật chẳng hoạch định giới hạn đối với hết thảy chúng sanh, vạn vật; vì thế, “*tâm bao*

thái hư, lượng châu sa giới” (tâm bao trùm trọn khắp thái hư, lượng trọn khắp các cõi với số lượng nhiều như cát).

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bĩ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

(Giải) Tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp, tứ giáo đạo phẩm, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn thuyết, tùy loại các giải, năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã. Niệm Tam Bảo, thị tùng Tất Đàn hoạch ích. Phàm phu sáng văn, đại dũng biến thân, thị hoan hỷ ích. Dữ Tam Bảo khí phận giao tiếp, tất năng phát Bồ Đề tâm, thị sanh thiện ích. Do thử phục diệt phiền não, thị phá ác ích. Ngộ

chứng Nhất Thể Tam Bảo, thị nhập lý ích dã. Sơ biệt minh cánh.

(經) 舍利弗。彼佛國土。微風吹動。諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生。念佛。念法。念僧之心。

(解) 情與無情。同宣妙法。四教道品。無量法門。同時演說。隨類各解。能令聞者。念三寶也。念三寶。是從悉檀獲益。凡夫創聞。大踴遍身。是歡喜益。與三寶氣分交接。必能發菩提心。是生善益。由此伏滅煩惱。是破惡益。悟證一體三寶。是入理益也。初別明竟。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc tấu lên. Kẻ nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Giải: Hữu tình và vô tình cùng tuyên diệu pháp, [diệu pháp ấy chính là ba mươi bảy] đạo phẩm của tứ giáo [Tạng, Thông, Biệt, Viên], vô lượng pháp môn, cùng lúc diễn nói, tùy theo từng loài, loài nào cũng hiểu, khiến cho người nghe niệm Tam Bảo. Niệm Tam Bảo là do [bốn môn] Tát Đàn mà được lợi ích. Phàm phu vừa nghe những pháp ấy, khắp thân rung động, là lợi ích hoan hỷ. Được tiếp xúc với khí phận¹²⁹ Tam Bảo, ắt có thể phát Bồ Đề

¹²⁹ “Khí phận”: Theo nghĩa gốc, khí phận là giới hạn giữa người và vật. Đây là nghĩa được dùng đầu tiên trong sách Không Tử Gia Ngữ. Về sau, chữ này được dùng với nghĩa rộng hơn, có nghĩa là “tiếp nhận khí chất, bản tánh của một hạng người nào

tâm, là lợi ích “sinh ra điều lành”. Do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, đây là lợi ích “phá ác”. Ngộ chứng Nhất Thế Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”. Phần giảng riêng thứ nhất [tức phần giảng về sự trang nghiêm nơi y báo] đã xong).

Nội dung của đoạn kinh văn này nói về hàng cây diên nói pháp [trong cõi Cực Lạc]. Những con chim nói trong phần trước là loài hữu tình, trong đoạn này nói về loài vô tình. Trong Cực Lạc thế giới, hiện tượng này hết sức rõ rệt. Người nào cũng dễ dàng đạt được lợi ích do nghe pháp. Thật ra, sáu trần thuyết pháp thì thế giới Sa Bà cũng chẳng nằm ngoài lệ ấy, nhưng do hết thấy đại chúng căn tánh bé tấc, nhìn mà chẳng thấy, nghe mà chẳng

đó”, như trong bài Pháp Vân Tụ Lễ Bái Thạch Ký, Tô Thức đã viết: “*Văn ngã Phật tu đạo thời, sô nê sào đỉnh, chiêm Phật khí phận, hậu giai thọ báo*” (Nghe nói khi đức Phật ta tu đạo, chim chóc tha bùn cỏ làm tổ trên đỉnh đầu Ngài, được tiêm nhiễm khí phận của Phật, về sau chúng đều được hưởng báo). Khí phận cũng thường được dùng như một khái niệm bao gồm “tánh chất, phẩm đức, thiên hướng”.

nghe. Nếu là người căn tánh lạnh lẽo thì có thể cảm nhận được. Như trong lịch sử, truyện ký đã chép, ông Tô Đông Pha ở Lô Sơn nghe tiếng nước chảy, làm thơ có câu rằng: “*Khê thanh tiện thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân*” (Sắc núi khác gì thân thanh tịnh, tiếng suối chính là lưỡi rộng dài). Nghe khá có thiên vị. Từ các thứ âm thanh, hình sắc trong tự nhiên, người thông minh có thể khai ngộ; trong nhà Thiền có những người khai ngộ như vậy. Trong Tây Phương thế giới, những âm thanh phát ra từ hữu tình hay vô tình chúng sanh đều là giảng kinh, thuyết pháp, thậm chí trong tâm chúng ta có nghi hoặc thì loài vô tình chúng sanh cũng có thể giải đáp cho chúng ta, lại còn đều là thuyết pháp thuần chánh, không sai lạc.

“*Tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp*” (Tình và vô tình cùng tuyên pháp nhiệm mầu), Tình là động vật, Vô Tình là

khoáng vật và thực vật. Tất cả hết thảy vạn vật đều có Tánh, hữu tình chúng sanh có Phật Tánh, còn vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một. Vì là cùng một tánh nên hữu tình chúng sanh có thể thành Phật, mà vô tình chúng sanh cũng có thể thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Tinh và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí”*. Trừ Đại Thừa Phật pháp ra, [trong các giáo pháp khác] chưa từng nghe nói điều này. Trong kinh, đức Phật nói, hữu tình chúng sanh thành Phật, vô tình chúng sanh cũng liên đới thành Phật. Nhà Thiên nói: *“Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”*. Khi mê thì thấy là sắc tướng, khi đã giác ngộ thì từ Tướng có thể thấy được Tánh. *“Tinh và vô tình, cùng tuyên pháp nhiệm mầu”*. Pháp vốn là như vậy nên gọi là *“diệu”*, khiến cho hết thảy chúng sanh hễ tiếp xúc liền có thể minh tâm kiến tánh thì mới gọi là *“diệu”*.

Nội dung của diệu pháp [được tuyên nói bởi hữu tình và vô tình chúng sanh] là “*tứ giáo đạo phẩm*”. Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên; “*đạo phẩm*” là ba mươi bảy đạo phẩm, là tổng cương lĩnh của hết thảy Phật pháp. Đạo phẩm là lý luận thuộc về Giải, còn pháp môn là phương pháp, thuộc về Hạnh. Cổ nhân chia [nội dung của Phật pháp] thành bốn loại lớn là Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Diễn và nói cùng một lúc thì cũng là biểu diễn, nêu gương cho chúng ta thấy.

“*Tùy loại các giải*”, có người muốn nghe Hoa Nghiêm, có người muốn nghe Pháp Hoa, mỗi người đều được nghe pháp xứng với ý nguyện, đây thật là màu nhiệm chẳng thể nói được. Tại Tây Phương thế giới, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, vô lượng kinh, luận, pháp môn đều được loài hữu tình và vô tình tuyên giảng cho hành giả, không chỉ tuyên giảng mà còn biểu

diễn. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lượt chính là biểu diễn. Năm mươi ba vị thiện tri thức hằng ngày xử thế, đãi người, tiếp vật, đem những lý luận, cảnh giới trong kinh diễn biến thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Đủ thấy kinh chẳng ở trong sách vở mà nằm trong cuộc sống của chúng ta. Phải biến lý luận, giáo huấn, cảnh giới trong kinh thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Do vậy, Phật pháp coi trọng Hạnh và Quả, Quả là sự hưởng thụ. Ngày nay nói đến sự tu học của mỗi cá nhân, gia đình mỹ mãn, xã hội hài hòa, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình đều thuộc về Quả. Nếu tu học chẳng đạt kết quả thì sẽ biến thành huyễn học (học tập hư huyễn). Phật pháp giúp cho con người lý giải chánh xác chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, đối với hết thảy vạn pháp

quyết định chẳng mê, ban cho nhân loại sự hưởng thụ tối cao.

“*Năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã*” (Có thể làm cho người nghe niệm Tam Bảo): Chữ Niệm (念) này chính là “*kim tâm*” (今心: cái tâm hiện tại), ngụ ý cái tâm hiện tại là “*giác, chánh, tịnh*”. Chân tâm bốn tánh toàn thể hiển lộ thì gọi là Quả Đức. Trong kinh thường nói người học Phật thì điều thứ nhất là phải hiểu rõ nhân duyên, quả báo. Người ta chỉ mong đạt được quả báo tốt mà chẳng tu nhân, làm sao đạt được? Phú quý là quả báo, nhân và duyên của nó đều là bố thí. Trong đời quá khứ, hành bố thí là nhân, đời này có của cải, tiếp tục hành bố thí là duyên. Vì thế, đời sau ắt được phú quý. Đối với tình huống của việc làm ác thì cứ theo đó mà suy. Trong cửa nhà Phật, hễ cầu ắt ứng. A Di Đà Phật sáng tạo Tây Phương Cực

Lạc thế giới, phàm ai sanh về Tây Phương thì hết thấy thụ dụng tự nhiên đầy đủ, đây là Tài Bồ Thí. Tây Phương là thế giới bình đẳng, sáu trần thuyết pháp cũng là bình đẳng phổ biến, đây là Pháp Bồ Thí. A Di Đà Phật tiếp dẫn hết thấy chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới vãng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là Vô Úy Bồ Thí. Do Tài, Pháp, Vô Úy ba thứ bồ thí đều viên mãn bày ra trước mặt chúng ta khiến cho người ta phải khoa chân múa tay. Chưa đến Tây Phương, chưa nghe nói qua, đến rồi ắt sẽ đích thân tự thấy.

“*Dữ Tam Bảo khí phận giao tiếp*” (tiếp xúc với khí phận của Tam Bảo), [chữ Tam Bảo] ở đây chỉ cho Tự Tánh Tam Bảo, tức “giác, chánh, tịnh”, trong tâm giác ngộ, chánh tri, chánh kiến trong mỗi niệm. Nói theo cách bây giờ là tư tưởng, kiến giải thuần chánh, hoàn toàn tương ứng với sự

thật, thân tâm thanh tịnh. Thời khắc ấy chính là Bồ Đề tâm, mà cũng là giác chứ không mê. Giác cũng có mức độ khác nhau, mức giác ngộ lớn nhất là thật sự thấy rõ ràng thế giới này. Đức Phật nói thế giới này khổ, không, vô thường. Nếu chẳng giác ngộ, đời đời kiếp kiếp nhất định chịu khổ, lại còn càng lúc càng tệ hơn. Người giác ngộ khác hẳn người chưa giác ngộ. Kẻ chưa giác ngộ mê nơi cảnh giới, luân hồi trong sanh tử. Người giác ngộ tu đạo, thoát lìa con đường “*khổ, không, vô thường*”. Các học thuyết, khoa học, kỹ thuật, tôn giáo trên thế giới đều nhằm tìm ra con đường này. Nếu họ đã có thể giải quyết vấn đề thì Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cần phải đa sự đến thế gian này. Do người đời không tìm được con đường thoát khổ nên Phật Thích Ca mới giáng thế. Chúng ta cần phải tỉnh ngộ, nhận biết đời người rốt cuộc rộng tuếch,

sanh tử luân hồi chẳng ngừng nghỉ. Người giác ngộ lo toan cho cuộc đời mai sau. Đức Phật nói rất nhiều kinh luận Đại Thừa đều nhằm giúp chúng ta giải quyết vấn đề này; nhưng lý luận và phương pháp trong các kinh luận khó, dễ khác nhau. Từ vô thủy kiếp đến nay, tập khí, căn tánh, hoàn cảnh sống, bối cảnh thời đại của chúng ta khác nhau. Vì thế, phương pháp tu hành chẳng thích hợp cá tánh của chúng ta thì đời này nhất định bị luống uổng, chỉ có một biện pháp là niệm Phật. Từ xưa nay, rất nhiều vị cao tăng, đại đức nghiên cứu, tu học kinh giáo Đại Thừa trong một thời gian rất dài, đến cuối cùng quay về pháp môn Niệm Phật này, bỏ hết những pháp môn khác, gần như không có một vị nào chẳng thành tựu.

“Do thử phục diệt phiền não, thị phá ác ích” (do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, là lợi ích “phá ác”). *“Phục”* (chế phục,

khuất phục) là công phu đầu tiên. Phiền não tuy có, nhưng chẳng khởi tác dụng. “Sự nhất tâm” là chế phục phiền não, “Lý nhất tâm” là diệt phiền não. Sự nhất tâm bất loạn thì vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lý nhất tâm là sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang. Tuy chia ra giai đoạn như vậy, nhưng bốn cõi của Tây Phương được xếp thành hàng ngang, chẳng bị chướng ngại, hễ sanh về một cõi sẽ sanh về hết thấy cõi. Đây chính là cảnh giới đặc biệt thù thắng nhất của Tịnh Độ. Niệm Phật cố nhiên là công phu trực tiếp, nhưng trong phương diện hành trì thường ngày, trong mỗi niệm đều mong giúp đỡ chúng sanh. Những gì thuộc vào khả năng của ta thì hãy tận hết sức thực hiện. Thấy chúng sanh trong thế giới này cần gì, chúng ta tận tâm tận lực góp sức một tay.

Nước Anh có một nhà sử học kiêm triết gia tên là Thang Ân Tỹ (Arnold Joseph Toynbee) có lần mở hội nghị quốc tế tại Âu Châu vào hai mươi hay ba mươi năm trước, nhằm diễn giảng học thuật. Ông ta nói thẳng thừng: *“Trong tương lai, nếu muốn thế giới thật sự đạt đến hòa bình thì chỉ có học thuyết Nho gia của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp mới có thể đảm nhận trách nhiệm ấy”*. Mấy câu nói này khiến lòng người rúng động. Khi ấy, chủ giáo Vu Bân¹³⁰ cũng tham dự hội nghị, ông ta trở về Đài Loan đề xướng cúng tế tổ tiên là do chịu ảnh hưởng từ bài diễn

¹³⁰ Chủ giáo (Episkopos) là cách người Hoa gọi chức vụ Giám Mục (Bishop) trong giáo hội Công Giáo (Catholic), hoặc Anh Quốc Giáo (Anglicanism), hoặc Mỹ Quốc Thánh Công Hội (Episcopal). Vu Bân (1901-1978), quê ở huyện Lan Tây, tỉnh Hắc Long Giang, về sau trở thành Hồng Y của Đài Loan, từng vâng lệnh giáo hoàng John XXIII sáng lập đại học Phụ Nhân, đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng, lập trường đào tạo y tá hộ sản. Ông được phong Hồng Y vào năm 1969 sau khi vị tiền nhiệm là Điền Canh Tân qua đời, trở thành vị Hồng Y người Hoa thứ hai được phong chức này. Do người Hoa dịch danh từ Cardinal (Hồng Y) thành Khu Cơ (樞機: then chốt), nên các sách vở viết về ông thường ghi là Vu Bân Khu Cơ. Như vậy, hội nghị của Thang Ân Tỹ phải được tiến hành vài năm sau Thế Chiến thứ hai khi thế giới đang rối ren về vấn đề ý thức hệ, và lúc đó, Vu Bân vẫn còn là Giám Mục, chứ chưa phải là Hồng Y.

thuyết của Thang Ân Tử. Vị Giáo Hoàng tiền nhiệm của Thiên Chúa Giáo vào lúc tuổi già cũng thường đặc biệt ra lệnh cho các giáo khu phải tăng cường quan hệ với Phật giáo, nghiên cứu kinh điển Phật giáo. Chủ Giáo Vu Bân sáng lập Sở Nghiên Cứu Đời Sống Tinh Thần Châu Á tại Đài Loan, do Giám Mục Đoàn Á Châu chủ trì, đặt tại tu viện Đa Mã Tư (Thomas) ở phía sau đại học Phụ Nhân. Nhiều năm trước, họ có mời tôi đến giảng về đời sống tinh thần Phật giáo. Tôi cùng các linh mục, nữ tu (soeur, sister) rất thuận thảo.

“Ngộ chứng Nhất Thế Tam Bảo, thị nhập lý ích dã” (Ngộ chứng Nhất Thế Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”). *“Ngộ chứng Nhất Thế Tam Bảo”* là thành Phật. Đây chính là mục tiêu cuối cùng, điều này cần phải thật sự ngộ nhập pháp giới là một Thế, trong Phật môn gọi là “thành Phật”,

tức là thành tựu trí huệ viên mãn, không thiếu khuyết mảy may nào!

(Kinh) Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Giải) Trùng trùng kết thị, linh thâm tín nhất thiết trang nghiêm, giai đạo sư nguyện hạnh sở thành, Chứng Trí sở hiện, giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm. Duy Thức sở biến, Phật tâm, sanh tâm, hõ vi ảnh chất. Như chúng đăng minh, các biến tự nhất. Toàn Lý thành Sự, toàn Sự tức Lý, toàn Tánh khởi Tu, toàn Tu tại Tánh, diệc khả thâm trường tư hỹ.

(經) 舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。

(解) 重重結示。令深信一切莊嚴。皆導師願行所成。種智所現。皆吾人淨業所感。唯識所變。佛心。生心。互為影質。如眾燈明。各遍似一。全理成事。全事即理。全性起修。全修在性。亦可深長思矣。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó.

Giải: Nhiều phen kết lại lời dạy, nhằm làm cho [người nghe kinh] tin tưởng sâu xa rằng hết thấy các sự trang nghiêm đều là do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chủng Trí hiện ra, đều là do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm. Chỉ do Thức biến, tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau.

Như ánh sáng của các ngọn đèn, ánh sáng của mỗi ngọn đều trọn khắp giống như chỉ có một ngọn đèn. Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý, dùng toàn thể Tánh để tu tập, hoàn toàn tu hành nơi Tánh, cũng nên suy nghĩ sâu xa điều này vậy).

Trong nhà Phật, danh xưng “*đạo sư*” (bậc thầy chỉ đường) nhằm tôn xưng đức Phật, còn gọi là Bôn Sư; ở đây, [chữ “*đạo sư*”] chỉ A Di Đà Phật. Hết thảy sự trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc là do đại nguyện đại hạnh của A Di Đà Phật thành tựu. “*Chủng Trí sở hiện*”: Nói rõ nguyên do có thành tựu vĩ đại như vậy chính là do [Nhất Thiết] Chủng Trí hiện ra. Phật pháp nói có ba loại trí: Thứ nhất là Nhất Thiết Trí, thứ hai là Đạo Chủng Trí, thứ ba là Nhất Thiết Chủng Trí. Nhất Thiết Trí là biết bản thể của vạn

pháp trong vũ trụ, Thể là không, Tướng là có. Chữ Chủng trong Đạo Chủng Trí có nghĩa là “các thứ” hiện tượng vô lượng vô biên, Đạo là đạo lý. Vạn hữu trong vũ trụ, sâu la vạn tượng, phát sanh theo đạo lý nào, quá trình phát triển của chúng như thế nào, hoàn toàn hiểu rõ chánh xác những sự ấy thì là Đạo Chủng Trí. Đạo Chủng Trí là biết Hữu. Loại thứ ba viên mãn nhất là Nhất Thiết Chủng Trí. Hai loại trí trước đó mà đạt đến rốt ráo viên mãn thì gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. Như vậy, hết thấy sự trang nghiêm ấy chính là do trí huệ rốt ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai tạo thành, mà cũng là do Nhất Thiết Chủng Trí của A Di Đà Phật hiện ra. “*Giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm, duy thức sở biến*” (đều do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm, chỉ là do thức biến): Thế giới Cực Lạc do A Di Đà Phật tạo ra, sau khi chúng ta đến đó cũng sẽ tăng thêm

một phần rục rở cho A Di Đà Phật, vì tâm tánh của chúng ta và tâm tánh của A Di Đà Phật là một chứ không phải hai. Vì thế gọi là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. A Di Đà Phật đã hết phiền não, trí huệ trọn đủ; tuy chúng ta là phàm phu, nhưng ngày nay tu bằng cái tâm thanh tịnh, hễ tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Do vậy, “giác, chánh, tịnh” là ba cửa ngõ trong Phật giáo. Thiên Tông do cửa Giác mà vào, ắt phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới được kể là có thành tựu. Các tông phái ngoài Thiên Tông được gọi là Giáo Hạ, từ chánh tri chánh kiến mà tu tập, nương theo lý luận và phương pháp trong kinh luận để sửa đổi cách nhìn và cách nghĩ sai lầm của chính mình đối với vũ trụ, nhân sinh. Giáo Hạ do cửa Chánh mà vào. Tịnh Tông và Mật Tông là dùng tâm thanh tịnh để tu tập, do cửa Tịnh mà vào. Đây chính là một nhưng mà ba, tuy ba mà

một. Hễ đạt được một thứ thì hai thứ kia cũng đều đạt được.

Người tu Tịnh Độ chú trọng tâm thanh tịnh nên sự tu tập của họ được gọi là “tịnh nghiệp”. Tịnh Tông chỉ có một câu Phật hiệu, ngoài câu ấy ra, không có gì cả. Kể đến là Trợ Duyên, niệm niệm tuyệt đối chẳng nghĩ đến chính mình. Trên thực tế, không có chính mình, hết thấy vô thường. Không chỉ vật ngoài thân chẳng có được thứ gì, mà ngay cả thân thể của chính mình cũng chẳng thể được. Do vậy, khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi đều vì đại chúng, dùng hết thấy năng lực giúp đỡ đại chúng là khổ được vui. Nếu vì chính mình, ắt sẽ có được, mất, thành, bại; hễ có lòng mong muốn, ắt có phiền não. Làm như vậy, tuy chẳng thể vĩ đại bằng A Di Đà Phật, nhưng nguyện hạnh của chúng ta là vì hết thấy chúng sanh, khí phận tương tự như A Di Đà Phật, quả thật là do Tịnh

nghiệp cảm thành. Đương nhiên, Tây Phương thế giới được tạo thành bởi các nguyện của A Di Đà Phật, do Chủng Trí hiện, nhưng cũng có quan hệ mật thiết với chúng ta. A Di Đà Phật là do Chủng Trí hiện, còn chúng ta là do Thức biến. Khi mê thì gọi là Thức, hễ ngộ thì Thức biến thành Trí.

“Phật tâm, sanh tâm, hồ vi ảnh chất”
(Tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau): Điều này được gọi là “cảm ứng đạo giao”. Phật tâm là Trí viên mãn. Tuy tâm chúng ta là Thức, nhưng đã bắt đầu giác ngộ, chứ không hoàn toàn là Thức. Lại còn hoan hỷ tiếp nhận pháp môn Niệm Phật, tuy chưa hoàn toàn biến thành Trí. Trí của Phật là bản chất, còn Trí của chúng ta còn kèm theo Thức thì là “ảnh” (bóng dáng), giống như bóng dáng của ngọn đèn. Ví như nhiều ngọn đèn thắp trong cùng một căn phòng,

chiếu sáng lẫn nhau. Quang minh của A Di Đà Phật chiếu khắp pháp giới, một tí ánh sáng như đom đóm của chúng ta cũng chiếu khắp pháp giới.

“*Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý*”: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới là Sự. Sự nhất định phải có Lý, Lý là tâm tánh, chỉ do Tâm biến, chỉ do Thức hiện. “*Chủng Trí sở hiện*” (do Chủng Trí hiện): Chủng Trí là chân tâm bản tánh, chủng đặc viên mãn chân tâm bản tánh thì là Chủng Trí, đó là Lý. “*Toàn thể Lý biến thành Sự*”: Biến thành y báo, chánh báo trang nghiêm, sáu trần thuyết pháp trong Tây Phương thế giới. “*Toàn thể Sự tức là Lý*”, thay đổi chữ thì Lý là Tánh, Sự là Tướng. Toàn thể Tánh chính là Tướng, toàn thể Tướng chính là Tánh, Tánh và Tướng không hai, Lý và Sự giống hệt

nhau. Đây chính là điều được hiện bởi Nhất Thiết Chủng Trí.

“Toàn thể Tánh khởi Tu, hoàn toàn Tu nơi Tánh”: Hiện thời Chánh Trợ Song Tu chính là dựa trên lý luận trong hai câu nói này, dùng phương pháp Niệm Phật để tu “giác, chánh, tịnh”, lấy tịnh làm chủ. Một nhưng ba, ba nhưng một. Dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành giúp đỡ hết thảy chúng sanh, xử thế, đãi người, tiếp vật chân thành, cung kính là Trợ Tu. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, xử thế, đãi người, tiếp vật đều là Tánh Đức lưu lộ ra bên ngoài. Cuối cùng, Tổ bảo chúng
hãy suy nghĩ sâu xa, cặn kẽ [những điều Ngài vừa giảng].

(Giải) Nại hà, ly thử Tịnh Độ, biệt đàm duy tâm Tịnh Độ, cam đọa thử tức điều không chi tiểu dã tai. Sơ y báo diệu cánh.

(解) 奈何。離此淨土。別譚唯心淨土。甘墮鼠即鳥空之誚也哉。初依報妙竟。

(Giải: Hiềm rằng, lìa khỏi cõi Tịnh Độ này thì đừng bàn đến “duy tâm Tịnh Độ” nữa, cam lòng bị chê cười là “thử tức, điều không”¹³¹ vậy thay! Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần] giảng về sự mâu nhiệm nơi y báo đến đây là hết).

Đây chính là lời đại sư cảm thán. Trong nhà Phật có những kẻ chẳng biết chân tướng sự thật. Đối với “duy tâm Tịnh Độ,

¹³¹ “Thử tức, điều không” là thành ngữ chế giễu kẻ học Phật không hiểu biết hoặc chỉ thích bàn xuông, nghe nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật” thì cũng cứ lập lại “tức tức” giống như tiếng chuột kêu “tức tức” (chữ Tức (即) có âm Quan Thoại jí, khá giống với tiếng chuột kêu chít chít), mà chẳng hiểu “tức tức” là gì. Lại nghe nói: “Vạn pháp là không” thì cũng nói: “Không, không” giống như tiếng chim kêu trên không trung, mà chẳng hiểu “không không” là gì.

tự tánh Di Đà” hoàn toàn chẳng mười phần minh bạch, chỉ hiểu biết nửa vời, ham cao chuộng xa, ném niệm Phật cầu sanh Tây Phương qua một bên, chẳng chịu sốt sắng tu học mà chỉ bàn xuông “duy tâm Tịnh Độ”, cam lòng đọa lạc. Câu ví “giống như chuột rúc”, tỷ dụ chẳng biết Diệu Hữu; chim kêu trên không, tỷ dụ chẳng biết diệu lý Chân Không, đều là hạng chẳng thấu hiểu sát sao thực tế. Chữ Tiểu (誚) đọc giống như âm Khiếu (窵)¹³², có nghĩa là chê cười.

***(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà?
Bỉ Phật hà cố, hiệu A Di Đà?***

***(Giải) Thử kinh đích thị trì danh diệu
hạnh, cố đặc trưng thích danh hiệu, dục
nhân thâm tín, vạn đức hồng danh bất
khả tư nghị, nhất tâm chấp trì, vô phục***

¹³² Hai chữ này đọc theo âm Quan Thoại đều là Qiào.

nghi nhị dã. A Di Đà, chánh phiên “vô lượng”, bốn bất khả thuyết. Bốn Sư dĩ Quang, Thọ nhị nghĩa, thâm tận nhất thiết vô lượng. Quang tác hoành biến thập phương, Thọ tác thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, tức Pháp Giới Thể. Cử thử Thể tác Di Đà thân độ, diệt tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu. Thị cố, Di Đà danh hiệu, tức chúng sanh bốn giác lý tánh. Trì danh, tức Thử Giác hợp Bốn. Thử Bốn bất nhị, sanh Phật bất nhị. Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã.

(經) 舍利弗。於汝意云何。彼佛何故。號阿彌陀。

(解) 此經的示持名妙行。故特徵釋名號。欲人深信。萬德洪名。不可思議。一心執持。無復疑貳也。阿彌陀。正翻

無量。本不可說。本師以光壽二義。收盡一切無量。光則橫遍十方。壽則豎窮三際。橫豎交徹。即法界體。舉此體作彌陀身土。亦即舉此體作彌陀名號。是故彌陀名號。即眾生本覺理性。持名。即始覺合本。始本不二。生佛不二。故一念相應一念佛。念念相應念念佛也。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao đức Phật ấy hiệu là A Di Đà?)

Giải: Đây là kinh nêu bày đích xác diệu hạnh trì danh, nên đặc biệt gạn hỏi và giải thích danh hiệu, muốn cho người ta tin tưởng sâu xa vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, một lòng chấp trì không còn nghi ngờ. A Di Đà Phật, dịch đúng nghĩa là “vô lượng”, vốn chẳng thể

nói được. Bốn Sư [Thích Ca Mâu Ni Phật] dùng hai nghĩa Quang và Thọ để gồm thâu trọn hết thảy những điều vô lượng. Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc cùng tột ba đời. Ngang dọc đan xen vào nhau thấu suốt cùng tận, đây chính là Thể của pháp giới. Nêu ra cái Thể này để làm thân và cõi nước của A Di Đà Phật, mà cũng là nêu ra cái Thể nhằm tạo nên danh hiệu A Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là Bốn Giác lý tánh của chúng sanh. Trì danh chính là Thủ Giác hợp với Bốn Giác. Thủ Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật).

Trong kinh này, đức Phật đặc biệt chỉ dạy diệu hạnh trì danh cho chúng sanh,

nên nêu ra [câu hỏi] danh hiệu A Di Đà Phật rốt ráo màu nhiệm ở chỗ nào?

1) Thứ nhất, chỉ cần niệm một câu Phật hiệu, hết sức đơn giản. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có pháp nào dễ dàng như vậy. Một câu Phật hiệu có thể làm cho con người vượt thoát tam giới, liễu sanh tử, ra khỏi luân hồi theo chiều ngang, giải quyết xong chuyện sanh tử, thoát luân hồi.

2) Thứ hai, kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đều nói: Lâm chung mười niệm hay một niệm đều được vãng sanh. Đây chính là chỗ kỳ diệu hết sức thù thắng.

3) Thứ ba, chỉ cần vãng sanh thì liền viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nếu chỉ nói đến ba thứ Bất Thoái thì chính là bậc Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc bậc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái thì nếu không là Đẳng Giác Bồ Tát thì cũng phải là Pháp

Vân Địa Bồ Tát (Thập Địa Bồ Tát trong Viên Giáo). Người tu hành thông thường để đạt đến địa vị này, nếu tính từ lúc chứng được Sơ Quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa thì phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể viên chứng ba thứ Bất Thoái. Điều này (tức hành nhân đời nghiệp vãng sanh Tịnh Độ liền viên chứng ba thứ Bất Thoái) thật khó tin. Nếu hỏi vì sao chỉ niệm Phật mấy tiếng lại có thể viên chứng ba thứ Bất Thoái? Câu trả lời là: Do danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! [Đức Phật gạn hỏi rồi giải thích ý nghĩa danh hiệu A Di Đà Phật] là muốn làm cho con người tin tưởng sâu vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn rồi nhất tâm chấp trì, không còn nghi ngờ nữa. Trong một đời này, chúng ta may mắn gặp được pháp môn này, nhưng có được vãng sanh hay không, mấu chốt là có thể nghiêm túc tuân thủ lời răn dạy “nhất tâm

trì danh, không còn nghi ngờ” hay không. Nếu làm được như vậy thì không một ai chẳng vãng sanh!

A Di Đà (Amitābha) là tiếng Phạn, dịch nghĩa chánh yếu là Vô Lượng. A dịch là Vô, Di Đà (Mitā) dịch là Lượng. Vô lượng vốn chẳng thể nói được. Phật Thích Ca dùng hai nghĩa Quang và Thọ để thâm tóm trọn hết thảy vô lượng. Đức Phật chỉ nói hai thứ: “*Quang thì theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ thì theo chiều dọc tột cùng ba đời*”. Điều này giống như hiện thời ta nói là “không gian và thời gian”, nhưng hai chữ Quang và Thọ hay hơn chữ thời gian và không gian, nhất là chữ Thọ. Trong hết thảy vô lượng, Thọ là bậc nhất. Nếu có vô lượng của cải, tài sản, nhưng không có thọ mạng thì của cải, tài sản cũng thành vô ích. Toàn thể vũ trụ chính là Pháp Giới Thể, hai chữ Quang và Thọ đủ để đại diện [cho toàn thể vũ

trụ]. Từ đây, ta có thể thấu hiểu sự vĩ đại của Tây Phương Cực Lạc thế giới: Thân và cõi chẳng hai, Sắc và Tâm giống hệt như một. A Di Đà nương vào toàn thể pháp giới mà khởi. **Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm toàn thể pháp giới.** Có những đồng tu hỏi tôi: “Trước nay, con từng niệm chú Đại Bi, Tâm Kinh, phẩm Phổ Môn, và mười chú nhỏ¹³³. Nếu bây giờ chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, há các vị Bồ Tát khác chẳng trách tội ư?” Thứ tâm thái này chính là xem chư Bồ Tát như phạm phu, quả thật đại bất kính! Hiện thời chúng ta hiểu rõ, một câu Phật hiệu vốn không gì chẳng bao gồm. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình và vô tình, cùng viên mãn Chủng Trí*”. Chúng sanh

¹³³ Thập Tiểu Chú là mười bài chú sau chú Lăng Nghiêm và chú Đại Bi trong khóa công phu sáng trong Thiền Môn Nhật Tụng, gồm Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni, Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú, Công Đức Bảo Sơn Thần Chú, Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú, Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni, Dược Sư Quán Đảnh Chân Ngôn, Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn, Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn, Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú, và Thiên Nữ Thiên Chú.

và Phật có cùng một Lý Tánh, Lý là Lý Thể, Tánh là Chân Như bốn tánh. Lý Thể chính là toàn thể pháp giới mà cũng là A Di Đà Phật, cũng là chư Phật Như Lai, cũng là hết thảy chúng sanh, cũng là chính bản thân ta. Sự thật đúng thực, niệm một câu Phật hiệu cũng chính là niệm Chân Như bốn tánh của chính mình. Bất luận kinh chú nào cũng đều nằm trong một câu Phật hiệu.

“Trì danh, tức Thỉ Giác hợp Bốn” (Trì danh chính là Thỉ Giác hợp với Bốn Giác): Khởi lên một niệm, niệm A Di Đà Phật chính là Thỉ Giác. Một câu danh hiệu A Di Đà Phật chính là Bốn Giác. Bốn Giác chính là Chân Như bốn tánh. Thỉ Giác hợp với Bốn Giác chính là chân thật tu hành.

“Thỉ Bốn bất nhị, sanh Phật bất nhị, có nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật” (Thỉ Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng

sanh và Phật chẳng hai, nên một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật). “*Tương ứng*” là tương ứng với Lý, tương ứng với sự thật, tương ứng với toàn thể pháp giới. Đức hiệu của toàn thể pháp giới là A Di Đà Phật, niệm niệm lay tỉnh chính mình “hãy hợp làm một với pháp giới, hợp làm một với hết thầy chư Phật Như Lai, hợp làm một với hết thầy chúng sanh”. Đây là tương ứng.

Trong đoạn trước, có nói tới “*khí phận*”, chẳng hạn như A Di Đà Phật từ bi, tâm địa của chúng ta cũng từ bi, liền tương ứng với khí phận từ bi của A Di Đà Phật. Hôm nay, qua đoạn kinh văn này, ta thật sự hiểu rõ, quý vị tương ứng với khí phận của A Di Đà Phật. Do Thủ Giác và Bồn Giác chẳng hai, Tánh và Tướng như một, chúng sanh và Phật chẳng hai, Lý và Sự như một, nên khi niệm Phật, thấu hiểu,

khế nhập cảnh giới này thì gọi là “đã đạt được khí phận của Phật”. Nếu hiểu rõ Lý thì nghi hoặc sẽ đoạn, đây là chân tín, so với chánh tín lại cao hơn một tầng. Đây là khế nhập khí phận của Phật.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà Phật.

(經) 舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước không bị chướng ngại. Do vậy, Ngài có hiệu là A Di Đà Phật).

Hai đoạn kinh văn tiếp theo là từ trong hết thấy vô lượng, nêu ra hai món cương lĩnh, một là Quang, hai là Thọ. Quang minh là trí huệ, mà cũng là vô lượng trí huệ vốn có sẵn trong tự tánh. Đức Phật tiêu trừ sạch sành sanh hết thấy nghiệp chướng, cho nên tánh đức tỏ lộ viên mãn. Trên mặt Tướng, chính là quang minh chiếu khắp tột hư không, trọn pháp giới, không đâu chẳng chiếu tới. Quang minh ấy có công năng gia trì nhiếp thọ, có thể giúp chúng ta trừ sạch nghiệp chướng, khơi mở trí huệ; nhưng chúng ta phải có Thỉ Giác thì mới được Phật gia trì. Nếu chẳng tương ứng trọn vẹn, dù Phật quang chiếu khắp, nhưng vì ta có chướng ngại, cự tuyệt, chê trách, nên chúng ta chẳng thể hưởng công năng gia trì của Phật. Nhất tâm xưng niệm, nghiệp chướng nhất định ngày một tiêu trừ, trí huệ ngày một tăng

trường, tâm địa thanh tịnh. Đây là một dạng tương ứng vậy.

(Giải) Tâm tánh tịch nhi thường chiếu, cố vi quang minh. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố quang minh vô lượng dã. Chư Phật giai triệt tánh thể, giai chiếu thập phương, giai khả danh Vô Lượng Quang, nhi nhân trung nguyện lực bất đồng, tùy nhân duyên lập biệt danh. Di Đà vi Pháp Tạng tỳ-kheo, phát tứ thập bát nguyện, hữu “quang minh hằng chiếu thập phương” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện dã. Pháp Thân quang minh vô phân tế. Báo Thân quang minh xúng chân tánh. Thử tác Phật Phật đạo đồng. Ứng Thân quang minh hữu chiếu nhất do-tuần giả, thập, bách, thiên do-tuần giả, nhất thể giới, thập, bách, thiên thể giới giả. Duy A Di phổ chiếu, cố biệt danh Vô Lượng

Quang. Nhiên tam thân bất nhất bất dị, vị linh chúng sanh đắc tứ ích, cố tác thử phân biệt nhĩ. Đương tri vô chướng ngại, ước nhân dân ngôn. Do chúng sanh dĩ Phật duyên thâm, cố Phật quang đáo xứ. Nhất thiết thế gian, vô bất viên kiến dã.

(解) 心性寂而常照。故為光明。今徹證心性無量之體。故光明無量也。諸佛皆徹性體。皆照十方。皆可名無量光。而因中願力不同。隨因緣立別名。彌陀為法藏比丘。發四十八願。有光明恆照十方之願。今果成如願也。法身光明無分際。報身光明稱真性。此則佛佛道同。應身光明。有照一由旬者。十百千由旬者。一世界。十百千世界者。唯阿

彌普照。故別名無量光。然三身不一不異。為令眾生得四益。故作此分別耳。當知無障礙。約人民言。由眾生與佛緣深。故佛光到處。一切世間。無不圓見也。

(Giải: Tâm tánh tịch mà thường chiếu nên gọi là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh nên quang minh vô lượng. Chư Phật đều chứng thấu triệt tánh thể, [quang minh] đều chiếu mười phương, đều có thể gọi là Vô Lượng Quang. Nhưng trong lúc tu nhân nguyện lực khác nhau, tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác. A Di Đà Phật khi còn là tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, trong số ấy có nguyện “quang minh luôn chiếu mười phương”. Nay thật sự thành tựu đúng như

lời nguyện. Pháp Thân quang minh không ngăn mé. Báo Thân quang minh xứng hợp chân tánh. Đây chính là điều chư Phật vị nào cũng giống nhau. Quang minh nơi Ứng Thân thì có vị chiếu một do-tuần, mười, trăm, ngàn do-tuần, một thế giới, trăm, mười, ngàn thế giới, chỉ có A Di Đà Phật quang minh chiếu trọn khắp, nên đặc biệt có tên là Vô Lượng Quang. Nhưng ba thân chẳng một, chẳng khác, nhằm làm cho chúng sanh đạt được bốn thứ lợi ích nên phân biệt như vậy mà thôi! Hãy nên biết rằng: “Không chướng ngại” là dựa theo phía nhân dân mà nói. Do chúng sanh có duyên sâu với Phật nên Phật quang chiếu khắp mọi nơi, hết thấy thế gian không đâu chẳng thấy trọn vẹn).

Tâm tánh vốn tịch tĩnh, tịch là Định, “tĩnh” nghĩa là thanh tịnh, tác dụng của nó là Chiếu. Luận trên bốn tánh thì hết thấy

chư Phật Như Lai đều đạt đến tịch tĩnh viên mãn rất ráo. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Phá được một phẩm vô minh này rồi thì sẽ gọi là “*tịch tĩnh*”. Tịch tĩnh là cảnh giới trên quả địa của Như Lai, cũng chia thành ba phẩm Thượng, Trung, Hạ. Thượng Phẩm là chân thanh tịnh, là cảnh giới của Phật, chẳng nhiễm mảy trần. Trung Phẩm là Đẳng Giác Bồ Tát, còn có một phẩm vô minh. Hạ Phẩm là Pháp Vân Địa Bồ Tát, còn có hai phẩm vô minh. Thượng Phẩm hoàn toàn thanh tịnh, quang minh viên mãn chiếu trọn khắp, chứng thấu triệt bản thể vô lượng của tâm tánh. Nếu xét theo kinh Nhân Vương giảng về địa vị Ngũ Nhẫn của Bồ Tát thì Thượng Phẩm là Tịch Diệt Nhẫn, khởi ra đại dụng là quang minh vô lượng chiếu trọn khắp mười phương. Quang minh của đức Phật đã chiếu khắp mười phương nhưng vì sao

ta chẳng hề cảm nhận thấy? Vấn đề này chẳng phải do lỗi Phật, mà là do chính mình. Trong ấy, chẳng tin là chướng ngại lớn nhất! Hoàn toàn mê hoặc chân tướng sự thật, dẫu đại thánh đại hiền đã giảng giải vẫn chẳng tiếp nhận. Nếu tin sâu chẳng nghi, thật thà niệm Phật thì sẽ có thể tương ứng, mà cũng có thể tiếp nhận Phật lực gia trì.

Hết thảy chư Phật đều là vô lượng quang, vô lượng thọ. Khi tu nhân, mỗi vị học Phật có nguyện lực khác nhau, mục đích ở chỗ nào, mong sẽ đạt được gì trong tương lai, mỗi người cũng khác nhau. Trên quả địa, tuy đức năng, trí huệ hoàn toàn giống nhau, nhưng nhân duyên độ sanh khác nhau. Sự tu hành của hết thảy chư Phật khi đang tu nhân, trong các kinh Đại Tiểu Thừa, đức Phật đã nói quá nhiều. Nếu so sánh thì quả thật khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện khác biệt mọi

người, chẳng những to lớn mà còn cụ thể. Ngài chẳng những mong thành Phật mà còn mong vượt trời chư Phật. Nói là “vượt trời” không phải là trí huệ, đức năng mà là vượt trời trong phương diện độ sanh.

“*Tùy nhân duyên lập biệt danh*” (Tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác): Danh hiệu của chư Phật cũng tùy theo nhân duyên mà có sai khác. Như trong trường học, vị thầy dạy môn Quốc Văn được gọi là thầy Quốc Văn. Thầy dạy Toán được gọi là thầy Toán. Do vậy, vô lượng, vô biên chư Phật, Bồ Tát có danh hiệu giống nhau. Khi A Di Đà Phật phát nguyện trong lúc tu nhân, Ngài từng nguyện “*quang minh chiếu khắp*” và nguyện “*thọ mạng vô lượng*”, nay Ngài đã thành Phật, nên bốn mươi tám nguyện đều viên mãn.

“*Pháp Thân quang minh vô phân tế, Báo Thân quang minh xưng chân tánh*”

(Pháp Thân quang minh không ngăn mé, Báo Thân quang minh xứng hợp chân tánh): Hai điều này chư Phật đều giống nhau. Pháp Thân chính là chân tâm bản tánh, là Lý Thể của hết thảy pháp, vốn sẵn đầy đủ vô lượng vô biên trí huệ quang minh, hoàn toàn không phân biệt và chẳng có ngăn mé. Báo Thân là Tự Thọ Dụng Thân, vô lượng thọ, vô lượng quang, Phật nào cũng giống nhau. Phật dạy chúng ta tu hành chứng quả, không ngoài khôi phục tánh đức chính mình vốn sẵn có để thọ dụng mà thôi, hoàn toàn chẳng có gì khác, mà cũng chẳng thể có gì khác để ban cho chúng ta. Ứng Hóa Thân là Tha Thọ Dụng Thân, hết thảy chư Phật mỗi vị mỗi khác. Sai biệt, lớn nhỏ rất khác nhau. Điều này hoàn toàn là do duyên, chứ không phải là chư Phật có năng lực lớn hay nhỏ. Chẳng hạn như một người có học vị, có trí huệ viên mãn, dạy ở đại học thì gọi là giáo sư

đại học, nhưng nếu vị ấy dạy tại trường tiểu học thì gọi là giáo viên tiểu học. Phật độ chúng sanh là do duyên, thế nào gọi là “duyên chín muồi”? Hễ ai thấy thấu suốt đời người là khổ, không, vô thường, mong chóng thoát lìa tam giới, có ý niệm chân thật, thiết tha ấy thì chư Phật đều thấy được, vị Phật nào có duyên với người ấy ắt sẽ hóa thân đến trước người ấy cứu độ. Nếu số người nhiều quá, cần phải giáo hóa trong một thời gian dài, Phật bèn dùng Ứng Thân để tới giáo hóa. Sau khi thành Phật, một vị Phật có phạm vi giáo hóa, gọi là một tam thiên đại thiên thế giới. Có nguyện lớn thì [phạm vi giáo hóa] có thể mở rộng đến nhiều đại thiên thế giới. Chỉ cần phát nguyện thì đều có thể thực hiện được. Riêng mình A Di Đà Phật phát nguyện khác hẳn. Trong lúc tu nhân, Ngài đã nhiếp thọ hai trăm mười ức các cõi nước Phật. Con số “hai mươi một” này là

đanh xưng nhằm biểu thị pháp trong Mật Tông, chẳng phải số đếm, mà có nghĩa là viên mãn. Như kinh Di Đà dùng số Bảy, kinh Hoa Nghiêm dùng số Mười, đều nhằm biểu thị pháp. Mật Tông thường dùng số mười sáu và hai mươi một; đủ thấy trong lúc tu nhân, tỳ-kheo Pháp Tạng đã kết duyên với chúng sanh tội hư không, trọn pháp giới, sâu rộng như thế. Thầy của Ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai giảng kinh thuyết pháp cho Ngài, giảng cho Ngài nghe y báo, chánh báo trang nghiêm, nhân quả thiện ác của mười phương các cõi Phật, lại còn dùng Phật thần lực, biến hiện mười phương các cõi nước cho tỳ-kheo Pháp Tạng đích thân trông thấy. Sau khi Ngài thành Phật, tất cả hết thảy cõi nước đều là khu vực giáo hóa của Ngài. Do vậy, hết thảy chư Phật trong mười phương thế giới đều khuyên chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ. Tam Thân Pháp,

Báo, Ứng là một Thê, một nhưng ba, ba nhưng một, Pháp Thân là Bản Thê, Báo Thân là Tự Thụ Dụng, Ứng Hóa Thân là Tha Thụ Dụng, trong phần trước đã nói cặn kẽ!

“*Linh chúng sanh đắc tứ ích*” (khiến cho chúng sanh được bốn thứ lợi ích): “*Tứ ích*” ở đây chính là bốn món lợi ích Tất Đàn trong phần trước, tức hoan hỷ, sanh thiện, phá ác và nhập Lý. Hiện thời, khoa học kỹ thuật tiên bộ, giúp cho chúng ta biết ánh sáng có nhiều loại, gọi là quang độ¹³⁴, mắt [con người] có thể thấy được những tia sáng với bước sóng (wavelength)

¹³⁴ Thông thường, chữ “quang độ” (luminosity) chỉ mức độ bức xạ của ánh sáng, được đo bằng đơn vị Watt. Vật Lý Học hiện thời quan niệm ánh sáng chính là sự bức xạ điện từ (electromagnetic radiation), gồm những hạt photon (quang tử) chuyển động theo đồ thị hình sin (sinusoidal graph) nên để phân loại ánh sáng, người ta dùng đơn vị đo độ dài, gọi là wavelength (người Hoa dịch chữ này thành “ba trường”, còn người Việt gọi là bước sóng), tức là khoảng cách giữa hai cực điểm (maximum) của đồ thị sóng. “Quang độ” được Hòa Thượng Tịnh Không nói ở đây chính là Ba Trường. Mắt con người chỉ thấy được những sóng ánh sáng có bước sóng từ 380 nanometres đến 760-780 nanometres (một nanometre là 1/1.000.000.000 mét). Những loại ánh sáng có bước sóng ngắn hơn 380 nanometres sẽ gọi là “ánh sáng có bước sóng ngắn”, còn những loại ánh sáng có bước sóng dài hơn 780 nanometres gọi là “ánh sáng có bước sóng dài”.

hữu hạn, không thể thấy được những tia sáng với bước sóng dài, cũng không thể thấy được tia sáng với bước sóng ngắn. Phật quang là viên mãn, bất cứ bước sóng ánh sáng nào cũng đều có thể thấy được. Vì thế gọi là “*vô chướng ngại*”. Chúng sanh có duyên sâu với Phật, có thể đắc độ trong một đời. Những kẻ duyên cạn, [được Phật quang] giúp cho sâu thêm, kết duyên với kẻ vô duyên, ngẫu nhiên nghe được một tiếng A Di Đà Phật liền kết duyên. Chúng ta trong đời này may mắn gặp được Phật pháp, có duyên với Phật, lại dường như có duyên sâu đậm. Đã chín muồi hay chưa thì vẫn không dám nói, nhưng nếu muốn thành tựu trong đời này thì phải nỗ lực gắng công tín nguyện trì danh. Sở dĩ mọi người chẳng thể thấy được Phật quang mà cũng chẳng thấu hiểu công đức chân thật của Phật đều là do

ngiệp chướng của chính mình sâu nặng nên chẳng thể hiểu thấu.

Phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng rất nhiều, trong kinh điển Đại Thừa đã nói các thứ pháp môn và cách tu trì, không gì chẳng giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, phương pháp hữu hiệu nhất không gì hơn Niệm Phật! Trong niên hiệu Càn Long đời Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đánh trước tác hết sức nhiều; trong bộ Quán Kinh Trực Chỉ, Sư đã nói người đời nghiệp nặng, tất cả kinh sám chẳng thể tiêu trừ thì đến cuối cùng dựa vào một câu Phật hiệu vẫn có thể tiêu trừ được. Chúng ta ngày nay nếu mong tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não, diệt tội nghiệp, chẳng cần phải cầu nơi kinh chú khác, niệm A Di Đà Phật là đủ rồi. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, nương theo đó để hành sẽ liền có thể đạt được hiệu

quả. Chỉ cần đạt được “*tịnh niệm tiếp nối*” thì tự nhiên sáu căn sẽ đều được nhiếp thọ.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

(Giải) Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng dã. Pháp Thân thọ mạng, vô thí vô chung. Báo Thân thọ mạng, hữu thí vô chung. Thử diệc Phật Phật đạo đồng, giai khả danh Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy nguyện, tùy cơ, diên súc bất đẳng. Pháp Tạng nguyện vương, hữu “Phật cập nhân, thọ mạng giai vô lượng” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện, biệt danh Vô Lượng Thọ dã. A-tăng-kỳ, vô biên, vô lượng, giai toán số danh, thật hữu lượng chi vô lượng. Nhiên tam thân bất nhất, bất dị, Ứng Thân diệc khả tức thị vô lượng chi vô lượng hỹ. Cập giả,

tịnh dã. “Nhân dân” chỉ Đấng Giác dĩ hoàn, vị Phật thọ mạng, tịnh kỳ nhân dân thọ mạng, giai vô lượng đẳng dã.

(經) 又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

(解) 心性照而常寂，故為壽命。今徹證心性無量之體。故壽命無量也。法身壽命。無始無終。報身壽命。有始無終。此亦佛佛道同。皆可名無量壽。應身隨願隨機。延促不等。法藏願王。有佛及人。壽命皆無量之願。今果成如願。別名無量壽也。阿僧祇。無邊。無量。皆算數名。實有量之無量。然三身

**不一不異。應身亦可即是無量之無量
矣。及者。併也。人民指等覺以還。謂
佛壽命。併其人民壽命。皆無量等也。**

(Chánh kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà.

Giải: Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên [mệnh danh] là thọ mạng. Nay chứng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng. Thọ mạng của Pháp Thân không khởi đầu, không kết thúc; thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc. Đây chính là điều giống nhau giữa chư Phật nên vị nào cũng đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy theo nguyện, tùy theo căn cơ mà thọ mạng kéo dài hay rút ngắn khác nhau. Trong nguyện vương của ngài Pháp Tạng

có lời nguyện “thọ mạng của Phật và nhân dân đều vô lượng”, nay quả thật thành tựu đúng như lời nguyện, nên riêng Ngài có tên là Vô Lượng Thọ. A-tăng-kỳ, vô biên, vô lượng, đều là những tên gọi trong toán số, quả thật là vô lượng trong hữu lượng; nhưng tam thân chẳng một, chẳng khác nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong vô lượng. “Cập” là “và”. Chữ “nhân dân” chỉ những người từ Đẳng Giác trở xuống, ý nói: Thọ mạng của Phật và nhân dân của Ngài đều bình đẳng vô lượng).

Đoạn kinh văn này cho biết trong Tây Phương thế giới, thọ mạng của Phật và nhân dân rất dài, đều là vô lượng; vì thế, gọi là A Di Đà. Sách Yếu Giải viết: “*Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thế, cố thọ mạng vô lượng dã*” (Tâm tánh

chiếu mà thường tịch nên [mệnh danh] là thọ mạng. Nay chúng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng). Đây là nói theo lý luận, vì sao nhân dân tại Tây Phương vô lượng thọ. Nhà Thiền nói “*minh tâm kiến tánh*”, thì “*kiến*” (見) có nghĩa là “*chứng*”. Trong kinh Đại Thừa, Phật nói Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là kiến tánh, tức là đã chứng đắc tâm tánh, nhưng chưa rốt ráo viên mãn. Dùng mặt trăng để so sánh thì mặt trăng vừa mới mọc gọi là “trăng lưỡi liềm” (trăng non). Bồ Tát kiến tánh là thấy từng phần, chẳng phải là viên mãn ngay lập tức; còn A Di Đà Phật là “*triệt chứng*” (chứng triệt để, chứng thấu triệt), chứng rốt ráo viên mãn. Nói thật ra, Phần Chứng cũng là vô lượng thọ, hướng chi viên mãn! Phật chứng thấu triệt thì không có vấn đề gì, chứ phàm phu và chúng sanh Thập Ác vãng sanh, nghiệp chưa tiêu, làm

sao chúng được cái Thể của tâm tánh? Từ Tịnh Độ Tam Kinh, ta cũng có thể hiểu rõ tình trạng này. Do hoàn cảnh của Tây Phương thế giới thù thắng, hoàn toàn vô chướng ngại, hằng ngày cùng với A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các vị Đẳng Giác Bồ Tát, chư thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, được các Ngài un đúc, dầu là Hạ Hạ Phẩm đời nghiệp vãng sanh cũng liền chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Đây là do vô lượng công đức của Phật gia trì, nên đều là vô lượng thọ. Pháp Thân là bản thể của tâm tánh; nói thật ra, Pháp Thân chẳng có thọ mạng vì nó không khởi đầu, không kết thúc. Thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc, có thể nói là mỗi vị Phật đều là vô lượng thọ. Nay đức A Di Đà Phật đang được nói đến [trong kinh này] chính là Ứng Thân Phật. Thọ mạng của Ứng Thân là thuận theo nguyện, theo như nguyện đã phát lúc Phật

tu nhân, đồng thời cũng là “tùy cơ”, tức là thuận theo cơ duyên của chúng sanh sẽ được Phật hóa độ mà thọ mạng của [Ứng Thân] Phật dài hay ngắn khác nhau. Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật phát nguyện khác với chư Phật. Ngài phát nguyện: Trong tương lai, sau khi thành Phật, nhân dân trong cõi Ngài đều là vô lượng thọ. Nay Ngài đã thành Phật, điều nguyện ấy cũng được thực hiện trên phương diện quả báo. Đây chính là đại nguyện khôn sánh, mọi người không thể suy tưởng được. Trong lúc tu nhân, Ngài tham khảo, quán sát vô lượng vô biên các cõi nước Phật, thấy thọ mạng có dài - ngắn, tu hành có khó - dễ, Ngài mới phát ra đại nguyện ấy. Trong quá trình tu hành thông thường, những ý niệm ấy rất khó có, khi chứng quả, những nguyện ấy đều biến thành hiện thực.

A-tăng-kỳ (Asamkhya), Vô Lượng (Apramāna), Vô Biên (Ananta) đều là những danh từ trong Số Học (Toán Học). Trong phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đã tham phỏng Tụ Tại Chủ đồng tử¹³⁵. Vị này là một nhà đại khoa học mà cũng là một nhà toán học, đã nói cho Thiện Tài biết những con số, được tính từ những con số cơ bản như mười, trăm, ngàn. Tổng cộng gồm một trăm năm mươi sáu con số, không dùng cách tính gấp mười lần (tức mỗi đơn vị sau bằng mười lần đơn vị trước, thường gọi là hệ thập phân), mà dùng phương pháp nhân gấp bội. A-tăng-kỳ là một trong mười đơn vị cuối cùng; A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, Vô Lượng lần Vô Lượng

¹³⁵ Đây là vị thiện tri thức thứ 12 trong 53 vị thiện tri thức mà Thiện Tài đồng tử đến tham học. Vị này do tỳ-kheo Thiện Kiến giới thiệu. Khi Thiện Tài đồng tử đến tham học, Tụ Tại Chủ đồng tử đang cùng với mười ngàn đứa trẻ khác gom cát chơi giỡn bên bờ sông. Tụ Tại Chủ đồng tử dạy Thiện Tài pháp môn Nhất Thiết Công Xảo Đại Thần Thông Trí Quang Minh.

là một Vô Biên. Con số cuối cùng là Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết. Đã có phương pháp để tính thì đương nhiên có thể tính ra con số, đã có thể tính toán được thì vẫn là “*hữu lượng*” (có hạn lượng). Đây là nói về Ứng Thân, chứ không là nói về Pháp Thân hay Báo Thân. Đến cuối cùng, khi duyên giáo hóa đã hết, A Di Đà Phật cũng nhập Niết Bàn, trong tương lai sẽ do Quán Thế Âm Bồ Tát kế tục thành Phật để nối ngôi vị. Sau khi Quán Âm nhập diệt, sẽ do Đại Thế Chí kế vị, Phật Phật tiếp nối chẳng gián đoạn. Trong thọ mạng dài đằng dặc như vậy, chẳng có một ai không “viên mãn thành Phật, đạt được vô lượng thọ thật sự”. Tây Phương thế giới quả thật khác với các thế giới khác. Những thế giới khác đều có một khoảng thời gian trước Phật hay sau Phật, thời gian rất dài. Chẳng hạn như Phật Thích Ca tại thế chỉ tám mươi năm, trong tương lai,

Phật Di Lặc giáng sanh phải đợi tới năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Trong thời gian ấy, không có Phật trụ thế. Do đây, có thể thấy Tây Phương thế giới thù thắng. Trong Đại Kinh, Phật đã nói muốn thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, là vì tu hành trong thế giới này có thoái chuyển, tiến tiến, lùi lùi, tiến ít, lùi nhiều, cho nên khó thành tựu. Người Tây Phương thọ mạng lâu dài, lại không có duyên gây thoái chuyển nên tiến triển hết sức nhanh chóng. Kinh dạy: “*Chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ*” (Các thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ). “*Chư thượng thiện nhân*” đều là Đẳng Giác Bồ Tát, sau khi họ đã sanh về Tây Phương, trong mười kiếp bèn tu hành thành Phật. Trong các kinh điển khác, đức Phật chẳng nói như vậy.

“*Tam thân bất nhất, bất dị, Ứng Thân diệt khả tức thị vô lượng chi vô lượng hỹ*”

(Ba thân chẳng một, chẳng khác, nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong vô lượng vậy): Máy câu này hết sức hay, đả phá sự chấp trước trên phương diện cảm tình của chúng ta. Ngài nói toàn là sự thật, cũng như trong phần trước đã nói, chúng ta thấy những người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong vòng mười kiếp đều có thể chứng được địa vị Đẳng Giác, tức là thật sự vô lượng, chứ không còn là “*vô lượng trong hữu lượng*” nữa. Điều này nói rõ, chúng ta sanh về Tây Phương [thì thọ mạng tuy nói là “vô lượng”, nhưng thật ra, vô lượng ấy] là vô lượng trong hữu lượng, nhưng chẳng bao lâu sẽ thật sự chứng được vô lượng trong vô lượng. Thế giới Tây Phương quả thật là một thế giới bình đẳng, từ Đẳng Giác trở xuống cho đến kẻ Hạ Hạ Phẩm vãng sanh hết thấy thọ dụng đều giống hệt như A Di Đà Phật.

(Giải) Đương tri quang thọ danh hiệu, giai bốn chúng sanh kiến lập. Dĩ sanh Phật bình đẳng, năng linh trì danh giả, quang minh, thọ mạng, đồng Phật vô dị dã. Phục thứ, do vô lượng quang nghĩa cố, chúng sanh sanh Cực Lạc, tức sanh thập phương. Kiến A Di Đà Phật, tức kiến thập phương chư Phật. Năng tự độ, tức phổ lợi nhất thiết. Do vô lượng thọ nghĩa cố, Cực Lạc nhân dân tức thị Nhất Sanh Bồ Xứ, giai định thứ sanh thành Phật, bất chí dị sanh. Đương tri ly khước hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm, hà xứ hữu A Di Đà Phật danh hiệu? Nhi ly khước A Di Đà Phật danh hiệu, hà do triệt chứng hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm? Nguyên thâm tư chi, nguyên thâm tư chi.

(解) 當知光壽名號。皆本眾生建立。以生佛平等。能令持名者。光明壽命。同佛無異也。復次由無量光義故。眾生極樂。即生十方。見阿彌陀佛。即見十方諸佛。能自度。即普利一切。由無量壽義故。極樂人民。即是一生補處。皆定此生成佛。不至異生。當知離卻現前一念無量光壽之心。何處有阿彌陀佛名號。而離卻阿彌陀佛名號。何由徹證現前一念無量光壽之心。願深思之。願深思之。

(Giải: Hãy nên biết danh hiệu quang thọ đều vốn vì chúng sanh mà kiến lập. Do chúng sanh và Phật bình đẳng nên có

thể khiến cho quang minh và thọ mạng của người trì danh giống như Phật chẳng khác. Lại nữa, do ý nghĩa “vô lượng quang” mà chúng sanh sanh về Cực Lạc tức là sanh về mười phương, thấy A Di Đà Phật chính là thấy mười phương chư Phật. Có thể tự độ chính là lợi ích khắp hết thảy. Do ý nghĩa “vô lượng thọ” nên nhân dân trong cõi Cực Lạc chính là Nhất Sanh Bồ Xứ, đều nhất định thành Phật ngay trong đời này, chẳng đợi đến đời khác. Hãy nên biết: Lìa khỏi một niệm tâm vô lượng quang thọ thì danh hiệu A Di Đà Phật sẽ do đâu mà có? Nhưng lìa khỏi danh hiệu A Di Đà Phật thì còn có cách nào để chứng thâu triệt một niệm tâm vô lượng quang thọ? Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa).

Ba đoạn khai thị tiếp theo chính là tri kiến chân thật rạng ngời của đại sư. Nếu

chẳng thật sự có kiến địa đạt đến cảnh giới ấy, sẽ chẳng thể nào nói ra mấy câu này được! Tất cả danh tướng, thuật ngữ về quang minh, thọ mạng, đều nhằm phương tiện giáo hóa chúng sanh mà kiến lập những thứ giả danh ấy. Tuy là giả danh, nhưng chúng (danh tướng, thuật ngữ) phù hợp khít khao tình huống thực tế.

“*Sanh Phật bình đẳng*” (Chúng sanh và Phật bình đẳng): Trong thế giới này, về mặt Lý là bình đẳng, nhưng trên mặt Sự thì bất bình đẳng; tại Tây Phương thế giới, Sự lẫn Lý đều bình đẳng, nên có thể làm cho quang minh lẫn thọ mạng của người trì danh đều giống như Phật, chẳng khác! Hiện thời, chúng ta hiện tại còn chưa về Tây Phương, nhất tâm xưng danh liền tương ứng với Phật. Niệm Phật là tạo cái nhân, sanh về Tây Phương là quả báo. Trong một câu Phật hiệu, người niệm Phật ắt phải dùng lòng tin chân thật, nguyện

thiết tha để trì danh thì mới có thể tương ứng. Hễ tương ứng sẽ có thể tiếp nhận sự cảm ứng quang minh và thọ mạng của Phật. Lúc vãng sanh là ra đi ngay trong khi đang còn sống, chứ không phải là chết rồi mới vãng sanh. Thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, đây là pháp môn thành tựu ngay trong đời này. Tôi thường nói “đây là pháp môn bất tử”. Đã đến Tây Phương rồi sẽ thành Phật trong một đời, đây chính là “thành Phật ngay trong một đời này!”

Sanh về Tây Phương thế giới giống như sanh về hết thảy các cõi nước Phật trong mười phương, thấy A Di Đà Phật giống như thấy mười phương hết thảy chư Phật. Trong các kinh điển khác, đức Phật chưa hề nói đến sự thật này.

“*Năng tự độ, tức phổ lợi nhất thiết*” (Có thể tự độ chính là lợi khắp hết thảy): “*Tự độ*” chính là niệm Phật vãng sanh. Sau khi sanh về Tây Phương, trọn đủ vô lượng trí

huệ, đức năng, nhớ được người nhà quyền thuộc trong đời đời kiếp kiếp, siêu độ cha mẹ chính là đại hiếu trong thế gian. Chính mình vãng sanh, cha mẹ trong đời trước bất luận đang ở đường nào đều có thể trông thấy, cũng là cơ duyên tốt đẹp trọn hết lòng hiếu thảo đối với cha mẹ vậy.

Quả vị tối cao của Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ. Pháp môn này là pháp môn thành tựu ngay trong đời này, chẳng cần đến đời thứ hai. Trong những pháp môn khác, để thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng biết là phải trải qua bao nhiêu sanh tử luân hồi. Đức Phật nói Tiểu Thừa Sơ Quả cần phải bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian mới chứng được quả A La Hán. Sau khi đến được Tây Phương thì trong một đời chứng được Đẳng Giác và Diệu Giác. Có nhiều vị cô đức tại gia và xuất gia, Tông Môn, Giáo Hạ, sau khi đã

hiểu rõ pháp môn này thì không vị nào chẳng chuyên tu, chuyên hoằng truyền.

Lời khai thị cuối cùng [trong đoạn này] lại dẫn về tâm tánh, khuyên chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ: A Di Đà Phật chứng thâu triệt chân tâm bốn tánh của vô lượng quang thọ, lập ra danh hiệu A Di Đà Phật. ***A Di Đà Phật chính là danh xưng vô lượng quang thọ của Chân Như bốn tánh.*** Do vậy, nói: “Rời khỏi Chân Như bốn tánh thì danh hiệu chẳng còn tồn tại”. Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật, A Di Đà Phật đều là danh hiệu của Chân Như bốn tánh. Danh ắt phải có Thực, [tức là] có một thực thể tồn tại. Lìa khỏi tâm tánh sẽ chẳng có danh hiệu; lìa khỏi danh hiệu thì làm sao có thể chứng thâu triệt Chân Như bốn tánh vô lượng quang thọ? Điều này nêu rõ Danh và Thực là một Thể, Danh là tên gọi của tâm tánh, tâm tánh là tâm tánh của cái Danh, là một,

chẳng phải hai. Đấy mới là thật sự hiểu rõ vì sao phải niệm Phật. Tuy nó (tức Chân Như bốn tánh) có vô lượng quang thọ, nhưng chúng ta chẳng thể thụ dụng được. Niệm một tiếng thì vô lượng quang thọ trong Chân Như bốn tánh giống như tia chớp nháng lên một lần. Niệm một tiếng, nó liền lộ ra một lần, niệm hai tiếng bèn chớp nháng hai lần. Không niệm sẽ chẳng có ánh sáng gì! Do vậy, cổ đại đức dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*” ắt sẽ cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật. Ngẫu Ích đại sư lại khuyên lơn, khích lệ chúng ta hãy suy nghĩ sâu xa.

(Kinh) Xá Lợi Phát! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

(Giải) Thử minh Cực Lạc thế giới giáo chủ thành tựu dã. Nhiên Pháp Thân vô thành, vô bất thành, bất ưng luận kiếp. Báo Thân nhân viên quả mãn, danh

Thành. Ứng Thân vị vật thị sanh, danh Thành, giai khả luận kiếp. Hựu, Pháp Thân nhân Tu Đức hiển, diệc khả luận thành, luận kiếp. Báo Thân biệt vô tân đắc, Ứng Thân như nguyệt ấn xuyên, diệc vô thành, bất thành, bất ưng luận kiếp.

(經) 舍利弗。阿彌陀佛成佛已來。於今十劫。

(解) 此明極樂世界教主成就也。然法身無成無不成。不應論劫。報身因圓果滿名成。應身為物示生名成。皆可論劫。又。法身因修德顯。亦可論成論劫。報身別無新得。應身如月印川。亦無成不成。不應論劫。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã mười kiếp.

Giải: Điều này nói về sự thành tựu của bậc giáo chủ trong thế giới Cực Lạc; nhưng Pháp Thân chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận đến kiếp số. Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”. Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số. Lại nữa, Pháp Thân do Tu Đức mà hiển lộ nên cũng có thể luận định “thành” và kiếp số. Báo Thân chẳng phải là mới đạt được. Ứng Thân như mặt trăng in bóng trên sông nên cũng chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận định kiếp số).

Nói theo Tây Phương thế giới thì mười kiếp rất ngắn, có vô lượng vô biên thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, y báo và chánh báo trang nghiêm chẳng cần phải nói nữa!

Người đời nghiệp vãng sanh từ mười phương thế giới đều chứng được quả vị Đẳng Giác Bồ Tát, thật là chẳng thể nghĩ bàn! Pháp Thân không có khởi đầu, không có kết thúc, không thêm gì vào được, vì nó là bản thể của Chân Như bản tánh nên không có “thành” hay “chẳng thành”. “*Báo Thân nhân viên quả mãn, danh thành*” (Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”): Hai thứ chấp trước Nhân Ngã và Pháp Ngã đều hết, ba thứ phiền não, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, cũng đoạn sạch. Phật quả trong Viên Giáo cũng viên mãn, nên gọi là “thành tựu”, thành tựu ý nói “*thành Phật*”.

“*Ứng Thân vị vật thị sanh danh thành, giai khả luận kiếp*” (Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số): Chữ “*vật*” (物) chỉ hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới, vì hết thấy chúng

sanh trong chín pháp giới mà thị hiện xuất sanh. Thọ mạng của Ứng Thân do duyên của chúng sanh mà kiến lập, duyên hết, Phật bèn thị hiện diệt độ, nên thọ mạng của Ứng Thân có thể nói đến số lượng. “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). “*Viên*” có nghĩa là liễu giải viên mãn chân tướng sự thật; cho nên bất luận người ấy thuyết pháp như thế nào, những lời người ấy nói đều là chân tướng sự thật. Pháp Thân ai nấy đều có, nhưng chưa có Tu Đức thì Pháp Thân chẳng thể hiện tiền. Kinh Đại Thừa nói: “*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”, cũng có thể nói là “*thành*” hoặc luận định thời gian. Trong đoạn trước [nói “*Pháp Thân không có thành hay chẳng thành*”] là luận theo thể tánh, còn ở đây là nói theo phương diện tu hành thành tựu. Báo Thân cũng là sẵn có,

Báo Thân là vô lượng trí huệ và đức năng sẵn có trong bốn tánh, không thể nói là “thành” hay “chẳng thành”. Ứng Thân giống như bóng trăng trong nước, như là Phật sự nơi đạo tràng trong mộng, “*như nguyệt án xuyên*” (như trăng in bóng trên sông), tức là bóng trăng trong nước, chẳng có thật, hoàn toàn tương phản với những điều vừa nói trong phần trước. Trong phần trước là dựa trên Sự để luận định tam thân, ở đây là dựa theo Lý để luận định tam thân.

(Giải) Dẫn chư Phật thành đạo, các hữu Bốn, Tích. Bốn địa tịnh bất khả trác. Thả ước Cực Lạc thị thành chi Tích nhi ngôn, tức thị tam thân, nhất thành, nhất thiết thành. Diệc thị phi thành, phi bất thành, nhi luận thành dã. Hựu, Phật thọ vô lượng, kim cần thập kiếp, tác hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị vương, phổ

*khuyến tam thế chúng sanh, tức cầu
vãng sanh, đồng Phật thọ mạng, nhất
sanh thành biện dã. Hựu, hạ văn vô số
Thanh Văn, Bồ Tát, cập dữ Bồ Xứ, giai
thập kiếp sở thành tựu, chánh hiển thập
phương tam thế, vãng sanh Bất Thoái
giả, đa thả dị dã.*

**(解) 但諸佛成道。各有本跡。本地並
不可測。且約極樂示成之跡而言。即是
三身。一成一切成。亦是非成非不成而
論成也。又。佛壽無量。今僅十劫。則
現在說法。時正未央。普勸三世眾生。
速求往生。同佛壽命。一生成辦也。
又。下文無數聲聞菩薩。及與補處。皆
十劫所成就。正顯十方三世。往生不退
者。多且易也。**

(**Giải:** Nhưng chư Phật thành đạo, mỗi vị đều có Bốn và Tích. Bốn địa trọn chẳng thể suy lường được. Lại ước theo sự thị hiện thành Phật nơi Tích môn trong cõi Cực Lạc mà nói thì đối với tam thân, hễ thành được một thì hết thấy đều thành. Cũng có nghĩa là “chẳng phải thành, chẳng phải không thành”, nhưng lại luận định về sự “thành Phật”. Hơn nữa, Phật thọ vô lượng, nay [A Di Đà Phật] mới chỉ [thành Phật] mười kiếp, tức là Ngài đang thuyết pháp trong hiện tại, thời gian đức Phật còn tại thế chưa hết, khuyên khắp các chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu vãng sanh để có thọ mạng giống hết như Phật, hoàn thành sự tu học chỉ trong một đời. Hơn nữa, trong đoạn kinh văn phía sau có nói vô số Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ đều thành tựu trong mười kiếp, chỉ rõ những người vãng sanh [chứng đắc] Bất

Thoái trong mười phương ba đời đã nhiều lại còn dễ dàng).

A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã là mười kiếp. Theo bản dịch của ngài Huyền Trang là “mười đại kiếp”. Mười phương chư Phật thành đạo đều có Bản và đều có Tích. Bản (本) là chứng quả đầu tiên, Tích (跡) là vì hóa độ chúng sanh mà thị hiện xuất sanh, thì gọi là Tích. Chẳng hạn như vào ba ngàn năm trước, Phật Thích Ca giáng sanh, thị hiện thành Phật tại Ấn Độ là Tích. Trong một đêm nọ, Ngài thấy sao Mai, ngộ đạo thành Phật là biểu diễn, chẳng phải là “thật” (chẳng phải là thật sự đến khi ấy Ngài mới thành Phật). Kinh Pháp Hoa có nói đức Phật đã thành Phật trong nhiều kiếp lâu xa trước kia. Kinh Phạm Võng nói đây là lần thứ tám ngàn Ngài đến thế giới này thị hiện thành Phật.

Do vậy, BỔn của Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn, không cách nào suy lường được. A Di Đà Phật cũng giống như thế, Ngài thành Phật tại Tây Phương thế giới cũng là thị hiện xuất sanh. Nếu luận về BỔn thì như trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: Trong vô lượng kiếp trước, Phật Thích Ca và Phật Di Đà là đồng tham đạo hữu, là anh em. A Di Đà Phật thị hiện thành Phật tại Tây Phương thế giới mới mười kiếp, đây là Tích của A Di Đà Phật, chứ không phải BỔn, BỔn chẳng có [thị hiện nhập] Niết Bàn. [Thân Phật] trong Tây Phương thế giới là Ứng Thân. Nguyên lực của Phật rộng sâu chẳng thể nghĩ bàn, Ngài có thể trụ thế trong một thời gian dài như thế cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta đến Tây Phương tu hành thành Phật là BỔn, A Di Đà Phật thị hiện làm BỔn thay cho chúng ta. Trong tương lai, chúng ta đến các thế giới phương khác làm Phật, thị

hiện xuất sanh là Tích. A Di Đà Phật thị hiện thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tích, chứ không phải Bồn. Thành Phật, tuy thị hiện, là Tích, nhưng cũng là một mà ba, tuy ba mà một. “*Nhất thành, nhất thiết thành, diệt thị phi thành, phi bất thành*” (hễ thành được một thì hết thảy đều thành, mà cũng chẳng phải là thành hay chẳng thành). Đối với ý nghĩa của hai câu này, chúng ta nghĩ đến những điều đã nói trong phần trước thì sẽ thấu hiểu. Nói “*ba thân hễ thành tựu một thì hết thảy sẽ thành tựu*” là nói theo mặt Sự, lại nói “*chẳng thành, chẳng không thành*” là nói theo mặt Lý.

“*Kim căn thập kiếp, tắc hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị ương*” (Nay chỉ mới mười kiếp tức là đang thuyết pháp trong hiện tại, thời gian Phật tại thế còn chưa hết): “*Vị ương*” có nghĩa là “chưa xong”. Chẳng những là chưa xong mà còn là rất

sớm. A Di Đà Phật có vô lượng thọ, đến nay chỉ mới mười kiếp thì thời gian mai sau còn rất dài; ngày nay chúng ta sanh về Tây Phương, trong tương lai đều thuộc tầng lớp nguyên lão. Do vậy, ở đây đại sư khuyên chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu vãng sanh, để có thọ mạng giống hết như Phật, thành tựu hoàn toàn ngay trong một đời. Đồng thời, đại sư cũng thay mặt mười phương hết thảy chư Phật khác miệng cùng tiếng khuyên dạy chúng ta. Hiện thời, chúng ta đã gieo hạt giống thành Phật, tương lai nhất định sẽ tới được [Cực Lạc], không còn nghi ngờ gì; nhưng phải đặc biệt lưu tâm, chớ nên coi thường, vạn nhất tu không tốt đẹp, hễ đánh mất thân người, không biết đến đời nào trong tương lai mới lại gặp Phật pháp, khó thể dự đoán được. Dầu có gặp gỡ, rất có thể là ta chẳng tin tưởng, chẳng tiếp nhận thì

cũng không thể nào nắm chắc [sẽ vãng sanh]!

Đức Phật ba lượt chuyển pháp luân là Thị Chuyển, Khuyến Chuyển và Tác Chứng Chuyển¹³⁶. Đoạn kinh văn tiếp theo là Tác Chứng (làm chứng), trong mười kiếp mà đã có vô số Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ Bồ Tát, các vị thượng thiện nhân vô lượng vô biên, chứng tỏ số người vãng sanh trong mười phương ba đời chẳng thể tính đếm được.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát! Bĩ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị.

¹³⁶ Đây là cách phân định giáo pháp theo cách thức hóa độ, thường gọi là Tam Chuyển Pháp Luân. Thị Chuyển là hóa độ bằng cách chỉ dạy pháp môn, phương pháp, lý luận, đường lối tu hành. Khuyến Chuyển là hóa độ bằng cách khuyến răn. Tác Chứng Chuyển là nêu những gương đã chứng ngộ hay những vị đệ tử, Bồ Tát đã chứng ngộ sẽ tự đến làm chứng trong pháp hội; chẳng hạn trong hội Hoa Nghiêm, đối với mỗi một địa vị Bồ Tát sẽ có một vị Bồ Tát làm Thượng Thủ diễn nói cảnh giới và công hạnh tu chứng trong địa vị ấy.

**(經) 又舍利弗。彼佛有無量無邊
聲聞弟子。皆阿羅
漢。非是算數之所能知。諸菩薩衆。亦
復如是。**

(Chánh kinh: Lại này, Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là A La Hán, chẳng thể dùng toán số để biết được. Các hàng Bồ Tát cũng giống như vậy).

Đoạn kinh văn này nói đến học trò của A Di Đà Phật trong Tây Phương thế giới, cũng như nói đến số người vãng sanh Tây Phương và sự thành tựu của họ trong mười kiếp. Tây Phương thuần thuộc Đại Thừa, tuyệt đối không có Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng những là Đại Thừa mà còn đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Trong

kinh, đức Phật nói: Bồ Tát nếu chẳng tuân tu hạnh Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Hết thảy những người vãng sanh Tây Phương đều tu theo phẩm đức của Phổ Hiền Đại Sĩ. Dựa theo hạnh của hàng Bồ Tát trong Viên Giáo để nói thì từ địa vị Sơ Tín cho đến Đẳng Giác gồm năm mươi một địa vị, đều là Phổ Hiền Bồ Tát¹³⁷. Kinh này nói tới trời, người, A La Hán, Bồ Tát, đều là thuận theo phương khác mà nói. Nếu người đời nghiệp vãng sanh sanh về Tây Phương thế giới mà giống như người trong thế giới phương khác, chưa đoạn phiền não, chỉ có thể coi giống như những người từ địa vị Lục Tín trong Viên Giáo trở xuống thì dùng danh xưng “*nhân thiên*” để hình dung bọn họ. Những ai đã đoạn được Kiến Tư phiền não, đạt đến địa

¹³⁷ Theo Thanh Lương Sớ có ba loại Phổ Hiền Bồ Tát: Một là Vị Tiên (phát tâm Phổ Hiền), hai là Vị Trung (Đẳng Giác Bồ Tát), ba là Vị Hậu Phổ Hiền (đắc quả nhưng chẳng xả nhân hạnh, tức là đã thành Phật, nhưng chẳng bỏ hạnh khi còn tu nhân). Do các vị Pháp Thân đại sĩ đều tuân tu phẩm đức của Phổ Hiền Bồ Tát, đều cùng thực hiện hạnh Phổ Hiền nên đều được gọi bằng danh xưng chung là Phổ Hiền Bồ Tát.

vị Thất Tín, Bát Tín, giống như các vị A La Hán trong những thế giới ở phương khác [thì gọi họ là A La Hán], chứ thật ra họ đều là Phổ Hiền Bồ Tát.

Ba bậc chín phẩm trong bốn cõi Tây Phương và sanh về Tây Phương có mối quan hệ trước sau. Những người đã sớm sanh về Tây Phương thì có thể là đã chứng được địa vị A Bệ Bạt Trí, tức là Bồ Xứ Bồ Tát. Những người sanh sau là Pháp Thân đại sĩ. Những người sanh sau đó nữa (tức những người vãng sanh sau những người đã chứng vị Pháp Thân đại sĩ) cũng chứng A La Hán, đã đoạn Kiến Tư phiền não. Đây hoàn toàn là sự thành tựu trong vòng mười kiếp. Do đây có thể đoán định: Tu hành tại Tây Phương, do không có duyên thoái chuyển, chẳng cần phải tốn một thời gian rất dài, tối đa là mười kiếp có thể tu đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác cũng giống như thành Phật.

(Giải) Tha phương định tánh Nhị Thừa, bất đắc sanh bỉ. Nhược tiên tập tiểu hạnh, lâm chung hồi hướng Bồ Đề, phát đại thệ nguyện giả, sanh bỉ quốc dĩ, Phật thuận cơ thuyết pháp, linh đoạn Kiến Tư. Cổ danh La Hán. Như Biệt Giáo Thất Trụ, đoạn Kiến Tư chi loại, phi thật Thanh Văn dã. Cái Tạng Thông nhị giáo, bất văn tha phương Phật danh, kim văn Di Đà danh hiệu, tín nguyện vãng sanh, tổng thuộc Biệt Viên nhị giáo sở nhiếp cơ hỷ.

(解) 他方定性二乘。不得生彼。若先習小行。臨終回向菩提。發大誓願者。生彼國已。佛順機說法。令斷見思。故名羅漢。如別教七住。斷見思之類。非實聲聞也。蓋藏通二教。不聞他方佛

**名。今聞彌陀名號。信願往生。總屬別
圓二教所攝機矣。**

(Giải: Hàng định tánh Nhị Thừa trong phương khác chẳng được sanh về cõi ấy. Nếu là người tu tập hạnh Tiểu Thừa từ trước, khi lâm chung hướng về Bồ Đề, phát ra thệ nguyện lớn, sẽ sanh về cõi ấy. Phật liền thuận theo căn cơ để thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Hoặc, Tư Hoặc, nên gọi là La Hán, giống như bậc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứ không phải là Thanh Văn thật sự. Bởi lẽ, trong Tạng Giáo và Thông Giáo, không nghe đến danh hiệu chư Phật ở phương khác. Nay [những người] nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện vãng sanh, nói chung đều thuộc về căn cơ được thấu nhiếp bởi hai giáo là Biệt và Viên vậy).

Đệ tử Thanh Văn trong thế giới Tây Phương đều là giả nói. Nếu họ thật sự mang căn tánh Tiểu Thừa (định tánh Tiểu Thừa) sẽ chẳng thể vãng sanh thế giới Cực Lạc! Căn tánh Tiểu Thừa mà nếu hồi Tiểu hướng Đại thì cũng có thể thành tựu. Nói theo cách bây giờ, họ đều là những người theo phái bảo thủ trong nhà Phật. Họ chỉ thừa nhận một mình Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, trọn chẳng thừa nhận vô lượng chư Phật trong mười phương thế giới, địa vị tu hành cao nhất chỉ đạt đến A La Hán. Ở Thái Lan, tượng Phật rất nhiều, nhưng đều là tượng Thích Ca Mâu Ni Phật, không có vị Phật thứ hai nào. Họ còn bài xích Đại Thừa, cho rằng Đại Thừa chẳng phải do Phật nói. Họ hoàn toàn chẳng tin Tây Phương có A Di Đà Phật. Nếu họ có thể tin tưởng, phát thệ nguyện lớn, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì cũng

có thể thỏa nguyện sanh Tây. Phật cũng thuận theo sở học của họ trong quá khứ để ứng theo căn cơ mà thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Tư, giống như bậc A La Hán trong các thế giới phương khác.

Người Tiểu Thừa sanh về Tây Phương đều là Bồ Tát, lại còn đều là A Bệ Bạt Trí, là Bồ Tát chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Tạng Giáo và Thông Giáo chẳng nghe danh hiệu Phật trong các phương khác; nay những ai nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện vãng sanh, nói chung đều thuộc về Biệt Giáo và Viên Giáo. Tiểu Thừa hễ quay đầu, thật sự phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì họ chẳng thuộc căn tánh Tạng Giáo hay Thông Giáo. Nếu chẳng phải là căn tánh Viên Giáo thì tối thiểu cũng là căn tánh Biệt Giáo. Kinh Vô Lượng Thọ tán thán bậc Bồ Tát trong Tây Phương thế giới có trọn đủ vô lượng công đức, từng nêu ra

hai mươi ba tỷ dụ, như “*trí huệ rộng sâu như biển cả, tam-muội bất động như núi Tu Di*” v.v.... Đây đều chẳng phải là những thứ mà Tạng Giáo hay Thông Giáo Bồ Tát có được. Hễ ai đời nghiệp vãng sanh Tây Phương thì cũng được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì; đồng thời lại được đại chúng đồng tu bạn lữ gia trì. Mỗi một vị Bồ Tát trong Tây Phương thế giới đều yêu mến, bảo vệ mỗi vị Bồ Tát mới sanh về, gia trì vị ấy.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(經) 舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó)

Đoạn kinh văn tổng kết này giống như đoạn trước, chỉ có ý nghĩa khác nhau. Đoạn trước nói về sự trang nghiêm nơi y báo, còn đoạn này nói về sự trang nghiêm nơi chánh báo. Vì sao chúng ta hạ đại quyết tâm và nguyện vọng kiên cường như vậy? Chính là vì thành tựu trang nghiêm nơi chủ và bạn được nói ở đây. Thành quả thực tế được phơi bày trước mắt chúng ta, thành tích chính là những người từ mười phương thế giới vãng sanh Cực Lạc trong vòng mười kiếp liền có thể chúng được địa vị Bồ Xứ Bồ Tát. Trong các thế giới khác chẳng có chuyện này! Đức Phật nói: Tu hành trong thế giới Sa Bà bắt đầu từ khi chúng được Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đoạn hết tám mươi tám phẩm

Kiến Hoặc trong tam giới của Kiến Tu phiền não, bắt đầu từ ngày hôm ấy, tu hết một A-tăng-kỳ kiếp mới chứng được quả vị Tam Hiền, tu hết một A-tăng-kỳ kiếp thứ hai mới có thể chứng đến quả vị Thất Địa, tu hết một A-tăng-kỳ kiếp thứ ba mới chứng được quả vị Pháp Vân Địa (Thập Địa), lên cao hơn nữa là Đẳng Giác. Tu trọn ba A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể đạt đến địa vị ấy, còn Tây Phương thế giới chỉ cần mười kiếp, trong một đời liền đạt được, chẳng cần phải đợi đến đời thứ hai. Đây chính là “*thành tựu như thị công đức trang nghiêm*” (thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó).

(Giải) Phật cập Thanh Văn, Bồ Tát, tịnh thị Di Đà nhân trung, nguyện hạnh sở thành, diệt thị quả thượng “nhất thành, nhất thiết thành”. Thị tắc Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, các

các phi tự, phi tha, tự tha bất nhị. Cố vân “thành tự như thị công đức trang nghiêm”, năng linh tín nguyện trì danh giả, niệm niệm diệt như thị thành tự dã. Sơ quảng trần bỉ độ y chánh diệu quả dĩ khải tín cánh.

(Giải) 佛及聲聞菩薩。並是彌陀因中。願行所成。亦是果上一成一切成。是則佛。菩薩。聲聞。各各非自非他。自他不二。故云成就如是功德莊嚴。能令信願持名者。念念亦如是成就也。初廣陳彼土依正妙果以啟信竟。

(Giải: Phật và Thanh Văn, Bồ Tát, hoàn toàn là do nguyện hạnh của Phật Di Đà trong lúc tu nhân tạo thành, mà cũng là “một thành thì hết thấy thành” nơi quả vị.

Tức là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, Tự và Tha chẳng hai. Vì thế nói “thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó”, có thể khiến cho người tín nguyện trì danh niệm niệm cũng thành tựu như vậy. Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần], nói rộng về diệu quả y báo và chánh báo nhằm khơi gợi lòng tin đã xong).

[Trong đoạn văn chú giải trên đây], “Phật” chính là A Di Đà Phật, “Thanh Văn, Bồ Tát” là người vãng sanh từ mười phương thế giới, họ đều được thành tựu bởi bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát thệ trong khi Ngài tu nhân. Nhân dân trong thế gian trên từ bậc Đẳng Giác, dưới cho đến chúng sanh địa ngục, hễ có thể tin, có thể nguyện, chịu niệm Phật thì Phật đều tiếp dẫn họ về thế giới Cực Lạc, đến Tây Phương đều được bốn

nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đạt được thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, nói theo mặt quả thì “*một thành, hết thấy đều thành*”, “*một thành*” là Phật, “*hết thấy thành*” là đại chúng.

“*Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, các các phi tự phi tha*” (Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha), với trí huệ, kiến thức thông thường của chúng ta trong hiện thời sẽ khó thể thấu hiểu điều này, còn bậc Bồ Tát minh tâm kiến tánh có thể hiểu được, đợi đến khi chúng ta sanh về Tây Phương rồi, sẽ nhận biết những lời này đều là sự thật. Hết thấy chư Phật, hết thấy chúng sanh, sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo đều là những vật được biến hiện bởi tự tánh. Luận theo tự tánh thì nói là “*phi Tha*” (chẳng khác), luận theo Tướng mà nói thì là “*phi Tự*”. Quán sát theo hai mặt Tánh và Tướng thì Tánh là nhất thể, ta và A Di

Đà Phật là một, nên “*phi Tha*”. Nói theo mặt Tướng thì A Di Đà Phật chẳng phải là ta, tức là “*phi Tự*”. Phật thì tánh đức hoàn toàn lưu lộ, chúng ta thì tánh đức bị phiền não che lấp. Tự và Tha không hai, Tánh và Tướng như một. Nếu thật sự thông đạt đạo lý và sự thật này, sẽ có thể biến công đức đã tu trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của chính chúng ta vì Tự và Tha chẳng hai. Ta tu hành mấy ngày, liền có công đức bằng với A Di Đà Phật tu hành trong vô lượng kiếp. Phương pháp chính là dùng tín nguyện trì danh, lòng tin phải chân thật, nguyện phải thiết tha. Trong kinh, đức Thế Tôn thường nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Năng niệm (chủ thể niệm Phật) là cái tâm của ta, sở niệm (đối tượng được niệm) là A Di Đà Phật. Hiểu rõ lý luận và sự thật thì cũng sẽ biết phương pháp chuyển biến; nhân duyên đầy đủ, chịu thực hiện

[phương pháp tu tập ấy] thì chính là phước đức bậc nhất và thiện căn bậc nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian.

4.2.2. Riêng khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh

(Giải) Tịnh Độ thù thắng vị đời nghiệp vãng sanh. Hoàn xuất tam giới, Đồng Cư hoàn cụ Tứ Độ, khai hiển Tứ Giáo pháp luân. Chúng sanh viên tịnh tứ độ, viên kiến tam thân, viên chứng tam Bất Thoái. Nhân dân giai nhất sanh thành Phật. Như thị đẳng thắng dị siêu tuyệt, toàn tại thử nhị khoa điểm thị. Tu để nghiên chi.

(解) 淨土殊勝謂帶業往生。橫出三界。同居橫具四土。開顯四教法輪。眾生圓淨四土。圓見三身。圓證三不退。

**人民皆一生成佛。如是等勝異超絕。全
在此二科點示。須諦研之。**

(Giải: Tịnh Độ thù thắng là do đời nghiệp vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đông Cư theo chiều ngang trọn đủ bốn cõi [Tịnh Độ], khai hiển pháp luân tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Nhân dân đều thành Phật trong một đời. Những sự thù thắng, lạ lùng, siêu việt, tuyệt diệu như thế, hoàn toàn được chỉ bày trong hai khoa này, hãy nên nghiên cứu kỹ lưỡng).

Đoạn văn chú giải này nhằm khuyên phát nguyện, khuyên hành trì. Đại sư nói Tịnh Độ thù thắng là vì “đời nghiệp vãng sanh, hoành xuất tam giới” (đời nghiệp

vãng sanh, vượt tam giới theo chiều ngang”. Nói thông thường, phải đoạn hết Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứng quả A La Hán của Tiểu Thừa, hoặc chứng địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Đại Thừa, hoặc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo mới có thể vượt thoát luân hồi. Trong đời này, chưa có một ai có thể làm được. Lão pháp sư Đàm Hư đã nói suốt cả đời Ngài đã thấy có người tham Thiền đắc Thiền Định, nhưng chưa thấy một ai khai ngộ. Tham Thiền chẳng khai ngộ sẽ chẳng thể thoát khỏi tam giới. Đắc Thiền Định bất quá là sanh lên Tứ Thiên Thiên mà thôi! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Tại Đại Lục, gần bốn mươi năm qua, trong mười ức người học Mật Tông, người học Mật đạt thành tựu chỉ có sáu người, tỷ lệ chẳng cân xứng! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đối với Thiền, Mật, Giáo đều có nghiên cứu, tới tuổi già Ngài buông hết thả xuống, Phật hiệu chẳng rời

miệng, râu chúi chẳng rời tay, người ta nói Ngài mê man trong Phật hiệu, ai nói gì cũng chẳng nghe tiếng, đúng là một tấm gương tốt đẹp.

Thế giới Tây Phương chẳng phải chỉ [thù thắng ở chỗ] “đời nghiệp liền có thể vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang”, mà còn [thù thắng ở chỗ]: Tuy sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng ba cõi kia như Phương Tiện, Thật Báo và Tịch Quang cũng đồng thời sanh về, vì bốn cõi được xếp theo chiều ngang. Cõi Phương Tiện là chỗ ở của bậc đã đoạn sạch phiền não. Cõi Thật Báo là chỗ ở của bậc Pháp Thân đại sĩ, cõi Tịch Quang thuộc quả địa Như Lai. Chúng ta đời nghiệp vãng sanh, một phẩm phiền não chưa đoạn, làm sao có thể trong một đời liền thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi? Đây đều là do bốn nguyện và công đức của A Di Đà Phật gia trì mà thành.

“*Khai hiển tứ giáo pháp luân*”: Sanh về Tây Phương, hết thầy pháp môn đều nghe được, học được. [Hành nhân Tịnh Độ] biết sự thật này, hãy nên buông xuống hết thầy kinh luận. Tây Phương có A Di Đà Phật là thầy, chư đại Bồ Tát là đồng tham đạo hữu, hoàn cảnh ưu việt, học ắt sẽ thành, sao lại khổ sở truy cầu trong cõi này? Dẫu có thời gian đọc những đại kinh, đại luận ấy, có thật sự hiểu hay chăng? Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Thầy Lý nói: “*Các vị đều chẳng hiểu ý nghĩa của chữ Ngã thì làm sao hiểu được ý nghĩa của Phật?*” Đây là lời thật. Tôi khuyên đại chúng tụng kinh Vô Lượng Thọ, trước hết tụng ba ngàn biến, mỗi ngày ba biến, tụng ba năm tâm sẽ định. Khi tụng, tâm phải chuyên, phải định, những kinh điển khác nhất loạt buông xuống. Kinh Vô Lượng Thọ giảng tường tận hơn kinh A Di Đà.

Kinh Di Đà lời lẽ đơn giản, ý nghĩa bao trùm, chẳng dễ gì hiểu được. Kinh Vô Lượng Thọ có thể giúp chúng ta kiến lập tín tâm. Gần ba năm nay, tôi hoàn toàn dốc sức nơi kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng phải chỉ miệng niệm, mà còn phải thời thời khắc khắc ghi nhớ những giáo huấn trong kinh, biến thành tư tưởng, hành vi của chính mình. Tụng càng nhiều, lãnh hội càng sâu càng rộng. Những nghĩa lý trong kinh chẳng có cùng tận, quý vị dùng hết thời gian suốt một đời để niệm bộ kinh này thì những nghĩa lý trong ấy đều không cùng tận. Dùng kinh này để khơi gợi và cũng dùng nó để đặt vững cơ sở cho ba món tư lương. “*Tứ giáo pháp luân*” chính là xiển dương rộng rãi kinh Vô Lượng Thọ.

“*Chúng sanh viên tịnh tứ độ*” (chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ): So với câu “*hoành cụ tứ độ*” (trọn đủ bốn

cõi theo chiều ngang) trong phần trước, câu này càng cao sâu hơn. “*Viên tịnh tứ độ*” tối thiểu cũng phải là cảnh giới của Đẳng Giác Bồ Tát. Viên mãn không thiếu khuyết là Nhất Sanh Bồ Xứ như trong kinh đã nói. Hai chữ “*nhất sanh*” này được dùng theo lối song quan¹³⁸, Nhất Sanh là chẳng đợi đến đời thứ hai, Nhất Sanh lại có nghĩa là hễ sanh về Tây Phương liền viên tịnh bốn cõi, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Giảng giải theo cách này thì hợp lý, vì có kinh văn để chứng minh, tức câu “*chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trĩ*” (Chúng sanh sanh trong cõi ấy đều là bậc A Bệ Bạt Trĩ) và “*đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (được cùng với các vị thượng thiện nhân như thế tụ hội một chỗ). Chữ “*thượng thiện*” chỉ hàng Đẳng Giác Bồ Tát, những người

¹³⁸ “Song quan” ở đây có nghĩa là lối nói bao hàm ý nghĩa kép.

kém hơn gọi là “*thiện nhân*”. Tây Phương thế giới là chỗ các vị thượng thiện nhân tụ hội. Đức Phật giới thiệu pháp môn này tường tận và thấu triệt như thế, nếu nghe xong mà vẫn chẳng tin, tức là thiện căn, phước đức chẳng đủ, nghiệp chướng sâu nặng, hãy nên suy sâu nghĩ chín. Hai đoạn kinh văn tiếp theo đây nói rõ vãng sanh như thế nào, được vãng sanh hay không hết sức quan trọng, mong hãy đặc biệt chú ý.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.

**(經) 又舍利弗。極樂國土。眾生
者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補
處。其數甚多。非是算數所能知之。但
可以無量無邊阿僧祇說。**

*(Giải: Nay Xá Lợi Phát! Chúng sanh
sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt
Trí, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ
Xứ, chẳng thể tính toán để biết được số
lượng, chỉ có thể nói là vô lượng, vô biên,
A-tăng-kỳ).*

Nhân dân từ mười phương thế giới hễ
sanh về Tây Phương liền chứng trọn vẹn
ba thứ Bất Thoái. Trong các kinh luận đã
nói: Tu đến bậc Thập Địa Pháp Vân Địa
Bồ Tát thì mới có thể chứng trọn vẹn ba
thứ Bất Thoái. Trong số ấy lại có nhiều vị
là Nhất Sanh Bồ Xứ, Nhất Sanh Bồ Xứ

chính là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong thế giới Sa Bà chỉ có mình Di Lạc Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ, đang ở trong nội viện của trời Đâu Suất, đợi đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau sẽ giáng thế thành Phật. Tại Tây Phương thế giới, hậu bồ Phật (Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát) vô lượng vô biên, trong mười phương thế giới nếu có vị Phật nào nhập diệt, liền qua đó điền vào chỗ khuyết. Tây Phương thế giới giống như nơi huấn luyện Phật để chờ bổ nhiệm.

(Giải) A Bệ Bạt Trí, thử vân Bất Thoái, nhất Vị Bất Thoái, nhập thánh lưu, bất đọa phàm địa. Nhị Hạnh Bất Thoái, hàng độ sanh, bất đọa Nhị Thừa địa. Tam Niệm Bất Thoái, tâm tâm lưu nhập Tát Bà Nhã hải. Nhược ước thử độ, Tạng Sơ Quả, Thông Kiến Địa, Biệt Sơ Trụ, Viên Sơ Tín, danh Vị Bất Thoái.

Thông Bồ Tát, Biệt Thập Hương, Viên Thập Tín, danh Hạnh Bất Thoái. Biệt Sơ Địa, Viên Sơ Trụ, danh Niệm Bất Thoái. Kim Tịnh Độ, Ngũ Nghịch, Thập Ác, thập niệm thành tựu. Đối nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ Phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái.

(解) 阿鞞跋致。此云不退。一位不退。入聖流。不墮凡地。二行不退。恆度生。不墮二乘地。三念不退。心心流入薩婆若海。若約此土。藏初果。通見地。別初住。圓初信。名位不退。通菩薩。別十向。圓十信。名行不退。別初地。圓初住。名念不退。今淨土。五逆十惡。十念成

就。帶業往生。居下下品者。皆得三不退。

(Giải: A Bệ Bạt Trí, cõi này dịch là Bất Thoái:

1. Vị Bất Thoái: Nhập dòng thánh, chẳng đọa vào địa vị phàm phu.

2. Hạnh Bất Thoái: Luôn độ sanh, chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa.

3. Niệm Bất Thoái: Tâm tâm lưu nhập biển Nhất Thiết Trí.

Nếu dựa theo cõi này [để luận định] thì [các địa vị như] Sơ Quả trong Tạng Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo, Sơ Trụ trong Biệt Giáo và Sơ Tín trong Viên Giáo gọi là Vị Bất Thoái. Bạc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hương trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái. Bạc Sơ Địa trong Biệt Giáo, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo thì gọi

là Niệm Bất Thoái. Nay Tịnh Độ thì kể Ngũ Nghịch, Thập Ác, mười niệm thành tựu vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm đều đắc ba thứ Bất Thoái).

A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, có nghĩa là Bất Thoái (không lui sụt). Ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, đã được giải thích cặn kẽ trong đoạn Huyền Nghĩa ở phần trước. Nếu nói theo thế giới Sa Bà thì bậc Sơ Quả trong Tạng Giáo, bậc Kiến Địa trong Thông Giáo (bằng với quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn) trong Thanh Văn Thừa), bậc Sơ Trụ trong Biệt Giáo, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo, bốn giáo tu hành đạt đến địa vị này thì gọi là Vị Bất Thoái, nhưng các địa vị này chỉ ngang nhau trên phương diện đoạn Hoặc, chứ trí huệ khác nhau. Sơ Quả của Tạng Giáo chẳng thể sánh bằng Kiến Địa trong

Thông Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo chẳng bằng Sơ Trụ trong Biệt Giáo, Sơ Trụ trong Biệt Giáo chẳng bằng Sơ Tín trong Viên Giáo. Trí huệ, công đức khác nhau!

Bậc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hồi Hướng Bồ Tát trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái (trong Hạnh Bất Thoái không có Tạng Giáo). Sơ Địa của Biệt Giáo và Sơ Trụ của Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, gọi là Niệm Bất Thoái (trong Niệm Bất Thoái không có Tạng Giáo và Thông Giáo). Đây cũng chỉ là dựa theo sự đoạn Hoặc để nói thì hai địa vị này bình đẳng, nhưng trí huệ, công đức hoàn toàn khác nhau. Bậc Sơ Trụ của Viên Giáo vượt trội Sơ Địa của Biệt Giáo rất nhiều.

“*Ngũ Nghịch, Thập Ác*” tạo tội cực nặng. Trong hết thủy kinh, đức Phật nói kể

ấy ắt đọa địa ngục ngay trong một đời. Ngũ Nghịch (Pañcānantarya) là:

1) Làm thân Phật chảy máu. Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) ôm lòng hại Phật. Từ trên đỉnh núi xô một tảng đá to xuống đè Phật, thân hộ pháp từ trên không trung đỡ lấy, nhưng mảnh đá văng trúng chân Phật chảy máu. Nếu hại Phật sẽ kết tội với hết thầy chúng sanh. Phật là bậc đạo sư của ba cõi, [hại Phật] khiến cho cơ duyên nghe pháp đặc độ hết thầy chúng sanh bị đứt đoạn, tội lỗi ngập trời.

2) Giết A La Hán: La Hán là bậc đắc đạo, giáo hóa một phương. Nếu hại La Hán chính là đoạn huệ mạng của rất nhiều người. Bậc thiện tri thức thật sự sẽ có ảnh hưởng đến ngàn năm vạn đời. Như Không lão phu tử lúc tại thế chẳng nổi danh, chẳng làm quan lớn, là một người tầm thường bất đắc chí, bất đắc dĩ phải quay về nhà dốc lòng dạy học, những người

tuân theo giáo huấn của Ngài nhất định được phước. Cái học do Ngài truyền lại chính là phước báo trời người mà công đức còn chẳng thể nghĩ bàn, huống chi giáo hóa của Phật là công đức lợi ích khôn sánh trong thế gian lẫn xuất thế gian.

3) Giết cha.

4) Giết mẹ. Cha mẹ có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Giết hại cha mẹ thuộc về Tánh Tội, tự nhiên đọa trong địa ngục Vô Gián (Avīci Nairaka). Kinh Địa Tạng đã giảng [về địa ngục Vô Gián] rất tường tận.

5) Phá hòa hợp Tăng: Tăng đoàn là nơi bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cho nhà Phật. Nếu phá hoại Tăng đoàn thì cũng là tội lỗi đọa địa ngục Vô Gián. Chư Phật xuất thế cũng chẳng cứu được. Thời gian trong địa ngục Vô Gián cũng là vô lượng kiếp.

Thập Ác (Daśākuśala) là thân: Giết, trộm, dâm; miệng: Nói dối, nói đôi chiều,

ác khẩu, nói thêu dệt; ý: Tham, sân, si. Người tạo Thập Ác tùy theo dụng tâm như thế nào mà chia thành ba phẩm Thượng, Trung, Hạ, cũng đều đủ tư cách vào địa ngục! Nếu nay những người tội ác như vậy đều có thể mười niệm thành tựu thì Hạ Hạ Phẩm đời nghiệp vãng sanh cũng chúng ba thứ Bất Thoái, điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Giải) Nhiên cứ giáo đạo, nhược thị phàm phu, tác phi Sơ Quả đẳng. Nhược thị Nhị Thừa, tác phi Bồ Tát đẳng. Nhược thị Dị Sanh, tác phi Đồng Sanh Tánh đẳng. Hựu, Niệm Bất Thoái, phi phục Dị Sanh. Hạnh Bất Thoái, phi cần kiến đạo. Vị Bất Thoái, phi thị nhân dân. Lạp đẳng tác thành đại vọng, tấn bộ tác xả cố xưng. Duy Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị. Thập phương Phật độ, vô thử danh tướng, vô

*thử giai vị, vô thử pháp môn. Phi tâm
tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân, Di
Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử? Nhất
Sanh Bồ Xứ giả, chỉ nhất sanh bồ Phật
vị, như Di Lạc, Quán Âm đẳng. Cực Lạc
nhân dân, phổ giai nhất sanh thành
Phật. Nhân nhân tất thật chứng Bồ Xứ.
Cổ kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng
thiện, bất khả số tri dã. Phục thứ, Thích
Ca nhất đại thời giáo, duy Hoa Nghiêm
minh nhất sanh viên mãn, nhi nhất sanh
viên mãn chi nhân, tắc mặt hậu Phổ
Hiền Hạnh Nguyện Phẩm trung, thập
đại nguyện vương, đạo quy An Dưỡng.
Thả dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải
chúng. Ta hồ! Phạm phu lệ đấng Bồ Xứ,
kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ. Hoa
Nghiêm sở bảm, khước tại thử kinh, nhi
thiên hạ cổ kim, tín miếu, nghi đa, từ
phần, nghĩa thực, dư duy hữu phâu tâm
lịch huyết nhi dĩ!*

(解) 然據教道。若是凡夫。則非初果等。若是二乘。則非菩薩等。若是異生。則非同生性等。又。念不退。非復異生。行不退。非僅見道。位不退。非是人民。臘等則成大妄。進步則捨故稱。唯極樂同居。一切俱非。一切俱是。十方佛土。無此名相。無此階位。無此法門。非心性之極致。持名之奇勳。彌陀之大願。何以有此。一生補處者。只一生補佛位。如彌勒觀音等。極樂人民。普皆一生成佛。人人必實證補處。故其中多有此等上善。不可數知也。復次。釋迦一代時教。唯華嚴明一

生圓滿。而一生圓滿之因。則末後普賢
行願品中。十大願王。導歸安養。且以
此勸進華藏海眾。嗟乎。凡夫例登補
處。奇倡極談。不可測度。華嚴所稟。
卻在此經。而天下古今。信渺疑多。辭
繁義蝕。余唯有剖心瀝血而已。

(Giải: Nhưng căn cứ theo đạo lý [thông thường] trong hết thấy kinh điển thì nếu là phàm phu, sẽ chẳng giống với bậc Sơ Quả. Nếu là Nhị Thừa, sẽ chẳng phải là bậc Bồ Tát. Nếu là Di Sanh Tánh (địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo) sẽ chẳng giống với bậc Đồng Sanh Tánh (Sơ Trụ trong Viên Giáo). Lại nữa, Niệm Bất Thoái chẳng còn là Di Sanh, Hạnh Bất Thoái thì chẳng phải chỉ mới thấy đạo, Vị Bất Thoái thì chẳng phải là nhân dân. [Trong giáo

pháp thông thường] nếu thuộc địa vị dưới mà nói lán lên bậc trên sẽ trở thành đại vọng ngữ, phải vượt lên địa vị mới thì mới bỏ danh xưng cũ. Chỉ có trong cõi Đông Cư của Cực Lạc, hết thấy đều chẳng phải, mà hết thấy cũng đều phải. Các cõi Phật trong mười phương đều chẳng có danh tướng này, không có địa vị này, không có pháp môn này. Nếu không phải là do tâm tánh đạt đến tột bậc, công hun đúc kỳ diệu của pháp trì danh, và Di Đà đại nguyện thì làm sao đạt được như thế này? Nhất Sanh Bồ Xứ là chỉ một đời sẽ được bỏ đi làm Phật, giống như Di Lạc, Quán Âm v.v... Trọn khắp nhân dân trong cõi Cực Lạc đều là bậc thành Phật trong một đời, ai nấy đều thật sự chứng được địa vị Bồ Xứ. Vì thế trong ấy có nhiều bậc thượng thiện như thế, chẳng thể tính biết được!

Hơn nữa, trong những giáo pháp của cả đời Phật Thích Ca, chỉ mình kinh Hoa

Nghiêm nói đến sự viên mãn trong một đời, nhưng cái nhân viên mãn trong một đời nằm trong phẩm cuối cùng là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, mười đại nguyện vương dẫn về An Dưỡng. Lại còn dùng điều này để khuyên lơn, sách tấn Hoa Tạng hải chúng.

Than ôi! Phàm phu mà được dự vào bậc Bồ Xứ là một sự khởi xướng bàn luận lạ lùng, cao tốt, chẳng thể suy lường được. Điểm đặc thù của kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn nằm trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kẻ nghi ngờ đông nhiều. Càng nói lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ có cách mổ tim vấy máu mà [nêu bày cho rõ nghĩa này] mà thôi!)

“Giáo” là kinh điển, hết thấy kinh điển do đức Phật đã nói. “Đạo” là đạo lý. [Nếu căn cứ theo đạo lý thông thường trong hết thấy kinh điển do đức Phật đã nói thì] nếu

là phàm phu, sẽ trọn chẳng phải là thánh nhân. Nếu là Thanh Văn, Duyên Giác, quyết định chẳng phải là Bồ Tát. [Trong các giáo pháp thông thường], tầng cấp phân định rất rõ rệt.

“*Nhược thị Di Sanh, tắc phi Đồng Sanh Tánh đấng*” (Nếu là Di Sanh Tánh thì chẳng phải giống với bậc Đồng Sanh Tánh): Di Sanh chính là địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo, còn Đồng Sanh chính là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Đồng và Biệt (Di) là nói về chân tâm bản tánh. Người minh tâm kiến tánh dùng cùng một cái tâm với Phật, tức là dùng chân tâm, thì gọi là “*Đồng Sanh Tánh*”. Chưa thấy tánh thì dùng thức tâm, khác với Phật, nên gọi là “*Di Sanh Tánh*”. Đây chính là chỗ khác biệt giữa Đồng Sanh Tánh và Di Sanh Tánh. Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo dùng thức tâm, còn Sơ Địa trong Biệt Giáo dùng chân tâm. Người tạo

tác Ngũ Nghịch, Thập Ác sanh về Tây Phương liền chứng ba thứ Bất Thoái, mà ba thứ Bất Thoái chính là Đồng Sanh Tánh, so với Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát vượt trội quá nhiều. Nếu nói theo đạo lý [thông thường] thì chẳng thông, vì Niệm Bất Thoái chẳng còn là Dị Sanh Tánh; Niệm Bất Thoái là Sơ Trụ trong Viên Giáo, là Sơ Địa trong Biệt Giáo, là Đồng Sanh Tánh, trọn chẳng phải là Dị Sanh Tánh.

“*Hạnh Bất Thoái, phi cần kiến đạo, Vị Bất Thoái, phi thị nhân dân*” (Hạnh Bất Thoái chẳng phải chỉ thấy đạo, Vị Bất Thoái chẳng phải là nhân dân): Một câu này mọi người đều hiểu được.

“*Lạp đẳng tắc thành đại vọng*” (Hễ ở địa vị dưới mà nói lấn lên địa bên trên sẽ trở thành đại vọng ngữ): Nói lố hơn địa vị [thật sự chứng đắc] thì trong nhà Phật gọi là “đại vọng ngữ”. “*Tán bộ tắc xả cố*

xưng” (Hễ đạt lên địa vị cao hơn thì mới bỏ danh xưng cũ): Nếu đoạn được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì là Sơ Trụ Bồ Tát, chẳng còn là Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín nữa. Lại giống như học sinh trung học thi đậu đại học, liền gọi là sinh viên đại học; chứng được Sơ Quả tức là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Chứng được Hạnh Bất Thoái thì chính là Bồ Tát, chẳng phải Nhị Thừa.

“*Duy Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị*” (Chỉ có cõi Đồng Cư của Cực Lạc là hết thấy đều chẳng phải, hết thấy đều là): Những điều vừa nói trong đoạn trước là những chuyện bình thường, nhưng áp dụng vào thế giới Cực Lạc sẽ chẳng thể nói cho xuôi được. Phiền não chưa đoạn, vốn là phàm phu, hễ sanh về Tây Phương liền là bậc Pháp Thân đại sĩ đầy đủ ba thứ Bất Thoái, như

vậy rốt cuộc là phàm phu hay là Pháp Thân đại sĩ? Nói người ấy là Pháp Thân đại sĩ thì người ấy chưa đoạn phiền não! Nói người ấy là phàm phu thì người ấy đã chứng ba thứ Bất Thoái. Do vậy nói “*câu phi*” (đều chẳng phải) mà cũng “*câu thị*” (đều là). Trong mười phương cõi nước không có hiện tượng này, mà cũng không địa vị giống như vậy. Nếu chẳng phải là do tâm tánh đến mức cùng cực, do vận dụng chân tâm bản tánh đã đạt đến cực điểm, tức là thấu đạt tâm tánh của cái tâm năng niệm đến mức cực điểm, chẳng phải là chuyện tầm thường! Do sự un đúc kỳ diệu của trì danh, lại thêm oai thần và bản nguyện của Phật Di Đà gia trì, cho nên mới có hiện tượng đặc biệt thù thắng này: Một phàm tội nghiệp chưa tiêu mà sau khi sanh về Tây Phương sẽ có địa vị bình đẳng với hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên

Giáo và hàng Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo.

Mấy câu nói trên đây đã giảng thấu triệt như vậy, chẳng lạ gì Ân Quang đại sư khen ngợi bộ Yếu Giải này như sau: “*Nếu cổ Phật tái lai để soạn chú giải cho kinh Di Đà thì cũng chẳng thể nào viết hay hơn được*”. Người ta coi rẻ pháp môn Niệm Phật là vì những điều được dạy [trong pháp môn này] quá huyền, quá diệu, khiến cho người ta khó lòng tin tưởng được! Nhưng khi đức Phật giảng kinh này, đã đặc biệt hướng về vị đại diện cho những người đương cơ là ngài Xá Lợi Phất để giảng giải toàn bộ kinh. Trong mười vị đại đệ tử, ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất. Đủ thấy cần phải có trí huệ rất cao thì mới có thể tiếp nhận pháp môn này. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện vãng sanh. Trong các đại Bồ Tát, Văn Thù là trí huệ bậc nhất, Phổ Hiền là

đức hạnh bậc nhất. Trong hội Vô Lượng Thọ, các vị đại Bồ Tát đều cùng tuân tu đức hạnh của Phổ Hiền đại sĩ, cho thấy pháp môn này cần phải là người trí huệ lẫn đức năng đều khá thì mới có tư cách tiếp nhận, đủ chứng tỏ bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp môn này được!

Ở đây, [Ngẫu Ích đại sư] cũng giải đáp cho chúng ta một câu hỏi trọng yếu. Trong bản dịch kinh Di Đà của La Thập đại sư có một câu kinh văn là “*nhất tâm bất loạn*”. Bản dịch của ngài Huyền Trang là trực dịch (dịch sát theo nguyên văn, không dịch ý), theo nguyên văn trong bản tiếng Phạn chẳng phải là “*nhất tâm bất loạn*”. Đối với nhất tâm bất loạn, người đời sau nêu ra rất nhiều ý kiến. Sự nhất tâm là đoạn Kiến Tư phiền não, là cảnh giới của A La Hán. Lý nhất tâm là cảnh giới của Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong

Biệt Giáo, là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ. Đọc đến đoạn chú giải này, đối với câu dịch “*nhất tâm bất loạn*” của La Thập đại sư chẳng còn nghi hoặc nữa. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng ba thứ Bất Thoái, ba thứ Bất Thoái là Lý nhất tâm bất loạn. Vì sao vậy? Chẳng biết! Ngẫu Ích đại sư bảo chúng ta: Đây là vì “*do tâm tánh thấu đạt đến mức cùng cực, công huân kỳ diệu của sự trì danh, và đại nguyện của Di Đà*” gia trì nên mới thành ra như vậy.

“*Nhất Sanh Bồ Xứ*” tức là về sau sẽ được bổ nhiệm làm Phật, thành tựu của vị ấy hoàn toàn giống như Phật, chỉ là chưa ở địa vị Phật. Ngài Di Lạc là Bồ Xứ Bồ Tát trong thế giới này. Quán Thế Âm Bồ Tát là Bồ Xứ Bồ Tát trong thế giới Tây Phương. Nhân dân cõi Cực Lạc đều là một đời thành Phật, ai nấy đều thật sự chứng

địa vị Bồ Xứ. Sanh về Tây Phương thế giới phải mất thời gian bao lâu mới chứng được địa vị Bồ Xứ Bồ Tát? A Di Đà Phật thành Phật đến nay chỉ mới mười kiếp, trong kinh ghi “*kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ*” (trong ấy có nhiều vị Nhất Sanh Bồ Xứ). Do có chữ “*nhiều*” chứng tỏ con số Bồ Xứ Bồ Tát trong mười kiếp đã hơn một nửa. Dựa theo điều này để suy luận, người vãng sanh từ một đến sáu kiếp đều đã tiến đến địa vị Bồ Xứ Bồ Tát. Tính ra thời hạn họ tu hành chẳng hơn năm sáu kiếp mà thôi! Nếu so sánh với thời gian ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong thế giới Sa Bà, dường như không có cách nào so sánh được.

“*Thích Ca nhất đại thời giáo*” (Giáo pháp trong suốt một đời Phật Thích Ca), ở đây nói tới Phật Thích Ca nhằm tượng trưng cho các cõi Phật ngoài thế giới Tây Phương, tình trạng trong các cõi ấy đại

khái giống như thế giới Sa Bà. Ngoài ba kinh Tịnh Độ ra, trong hết thảy các kinh thì chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm nói tới chuyện một người trong một đời tu hành viên mãn thành Phật. Thiện Tài tham học năm mươi ba lần, địa vị của Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Mỗi lần tham phỏng một vị, địa vị của Thiện Tài lại nâng cao hơn một tầng. Trong năm mươi ba địa vị thì có mười một vị là Đẳng Giác Bồ Tát. Khi tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát thì Thiện Tài đã viên mãn thành Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, khi Thiện Tài tham phỏng phu nhân Ma Da thì Ngài đã là Đẳng Giác Bồ Tát, từ phu nhân Ma Da đến ngài Di Lặc là mười vị thiện tri thức, Ngài đã dự vào địa vị Đẳng Giác từ lâu. Di Lặc Bồ Tát giới thiệu Thiện Tài đến tham học với Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát dạy Thiện Tài niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến thế

giới Cực Lạc để viên thành Phật đạo. Đối với chuyện này, chúng ta phải chú tâm suy nghĩ, đức Phổ Hiền không chỉ khuyên mình Thiện Tài mà còn khuyên khắp đại chúng trong hải hội Hoa Tạng gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, toàn thể đều cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Đạo sư của thế giới Hoa Tạng là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Văn Thù và Phổ Hiền là trợ thủ chánh yếu của Tỳ Lô Giá Na Phật. Nay ngài Văn Thù phát nguyện cầu vãng sanh, ngài Phổ Hiền khuyên khắp đại chúng trong hải hội; hai vị đại đệ tử hoàn toàn chẳng phản bội thầy, mà thầy cũng chẳng quả trách bọn họ. Chúng ta hãy suy nghĩ chuyện này nhiều lượt thì mới thật sự tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, và cũng mới có thể thật sự phát tâm đạt đến chỗ cùng cực của tâm tánh. Đối với những thành quả của người [vãng sanh] ấy, các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới chẳng thể

thấu hiểu, vì sao kẻ chưa đoạn phiền não, tội nghiệp cực nặng, niệm mấy câu Phật hiệu lại có thể sanh về Tây Phương, trí huệ, đức năng liền giống hết bậc Đẳng Giác Bồ Tát? Họ thật sự chẳng biết đức năng của người ấy đã được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, làm tăng thượng duyên.

Tôi vừa mới nói tới chuyện so sánh giữa kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác vãng sanh và bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Ở chỗ này, đại sư nói kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác sau khi sanh về Tây Phương, hết thấy sự thụ dụng giống như hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Đại sư nói chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể dùng trí huệ của chính mình để hiểu rõ điều này. “*Phàm phu lệ đẵng Bồ Xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ*” (Phàm phu mà được xếp vào hàng Bồ Xứ, sự khởi xướng, đàm luận lạ lùng, tốt bậc ấy chẳng thể nào suy lường

được). Tông chỉ “*một đời thành Phật*” được nói trong kinh Hoa Nghiêm đã hoàn toàn nằm trong kinh này. Do vậy, kinh này chính là quy túc và tổng kết của kinh Hoa Nghiêm. Thiên hạ xưa nay kẻ tin tưởng ít ỏi, người hoài nghi đông đảo, dùng ngôn ngữ, văn từ thảo luận Tịnh Tông rất nhiều, càng nhiều càng chẳng hiểu rõ! Trong những trước thuật của bậc đại đức hữu tu hữu chứng càng có nhiều lời hoài nghi Tịnh Tông. Chẳng hạn như bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận của Lý Trường Giả là một thí dụ. Kinh Hoa Nghiêm từ cổ đến nay chỉ có hai bản chú giải, một là bản của Thanh Lương đại sư, hai là bản của Lý Trường Giả. Lý Trường Giả sống trước thời Thanh Lương đại sư¹³⁹. Ngài

¹³⁹ Lý Trường Giả chính là Lý Thông Huyền (635-730), người xứ Thương Châu (tỉnh Hà Bắc), là một nhà Nho tinh thông Phật học. Năm Khai Nguyên thứ 7 (719), ông ẩn cư tại Phương Sơn, huyện Thọ Dương, phủ Thái Nguyên để nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm, chỉ ăn trái táo hoặc lá tùng để sống qua ngày, nên được người đời gọi là Táo Bá đại sĩ. Ông để lại khá nhiều tác phẩm chú giải hoặc luận định kinh Hoa Nghiêm như Hoa Nghiêm Kinh Luận, Hoa Nghiêm Kinh Hội Thích Luận, Lược Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận, Giải Mê Hiền Trí

muốn soạn chú giải cho kinh Hoa Nghiêm
bền tính kiếm một nơi thanh tịnh. Khi lên
núi, Ngài gặp một con cọp, Ngài cầm gậy
gõ vào

đầu cọp, bảo nó: “Ta muốn tìm một nơi
thanh tịnh để viết chú giải cho kinh Hoa
Nghiêm, người có biết chỗ nào hay
không?” Cọp vẫy đuôi dẫn Ngài đi theo,
đi đến một hang núi, vốn là hang cọp. Cọp
dọn nhà, nhường chỗ ấy cho Ngài chú giải
kinh. Một hôm, chợt có hai cô gái từ bờ ao
bước tới hầu hạ cơm nước cho Ngài. Hai

Thành Bi Thập Minh Luận, Thập Môn Huyền Nghĩa Bài Khoa Thích Lược, Nhân
Mục Luận v.v... Về sau, Tống Huy Tông truy tặng tôn hiệu Hiền Giáo Diệu Nghiêm
Trưởng Giả nên từ đó, ông thường được gọi là Lý Trưởng Giả.

Thanh Lương đại sư (737-838) húy Trùng Quán, họ Hạ Hầu, tự Đại Hưu, người xứ
Sơn Âm, Việt Châu (nay thuộc phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang), là tổ thứ tư của
tông Hoa Nghiêm. Sư xuất gia năm mười một tuổi với ngài Bái Thiên Sư chùa Bảo
Lâm tại Việt Châu. Ngài khởi sự biên soạn bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ từ tháng Giêng
năm Hưng Nguyên nguyên niên (784) đến tháng Chạp năm Trinh Nguyên thứ ba
(787) mới hoàn thành. Tác phẩm này về sau được các môn đệ như Tăng Duệ v.v...
viết thêm lời sao, trở thành bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tỳ Sớ
Diễn Nghĩa Sao. Ngài là một trong các vị cao đức đương thời tham gia dịch bộ Tứ
Thập Hoa Nghiêm tại chùa Thảo Đường, Chung Nam sơn, và được triều đình thỉnh
giảng kinh này nhiều lượt. Ngài cũng tham gia dịch trường để phiên dịch bộ Thủ Hộ
Quốc Giới Chủ Đà La Ni Kinh, làm quốc sư suốt các đời Đường Đức Tông, Thuận
Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông, Văn Tông. Đệ tử đặc ý của Ngài là các vị
Tông Mật, Tăng Duệ, Pháp Ấn, Tịch Quang.

năm sau, chú giải sắp xong, Ngài nghĩ hai cô gái này hầu hạ rất lâu mà cũng chẳng biết tên họ, vừa dấy lên ý nghĩ ấy thì hai cô gái đã không biết đi đâu mất. Đây chính là chư thiên cúng dường. Trong bộ Hợp Luận, Lý Trưởng Giả nói cõi Tây Phương là quyền biến, còn Hoa Tạng mới là thật, Hoa Tạng lớn, Tây Phương nhỏ. Lý Trưởng Giả đạo đức tu trì như vậy mà còn có thiên kiến như thế đối với Tây Phương Tịnh Độ, huống gì những người khác! Ngẫu Ích đại sư nói: “*Lời nhiều, nghĩa hao*” chính là nói về Lý Trưởng Giả vậy!

(Kinh) Xá Lợi Phát! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.

**(經) 舍利弗。眾生聞者。應當發願。
願生彼國。所以者何。得與如是諸上善
人。俱會一處。**

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy. Vì có sao thế? Được cùng các vị thượng thiện nhân như thế cùng tụ hội một chỗ).

Đức Thế Tôn kêu ngài Xá Lợi Phất, mà cũng là gọi chúng ta, khuyên dạy chúng ta “*hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy*”. Hoa Nghiêm là pháp môn căn bản của các giáo pháp trong suốt một đời đức Phật. Hết thấy các kinh đều là quyền thuộc của Hoa Nghiêm, chỗ quy túc của pháp môn căn bản là Tây Phương Cực Lạc thế giới nhưng mọi người chẳng thể tin tưởng, nói chung là vì thiện căn còn

chưa chín muối. Ngẫu Ích đại sư rất miệng buốt lòng chỉ bày cho chúng ta, giải đáp từng tầng nghi nan một. Sau khi đã hiểu rõ, hãy nên phát nguyện vãng sanh thì mới chẳng cô phụ nỗi khổ tâm của đại sư. Ở đây, đức Phật lại khuyên lơn chúng ta cầu sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ thù thắng ở chỗ “*các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ*”. Trong thế gian, bạn lành ít ỏi, bạn ác đông đúc; những ai cố vũ, khích lệ chúng ta buông xuống vạn duyên, chuyên tu pháp môn này thì là bạn lành. Nếu khuyên chúng ta: “Kinh Hoa Nghiêm rất hay, phải đọc cho nhiều. Kinh Pháp Hoa cũng chẳng thể không đọc”, đây chẳng phải là thiện hữu. Nói như vậy khiến cho ta phân tâm và xen tạp. Dầu nỗ lực thì cũng là tạp tấn, chẳng phải là tinh tấn. Một đời người đọc một bộ kinh là đủ rồi. Không chỉ buông xuống thế duyên (duyên trong cõi đời) mà Phật pháp cũng phải

buông xuống. Người có thể làm được như vậy thì không một ai chẳng vãng sanh.

(Giải) Tiên La Hán, Bồ Tát, đản khả vân “thiện nhân”, duy Bồ Xứ cư nhân vị chi cực, cố vân “thượng”. Kỳ số thậm đa, cố vân “chư”. “Câu hội nhất xứ”, do ngôn Phạm Thánh Đồng Cư, tâm thường do thật thánh quá khứ hữu lậu nghiệp, quyền thánh đại từ bi nguyện, cố phạm phu đắc dĩ thánh nhân đồng cư. Chí thật thánh hôi thân, quyền thánh cơ tận, tiện thẳng trầm thạc dị, khổ lạc huyền thù. Nãi tạm đồng, phi cứu cánh đồng dã. Hựu, thiên nhượng chi gian, kiến văn giả thiếu, hạnh hoạch kiến văn, thân cận bộ xu giả thiếu. Hựu, Phật thế thánh nhân tưng đa, như trân, như thụ, bất năng biến mãn quốc độ, như chúng tinh, vi trần. Hựu, cư tuy đồng, nhi sở tác, sở biện, tác huýnh bất đồng. Kim

đồng dĩ vô lậu bất tư nghị nghiệp, cảm sanh câu hội nhất xứ, vi sư hữu, như huân, như trì, đồng tận vô minh, đồng đăng Diệu Giác. Thị tắc hạ phàm chúng sanh u Niệm Bất Thoái trung, siêu tận tứ thập nhất nhân vị. Nhược vị thị phàm phu, khước bất lịch Di Sanh, tất bổ Phật chức, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt. Nhược vị thị Nhất Sanh Bồ Xứ, khước khả danh phàm phu, bất khả danh Đăng Giác Bồ Tát. Thử giai giáo vãng sở bất năng thâm, sát vãng sở bất năng lệ.

(解) 前羅漢菩薩。但可云善人。唯補處居因位之極。故云上。其數甚多。故云諸。俱會一處。猶言凡聖同居。尋常由實聖過去有漏業。權聖大慈悲願。故凡夫得與聖人同居。至實聖灰身。權聖機盡。便升沉碩異。苦樂懸殊。乃暫

同。非究竟同也。又。天壤之間。見聞者少。幸獲見聞。親近步趨者少。又。佛世聖人縱多。如珍如瑞。不能遍滿國土。如眾星微塵。又。居雖同。而所作所辦。則迥不同。今同以無漏不思議業。感生俱會一處。為師友。如堦如筮。同盡無明。同登妙覺。是則下凡眾生。於念不退中。超盡四十一因位。若謂是凡夫。卻不歷異生。必補佛職。與觀音勢至無別。若謂是一生補處。卻可名凡夫。不可名等覺菩薩。此皆教網所不能收。剎網所不能例。

(Giải: La Hán, Bồ Tát được nói trong đoạn trước chỉ có thể gọi là “thiện nhân”,

riêng hàng Bồ Xứ là tột bậc trong địa vị tu nhân, nên gọi là “thượng”. Số lượng thật nhiều, nên gọi là “chư”. “Cùng tụ hội một chỗ”: Nếu nói về Phạm Thánh Đồng Cư thì thông thường, bậc thật thánh do có nghiệp hữu lậu trong quá khứ, bậc quyền thánh (thánh nhân thị hiện) do đại nguyện từ bi, nên phạm phu được ở chung một cõi với thánh nhân. Đến khi bậc thật thánh diệt thân và cơ duyên thị hiện của bậc quyền thánh đã hết, [thì phạm phu và thánh nhân] liền thặng trầm thật khác biệt, khổ sướng rất khác, nên chỉ là “tạm đồng” (ở chung với nhau tạm thời), chứ không phải là rốt ráo “đồng”. Hơn nữa, trong khoảng trời đất, ít ai thấy nghe [thánh nhân], những người may mắn được thấy, nghe, thân cận, theo học hỏi chỉ là số ít. Hơn nữa, khi Phật tại thế, thánh nhân dẫu đông, nhưng [vẫn là hiếm hoi] như đồ quý báu, như vật tốt lành,

chẳng thể trọn khắp cõi nước giống như các ngôi sao hay vi trần. Hơn nữa, tuy cùng sống [trong một quốc độ], nhưng việc làm, hành động hết sức khác biệt. Nay [trong cõi Cực Lạc] thì cùng do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn cảm vời mà cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau, giống như ống tiêu với ống sáo, cùng hết sạch vô minh, cùng đạt lên Diệu Giác. Do vậy, chúng sanh kém cõi, phàm phu, ở trong Niệm Bất Thoái, vượt trọn hết bốn mươi một địa vị tu nhân. Nếu bảo họ là phàm phu thì họ chẳng trải qua các địa vị Dị Sanh, mà dự ngay vào địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí. Nếu bảo họ là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi họ là phàm phu, chẳng thể gọi họ là Đẳng Giác Bồ Tát. Điều này chẳng thể gồm thâu trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào).

La Hán và Bồ Tát đều có thể gọi là “*thiện nhân*”, nhưng chỉ có Bồ Xứ Bồ Tát có thể gọi là “*thượng thiện*”. Số lượng Bồ Xứ Bồ Tát rất đông. Thế giới Sa Bà của chúng ta cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. “*Thật thánh*” là thánh nhân thật sự, nhưng vẫn còn nghiệp hữu lậu trong quá khứ chưa đoạn sạch, chẳng hạn như các vị La Hán, Bích Chi Phật, sau khi chứng Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên cõi trời hay trong nhân gian vì còn nghiệp hữu lậu chưa đoạn hết. Họ đã đoạn hết Kiến Hoặc, nhưng chưa hết Tư Hoặc, do vậy, cần phải tái sanh. “*Quyền thánh*” chính là các bậc quyền xảo phương tiện, đại quyền thị hiện, như các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng, đã thành Phật từ trong nhiều kiếp lâu xa về trước, thị hiện trong thế gian, sống chung với chúng ta. Như ngài Pháp Chiếu thấy đức Văn Thù, đức Văn Thù là đại quyền thị hiện. Tôn giả Ca Nặc Ca

được nhắc tới trong Thủy Sám cũng là một vị A La Hán, đạo tràng của Ngài ở Tứ Xuyên. Ngô Đạt quốc sư có duyên với Ngài nên gặp gỡ, nhưng duyên chỉ có một lần, không có lần thứ hai. Thánh nhân tuy nhiều, nhưng giống như của báu, như điềm lành¹⁴⁰, chẳng thể trọn khắp cõi nước. Tây Phương khác hẳn, hằng ngày có thể gặp mặt các vị Bồ Tát. Lúc Phật tại thế, Thường Tùy Chúng có đến một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, các vị Bồ Tát chẳng thể đếm nổi. Lấy đại thành Xá Vệ làm thí dụ, có mười vạn người, đức Phật giảng kinh trong thành ấy nhiều năm, nhưng người đích thân nghe đức Phật giảng kinh cũng được một phần ba, những người biết có Phật, nhưng chưa từng thấy Phật cũng chiếm một phần ba, một phần

¹⁴⁰ Nguyên văn là “thụy” (瑞). Theo nghĩa gốc, Thụy là một loại ngọc dùng để làm tín, hoặc một loại ngọc khắc thành vật trang trí để chư hầu cầm trong tay nhằm biểu thị quyền uy, tượng trưng cho những điều tốt lành.

ba còn lại chẳng biết Phật là ai! Tuy cùng sống một chỗ, nhưng việc làm, hành vi khác nhau. Việc làm của thánh nhân là cầu sanh thế giới Cực Lạc, khuyên dạy hết thảy chúng sanh vãng sanh. Phàm phu lo toan những chuyện thuộc về tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, luân chuyển trong lục đạo.

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Tây Phương rất khác cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong mười phương thế giới. Đại sư nói: “*Kim đồng dĩ vô lậu bất tư nghị nghiệp, cảm sanh câu hội nhất xứ, vi sư hữu*” (Nay do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn mà cảm vời cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau). mấy chữ “*vô lậu bất tư nghị nghiệp*” rất quan trọng. Nếu nói về thánh nhân thì không có vấn đề gì, nếu nói về kẻ phàm phu kém hèn vãng sanh thì sợ rằng họ chẳng thể gánh vác được, dường như đáng nghi, nhưng trong

kinh lại dạy: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên)! Đủ thấy phàm là người vãng sanh đều là người trọn đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trong [phần chú giải] chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư đã khai thị rất minh bạch: Nếu kẻ nào chẳng phải là lắm thiện căn, nhiều phước đức thì có giảng cho hắn [nghe pháp môn Tịnh Độ], hắn cũng chẳng thể tin tưởng! Ai có thể tin tưởng là do thiện căn trong nhiều đời nhiều kiếp đã chín muồi; lại còn có thể phát nguyện cầu vãng sanh bèn là lắm phước đức. Trong lời chú giải ở đây, Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân*” (do tâm tánh thấu đạt đến cùng cực và công huân kỳ diệu của pháp trì danh), hai câu này hết sức có trọng lượng. Tâm tánh vô lượng vô

biên, niệm một tiếng Phật hiệu liền có vô lượng vô biên phước đức. Tin thật sự, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, chính là “*tâm tánh chi cực trí*” (thấu đạt tâm tánh đến mức cùng cực). Danh hiệu Di Đà cũng là đức hiệu của tự tánh, Tự và Tha chẳng hai. Chúng ta vận dụng tâm tánh đến mức cùng cực thì công đức của danh hiệu cũng biến thành cùng cực, nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn, lại còn được bốn nguyện, công đức của A Di Đà Phật làm tăng thượng duyên, nên mới có thể cùng các vị thượng thiện nhân cùng tụ hội một chỗ, làm thầy, làm bạn, cho nên công đức thành tựu nhanh chóng.

“*Như huân, như trì*”: Đây là chữ trong Kinh Thi, [Huân và Trì] là hai thứ nhạc khí thời cổ. Huân (壎) đọc giống như

Huyên (喧)¹⁴¹, Trì (箎) đọc giống như chữ Trì (池). Hai thứ âm thanh hòa hợp, hình dung anh em hòa thuận. Ý nói: Sanh về Tây Phương sẽ cùng với Đẳng Giác Bồ Tát giống như anh em một niềm thân ái, mọi người ở cùng một chỗ. Họ còn có một phần sanh tướng vô minh chưa đoạn, nhưng chúng ta cùng với họ sẽ đều hết vô minh, Kiến Tư, Trần Sa khởi cần phải nói đến nữa! Không chỉ là chúng ba thứ Bất Thoái mà còn là chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, ngang bằng bậc Đẳng Giác Bồ

¹⁴¹ Huân (壎) có âm Quan Thoại là Xūn hay Xuan, còn chữ Huyên có âm là Xuán, gần giống nhau. Huân là một thứ nhạc khí thường làm bằng đất nung, hình hơi giống quả trứng, một đầu nhọn, một đầu bằng. Đầu nhọn khoét lỗ để thổi, chung quanh khoét lỗ, thông thường là sáu lỗ, được chia thành hai loại: Loại có hình như trứng con phượng, gọi là Nhã Huân; loại giống hình trứng gà thì gọi là Tụng Huân. Huân đôi khi còn được gọi là Đào Dịch (ống sáo bằng đất nung) và chữ Huân (Đào Dịch) cũng thường được dùng để dịch tên loại kèn Ocarina của Tây Phương (tuy Ocarina đẹp và nhỏ hơn Huân).

Trì là loại sáo bằng trúc thổi ngang, khoét tám lỗ hoặc bảy lỗ (trong khi Tiêu là sáo thổi dọc). Hiện thời hầu như không ai sử dụng Trì, trừ những dàn nhạc tấu loại Nhã Nhạc thời Tùy - Đường mới dùng đến. Trì gần giống như ống Dịch (sáo ngang) hiện thời, điểm khác biệt là hai đầu của Trì bịt kín, trong khi Dịch để trống, Trì cũng ngắn hơn Dịch. Sách Nhĩ Nhã chép: “Trì dài một thước bốn tấc, to ba tấc, thổi ngang. Loại nhỏ chỉ dài hai tấc”.

Tát. “*Đồng đấng Diệu Giác*” (cùng lên địa vị Diệu Giác): Diệu Giác là quả vị Phật trong Viên Giáo.

Ngũ Nghịch, Thập Ác là hạng phàm phu kém cõi nhất, sanh về Tây Phương ở chung một chỗ với các vị thượng thiện nhân, vượt thoát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một phẩm vị, đủ thấy sau khi sanh về Tây Phương, chẳng cần phải trải qua ba hay bốn kiếp, rất nhanh chóng chứng ngay địa vị Bồ Xứ làm Phật, ta lại có thể suy ra rằng: Trong thế giới Tây Phương, Bồ Xứ Bồ Tát chiếm đại đa số. Phàm phu đời nghiệp vãng sanh trong một đời liền có đạt đến địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì các vị Quán Âm, Thế Chí. Kẻ mới vừa vãng sanh cõi Đồng Cư, Kiến Hoặc, Tư Hoặc chưa đoạn, Vô Minh chưa phá, vẫn còn mang thân phận phàm phu, chẳng phải là Đẳng Giác. Do vậy, Tây Phương

thể giới đúng là như trong phần trước đã nói: Hết thấy đều chẳng phải, hết thấy đều phải.

“*Thử giai giáo võng sở bất năng thâm, sát võng sở bất năng lệ*” (Điều này chẳng thể gồm thâm trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào): “*Giáo võng*” chính là kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, chưa hề nói đến chuyện này. Trong hết thấy các cõi Phật cũng chẳng có tình huống này. Đây chính là do tâm tánh đạt đến cùng cực, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, do bốn nguyện, oai thần của Phật Di Đà gia trì. Cõi Cực Lạc Đồng Cư trong pháp môn Tịnh Độ vượt trội hết thấy các cõi nước Phật, ngày nay may mắn gặp gỡ, chỉ cần chiếu theo phương pháp và lý luận trong kinh điển để tu học thì chẳng bao lâu sẽ là bậc đại thánh nhân trong cõi Phạm Thánh

Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Giải) Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát. Duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại. Liễu thử phương năng thâm tín Di Đà nguyện lực. Tín Phật lực, phương năng thâm tín danh hiệu công đức. Tín trì danh, phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dã. Cụ thử thâm tín, phương năng phát u đại nguyện. Văn trung “ưng đương” nhị tự, tức chỉ thâm tín. Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề. Hợp thử tín nguyện, đích vi Tịnh Độ chỉ nam. Do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh. Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệt quyết đắc sanh. Nhược vô tín nguyện, túng

trương danh hiệu trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp, như ngân tường, thiết bích tương tự, diệc vô đặc sanh chi lý. Tu tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã. Đại Bản A Di Đà Kinh, diệc dĩ “phát Bồ Đề nguyện” vi yếu, chánh dữ thử đồng.

(解) 當知吾人大事因緣。同居一關。最難透脫。唯極樂同居。超出十方同居之外。了此方能深信彌陀願力。信佛力。方能深信名號功德。信持名。方能深信吾人心性。本不可思議也。具此深信。方能發於大願。文中應當二字。即指深信。深信發願。即無上菩提。合此信願。的為淨土指南。由此而執持名號。乃為正行。若信願堅固。臨終十念

一念。亦決得生。若無信願。縱將名號持至風吹不入。雨打不溼。如銀牆鐵壁相似。亦無得生之理。修淨業者。不可不知也。大本阿彌陀經。亦以發菩提願為要。正與此同。

(Giải: Hãy nên biết đối với nhân duyên đại sự của chúng ta, một cửa ải Đông Cư khó thể vượt thoát nhất. Chỉ có cõi Đông Cư trong Cực Lạc vượt khỏi các cõi Đông Cư trong mười phương. Hiểu rõ điều này rồi thì mới có thể tin sâu vào nguyện lực của Phật Di Đà. Có tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa công đức của danh hiệu. Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn. Có lòng tin sâu xa như vậy rồi thì mới có thể phát ra đại nguyện. Hai chữ “hãy nên” trong kinh

văn chính là nói đến lòng tin sâu xa. Tin sâu, phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề. Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này, đích xác là kim chỉ nam cho pháp môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh. Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dầu trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tấp chẳng ướt giống như tường bạc vách sắt thì cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh! Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Đại Bản A Di Đà Kinh cũng coi “phát nguyện Bồ Đề” là trọng yếu, hoàn toàn giống như kinh này).

Trong kinh này, đức Phật nói rõ ràng: Thế giới Tây Phương thành tựu sự trang nghiêm thù thắng, thời gian không dài. Đoạn thứ nhất giới thiệu hoàn cảnh y báo,

gần giống như xây trường học trong một thời gian ngắn ngủi, xây dựng một khu trường đẹp đẽ tuyệt vời, các thiết bị hoàn chỉnh, không thiếu sót mảy may nào. Đoạn thứ hai nói về sự trang nghiêm nơi chánh báo, giới thiệu đạo sư A Di Đà Phật là vị thầy ưu tú nhất, Thanh Văn, Bồ Tát, Nhất Sanh Bồ Xứ là những học trò đạt thành tựu trong tu học. Quán sát hai đoạn kinh văn này, ta thấy các cõi Phật trong mười phương chẳng thể sánh bằng. Đem những chỗ tốt đẹp của thế giới Cực Lạc nói hết ra, chúng ta đã biết tình hình thực tế ấy, lẽ nào chẳng hâm mộ, hướng về. Trong đoạn này, kinh dạy cho chúng ta biết một đại sự nhân duyên, tức là đại sự sanh tử. Trong lục đạo, muốn liễu sanh tử, thoát tam giới thì chẳng phải là chuyện dễ dàng, đoạn phiền não khó lắm! Mê hoặc tạo nghiệp, chịu khổ, tạo thành luân hồi. Khi gánh chịu quả báo chẳng biết tự phản

tỉnh, càng thêm mê hoặc, càng mê sâu hơn, mỗi đời lại kém hơn đời trước. Cõi Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có lục đạo, khác hẳn cõi Đồng Cư trong mười phương thế giới. Thế giới Tây Phương là Nhất Chân pháp giới, cũng chẳng có mười pháp giới. Bốn cõi xếp theo hàng ngang, hễ sanh về một cõi sẽ sanh về hết thấy cõi, người vãng sanh mang theo nghiệp cũ, nhiều hay ít chẳng giống nhau. Người mang theo nghiệp ít sẽ ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm hoặc cõi Thường Tịch Quang. Mang theo nghiệp nhiều sẽ ở trong cõi Phương Tiện Hữu Dư hoặc cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Trên sự thật là Nhất Chân pháp giới, bất luận chúng sanh trong đường nào, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều bình đẳng với Đẳng Giác Bồ Tát. Bốn mươi tám nguyện và kinh Vô Lượng Thọ đều nói như thế. Nếu chẳng phải là Nhất Chân

pháp giới, sẽ hoàn toàn chẳng có tình hình này! Quán Kinh nói bốn cách niệm Phật là Thật Tướng, Quán Tướng, Quán Tượng và Trì Danh. Mười phương chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc, phần nhiều nhờ cách Trì Danh Niệm Phật. Bởi nó là pháp môn bậc nhất, dễ dàng nhất, đơn giản nhất, nhanh chóng nhất, ôn hòa thích đáng nhất, chí viên, chí đốn. Kinh Vô Lượng Thọ nói điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Lại xem phần ba bậc chín phẩm vãng sanh [trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ] và đọc các kinh điển Đại Thừa khác, những người hồi hướng vãng sanh đều là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Nguyên thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện là “*một bề chuyên niệm, mười niệm thành tựu*”, nguyện thứ mười chín là “*phát Bồ Đề tâm*”. Đủ thấy rằng [tông chỉ] “*phát*

Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm” dựa trên bốn nguyện của Phật Di Đà. Trong Quán Kinh, đức Phật gọi Bồ Đề tâm là “chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm”. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói Bồ Đề tâm là “trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”. Những danh tướng ấy rất nhiều, nhưng đều nói chưa rõ ràng lắm. Ở đây, Ngẫu Ích đại sư dạy cho chúng ta một định nghĩa đơn giản, trọng yếu nhất: ***“Tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm”***. Tất cả những tâm như chí thành tâm, thâm tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, đại bi tâm đều bao gồm trong một niệm, đại sư đã nói toạc ra. Bà cụ già chẳng biết chữ, chẳng biết thế nào là phát Bồ Đề tâm, nhưng bà cụ có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, đến cuối cùng, thân không bệnh khổ, ngồi vãng sanh. Do vậy, đại sư nói: ***“Hợp thử tín nguyện, đích vi***

Tịnh Độ chỉ nam. Do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh” (Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này đích xác là kim chỉ nam cho pháp môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh), hết sức trọng yếu!

“Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệc quyết vãng sanh” (Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được vãng sanh): Đại sư nói hết sức khẳng định, chính là nói: *“Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô”* (Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không).

Có tín và có nguyện sẽ tương ứng với nguyện lực của A Di Đà Phật, tương ứng với chân tâm bản tánh của chính mình. Dầu có cảm ứng cũng chớ nên hoan hỷ, chỉ dốc sức nơi tín nguyện trì danh là được rồi. Nếu công phu trì danh đến mức,

mà tín nguyện hoàn toàn chẳng chân thật, thiết tha thì cũng uổng phí công phu. Có người đối với chuyện thế gian không buông xuống được, con cái, thân quyến, của cải, sự nghiệp, chẳng bỏ thứ gì được, chỉ cần có một tí vướng mắc sẽ chẳng thể vãng sanh. Công phu chân chánh là thấy thấu suốt, rõ ràng hết thấy pháp trong thế gian, đây gọi là Đoạn Đức, ý chí hướng về Tây Phương hết sức mãnh liệt thì còn có gì mà chẳng làm được!

4.2.3. Chỉ thẳng pháp Trì Danh [nhằm khuyên hành giả] lập hạnh

(Kinh) Xá Lợi Phát! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phát! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam

nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

(經) 舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生。阿彌陀佛。極樂國土。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phát! Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy. Nay Xá Lợi Phát! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn, khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phát: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy). “*Thiện căn*” là tin tưởng sâu xa, “*phước đức*” là trì danh, phát tâm niệm Phật là phước đức

lớn nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Trời, người ít phước đức, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát ít thiện căn, nửa tin nửa ngờ. Có ai đem pháp môn này giới thiệu với người khác thì những kẻ ấy tự nhận là bậc thượng căn lợi trí, đáng nên học kinh giáo, tham Thiền, coi pháp Niệm Phật chẳng xứng đáng [để họ quan tâm]. Trong cõi đời, có kẻ tin Phật lâu năm, chịu tin tưởng, cũng phát nguyện, nhưng chẳng thể vãng sanh là do chưa thể buông xuống các duyên trong cõi đời, không bỏ nổi cảm tình, bị chuyện thế gian vây bủa, tức là chẳng đủ phước đức. Trước hết, phải hiểu rõ lý luận và sự thật trong pháp môn Tịnh Độ, phải giảng nhiều, nghe nhiều, chứ chỉ một hai lượt thì hiệu quả chẳng lớn. Tôi là một người thuộc vào trường hợp này! Giảng Yếu Giải lần này khác với lần giảng năm ngoái. Trong lần này có những điều trong quá khứ tôi chưa

hề nói đến. Quán sát, thấu hiểu mỗi năm càng sâu đậm hơn năm trước, mỗi năm một hiểu rõ hơn, chứ không phải là năm ngoái tôi tiếc pháp không chịu nói! Năm ngoái tôi cũng không biết những điều ấy. Đến nay tôi mới thấu hiểu [vì sao] xưa kia thiên sư Đạo Xước giảng ba kinh một luận Tịnh Độ, giảng hơn hai trăm lần. Đáng tiếc là những bản chú giải của lão nhân gia không được truyền lại. Hiện thời, chúng ta thấy bản chú giải của cổ đức được lưu truyền phổ biến nhất là bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư và Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Ngày nay có thể nghe nói tới bộ Yếu Giải này, chính là thiện căn và phước đức cùng lúc đầy đủ. Trong đời quá khứ, các vị đồng tu đã kết duyên rất sâu với A Di Đà Phật, nhưng sở dĩ chưa thể vãng sanh là do trong ba điều kiện trên đây đã thiếu mất một. Nếu đầy đủ thì đời

này sẽ là thân sau cùng. Sanh nhằm thời đại này, nghe kinh có băng thâu âm và băng thâu hình, nghe mấy chục lượt thì từ trong mê tình chúng ta sẽ được lay tỉnh. Đây là tăng thượng duyên, thiện căn, phước đức là thân nhân duyên.

“*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu): Tiêu chuẩn “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” được nói ở đây khác với tiêu chuẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân trong hết thảy các kinh điển khác. “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như trong kinh Di Đà đã nói phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, mà cũng là những nam tử, nữ nhân tin thật, nguyện thiết, nhất tâm trì danh hiệu như trong phần trên đã nói.

“*Văn thuyết A Di Đà Phật*” (nghe nói A Di Đà Phật): “*Văn*” (聞) là nghe xong liền có nguyện vọng [vãng sanh] mạnh mẽ. “*Chấp*” (執) là nắm giữ, “*trì*” (持) là giữ gìn chẳng để mất. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, hễ vọng niệm vừa dấy lên, ngay lập tức nghĩ đến tượng A Di Đà Phật, miệng liền niệm Phật; nhất tâm bất loạn là mục tiêu niệm Phật của chúng ta. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*”, tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật đều không gián đoạn. Nếu có tạp niệm thì chẳng tương ứng. Tạp niệm, vọng tưởng dấy lên là hiện tượng bình thường, chẳng cần phải quan tâm đến nó, cứ chuyên chú nơi Phật hiệu, vọng niệm sẽ dần dần ít đi. Thông thường, công phu sẽ đắc lực sau hai ba năm, mỗi giờ có đôi ba vọng niệm thì đã được coi là khá lắm rồi! Chưa đoạn được vọng niệm, nói chung là vì chưa

buông xuống được các duyên trong đời. Hiện tại, chúng ta đả Phật thất, chính là căn cứ theo kinh Di Đà đã dạy, bảy ngày có thể thành tựu; chỉ cần tu đến mức nhất tâm bất loạn, muốn vãng sanh liền vãng sanh. Sống chết tự tại, bảy ngày niệm đến mức tương ứng là được. Nếu chẳng tương ứng thì bảy mươi ngày cũng chẳng có tác dụng gì hết.

(Giải) Bồ Đề chánh đạo, danh “thiện căn”, tức thân nhân. Chúng chúng trợ đạo, Thí, Giới, Thiên đản, danh “phước đức”, tức trợ duyên. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Đề thiện căn thiếu, nhân thiên hữu lậu phước nghiệp, phước đức thiếu, giai bất khả sanh Tịnh Độ. Duy dĩ tín nguyện chấp trì danh hiệu, tác nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức, tán tâm xưng danh, phước thiện diệt bất khả lượng, huông nhất tâm bất loạn tai!

(Giải) 菩提正道。名善根。即親因。種種助道。施戒禪等。名福德。即助緣。聲聞緣覺。菩提善根少。人天有漏福業。福德少。皆不可生淨土。唯以信願執持名號。則一一聲。悉具多善根福德。散心稱名。福善亦不可量。況一心不亂哉。

(Giải: Chánh đạo Bồ Đề gọi là “thiện căn”, tức thân nhân (cái nhân chánh yếu). Các món trợ đạo như Thí, Giới, Thiên v.v... gọi là “phước đức”, tức là trợ duyên. Thiện căn Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác ít ỏi, phước nghiệp của trời người là hữu lậu, nên phước đức ít ỏi, đều chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Chỉ có tín nguyện, chấp trì danh hiệu thì mỗi một tiếng đều

đầy đủ nhiều thiện căn, phước đức. Tâm tán loạn xưng danh thì phước thiện còn chẳng thể lường, huống là nhất tâm bất loạn ư!)

Chú giải đoạn này, đại sư giảng rõ tình huống có thể vãng sanh hay là không. Chữ “*chánh đạo*” trong “*Bồ Đề chánh đạo*” chỉ Chân Như bốn tánh trong Phật pháp Đại Thừa. “*Bồ Đề chánh đạo*” tức là minh tâm kiến tánh, trong Tịnh Tông gọi là “*thâm tín*”. Tin sâu xa quả thật có thể giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, tin sâu xa lời giới thiệu của Thích Ca Mâu Ni quả thật chẳng dối, tin sâu xa mười phương hết thảy chư Phật Như Lai chứng minh lời Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói là xác thực không sai. Đây chính là “*thân nhân*” (cái nhân chánh yếu) khiến chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, thành Phật trong một đời. Các pháp thường được nói đến

như Tứ Nhiếp, Lục Độ, ba mươi bảy đạo phẩm đều là trợ duyên. Chúng ta thật sự phát nguyện sanh về Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật thì Tứ Nhiếp, Lục Độ, ba mươi bảy đạo phẩm cũng đều hoàn toàn trọn đủ. Một đời xử thế, đãi người, tiếp vật, có tư hào thiện tâm, thiện hạnh nào cũng đều hồi hướng Tây Phương cầu sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng cầu phước báo trời người trong đời này hay trong đời kế, chỉ cầu vãng sanh Tây Phương, trang nghiêm Tịnh Độ thì tâm ấy mới thuần, là trợ duyên thù thắng. Cổ nhân nói: *“Tin nguyện trì danh là điều lành nhất trong các điều lành”*. Đạo lý trong câu nói này rất sâu. Bạc Bồ Tát minh tâm kiến tánh còn chưa hiểu thật rõ loại sự lý này. Nếu đức Phật không dạy chúng ta, ai có thể hiểu được? Phàm phu nghiệp chướng tập khí nặng nề, tuy Phật giảng rõ ràng, vẫn chẳng nhất định tin tưởng, nhưng đại Bồ

Tát có trí huệ cao, nghe rồi liền tỉnh ngộ. Vì thế, so ra thì Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương tiếp dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng dễ dàng, đức Thế Tôn ở trong thế giới này khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ thật khó khăn. Do vậy, pháp môn này được gọi là “*nan tín chi pháp*” (pháp khó tin). Nếu nghe xong mà có thể tin tưởng và tiếp nhận, phụng hành, đây chính là như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Thiện căn, phước đức đã tu hành trong vô lượng kiếp quá khứ đến nay đã chín muồi. Nếu không, sẽ chẳng thể tiếp nhận, nhưng người như vậy rất cuộc chẳng nhiều nhận gì!

(Giải) Cố sử cảm ứng đạo giao, văn thành ân hoại, Di Đà thánh chúng, bắt lai nhi lai, thân thù tiếp dẫn, hành

*nhân tâm thức, bất vãng nhi vãng, thác
chất bảo liên dã.*

**(解) 故使感應道交。文成印壞。彌陀
聖眾。不來而來。親垂接引。行人心
識。不往而往。託質寶蓮也。**

*(Giải: Do vậy, khiến cho [Phật và hành
giả tu Tịnh Độ] cảm ứng đạo giao, nét
khắc trên ấn đã hiện, ấn [sáp] liền hoại.
Phật Di Đà và thánh chúng, chẳng tới mà
tới, đích thân rủ lòng tiếp dẫn, tâm thức
của hành nhân chẳng đi mà đi, gởi thể
chất trong hoa sen báu).*

“*Văn thành ấn hoại*”¹⁴² là tỷ dụ công
phu niệm Phật thành tựu. Công phu trong

¹⁴² “*Văn*” là nét chữ khắc trên ấn. Trong thư gởi cho ông Đinh Phước Bảo (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4), tổ Ấn Quang đã giảng: “*Trong quyển bảy của bộ [Phật Học] Đại Từ Điển, trang 1029, phía dưới từ ngữ ‘ấn hoại thành văn’ (ấn nát nhưng dấu khắc trên ấn đã hiện) chú rằng: ‘Đúc sáp thành ấn, in trên*

một niệm, niệm đến mức thuần nhất bèn cảm ứng đạo giao. Vì sao nói A Di Đà Phật và Bồ Tát, thánh chúng “đến mà chẳng đến”? Đến và đi là nói theo mặt Sự, trên mặt Sự quả thật có chuyện ấy. Nói theo mặt Lý thì chẳng có đến hay đi. Chư Phật, Bồ Tát biến hiện trong tâm của chúng sanh, chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà thế giới Cực Lạc cũng là do tự tánh của chúng sanh biến hiện, duy tâm Tịnh Độ, hoàn toàn chẳng rời ngoài cái tâm. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn là do tín nguyện hạnh của chính mình cảm ứng. Tín - Nguyện - Hạnh là

bùn đất”, chưa đích xác! Ở đây là nói về kim nê, dùng ấn [đúc hay khắc bằng] sập áp vào kim nê đang nóng chảy. Do kim nê chưa nguội nên còn mềm mại có thể đóng ấn vào được. Tuy đã bị ấn sập đóng xuống thành vết, nhưng vì sức nóng của kim nê nên ấn sập bị chảy tan. Tuy ấn sập bị chảy tan, nhưng mỗi một nét khắc trên mặt ấn sập đã đều hiện rõ trên kim nê. Như vậy thì ấn bị hoại, nhưng nét khắc trên mặt ấn đã hình thành, [hai chuyện này xảy ra] cùng một lúc. Nếu hiểu là [đem ấn sập] in trên bùn đất thì làm sao ấn có thể bị hư hoại cho được?” Kim Nê là một hợp chất do thủy ngân hòa lẫn với bột vàng (hoặc kim loại khác) đem nung nóng thành chất bột sền sệt. Do ấn vừa in xuống, nét khắc liền hiện, có thể ví dụ sự việc xảy ra đồng thời, giống như chúng sanh vừa cảm, Phật liền ứng nên hòa thượng Tịnh Không mới nói: “Văn thành ấn hoại là tỷ dụ công phu niệm Phật thành tựu. Công phu trong một niệm, niệm đến mức thuần nhất bèn cảm ứng đạo giao”.

năng cảm, còn Phật, Bồ Tát ứng hiện là sở cảm. Tâm thức của hành nhân vãng sanh, chứ không phải thân thể vãng sanh. Thân thể là Ngã Sở (cái thuộc về Ngã), tâm thức mới là Ngã.

(Giải) Thiện nam nữ giả, bất luận xuất gia, tại gia, quý, tiện, lão, thiếu, lục thú, tứ sanh, dẫn văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thục. Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh “thiện” dã.

(解) 善男女者。不論出家在家。貴賤老少。六趣四生。但聞佛名。即多劫善根成熟。五逆十惡。皆名善也。

(Giải: “Thiện nam nữ”: Bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu

nẻo, tứ sanh, chỉ nghe được danh hiệu Phật thì đã là thiện căn trong nhiều kiếp chín muồi. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là “thiện” cả)

Đoạn này ý nói hễ người nào vãng sanh thì đều là do thiện căn trong nhiều kiếp đã chín muồi, chẳng cần biết là tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu nẻo, cho đến bốn loài Noãn, Thai, Thấp, Hóa, đều gọi là “*thiện*”. Chẳng hạn như trong cuốn Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế) có chép chuyện súc sanh vãng sanh rất nhiều. Đàm Hư đại sư kể: Vào đầu thời Dân Quốc, khi lão pháp sư Đệ Nhàn trụ trì ngôi chùa nhỏ mang tên Đầu Đà, có một con gà trồng niệm Phật vãng sanh, nó cũng đáng gọi là “*thiện nam tử*”. “*Văn*” là Văn Huệ, nghe rồi tin lại còn phát nguyện cầu sanh, dùng một chữ Văn để đại diện, tức là do thiện căn trong nhiều

kiếp chín muôi. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã giảng rất thấu triệt: Vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả, trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, thiện căn, phước đức chẳng nhỏ. Đời này lại gặp Phật Thích Ca, dùng thân phận cư sĩ để nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, mong mỗi trong tương lai chính mình sẽ thành Phật giống hệt như A Di Đà Phật, nhưng chỉ khởi lên ý niệm ấy, chứ hoàn toàn chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Cúng dường bốn trăm ức Phật, nhưng thiện căn vẫn chưa chín muôi! Nói cách khác, trong đời này nghe đến danh hiệu A Di Đà Phật mà có thể tin, có thể nguyện, buông xuống hết thảy, cầu sanh Tịnh Độ, thiện căn của người đó chắc chắn vượt trội vương tử A Xà Thế. Loại người này không nhiều, hiện thời chúng ta khuyên người ta niệm Phật, người ta không tin

tưởng, đây là chuyện bình thường! Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác trong đời quá khứ có thiện căn, trong đời này chưa gặp được Phật pháp, tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung gặp thiện duyên, được thiện tri thức chỉ dạy, khuyên lơn, khích lệ, vừa nghe liền tin tưởng, lập tức tiếp nhận, niệm Phật cầu sanh, như ông Trương Thiên Hòa đời Đường chẳng hạn, đây chính là thiện căn trong nhiều kiếp nhiều đời đã chín muồi. Tiêu chuẩn thiện - ác ấy chẳng thể dùng quan niệm thông thường để so lường được, mà phải dựa trên nhân duyên trong nhiều đời trước đã tạo ra nhân lành.

(Giải) A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận. Cố tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh, bất tất cánh thiệp quán tưởng, tham cứu đẳng hạnh, chí giản dị,

chí trực tiếp dã. Văn nhi tín, tín nhi nguyện, nãi khăng chấp trì. Bất tín, bất nguyện, dữ bất văn đẳng, tuy vi viễn nhân, bất danh Văn Huệ.

(解) 阿彌陀佛。是萬德洪名。以名召德。罄無不盡。故即以執持名號為正行。不必更涉觀想參究等行。至簡易。至直捷也。聞而信。信而願。乃肯執持。不信不願。與不聞等。雖為遠因。不名聞慧。

(Giải: A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vời đức, trọn chẳng còn sót gì. Vì thế, liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải dính dáng những hạnh như quán tưởng, tham cứu v.v.. Đơn giản,

dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, bèn chịu chấp trì. Chứ chẳng tin, chẳng nguyện thì cũng giống như chẳng nghe; tuy tạo thành cái nhân xa, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ).

Vãng sanh được kiến lập trên nền tảng ba thứ chẳng thể nghĩ bàn: Một là tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn, hai là cái tâm niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, ba là danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. “A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận” (A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vời đức trọn chẳng còn sót gì): Biến công đức của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình, vì A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, Tây Phương thế giới là duy tâm Tịnh Độ. Tâm tánh của chính mình và tâm tánh của Phật là một, chẳng hai. Do “hết thấy pháp sanh từ tâm

tướng' nên phải chuyên tướng Di Đà thì mới có thể biến Di Đà thành chính mình, khí phận giao tiếp với nhau, thật sự có thể cảm ứng đạo giao. Tu Tịnh Độ lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng nhất, chẳng cần phải quán tưởng, tham cứu. Tất cả hết thầy kinh luận hãy nên buông xuống hết, trọn chẳng cần đến pháp môn thứ hai, tâm lập tức thanh tịnh. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, đầy đủ ba món tư lương. Nếu chẳng tin, chẳng nguyện thì giống như chẳng nghe. Hễ có một pháp thế gian hay xuất thế gian nào không buông xuống được thì điều đó cho thấy lòng tin chẳng thật, nguyện chẳng thiết tha. Dầu niệm Phật cho nhiều cũng chẳng thể vãng sanh. Trong tâm, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, trọn chẳng để cho bất cứ một pháp nào khác xen tạp trong tâm chính mình. Nếu chẳng được vậy thì chỉ là gieo được cái nhân xa

mà thôi. Cô nhân nói “*buông xuống thân, tâm, thế giới, nhất tâm chuyên niệm*” chính là nhằm bồi dưỡng cho thiện căn chưa chín muồi của chúng ta được chín muồi, đây là chuyện chúng ta có thể làm được. Đương nhiên, trong ấy vẫn có một nhân tố trọng yếu tức là nhân duyên. Chúng ta gặp được sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, giảng thấu triệt, tường tận như thế này, dầu thiện căn, phước đức còn kém một chút thì cũng có thể khiến cho thiện căn, phước đức được chín muồi sớm hơn.

(Giải) Chấp trì, tác niệm niệm ức Phật danh hiệu. Cố thị Tư Huệ. Nhiên hữu sự trì, lý trì. Sự trì giả, tín hữu Tây Phương A Di Đà Phật, nhi vị đạt “thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”, đản dĩ quyết chí nguyện cầu sanh cố, như tử ức mẫu, vô thời tạm vong. Lý trì giả, tín Tây Phương

A Di Đà Phật thị ngã tâm cụ, thị ngã tâm tạo, tức dĩ tự tâm sở cụ sở tạo hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong dã.

(解) 執持。則念念憶佛名號。故是思慧。然有事持理持。事持者。信有西方阿彌陀佛。而未達是心作佛。是心是佛。但以決志願求生故。如子憶母。無時暫忘。理持者。信西方阿彌陀佛。是我心具。是我心造。即以自心所具所造洪名。為繫心之境。令不暫忘也。

(Giải: Chấp trì là niệm niệm nhớ tới danh hiệu Phật, cho nên là Tư Huệ; nhưng có Sự Trì và Lý Trì. Sự Trì là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, nhưng chưa thấu đạt “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhưng do quyết chí nguyện cầu

vãng sanh, như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Lý Trì là tin A Di Đà Phật ở Tây Phương tâm ta sẵn đủ, là do tâm ta tạo, liền dùng hồng danh tâm ta sẵn đủ, tâm ta tạo ấy để làm cảnh hệ niệm khiến cho chẳng tạm quên vậy).

Tách rời Văn - Tư - Tu thì mới có thể giảng Sự và Lý rất rõ ràng, chứ trên thực tế, Tam Huệ Văn - Tư - Tu và ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh đều ở trong một niệm. Một câu Phật hiệu đầy đủ ba món tư lương, mà cũng đầy đủ Tam Học Giới - Định - Huệ và Tam Huệ Văn - Tư - Tu. Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương mở rộng ra chính là toàn bộ hết thấy pháp do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, các pháp ấy đều nằm gọn trong một câu danh hiệu.

Chấp trì danh hiệu có Sự Trì và Lý Trì khác biệt. Sự Trì là thật sự tin tưởng có

thế giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, nhưng chưa thấu đạt “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, chỉ có cái tâm cầu nguyện được vãng sanh hết sức khẩn thiết, như con nhớ mẹ, không lúc nào quên mất. Đây là Sự Trì.

Lý Trì là tin tâm ta sẵn có A Di Đà Phật, Phật do tâm ta tạo. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật đều do tự tánh biến hiện. Hiểu rõ Lý là giải ngộ, ngộ rồi bèn bắt đầu tu thì có thể chứng ngộ.

Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, biểu hiện bề ngoài đều giống nhau: Tinh tấn không lười biếng, tín tâm kiên định. Những phần tử lưng chừng giữa bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là những kẻ khó độ nhất! Cổ nhân khuyên lơn chúng ta hãy học theo kẻ ngu; học theo người trí chẳng dễ, học theo kẻ ngu thì còn có thể làm được. Ai chịu học làm kẻ ngu thì người ấy chính là “*thiện*”

nam tử, thiện nữ nhân” như trong kinh này đã nói, hết thầy đều bỏ được, một bộ kinh A Di Đà, một câu A Di Đà Phật, những thứ khác hoàn toàn chẳng cần đến. Đây chính là ngu mà không ai có thể bằng được!

(Giải) Nhất nhật chí thất nhật giả, khắc kỳ biện sự dã. Lợi căn nhất nhật tức bất loạn. Độn căn thất nhật phương bất loạn. Trung căn nhị, tam, tứ, ngũ, lục nhật bất định. Hựu lợi căn năng thất nhật bất loạn. Độn căn căn nhất nhật bất loạn. Trung căn lục, ngũ, tứ, tam, nhị nhật bất định.

(解) 一日至七日者。尅期辦事也。利根一日即不亂。鈍根七日方不亂。中根二三四五六日不定。又利根能七日不

**亂。鈍根僅一日不亂。中根六五四三二
日不定。**

(Giải: “Từ một ngày cho đến bảy ngày” là định thời hạn hồng tu tập thành tựu. Bạc lợi căn trong một ngày liền chẳng loạn. Độn căn thì bảy ngày mới chẳng loạn. Bạc trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không chùng. Lại nữa, bạc lợi căn có thể bất loạn suốt bảy ngày. Bạc độn căn chỉ có thể bất loạn trong một ngày. Bạc trung căn thì sáu, năm, bốn, ba, hai ngày không chùng).

Pháp môn Niệm Phật có thể định thời hạn mong chứng đắc từ một ngày cho đến bảy ngày. Quý vị nghĩ xem, pháp môn nào có thể thành công trong vòng bảy ngày? Do vậy, ngay cả vị tổ sư khai sơn của Pháp Tướng Tông là Khuy Cơ đại sư cũng

khen ngợi pháp này là pháp Đại Thừa đốn pháp đến cùng cực. Ngài viết một bản chú giải cho kinh Di Đà có tựa đề là [A Di Đà Kinh] Thông Tán Sớ nhằm tán dương Tịnh Độ. Do niệm Phật bảy ngày có thể thành tựu, hàng lợi căn trong một ngày liền đắc nhất tâm bất loạn, còn kẻ độn căn phải mất bảy ngày mới chẳng loạn. Trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không nhất định. Hễ có thể nhất tâm bất loạn thì liền sanh tử tự tại. Tịnh Tông đả Phật thất chính là căn cứ trên đoạn kinh văn này. Thật sự đả Phật thất niệm Phật thì như trong quá khứ thầy Lý đã từng bảo chúng tôi: Đài Trung Liên Xã tuy thành lập bốn mươi mấy năm, nhưng chỉ cử hành tinh tấn Phật thất hai lượt. Thầy Lý đích thân chủ trì. Người tham gia tinh tấn Phật thất không được quá mười người. Vị thầy chủ trì phải chỉ dạy, uốn nắn tình trạng tu tập của từng người [tham dự]. Đông người sẽ

chiếu cố không xuê, hễ hơi sơ sên sẽ chuốc lấy ma chướng. Trong hai lần ấy, cũng có mấy người bị ma dựa, thế gian gọi là “bệnh thần kinh”. Thầy Lý bỏ thời gian cả một năm để kèm cặp mới khiến cho người ấy trở lại bình thường. Từ đây, không còn đả tinh tấn Phật thất nữa, chỉ cử hành pháp hội Phật thất. Ma chướng đưa đến là [do chính người ấy] có mong cầu, cầu thần thông, cầu cảm ứng, tâm chẳng thanh tịnh. Kinh Di Đà nói bảy ngày, còn kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, thập trú dạ bất tuyệt giả*” (trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, mười ngày đêm chẳng dứt), tức là nói [định kỳ hạn Niệm Phật cầu chứng trong] mười ngày. Cổ Âm Vương Kinh cũng nói mười ngày. Kinh Đại Tập nói bảy thất, tức bốn mươi chín ngày. Kinh Ban Châu Tam Muội nói chín mươi ngày, tức ba tháng. Kinh Văn

Thù Bát Nhã cũng nói chín mươi ngày. Các kinh nói số ngày hạn định để cầu chứng đắc dài ngắn khác nhau, kinh A Di Đà nói thời gian ngắn nhất, đơn giản, dễ dàng nhất, ai cũng có thể làm được. Huống chi kinh Vô Lượng Thọ còn nói: *“Trú dạ thường niệm, nguyện dục vãng sanh A Di Đà Phật thanh tịnh Phật quốc, thập nhật, thập dạ, nãi chí nhất nhật, nhất dạ, bất đoạn tuyệt giả, thọ chung giai đắc vãng sanh kỳ quốc”* (Ngày đêm thường niệm, nguyện muốn vãng sanh cõi Phật thanh tịnh của A Di Đà Phật, từ mười ngày mười đêm cho đến một ngày một đêm chẳng đoạn tuyệt, khi hết tuổi thọ đều được sanh về nước ấy). Nói chung, chỉ cần nhất tâm, bất luận thời gian dài hay ngắn, đều có thể vãng sanh; còn phẩm vị cao hay thấp tùy thuộc công phu Niệm Phật sâu hay cạn. Nói “sâu hay cạn” là nói tới sự tương ứng, tương ứng với hạnh và

nguyện của A Di Đà Phật thì là sâu. Nói đơn giản hơn nữa là tương ứng với Định và Huệ. Công phu sâu là tâm định, huệ khai, đoạn phiền não, phá vô minh, phạm vị tự nhiên cao. Công phu niệm Phật cạn là Định và Huệ yếu ớt, có thể khuất phục phiền não, nhưng chưa thể đoạn được phiền não, phạm vị ắt thấp, [chuyện này] chẳng khó hiểu gì!

(Giải) Nhất tâm diệt nhị chủng, bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí phục trừ phiền não, nãi chí Kiến Tư tiên tận, giai Sự nhất tâm. Bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí tâm khai, kiến bốn tánh Phật, giai Lý nhất tâm. Sự nhất tâm bất vị Kiến Tư sở loạn, Lý nhất tâm bất vị nhị biên sở loạn, tức Tu Huệ dã.

(解) 一心亦二種。不論事持理持。持至伏除煩惱。乃至見思先盡。皆事一心。不論事持理持。持至心開。見本性佛。皆理一心。事一心不為見思所亂。理一心不為二邊所亂。即修慧也。

(Giải: Nhất tâm cũng có hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức khuất phục, trừ diệt phiền não, cho đến trừ hết Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước, đều là Sự nhất tâm. Bất luận là Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật nơi bốn tánh, đều là Lý nhất tâm. Sự nhất tâm chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiễu loạn, Lý nhất tâm chẳng bị nhị biên nhiễu loạn. Đây chính là Tu Huệ vậy).

Nhất tâm cũng gồm hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, nhân giống nhau, quả

cũng giống nhau. Ví như chúng ta là phàm phu tuy nghe nói “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, nhưng chẳng hiểu rõ tâm tánh là gì. Nếu hoàn toàn hiểu rõ thì là minh tâm kiến tánh, là bậc Pháp Thân đại sĩ. Chữ “*thượng trí*” chỉ Pháp Thân đại sĩ, bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo bèn thuộc về Lý Trì, còn những ai chưa chứng Pháp Thân thì đều gọi là Sự Trì. Trong Bát Thức Quy Củ Tụng, Huyền Trang đại sư đã viết: “*Ngu giả nan phân Thức dữ Căn*” (kẻ ngu chẳng phân biệt được Thức và Căn). Chữ “*ngu giả*” chỉ bậc A La Hán. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì đều tin chân thật, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, nhân giống hết nhau. Đẳng Giác và phàm phu bình đẳng. Nhân bình đẳng, quả cũng bình đẳng: Sanh về Tây Phương đều chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Văn Thù, Phổ Hiền là Lý Trì, Oánh Kha là Sự Trì; sư Oánh Kha giống hết

Văn Thù và Phổ Hiền. Luận trên công phu thì chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì, chế phục phiền não, chẳng cho nó khởi tác dụng, thường gọi là “công phu thành phiền”, thuộc về công phu Sự nhất tâm ở mức độ cạn. Nếu đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, thì chính là công phu Sự nhất tâm ở mức độ sâu.

Nói theo Giáo Hạ, Kiến Hoặc có tám mươi tám phẩm trong tam giới, Tư Hoặc có tám mươi một phẩm. Người đoạn được mấy phẩm là Sự nhất tâm ở mức độ cạn. Nếu đoạn được hoàn toàn thì là Sự nhất tâm viên mãn. Do vậy, trong Sự nhất tâm cũng có ba bậc chín phẩm. Bất luận trì theo cách nào, chỉ luận định theo công phu đoạn phiền não sâu hay cạn, chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì.

“*Trì chí tâm khai, kiến bốn tánh Phật*” (Trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật trong bốn tánh): “*Khai*” là khai ngộ, niệm

đến mức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. “*Kiến tánh*” chính là “*kiến bốn tánh Phật*” (thấy được vị Phật trong bốn tánh). Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, thấy một phần bốn tánh, thì gọi là Lý nhất tâm. Vô minh có bốn mươi một phẩm; bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần “bốn tánh Phật”; đủ thấy [người đạt được] Lý nhất tâm như trong Tịnh Tông đã nói chính là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Lý nhất tâm cũng có bốn mươi một phẩm, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, phẩm vị được nâng cao dần dần.

Đắc Sự nhất tâm sẽ chẳng bị Kiến Tư phiền não loạn động, tâm định. Tam-muội là Định, Niệm Phật tam-muội chính là an định, tâm định nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, định nơi A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế

giới ra, buông hết mọi thứ xuống, chẳng bị lay động bởi lục trần, pháp thế gian thường gọi [người đạt cảnh giới này] là “*bát phong xuy bất động*” (tám gió thổi chẳng động)¹⁴³. Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian đều chẳng động tâm mà pháp xuất thế gian cũng chẳng động tâm. Đắc Sự nhất tâm thì tham, sân, si, mạn, nghi đều chẳng còn.

Đắc Lý nhất tâm thì “*chẳng bị nhị biên làm loạn*”. Từ ngữ “*nhị biên*” ở đây ý nói hết thảy pháp đều là tương đối. Người thế gian sống trong không gian tương đối, hễ

¹⁴³ “Bát phong” chỉ cho tám thứ dễ khiến cho tâm bị lay động nhất, tức Xung (khen ngợi), Cơ (chê bai), Khô, Lạc, Lợi, Suy, Đắc, Thất. “*Bát phong xuy bất động*” chính là một câu trong bài thơ của Tô Đông Pha trong khi tịnh tọa, cảm thấy cảnh giới chứng ngộ của mình rất cao, liền cao hứng viết: “*Khể thủ Thiên Trung Thiên, hào quang chiếu đại thiên, bát phong xuy bất động, đoan tọa tử kim liên*” (Kính lạy Thiên Trung Thiên, hào quang chiếu đại thiên, tám gió thổi chẳng động, ngồi yên trên sen vàng). Làm xong bài thơ ấy, Tô Đông Pha vô cùng đắc ý, sai tiểu đồng cấp tốc vượt sông đưa cho thiền sư Phật Ấn bình phẩm. Ngài Phật Ấn xem xong, cười khan, chẳng nói gì. Tiểu đồng van nài xin Sư cho biết ý kiến. Sư đề ngay hai chữ “*phóng thí*” (thả rắm), bảo đem về. Tiểu đồng về báo lại, Tô Đông Pha nổi giận đùng đùng, liền gọi người chèo thuyền ngay sang sông để cất vấn Sư sao lại thô lỗ đến mức ấy, chẳng biết thường thức thơ Thiền ra sao cả! Đến chùa chỉ thấy cửa đã khóa chặt, Sư đề trên công hai câu thơ: “*Bát phong xuy bất động, nhất thí đã quá giang*” (Tám gió thổi chẳng động, một rắm vượt sông ngay).

nói là lớn ắt phải có nhỏ, nói là dài ắt phải có ngắn, nói là đúng ắt phải có sai. Hết thấy pháp đều là hai bên đối lập. Nếu chúng được Lý nhất tâm thì hai bên cũng không còn nữa. Hai bên không lập thì trung đạo cũng chẳng còn. Tâm thanh tịnh, một niệm chẳng sanh, đó gọi là “*khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai*” (mở miệng liền sai, dấy niệm liền trái). Tất cả hết thấy vọng tưởng, chấp trước đều chẳng có. Đây gọi là Tu Huệ. Nếu niệm Phật mà chẳng thể thụ dụng thì chẳng được coi là “chân tu”. Người khác khen ngợi ta, trong tâm rất vui vẻ, tự cảm thấy đắc ý. Người khác hủy báng ta, tâm sanh phần nộ, đều thuộc về phiền não. Vì sao người ta có thể biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh? Nói toạc ra thì chẳng có gì khác cả, đối với pháp thế gian lẫn xuất thế gian người ấy chẳng động tâm. Chúng ta hễ hơi gặp thử thách một chút, trong tâm

liền chán chường. Tuy hằng ngày niệm Phật, nhưng chỉ có thể nói là kết duyên với Tây Phương thế giới mà thôi, đời này chẳng mong chi vãng sanh được! Người vãng sanh chẳng động tâm, họ bỏ thế gian này xuống, nó đâu có liên can gì với mình, tôi mượn cái thân thể này để niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thế giới. Không những hủy báng hay khen ngợi chẳng dính dáng gì đến tôi, mà đánh tôi hay chửi tôi cũng chẳng ăn nhằm gì hết. Ngay cả thân thể cũng không màng đến, huống hồ là vật ngoài thân? Đây là công phu tối thiểu để được vãng sanh Tây Phương. Do vậy, trông thấy vinh hoa phú quý, tâm trọn chẳng có mảy may hâm mộ, đây mới là “*chẳng bị Kiến Tư làm loạn*”.

Nói theo đường lối tu tập thông thường thì đừng nói là đoạn Kiến Tư, chế ngự Kiến Tư cũng hết sức khó khăn, phải nhờ vào Định. Do vậy, gọi là

Định Cộng Giới. Trong Định có Giới, trong Giới không có Định. Định có thể chế phục Kiến Tư, nhưng chẳng thể đoạn Kiến Tư. Công phu chế phục càng sâu thì tầng cấp sanh lên cõi trời càng cao. Trời có hai mươi tám tầng. Sanh lên trời chẳng thể thoát tam giới, muốn thoát tam giới thì phải đoạn Kiến Tư phiền não. Tứ Thiên Bát Định được gọi là Thiên Định thế gian. Pháp môn Tịnh Độ nói đến chuyện mang theo nghiệp, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, hễ có công phu chế phục được phiền não bèn có thể vãng sanh. Chế phục phiền não cần phải có Định; do vậy, gọi là Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là Định, mà cũng thường được gọi là “công phu thành phiền”, đây chính là điều kiện tối thiểu để vãng sanh. Người thật sự cầu nguyện vãng sanh phải thật sự buông xuống thế giới này, hết tẩy những thứ tạp

nhập dù là thể gian hay xuất thể gian đều là chướng ngại, chẳng cần phải bận lòng!

(Giải) Bất vị Kiến Tư loạn, cố cảm biến hóa thân Phật, cập chư thánh chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi, Sa Bà giới trung, tam hữu điên đảo, vãng sanh Đồng Cư, Phương Tiện, nhị chủng Cực Lạc thế giới.

(解)不為見思亂。故感變化身佛。及諸聖眾現前。心不復起。娑婆界中。三有顛倒。往生同居方便。二種極樂世界。

(Giải: Chẳng bị Kiến Hoặc và Tư Hoặc làm loạn, nên cảm được thân biến hóa của Phật và các vị thánh hiện tiền. Do tâm chẳng còn dấy lên ý niệm điên đảo

thuộc về ba cõi trong thế giới Sa Bà, nên người ấy sẽ sanh vào hai cõi Đông Cư và Phương Tiện trong thế giới Cực Lạc).

Đoạn văn chú giải này nói tới quả báo thù thắng nhất của sự niệm Phật. Trong phần kinh văn ở trên có một đoạn ghi: “*Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dĩ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ*” (Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Khi người ấy mất, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các vị thánh chúng đến trước mặt tiếp dẫn. “*Bất vị Kiến Tư sở loạn*” (chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiễu loạn), câu này trọng yếu nhất. Nếu chẳng đạt tiêu chuẩn này, sẽ chẳng

thể vãng sanh. Lúc bình thường, đối với pháp thế gian và Phật pháp luôn có thể chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, tức là chẳng bị cảnh giới nhiễu loạn, sẽ quyết định vãng sanh. Công phu này là “năng cảm” (chủ thể tạo ra sự cảm ứng), Phật đến tiếp dẫn là “sở cảm” (điều được cảm ứng). Trong tâm chẳng còn có [những vọng niệm thuộc về] “tam hữu” của thế giới Sa Bà nữa. “Tam hữu” là Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, và Vô Sắc Giới Hữu. Nói cách khác, hết thấy cảnh duyên trên trời hay trong cõi người đều chẳng động tâm thì sẽ có thể sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư.

(Giải) Bất vị Nhị Biên loạn, cố cảm thụ dụng thân Phật, cập chư thánh chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi sanh tử, Niết Bàn nhị kiến diên đảo, vãng

*sanh Thật Báo, Tịch Quang nhị chủng
Cực Lạc thế giới.*

**(Giải) 不為二邊亂。故感受用身佛。及
諸聖眾現前。心不復起生死涅槃二見顛
倒。往生實報寂光二種極樂世界。**

(Giải: Chẳng bị Nhị Biên nhiễu loạn nên cảm được thân thụ dụng của Phật và các vị thánh hiện tiền, tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải điên đảo sanh tử và Niết Bàn nên sanh về hai cõi Thật Báo và Tịch Quang của thế giới Cực Lạc).

Người vãng sanh được thấy Hóa Thân hay là Báo Thân, A Di Đà Phật trọn chẳng phân biệt, đây là do hạnh nguyện của chúng sanh niệm Phật cảm thành. Chúng sanh có cảm, Phật sẽ có ứng. Cảm ứng đạo giao, pháp vốn sẵn như thế. Điều này

cũng cho thấy “*sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi*”. Niệm đến Lý nhất tâm thì đức Phật hiện ra tiếp dẫn khi lâm chung là Báo Thân Phật. “*Tâm bất phục khởi sanh tử, Niết Bàn nhị kiến điên đảo*” (Tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải điên đảo là sanh tử và Niết Bàn), sanh tử là một bên, còn Niết Bàn là bên kia, người ta thường có ý niệm phân biệt ấy, ngõ thế giới Sa Bà là bên này, còn Cực Lạc là bên kia. Niệm đến Lý nhất tâm thì những ý niệm ấy đều chẳng còn nữa, tâm thật sự thanh tịnh, có thể sanh về cõi Thật Báo và Thường Tịch Quang của Tây Phương.

(Giải) Đương tri chấp trì danh hiệu, ký giản dị, trực tiếp, nhưng chí đốn, chí viên, dĩ niệm niệm tức Phật cố, bất lao quán tưởng, bất tất tham cứu, đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm.

(解) 當知執持名號。既簡易直捷。仍至頓至圓。以念念即佛故。不勞觀想。不必參究。當下圓明。無餘無欠。

(Giải: Hãy nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu tuy đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng, mà lại viên đốn tốt bậc, bởi mỗi niệm chính là Phật, chẳng nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, mà ngay trong khi niệm Phật ấy bèn viên minh, chẳng thừa, chẳng thiếu).

Một câu Phật hiệu là pháp môn đại tổng trì của toàn thể Phật pháp, không chỉ là hết thấy pháp do Phật Thích Ca đã nói trong một đời Ngài mà thậm chí vô lượng pháp môn của mười phương ba đời hết thấy chư Phật đều chẳng lìa khỏi một câu A Di Đà Phật. Do vậy, A Di Đà Phật là

pháp môn thù thắng bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật độ chúng sanh thành tựu Phật đạo. Phải là pháp “đơn giản, dễ dàng ai cũng có thể tu được” thì mới có thể gọi là “*bậc nhất*”.

“*Chí viên, chí đốn*”, “*đốn*” (頓) là nhanh chóng siêu thoát, từ địa vị phàm phu liền thành Phật. “*Chí viên*” là viên mãn đến cùng cực. Khi tôi mới học Phật, các đồng tham đạo hữu thảo luận pháp, có nêu ra một câu hỏi: “Nếu một chúng sanh tạo tội cực nặng lập tức phải đọa vào tam đồ, Phật có năng lực siêu độ kẻ ấy ngay lập tức hay chẳng? Nếu không có năng lực thì vạn đức vạn năng chỉ là mỹ từ ca ngợi Phật, chứ không phải là thật”. Sau khi đọc kinh Tịnh Độ, tôi mới biết đức Phật quả thật có năng lực ấy. Quán Kinh nói kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung mười niệm hoặc một niệm đều có thể vãng sanh, đã vãng sanh sẽ chứng trọn vẹn ba thứ Bất

Thoái, nhanh chóng đến cực điểm, viên mãn đến cực điểm. Vấn đề là có tin hay không! Kinh Đại Thừa nói “*hết thầy pháp từ tâm tướng sanh*”, niệm niệm tướng Phật thì Phật sẽ hiện tiền. Phàm phu nghĩ đến tham, sân, si, mạn, đọa trong tam ác đạo. Tâm tham nặng nề sẽ biến thành ngạ quỷ, tâm sân hận nặng nề sẽ đọa địa ngục, tâm ngu si nặng nề sẽ biến thành súc sanh. Người niệm Phật niệm niệm duyên theo Phật, khởi lên sự cảm ứng đạo giao với Tây Phương Cực Lạc, sẽ có hy vọng sanh về Tây Phương.

(Giải) Thượng thượng căn, bất năng du kỳ khốn. Hạ hạ căn diệt năng trần kỳ vực. Kỳ sở cảm Phật, sở sanh độ, vãng vãng thẳng tấn, diệt bất nhất khái. Khả vị: Hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời. Sở dĩ triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thâm thán kỳ nan tín dã.

(解) 上上根。不能踰其闔。下下根亦能臻其域。其所感佛。所生土。往往勝進。亦不一概。可謂橫該八教。豎徹五時。所以徹底悲心。無問自說。且深歎其難信也。

(Giải: Bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt ngoài cửa ải này, mà kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy, [do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống nhau¹⁴⁴. Có thể nói là [pháp môn Tịnh Độ] theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo

¹⁴⁴ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Viên Anh trong A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký.

chiều dọc thấu triệt năm thời. Do vậy, [đức Phật] vì tâm bi triệt để, chẳng ai hỏi mà tự nói, lại còn khen ngợi sâu xa pháp này khó tin).

Khôn (閻) có nghĩa là phạm vi. Chữ “*thượng thượng căn*” chỉ Đẳng Giác Bồ Tát, như ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ trong hội Hoa Nghiêm. “*Hạ hạ căn*” là chúng sanh trong địa ngục, bao gồm chín pháp giới chẳng còn sót, đều bình đẳng phổ độ, bình đẳng thành tựu. Còn như công phu tu học của mỗi người tuy sâu hay cạn [khác nhau], nhưng hễ sanh về Tây Phương đều được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, thân thể, tướng hảo, quang minh, trí huệ, thần thông, đức năng đều giống như A Di Đà Phật, thật chẳng thể nghĩ bàn. Có thể nói là “*hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời*” (theo chiều ngang

trùm khắp tám giáo, theo chiều dọc thấu triệt năm thời). Các vị đại đức thuở xưa đã chia giáo pháp trong cả một đời Phật Thích Ca thành “*hóa nghi tứ giáo*” và “*hóa pháp tứ giáo*”. Trong hóa pháp (giáo pháp được phân loại theo nội dung giảng dạy) có Tạng, Thông, Biệt và Viên, trong hóa nghi (phương thức giáo hóa chúng sanh) thì có Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định. “*Thụ triệt ngũ thời*”: Những giáo pháp do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm được chia thành “năm thời” (năm giai đoạn hóa độ) là Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã và Pháp Hoa - Niết Bàn. Một câu A Di Đà Phật gồm trọn năm thời tám giáo chẳng thừa, chẳng thiếu. Do tâm bi triệt để, đức Phật nói pháp môn này, không ai hỏi mà tự nói, quả thật khó tin.

(Giải) Vấn: Quán Kinh chuyên minh tác quán, hà vị bất lao quán tưởng?

Đáp: Thử nghĩa tức xuất Quán Kinh. Bĩ kinh nhân thắng quán phi phàm phu tâm lực sở cập, cố ư đệ thập tam, biệt khai liệt tượng chi quán, nhi chướng trọng giả, do bất năng niệm bĩ Phật, cố ư đệ thập lục, đại khai xưng danh chi môn. Kim kinh nhân mật thể chướng trọng giả đa, cố chuyên chủ đệ thập lục quán. Dương tri nhân căn tuy độn, nhi trọng lục bát xích chi tượng thân, Vô Lượng Thọ Phật chi danh tự, vị thường bất “tâm tác, tâm thị”. Cố quán liệt giả, bất lao thắng quán, nhi xưng danh giả, tịnh bất lao quán tưởng dã.

(解) 問。觀經專明作觀。何謂不勞觀想。答。此義即出觀經。彼經因勝觀非凡夫心力所及。故於第十三。別開劣像

之觀。而障重者。猶不能念彼佛。故於第十六。大開稱名之門。今經因末世障重者多。故專主第十六觀。當知人根雖鈍。而丈六八尺之像身。無量壽佛之名字。未嘗不心作心是。故觀劣者。不勞勝觀。而稱名者。並不勞觀想也。

(Giải: Hỏi: Quán Kinh chuyên giảng về cách quán tưởng, sao [ở đây] lại nói “chẳng phải nhọc công quán tưởng?”

Đáp: Nghĩa này vốn lấy từ Quán Kinh. Kinh ấy do thấy tâm lực của phàm phu chẳng thể kham nổi phép Quán thù thắng nên trong phép Quán thứ mười ba đã dạy riêng cách quán tượng Phật thấp kém¹⁴⁵.

¹⁴⁵ Gọi là “quán tượng thấp kém” (quán liệt tượng) vì tượng dù có to cách mấy vẫn chẳng thể sánh bằng chân thân của Phật. Hơn nữa, trong cách quán này, chỉ dạy quán thân Phật cao một trượng sáu, tức là quán Ứng Thân, thua xa về đẹp thù thắng của Báo Thân nên gọi là “liệt tượng” (tượng kém hèn). Hơn nữa, tượng trong thế gian dù đẹp cách mấy vẫn không có cách nào diễn tả một phần về đẹp thù thắng của ba mươi

Nhưng kẻ chướng nặng vẫn chẳng thể niệm đức Phật ấy [bằng phương pháp Quán Tưởng Niệm Phật] nên trong phép Quán thứ mười sáu, mở rộng môn xưng danh. Do trong đời Mạt, kẻ chướng nặng đông đảo mà kinh này chuyên chú nơi phép Quán thứ mười sáu. Hãy nên biết rằng: Căn tánh của con người tuy chậm lụt, nhưng thân tướng tượng Phật cao trượng sáu hoặc tám thước và danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật chưa bao giờ chẳng phải là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Vì thế, người quán tượng Phật thấp kém thì chẳng nhọc sức tu tập pháp quán tưởng thù thắng, còn người xưng danh thì chẳng cần phải mất công quán tưởng).

hai tướng, tám mươi vẽ đẹp phụ (tùy hình hảo) nơi Liệt Ứng Thân nên gọi là “kém hèn”.

Đây là lời vấn đáp do đại sư đặt ra nhằm phá trừ nỗi ngờ vực của chúng ta. Có người hỏi: “*Quán Kinh* chuyên nói cách Quán Tướng Niệm Phật, vì sao lại chẳng nhọc công quán tướng?” Hãy nên biết rằng [ý nghĩa] “chẳng nhọc công quán tướng” rút từ Quán Kinh. Từ phép Quán thứ nhất là phép Quán mặt trời lặn giống như cái trống treo cho đến phép quán thứ mười hai đều là Quán Tướng Niệm Phật, chúng ta do tâm lực phàm phu sẽ chẳng thể quán thành tựu được. Đơn giản nhất là phép Quán đầu tiên, khi mặt trời lặn xuống bên núi, [trông giống] như cái trống treo, mở mắt thấy mặt trời, nhắm mắt cũng thấy mặt trời, là cách Quán đơn giản nhất. Từ đấy trở đi, mỗi tầng sau phức tạp hơn tầng trước, trọn chẳng phải là những điều chúng sanh trong thời Mạt Pháp có thể thực hiện được. Trí Giả đại sư tu Quán thành công, Ngài sống vào đời Đường,

vẫn còn thuộc thời kỳ Tượng Pháp. Pháp Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật, quán thân tử kim cao một trượng sáu, tượng bằng đất đắp hay gỗ khắc đều được, hằng ngày nhìn tượng Phật, in vào trong óc. Trong nhà người tu hành có phòng thờ Phật, người ấy có đại phước báo, chẳng cần phải làm việc, cuộc sống có người chăm sóc, cung phụng, hằng ngày nhìn tượng Phật. Hễ rời khỏi tượng Phật, công phu bị gián đoạn. Phép Quán thứ mười sáu, tức phép Quán sau cùng, là trì danh niệm Phật, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ đều có thể niệm Phật, chẳng bị hạn chế bởi hoàn cảnh, công phu chẳng gián đoạn. Trong thời kỳ Mạt pháp, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, chẳng thể quán tưởng thành tựu được, [mà cũng] không có phước báo quán tượng. Do vậy, đức Phật mở ra pháp môn Niệm Phật, đơn giản, dễ hành, thù thắng khôn sánh. Những

người chỉ dựa vào một câu Phật hiệu mà thành tựu thì trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện chỗ nào cũng có. Quán tưởng, quán tượng, trì danh đều là “*tâm tác, tâm thị*”. “*Tâm tác*” là “*thị tâm tác Phật*” (tâm này làm Phật), “*tâm thị*” là “*thị tâm thị Phật*” (tâm này là Phật), đạo lý tương đồng.

(Giải) Vấn: Thiên Kỳ, Độc Phong chư Tổ, giai chủ tham “niệm Phật giả thị thùy”. Hà vị bất tất tham cứu?

Đáp: Thử nghĩa tức xuất Thiên Kỳ chư Tổ. Tiên Tổ nhân niệm Phật nhân bất khê Thích Ca triệt để bi tâm, cố bànng bất cam, trực hạ cật vấn, nhất mãnh đề tĩnh, hà chỉ trường dạ phục đản. Ngã bối chí kim nhật, do bất khǎng tử tâm niệm Phật, khỏ dục chấp xao môn ngõa tử, hướng ớc lý đả thân sanh gia nương, tắc

ư chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã.

(解) 問。天奇毒峰諸祖。皆主參念佛者是誰。何謂不必參究。答。此義即出天奇諸祖。前祖因念佛人不契釋迦徹底悲心。故傍不甘。直下詰問。一猛提醒。何止長夜復旦。我輩至今日。猶不肯死心念佛。苦欲執敲門瓦子。向屋裡打親生爺娘。則於諸祖成惡逆。非善順也。

(Giải: Hỏi: Các vị Tổ Thiên Kỳ và Độc Phong đều chủ trương tham cứu câu “người niệm Phật là ai?”, sao lại bảo là chẳng cần phải tham cứu?)

Đáp: Nghĩa này phát xuất từ ngài Thiên Kỳ và các vị Tổ khác. Các Tổ đời trước do thấy người niệm Phật chẳng khế hợp tâm bi triệt để của Phật Thích Ca, nên ở bên cạnh chẳng đành lòng, phải vắn hỏi ngay câu ấy để mạnh mẽ đánh thức [người niệm Phật], chứ đâu phải chỉ là muốn làm cho họ chấm dứt đêm dài bất giác, sáng suốt trở lại? Bọn chúng ta cho đến nay vẫn chẳng chịu chết lòng niệm Phật, cứ khổ sở muốn cầm hòn ngói gõ cửa ấy để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà, như vậy là đã trở thành kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ có phải là kẻ vâng thuận đâu!)

Thiên Kỳ và Độc Phong đều là các vị tổ sư trong Thiền Tông. Thiên Kỳ là Bản Thụy thiền sư, Độc Phong là Bản Thiện thiền sư¹⁴⁶. Hai ngài chủ trương tham cứu

¹⁴⁶ Ngài Thiên Kỳ Bản Thụy là danh tăng tông Lâm Tế sống vào đời Minh, không rõ năm sanh và năm mất, họ Giang, tự là Thiên Kỳ, người Chung Lăng, phủ Nam Xương, được người đời gọi là Quỳnh Tuyết Lão Nhân. Năm 20 tuổi, Sư tham yết

câu “*người niệm Phật là ai?*” Cô nhân gọi đó là Thiên Tịnh Song Tu. Đại sư thật sự có kiến địa, đã hiểu rõ thấu triệt ý Tổ nên mới có thể nói ra những lời này. Người ta thường chỉ nghe rồi bèn hiểu nghĩa theo mặt chữ, chứ thật sự chẳng biết “*ý nằm ngoài lời*”, nghe lầm ý nghĩa lời nói [của chư Tổ nhà Thiên]. Các vị ấy trông thấy người niệm Phật chẳng có niềm tin thật sự, nguyện thiết tha, chẳng thể chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật cầu được vãng sanh, cô phụ bi tâm triệt để của Phật Thích Ca.

ngài Vô Thuyết Năng ở Kinh Môn, được thế độ xuất gia. Không lâu sau, sang đất Thục tham yết các bậc kỳ túc. Về sau, đến Cao Phong, tham yết ngài Bảo Phong Minh Tuyên, được ấn khả, trở thành người nối pháp đời thứ 29 của dòng Thiên Nam Nhạc. Sư còn để lại tác phẩm Quỳnh Tuyết Lão Nhân Thiên Kỳ Trục Chú Vân Đâu Hiền Hòa Thượng Tụng Cổ và Thiên Đồng Hòa Thượng Tụng Cổ.

Ngài Độc Phong Bồn Thiện cũng sống vào đời Minh, tổ quán tại Phụng Dương, nhưng Sư được sanh ra tại Lô Dương (Quảng Đông), họ Ngô, ưa thích Phật học từ nhỏ, xuất gia năm 17 tuổi. Thoạt đầu cầu pháp với hòa thượng Nguyên Minh, được thầy dạy quán công án chữ Vô. Năm Chánh Thống thứ 8, Sư tham học với ngài Vô Tế tại đất Mân, nghe tiếng chuông bèn tỉnh ngộ. Về sau lần lượt tham học với các vị Mông Ân, Sở Sơn, Nguyệt Khê, được ngài Nguyệt Khê ấn khả. Từ đây, Sư bé quan dụng công. Sau đây, Sư được thỉnh làm tổ khai sơn chùa Tam Tháp ở Tây Hồ và nhiều ngôi chùa khác ở vùng Giang Nam.

“*Cố bàng bất cam*” là trông thấy cảnh ấy chẳng đành lòng. Đức Thế Tôn đã đem pháp môn tu hành thành Phật của chính mình giải bày hết cả ra, hoàn toàn nói ra, chẳng giấu diếm mảy may nào. Như trong phần trên đã nói, các kinh điển Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa giống như trăng mười bốn, còn kinh này do đức Phật tuyên dạy bằng lòng Bi triệt để thì mới là trăng rằm. Các vị Tổ như Thiên Kỳ trông thấy mọi người tuy y giáo phụng hành, nhưng chẳng biết “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*” nên mới nói ra câu ấy, hỏi người niệm Phật là ai. Ngữ Lục [của ngài Thiên Kỳ] chép như thế này: Ngài Thiên Kỳ dạy đại chúng, nói: “*Suốt ngày niệm Phật, chẳng biết toàn thể là Phật. Nếu chẳng biết thì chỉ khán câu người niệm là ai?*” Vắn hỏi thẳng thừng bằng câu ấy để mạnh mẽ lay tỉnh, hy vọng nhờ câu nói ấy mọi người sẽ đột nhiên khai ngộ, chứ trọn

chẳng phải là bảo quý vị hãy kiểm xem người niệm Phật là ai! Tự mình niệm Phật mà còn hỏi người niệm Phật là ai thì chẳng phải là nói giỡn ư?

“*Hà chỉ trường dạ phục đán*”: “*Trường dạ phục đán*” là nói tỷ dụ, chúng sanh từ vô thủy đến nay do một niệm bất giác, tạo sanh tử luân hồi [ví như ở mãi trong đêm dài, nên nói là “*trường dạ*”]. Tổ sư dùng một câu nói để mạnh mẽ đánh thức họ, phá vô minh, thấy được bốn tánh, thì gọi là “*phục đán*” (trời sáng trở lại). [*“Hà chỉ trường dạ phục đán”* nghĩa là] đâu phải chỉ nhằm phá mê, khai ngộ! Nếu chỉ nhằm phá mê khai ngộ thì có phải là không bằng tham cứu hay sao? Đây chính là trực tiếp chỉ dạy hành giả hãy cầu sanh Tịnh Độ. Người thật sự thấy tánh giác ngộ, không một ai chẳng cầu sanh Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều là những bậc đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh

mà vẫn cầu sanh về Tịnh Độ, vì cầu sanh Tịnh Độ sẽ thành tựu nhanh chóng. Chẳng sanh về Tịnh Độ thì sau khi minh tâm kiến tánh, kinh Hoa Nghiêm nói tu đến khi thành Phật phải mất vô lượng kiếp, đó là lời thật. Đức Thế Tôn nói “thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp” là nói quyền biến, chứ nói nhiều hơn sợ chúng sanh sẽ ngã lòng. Người thật sự hiểu rõ, có ai muốn đi theo con đường oan uổng? Như chúng ta là kẻ chưa phá được một phẩm Kiến Tư phiền não nào, sau khi sanh về Tây Phương, chẳng đầy bốn kiếp sẽ thành Phật. Bởi lẽ, A Di Đà Phật thành Phật đến nay chưa đầy mười kiếp, nhưng trong kinh dạy: “*Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bộ Bạt Trí, kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa*” (Chúng sanh sanh về đó, đều là bậc Bất Thoái Chuyển, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, số ấy rất đông). Đủ thấy rằng: Số

lượng thượng thiện nhân chiếm quá nửa, đều là thành tựu trong vòng mười kiếp, chiếm đại đa số trong những người sống tại Tây Phương. Vì thế, sanh về Tây Phương thành Phật chẳng lâu hơn bốn kiếp.

Hiện thời, chúng ta vẫn chẳng chịu dứt hết tâm niệm mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật, vẫn mong nghiên cứu những kinh điển thuộc pháp môn khác, chính là làm lẫn rất lớn. “*Xao môn chi ngõa*” tức là vật dùng để gọi cửa, tục gọi là “*xao môn chuyên*” (viên gạch để gõ cửa). Trước thời Kháng Chiến còn có thói quen: Nhà người giàu sang có đến mấy lớp cửa, gọi cửa bên ngoài, người bên trong không nghe tiếng, nên khách phải dùng một viên đá nhỏ để đập cửa. Do bi tâm triệt để, Phật Thích Ca dạy chúng ta hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, người học Phật vốn phải tuân theo lời thầy dạy

bảo mà chuyên tâm niệm Phật, chứ không phải là dốc sức tham cứu trong khi niệm Phật. Nay thì học trò hiểu lầm ý thầy, sẽ giống như dùng hòn gạch gõ cửa để ném chủ nhà vậy.

(Giải) Tân vấn: Thử tại khăng tâm giả tác khả, vị khăng giả hà đắc tương ứng?

Viết: Y! Chánh duy vị khăng. Sở dĩ, yếu nhĩ khăng tâm tương ứng.

Nhữ đẳng chánh tín vị khai, như sanh nguu bì, bất khả khuất chiết. Đương tri hữu mục giả, cố vô nhật hạ nhiên đẳng chi lý, nhi vô mục giả, diệc hà tất ư nhật trung khổ mịch đẳng cụ. Đại Thế Chí Pháp Vương Tử vân: “Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”. Thử Nhất Hạnh tam-muội trung, đại hỏa tự ngữ dã. Cảm hữu xúc giả, ninh bất bị thiêu?

(解) 進問。此在肯心者則可。未肯者何得相應。曰噫。正唯未肯。所以要肯心相應。汝等正信未開。如生牛皮。不可屈折。當知有目者。固無日下燃燈之理。而無目者。亦何必於日中苦覓燈炬。大勢至法王子云。不假方便。自得心開。此一行三昧中。大火聚語也。敢有觸者。寧不被燒。

(Giải: Lại hỏi cao hơn nữa, điều này đối với người chịu dốc lòng niệm Phật thì được, chứ đối với người chưa chịu thì làm sao [tâm người ấy] tương ứng [với tâm Phật] cho được?

Đáp: Ôi chao! Chính là vì kẻ chưa chịu [dốc lòng niệm Phật, mà nói những lời ấy]. Do vậy, tôi [nói những lời ấy] nhằm

làm cho các ông chịu bằng lòng [niệm Phật] hòng được tương ứng. Cái tâm chánh tín của các ông chưa sanh khởi, nó giống như miếng da trâu tươi, không thể xếp hay bẻ gập lại được. Hãy nên biết rằng: Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày! Đại Thế Chí Pháp Vương Tử nói: “Chẳng cần đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ”. Câu nói này là một đồng lửa to trong Nhất Hạnh tam-muội, có ai dám chạm vào mà chẳng bị nó đốt ư?)

“Khẳng giả” là người chịu “tử tâm niệm Phật” (“chết lòng niệm Phật”, ý nói: Đã dứt sạch mọi ý niệm mong ngóng, so lường, tâm nguội lạnh như đã chết, chuyên tâm niệm Phật). Nếu có kẻ chẳng chịu như vậy thì sao? Người đã chịu niệm

Phật thì cần gì quở trách, chỉ vì những kẻ không chịu chết lòng niệm Phật nên tổ sư mới giáo huấn họ bằng những câu như thế.

“*Đương tri hữu mục giả, cố vô nhật hạ nhiên đặng chi lý, nhi vô mục giả, diệc hà tất ư nhật trung khổ mịch đặng cự*” (Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày): Từ ngữ “*hữu mục giả*” (kẻ có mắt) nhằm sánh ví những người đã sanh lòng chánh tín, chân tâm, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh. “*Vô mục giả*” (kẻ không có mắt) là kẻ chưa sanh lòng chánh tín, điều khẩn yếu nhất là phải “chết lòng sát đất” niệm Phật. Trong Tịnh Tông, mười người vãng sanh hết tám chín vị là lòng chánh tín chưa phát sanh, giống những ông bà cụ ăn chay chẳng hiểu biết gì, đối với sự thực lẫn lý luận họ đều chẳng hiểu gì hết, nhưng họ có thể thành công. Hãy

nên biết rằng: Pháp môn Niệm Phật là pháp môn đại trí huệ vô thượng, có vô lượng phước huệ và diệu nghĩa, cần gì phải tìm cầu lý luận và phương pháp khác. [Hễ tìm cầu] sẽ giống như giữa ban ngày lại đi kiếm đèn, đước! Đại sư lại trích dẫn một đoạn văn tự từ kinh Lăng Nghiêm nhằm chứng minh ý nghĩa “chẳng cần phải tham cứu”: “*Nhược chúng sanh tâm, ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ vào phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ). “*Bất giả phương tiện*” là chẳng cần nhờ vào những pháp môn khác như tham cứu, quán tưởng v.v..., chỉ một câu Phật hiệu là được rồi! Giống như

đồng lửa lớn, có kẻ nào dám chạm vào, làm sao chẳng bị thiêu đốt!

(Giải) Vấn: Lâm chung Phật hiện, ninh bảo phi ma?

Đáp: Tu tâm nhân bất tác Phật quán, nhi Phật hốt hiện, phi bản sở kỳ, cố danh ma sự. Niệm Phật kiến Phật, dĩ thị tương ứng, huống lâm chung phi trí ma thời, hà tu nghi lự?

(解) 問。臨終佛現。寧保非魔。

答。修心人不作佛觀。而佛忽現。非本所期。故名魔事。念佛見佛。已是相應。況臨終非致魔時。何須疑慮。

(Giải: Hỏi: Lâm chung Phật hiện, há bảo đảm chẳng phải là ma ư?

Đáp: Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự. Niệm Phật thấy Phật, tức là tương ứng, huống chi lâm chung chẳng phải là lúc ma đến, cần gì phải nghi ngờ, lo lắng nữa?).

Kinh Địa Tạng nói người đời khi lâm chung, thấy người nhà quyến thuộc đã mất của chính mình [hiện đến đón tiếp] thì đây chẳng phải là thật, mà đều là oan gia trái chủ mạo nhận người nhà đến đón, hòng tiếp đón, dẫn dắt người ấy vào ác đạo để trả thù. Người niệm Phật khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, có phải là do ma biến hiện hay không? Đại sư nói: “Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện ra, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự”. Chữ “người tu tâm” phần nhiều chỉ người tham Thiền,

người ấy bình thường chẳng niệm Phật, hề niệm Phật một tiếng phải súc miệng hai ba ngày. Nếu [kẻ ấy] khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn thì hoàn toàn chẳng phải là điều người ấy mong mỏi, sợ là ma sự! Người niệm Phật không giống như vậy, niệm Phật thấy Phật là chuyện tương ứng. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn là do bốn nguyện của Phật. Kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi thứ Âm Ma, trong mỗi thứ lại có bao nhiêu đó loại, thời thời khắc khắc vây quanh bên thân người tu hành, nhưng đối với người niệm Phật thì ma cũng chẳng thể làm gì được!

(Giải) Vấn: Thất nhật bất loạn, bình thời da? Lâm chung da?

Đáp: Bình thời dã.

Vấn: Thất nhật bất loạn chi hậu, phục khởi Hoặc tạo nghiệp, diệc đắc sanh da?

Đáp: Quả đặc nhất tâm bất loạn chi nhân, vô cánh khởi Hoặc tạo nghiệp chi sự.

Vấn: Đại Bản thập niệm, Bảo Vương nhất niệm, bình thời da? Lâm chung da?

Đáp: Thập niệm thông nhị thời. Thần triêu thập niệm, thuộc bình thời. Thập niệm đặc sanh dữ Quán Kinh thập niệm xưng danh đồng, thuộc lâm chung thời. Nhất niệm tắc đản ước lâm chung thời.

Vấn: Thập niệm, nhất niệm tịnh đặc sanh, hà tu thất nhật?

Đáp: Nhược vô bình thời thất nhật công phu, an hữu lâm chung thập niệm, nhất niệm. Túng Hạ Hạ Phẩm nghịch ác chi nhân, tịnh thị túc nhân thành thực, cố cảm lâm chung ngộ thiện hữu, văn tiền tín nguyện. Thử sự vạn trung vô nhất, khởi khả kiêu hãnh, Tịnh Độ Hoặc Vấn xích thử tối tường. Kim nhân bất khả bất độc.

(解) 問。七日不亂。平時耶。臨終耶。

答。平時也。

問。七日不亂之後。復起惑造業。亦得生耶。

答。果得一心不亂之人。無更起惑造業之事。

問。大本十念。寶王一念。平時耶。臨終耶。

答。十念通二時。晨朝十念。屬平時。十念得生。與觀經十念稱名同。屬臨終時。一念。則但約臨終時。

問。十念一念並得生。何須七日。

答。若無平時七日工夫。安有臨終十念一念。縱下下品逆惡之人。並是夙因成熟。故感臨終遇善友。聞便信願。此事萬中無一。豈可僥倖。淨土或問。斥此最詳。今人不可不讀。

(Giải: Hỏi: Bảy ngày chẳng loạn là lúc bình thường hay lúc lâm chung?)

Đáp: Lúc bình thường.

Hỏi: Sau khi đã đắc bảy ngày chẳng loạn, lại dấy phiền não, tạo nghiệp thì cũng được vãng sanh ư?

Đáp: Nếu là người thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì không còn có chuyện dấy lên phiền não, tạo nghiệp nữa!

Hỏi: Mười niệm trong kinh Đại Bản và một niệm trong luận Bảo Vương là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung?

Đáp: “Mười niệm” là nói chung cả hai thời điểm ấy. Mười niệm vào lúc sáng sớm thuộc lúc bình thường. Mười niệm được vãng sanh [trong lời nguyện của A Di Đà Phật trong kinh Vô Lượng Thọ] giống như “mười niệm xưng danh” [được nói trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh] của Quán Kinh, đều thuộc về lúc lâm chung. Còn một niệm [như trong luận Bảo Vương nói] thì thuộc về lúc lâm chung.

Hỏi: Mười niệm và một niệm đều được vãng sanh thì cần gì phải bảy ngày [nhất tâm bất loạn]?

Đáp: Nếu lúc bình thường không có công phu bảy ngày [nhất tâm bất loạn] thì làm sao có mười niệm hay một niệm lúc lâm chung được? Dẫu là kẻ nghịch ác thuộc Hạ Phẩm Hạ Phẩm, đều là do cái nhân trong đời trước đã chín muồi nên cảm vờ khi lâm chung gặp thiện hữu, vừa nghe nói [về pháp môn Tịnh Độ] liền tín

nguyện. Chuyện này trong một vạn trường hợp chẳng có được một, há nên cầu may ư? Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn bài xích quan điểm cầu may này tường tận nhất, người đời nay chẳng thể không đọc!).

Chúng ta lúc bình thường đả Phật thất, định thời hạn cầu chứng đắc, cầu nhất tâm bất loạn. Có kẻ hoài nghi, sau khi đắc nhất tâm bất loạn thì phiền não lại dấy lên, tạo nghiệp, thì phải nên làm sao? Đại sư cười gỡ mối nghi, dạy: Nếu thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì sẽ vĩnh viễn đạt được, chẳng bị mất đi; chứ không phải là do sức trần định yếu ớt, chẳng thể chống chọi những dụ dỗ, mê hoặc! Nếu tâm lại loạn thì là do trước đó hoàn toàn chưa đạt được nhất tâm bất loạn.

Lại có người hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói mười niệm, kinh Bảo Vương¹⁴⁷ nói một niệm, rốt cuộc là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung? Đại sư trả lời: “*Thập niệm thông nhị thời*” (Mười niệm là nói chung cả hai thời điểm ấy). Người công việc bận rộn đối với thời khóa buổi sáng dùng cách Thập Niệm, mỗi ngày thực hiện khóa sáng không thiếu sót thì cũng phù hợp với lời dạy “*nhất hướng chuyên niệm*” trong kinh Vô Lượng Thọ. Lúc lâm chung, tâm niệm Phật khẩn thiết, tâm sám hối sâu nặng, có sức mạnh rất lớn, cho nên khi lâm chung từ một niệm cho đến mười niệm sẽ được vãng sanh, giống

¹⁴⁷ Ở đây chắc là người ghi lại lời giảng đã chép lầm, vì Bảo Vương Kinh là tên gọi tắt của Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh; đây là một bộ kinh giảng về duyên khởi, lực dụng, và phép tu trì Lục Tự Đại Minh Chú (tức thần chú “*Om, mani padme hum*”), hoàn toàn chẳng nói gì tới chuyện vãng sanh hay pháp môn Tịnh Độ. Bảo Vương được Tổ Ngẫu Ích nhắc tới ở đây chính là sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận do pháp sư Phi Tích chùa Thảo Đường núi Từ Các soạn vào đời Đường. Trong cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh cũng giảng chữ Bảo Vương ở đây là Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận.

như trường hợp của ông Trương Thiện Hòa.

Nếu có kẻ nói mười niệm hay một niệm đều được vãng sanh thì lúc bình thường cần gì phải niệm Phật? Đại sư nói, nếu không có công phu bảy ngày lúc bình thường, làm sao có một niệm hay mười niệm lúc lâm chung cho được? Có những người đến lúc cuối cùng mười niệm quyết định vãng sanh, nhưng cơ duyên này chẳng nhiều! Có kẻ khi lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chẳng thể niệm Phật được! Chẳng thể chết tốt lành chính là phước mỏng, lúc bình thường phải tu phước. Lâm chung chợt gặp được Phật pháp, nghe xong liền phát tâm cầu nguyện vãng sanh, chính là do thiện căn, phước đức nhiều đời nhiều kiếp hiện tiền, hoàn toàn chẳng phải là ngẫu nhiên. Do vậy, chúng ta chẳng thể ôm lòng mong được may mắn như thế. Huống chi lúc lâm

chung gặp được thiện duyên thì phải có đủ ba điều kiện:

- Thứ nhất, khi lâm chung thần trí sáng suốt.

- Thứ hai, gặp thiện tri thức, khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

- Thứ ba, người ấy vừa nghe liền có thể tiếp nhận, đồng thời đầy đủ ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh.

Dẫu là kẻ ác nghịch Hạ Hạ Phẩm, do túc nhân chín muôi, nên cảm được [quả báo] lúc lâm chung gặp thiện hữu. Chuyện này trong một vạn trường hợp chưa có được một. Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu đã giảng chuyện này rất tường tận, hy vọng mọi người hãy xem thì mới chẳng mang lòng cầu may nữa!

(Giải) Vấn: Tây Phương khứ thử thập vạn ức độ, hà đắc tức sanh?

Đáp: Thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại. Dĩ tâm tánh bốn vô ngoại cố, hựu trọng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh? Như kính trung chiếu sổ thập tầng sơn thủy, lâu các, tầng sổ uyển nhiên, thật vô viển cận, nhất chiếu câu liễu, kiến vô tiên hậu. “Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc”, diệc như thị. “Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”, diệc như thị. “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”, diệc như thị. Đương tri, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã.

(解) 問。西方去此十萬億土。何得即生。答。十萬億土。不出我現前一念心性之外。以心性本無外故。又仗自心之佛力接引。何難即生。如鏡中照數十層山水樓閣。層數宛然。實無遠近。一照俱了。見無先後。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。亦如是。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。亦如是。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。亦如是。當知。字字皆海印三昧。大圓鏡智之靈文也。

(Giải: Hỏi: Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi, làm sao sanh ngay sang ấy được?

Đáp: Mười vạn ức cõi chẳng ngoài một niệm tâm tánh hiện tiền của ta, bởi tâm tánh vốn chẳng ở bên ngoài. Hơn nữa, cậy vào Phật lực từ trong tâm tánh tiếp dẫn, khó gì mà chẳng sanh ngay [sang cõi Cực Lạc]? Giống như trong gương chiếu mấy chục tầng núi, sông, lầu gác, tầng nào tầng nấy rành rành, quả thật chẳng có gần hay xa, hễ vừa soi liền trọn đủ, chẳng thấy có trước hay sau. “Cách đây mười vạn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc”, cũng giống như vậy. “Cõi ấy có Phật, hiệu A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp” cũng giống như vậy. “Khi ấy người lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mắt. Người ấy khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di

Đà Phật”, cũng giống như vậy. Hãy nên biết rằng từng chữ [trong kinh A Di Đà] đều là Hải Ấn tam-muội, là kinh văn thiêng liêng giảng về Đại Viên Kính Trí).

Ở đây là nghi vấn “khoảng cách giữa Tây Phương và cõi này xa xôi, làm sao đến ngay được?” Kinh Đại Thừa giảng mười pháp giới đều là vật được biến hiện trong tâm tánh. Tâm tánh là Năng Biến (chủ thể có công năng biến hiện), mười phương các cõi Phật là Sở Biến (vật được biến hiện). Tâm tánh có thể biến hiện vô lượng, cõi nước được biến hiện (Sở Biến) cũng vô lượng vô biên. Đức Phật nói Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà chỉ có mười vạn ức cõi Phật, nếu đem so với tâm tánh vô lượng thì khoảng cách ấy rất ngắn. Do vậy, kinh nói người niệm Phật往昔 sanh Tây Phương chỉ trong khoảng khảy ngón tay liền đến nơi. A Di

Đà Phật cũng là A Di Đà Phật trong tự tánh của chúng ta, trọn chẳng phải là ở ngoài tự tánh lại có một vị A Di Đà Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng do tự tánh biến hiện ra. Hơn nữa, do công đức của bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tiếp dẫn, vãng sanh đâu có khó khăn gì? Nếu hiểu rõ ràng đạo lý căn bản này thì tất cả đạo lý trong kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa hễ vừa tiếp xúc đều liền hiểu ngay. Lại giống như đem một tấm gương soi sơn thủy bên ngoài, chẳng thể nào vì ở gần mà chiếu trước, ở xa bên chiếu sau. Vật hiện bóng trong gương quả thật chẳng có xa gần. Chư Phật, Bồ Tát tột cùng hư không, trọn khắp pháp giới, hễ nghĩ đến nơi đâu liền lập tức đến được nơi đó. Kinh Hoa Nghiêm giảng chuyện này rất rõ ràng, do vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên chẳng thể khế nhập tình huống này. Nếu không có vọng

tương, phân biệt, chấp trước thì xa gần lớn nhỏ đều chẳng còn nữa!

Kinh chép: “*Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ*” (Người ấy khi mạng sắp hết, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mắt, người ấy khi lâm chung tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Đó gọi là vãng sanh; Phật và thánh chúng chẳng đến mà đến, chẳng đi mà đi. Nói “*đến, đi*” là dựa theo mặt Sự, nói “*chẳng đến, chẳng đi*” là luận trên mặt Lý.

“*Đương tri, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã*”: Từng chữ, từng câu trong kinh này đều là Hải Ấn tam-muội. Chữ “*hải*” sánh ví sự rộng lớn, cảnh giới bên ngoài đều chiếu xuống mặt biển, tử dụ tâm tánh, tâm tánh trọn đủ

hết thấy pháp giới, hình dung sâm la vạn tượng và các cảnh sắc đều soi bóng trong biển cả. Nói theo mặt Sự, ánh sáng tròn vẹn của tấm gương tròn lớn chiếu khắp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, không pháp nào chẳng hiện. Hải Ấn tam-muội biểu thị Thể của tâm tánh, còn Đại Viên Kính Trí biểu thị Dụng của tâm tánh. Dụng là không gì chẳng biết, không pháp nào chẳng hiện, nói rõ từng chữ từng câu trong kinh này đều là lời văn thiêng liêng diễn tả Hải Ấn tam-muội và Đại Viên Kính Trí. Hai câu này nhằm tổng kết, nói rõ địa vị cao vòi vọi và tánh chất trọng yếu của bản kinh này trong toàn bộ Phật pháp. Kinh A Di Đà là tinh hoa của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là kinh A Di Đà được giảng chi tiết. Do vậy, tôi đề nghị mọi người chuyên niệm kinh Vô Lượng Thọ. Căn tánh con người hiện thời yếu hèn, nếu

chỉ nhìn vào văn tự thì kinh A Di Đà giống như thần thoại, tiểu thuyết, chẳng nếm được ý vị.

(Giải) Vấn: Trì danh phán Hành Hạnh, tác thị Trợ Hạnh, hà danh Chánh Hạnh?

Đáp: Y nhất tâm thuyết Tín Nguyễn Hạnh, phi tiên hậu, phi định tam. Cái vô Nguyễn Hạnh, bất danh Chân Tín. Vô Hạnh Tín, bất danh Chân Nguyễn. Vô Tín Nguyễn, bất danh Chân Hạnh. Kim toàn do tín nguyện trì danh, cố Tín Nguyễn Hạnh tam, thanh thanh viên cụ. Sở dĩ, danh “đa thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Quán Kinh “xưng Phật danh cố, niệm niệm trung trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”, thử chi vị dã. Nhược phước thiện bất đa, an năng trừ tội như thử chi đại.

(解) 問。持名判行行。則是助行。何名正行。答。依一心說信願行。非先後。非定三。蓋無願行。不名真信。無行信。不名真願。無信願。不名真行。今全由信願持名。故信願行三。聲聲圓具。所以名多善根福德因緣。觀經稱佛名故。念念中除八十億劫生死之罪。此之謂也。若福善不多。安能除罪如此之大。

(Giải: Hỏi: Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh, thì nó là Trợ Hạnh, chứ sao lại bảo là Chánh Hạnh?)

Đáp: Dựa theo nhất tâm để nói về Tín - Nguyện - Hạnh thì không có trước sau, không nhất định phải tách ra thành ba thứ. Bởi lẽ, không có Nguyện và Hạnh thì

chẳng gọi là Chân Tín. Không có Hạnh và Tín thì chẳng gọi là Chân Nguyện. Không có Tín và Nguyện thì chẳng gọi là Chân Hạnh. Nay hoàn toàn do tín nguyện mà trì danh nên trong mỗi tiếng niệm Phật đều đầy đủ trọn vẹn ba món Tín - Nguyện - Hạnh. Do vậy, gọi là “nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Quán Kinh bảo “do xưng niệm danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử” chính là nói về điều này. Nếu phước thiện chẳng nhiều thì làm sao trừ được tội to lớn như thế?)

“Trì danh phán Hành Hạnh” (Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh) chính là lời phán định của Ngẫu Ích đại sư. “Tín Nguyện” được phán định thuộc về Huệ Hạnh, còn “Hạnh” được phán định thuộc về Định Hạnh. Do vậy, trong niệm Phật có cả Định lẫn Huệ. Không ít người

chẳng thềm đồ công sức nơi Tịnh Tông, chẳng hiểu biết mảy may gì, bảo Niệm Phật là Tiểu Thừa! Thật ra, Niệm Phật là phép Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa. Hễ hiểu lý thì niệm một câu Phật hiệu là Đại Thừa, nhưng chẳng hiểu lý mà niệm một câu Phật hiệu thì vẫn là Đại Thừa! Thành tựu của người ấy hết thảy Đại Thừa Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng, cực viên, cực đốn. Tín Nguyện là Huệ, trì danh là Hạnh, là học Định và Huệ cân bằng, từng câu Phật hiệu đều đầy ấp Định - Huệ, mà còn là viên Định, viên Huệ.

“Y nhất tâm thuyết Tín - Nguyện - Hạnh, phi tiên hậu, phi định tam” (Nếu dựa trên nhất tâm đề luận Tín - Nguyện - Hạnh thì chẳng phải là trước sau, không nhất định phải tách rời thành ba thứ): Nhằm nói phương tiện để người nghe sẽ do đó mà thấy được đường lối tu hành nên nói *“tín, nguyện, hạnh”*. Ba món tư lương này nếu

xét trong một tâm thì trong một niệm, một câu Phật hiệu tương ứng với Tín, tương ứng với Nguyện, tương ứng với Hạnh, một tức là ba, ba tức là một. Đó gọi là “*tương ứng*”. Nếu trong khi niệm Phật hiệu mà không có tín nguyện, sẽ chẳng đầy đủ ba món tư lương, tức là chẳng tương ứng. Không có Nguyện và Hạnh thì chẳng gọi là Chân Tín, không có Tín và Hạnh chẳng phải là Chân Nguyện, không có Tín và Nguyện thì chẳng phải là Chân Hạnh. Nếu nhất tâm trì danh, nhất tâm chính là chân tâm, chân tâm chính là Tín - Nguyện - Hạnh trọn đủ viên mãn. Người nhất tâm niệm Phật thì ít mà người tam tâm, nhị ý niệm Phật lại nhiều. Do vậy, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi. A Lại Da Thức, Mạt Na Thức, Ý Thức là “*tam tâm*”. Mạt Na là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức, đây là “*nhị ý*”. Nếu phàm phu dùng cái tâm “*tam tâm nhị*

ý” để niệm Phật, trì chú, nghiên cứu giáo lý thì đều chẳng tương ứng.

Lục Tổ đại sư nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ, nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Trong kinh này, tự tánh được gọi là “*nhất tâm*”. Mỗi một câu Phật hiệu đầy đủ trọn vẹn ba món tư lương, Tam Học, Tam Huệ. Do vậy, gọi là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Quán Kinh dạy: “*Do xưng danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử*”. Nếu thiện căn, phước đức không nhiều, làm sao có thể trừ tội nhiều như thế được? Đọc kinh này xong, nếu cảm thấy lời này dường như quá lớn, thì hãy quan sát xem khi niệm Phật, ta dùng tâm tư thái độ nào. Nếu dùng tam tâm nhị ý để niệm thì sẽ chẳng có hiệu quả rõ ràng.

(Giải) Vấn: *Lâm chung mãnh thiết, năng trừ đa tội, bình nhật chí tâm xưng danh, diệt trừ tội phủ?*

Đáp: *Như nhật xuất, quần ám tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.*

Vấn: *Tán tâm xưng danh diệt trừ tội phủ?*

Đáp: *Danh hiệu công đức bất khả tư nghị, ninh bất trừ tội? Đản bất định vãng sanh, dĩ du du tán thiện, nan địch vô thỉ tích tội cố! Đương tri tích tội, giả sử hữu thể tướng giả, tận hư không giới bất năng dung thọ. Tuy bách niên trú dạ, Di Đà thập vạn, nhất nhất thanh diệt bát thập ức kiếp sanh tử, nhiên sở diệt tội, như trao thượng thổ. Vị diệt tội, như đại địa thổ. Duy niệm chí nhất tâm bất loạn, tắc như kiện nhân đột vi nhi xuất, phi phục tam quân năng chế nhĩ. Nhiên xưng danh tiện vi thành Phật chủng tử, như kim cang chung bất khả hoại. Phật*

thế, nhất lão nhân cầu xuất gia, ngũ bách thánh chúng giai vị “vô thiện căn”. Phật ngôn: “Thử nhân vô lượng kiếp tiền, vị hổ bức, thất thanh xưng nam-mô Phật. Kim thử thiện căn thành thực, tri ngã đắc đạo, phi Nhị Thừa đạo nhãn sở tri dã”. Do thử quán chi, Pháp Hoa minh “quá khứ Phật sở, tán loạn xưng danh, giai dĩ thành Phật”, khởi bất tín tai?

(解) 問。臨終猛切。能除多罪。平日至心稱名。亦除罪否。答。如日出。群闇消。稱洪名。萬罪滅。問。散心稱名亦除罪否。答。名號功德。不可思議。寧不除罪。但不定往生。以悠悠散善。難敵無始積罪故。當知積罪。假使有體相者。盡虛空界。不能容受。雖百年晝

夜。彌陀十萬。一一聲。滅八十億劫生死。然所滅罪。如爪上土。未滅罪。如大地土。唯念至一心不亂。則如健人突圍而出。非復三軍能制耳。然稱名便為成佛種子。如金剛終不可壞。佛世一老人求出家。五百聖眾皆謂無善根。佛言。此人無量劫前為虎伥。失聲稱南無佛。今此善根成熟。值我得道。非二乘道眼所知也。由此觀之。法華明過去佛所。散亂稱名。皆已成佛。豈不信哉。

(Giải: Hỏi: Khi lâm chung mạnh mẽ, thiết tha, có thể trừ được nhiều tội, chứ lúc bình thường chí tâm xưng danh thì cũng trừ được tội ư?)

Đáp: Như mặt trời mọc, mọi tội tãm đều tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.

Hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội ư?

Đáp: Công đức xưng danh chẳng thể nghĩ bàn, lẽ nào chẳng trừ được tội? Nhưng không nhất định được vãng sanh, bởi lẽ điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thủy. Hãy nên biết rằng tội lỗi đã tích tập nếu có thể tướng thì cùng tận cõi hư không chẳng thể chứa đựng được. Dầu suốt cả trăm năm, mỗi ngày đêm niệm Di Đà mười vạn tiếng, mỗi một tiếng diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, nhưng tội đã diệt giống như đất đọng trên móng tay, còn tội chưa diệt giống như đất trong đại địa. Chỉ trừ niệm Phật đến nhất tâm bất loạn sẽ giống như người mạnh mẽ đột phá vòng vây xông ra, ba quân chẳng còn có thể khống chế người ấy; nhưng xưng danh sẽ là hạt

giống thành Phật, như kim cương tròn chẳng thể hủy hoại. Trong thời đức Phật, một cụ già xin xuất gia, năm trăm vị thánh nhân đều nói cụ không có thiện căn. Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kiếp trước, người này bị hổ đuổi, lạc giọng xưng nam-mô Phật, đến nay thiện căn ấy chín muồi, gặp ta, đắc đạo, đạo nhân của Nhị Thừa chẳng thể biết được!” Do đây có thể thấy rằng kinh Pháp Hoa nói người trong quá khứ, ở chỗ Phật, tán loạn xưng danh đều đã thành Phật, há chẳng tin ư?)

Có người hỏi: Khi lâm chung, ý niệm dũng mãnh, tâm nguyện khẩn thiết, trì danh dễ đạt đến nhất tâm, chứ lúc bình thường trong tâm tản mạn, chẳng thể tập trung sức mạnh tinh thần, chẳng sốt sắng như lúc trong lúc khẩn yếu gặp nguy nan, tâm hơi hợt hờ hững mà cũng có thể trừ được tội hay chẳng? Đại sư dùng tỷ dụ để

trả lời, như mặt trời mọc lên, hết thấy tối tăm đều chẳng còn. Niệm hồng danh Phật thì hết thấy tội chướng đều tiêu diệt. Nhưng cần phải chú ý câu hỏi của người này: Lúc bình thường chí tâm xưng danh cũng có thể trừ tội hay chẳng? Chí tâm chính là nhất tâm, đương nhiên trừ được tội.

Lại hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội hay chẳng? Tâm tán loạn ở đây chẳng phải là nhất tâm. Đại sư đáp: Dùng tâm tán loạn, tam tâm nhị ý để niệm Phật thì cũng trừ được tội, nhưng chẳng chắc chắn sẽ vãng sanh, tùy theo lúc lâm chung có thể chí tâm hay không? Do vậy, bình thường dùng chí tâm để niệm Phật thì lâm chung nhất định sẽ được vãng sanh, có nắm chắc vãng sanh hay không chẳng cần phải người nào khác, chính mình phải tự biết. Nếu thật sự chí tâm xưng niệm thì cần phải mất bao lâu mới

đạt được hiệu nghiệm? Trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ước chừng ba năm, người ngồi mát, đứng qua đời rất đông. Trong thời gần đây, người ba năm thành tựu cũng chẳng ít. Lão pháp sư Đàm Hư nói: Cự Đế Nhân có một vị đồ đệ làm thợ đóng đai thùng, niệm Phật ba năm, biết trước lúc mát, đứng vãng sanh. Chúng ta niệm mấy chục năm, một chút tin tức cũng không có, đại khái đều là do dùng cái tâm tán loạn để niệm Phật.

Nếu có người nói: “Niệm Phật ba năm sẽ chết thì pháp môn này chẳng thể học được!” Đủ thấy người ấy vẫn còn có rất nhiều tham ái đối với thế giới Sa Bà. Tín nguyện đã không thật, hạnh cũng chẳng khẩn thiết, chỉ đành mặc kệ họ. Nếu thật sự muốn được vãng sanh thì phải buông xuống vạn duyên, suốt ngày từ sáng đến tối nắm chắc một câu

Phật hiệu, những chuyện khác hãy tùy duyên tùy phận là xong. Từ đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay chúng ta đều niệm Phật, nhưng từ đầu đến cuối chẳng thể thành tựu, chính mình chẳng tìm ra nguyên nhân. Đại sư nói: “*Dĩ du du tán thiện, nan địch vô thí tích tội cố*” (Bởi lẽ, điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thí). “*Tội lỗi tích tập từ vô thí*” chính là tham, sân, si, mạn, tập khí, vọng tưởng, chấp trước. Nếu nhất tâm niệm Phật thì tập khí ấy chẳng thể hiện hành, tâm vô nhị dụng, khuấy phục phiền não, công phu thành phiền. Từ khuấy phục phiền não cho đến đoạn phiền não thì gọi là Sự nhất tâm, có chín phẩm, khuấy phục là Hạ Hạ Phẩm, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đoạn được phiền não thì là Thượng Thượng Phẩm, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu chẳng thể khuấy phục phiền não, ý niệm tham,

sân, si vẫn thường khởi lên thì phải đau đầu sấm hối, tự thẹn trách sâu xa. Được vãng sanh hay không là do chính mình quyết định.

Tội nghiệp đã tích tụ từ vô lượng kiếp đến nay nếu có thể tướng thì tận hư không khắp pháp giới đều chẳng thể chứa đựng được. Nếu có người niệm Phật, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, ngày đêm không ngừng, niệm liên tiếp cả trăm năm chẳng gián đoạn, mỗi một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử thì tội đã diệt giống như đất bám trên móng tay, tội chưa diệt như đất trên đại địa. Lời này là thật, trọn chẳng phải khoa trương! Nếu sanh về Tây Phương thì vấn đề này liền được giải quyết, chẳng thể sanh về Tây Phương sẽ phiền phức rất lớn, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi. Nghiệp nào mạnh sẽ lôi đi trước, thác sanh vào đường nào là do chính mình nghĩ

tưởng đến đường đó. Người có ý niệm Ngũ Giới mạnh mẽ, tuân thủ nhân luân đạo đức, sẽ bảo đảm giữ được thân người. Ý niệm Thập Thiện, từ, bi, hỷ, xả mạnh mẽ thì đời sau sanh vào cõi trời, nhưng loại người như vậy đã ít lại càng ít hơn, còn kẻ tạo tham, sân, si, mạn thì nhiều, tương lai đọa lạc trong tam đồ. Thời gian trong tam đồ quá dài, thật đáng sợ! Kinh Lăng Nghiêm và kinh Địa Tạng giảng tình hình trong địa ngục rất tường tận. Địa ngục như bầy ngặm, trong thế gian có rất nhiều, hễ chẳng cẩn thận sẽ rớt xuống đó.

Trong nhiều đời nhiều kiếp đã tạo vô lượng vô biên ác nghiệp, như bị ba quân tầng tầng lớp lớp bao vây, chỉ có một phương pháp là đột phá vòng vây, nhờ vào công phu niệm Phật, đời nghiệp vãng sanh là có thể xông ra khỏi vòng vây. Quan trọng nhất là nhất tâm, “bất loạn” là chẳng bị hết thấy hoàn cảnh nhiễu loạn,

tám gió chẳng thể thổi động được. Đã bất loạn đối với pháp thế gian mà đối với Phật pháp vẫn chưa buông xuống được, vừa tham Thiền vừa học Mật thì tương lai vẫn luân hồi trong sáu nẻo, lại còn chẳng đạt được ba đường lành.

“*Xưng danh*” là hạt giống kim cang thành Phật. Khi Phật tại thế, có một cụ già xin xuất gia, các vị A La Hán đệ tử Phật đều có thần thông, có thể thấy được năm trăm đời, quán thấy cụ già ấy trong cả năm trăm đời chẳng có thiện căn nên chẳng chấp thuận lời cụ cầu thỉnh, cụ già khóc lóc không chịu ra đi. Cuối cùng, đức Phật gọi cụ già ấy lại, bảo các đệ tử: “Cụ già này trong vô lượng kiếp trước, từng làm tiểu phu, ở trên non bị hổ đuổi, cọt đòn đến nỗi phải trèo lên cây, trong lúc kinh hãi, gào to một tiếng “*nam-mô Phật*”. Do nhân duyên ấy, đời này gặp Phật đắc độ. Huệ nhãn của hàng Thanh Văn Nhị

Thừa chẳng thấy được [điều này]. Trong kinh Pháp Hoa đã nêu lên một câu chuyện, há chẳng đáng tin ư? Từ xưa đến nay, thời đại lâu xa, người thuở ấy tuy vô tâm niệm một tiếng Phật hiệu, đến nay gặp duyên thành tựu. Chúng ta tùy duyên tùy phận, dùng câu Phật hiệu này để kết duyên niệm Phật cùng chúng sanh.

(Giải) Phục nguyện truy tổ trí ngu, ư thử giản dị trực tiếp, vô thượng viên đốn pháp môn, vật thị vi nan, nhi triếp sanh thoái ửy, vật thị vi dị, nhi mạn bất sách cần, vật thị vi thiên, nhi vọng trí miểu khinh, vật thị vi thâm, nhi phát cảm thừa nhậm. Cái sở trì chi danh hiệu, chân thật bất khả tư nghị; năng trì chi tâm tánh, diệc chân thật bất khả tư nghị, trì nhất thanh, tắc nhất thanh bất khả tư nghị. Trì thập, bách, thiên, vạn, vô lượng, vô

*số thanh, thanh thanh giai bất khả tư
nghị dã.*

**(解) 伏願緇素智愚。於此簡易直捷。
無上圓頓法門。勿視為難。而輒生退
諉。勿視為易。而漫不策勤。勿視為
淺。而妄致藐輕。勿視為深。而弗敢承
任。蓋所持之名號。真實不可思議。能
持之心性。亦真實不可思議。持一聲。
則一聲不可思議。持十百千萬無量無數
聲。聲聲皆不可思議也。**

*(Giải: Kính xin kẻ áo thâm, người áo
trắng, kẻ trí, người ngu, đối với pháp môn
đơn giản, dễ dàng, thẳng chông, vô
thượng viên đốn này, đừng nghĩ là khó rồi
liền sanh lòng thoái thác, đừng thấy là dễ*

dàng rồi chân chừ chẳng siêng gắng, đừng ngỡ là nông cạn để rồi đến nỗi làm lạc coi thường, đừng nghĩ pháp này quá sâu đến nỗi chẳng dám đảm đương. Bởi lẽ, danh hiệu được trì chân thật chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì niệm danh hiệu ấy cũng chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn).

Ở đây, đại sư buốt lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta. “Truy” (緇) chỉ người xuất gia mặc áo nhuộm thâm, “tố” (素) chỉ người tại gia. Tại Ấn Độ vào thời cổ, người ngoài đời mặc y phục màu trắng. “Trí” là người có học, hoặc kẻ thông minh có tài trí. “Ngu” là những ngu phu ngu phụ không biết chữ. Pháp môn trì

đanh niệm Phật này ai cũng có thể niệm được, đơn giản, dễ dàng, chính là pháp môn vô thượng viên đốn; nhưng cũng đừng nên nghĩ pháp này quá dễ dàng, khởi tâm coi thường. Rất nhiều người nghĩ kinh A Di Đà là nông cạn, coi thường, chẳng chịu tu học. Năm 1982, tôi đến Mỹ, có nhiều đồng tu bảo tôi: “Ở nước Mỹ, ngàn vạn phần đừng giảng pháp môn Niệm Phật kéo bị người ta chê cười. Mọi người đều giảng Thiên, giảng Mật”. Do vậy, thoát đầu tôi đến Mỹ thường giảng khẩu đầu Thiên, nhằm hàng phục những kẻ học Thiên, sau đấy tôi lại giảng Mật vì tôi theo học dưới tòa của Chương Gia đại sư ba năm, hiểu biết nội dung Mật Tông khá nhiều, bọn họ dùng cách nào cũng không gạt tôi được! Sau đấy, tôi mới đem pháp môn Tịnh Độ giới thiệu cho họ. Bọn họ không tiếp nhận mà cũng chẳng dám nói một câu nào phản đối. Đồng thời, tôi lại

mang từ Đài Loan sang bộ băng thâu âm bài giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, mọi người chẳng dám chê kinh Di Đà là nông cạn nữa. Cũng chớ nên nghĩ pháp môn này quá sâu. Trên thực tế, pháp môn này là cảnh giới nơi quả địa Phật, chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu rõ ráo, chứ chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể thấu hiểu được. Chín giới bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát ắt phải được Phật gia trì thì mới có thể thấu hiểu được. Nhưng trên mặt Sự, pháp này hết sức dễ dàng, không một pháp môn nào vừa dễ dàng vừa đơn giản bằng niệm Phật. Thực hiện được bốn chữ “*tín nguyện trì danh*” thì sẽ thành công. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ điều này ra, bất cứ suy tưởng gì cũng đều chẳng có. Đây là *tín nguyện trì danh*.

Lại nữa, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì danh cũng chẳng

thể nghĩ bàn. Tín nguyện trì danh là chân tâm, mà cũng là nhất tâm, công đức của nó chẳng thể nghĩ bàn. Chân tâm là Năng Cảm, còn Phật, Bồ Tát là Sở Cảm. Nói theo mặt Lý, A Di Đà Phật là đức hiệu của Chân Như bốn tánh hư không pháp giới. Nói theo mặt Sự thì là danh hiệu bốn nguyện công đức của A Di Đà Phật. “*Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng, vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn*”. Đối với đoạn văn này, cổ đức nói nó bao gồm ba thứ trọng yếu:

- 1) Đức Phật được niệm là “cảnh yếu”.
- 2) Cái tâm niệm Phật là “tâm yếu”.
- 3) Năng và Sở chẳng hai, tâm và Phật giống hệt như nhau là “pháp môn yếu”.

[Ở đây] “*yếu*” có nghĩa là “*diệu*”, huyền diệu tốt bậc chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ tâm, cảnh và pháp môn đều chẳng thể nghĩ bàn. Tác phẩm Yếu Giải của đại sư

cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng trách Ấn Quang đại sư đề cao tột bậc sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Nếu học Phật mà nắm được cương lĩnh, y giáo phụng hành, những lợi ích đạt được trước khi vãng sanh hoàn toàn chẳng thể do tu các pháp môn khác mà đạt được. Thân tâm thanh tịnh, cái thấy rõ là mạnh khỏe, sống lâu, hạnh phúc, sung sướng sẽ ngay lập tức đạt được. Người đời mong cầu mãnh liệt mà chẳng được, còn người niệm Phật sẽ có thể cầu được.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

(Giải) “Ngã kiến” giả, Phật nhân sở kiến, cứu tận minh liễu dã. “Thị lợi” giả, hoành xuất ngũ trược, viên tịnh tứ độ,

trực chí bất thoái vị tận, thị vi “bất khả tư nghị công đức chi lợi” dã.

(經) 舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(解) 我見者。佛眼所見。究盡明了也。是利者。橫出五濁。圓淨四土。直至不退位盡。是為不可思議功德之利也。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy.

Giải: “Ngã kiến” là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận. “Thị lợi” là [những điều lợi như] vượt khỏi cõi Ngũ Trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn

cõi Tịnh Độ, đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn. Đây là “điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức” vậy).

Đây là lần thứ hai đức Phật khuyên người nghe hãy nên phát nguyện. Câu “*ngã kiến thị lợi*” này khẩn yếu nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật chính mắt thấy được điều lợi ích thù thắng này, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới, người vãng sanh bất luận là ai, dầu là chúng sanh từ ác đạo [sanh về Cực Lạc] cũng đều chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Hết thấy các cõi Phật không có điều này, do điều này nên Phật mới khuyến khích chúng ta hãy nên vãng sanh. Trong lời chú giải, đại sư lại nói: “*Ngã kiến (ta thấy) là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận*”. Trong mười pháp giới, con người thường nghĩ mình rất thông minh, thấy chuyện gì cũng đều thấy rất thấu triệt,

nhưng chẳng thể sánh bằng chư thiên; chư thiên thấy rõ ràng hơn chúng ta. Thiên nhân chẳng bằng huệ nhãn của A La Hán. Huệ nhãn của A La Hán chẳng bằng pháp nhãn của Bồ Tát. Pháp nhãn của Bồ Tát chẳng bằng Phật nhãn. Đức Phật ngũ nhãn viên minh, thấy gì cũng đều rõ ráo viên mãn. Đức Phật thấy [do pháp môn Niệm Phật mà chúng sanh] “*vượt khỏi đời ngũ trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, cho đến chứng đắc trọn vẹn các địa vị Bất Thoái*”, đây là điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức.

1) Lục đạo phàm phu muốn thoát ly tam giới hết sức khó khăn. Chúng ta hãy quán sát kỹ càng, bao nhiêu người tu hành trong thế gian có trí huệ và công phu tu hành rất cao, rốt cuộc đều chẳng thoát khỏi tam giới, là vì lẽ nào? Do Kiến Tư phiền não chẳng dễ gì đoạn được! Đức Phật dạy lục đạo luân hồi là do Kiến Tư phiền não mà

có, chỉ cần có Kiến Tư là sẽ chẳng ra khỏi luân hồi. Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán đoạn được Kiến Tư, vượt thoát luân hồi. So với Tứ Quả, Tam Quả chưa đoạn sạch phiền não nên không thể vượt thoát lục đạo. Công phu, trí huệ của các vị ấy tốt đẹp, tu hành trong Tứ Thiên Thiên, đoạn được Kiến Tư mới thoát khỏi tam giới. Nhằm nói cho thuận tiện, đức Phật đã quy nạp các phiền não thành mười loại lớn, tức năm loại Kiến Hoặc và năm loại Tư Hoặc. Kiến Hoặc là kiến giải sai lầm, thứ nhất là Thân Kiến, coi thân là Ngã, sai rồi, thân là cái ta có. Chẳng hạn như y phục, y phục là thứ ta có, hoàn toàn chẳng phải là ta. Thứ hai là Biên Kiến, chấp trước vào hai bên, nói theo cách bây giờ là “*tương đối luận*”, chúng ta luôn sống trong không gian tương đối, hoàn toàn chẳng phải là chân thật. Nếu nói tới chân thật thì là Nhất Chân pháp giới. Ngoài Nhất Chân pháp

giới, mười pháp giới đều là tương đối. Ngoài ra, còn có hai thứ thường được gọi là “*thành kiến*”: Một là đối với quả, chẳng phải là quả mà coi là quả; hai là đối với nhân, chẳng phải là nhân mà tính là nhân. Ở đây, nói riêng biệt từng điều như sau:

Thứ ba là Kiến Thủ Kiến, chẳng phải quả mà coi là quả. “*Kiến*” (見) là kiến giải chủ quan. “*Thủ*” (取) là chấp trước, chấp trước ý kiến chủ quan không chánh xác của chính mình, như các tôn giáo khác cho rằng sanh lên trời là “vĩnh sanh” (sự sống đời đời). Trên thực tế, tuy chư thiên thọ mạng rất dài, vẫn có lúc kết thúc, hoàn toàn chẳng rốt ráo. Đó chính là thành kiến. Trời vốn là hữu lậu, họ ngộ nhận cõi trời là diệu quả. Đây chính là “chẳng phải quả mà ngỡ là quả”.

Thứ tư là Giới Cấm Thủ Kiến, chẳng phải nhân mà coi là nhân. “Giới” (戒) là tánh giới¹⁴⁸, chẳng hạn như giết, trộm, dâm, “cấm” (禁) là ngăn cấm, như uống rượu, ăn thịt. Gìn giữ giới cấm vốn là thiện pháp, vì sao lại xếp vào loại “chẳng phải là chánh kiến”? Lỗi ở chỗ chấp trước giữ chặt. Có một loại ngoại đạo tu hành giỏi giang, đắc Thiên Nhân Thông, thấy trâu, chó sanh lên trời bèn tưởng học theo lối sống của trâu và chó sẽ được sanh lên trời, chẳng hề biết trâu, chó sanh lên trời là do nguyên nhân nào. Lâu dần trở thành một thứ tà môn ngoại đạo, đây gọi là “chẳng phải nhân mà coi là nhân”.

Thứ năm là Tà Kiến. Phàm là tri kiến bất chánh như chẳng tin luân hồi, chẳng tin vào nhân quả báo ứng, chẳng tin vào

¹⁴⁸ Tánh giới: Những điều cần phải tránh phạm vì bản tánh của những hành vi ấy dẫn đến phiền não, đau khổ, ác quả. Dù thọ giới hay không, hề phạm phải những điều ấy đều dẫn đến quả báo xấu ác.

Thánh Ngôn Lượng, đều thuộc về đại tà kiến, chướng ngại lợi ích thù thắng của bản thân. Chính mình không tin thì cũng được đi, lại còn khuyên người khác chẳng tin, tạo tội Vô Gian địa ngục. Trong tám nạn có Thế Trí Biện Thông, phần nhiều là phân tử trí thức cao cấp, họ còn có những luận điệu thiên chấp, tà vạy, tương lai dẫn dắt người khác cùng vào địa ngục, thật là đáng thương!

Tư Hoặc cũng gồm năm loại lớn là tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây là chuyên hoài nghi thánh giáo. Năm thứ này cộng với năm thứ Kiến Hoặc vừa nói trên đây, được gọi chung là “Kiến Tư Nhị Hoặc”. Người Tiểu Thừa đoạn được Kiến Tư Nhị Hoặc, Phật nói [điều ấy] giống như “cắt đứt dòng chảy rộng bốn mươi dặm”, hết sức khó khăn! Trong kinh nói đoạn được Kiến Hoặc bèn chứng Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa, phải sanh tử

trong cõi trời và nhân gian bảy lần thì mới đoạn được Tư Hoặc. Con người tuổi thọ ngắn ngủi, cõi trời tuổi thọ dài, tốn một thời gian dài bao lâu mới đoạn được? Quả thật không có cách nào tính toán được! Trong kinh nói “đề thành Phật, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp”, nhưng [thời gian ấy] phải tính từ ngày đoạn được Kiến Hoặc. Hễ đoạn được Kiến Hoặc thì là thánh nhân; tuy chưa ra khỏi tam giới, nhưng chẳng đọa trong tam đồ. Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, tức là “dự vào hàng thánh nhân”. Phương pháp tu học của Tiểu Thừa chẳng xảo diệu như Đại Thừa, nhất là [so sánh giữa Tiểu Thừa với] Thiên Tông. Thiên Tông tuy hay khéo, nhưng người đạt được sự hay khéo ấy cũng phải là bậc thượng căn lợi trí, chứ không phải những kẻ thông thường mà hòng học được. Do vậy, kém xa Tịnh Tông!

Trong phần trước, tôi nói tới cõi trời, kinh Phật giảng tường tận nhất. Ở đây, tôi bổ sung đại lược. Chẳng hạn như Tứ Thiên Thiên, Tứ Không Thiên đều ở trong tam giới, tuy thọ mạng rất dài, nhưng vẫn có sanh tử. Có người tưởng hễ sanh lên trời thì sẽ sống đời đời, ngộ khái niệm ấy tương tự như chuyện nhập Niết Bàn trong Phật pháp. Cần biết rằng: Các tầng trời Tứ Thiên, Tứ Không vẫn có sanh diệt, hoàn toàn chẳng phải là rốt ráo. Đức Phật nói có hai mươi tám tầng trời, nhân của mỗi tầng khác nhau, quả cũng khác nhau. Chỉ tu Thập Thiện thượng phẩm sẽ có thể sanh vào trời Tứ Vương Thiên và Đao Lợi Thiên. Nếu lại muốn sanh lên trời Dạ Ma mà chỉ tu Thập Thiện thì không được, còn phải có công năng Thiên Định. Dục Giới có tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ. Từ Sơ Thiên trở lên, không những chẳng có Ngũ Dục về mặt Sự, mà ý niệm [tham

luyện Ngũ Dục] cũng chẳng có. Nếu vẫn còn có ý niệm, thì công năng Thiên Định ấy đáng gọi là “chưa đắc Định”, chẳng thể sanh lên trời Sơ Thiên, chỉ có thể sanh lên bốn tầng trời phía trên của Dục Giới. Nếu hiểu rõ sự thật này thì Thiên quả thật là khó tu. Nếu vẫn còn ý niệm Ngũ Dục thì còn chưa sanh lên được [các cõi trời] thuộc Sắc Giới, há có phần sanh vào Tứ Thiên, Tứ Không ư? Tứ Thiên Bát Định là Thiên Định thế gian, Định của hàng phàm phu mà còn chưa đạt được, làm sao đắc công năng Thiên Định của Thanh Văn, Bồ Tát? Nhà Phật nói bậc thượng căn lợi trí có thể đoạn phiền não mới có đủ tư cách học Thiên; chứ kẻ không thể khuất phục phiền não thì học Thiên sẽ là chuyện nói xuông! Tịnh Tông đời nghiệp vãng sanh, không cần đoạn phiền não, chỉ cần tạm thời khuất phục phiền não bèn có thể vãng sanh. Phật nhãn đích thân thấy được điều

này, do vậy nói: “*Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn*” (Ta thấy được điều lợi ấy nên nói lời này). Hết thấy chư Phật độ chúng sanh liễu sanh tử, thoát tam giới, trong một đời viên mãn vô thượng Bồ Đề, chỉ có pháp môn Niệm Phật này. Nếu chẳng chịu tiếp nhận thì dù tinh tấn nơi Phật pháp, chẳng biết đến đời nào mới có thể đắc độ! Đời này có duyên gặp gỡ Phật pháp, chính là thiện căn, phước đức sâu dày từ vô lượng kiếp [cảm nên]; nếu bỏ lỡ đời này, chắc là vô lượng kiếp sau mới lại gặp gỡ pháp môn này. Sanh tử luân hồi khổ lắm, sao lại đành chịu tội oan uổng như vậy?

2) Thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ: Lợi ích này quá thù thắng, hàng Bồ Tát thông thường và Biệt Giáo đều chẳng có được điều lợi ích này. Quả vị Phật trong Biệt Giáo vẫn chưa thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ. Thanh tịnh trọn vẹn bốn

cõi Tịnh Độ là cảnh giới của bậc Bồ Tát từ Bát Địa [trong Viên Giáo] trở lên. Hàng Sơ Địa trong Biệt giáo bằng với Sơ Trụ trong Viên Giáo, quả vị Phật trong Biệt Giáo bằng với địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo, so với Bát Địa Bồ Tát của Viên Giáo thua xa lắm. Người niệm Phật đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương liền thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đây đúng là pháp khó tin. Quả báo thù thắng như thế là do bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì.

3) “*Trực chí bất thoái vị tận*” (Đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn): “*Tận*” có nghĩa là viên mãn. Ba thứ Bất Thoái đạt đến viên mãn sẽ là Đẳng Giác Bồ Tát. Sanh về Tây Phương liền đạt được những lợi ích này ngay trong một đời. Do vậy, tôi thường khuyên các đồng tu tụng niệm công khóa sáng tối thì buổi sáng tụng bốn mươi tám nguyện để biết rõ

nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, kiến lập tín tâm đối với Tịnh Tông. nguyện lực cũng sẽ nhờ đó mà tăng thêm. Bốn mươi tám nguyện giống như hiện pháp của Tây Phương thế giới, chỉ cần sanh về Tây Phương thì đều hưởng sự thụ dụng giống hệt như A Di Đà Phật. Chúng ta sanh về Tây Phương sẽ hưởng thụ [oai thần, phước đức, thiện căn của] A Di Đà Phật.

(Giải) Phục thứ, thị lợi ước mạng chung thời, tâm bất điên đảo nhi ngôn, cái uế độ tự lực tu hành sanh tử quan đầu, tối nan đắc lực.

(解) 復次是利。約命終時。心不顛倒而言。蓋穢土自力修行。生死關頭。最難得力。

(Giải: Lại nữa, điều lợi này luận theo lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo; bởi lẽ, trong uế độ, đối với cửa ải lâm chung thì tự lực tu hành sẽ khó đủ sức để vượt qua nhất).

Lời giải thích trong đoạn trước đã nêu rõ lợi ích do vãng sanh Tây Phương thế giới, nêu lên điều lợi ích chung do sanh về Tây Phương của hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới. Còn những điều được nói trong đoạn này chỉ hạn cuộc trong chúng sanh trên địa cầu, đặc biệt là loài người. Thông thường, ai nấy đều mong cuộc sống tốt đẹp, mong sanh trong gia đình giàu có, cả đời hưởng phước, nhưng nơi cửa ải lâm chung, phải theo nghiệp mà thọ báo, chính mình chẳng thể làm chủ được. Người niệm Phật khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, đầu óc tỉnh táo, Phật đến tiếp dẫn thì chính là người

có phước đức lớn. Do vậy, tổ sư, đại đức dạy chúng ta trì giới niệm Phật, phước huệ song tu. Lão pháp sư Viên Anh tuổi già trụ tại Viên Minh Tinh xá ở Thượng Hải, từ năm hai mươi lăm tuổi, Ngài dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm, từng sáng lập một học viện chuyên nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, giảng đường của Ngài mang tên là Tam Cầu Đường, tức là “cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ”. Ngài giáo hóa tuân theo kinh Lăng Nghiêm, nhưng hạnh thì hành theo kinh Di Đà. Chúng ta niệm Phật cũng là phước huệ song tu. Tín nguyện trì danh thì phước lẫn huệ đều nằm trong đó.

(Giải) Vô luận ngoan tu cuồng huệ, ma la vô công, tức ngộ môn thâm viển, thao lý tiêm xác chi nhân, thẳng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên trụ.

(解) 無論頑修狂慧。麼羅無功。即悟門深遠。操履潛確之人。儻分毫習氣未除。未免隨強偏墜。

(Giải: Những kẻ tu hành ương bướng, trí huệ nông công, buồn tủi không có kết quả thì đừng nói làm gì! Ngay cả những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tư tác tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “[lúc lâm chung], nghiệp nào mạnh sẽ lôi thân thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc).

“Ngoan tu” là những người thông minh trong thế gian tu trì chẳng đúng pháp, tự cậy thông minh, tu mù, luyện đui. “Cuông huệ” là những người thiên tư thông minh, đối với kinh điển Đại Thừa cũng có thể

thông hiểu, có thể nói những điều tốt lành, nói đến mức hoa trời rơi tán loạn, chỉ có điều hành trì thiếu sót, rớt vào hạng có tâm tư thái độ ngông cuồng. Hai loại người này đối trước cửa ải sanh tử hoàn toàn vô dụng, chẳng thể liễu sanh thoát tử. Nói “*ma la vô công*” nghĩa là thiếu công phu, chẳng có thành tựu.

“*Ngộ môn thâm viễn, thao lý tiềm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên trụ*” (Những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tư tở tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “[lúc lâm chung], nghiệp nào mạnh sẽ lôi thần thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc), tình huống này đã có tiền lệ trong lịch sử. Như thiền sư Thảo Đường Thanh có giải, có hạnh, là bậc đại đức lỗi lạc một thời trong nhà Thiền. Trong các tín đồ, có một bà họ

Tăng, thường đến cúng dường thiền sư. Sư Thảo Đường rất cảm kích, thường mang tâm niệm báo ân. Mất rồi liền thác sanh làm con trai bà Tăng, có trí, có phước, tuổi thiếu niên mà đã thỏa chí, làm đến Tể Tướng, tức là Tăng Lỗ Công. “*Thao lý tiêm xác chi nhân*” nghĩa là người trì giới tinh nghiêm. Mọi người đều biết câu chuyện “hòn đá tam sanh”. Hòn đá tam sanh là câu chuyện được truyền tụng về cuộc đời của thiền sư Viên Trạch và cư sĩ Lý Nguyên. Lý Nguyên từ quan, sống trong chùa của ngài Viên Trạch. Có một hôm, hai người bàn bạc, tính sang núi Nga Mi triều bái; Lý Nguyên chủ trương đi theo đường thủy, Viên Trạch tính đi theo đường bộ. Cuối cùng, theo ý Lý Nguyên đi đường thủy. Đi đến một tiêu trần, gặp một phụ nữ có thai giặt áo bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy liền rơi nước mắt không ngừng. Lý cư sĩ hỏi

nguyên do, Sư nói: “*Ta sở dĩ chẳng muốn đi theo đường thủy là sợ gặp bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, đợi ta đầu thai. Hôm nay chẳng thể trốn được nữa, ba ngày nữa xin ông hãy đến nhà bà ta, ta thấy ông sẽ cười để làm tin. Mười lăm năm sau, vào ngày Trung Thu tháng Tám sẽ lại gặp nhau tại chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu*”. Về sau, mỗi mỗi đều ứng nghiệm. Sư Viên Trạch có thần thông, có thể biết được quá khứ, vị lai, mà vẫn chưa thoát khỏi luân hồi đầu thai, chỉ vì tập khí chưa trừ! Trong thế gian, những người làm quan lớn, phát tài lớn đều là những bậc đại tu hành trong quá khứ, tập khí chưa trừ, chẳng chịu vãng sanh Tây Phương, nhọc nhằn tu luyện nhiều năm để đạt vinh hoa, phú quý trong một đời, trở thành tam thế oán, thật chẳng đáng chút nào, đáng than thay!

(Giải) Vĩnh Minh tổ sư, sở vị “thập nhân cứu tha lộ. Âm cảnh nhược hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ”. Thử thành khả hàn tâm giả dã.

(解) 永明祖師。所謂十人九蹉路。陰境若現前。瞥爾隨他去。此誠可寒心者也。

(Giải: Tổ sư Vĩnh Minh nói: “Mười người, chín chân chừ. Âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”. [Nghĩ đến] điều này đúng là lạnh buốt cõi lòng vậy).

Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là người sống dưới triều đại của Ngô Việt Vương Tiền Thục cuối thời kỳ Ngũ Đại. Ngài nối pháp Thiền quốc sư tông Thiên Thai, mất vào năm Khai Bảo thứ tám (975) đời Tống Thái Tổ, thọ bảy mươi hai tuổi.

Theo lịch sử ghi chép, khi chưa xuất gia, Ngài làm một chức quan nhỏ, trông coi việc chi thu thuế khóa, thường giao nhận tiền bạc. Ngài lấy tiền từ của công để phóng sanh, bị thượng cấp phát giác, tâu lên Văn Mục Vương (Tiền Nguyên Quyền)¹⁴⁹, vua phán tội tử hình. Vua dặn riêng người hành hình: “Nếu lúc hành hình mà hấn không có lòng sợ hãi thì hãy dẫn đến gặp ta”. Trong lúc bị giải ra pháp trường, mặt Sư không đổi sắc, cật vấn, Sư nói: *“Tôi dùng một mạng để đổi lấy hàng ngàn hàng vạn cái mạng, đáng lắm chứ!”* Sau đây, [giám trăm quan] dẫn Sư về gặp Văn Mục Vương. Vua hỏi Sư: “Sau này ông muốn làm chuyện gì?” Sư nói muốn

¹⁴⁹ Tiền Nguyên Quyền (887-941) là vua thứ hai của xứ Ngô Việt, miếu hiệu Văn Mục Vương, Tiền Thục (Tiền Hoằng Thục, 929-988) là con thứ chín của Tiền Nguyên Quyền, miếu hiệu là Trung Ý Vương. Do Tổ Vĩnh Minh sanh năm 904, mất năm 975, nên nói Ngài là người sống dưới thời Văn Mục Vương cũng được mà bảo là Ngài sống dưới thời Tiền Thục cũng không sai; nhưng chúng tôi vẫn nghĩ là cù Lưu Thừa Phù đã vô ý ghi sai vì khi tổ Vĩnh Minh nhập diệt vào năm 975, Tiền Nguyên Quyền (Văn Mục Vương) đã mất từ năm 941. Chuyện cúng trai tăng này chỉ có thể xảy ra vào thời Tiền Thục (Trung Ý Vương).

xuất gia. Vua liền giúp Sư thỏa nguyện và còn làm hộ pháp cho Sư. Có một hôm, vua cúng Trai Tăng một ngàn vị sư, bình đẳng cúng Tăng. Trong Trai Đường có bày ghế chủ tọa, mọi người đều khiêm nhượng [không ai ngồi], chợt có một vị xuất gia quần áo xóc xếch ngồi ngẫu nhiên trên ghế chủ tọa. Trai tăng xong, mọi người đã giải tán, vua hỏi đại sư Vĩnh Minh: “Buổi trai tăng hôm nay có thánh hiện giáng lâm hay không?” Sư đáp: “Có, Định Quang cô Phật đến thọ cúng”. Hỏi: “Vị nào vậy?” Sư nói: “Vị Hòa Thượng ngồi ghế chủ tọa”. Vua vừa nghe nói liền sai người đi kiếm, tìm được vị ấy trong một hang núi. Thị giả thỉnh vị ấy về cung, tiếp nhận sự cúng dường. Hòa Thượng chỉ nói một câu: “Di Đà lắm lời” rồi nhập diệt. Thị giả trở về tâu lên Hoàng Đế: “Hòa Thượng đã viên tịch, lâm chung chỉ nói một câu Di Đà lắm lời”. Hoàng Đế nghĩ

Vĩnh Minh đại sư nhất định là hóa thân của Phật Di Đà, [hóa thân của] Định Quang Phật tuy viên tịch, nhưng [hóa thân của Phật] Di Đà vẫn còn, phái người thỉnh ngài Vĩnh Minh nhập cung. Nào ngờ lúc ấy có người đến báo: “Vĩnh Minh đại sư đã viên tịch”. Chư Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh trong thế gian này, chẳng thể bộc lộ thân phận. Hễ thân phận bị lộ bèn ra đi. Nếu bị lộ thân phận mà vẫn chẳng nhập diệt thì chính là mạo nhận. Ngài Vĩnh Minh do Thiên Tông mà đại triệt đại ngộ, đến tuổi già chuyên tu Tịnh Độ. Ngài có nói ra bốn bài Liệu Giản rất nổi tiếng. Bài thứ hai là: “*Hữu Thiên, vô Tịnh Độ. Thập nhân cứu tha lộ, ám cảnh nhược hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ*” (Có Thiên, không Tịnh Độ. Mười người chín chân chừ, nếu ám cảnh hiện tiền, chớp mắt đi theo nó). Đây là vì thưở ấy Thiên Tông rất thịnh hành, mọi người coi rẻ Tịnh Độ;

nhằm độ những người học Thiền, nên Ngài mới nói: “*Có Thiền không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ*” nhằm dẫn dắt bọn họ trở về Tịnh Độ. [Ngài nói] Thiền Tịnh Song Tu chính là một cách nói phương tiện quyền xảo bất đắc dĩ dành cho những người tham Thiền. Có những người tu Thiền rất khá, nhằm khỏi tổn thương lòng tự tôn của họ, nên Ngài mới nói Thiền cũng rất hay, nếu thêm vào một chút Tịnh Độ thì càng hay hơn. Nói thật ra, tu Tịnh Độ có thể vãng sanh, chứ tu Thiền rất khó thành tựu.

Trong câu “*hữu Thiền, hữu Tịnh Độ*” hãy chú ý chữ Hữu. “*Hữu Thiền*” là đại triệt đại ngộ, “*hữu Tịnh Độ*” là trong một niệm trọn đủ tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu. Có Thiền, không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ¹⁵⁰. Thiền sư

¹⁵⁰ Chữ “*tha lộ*” thường bị hiểu là “*lạc đường*”, hay làm lỗi, nhưng trong Ấn Quang Văn Sao (Tăng Quảng, Tục Biên, Tam Biên), tổ Ấn Quang nhiều lần giảng chữ “*tha*” ở đây là “*tha đà*” (thần chừ, lần chân). Do chỉ tu Thiền, không tu Tịnh Độ nên

Viên Trạch như đã nói trong phần trước chính là hạng người “có Thiên”, có thể biết quá khứ, vị lai, nhưng vẫn phải đầu thai luân hồi, từ xưa đến nay, những người giống như Viên Trạch chẳng ít.

“*Ám cảnh nhược hiện tiền*”: Chữ “*Ám cảnh*” có hai nghĩa, một là trong Định có ma xuất hiện, tức Ngũ Âm Ma xuất hiện. Kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi loại Âm Ma. Hiện thời có kẻ bảo tôi: “Có người khi tịnh tọa, tay rung động không cách nào khống chế được”. Bọn họ cho đó là cảnh giới tốt đẹp, đây chính là vờ ma đến. Định là tịnh, chẳng phải tay múa, chân nhảy. Nghĩa thứ hai [của chữ Âm Cảnh] là thân Trung Âm. Con người chết đi, thần thức rời khỏi thân thể, còn chưa đầu thai, trong thời gian ấy gọi là Trung Âm Thân. Trung Âm Thân đại đa số tồn

không thể thoát khỏi tam giới luân hồi, giống như người quanh quẩn mãi trên đường, không về được nhà, chứ không phải là “lạc lối”. Vì nếu lạc lối thì có khác nào chê trách pháp Thiên là sai bét.

tại trong vòng bốn mươi chín ngày. Trong thời gian ấy, gia đình, quyến thuộc tụng kinh, niệm Phật đề hồi hướng thì người ấy sẽ được lợi ích; nhưng người ấy sẽ sanh vào chỗ nào vẫn là lưu chuyển theo nghiệp, chính mình chẳng thể làm chủ được. “*Có Thiên, không Tịnh Độ*”, không có Phật lực gia trì, hoàn toàn dựa vào Định lực của chính mình thì lỡ một mai Định lực mất đi, sẽ bị nghiệp lực khống chế. Nghiệp nào mạnh sẽ lôi đi trước, suốt đời tu hành nếu tốt đẹp thì sẽ đổi lấy phú quý trong đời sau; còn nếu tu hành không ra gì, sẽ phải lưu chuyển trong tam đồ. Quán sát cận kề [sẽ thấy] không vắng sanh Tây Phương phiền phức rất lớn!

(Giải) Sơ Quả muội ư xuất thai, Bồ Tát hôn ư cách âm. Giả lý khởi dụng cường tác chủ tử, kiêu hãnh, man han? Duy hữu tín nguyện trì danh, trượng tha

*lực cố, Phật từ bi nguyện, định bất
đường quyền. Di Đà thánh chúng, hiện
tiền ủy đạo, cố đặc vô đảo, tự tại vãng
sinh. Phật kiến chúng sanh lâm chung
đảo loạn chi khổ, đặc vị bảo nhậm thử
sự, sở dĩ, ân cần tái khuyến phát nguyện,
đĩ nguyện năng đạo hạnh cố dã.*

**(解) 初果昧於出胎。菩薩昏於隔陰。
者裏豈容強作主宰。僥倖顛頂。唯有信
願持名。仗他力故。佛慈悲願。定不唐
捐。彌陀聖眾。現前慰導。故得無倒。
自在往生。佛見眾生。臨終倒亂之苦。
特為保任此事。所以殷勤再勸發願。以
願能導行故也。**

*(Giải: Sơ Quả mê muội khi ra khỏi thai,
Bồ Tát hôn trước lúc chuyển từ thân Ngũ*

Ấm này sang thân Ngũ Ấm khác, trong khi ấy, há nó có dung cho mình gắng gượng làm chủ tử mà còn lơ mơ mong được may mắn hay sao? Chỉ có tín nguyện trì danh là do cậy vào tha lực và thế nguyện từ bi của Phật, nhất định chẳng luống uổng. Phật Di Đà và thánh chúng hiện đến trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên tâm không điên đảo, tự tại vãng sanh. Phật thấy chúng sanh chịu khổ vì điên đảo tán loạn khi lâm chung, nhằm đặc biệt đảm bảo cho chúng sanh chuyện [vãng sanh] này, nên mới một lần nữa ân cần khuyên nhủ hãy phát nguyện, bởi lẽ, nguyện có thể dẫn đường cho hạnh vậy).

“Sơ Quả” là Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, dự vào dòng thánh. Tuy còn có tám mươi một phẩm Tư Hoặc chưa đoạn, vẫn tu hành trong tam giới,

nhưng quyết định chẳng đọa vào tam ác đạo. Sống chết bảy lần trong cõi trời, cõi người liền thoát khỏi tam giới. Nếu lần thứ bảy sanh vào nhân gian, gặp Phật, nhất định chứng quả A La Hán. Nếu không có Phật xuất hiện trong cõi đời, vị ấy cũng vượt thoát tam giới, gọi là Độc Giác, tức Bích Chi Phật. Sơ Quả đầu thai trong nhân gian, khi nhập thai thì hiểu biết rõ ràng, nhưng lúc đẻ ra sẽ quên hết. Trí huệ lẫn công phu đoạn phiền não của Bồ Tát đều vượt trời Tiêu Thừa, chỉ có điều là vẫn mê khi cách âm (từ thân Ngũ Âm này chuyển sang thân Ngũ Âm khác). Trong quá trình luân hồi trong sanh tử, Bồ Tát và thánh nhân Sơ Quả còn chẳng thể làm chủ được, huống gì là phàm phu? Lẽ đâu lại ôm lòng cầu may, mà phải dựa vào bốn nguyện, oai thần của Phật gia trì.

“*Phật từ bi nguyện*” chính là bốn mươi tám nguyện, nguyện nguyện đều được

thực hiện rành rành. Người niệm Phật khi lâm chung, trọn chẳng giống với những kẻ phàm phu tay chân cuống quít. Phật Di Đà và thánh chúng hiện ra trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên người ấy không điên đảo, tự tại vãng sanh. Chúng sanh khi lâm chung thường bị khổ vì điên đảo, làm loạn, nên phải thuận theo nghiệp lực, đọa trong đường ác, khổ chẳng thể nói được. Nếu khi lâm chung, đầu óc tỉnh táo, người ấy tuy không học Phật, chưa cầu vãng sanh thì cũng chẳng đọa tam đồ. Đức Phật thấy tình huống ấy đặc biệt rõ rệt, vì chúng ta nói ra pháp môn tín nguyện trì danh vãng sanh Tịnh Độ. Trong kinh này đã khuyên lần thứ nhất, rồi lại khuyên lần thứ hai, rồi khuyên lần thứ ba, đặc biệt nhắc nhở, chỉ dạy, một lần nữa ân cần khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện, nhằm đảm bảo chúng ta vãng sanh, bởi lẽ, Nguyện có thể hướng dẫn Hạnh. Có nguyện vọng mạnh

mẽ thì mới có thể cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật.

(Giải) Vấn: Phật ký “tâm tác, tâm thị”, hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng? Hà dã?

Đáp: Thử chi pháp môn, toàn tại liễu tha tức tự. Nhược hựu ngôn tha Phật, tác thị Tha Kiến vị vong. Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo.

(解) 問。佛既心作心是。何不竟言自佛。而必以他佛為勝。何也。答。此之法門。全在了他即自。若諱言他佛。則是他見未忘。若偏重自佛。卻成我見顛倒。

(Giải: Hỏi: Phật đã là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, thì sao chẳng

hoàn toàn nói về tự Phật (vị Phật của chính mình) mà cứ đề cao tha Phật (vị Phật khác) là thù thắng? Vì có sao thế?

Đáp: *Pháp môn này hoàn toàn ở chỗ hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu kiêng không nói tới vị Phật nào khác tức là chưa quên Tha Kiến (cái thấy có người khác ngoài ta ra). Nếu thiên trọng tự Phật, sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo).*

Trong kinh Phật thường nói: “*Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật*” (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật). Vậy thì tâm của chính mình đã là Phật, có sao chẳng nói tới tự tánh Phật (vị Phật ở trong tự tánh) mà lại nói A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới? Đại sư trả lời: Pháp môn này hoàn toàn nhằm hiểu rõ Tha chính là Tự. Tha và Tự là một, không hai. Nói là một, tức là nói theo Thể. Nói theo Tánh thì là một. Nói theo Tướng thì là hai.

“Nếu kiêng không nói đức Phật khác thì là chưa quên Tha Kiến. Nếu thiên trọng Tự Phật sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo”. Chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, ắt phải phá trừ nghi vấn. Nếu không, sẽ có chướng ngại. Dầu tu trì siêng năng cũng chỉ có thể sanh về biên địa nghi thành. Hãy nên biết: Pháp môn này giống như Hoa Nghiêm, lại còn vượt trội Hoa Nghiêm, vì [trong kinh Hoa Nghiêm đến phẩm] cuối cùng, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Hoa Nghiêm là đại pháp viên đốn, kinh này là kinh viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn. Chỉ có nhất tâm thì mới có thể khế nhập. Nếu có hai tâm, sẽ sanh chướng ngại. Nếu có nghi vấn, sẽ biến thành hai tâm, có Tự, có Tha, Tự và Tha là hai, [không còn là một nữa].

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói rất khéo. Ngài mới gặp sư Ấn Tông, Ấn

Tông hỏi Ngài: “Nghe nói ông đặc pháp ở núi Hoàng Mai, bình thường Ngũ Tổ thuyết pháp có nói phương pháp tham Thiên hay không?” Lục Tổ đáp: “*Phật pháp chân chánh là một*”. Phật pháp là pháp môn Bất Nhị; do vậy, hai bên Tự và Tha đều quên sạch, dùng một câu A Di Đà Phật để gom vọng niệm về một mối. Những tri kiến, phân biệt, chấp trước khác đều chẳng có, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Có như thế mới hòng vào được Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó cũng là Nhất Chân pháp giới, hoàn toàn hiểu rõ “Tha chính là Tự”. Nếu nói là Tha Phật (đức Phật khác, chẳng phải là đức Phật trong tự tâm) thì là chưa quên Tha Kiến. Nếu thiên chấp coi trọng Tự Phật thì là Ngã Kiến điên đảo. Kinh Kim Cang dạy: “*Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến, tác ư thử kinh, bất năng thính, thọ, đọc,*

tụng, vị nhân giải thuyết” (Nếu là kẻ thích pháp nhỏ, chấp trước vào Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến sẽ chẳng thể nghe, nhận, đọc, tụng, vì người khác giải nói kinh này). Nửa phần đầu kinh Kim Cang nói về Tứ Tướng, nửa phần sau giảng về Tứ Kiến. So với phần giảng về Tướng thì phần giảng về Kiến càng sâu đậm hơn. Nếu chẳng thể hiểu rõ “*Tha chính là Tự*”, chắc là sẽ khó khế nhập Nhất Chân pháp giới.

(Giải) Hựu Tất Đản tứ ích, hậu tam ích, sự bất cô khởi. Thảng bất tùng thế giới thâm phát khánh tín, tắc Hân Yém nhị ích thượng bất năng sanh. Hà hưởng ngộ nhập lý Phật! Duy tức Sự Trì đạt Lý Trì. Sở dĩ Di Đà thánh chúng hiện tiền, tức thị bốn tánh minh hiển. Vãng sanh bỉ độ, kiến Phật, văn pháp, tức thị thành tựu huệ thân, bất do tha ngộ. Pháp môn

thâm diệu, phá tận nhất thiết hý luận, trảm tận nhất thiết ý kiến. Duy Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để đảm hà đặc khứ. Kỳ dư thể trí biện thông, thông Nho, Thiên khách, tận tư độ lượng, dĩ thôi dĩ viễn. Hựu bất nhược ngu phu phụ lão thật niệm Phật giả, vi năng tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu dã. Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, phân minh dĩ Phật nhân, Phật âm, ấn định thử sự, khởi cảm vi kháng, bất thiện thuận nhập dã tai? Nhị Chánh Tông Phần cánh.

(解) 又悉檀四益。後三益。事不孤起。儻不從世界深發慶信。則欣厭二益尚不能生。何況悟入理佛。唯即事持達理持。所以彌陀聖眾現前。即是本性明顯。往生彼土。見佛聞法。即是成就慧

身。不由他悟。法門深妙。破盡一切戲論。斬盡一切意見。唯馬鳴。龍樹。智者。永明之流。徹底擔荷得去。其餘世智辯聰。通儒禪客。盡思度量。愈推愈遠。又不若愚夫婦老實念佛者。為能潛通佛智。暗合道妙也。我見是利。故說此言。分明以佛眼佛音。印定此事。豈敢違抗。不善順入也哉。二正宗分竟。

(Giải: Lại nữa, trong bốn món lợi ích Tất Đàn, ba thứ lợi ích sau chẳng thể tự nó khởi lên được. Nếu chẳng từ [môn Tất Đàn thứ nhất là] Thế Giới [Tất Đàn] phát khởi sâu xa lòng vui mừng, tin tưởng thì hai thứ lợi ích là ưa thích cõi Cực Lạc và chán nhàm cõi Sa Bà sẽ chẳng thể sanh được, huống gì là ngộ nhập lý Phật? Chỉ

do Sự Trì mà đạt đến Lý Trì, cho nên Phật Di Đà và thánh chúng hiện tiền chính là do bốn tánh đã hiện rõ ra. Sanh về cõi kia, thấy Phật, nghe pháp chính là thành tựu huệ thân (cái thân kết tinh bằng trí huệ), chứ chẳng phải do cái gì khác mà ngộ [được huệ thân ấy]. Pháp môn sâu mâu, phá sạch hết thấy hý luận, chặt sạch hết thấy ý kiến. Chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để gánh vác pháp này được. Còn những kẻ Thế Trí Biện Thông khác, những kẻ thông hiểu cả Nho lẫn Thiên, tận hết sức suy lường, càng suy nghĩ càng xa cách hơn, hóa ra chẳng bằng những ông những bà ngu muội, thật thà niệm Phật, mà có thể ngàm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu. “Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này”, dùng Phật nhãn, Phật âm để nói ấn định rành rành chuyện này, há dám trái nghịch, chổng đối, chẳng khéo thuận vâng theo

hòng chứng nhập u? Phần thứ hai là Chánh Tông Phần [đến đây là] hết)

Thích Ca Mâu Ni Phật dùng bốn món Tất Đàn làm chỗ căn cứ hòng định đặt việc giáo hóa. “Tất Đàn” có nghĩa là “thí trọn khắp”. Trong phần trước tôi đã giải thích cặn kẽ. Bốn món lợi ích Tất Đàn này nếu dùng để bàn luận sự niệm Phật vãng sanh trong Tịnh Tông thì chúng chính là tổng cương lãnh tiếp dẫn chúng sanh, Phật pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc này. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, đi theo con đường này sẽ ổn thỏa, thích đáng nhất. Nhất tâm dùng Sự Trì, chẳng hiểu Lý cũng không sao. Có nhiều ông cụ, bà cụ ăn chay, niệm Phật vãng sanh, biết trước lúc mất. Hỏi họ kinh điển Tịnh Độ, họ không hiểu, sanh về Tây Phương họ sẽ hiểu hết. Sự Trì khẩn thiết, tâm định, tín

nguyện kiên cố, khi Phật đến tiếp dẫn, trước hết sẽ dùng Phật quang chiếu đến, nghiệp chướng của người ấy tiêu trừ, khai trí huệ. Từ Sự Trì mà đạt đến Lý Trì. Do vậy, Phật Di Đà và thánh chúng hiện tiền, thấy Phật tức là bốn tánh sáng ngời, trí huệ hiện tiền, một là vì công đức niệm Phật, hai là do được Phật quang gia trì, những pháp môn khác chẳng có điều này. Sanh về Tây Phương, hằng ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, sáu trần trong Tây Phương đều thuyết pháp không ngừng. Thấy Phật, nghe pháp, thành tựu thân trí huệ, thân trí huệ chính là Báo Thân. Cảnh giới này giống như cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Trong thế gian tu những pháp môn thông thường để đạt đến cảnh giới này thì phải mất một A-tăng-kỳ kiếp. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai mới bắt đầu chứng được quả vị Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo. Chúng

sanh trong chín pháp giới rất khó dùng trí huệ và năng lực của chính mình để thấu hiểu tốt cùng sự lý của Tây Phương thế giới, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Chỗ mâu nhiệm là đời nghiệp vãng sanh, chưa đoạn một phẩm phiền não nào, mà sanh về Tây Phương liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, mâu nhiệm ở chỗ này.

“*Phá sạch hết thảy hý luận, chặt đứt hết thảy mọi ý kiến*”. Hai câu này nói về những kẻ tu hành theo đường lối thông thường. Chữ “*hý luận*” chỉ Giáo Hạ, chữ “*ý kiến*” chỉ Tông Môn. Pháp môn này là nhất tâm chấp trì danh hiệu, chẳng cần phải phân biệt, suy lường, cho nên phá sạch hết thảy mọi hý luận. “*Hý luận*” là các thứ phê bình của Giáo Hạ đối với Tịnh Tông, bất luận họ nói như thế nào cũng chẳng liên quan gì! “*Chặt đứt hết thảy mọi ý kiến*”: “*Ý kiến*” là phân biệt. Pháp

môn màu nhiệm viên đốn rất sâu vô thượng này chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới hòng triệt để gánh vác được. Các vị Mã Minh và Long Thọ đều là người Ấn Độ, đều cầu sanh Tịnh Độ. Tại Trung Quốc, ngài Long Thọ được xưng là Tổ của tám tông phái Đại Thừa. Trí Giả và Vĩnh Minh là người Trung Quốc. Trí Giả là tổ sư tông Thiên Thai, còn ngài Vĩnh Minh từ Thiên trở về Tịnh, là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Tông. Các Ngài chẳng có ý kiến phân biệt, ngay lập tức gánh vác. Những kẻ học thức thông minh tài trí khác và những Thiên khách thông thạo Nho học tận hết sức suy lường, càng suy tưởng càng sai lệch. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát nếu chẳng được gia trì bởi oai thần của Phật cũng chẳng hiểu rõ. Kẻ thông minh tài trí đâm ra chẳng bằng ngu phu ngu phụ! Kẻ hạ ngu chẳng phân biệt, chấp trước, thật thà niệm Phật, bỏ

sạch ý niệm vọng tưởng, chấp trước của chính mình, đặc Niệm Phật tam-muội. Công phu sâu thì sẽ đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, khai trí huệ, tương ứng với trí huệ nơi quả địa Như Lai, thâm hợp chỗ nhiệm mầu trong đạo. Do vậy, những người thuộc căn tánh bậc trung đâm ra thua kẻ hạ ngu. Đức Phật trông thấy lợi ích thù thắng như vậy, nên đem sự thật muôn vàn chân thật, xác thực này buốt lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta vãng sanh, chúng ta há dám trái nghịch, chống đối? Nếu khéo thuận theo ý nguyện giáo huấn của Phật thì sẽ giống hệt như các đại sư Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh hoàn toàn tiếp nhận, y giáo phụng hành, là học trò tốt của đức Phật. Lợi ích Tứ Tất Đàn thù thắng viên mãn rốt ráo nhất chúng ta đều đạt được trong hiện tiền. Phần Chánh Tông của kinh này đến đây là hết.

4.3. Phần Lưu Thông

(Giải) Tín nguyện trì danh nhất pháp, viên thâm, viên siêu nhất thiết pháp môn. Thụ dữ nhất thiết pháp môn hồn đồng. Hoàn dữ nhất thiết pháp môn huýnh dị, ký vô vấn tự thuyết, thù kham xướng mộ lưu thông. Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Thử kinh duy Phật cảnh giới, duy Phật Phật khả dữ lưu thông nhĩ.

(解) 信願持名一法。圓收圓超一切法門。豎與一切法門渾同。橫與一切法門迥異。既無問自說。誰堪倡募流通。唯佛與佛。乃能究盡諸法實相。此經唯佛境界。唯佛佛可與流通耳。

(Giải: Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thảy pháp môn. Theo chiều dọc, nó giống như những pháp môn khác. Theo chiều ngang, pháp này hoàn toàn khác với hết thảy các pháp môn, đã do đức Phật không ai hỏi mà tự nói thì ai mới có thể đề xướng, lưu thông? Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận Thật Tướng của các pháp. Kinh này chỉ là cảnh giới Phật, chỉ có Phật và Phật mới có thể lưu thông mà thôi).

Đại sư phân chia khoa mục của kinh này khác với cách phân chia của cổ đức. Ngài xếp đoạn “sáu phương Phật” vào phần Lưu Thông, những vị khác đều xếp đoạn này vào phần Chánh Tông. Vì sao Ngài chia như thế, đại sư đã giảng rõ, chúng ta hãy đọc đoạn chú giải này. “Tín nguyện trì danh nhất pháp, viên thâm viên

siêu nhất thiết pháp môn” (Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thảy pháp môn). “*Viên thâm*” (gồm thâm trọn vẹn) tức là luận định kinh này theo chiều dọc, từ cạn đến sâu thì kinh này giống với hết thảy các kinh khác. Hết thảy các pháp môn khác đều có thứ tự từ sâu đến cạn, như ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, lại còn có Sự Trì và Lý Trì. “*Viên siêu*” là luận định theo chiều ngang, liễu sanh tử, xuất tam giới, chứng đại Bồ Đề, hoàn toàn khác với hết thảy pháp môn. Trong những pháp môn khác phải tiến từ từ theo thứ tự: Đoạn Kiến Tu phiền não, nhập dòng thánh; đoạn Trần Sa phiền não, đạt đến cảnh giới Bồ Tát; đoạn hết thảy Vô Minh, chứng Pháp Thân đại sĩ. Những kinh luận thông thường đều nói như thế; còn kinh này thì không cần đoạn phiền não, chỉ dựa vào tín nguyện trì danh, đời nghiệp vãng sanh,

vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, khác hẳn hết thảy các pháp môn khác. Huống chi sanh về Tây Phương Tịnh Độ, tuy có bốn cõi sai biệt, nhưng hễ sanh về một cõi thì hết thảy cõi đều sanh; các pháp môn khác chẳng có chuyện này! Kinh này đã là kinh không ai hỏi mà Phật tự nói thì ai có thể gánh vác sứ mạng đề xướng, truyền thừa, lưu thông? Kinh Di Đà là cảnh giới thuộc quả địa Như Lai, là chân tướng của nhân sinh, vũ trụ, chỉ có chư Phật mới có thể hiểu rõ ràng. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều không có năng lực lưu thông. Đối với trách nhiệm lưu thông, chỉ có Phật và Phật mới có thể gánh vác. “*Lưu*” (流) là lưu truyền muôn đời, “*thông*” (通) là thông đạt vô ngại.

4.3.1. Phổ khuyến

4.3.1.1. Khuyến tín lưu thông

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi.

(Giải) Bất khả tư nghị, lược hữu ngũ ý: Nhất, hoành siêu tam giới, bất sĩ đoạn Hoặc. Nhị, tức Tây Phương hoành cụ tứ độ, phi do tiệm chứng. Tam, đản trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện. Tứ, nhất thất vi kỳ, bất tạ đa kiếp, đa sanh, đa niên nguyệt. Ngũ, trì nhất Phật danh, tức vị chư Phật hộ niệm, bất dị trì nhất thiết Phật danh. Thử giai đạo sư đại nguyện hạnh chi sở thành tựu. Cố viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”.

(經) 舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛。不可思議功德之利。

(解) 不可思議。略有五意。一橫超三界。不俟斷惑。二即西方橫具四土。非由漸證。三但持名號。不假禪觀諸方便。四一七為期。不藉多劫多生多年月。五持一佛名。即為諸佛護念。不異持一切佛名。此皆導師大願行之所成就。故曰阿彌陀佛。不可思議功德之利。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Như ta nay khen ngợi A Di Đà Phật công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.

Giải: “Chẳng thể nghĩ bàn”, nói đại lược gồm năm ý:

- Một là vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi phải đoạn Hoặc.

- Hai là sanh về Tây Phương liền trọn đủ bốn cõi, chẳng phải do chứng từ từ.

- Ba, chỉ trì danh hiệu, chẳng cần phải dùng tới các phương tiện Thiên, Quán.

- Bốn là lấy bảy ngày làm hạn, chẳng cần đến nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng.

- Năm là trì danh hiệu một vị Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì trì danh hiệu của hết thầy chư Phật.

Những điều này đều do đại nguyện hạnh của đấng Đạo Sư mà thành tựu. Vì thế nói “A Di Đà Phật lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn”).

Đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, nhắc nhở Ngài hãy đặc biệt chú ý: “Tiếp theo đây, ta sẽ nói những lời quan trọng. Như ngày nay, ta khen ngợi công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật”.

“*Công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn*” là gì vậy? Trong đoạn Yếu Giải này, đại sư đã nêu ra tường tận. Nói đại lược thì có năm ý:

1) *Siêu thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi đoạn Hoặc*: Hãy nên biết: Tam giới chính là lục đạo. Tam giới chia thành Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Dục Giới có Ngũ Dục là “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ” (tài, sắc, danh, thực, thù). Nếu chỉ đoạn trên mặt Sự thì vô ích. Nếu vẫn còn có ý niệm thì vẫn ở trong Dục Giới, chẳng sanh lên Sắc Giới được. [Sanh lên Sắc Giới phải] nhờ vào Thiên Định. Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, tổng cộng mười tám tầng trời. Lại tính lên Vô Sắc Giới thì có Tứ Không Định Thiên, rồi lại lên tới Cửu Thứ Đệ Định (tên gọi đầy đủ là Diệt Thọ Tướng Thứ Đệ Định) thì sẽ vượt thoát tam giới, thành A La Hán. Đây là

vượt tam giới theo chiều dọc. Pháp môn này của chúng ta chẳng cần phải đoạn Hoặ, vượt ngang ra khỏi tam giới¹⁵¹ nên gọi là “hoành siêu tam giới”.

2) **Tây Phương có đủ cả bốn cõi, chẳng do chúng đắ dần dần:** Mười phương hết thấy các cõi Phật đều có bốn cõi, nhưng bốn cõi tách biệt, chẳng liên tiếp nhau. Còn bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương ở cùng một chỗ, hễ sanh về một thì sẽ sanh về hết thấy, chẳng cần phải tiến từ từ. Như trong thế giới Sa Bà, đoạn hết Kiến Tư phiền não liền vượt thoát tam giới. Trong tam giới là Phạm Thánh Đồng Cư độ, vượt thoát tam giới là Phương Tiện Hữu Dư độ. Lại tu hành phá một phẩm vô minh, chúng một phần Pháp Thân liền sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ. Đây là “*tiệm tấn*” (tiến từ từ, tiến dần dần).

¹⁵¹ Do từ nhân gian mà vượt thoát tam giới, sanh thẳng về Cực Lạc, không phải theo thứ tự sanh lên từng tầng trời, giống như con sâu đục ngang ống tre liền thoát ra được nên gọi là “hoành siêu” hoặc “hoành xuất”.

Tuy vãng sanh Tây Phương thế giới thuộc Hạ Hạ Phẩm, nhưng cũng viên tịnh tứ độ.

3) ***Chỉ trì danh hiệu, chẳng cần tới các phương tiện Thiên, Quán:*** Phương pháp tu hành chỉ dựa vào một câu Nam Mô A Di Đà Phật từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, chẳng cần bất cứ một pháp môn nào khác để phụ trợ. Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chính là chứng minh cực hay.

4) ***Lấy bảy ngày làm kỳ hạn, chẳng cần đến nhiều đời, nhiều kiếp, nhiều năm tháng:*** Tịnh Độ Tông đả Phật thất, chính là căn cứ trên kinh Di Đà. Tín nguyện trì danh, bảy ngày liền đắc Niệm Phật tam-muội, quyết định được vãng sanh. Công phu có sâu hay cạn khác nhau. Trung Quốc có thói quen chia thành ba hạng: Bậc thượng là Lý nhất tâm bất loạn, bậc trung là Sự nhất tâm bất loạn, bậc hạ là công phu thành phiền. Công phu thành

phiến cũng chia thành ba bậc. Thành phiến bậc thượng thì sanh tử tự tại. Từ xưa đến nay, những người đã đạt cảnh giới này rất nhiều, người ta làm được, vì sao chúng ta không làm được? Phải tìm cho ra sự chướng ngại khiến cho ta không làm được, trừ diệt nó đi thì công phu sẽ đắc lực.

5) *Trì một danh hiệu Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác trì danh hiệu của hết thầy chư Phật:* Tại Đài Loan có nhiều tự viện trong dịp Tết bèn có pháp hội lay một ngàn Phật hay một vạn vị Phật. Nếu niệm danh hiệu A Di Đà Phật tức là giống như đã niệm danh hiệu của mười phương tất cả hết thầy chư Phật. Đức Phật nói: “*Không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, không một vị Phật nào chẳng giảng kinh A Di Đà*”. Tựa đề của bộ kinh này là Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh (kinh được hết thầy chư Phật

hộ niệm), trong phần sau, kinh văn có nói tới. Chúng ta niệm bộ kinh này thì hết thấy chư Phật đều hộ niệm.

Năm điều này đều là do đại nguyện đại hạnh của A Di Đà Phật thành tựu, kinh Vô Lượng Thọ giảng rất cặn kẽ, ai đã đọc rồi thì hãy nên thấu hiểu công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Cổ đại đức nói: *“Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”*. *“Tương ứng”* ở đây không phải chỉ là tương ứng với A Di Đà Phật, đấng Đạo Sư của thế giới Cực Lạc, mà trên thực tế là tương ứng với mười phương ba đời hết thấy chư Phật. Công đức lợi ích này quả thật không gì sánh bằng, hiểu rõ đạo lý thì sẽ niệm Phật chẳng đến nỗi bỏ dở giữa chừng.

(Giải) Hựu, hành nhân tín nguyện trì danh, toàn nhiếp Phật công đức thành tựu

công đức. Cổ diệc viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”. Hạ hựu viết: “Chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngã bất khả tư nghị công đức”, thị chư Phật, Thích Ca giai dĩ A Di vi tự dã.

(解) 又。行人信願持名。全攝佛功德。成自功德。故亦曰阿彌陀佛。不可思議功德之利。下又曰。諸佛不可思議功德。我不可思議功德。是諸佛釋迦。皆以阿彌為自也。

(Giải: Lại nữa, hành nhân tín nguyện trì danh hoàn toàn thấu nhiếp công đức của Phật thành công đức của chính mình. Vì thế, cũng nói: “Công đức lợi ích của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn”. Trong đoạn dưới, [kinh văn] lại nói: “Công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư

Phật”, “công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta”, tức là chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm Tựa).

Cách nói này quả thật rất ít nghe tới. Chúng ta suy nghĩ kỹ càng sẽ thấy rất có lý. “*Tín nguyện trì danh*” là mấu chốt trong sự tu học của Tịnh Tông, nguyên tắc tu học là nhất tâm chấp trì danh hiệu thì có thể hoàn toàn biến công đức từ vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình. Nếu quả thật là sự thật thì [người tu pháp môn Niệm Phật] sẽ chiếm tiện nghi to lớn. Các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới tu hành trong vô lượng kiếp, tu hết sức nhọc nhằn, vẫn chẳng thể thành tựu được vài phần công đức của A Di Đà Phật. Người tu Tịnh Độ do tín nguyện trì danh, trong một thời gian rất ngắn mà công đức, lợi ích thù thắng vượt trội các vị Thanh Văn, Duyên Giác,

Bồ Tát tu hành khổ nhọc trong nhiều năm. Đây là sự thật. Trong nội dung của Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và kinh này đều có những đoạn kinh văn giảng rõ: Người niệm Phật sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngay cả Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng sẽ vô lượng thọ. Kinh Vô Lượng Thọ lại nói thân thể, tướng mạo, các thứ thụ dụng và thần thông đạo lực của họ đều tương tự A Di Đà Phật thì há chẳng phải là đã thâm nhiếp công đức của Phật để thành công đức của chính mình hay sao? Đủ thấy lời đại sư nói quả đúng là sự thật. Kinh văn lại nói: *“Công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta”*, ở đây có hai thuyết:

- 1) Chư Phật là A Di Đà Phật.
- 2) Chư Phật là mười phương hết thảy chư Phật Như Lai.

Hai thuyết này đều hợp lý. Do đây có thể suy ra: Mười phương hết thầy chư Phật và Phật Thích Ca đều coi A Di Đà Phật là chính mình, Tự và Tha chẳng hai. Nói theo tâm tánh thì tâm tánh của năng niệm (cái tâm của chư Phật và cái tâm của chúng sanh) là một chứ không phải hai, tâm tánh và công đức của danh hiệu đều chẳng thể nghĩ bàn. Đã có lý luận này thì ắt có sự thật.

Từ đoạn kinh nói về sáu phương Phật trở đi, đại sư phán định thuộc vào phần Lưu Thông, Ngài nói “*chỉ có Phật và Phật mới có thể gánh vác sứ mạng lưu thông*”. Trước hết, chúng tôi giới thiệu đại cương, đơn giản một lượt. Bản dịch của La Thập đại sư chỉ ghi sáu phương, còn Huyền Trang đại sư phiên dịch trực tiếp theo bản tiếng Phạn, ghi là mười phương. Ngài La Thập dịch ý, người Trung Quốc thích đơn giản, sáu phương là nói rút gọn,

nhưng ý nghĩa vẫn viên mãn. Sáu phương là Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới. Mười phương là sáu phương thêm vào Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc. Mỗi phương có vô lượng vô biên thế giới, mỗi một thế giới đều có một vị Phật giáo hóa.

Mỗi một phương đều nói “*như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật*” (các vị Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó). Thuở đức Phật tại thế, phần lớn thời gian Ngài giảng kinh ở quanh lưu vực sông Hằng. Cát sông Hằng rất mịn, giống như bột mì. Sông Hằng dài mấy ngàn dặm, cát sông Hằng chẳng thể đếm nổi số. Khi Phật nói đến số lượng nhiều, thường dùng cát sông Hằng để làm tỷ dụ. Cát sông Hằng tuy nhiều, nhưng số lượng còn có giới hạn, chứ các thế giới ở mỗi phương trong mười phương là vô lượng vô biên; vì thế, chư Phật cũng vô lượng vô biên.

“*Các ư kỳ quốc xuất quảng trường thiết tướng*” (Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưới rộng dài) chính là khen ngợi, tuyên truyền trọn khắp, giới thiệu Tây Phương A Di Đà Phật với hết thảy chúng sanh, từ trước đến nay chưa hề ngừng, phạm vi giáo hóa trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới.

“*Thuyết thành thật ngôn*”: Ý nói những điều được nói trong kinh này đều là những pháp thực tại. Những kinh điển khác cũng đều là những lời thành thật, như kinh Kim Cang dạy: “*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả*” (Như Lai là bậc nói lời chân thật, nói đúng sự thật, nói đúng lý đúng pháp, chẳng nói lời dối gạt, chẳng nói sai khác). “*Chân*” là không giả, “*thật*” là thực tại, chẳng hư vọng, “*như*” là không tăng, không giảm, đúng mức, “*bất cuống*” là chẳng lừa dối. Sao lại chỉ

nói kinh này là lời thành thật? Là vì kinh này dạy trực tiếp cách tu thành Phật cho phàm phu; do kinh này quá huyền diệu, rất nhiều người chẳng tin tưởng. Vì thế, phải đặc biệt nhấn mạnh “*thuyết thành thật ngôn*” (nói lời thành thật). Có người bảo tôi: “Đối với pháp môn Tịnh Độ, có những vị pháp sư đại đức thốt ra nhiều lời lẽ phê bình và chẳng thể tin tưởng pháp này”. Tôi bảo người ấy: “Bạn chưa đọc kỹ kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh đã nói rành rành: *Nhược phi vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn*’ (Nếu chẳng tu phước huệ trong đời quá khứ, sẽ chẳng thể nghe chánh pháp này). Bọn họ chẳng thể tin tưởng thì có gì lạ đâu!” Như trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, trong phần Thượng Phẩm Thượng Sanh Chương, Thiện Đạo đại sư đã nói: Hàng Thập Địa Bồ Tát cùng nhau nói với quý vị, bậc Đăng Giác Bồ Tát cùng nhau nói với quý

vị, quý vị chẳng cần phải tin tưởng. Chỉ tin tưởng lời Phật. Hễ tin tưởng pháp môn này, vâng theo lời dạy mà hành, là do trong quá khứ đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, có thiện căn vượt trội hết thảy chúng sanh, chứ chẳng phải chỉ một sớm một chiều mà hồng thành tựu được. Chính mình gặp được pháp môn này mà có thể tin tưởng, phát nguyện thì mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều chúc mừng quý vị, khen ngợi quý vị: “Ngày nay thiện căn, phước đức của quý vị đã chín muồi rồi, cơ duyên thành Phật đã đến rồi!”

Cuối cùng, đức Phật nói: Chúng sanh các người hãy nên tin tưởng bộ kinh này, kinh có tên là “*Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*”. Khi phiên dịch, La Thập đại sư đổi tên kinh thành “*Phật Thuyết A Di Đà Kinh*”. La Thập đại sư dùng tên

kinh này nhằm làm cho chúng ta vừa nhìn vào tựa đề kinh liền niệm một câu A Di Đà Phật, đây chính là phương tiện thiện xảo của người dịch kinh. “*Xưng tán*” là hết thảy chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, Phật dùng bốn mươi tám nguyện tiếp dẫn hết thảy chúng sanh căn cơ đã chín muồi trong mười phương pháp giới. Người căn cơ chín muồi bền tin tưởng, phát nguyện, hành trì, nhất định vãng sanh trong một đời này. Nếu chẳng tin, chẳng nguyện, chẳng chịu niệm thì là [căn cơ, nhân duyên] còn chưa chín muồi, chẳng thể vãng sanh trong đời này, vẫn luân hồi trong lục đạo. Tên kinh này cũng có thể nói là *Nhất Thiết Chư Phật Bất Khả Tư Nghị Công Đức*. Nếu không có Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu, đề xướng, làm sao chúng ta biết được? Đức Thế Tôn giới thiệu cõi nước Cực Lạc

giống như một trường học lớn. Đức Thế Tôn và mười phương chư Phật thay mặt A Di Đà Phật đến các nơi chiêu sinh, lại được hết thấy chư Phật tuyên dương, khen ngợi. Theo khảo chứng, Thiện Đạo đại sư là hóa thân của A Di Đà Phật; lời Thiện Đạo đại sư nói là lời A Di Đà Phật nói. Ngài nói: “*Như Lai sở dĩ xuất hiện trong cõi đời, chỉ nhằm nói ra biển bốn nguyện của A Di Đà Phật*”. Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, tức là giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ cho thế gian. Đã là như vậy thì cả đời đức Thế Tôn giảng ba kinh Tịnh Độ là đủ rồi, cần gì phải giảng nhiều pháp môn khác? Là vì cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã đến nên mới nói pháp môn này. Kinh này chẳng phải vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát mà nói. Cơ duyên thành Phật của họ còn chưa đến thì có nói cũng vô dụng, họ chẳng tiếp nhận. Nếu họ thuộc

căn tánh Bồ Tát thì giảng cho họ Đại Thừa Phật pháp. Nếu họ là căn tánh Duyên Giác hay Thanh Văn thì giảng pháp Tiểu Thừa cho họ. Họ không có ý nghĩ thoát khỏi tam giới, nên nói với họ những kinh điển giảng về trời người, để đời sau được thân người và hạnh phúc mỹ mãn. Do vậy, nói vô lượng vô biên pháp môn nhằm thích ứng những căn tánh khác nhau. Kinh này chuyên để nói với những chúng sanh căn cơ chín muồi, vượt trội những vị Bồ Tát. Chỉ cần tin tưởng pháp môn này thì tất cả hết thấy chư Phật, không một vị nào chẳng hộ niệm. Chúng ta niệm bộ kinh này liền được hết thấy chư Phật hộ niệm.

Mật Tông có chuyện quán đánh. Ở nước Mỹ và Đài Loan, nếu có Kim Cang thượng sư Rinpoche¹⁵² của Mật Tông đến,

¹⁵² Chử Thượng Sư được dịch từ chữ Guru, nghĩa gốc chỉ có nghĩa là thầy. Nhưng trong Ấn Độ Giáo và Mật Tông Tây Tạng, Guru có nghĩa là một vị thầy có tu chứng, đạt đến một trình độ rất khá; thậm chí coi như là hóa thân của một vị Phật hay một vị

là mọi người xúm nhau đông nghẹt xin quán đảnh. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang thượng sư của Mật Tông, tuổi già chuyên tu Tịnh Độ. Trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, cụ có giảng rõ ý nghĩa quán đảnh. “*Quán*” (灌) có nghĩa là từ bi che chở, gia hộ, “*đảnh*” (頂) có nghĩa là pháp môn chí cao vô thượng. Như vậy, “*quán đảnh*” là đem pháp môn cao tốt vô thượng của đức Phật truyền dạy cho quý vị, mà pháp môn cao tốt vô thượng bậc nhất của chư Phật Như Lai lại chính là kinh A Di Đà. Nếu niệm một biến thì cũng giống như được hết thầy chư Phật quán đảnh cho quý vị một lượt. Người

Bồ Tát. Thậm chí, khi tu tập, quán tưởng, họ đồng nhất vị Guru mình quy y với bản tôn (Yidam) của Mật pháp họ đang tu. Mật Tông Tây Tạng cho rằng nếu không nương tựa nơi Guru, hành nhân sẽ không thể nào đạt bất cứ thành tựu nào, do vậy, ngoài quy y ba ngôi Tam Bảo, họ còn thêm vào một ngôi thứ tư là Guru. Rinpoche (thường được người Hoa phiên âm là Nhân Ba Thiết) là một mỹ hiệu để tôn xưng những vị Lạt-ma Tây Tạng. Rinpoche có nghĩa là “đáng tôn quý”. Thoạt đầu, từ ngữ này thường chỉ dùng để gọi những Lạt-ma tái sanh, nhưng về sau thường được dùng để gọi tất cả các Lạt-ma. Tuy vậy, danh xưng Guru Rinpoche chỉ dành riêng để gọi Padmasambhava (Liên Hoa Sanh đại sĩ, sơ tổ Mật Tông Tây Tạng).

niệm Phật suốt ngày từ sáng đến tối sẽ được thấm đẫm Phật quang, nhưng chính mình mê hoặc điên đảo, đối với lợi ích công đức thù thắng này hoàn toàn chẳng biết, thật là đáng thương!

(Kinh) Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hàng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Giải) A Súc Bệ, thử vân Vô Động. Phật hữu vô lượng đức, ưng hữu vô lượng danh. Tùy cơ nhi lập, hoặc thủ nhân, hoặc thủ quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện đẳng. Tuy cử

nhất ngung, nhưng cụ Tứ Tất. Tùy nhất nhất danh, hiển sở thuyên đức. Kiếp thọ thuyết chi, bất năng tất dã.

(經) 東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

(解) 阿閼鞞。此云無動。佛有無量德。應有無量名。隨機而立。或取因。或取果。或性或相。或行願等。雖舉一隅。仍具四悉。隨一一名。顯所詮德。劫壽說之。不能悉也。

(Chánh kinh: Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, các đức Phật nhiều như cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưới rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kính Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải: A Súc Bệ, cõi này dịch là Vô Động, Phật có vô lượng đức, đương nhiên có vô lượng danh hiệu. Tùy theo căn cơ [của chúng sanh hóa độ] mà lập một danh hiệu, hoặc dùng nhân, hoặc dùng quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện v.v... [để đặt tên]. Tuy nêu lên một khía cạnh, nhưng mỗi danh hiệu đều đầy đủ bốn món Tát Đàn. Đối với mỗi danh hiệu, muốn giảng rõ tánh đức được phô

diễn bởi danh hiệu ấy thì dù có sống lâu cả kiếp để diễn nói cũng chẳng thể nào nói trọn hết được).

Phật và Bồ Tát đều không có danh hiệu. Danh hiệu là giả danh, thuận theo phía chúng sanh mà lập ra, [tức là] dựa theo nhu cầu của chúng sanh trong hiện thời, thuận theo căn cơ mà lập ra. Hoặc dựa theo nhân, dựa theo quả, hoặc dựa theo Tánh, dựa theo tướng để chọn lấy một đức năng trong vô lượng đức năng [mà lập danh hiệu] nhằm biểu thị pháp hòng tạo lợi ích thực dụng cho chúng sanh. Ấn Độ và Trung Quốc đều coi phương Đông là đứng đầu [trong các phương], mặt trời mọc từ phương Đông. Trong Tứ Quý (bốn mùa), phương Đông biểu thị mùa Xuân. Trong Ngũ Hành, phương Đông thuộc Mộc, phương Nam thuộc Hỏa, phương Tây thuộc Kim, phương Bắc thuộc Thủy,

chính giữa thuộc Thổ, rất gần với cách nhìn của người Ấn Độ. Danh hiệu của năm vị Phật này, A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, tượng trưng cho căn bản tu học trong pháp môn.

Vị thứ nhất là A Súc Bệ Phật, A Súc Bệ (Akshobhya) nghĩa là Bất Động, biểu thị học Phật, đối với bất cứ pháp môn nào, Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiền Giáo hay Mật Giáo đều phải bất động. Đây là điều kiện cơ bản nhất. Nếu thứ gì cũng học, ắt sẽ chẳng thành một việc nào! Cần phải “*tám gió thổi chẳng động*” thì mới có tư cách nhập môn nhà Phật. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần tâm chẳng động, lại còn phải tiến hơn một bước nữa là chẳng bị lay động bởi các pháp môn khác. Pháp môn, tông phái rất nhiều, ắt phải thâm nhập một môn. Thiện Đạo đại sư nói:

“Nếu muốn cầu Giải thì học nhiều tới mấy pháp môn cũng chẳng trở ngại gì; nhưng nếu muốn tu hành, nhất định phải giữ lấy một môn”. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là biểu thị pháp, tượng trưng cho nam nữ già trẻ đủ các ngành nghề trong xã hội, phương diện tiếp xúc hết sức rộng, Thiện Tài đều hiểu rõ hết, nhưng đối với sự tu hành của chính mình thì là “một môn thâm nhập”. Do chẳng hề dao động, Thiện Tài tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vị thầy thứ nhất của Thiện Tài là tỳ-kheo Đức Vân (Meghasri Bhiksu, còn dịch là tỳ-kheo Cát Tường Vân), là một vị xuất gia. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có năm vị là người xuất gia. Tỳ-kheo Đức Vân dạy Thiện Tài niệm Phật, môn nào học trước tiên sẽ là chánh yếu; về sau, Thiện Tài gặp những vị thiện tri thức khác, phương pháp tu trì của mỗi

vị mỗi khác. Thiện Tài nghe xong đều biểu lộ cung kính cảm tạ, rồi liền cáo từ, biểu thị “chẳng muốn học pháp môn ấy”. Mãi cho đến vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương đưa về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thiện Tài là chúng sanh căn cơ đã chín muồi, thành Phật trong một đời. Các tông, các phái đều hiểu rõ, hoàn toàn chẳng chướng ngại pháp môn của chính mình tu học. Thiện Tài nêu gương đáng cho chúng ta noi theo. Nếu không có tinh thần độc lập ấy, đừng nên lãng phí thời gian, có học cũng vô ích! Từ xưa, các vị tổ sư đại đức nếu nhận thấy người nào có thể đào tạo thành nhân tài bèn dùng đủ mọi phương pháp để rèn giũa kẻ ấy, tới khi kẻ ấy chịu không nổi sẽ bỏ đi, tức là chẳng thể thành tựu. Rèn giũa trăm cách mà người ấy vẫn chẳng động tâm thì mới là pháp khí. Cương lĩnh tu học của Bồ Tát,

thứ nhất là bồ thí, thứ hai là nhân nhục. Bảo quý vị buông xuống, thế gian lần xuất thế gian đều buông xuống hết, chuyên tu pháp môn này. Do vậy, A Súc Bệ là vị Phật thứ nhất tại phương Đông, dịch nghĩa là Vô Động, bao hàm những nghĩa đã nói trên đây.

Ba vị Phật kia là Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, đều dùng chữ Tu Di (Sumeru, Meru) làm danh hiệu để sánh ví. Cao nhất trong thế giới này là núi Tu Di, nhưng nó chẳng nằm trên địa cầu. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới; trung tâm của hệ Ngân Hà được giới thiên văn gọi là “*hắc đổng*” (black hole). Hắc đổng chính là núi Tu Di. Tất cả tinh cầu đều xoay chuyển quanh nó, nó là trung tâm của thế giới. Trong Phật pháp, gọi nó là núi Diệu Cao. Kinh thường dùng Pháp Thân để tỷ dụ bản thể. Ba vị Phật được nêu trên đây

nhằm biểu thị Tam Thân, tức Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân. Ba thân nhưng cùng một Thể.

Vị thứ nhất là Tu Di Tướng Phật (Merudhvaja Buddha), Tướng là tướng hảo, quang minh. Chúng sanh trong chín pháp giới đều ngưỡng mộ tướng hảo của Phật, [như vậy Tu Di Tướng] biểu thị Báo Thân. Vị thứ hai là Đại Tu Di Phật (Mahameru), Đại là từ ngữ khen ngợi, khen ngợi Lý thể của Pháp Thân trong tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn, những nhà triết học gọi nó là “*bản thể của vạn hữu trong vũ trụ*”, còn Phật pháp gọi là Pháp Thân. Hết thấy vạn pháp đều do nó biến hiện ra.

Vị thứ ba là Tu Di Quang Phật (Meruprabhasa Buddha); Quang là quang minh chiếu trọn khắp, lợi ích trọn khắp hết thấy chúng sanh. Đây chính là nói về Ứng Thân. Nên dùng thân nào để đắc độ

bèn hiện thân ấy để độ, tùy loại hóa thân, tức là ý nghĩa “*quang minh biến chiếu*” (quang minh chiếu trọn khắp). Mục tiêu học Phật chính là phải thành tựu Tam Thân.

Cuối cùng là Diệu Âm Phật (Manjughosha Buddha), đem phương pháp tu học nói ra. Tịnh Độ Tông niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tín nguyện trì danh là pháp môn trực tiếp để thành Phật. “*Diệu Âm*” chính là “*nam-mô A Di Đà Phật*”, chúng sanh trong chín pháp giới khắp mười phương ba đời đều dùng phương pháp này để vãng sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật.

(Giải) Đông phương hư không bất khả tận, thế giới diệt bất khả tận. Thế giới bất khả tận, trụ thế chư Phật diệt bất khả tận. Lược cử “hằng hà sa” nhĩ. Thử đẳng chư Phật, các xuất quảng trường

thiệt, khuyến tín thử kinh, nhi chúng sanh do bất sanh tín, ngoan minh cực hỹ. Thường nhân tam thế bất vọng ngữ, thiệt năng chí tỵ. Tạng Quả Đầu Phật, tam đại tăng-kỳ kiếp bất vọng ngữ, thiệt bạc, quảng trường khả phú diện. Kim chứng Đại Thừa Tịnh Độ diệu môn, sở dĩ biến phú tam thiên, biểu Lý thành xứng Chân, Sự thật phi mậu dã. Tiêu xuất kinh đề, lưu thông chi bốn. Thập sư thuận thử phương hiếu lược, dịch kim đề, xảo hợp trì danh diệu hạnh. Trang sư dịch vân Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Văn hữu tường lược, nghĩa vô tăng giảm.

(解) 東方虛空不可盡。世界亦不可盡。世界不可盡。住世諸佛亦不可盡。略舉恆河沙耳。此等諸佛。各出廣長

舌。勸信此經。而眾生猶不生信。頑冥極矣。常人三世不妄語。舌能至鼻。藏果頭佛。三大僧祇劫不妄語。舌薄廣長可覆面。今證大乘淨土妙門。所以遍覆三千。表理誠稱真。事實非謬也。標出經題。流通之本。什師順此方好略。譯今題。巧合持名妙行。奘師譯云。稱讚淨土。佛攝受經。文有詳略。義無增減。

(Giải: Phương Đông hư không chẳng thể cùng tận, nên thế giới cũng chẳng thể cùng tận. Do thế giới chẳng thể cùng tận nên chư Phật trụ thế cũng chẳng thể cùng tận, chỉ nêu đại lược là “nhiều như số cát sông Hằng” mà thôi. Các vị Phật vị nào cũng hiện tướng lưỡi rộng dài, khuyên nên

tin kinh này, mà chúng sanh vẫn chẳng sanh lòng tin, ương bướng, tối tăm đến tột bậc vậy! Người thường mà ba đời không nói dối thì lưỡi có thể chạm được mũi. Quả vị Phật trong Tạng Giáo ba đại A-tăng-kỳ kiếp không nói dối, lưỡi mỏng, rộng dài có thể che mặt. Nay nhằm chứng thực pháp môn Tịnh Độ mâu nhiệm, cho nên [chư Phật thè lưỡi] che khắp tam thiên, nhằm biểu thị “Lý quả thật xứng hợp chân thật, Sự là đúng với sự thật, chẳng sai lầm”. Nêu ra tựa đề kinh nhằm làm cái gốc cho việc lưu thông. Ngài La Thập thuận theo thói thích đơn giản của phương này, mà dịch tựa đề kinh như [đề kinh đang được sử dụng] trong hiện tại, phù hợp khéo léo với diệu hạnh trì danh. Ngài Huyền Trang dịch [tựa đề kinh này] là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Lời văn tuy có cặn kẽ hay đại lược

khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng bị tăng hay giảm).

Phương Đông hư không chẳng thể cùng tận, thế giới và chư Phật trụ thế đều chẳng thể cùng tận nên dùng cát sông Hằng để so sánh. Cát sông Hằng có cùng tận, nhưng thế giới vô tận. Mười phương hết thảy chư Phật đều khuyên con người hãy nên tin tưởng kinh này mà chúng sanh vẫn chẳng tin tưởng, đúng là ương bướng, u tối đến tột cùng. Đọc kinh Vô Lượng Thọ rồi mới hoảng nhiên đại ngộ, [có tình trạng ngoan cố, tối tăm ấy] vốn là do thiện căn và phước đức chẳng đủ. Trong kinh ấy, vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả nghe Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, nghe xong hết sức hoan hỷ, dùng hoa bằng vàng để cúng Phật nhằm biểu thị ý cảm tạ, trong tâm khởi lên ý niệm mong mỏi trong tương lai khi thành

Phật cũng sẽ giống hết như A Di Đà Phật. Họ vừa dậy khởi ý niệm ấy, đức Phật đã biết rõ. Phật nói bọn họ trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nhưng thiện căn và phước đức vẫn chưa đủ, bọn họ chỉ khởi lên ý niệm ấy, sanh lòng hoan hỷ, nhưng hoàn toàn chẳng phát tâm cầu nguyện vãng sanh. Nếu có ai thật sự phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ, đấy chính là trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, chứ không phải chỉ có bốn trăm ức Phật.

“*Tướng lưỡi rộng dài*” là một trong ba mươi hai tướng. Nếu có thể le lưỡi liếm tới đầu mũi thì đấy là điều cho thấy người ấy trong ba đời không nói dối. Kinh nói đức Thế Tôn đời đời kiếp kiếp chẳng nói dối, nên đầu lưỡi khi le ra có thể che cả mặt. Vị Phật trong Tạng Giáo do không nói dối trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp nên lưỡi mỏng, dài rộng, có thể che được mặt.

Phật Thích Ca như vậy đó. Hết thấy chư Phật Như Lai chứng minh cho chúng ta biết Tịnh Độ là pháp môn Đại Thừa mẫu nhiệm nhất. Mẫu nhiệm ở chỗ có thể khế hợp hết thấy chúng sanh khiến cho họ có thể trong một đời viên mãn thành Phật, viên mãn rốt ráo Phật quả.

Kinh này có tựa đề là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Kinh này do La Thập đại sư dịch, Ngài biết người Hoa ưa nói đơn giản, bất luận ngôn ngữ, văn tự nào cũng đều mong sao nói được những điểm trọng yếu nhưng tường tận, rõ ràng. Do vậy, Ngài đặt tựa đề kinh là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, lấy ngay danh hiệu làm tựa đề kinh. Huyền Trang đại sư cũng dịch kinh này, nhưng không được trôi chảy cho lắm, ai nấy đều thích bản dịch của ngài La Thập; [bởi lẽ, bản của ngài La Thập] văn từ lưu loát, thông đạt, ngay cả

đệ tử của ngài Huyền Trang cũng chẳng phải là ngoại lệ. Tuy Huyền Trang đại sư đem Duy Thức Học truyền vào Trung Quốc, nhưng chưa tạo lập tông phái, phải đợi đến khi đồ đệ của Ngài là pháp sư Khuy Cơ mới sáng lập Pháp Tướng Tông. Vì thế, ngài Khuy Cơ là tổ sư đời thứ nhất của Pháp Tướng Tông. Ngài Khuy Cơ cũng viết một bản chú giải kinh Di Đà mang tựa đề [A Di Đà Kinh] Thông Tán Số, dùng bản dịch của ngài La Thập để viết chú giải, vì bản này được lưu hành trong cõi đời đã lâu, cho nên không dùng bản dịch của thầy mình. Đủ thấy thầy trò ngài Huyền Trang đều hết sức tôn trọng bản dịch của ngài La Thập.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn

Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(經) 舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大燄肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương Nam có Nhật Nguyệt Đẳng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô Lượng Tinh

Tán Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Trong đoạn trước đã giới thiệu phương Đông. Phương Đông nhằm tượng trưng cho căn bản tu học Phật pháp. Tại phương Đông [nêu đại lược] năm vị Phật, vị Phật thứ nhất tượng trưng cho thái độ cơ bản trong sự tu học Phật pháp. Bất luận tu học một pháp môn hay tông phái nào, mấu chốt thành bại chính là “*chuyên nhất, bất động*”. Có nhiều vị đồng tu chẳng thể nói là không dụng công, nhưng xét theo thực tại thì chẳng có thành tựu, chính là vì cái tâm chúng ta phập phều, chao động, hoàn

toàn chẳng trấn định, đúng như cô đức đã nói: “*Tâm bị cảnh chuyển*”. Như thế sẽ trọn chẳng thể tu đạo được! Do vậy, vị Phật thứ nhất là Bất Động Phật dạy chúng ta bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, điều trước tiên phải học là tâm bất động. [Danh hiệu của] ba vị Phật tiếp đó nhằm nêu ra mục tiêu tu hành, chứng đắc viên mãn Pháp, Báo, Ứng ba thân. [Danh hiệu của] vị Phật thứ năm nhằm nêu ra phương pháp tu hành cơ bản trong tông này là Trì Danh Niệm Phật. Phương Nam thuộc Hỏa, tượng trưng cho hiện tượng quang minh. Rất nhiều người hiểu lầm Tịnh Độ Tông, cho rằng Tịnh Độ Tông cầu nhất tâm bất loạn tức là có Định nhưng thiếu Huệ, quả thật chẳng biết một câu A Di Đà Phật chẳng những bao gồm Giới - Định - Huệ mà còn là trí huệ vô thượng.

Vị Phật thứ nhất ở phương Nam là Nhật Nguyệt Đăng Phật (Candrasuryapradipa Buddha), mang ý nghĩa “*quang minh chiếu trọi khắp*”, biểu thị tự tánh vốn trọn đủ trí huệ viên mãn, vũ trụ, nhân sinh, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng hiểu.

Vị Phật thứ hai là Danh Văn Quang Phật (Yaśahprabha Buddha), “*danh văn*” nói theo cách bây giờ là “mức độ nổi tiếng”. Người tu hành thật sự dụng công, tu đến mức độ khá, quả thật sẽ nổi tiếng. Danh lẫn lợi đều có thể hại người. Nếu thiếu trí huệ, sẽ thường bị mê, hể mê ắt đọa lạc. “*Quang*” là trí huệ, đối với họa hại của tiếng tăm, lợi dưỡng đều thấu hiểu rõ ràng, tự mình ắt phải xa lìa danh lợi thì mới chẳng bị hại.

Vị Phật thứ ba là Đại Diệm Kiên Phật (Maharciskandha Buddha), “*Diệm*” (燄) là ngọn lửa, trí huệ quang minh, biểu thị đột

phá cửa ải danh lợi thì công phu sở học ắt sẽ tăng cao. Khi ấy sẽ có đủ hai thứ trí là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí trên mức độ nông cạn. Hai thứ trí này được biểu thị bằng [hình tượng] hai vai trái và phải, hai trí hiện tiền giúp Phật giáo hóa. Căn Bản Trí là Thật Trí, là Thể của trí huệ. Hậu Đắc Trí là Quyền Trí, là Dụng của trí huệ. Kinh Bát Nhã đã nói: Căn Bản Trí là “*Bát Nhã vô tri*”, Hậu Đắc Trí là “*không gì chẳng biết*”. Chúng ta chỉ có vọng tưởng, phân biệt, về căn bản là chẳng có trí huệ, trí huệ là do Định mà có. Nếu cầu trí huệ thì trong bất luận tông phái nào, bậc thiện tri thức chân chánh sẽ dạy người ta trước hết phải cầu vô tri. Như Lục Tổ đại sư đã nói “*vốn không có một vật*”, có tri kiến nhất định là tà tri tà kiến. Chánh tri là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh. Vì thế, nó được gọi là Tự Nhiên Trí hay Vô Sư Trí. Người học Phật hiện thời hoàn toàn làm

trái cách dạy bảo của cô đức. Trước hết, cầu học rộng nghe nhiều, thứ gì cũng muốn học, kết quả là hiểu biết hữu hạn. Trí huệ trong tự tánh chẳng do khảo cứu, đọc rộng rãi các sách mà có, mà phải do Định. Nhà Phật nói: “*Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*”. Pháp môn Niệm Phật là phải niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Nếu đắc nhất tâm, sẽ đắc Căn Bản Trí. Hậu Đắc Trí là tác dụng của Căn Bản Trí. Lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, hiểu rõ hết thấy chính là Hậu Đắc Trí. Thật Trí là Tự Thụ Dụng, vô tri. Quyền Trí là Tha Thụ Dụng, không gì chẳng biết. Hai trí đều đắc nên gọi là Đại Diệm Kiên Phật. Chính mình thụ dụng thì vô tri, cũng là “*vô thuyết*” (không nói), không nói mà nói. Không gì chẳng biết là Tha Thụ Dụng, nhằm giáo hóa chúng sanh nên có biết, có nói, nói mà chẳng nói. Chính mình vĩnh viễn ở trong cảnh giới

thanh tịnh, vắng lặng, giúp đỡ chúng sanh, hòa quang đồng trần, sống động, hoạt bát, thì mới có thể giáo hóa hết thảy chúng sanh. Nhà Phật thường nói “*tục Phật huệ mạng, hoằng pháp lợi sanh*” (tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh). Không có hai thứ trí huệ này sẽ chẳng làm được, chỉ có tâm từ bi xuyên thì cũng chẳng sử dụng được.

Vị Phật thứ tư là Tu Di Đấng Phật (Merupradipa Buddha). Tu Di Đấng là tỷ dụ, biểu thị tu Huệ, chuyển Thức thành Trí. Núi Tu Di do bốn thứ báu hợp thành, biểu thị chuyển tám Thức thành Tứ Trí. Năm Thức trước, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, là “*lãn thọ*” (tiếp nhận). Thức thứ sáu (Ý Thức) là phân biệt. Thức thứ bảy (Mạt Na Thức) là chấp trước. Thức thứ tám ghi ấn tượng, tồn trữ thành chủng tử (hạt giống) trong

cái kho A Lại Da Thức. Cổ đức nói: May là những chủng tử ấy chẳng có thể tích; nếu không, tội cùng hư không đều chẳng thể chứa đựng hết. Mỗi ngày chứa thêm chủng tử; sau khi chết, chủng tử nào có tánh chất mạnh mẽ sẽ lôi thần thức đi thọ báo trước. Khởi tâm động niệm lúc bình thường có quan hệ lớn nhất, tạo ảnh hưởng sẽ đầu thai vào đường nào. Trong lục đạo, xả thân này, thọ thân khác đều tuân theo quy luật này. Đức Phật nói mười pháp giới đều là hoàn cảnh sống của chúng ta. Nhân tố trọng yếu nhất của Phật Pháp Giới là “tánh bình đẳng”; hễ trong tâm khởi lên một niệm sẽ là chẳng bình đẳng. Điều kiện làm Bồ Tát là hành Lục Độ, [điều kiện làm] Duyên Giác là mười hai nhân duyên, [điều kiện làm] Thanh Văn là Tứ Đế. Đây là Tứ Thánh Pháp Giới (Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn) ở ngoài tam giới. [Điều kiện của]

Thiên Giới là Thập Thiện. Chỉ tu Thập Thiện thì chỉ có thể sanh vào các tầng trời thuộc Dục Giới. Từ Sắc Giới Thiên trở lên còn phải tu thêm Tứ Vô Lượng Tâm, tức từ, bi, hỷ, xả. [Điều kiện của] Nhân Đạo (loài người) là Ngũ Giới. Nho Gia Trung Quốc nói Ngũ Thường, tức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, gần giống với Ngũ Giới. Thực hiện [những điều ấy] viên mãn thì đời sau chẳng mất thân người. Sốt sáng tu nhiều điều lành, nhưng lại có tập khí rất lớn, ngạo nghễ, ngã mạn, sẽ sanh vào A Tu La đạo. Keo kiệt, tham lam là ngã quý đạo. Ngu si là súc sanh đạo. Nóng giận là địa ngục đạo. Trong tương lai chúng ta sẽ phải sanh vào đường nào, chính mình khi trở về nhà, hãy lắng lòng suy nghĩ thì sẽ nhận biết, chẳng cần phải hỏi ai khác! Nói theo pháp môn Niệm Phật thì là chuyên Thức thành Trí. Thân lễ kính A Di Đà Phật, miệng xưng niệm A Di Đà Phật, tâm

tưởng A Di Đà Phật, chuyển Thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Từ đây trở đi, chẳng còn suy nghĩ lung tung nữa, biết hết thấy pháp đều là Không, như mộng, huyễn, bọt, bóng, chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, chẳng chấp trước hết thấy pháp, tâm địa bình đẳng. Chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, không gì chẳng biết¹⁵³.

Vị Phật thứ năm tức vị Phật cuối cùng [ở phương Nam] là Vô Lượng Tinh Tấn Phật (Anantavirya Buddha), dạy chúng ta

¹⁵³ [Ghi chú của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: “*Chuyển Thức thành Trí*” như trên đã nói, chủ yếu là hai Thức thứ sáu và thứ bảy. Hai thức thứ sáu và thứ bảy đã chuyển thì thức thứ tám cũng chuyển theo, trở thành Đại Viên Kính Trí. Năm Thức trước là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và [thức thứ sáu là] Ý cũng chuyển theo Thành Sở Tác Trí. Tên gọi của bốn Trí này được Thành Duy Thức Luận giải thích như sau:

- 1) Như Lai vì muốn lợi lạc các chúng sanh nên trong khắp mười phương thế giới, thị hiện các thứ thần thông biến hóa, dẫn các chúng sanh bước vào thánh đạo, thành tựu những điều đáng làm theo nguyện lực của chính mình nên gọi là Thành Sở Tác Trí.
- 2) Như Lai khéo quán sát viên dung các pháp theo thứ tự, lại biết căn tánh và sự ưa thích, ham muốn của chúng sanh, mà dùng vô ngại biện tài nói các diệu pháp, khiến họ khai ngộ, đạt được đại an lạc. Trí ấy gọi là Diệu Quán Sát Trí.
- 3) Như Lai quán hết thấy pháp và hết thấy chúng sanh đều bình đẳng, do tâm đại từ bi, tùy thuận căn cơ mà thị hiện hướng dẫn, chỉ dạy, khiến họ chứng nhập thì gọi là Bình Đẳng Tánh Trí.
- 4) Bỏ tánh của chân trí Như Lai là thanh tịnh, xa lìa các trần nhiễm, trong ngoài rỗng rang, thấu suốt, không tối tăm, không như bản, như tâm gương tròn lớn, chiếu tỏ muôn vật, không gì chẳng hiểu rõ thì gọi là Đại Viên Kính Trí.

phương pháp tu hành. Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một thứ là tinh tấn, thành tựu đại trí huệ. Chương ngại lớn nhất đối với tu hành là giải đãi. Xem Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, không một người biếng nhác, bê trễ nào có thể thành tựu! Chúng ta rất muốn dụng công, nhưng tinh thần uể oải, nguyên nhân là do nghiệp chướng, ắt phải lập cách khắc phục. Tại Đài Bắc có một vị đồng tu lái taxi, tức cư sĩ Hứa Thu Hùng, bị bệnh, tinh thần uể oải, nhất định muốn khắc phục. Do cuộc sống ràng buộc, mỗi tháng ông tu tinh tấn niệm Phật hai lần; mỗi lần niệm Phật suốt hai ngày hai đêm không ngừng, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Càng niệm tinh thần càng tốt đẹp. Mỗi lần chỉ cần nghỉ ngơi hai tiếng đồng hồ liền có thể làm việc tiếp. Đừng thấy ông ta làm công việc tầm thường, nhỏ nhoi, tương lai ông ta nhất định vãng sanh. Một vị khác nữa là cư sĩ

Khuru Hiền Đạt, làm việc tại Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, hiện đang sống tại một ngôi chùa ở Phước Châu, phụ trách gởi tặng kinh sách. Ông ta là người ngoài đời, mỗi ngày ngủ đến bảy tám giờ mới dậy. Người xuất gia trong chùa ba giờ sáng đã dậy, bốn giờ tụng khóa sáng. Ông ta ở trong chùa cảm thấy hết sức hồ thẹn, chân tâm phát lộ sám hối; hiện thời đã theo mọi người làm việc, chẳng nề hà khó khăn, ai cũng phải khen ngợi. Không có chướng ngại nào chẳng thể khắc phục, chính mình phải có chí nguyện kiên cường thì mới dũng mãnh thực hiện được, xin đừng cam phận đọa lạc. Thế gian có ba thứ thiện căn là không tham, không sân, không si; hết thảy thiện pháp sanh từ những điều này. Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một thứ là tinh tấn.

(Kinh) Xá Lợi Phật! Tây Phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Giải) Vô Lượng Thọ Phật dữ Di Đà đồng danh, thập phương các phương diện, đồng danh chư Phật vô lượng dã. Nhiên tức thị đạo sư diệc khả. Vị độ chúng sanh, bất phương chuyển tán Thích Ca Như Lai sở thuyết.

(經) 舍利弗。西方世界。有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

(解) 無量壽佛。與彌陀同名。十方各方面。同名諸佛無量也。然即是導師亦可。為度眾生。不妨轉讚釋迦如來所說。

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo

Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải: *Vô Lượng Thọ Phật cùng tên với A Di Đà Phật. Trong mười phương, tại mỗi phương có vô lượng chư Phật mang cùng tên. Nhưng dù cho Vô Lượng Thọ Phật chính là đạo sư A Di Đà Phật thì cũng vẫn được. Vì độ chúng sanh nên khen ngợi lời Thích Ca Như Lai đã nói cũng đâu có trở ngại gì).*

Những vị Phật có cùng danh hiệu với A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng biết là bao nhiêu! Vì rộng độ chúng sanh, các vị Phật khen ngợi lẫn

nhau. A Di Đà Phật cũng khen ngợi Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng tán thán mười phương thế giới chư Phật. Phương Nam biểu thị tu huệ, phương Tây biểu thị tu phước. Trì danh niệm Phật là phước huệ song tu.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật (Amitayus Buddha), Vô Lượng Thọ tượng trưng cho phước thọ. Trong các thứ phước đức, Thọ là bậc nhất. A Di Đà dịch là Vô Lượng, chẳng những thọ mạng vô lượng, mà quang minh, trí huệ, đức năng, thần thông của Ngài đều vô lượng. Trong các thứ vô lượng, thọ mạng là cao tốt nhất. Nếu không có tuổi thọ thì hết thấy những thứ khác cũng như không.

Vị thứ hai là Vô Lượng Tướng Phật (Amitalaksana Buddha). “*Tướng*” biểu thị phú quý. Những thầy bói trong và ngoài nước, hễ xem tướng đều phân biệt phú quý hay bần tiện. Tướng chuyển theo tâm.

Tướng tốt đẹp nhất trong thế gian là Phật tướng. Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Hãy nên biết: Tướng là quả báo, có quả ắt phải có nhân. Chẳng hạn như ba đời không nói dối, đầu lưỡi có thể liếm đặng chót mũi. Kinh dạy: Bồ Tát sau khi thành Phật còn phải tu phước trong một trăm kiếp, tu tướng hảo trang nghiêm. Nhiếp thọ chúng sanh không chỉ cần phải có Huệ mà còn phải có Phước. Có người học vấn rất giỏi, nhưng giảng kinh chẳng ai thích nghe, là vì vô phước. A Nan trông thấy tướng hảo của Phật liền phát nguyện xuất gia. Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo chính là tướng được thị hiện nơi thân Liệt Ứng của Phật Thích Ca.

Vị Phật thứ ba là Vô Lượng Tràng Phật (Amitadhvaja Buddha). Thời cổ có tràng, phan. Tràng (幢, dhvaja) hình tròn, còn

Phan (幡, patākā hoặc ketu) thì đẹp. [Tràng] giống như ống thông gió ở phi trường. Tại Đại Lục và Nhật Bản vẫn còn thấy có Tràng. Tác dụng của nó là tuyên cáo hoặc thông cáo. Phật giáo là giáo dục, tôn trọng thầy, chỉ nghe “tới học”, chứ chưa nghe “đến dạy”. Nhà Phật từ xưa đến nay chưa từng nghe nói có chuyện chiêu sinh, cũng chẳng dám mang ý tưởng làm thầy người khác. Do vậy trách nhiệm tiếp dẫn đại chúng đều do học sinh. Sau này, các vị tổ sư đại đức hể hoằng hóa ở một nơi nào, nếu trong chùa có giảng kinh, sẽ treo tràng trên cột cờ ngoài miếu, biểu thị hôm nay trong chùa có giảng kinh, ai muốn đến nghe cứ tự do tham gia. Nếu tổ chức pháp hội thì treo phan.

Vị Phật thứ tư là Đại Quang Phật (Mahaprabha Buddha) biểu thị Căn Bản Trí, vị Phật thứ năm là Đại Minh Phật (Mahanirbhasa Buddha) biểu thị Hậu Đắc

Trí. Hai thứ trí huệ, “đại quang” là Tự Thụ Dụng, “đại minh” là Tha Thụ Dụng. Đối với hết thảy pháp, pháp nào Phật cũng hiểu rõ, nhưng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tợ hồ hoàn toàn không biết, chưa khởi tâm, chưa động niệm, vạn pháp bình đẳng, vạn pháp giống hệt như một, đây chính là hiện tượng của Căn Bản Trí. Nếu có người hướng về Phật thưa hỏi, Phật liền giải đáp tận cội nguồn của chuyện được hỏi ấy. Đó là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết.

Vị Phật thứ sáu là Bảo Tướng Phật (Ratnalakṣana Buddha). Bảo (寶) có nghĩa là tôn quý thù thắng. Từ Vô Lượng Thọ Phật đến Bảo Tướng Phật là phước đức vô lượng vô biên. Thuyết minh đại khái đức hiệu của sáu vị Phật là “nếu không có phước sẽ chẳng thể độ chúng sanh”. Phật còn như thế, huống là từ Bồ Tát trở xuống! Thầy Lý một đời giảng kinh, thuyết pháp,

mở lớp học kinh ở Đài Trung, thường bảo chúng tôi phải tu phước, kết pháp duyên với chúng sanh. Phương thức rất nhiều, như khi thầy Lý giảng kinh thì chăm sóc thính chúng nhằm kết duyên với họ. Pháp duyên của tôi rất tốt, dùng in kinh để kết duyên, càng kết càng rộng.

Vị Phật thứ bảy, tức vị Phật cuối cùng [trong phương Tây], là Tịnh Quang Phật (Suddharaśmiprabha Buddha), dạy chúng ta phương pháp tu phước: Phải tịnh, phải quang minh. Tịnh là tam nghiệp thanh tịnh, tâm địa phải chánh đại quang minh. Thanh tịnh nhất định phải đoạn sạch mười ác nghiệp. Tuy tu Thập Thiện nghiệp, nhưng chẳng chấp vào tướng tu thiện, tam luân thể không, thì gọi là “*tịnh nghiệp*”. Trong hết thấy các bức vẽ hình Phật, phía trên có viết ba chữ bằng tiếng Phạn là “*Ông, A, Hông*” (Aum, Ah, Hum), nghĩa là “tam nghiệp thanh tịnh”. Ông (Aum) là

thân, A (Ah) là khẩu, Hồng (Hum) là ý. Ba nghiệp thanh tịnh, tâm địa đương nhiên chánh đại quang minh, không có tư hào ác niệm và ngã chấp. Có Ngã sẽ có riêng tư, tâm địa chẳng quang minh. Ngã đã không có, nào còn có Ngã Sở? Phá được Ngã Chấp thì mới thật sự chánh đại quang minh. Trong Tứ Thánh Pháp Giới có tình hình như vậy. A La Hán, Bích Chi Phật phá được Ngã Chấp, lục đạo phàm phu đều có Ngã Chấp. Có tâm riêng tư sẽ chẳng bình đẳng. Có sai biệt sẽ sanh phiền não, nghiệp chướng. Muốn tu đại phước đức, phải dụng công nơi tam nghiệp thanh tịnh và tâm địa quang minh thì mới có thể thành tựu viên mãn phước đức xứng tánh. Vị Phật cuối cùng nhằm giáo hóa phương pháp tu hành.

Chư Phật trong các thế giới ở phương Tây cũng đều ở trong cõi nước của mỗi vị, giống như Phật Thích Ca, vì hết thảy

chúng sanh mà tuyên giảng kinh A Di Đà, tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới, khuyến khích mọi người hãy tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, hết thầy chư Phật đều nói kinh này, kệ cơ, kệ lý. Phật Thích Ca thuyết pháp trong thế giới này bốn mươi chín năm, thời gian không dài, kinh điển được Ngài giảng có hạn. Những kinh chưa giảng rất nhiều, là vì những kinh khác đều chẳng kệ cơ, có giảng cũng vô ích. Chỉ có pháp môn này đối với hết thầy căn cơ đều có ích, thích hợp trọn khắp hữu tình trong pháp giới, nên không có vị Phật nào chẳng giảng kinh A Di Đà.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Vông Minh Phật, như thị đẳng hàng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất

quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(經) 舍利弗。北方世界。有燄肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật, các đức Phật

nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưới rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Tại phương Bắc cũng kể tên năm vị Phật, biểu thị sự hóa độ người khác. Trong phần trước, phương Nam là tu Huệ, phương Tây là tu Phước. Có đại trí huệ, có đại phước đức. Khi ấy, phải làm chuyện hóa độ chúng sanh, khiến cho họ phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui. Sau khi phước và huệ đầy đủ, nhất định phải học theo chư Phật Như Lai, lấy hồng pháp lợi sanh làm thiên chức.

Vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật (Arciskandha Buddha). Đại Diệm Kiên Phật trong phần trước là hai thứ trí huệ

vừa mới tu thành, còn vị Diệm Kiên Phật này là phước huệ viên mãn, gánh vác gia nghiệp của Như Lai, hoằng pháp lợi sanh.

Vị Phật thứ hai là Tối Thắng Âm Phật (Vaishvanaranirghosha Buddha). Chúng sanh trong mười phương thế giới căn tánh khác nhau. Chúng sanh trong thế giới này nhĩ căn lanh lợi nhất, như trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát vì thế giới này chọn lựa pháp Viên Thông đã nói: *“Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”* (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Không lão phu tử dạy học dùng âm thanh, Phật Thích Ca cũng giống như vậy. Không có kinh sách, văn tự, hoàn toàn dựa vào lời nói. Trong các kinh, kinh A Di Đà thù thắng nhất. Kinh Vô Lượng Thọ tuy xưng tụng là kinh bậc nhất về Tịnh Độ, giới thiệu viên mãn y báo chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới, nhưng nguyên tắc cơ bản

nhất là kinh A Di Đà, vì Tín - Nguyện - Hạnh là điều kiện vãng sanh quan trọng nhất. Một lần, rồi hai lần, rồi lại ba lần khuyên lơn, khích lệ chúng ta, xót lòng rất miêng giáo huấn. Kinh văn tuy không nhiều, lời lẽ đơn giản, nhưng ý bao trùm. Tối Thắng Âm chính là dạy chúng ta hãy niệm Phật, tuyên nói kinh này.

Vị Phật thứ ba là Nan Trở Phật (Dushpradharsha Buddha), Trở (沮) là trở ngại, [Nan Trở (khó thể gây chướng ngại)] bao hàm ý nghĩa ủng hộ chánh pháp, dũng mãnh tinh tấn, hàng phục ma chướng. Ma chướng xảy đến là do đời đời kiếp kiếp tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, kết oán cừu với chúng sanh quá nhiều, cho nên họ thường tới xâm phạm hãm hại. Lúc đức Phật tại thế cũng có nhiều ma nạn. Học Phật chẳng phải là thuận buồm xuôi gió. Lục Tổ Huệ Năng đại sư từng lánh nạn suốt mười lăm năm trong đám thợ săn,

chẳng dám lộ diện. Ngài là người đắc đạo, là bậc Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh mà còn như thế. Trong thế gian hiện thời, yêu ma quỷ quái chỗ nào cũng có, ắt phải có Định - Huệ để hàng phục ma oán, khắc phục hết thảy những thử thách khó khăn.

Nan Trở Phật vừa được nêu lên trên đây, tượng trưng cho ý nghĩa hoằng dương, bảo vệ chánh pháp, chẳng bị ma vương ngoại đạo, hết thảy chướng ngại ngăn trở, nhiễu loạn. Vị Phật tiếp đó, là vị thứ tư, Nhật Sanh Phật (Adityasambhava Buddha), tượng trưng sự dạy học tăng trưởng. “*Nhật*” tượng trưng trí huệ. Chỉ có đột phá hết thảy chướng ngại, khó khăn thì trí huệ mới tăng trưởng, chánh pháp mới có thể thường trụ thế gian, lợi ích chúng sanh.

Vị Phật cuối cùng, thứ năm, là Vông Minh Phật (Jaliniprabha Buddha). “*Võng*”

(網) là cái lưới, hình dung chúng sanh trầm luân trong biển khổ, Bồ Tát dùng lưới vớt lên để cứu độ họ. Vô lượng pháp môn đến cuối cùng nhất định phải dẫn về Cực Lạc. Chẳng sanh Tịnh Độ, ắt phải vào luân hồi. Chúng ta chẳng thể đoạn Kiến Tư phiền não, tập khí vọng tưởng, chấp trước thì lục đạo sẽ do đây mà có. Có một loại chúng sanh, công phu định lực rất sâu, nhưng vẫn ở trong lục đạo, do tập khí vọng tưởng chẳng hiện hành bèn tự cho là đã đắc Đại Niết Bàn. Thật ra, họ đắc Vô Tướng Định, vẫn ở trong lục đạo, tuy tập khí phiền não chẳng hiện hành, căn bệnh là do một tí vô minh ngăn lấp. Chỗ khó khăn của chúng sanh là chẳng rớt vào bên vọng tưởng thì sẽ rơi vào bên vô minh. Định của Phật, Bồ Tát không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thông đạt hiểu rõ hết thấy vạn pháp, tâm địa quang minh chẳng phải là tối tăm, cảnh giới bên

ngoài đều hiểu rõ. Nếu có Định rất sâu mà bất cứ chuyện gì bên ngoài cũng chẳng biết thì tu thành công bất quá là Vô Tướng Định đó thôi! Tương lai, sau khi chết sẽ sanh lên Vô Tướng Thiên trong Tứ Thiên Thiên, thuộc ngoại đạo, ngoại đạo là ma.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng hàng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Giải) Thử giới thủy luân, kim luân, phong luân chi hạ, phục hữu hạ giới Phi

Phi Tướng Thiên đấng, nãi chí trùng trùng vô tận dã. Đạt Ma thử vân Pháp.

(經) 舍利弗。下方世界。有師子佛。名聞佛。名光佛。達磨佛。法幢佛。持法佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

(解) 此界水輪。金輪。風輪之下。復有下界非非想天等。乃至重重無盡也。達磨此云法。

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, các đức

Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưới rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

***Giải:** Phía dưới thủy luân, kim luân và phong luân¹⁵⁴ của thế giới này lại có các cõi trời như Phi Phi Tướng v.v... của thế giới ở phương dưới, cho đến trùng trùng vô tận. Đạt Ma được cõi này dịch là Pháp).*

¹⁵⁴ Theo luận Câu Xá, tầng thấp nhất của một thế giới gọi là Phong Luân (Vāyu mandala), tức là một tầng không khí. Phía dưới tầng Phong Luân ấy gọi là Không Luân (Ākāśa-mandala, tức hư không). Phong Luân dày mười sáu ức do-tuần, kiên cố như kim cang. Trên Phong Luân có Thủy Luân (Jala-mandala) gồm toàn nước, dày tám ức do-tuần. Trên Thủy Luân là Kim Luân (Kāñcana-mandala), dày ba ức hai vạn do-tuần, do chất kim cang kết thành hình tròn xoe như bánh xe. Phía trên Kim Luân là chín rặng núi lần lượt vây quanh nhau, gần như những vòng tròn đồng tâm, tính từ trong ra ngoài là Tu Di (Sumeru), Du Càn Đà La (Yugandhara), Y Sa Đà La (Isadhara), Khư Đề La (Khadiraka), Tô Đạt Lê Xá Na (Sudarśana), An Tháp Phược Kiệt Noa (Āsvakarna), Tỳ Na Đà La (Vinadhara), Ni Dân Đà La (Nimindhara), Chưóc Ca La (Cakravāda, Thiết Vy sơn) và tám cái biển lớn (tám cái biển chứa toàn nước thơm, nên gọi là Hương Thủy Hải. Mỗi biển nằm giữa các rặng núi, từ ngoài vào trong có chín vòng núi nên có tám biển Hương Thủy), vây quanh đại địa. Tầng này gọi là Địa Luân (Prthivī-mandala).

Trong các thế giới ở phương dưới nêu tên sáu vị Phật, tượng trưng cho ý nghĩa phổ độ giáo hóa. Vị Phật thứ nhất là Sư Tử Phật (Simha Buddha), tỷ dụ đức Phật thuyết pháp. Sư tử là vua trong các loài thú, gầm một tiếng, trăm loài thú đều run sợ. Phật thuyết pháp thì hết thảy tà môn ngoại đạo đều bị hàng phục. Do vậy, ví Phật thuyết pháp như sư tử rống. Bồ Tát thay Phật thuyết pháp, được gọi là Pháp Vương Tử. Pháp Vương Tử thay Phật thuyết pháp, chẳng hai, chẳng khác gì Phật thuyết pháp, cũng có thể gọi là “*sư tử hống*”.

Vị Phật thứ hai là Danh Văn Phật (Yaśa Buddha), nói về mức độ nổi tiếng của Phật, Bồ Tát. Như tại Trung Quốc “*gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật*” (nhà nhà Quán Thế Âm, nhà nhà Di Đà Phật), mọi người đều biết. Vị Phật này

tượng trưng cho bậc nhân thiên đại sư, có năng lực, có trí huệ giáo hóa hết thảy chúng sanh, như Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, cho đến các vị tổ sư các tông phái đều là thay Phật hành hóa.

Vị Phật thứ ba là Danh Quang Phật (Yaśaprabhava Buddha). Quang tượng trưng trí huệ, ứng cơ thuyết pháp, pháp âm vang xa, khiến cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, được thụ dụng chân thật nơi Phật pháp, tức là hễ có thực chất thì danh tiếng sẽ đồn về.

Vị Phật thứ tư là Đạt Ma Phật (Dharma Buddha), tượng trưng cho sư thừa, đặc biệt chỉ Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông là do A Di Đà Phật trực tiếp truyền xuống. A Di Đà Phật truyền cho chư Phật, tổ sư các tông đều là đời đời truyền cho nhau, chỉ riêng Tịnh Độ Tông chẳng có. Lịch đại tổ sư của Tịnh Độ Tông là những vị đại đức

xuất gia, cả đời chuyên tu chuyên hoằng dương Tịnh Độ Tông, người đời sau suy tôn các Ngài là “*nhất đại tổ sư*”. Tại Trung Quốc, từ thoát đầu là Huệ Viễn đại sư mãi cho đến thời Dân Quốc, trong lịch sử, những vị chuyên tu, chuyên hoằng dương gồm mười ba vị, vị cuối cùng là Ấn Quang đại sư. Do vậy, tổ sư Tịnh Độ Tông được người đời tôn xưng là “*đại sư*”. Đại sư là tiếng tôn xưng Phật, đây là một kiến thức thông thường trong việc học Phật. Xưng hô người khác chớ nên quá phận, chỉ có tổ sư Tịnh Độ Tông đáng gọi là đại sư, Phật có năng lực giáo hóa hết thảy chúng sanh thành Phật. Tổ sư Tịnh Độ Tông có sư thừa từ Phật, cũng dùng tín nguyện trì danh, dạy chúng sanh vãng sanh bất thoái thành Phật, giáo pháp hoàn toàn giống như chư Phật, nhân đồng, quả cũng đồng. Do vậy, gọi các Ngài là đại sư chẳng quá lộ tí nào. Bồ Tát thì gọi là Đại

Sĩ hoặc Khai Sĩ, Chánh Sĩ, chẳng thể gọi là đại sư.

Trước khi đức Phật diệt độ đã chỉ dạy hậu thế một phương pháp ôn hòa, tốt đẹp là “*Tứ Y Pháp*”; nếu người đời sau tuân thủ Tứ Y Pháp thì sẽ chẳng khác gì khi đức Phật còn tại thế.

Thứ nhất là “*y pháp, bất y nhân*” (tuân theo pháp, đừng tuân theo người nói pháp). Trong tác phẩm chú giải Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư đã giảng điều này hết sức rõ ràng. Kể từ những pháp sư, đại đức thông thường cho đến hàng Pháp Thân đại sĩ, Đẳng Giác Bồ Tát, nếu lời nói của các vị đại thiện tri thức ấy không tương ứng với những gì được dạy trong kinh Phật thì chớ nên tuân theo. Có kẻ còn nói quá đáng: “Mười phương chư Phật nói pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca đã nói chính là phương tiện quyền biến, thiện xảo, chẳng phải là chân thật”. Chúng ta cũng chớ nên

tin theo. Bởi lẽ, Phật Phật đạo đồng, nếu nói pháp chẳng giống nhau sẽ thuộc về ngoại đạo.

Thứ hai là “*y nghĩa, bất y ngữ*” (tuân theo ý nghĩa, đừng tuân theo lời nói). Ngôn ngữ nói dài, nói ngắn, nói sâu, nói cạn, đều chẳng sao hết, hễ ý nghĩa đúng là được rồi, không cần phải chấp trước. Kinh Phật bằng tiếng Phạn từ Ấn Độ truyền sang, có rất nhiều bản dịch. Như kinh Vô Lượng Thọ có đến mười hai bản dịch, đã bị thất truyền bảy bản, hiện thời lưu truyền trong cõi đời chỉ có năm loại. Lại như kinh A Di Đà, ngài La Thập và Huyền Trang mỗi vị đều có bản dịch riêng, văn tự khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác gì. Vì thế, chớ nên tranh luận về mặt văn tự.

Thứ ba, “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*”. So sánh hết thấy kinh, nếu kinh nào có thể giúp con người liễu sanh tử thì

là “*liêu nghĩa*”. Có một số người chí nguyện chẳng cao, chỉ cầu phước báo nhân thiên, Phật liền giảng những kinh điển liên quan tới Ngũ Giới, Thập Thiện để thuận theo ý nguyện của họ. Trước kia, những tiểu thuyết lịch sử hoặc tuồng hát Trung Quốc diễn nói những chuyện thiện ác nhân quả báo ứng, khuyên người ta bỏ ác hướng lành, bao hàm ý nghĩa giáo dục rất sâu, có ảnh hưởng đúng đắn tới xã hội. Trong lục đạo của thế gian không có sự sung sướng thật sự, mà có thì cũng chẳng thể giữ cho nó tồn tại vĩnh viễn được! Sang như thiên tử, giàu có khắp bốn biển, hằng ngày vẫn phải ngăn ngừa kẻ khác lật đổ chánh quyền, chịu áp lực tinh thần, hồi hộp không yên, khổ não hết sức. Đức Phật nói ba cõi chẳng yên, ví như nhà lửa. Nếu con người có thể thật sự suy nghĩ thấu suốt thì mới buông xuống được, và còn tiến hơn một bước nữa là muốn vượt thoát

tam giới. Nếu muốn vượt thoát tam giới mà có tâm lượng bảo thủ thì đức Phật dạy họ học pháp Tiểu Thừa, còn người tâm lượng rộng mở thì đức Phật dạy họ học Đại Thừa. Nếu cầu liễu nghĩa rốt ráo thì trong vô lượng vô biên pháp môn, chỉ có “tín nguyện trì danh” của kinh A Di Đà là có thể chứng đắc viên mãn Phật quả ngay trong một đời.

Thứ tư, “*y Trí, bất y Thức*”. Trí là lý trí, Thức là tình thức. Điều này dạy chúng ta nên vận dụng thái độ nào để chọn lựa pháp môn tu học. Lục đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, mỗi một giai đoạn đều là giai đoạn sau vượt trội giai đoạn trước, giai đoạn sau là liễu nghĩa, giai đoạn trước là bất liễu nghĩa. Chẳng hạn như đem Bồ Tát so với Phật thì Phật là liễu nghĩa, Bồ Tát là chẳng liễu nghĩa. Cứ suy luận tương tự như vậy, chúng ta phải dùng lý trí để chọn lựa pháp môn liễu

nghĩa rất ráo, xin hãy đừng vì cảm tình vương mắc mà chọn pháp môn chẳng liễu nghĩa. Kinh A Di Đà là liễu nghĩa nhất trong các môn liễu nghĩa, là Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa. Nay ta đã tiếp nhận pháp môn liễu nghĩa rất ráo này thì bất cứ pháp môn nào khác cũng nhất định phải nên triệt để buông xuống, chính mình phải có lý trí, đừng chịu ảnh hưởng của người khác. Tôi thường khuyên các đồng tu, chúng ta quy y A Di Đà Phật, làm đệ tử tốt của Phật, nương theo Trí, đừng dựa theo Thức. Đặc biệt là kinh Di Đà và chương [Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật] Viên Thông đã chuyên giảng nói [pháp môn Tịnh Độ] đến tột bậc, thuần đến tột bậc. Một bộ kinh, thậm chí một câu danh hiệu là đủ rồi, những thứ khác đều buông xuống hết, tâm sẽ Định. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư bảo Đại Thế Chí Bồ Tát là Sơ Tổ của Tịnh Tông trong pháp giới,

Ngài dạy chúng ta niệm “*chẳng cần đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ*”. Chẳng cần đến phương pháp nào khác để phụ trợ, một câu Phật hiệu sẽ thành công. “*Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục), quyết định chẳng để xen tạp! Học Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, đều gây chướng ngại cho tâm thanh tịnh. Hãy học theo tổ sư, đại đức, “*Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ!*” Đó là sự chọn lựa bằng trí huệ đầy nhé.

Kinh A Di Đà là tiểu bản của kinh Vô Lượng Thọ, là bản tinh túy nhất. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh Di Đà được giảng cặn kẽ. Vì thế, cổ nhân gọi là Đại Bản và Tiểu Bản. Tịnh Độ là chỗ quy túc của Hoa Nghiêm, mà cũng là tổng kết của Hoa Nghiêm. Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của cụ Hạ gồm bốn mươi tám phẩm, trong

ấy lấy phẩm thứ sáu “bốn mươi tám nguyện” làm bậc nhất. Trong bốn mươi tám nguyện, tuân theo cách giảng của cổ nhân thì nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt sanh*”. Do điều này, có thể thấy rõ: Trì danh niệm Phật là bậc nhất. Niệm một tiếng A Di Đà Phật chính là niệm hết thầy chư Phật. Một chính là hết thầy, hết thầy chính là một. Đọc một bộ kinh A Di Đà giống như đọc vô lượng vô biên kinh luận của mười phương tam thế chư Phật đã giảng. Những kinh luận khác đều có thể buông xuống.

Vị Phật thứ năm là Pháp Tràng Phật (Dharmadhvaja Buddha). “*Pháp Tràng*” là làm mẫu cho chúng sanh. Dụng pháp tràng là phổ biến, tuyên dương pháp môn, kinh điển, tạo dụng pháp tràng đầy! Đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang pháp sư lập đạo tràng tại Tô Châu, là đạo tràng Tịnh Tông

duy nhất thời ấy. Bất cứ ai chỉ muốn chuyên tu Tịnh Độ đều được hoan nghênh, lại còn quy định “không thâm nhận đồ đệ, không truyền giới, không giảng kinh, không tổ chức pháp hội”. Một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày đều niệm Phật, mỗi ngày đều giống như đả Phật thất. Hiện thời, chúng ta kiến lập đạo tràng, cũng mong noi theo quy củ của Ấn Tổ (tổ Ấn Quang), nhưng nhất định phải giảng kinh, vì con người hiện thời hiểu lầm Tịnh Độ rất sâu, nhất định phải nói rõ ràng, khiến cho những người đã nhập môn tâm sẽ Định, người chưa nhập môn nghe xong sẽ khởi lòng ngưỡng mộ. Giảng đường và Niệm Phật Đường phải tách rời, nghe kinh hay niệm Phật tùy ý. Mỗi ngày giảng kinh hai tiếng, niệm Phật tám tiếng, phổ biến Tịnh Tông, hoằng dương trên toàn thế giới, ấy là thật sự báo ân Phật.

Vị Phật thứ sáu là Trì Pháp Phật (Dharmadhara Buddha), học nhân Tịnh Tông ắt phải tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật, quyết chí cầu vãng sanh, vĩnh viễn không ngờ vực.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, như thị đẳng hàng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(經) 舍利弗。上方世界。有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大燄肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。如是等。恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是。稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, các đức

Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Trong phương trên, nói ra danh hiệu của mười vị Phật. “Mười” biểu thị đại viên mãn, giác hạnh viên mãn, một đời thành Phật, [nói như vậy] để tổng kết. Phải hơn bốn mươi năm tôi mới nhận biết giá trị của Tịnh Độ, quả thật chẳng dễ dàng. Có người gặp được pháp môn này, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thật đáng tiếc!

Vị Phật thứ nhất là Phạm Âm Phật (Brahmahghosa Buddha). Phạm Âm là thuyết pháp thanh tịnh. Trong sáu phương Phật, [danh hiệu những vị Phật ở] phương Đông thể hiện thái độ cơ bản để tu học,

mục tiêu mong cầu và cương lĩnh của phương pháp tu hành. [Danh hiệu các vị Phật ở] phương Nam chỉ rõ pháp môn này nương vào trí huệ sẵn có trong tâm tánh, có đại trí huệ thì mới có thể chọn lựa pháp môn này. [Danh hiệu những vị Phật ở] phương Tây dạy chúng ta tu phước, niệm Phật là biến phước đức do A Di Đà Phật đã tu trong vô lượng kiếp thành phước đức của chính mình. Trong một câu Phật hiệu có tin thật, nguyện thiết, trì danh, một mà ba, ba nhưng một thì gọi là “*tương ứng*”. Phước huệ thành tựu sẽ gánh vác sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của Như Lai. Đến phương dưới là thực hiện sự nghiệp phổ biến, giáo hóa rộng rãi, cho đến phương trên là viên mãn rốt ráo. Vị Phật thứ nhất [biểu thị] sự thuyết pháp thanh tịnh. Nếu trong lời thuyết pháp mà còn có danh văn, lợi dưỡng sẽ chẳng thanh tịnh. Làm nhiều chuyện lợi ích chúng sanh,

nhưng trong tâm sạch sẽ, chẳng có tí nhiệm trước nào. Kinh Kim Cang dạy: “*Nhược Bồ Tát hữu Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng, tức phi Bồ Tát*” (Nếu Bồ Tát có tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng Sanh, tướng Thọ Giả thì chẳng phải là Bồ Tát). Đây là lời khai thị thuộc nửa phần đầu kinh Kim Cang. Nửa phần sau là nói đến “Ngã Kiến”. Kiến (見) là ý niệm. Làm hết thấy thiện hạnh, nhưng tâm giống như chẳng có chuyện gì [thì gọi là không có Ngã Kiến, cho đến không có Tứ Kiến].

Vị Phật thứ hai là Tú Vương Phật (Nakshatraraja Buddha). Chữ Tú (宿) đọc âm Tú (秀). Tinh Tú là những chòm sao ta thấy vào ban đêm. Trong ấy, tinh cầu lớn nhất là mặt trăng, tượng trưng pháp Đại Thừa thù thắng nhất do đức Phật đã giảng, là con đường tắt nơi vô thượng đạo.

Vị Phật thứ ba là Hương Thượng Phật (Gandhottama Buddha), tượng trưng cho con đường tắt trong các pháp Đại Thừa, tức Thiền Tông. Phẩm thứ năm, tức phẩm Sám Hối trong Lục Tổ Đàn Kinh chính là truyền dạy phương pháp tu học trong Thiền Tông. Năm phần Pháp Thân Hương là Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát Hương và Giải Thoát Tri Kiến Hương. Thiền Tông là pháp Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa, tượng trưng cho con đường gần nhất trong những con đường¹⁵⁵.

¹⁵⁵ [Chi chú của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: Trong đoạn văn trên đây, [lão pháp sư] nhắc tới năm phần Pháp Thân Hương, toàn văn được chép trong phẩm Sám Hối thứ năm của Lục Tổ Đàn Kinh. Ở đây, tôi sao lục một đoạn nguyên văn để độc giả tham khảo: “*Khi ấy, đại sư thấy mọi người từ bốn phương trong xứ Quảng Thiều kéo nhau vào núi nghe pháp. Sư liền lên tòa, bảo đại chúng: “Các thiện tri thức hãy đến đây. Chuyện này phải từ trong tự tánh mà khởi. Trong hết thấy thời, niệm niệm tự tịnh cái tâm, tự tu cái hạnh, thấy Pháp Thân của chính mình, thấy đức Phật trong tự tâm, tự độ, tự giữ giới thì mới chẳng tốn công đến đây. Đã từ xa đến, họp mặt tại đây, đều là cùng nhau có duyên. Nay ai nấy hãy nên hò quỳ, trước hết, tôi sẽ truyền năm phần Pháp Thân Hương trong tự tánh, kể đến dạy pháp vô tướng sám hối”. Mọi người hò quỳ. Sư nói:*

- Thứ nhất, Giới Hương, chính là trong tự tâm không sai, không ác, không ganh ghét, không tham sân, không cướp hại thì gọi là Giới Hương.

- Thứ hai, Định Hương, tiếp xúc các cảnh tướng thiện ác, tự tâm chẳng loạn thì gọi là Định Hương.

Vị Phật thứ tư là Hương Quang Phật (Gandhaprabhasa Buddha), tượng trưng cho Tịnh Tông. Trong Niệm Phật Viên Thông Chương, Đại Thế Chí Bồ Tát gọi [Tịnh Tông] là Hương Quang Trang Nghiêm. Điểm đặc sắc của Tây Phương là quang minh và hương báu, bất cứ vật chất nào cũng đều tỏa hương. Cõi Tây Phương hương báu tỏa ngát lan xa, là thế giới được trang nghiêm bởi mùi thơm và ánh sáng (hương quang trang nghiêm). Tịnh Độ Tông là con đường tắt nhất trong những con đường tắt, là con đường tắt nhất. Ba vị Phật này hiển thị liễu nghĩa

- Thứ ba, Huệ Hương, tự tâm vô ngại, thường dùng trí huệ quán chiếu tự tánh, chẳng tạo các điều ác. Tuy tu các điều lành, tâm chẳng chấp trước, kính trên, nghĩ dưới, thương xót giúp đỡ kẻ cô đơn, nghèo túng, gọi là Huệ Hương.

- Thứ tư, Giải Thoát Hương, tức là trong tâm không nắm nứu gì, chẳng nghĩ lành, chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại, gọi là Giải Thoát Hương.

- Thứ năm, Giải Thoát Tri Kiến Hương, tự tâm đã không nắm nứu thiện và ác, chớ nên trầm trệ nơi không tịch, dẫn cho học rộng nghe nhiều vẫn hiểu biết bản tâm của chính mình, thông đạt các Phật lý, hòa đồng với chúng sanh để tiếp độ họ, không ta, không người, mãi cho đến khi đắc Bồ Đề, chân tánh chẳng thay đổi thì gọi là Giải Thoát Tri Kiến Hương.

Bậc thiện tri thức dùng các thứ hương này tự xông ướp bên trong, chớ nên hướng ra ngoài tìm cầu. Nay tôi dạy cho các ông vô tướng sám hối, diệt tội trong ba đời, khiến cho tam nghiệp được thanh tịnh”.

viên mãn rất ráo. Nếu thật sự hiểu rõ, sẽ biết chọn lựa pháp môn như thế nào.

Vị Phật thứ năm là Đại Diệm Kiên Phật (Maharciskandha Buddha). Danh hiệu này đã được giải thích trong phần trước, nhưng ở đây mang ý nghĩa khác với phần trước. Danh hiệu trong phần trước biểu thị hai thứ trí huệ Quyền Trí và Thật Trí của chính mình đã thành tựu, có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai. Ở đây, danh hiệu này biểu thị giai đoạn viên mãn, đem pháp môn thù thắng nhất truyền cho những người hữu duyên trong đại chúng, để họ được thụ dụng chân thật. Người vô duyên cũng phải truyền, nếu đời này họ chẳng thụ dụng được thì một phen thoáng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Trong A Lại Da Thức của người ấy có chủng tử danh hiệu A Di Đà Phật. Thậm chí đến vô lượng kiếp sau, gặp được duyên, cũng có thể vãng sanh. Gặp hết thấy chúng sanh,

hãy đều nên truyền “*vô thượng đẳng pháp*” (pháp không còn gì cao hơn được) cho họ. Niệm Phật niệm ra tiếng khiến cho người ta nghe thấy là “truyền trao”. Hiện thời chúng ta có rất nhiều tấm băng dính (sticker) in chữ A Di Đà Phật, người khác trông thấy liền niệm một tiếng A Di Đà Phật, họ đã gieo cái nhân thành Phật.

Vị Phật thứ sáu là Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật (Ratna-kusumasampushpitagatra Buddha). Khi Phật còn tại thế, kinh giảng về sự “viên mãn trong một đời” thì chỉ có một bộ kinh Hoa Nghiêm, lấy sự tu hành của Thiện Tài làm mẫu. Thiện Tài Bồ Tát viên mãn trong một đời, quả thật là do mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc của Phổ Hiền Bồ Tát nên mới có thể viên mãn trong một đời. “*Tạng Sắc Bảo Hoa*” hình dung một vườn hoa lớn, tỷ dụ Phật nói vô lượng vô

biên pháp môn, không sót một pháp nào đều được bao gồm trong ấy.

Vị thứ bảy là Sa La Thụ Vương Phật (Sālendraraja Buddha). Cây Sa La (Sāla) mọc tại Ấn Độ, hết sức cứng chắc. Ở đây, “Sa La Thụ” biểu thị sự chứng đắc kiên cố rốt ráo viên mãn, tức là Phật quả trong Viên Giáo, thật sự là Đại Pháp Vương, và cũng biểu thị Mật Tông, chỉ rõ “Tịnh - Mật bất nhị”. Tịnh và Thiền là pháp Bất Nhị, một câu “A Di Đà Phật” chính là cảnh giới vô thượng thậm thâm vi diệu Thiền mà cũng là thậm thâm Mật. Danh hiệu A Di Đà Phật thuần túy là tiếng Phạn, chẳng phiên dịch thành tiếng Hoa, là vô thượng mật chú, là pháp môn Đại Tổng Trì, bao gồm hết cả Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông cũng như Tiểu Thừa, viên tu, viên chứng.

Vị Phật thứ tám là Bảo Hoa Đức Phật (Ratnotpalaśri Buddha), biểu thị Báo Thân viên mãn.

Vị Phật thứ chín là Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật (Sarvarthadarsha Buddha), biểu thị trăm ngàn ức Hóa Thân, như kinh Kim Cang đã nói: Như Lai ngũ nhãn viên minh, ứng khắp các căn cơ, chính là “*kiến nhất thiết nghĩa*” (thấy hết thấy các nghĩa).

Vị Phật thứ mười là Như Tu Di Sơn Phật (Sumerukalpa Buddha), biểu thị Pháp Thân thanh tịnh, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ.

Ba vị Phật cuối cùng biểu thị Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân, một Thể ba thân, cùng với ba vị Phật ở phương Đông trước sau hô ứng. [Danh hiệu của ba vị Phật] ở phương Đông trong phần trước nhằm nêu ra những điều mà chúng ta hướng đến, mong cầu. [Danh hiệu của] ba vị Phật cuối cùng trong phương trên nhằm

biểu thị điều chúng ta đích thân muốn tự chứng đắc. Đức Thế Tôn nói ra danh hiệu chư Phật bao hàm những ý nghĩa hết sức sâu xa, ngầm dạy cho người niệm Phật lộ trình để theo đuổi trong một đời từ lúc Sơ Phát Tâm cho đến khi viên mãn Bồ Đề. Con đường ấy trải qua sáu giai đoạn, hãy nên vâng theo, phụng hành như thế nào? Phật độ chúng sanh, chúng sanh tiếp nhận sự chỉ dạy của Phật có khó - dễ, sâu - cạn sai khác, nói chung là vì một chữ Duyên. Đức Phật thuyết pháp có thể phát khởi thiện căn trong quá khứ của chúng sanh, làm Tăng Thượng Duyên. Đồng thời do quang minh và nguyện lực của Phật gia trì, nên tâm người niệm Phật đắc Định, trí huệ tăng trưởng, ma chẳng thể thừa dịp khuấy nhiễu được!

(Giải) Thử giới Phi Phi Tướng thiên chi thượng, phục hữu thượng giới phong

luân, kim luân, cập tam giới đẳng, trùng trùng vô tận dã.

Vấn: Chư phương tất hữu Tịnh Độ, hà thiên tán Tây Phương?

Đáp: Thử diệc phi thiện vấn. Giả sử tán A Súc Phật quốc, nữ hựu nghi thiên Đông phương, triển chuyển hý luận!

Vấn: Hà bất biến duyên pháp giới?

Đáp: Hữu tam nghĩa, linh sơ cơ dị tiêu tâm cố, A Di bốn nguyện thắng cố, Phật dĩ thử độ chúng sanh thiên hữu duyên cố. Cái Phật độ sanh, sanh thọ hóa, kỳ gian nan dị, thiên thâm, tổng tại ư duyên. Duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm, chủng chủng giáo khải, năng linh hoan hỷ tín nhập, năng linh xúc động túc chủng, năng linh ma chướng nan giá, năng linh thể tánh khai phát. Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch, cố kết duyên chủng. Nhược thể, xuất thể, tất

bất khả tư nghị. Tôn long ư giáo thừa, cử dương ư hải hội, thâm nhập ư khổ hải, từ khế ư Tịch Quang. Sở dĩ vạn đức khâm thừa, quần linh củng cực. Đương tri Phật chủng tòng duyên khởi, duyên tức pháp giới, nhất niệm, nhất thiết niệm, nhất sanh, nhất thiết sanh, nhất hương, nhất hoa, nhất thanh, nhất sắc, nãi chí thọ sám, thọ ký, ma đảnh, thù thủ. Thập phương tam thể, mạc bất biến dung. Cố thử Tăng Thượng Duyên nhân, danh “pháp giới duyên khởi”. Thử chánh sở vị “biến duyên pháp giới” giả dã. Thiển vị nhân, tiện khả quyết chí chuyên cầu, thâm vị nhân, diệc bất tất xả Tây Phương, nhi biệt cầu Hoa Tạng. Nhược vị Tây Phương thị Quyền, Hoa Tạng thị Thật, Tây Phương tiểu, Hoa Tạng đại giả, toàn đọa chúng sanh biến kế chấp tình, dĩ bất đạt Quyền Thật nhất thể, Đại Tiểu vô tánh cố dã.

(解) 此界非非想天之上。復有上界風輪。金輪。及三界等。重重無盡也。問。諸方必有淨土。何偏讚西方。答。此亦非善問。假使讚阿閼佛國。汝又疑偏東方。展轉戲論。問。何不遍緣法界。答有三義。令初機易標心故。阿彌本願勝故。佛與此土眾生偏有緣故。蓋佛度生。生受化。其間難易淺深。總在於緣。緣之所在。恩德弘深。種種教啟。能令歡喜信入。能令觸動宿種。能令魔障難遮。能令體性開發。諸佛本從法身垂跡。固結緣種。若世出世。悉不可思議。尊隆於教乘。舉揚於海會。沁

入於苦海。慈契於寂光。所以萬德欽承。群靈拱極。當知佛種從緣起。緣即法界。一念一切念。一生一切生。一香一華。一聲一色。乃至受懺授記。摩頂垂手。十方三世。莫不遍融。故此增上緣因。名法界緣起。此正所謂遍緣法界者也。淺位人。便可決志專求。深位人。亦不必捨西方。而別求華藏。若謂西方是權。華藏是實。西方小。華藏大者。全墮眾生遍計執情。以不達權實一體。大小無性故也。

(Giải: Trên trời Phi Phi Tướng của cõi này, lại có phong luân, kim luân và tam giới v.v... của cõi trên, trùng trùng vô tận.

Hỏi: Trong các phương ất có Tịnh Độ, có gì phải riêng khen ngợi Tây Phương?

Đáp: Đây cũng chẳng phải là lời hỏi đúng lý! Giả sử khen ngợi cõi A Súc Phật thì ông lại nghi vì sao riêng khen ngợi Đông phương? Quán quanh đũa bốn như thế đó!

Hỏi: Sao không nghĩ niệm trọn khắp pháp giới?

Đáp: Là do có ba nghĩa: Nhằm làm cho hàng sơ cơ dễ biết chỗ để chú tâm, do A Di Đà Phật có bốn nguyện thù thắng, do Phật đặc biệt có duyên với chúng sanh cõi này. Ấy là vì Phật hóa độ chúng sanh, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa, trong ấy có [tình trạng] khó - dễ, cạn - sâu, nói chung là do duyên. Duyên đã có, ân đức rộng sâu, đủ mọi cách dạy bảo, khơi gợi thì sẽ có thể làm cho [chúng sanh] vui vẻ tin tưởng, chứng nhập, có thể dứt động chũng tử từ trong quá khứ, có thể

làm cho ma khó thể gây chướng ngại, ngăn trở, có thể làm cho thể tánh khai phát. Chư Phật vốn từ Pháp Thân mà thị hiện hình tích, tạo duyên sâu chắc với chúng sanh. Dù là [so với] pháp thể gian hay xuất thể gian, [pháp môn này] luôn luôn là chẳng thể nghĩ bàn, nên nó được tôn trọng nhất trong các giáo pháp và tam thừa Phật pháp, được tuyên dương trong các hội [giảng kinh rộng lớn như] biển cả [của chư Phật], thắm sâu trong biển khổ, từ bi kế hợp với Tịch Quang. Do vậy, các bậc vạn đức (chư Phật) đều kính trọng, tuân giữ, các sanh linh đều ngưỡng mộ tuân hành đến tột bậc. Hãy nên biết rằng: Phật chủng (hạt giống thành Phật) từ duyên mà khởi, duyên chính là pháp giới. Niệm một tức là niệm hết thấy, sanh về một là sanh về hết thấy, một hương, một hoa, một tiếng, một sắc, cho đến chấp nhận [kẻ có tội đối trước Phật] sám hối,

thọ ký, xoa đầu, duỗi tay, mười phương ba đời không gì chẳng dung hội trọn khắp. Vì thế, tầng thượng duyên nhân gọi là “pháp giới duyên khởi”. Đây chính là “duyen trọn khắp pháp giới” vậy. Người thuộc địa vị cạn sẽ quyết chí chuyên cầu, mà người ở địa vị sâu cũng chẳng cần phải bỏ Tây Phương để riêng cầu Hoa Tạng. Nếu bảo Tây Phương là Quyền, Hoa Tạng là Thật, Tây Phương là Tiểu Thừa, Hoa Tạng là Đại Thừa, tức là hoàn toàn rơi vào tình thức Biến Kế Chấp của chúng sanh, bởi chẳng thấu hiểu Quyền và Thật cùng một Thể, Tiểu Thừa và Đại Thừa chẳng có tánh vậy).

Mười phương thế giới vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, không một vị Phật nào chẳng khen ngợi Tây Phương Cực Lạc thế giới, khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu

dựa trên kinh này thì có thể nêu ra ba điều về mặt Sự:

- Thứ nhất là hoàn cảnh y báo của Tây Phương thế giới là chẳng thể nghĩ bàn.

- Thứ hai là chánh báo tức Phật Di Đà và những người vãng sanh Cực Lạc từ mười phương thế giới thành tựu chẳng thể nghĩ bàn.

- Thứ ba là thuyết pháp chẳng thể nghĩ bàn.

Người đời thường mong cầu Phật, Bồ Tát ban ân che chở, nếu chúng ta đọc bộ kinh này, chiếu theo lý luận và phương pháp tu hành được dạy trong kinh điển, chắc chắn sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm. Xin lại xem lời chú giải của đại sư.

Phương trên của thế giới chúng ta có tầng tầng vô tận các thế giới Phật. Có người hoài nghi: Hết thảy chư Phật đều có Tịnh Độ, sao lại chỉ tán thán mình cõi Tây

Phương? Thật ra, các phương tuy đều có Tịnh Độ, nhưng chẳng sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới vì Cực Lạc có ba điều như trên đây vừa nói: Hoàn cảnh y báo, đại chúng thành tựu, và thuyết pháp viên mãn. Những cõi Tịnh Độ khác chẳng có những điều ấy. Đại sư giải đáp lại càng tuyệt hơn nữa: Lời người ấy hỏi chẳng cao minh gì! Giả sử tán thán cõi A Súc Phật ở phương Đông, ắt người ấy sẽ hỏi vì sao lại riêng khen ngợi phương Đông. Đây hoàn toàn là hý luận, chẳng đáng bàn tới!

Lại hỏi: Sao chẳng duyên trọn khắp pháp giới? Đại sư đáp: Có ba nghĩa:

1) Duyên trọn pháp giới nói thì dễ dàng, nhưng thực hiện khó lắm. Duyên trọn khắp pháp giới là dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, là cảnh giới của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, phàm phu chẳng làm được! Tâm có phân biệt, chấp

trước sẽ chẳng thể duyên trọn khắp pháp giới. Vì những chúng sanh đời nghiệp, sơ cơ học Phật, chưa đoạn phiền não mà chỉ ra một phương hướng, một mục tiêu thì trong phương diện tu học, họ sẽ dễ thực hiện thuận theo lòng nghĩ.

2) [Người ấy lại vặn hỏi] nếu chỉ nêu một mình cõi Tây Phương để hàng sơ cơ dễ có phương hướng xác định nhằm tu tập cái tâm thì lấy các phương Đông, Nam, Bắc làm mục tiêu cũng chẳng phải là không được, sao cứ nhất định phải nêu lên Tây Phương? Lý do thứ hai là vì A Di Đà Phật có bốn nguyện thù thắng. Nhằm tiếp dẫn chúng sanh, nên khi tu nhân Phật Di Đà đã phát ra bốn mươi tám nguyện, vượt trội lời nguyện của các vị Phật khác, thật là thù thắng viên mãn. Cho nên, đặc biệt chỉ bày Tây Phương.

3) A Di Đà Phật đặc biệt có duyên với cõi này. Hết thấy các pháp dù thế gian hay

xuất thế gian đều do duyên. Nếu vô duyên thì đôi bên gặp mặt cũng chẳng biết nhau. Mười phương chư Phật chẳng có duyên thù thắng với cõi này như A Di Đà Phật. Vì vậy, chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ khá dễ dàng. Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn nói “thế giới là duyên sanh”, tức là “do duyên mà các pháp được sanh”, giữa người với người cũng giống như vậy. Người nào đó đặc biệt có duyên với quý vị thì quý vị nói với người ấy, người ấy sẽ tin tưởng. Duyên có thiện duyên và ác duyên. Phật pháp là thiện duyên, nhưng trong thời kỳ Mạt pháp, có rất nhiều Phật giáo đồ dựa vào Phật để gạt gẫm người khác, trong Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh nhắc tới chuyện này rất nhiều. Không chỉ Phật giáo, ngay cả Cơ Đốc giáo cũng nói đến chuyện thời đang gặp lúc mạt, tai họa dồn dập, tà ma, trá ngụy luôn xuất hiện, quan điểm khá giống

nhau. Nếu có thể y giáo phụng hành thì sẽ có thể khai ngộ bốn tánh, ma chướng chẳng có dịp gây hại được. Chư Phật Như Lai chứng đắc Pháp Thân viên mãn, Pháp Thân là bản thể của muôn loài trong vũ trụ. Chư Phật giác ngộ, biết tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới có cùng một Thể với chính mình, nên bảo là “*cố kết duyên chủng*” (đã gieo duyên sâu chắc). Đã là một Thể, ắt sẽ chiếu cố. Khi duyên của chúng sanh chín muồi, Phật liền đến độ kẻ ấy.

“*Tôn long ư giáo thừa*”: Giáo là mười hai phần giáo, còn Thừa là tam thừa Phật pháp (Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa). Trong hết các kinh, kinh này được tôn xưng long trọng nhất. “*Cử dương ư hải hội*”: Hết thấy các đạo tràng giảng kinh của chư Phật trong tận hư không, trọn pháp giới, không đạo tràng nào chẳng giảng kinh A Di Đà. “*Thám*

nhập ư khố hải”: Chữ “*khố hải*” chỉ lục đạo. A Di Đà Phật và hết thầy chư Phật có duyên sâu đậm với cõi này, tuyên dương pháp môn này, chúng sanh đều có thể tin sâu chẳng nghi, phát nguyện cầu vãng sanh. “*Từ khế ư Tịch Quang*”: “*Từ*” là từ bi. Chư Phật giới thiệu pháp môn thành Phật này cho phàm phu, lòng từ bi đến tột cùng! Kinh Đại Thừa nói Bồ Tát thành Phật, chứ Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể thành Phật. Trời, người càng chẳng có phần. Pháp môn này chung khắp từ địa ngục A Tỳ cho đến cõi Thường Tịch Quang, một mực tự nâng cao [cảnh giới] cho đến khi viên mãn Phật quả trong Tịch Quang. Đây là pháp Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa, là liễu nghĩa nhất trong những pháp liễu nghĩa.

“*Sở dĩ, vạn đức khâm thừa, quần linh cúng cực*” (Do vậy, các bậc vạn đức đều kính trọng, tuân giữ, các sinh linh đều

ngưỡng mộ tuân hành đến tột bậc): Chữ “*vạn đức*” chỉ chư Phật, mười phương hết thảy chư Phật đều tôn kính, thừa sự. Chữ “*quần linh*” chỉ các vị thượng thiện nhân trong cõi Tây Phương, mà cũng có thể giải thích là vô lượng Bồ Tát trong mười phương, ai nấy đều tiếp nhận sự giáo huấn của A Di Đà Phật.

“*Phật chủng tụng duyên khởi, duyên tức pháp giới*”: Bậc Pháp Thân đại sĩ từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên mới thực hiện được “*biến duyên pháp giới*” (duyên trọn khắp pháp giới). Vị ấy phải có tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh thì mới có thể duyên trọn khắp. Lý luận và phương pháp của Tịnh Tông ngầm hợp với thanh tịnh, bình đẳng. Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhất tâm chính là thanh tịnh, bình đẳng, không phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng có giới hạn. “*Nhất sanh, nhất thiết sanh*”: Sanh về Tây

Phương Tịnh Độ chính là sanh về mười phương hết thấy cõi nước. Một hương, một hoa, một tiếng, một sắc, cho đến tiếp nhận sự sám hối của chúng sanh, thọ ký [người ấy sẽ thành Phật], xoa đỉnh đầu, duỗi tay, khởi tâm động niệm, không gì chẳng dung hợp trọn khắp. Đây là chân tâm thường trụ. Tâm của chúng ta là vọng tâm, chưa thể thường trụ, nên gọi là “*tâm viên, ý mã*” (tâm như vượn nhảy nhót tung tăng, ý như ngựa chạy lồng). Dùng phương pháp Niệm Phật để đạt đến cảnh giới này, khiến cho chân tâm bản tánh thời thời khắc khắc hiện tiền. Trọn chớ nên coi nhẹ phương pháp Niệm Phật! Ai thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ thì người ấy đã “*duyên trọn khắp pháp giới*”.

Chữ “*thiên vị nhân*” (người thuộc địa vị cạn) chỉ kẻ thiếu công phu, phiền não nặng nề, nghiệp chướng sâu đậm, không thể dựa vào tự lực để liễu sanh tử, thoát

tam giới, hãy nên hạ quyết tâm chuyên cầu vãng sanh Tây Phương. “*Thâm vị nhân*” (người thuộc địa vị sâu) là người có công phu, có thể đoạn phiền não, liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng Bồ Đề, cũng chẳng cần phải đi lòng vòng, bỏ Tây Phương để cầu nhập Hoa Tạng trước. Đợi đến khi sanh vào thế giới Hoa Tạng, gặp gỡ Phổ Hiền Bồ Tát, lại phải dựa vào mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc!

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá

***Lợi Phát! Nhữ đẳng giai đương tín thọ
ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.***

**(經) 舍利弗。於汝意云何。何故名為
一切諸佛所護念經。舍利弗。若有善男
子。善女人。聞是經受持者。及聞諸佛
名者。是諸善男子。善女人。皆為一切
諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅
三藐三菩提。是故舍利弗。汝等皆當信
受我語。及諸佛所說。**

*(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Ý ông
nghĩ sao? Vì sao gọi kinh này có tên là
“kinh được hết thầy chư Phật hộ niệm”?
Này Xá Lợi Phát! Nếu có thiện nam tử,
thiện nữ nhân nghe kinh này mà thọ trì
cùng nghe danh hiệu của chư Phật thì các
thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được*

hết thấy chư Phật hộ niệm, đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin nhận lời ta và lời chư Phật nói).

Xá Lợi Phất tuy là bậc đại trí, nhưng Phật hỏi Ngài: “Ý ông nghĩ sao?” thì Xá Lợi Phất cũng chẳng đáp được một câu. Do vậy, đức Phật giải thích: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân; chữ Thiện này chỉ những người thiện căn, phước đức chín muồi, nghe xong sẽ hoan hỷ, tin sâu chẳng ngờ, lòng chân thành tiếp nhận, phát nguyện cầu sanh, hạng người ấy sẽ được chư Phật hộ niệm¹⁵⁶, “đều chẳng thoái

¹⁵⁶ Theo Phật Quang Sơn Đại Từ Điển, “hộ niệm” có nghĩa là che chở, quan tâm, bảo vệ. Chư Phật, Bồ Tát và chư thiên, hộ pháp thần thường quan tâm bảo vệ Phật giáo để khiến cho họ chẳng bị các thứ chướng ngại gây hại như bóng theo hình, chẳng hề tách lìa chút nào, nhắc nhở, sách tấn họ khiến cho họ không giải đãi, lui sụt. Hiểu theo nghĩa này thì hộ niệm còn gọi là “ảnh hộ hộ niệm”. Ngoài ra, nhằm chứng minh những giáo pháp do Phật đã nói là chân thực, Phật, Bồ Tát liền lập thế nếu có chúng sanh nào tin nhận, phụng hành, sẽ đạt được lợi ích vô tận. Đó gọi là “chứng thành hộ niệm”. Sự hộ niệm của chư Phật đối với danh hiệu A Di Đà Phật trong đoạn Yếu Giải kể tiếp chính là “chứng thành hộ niệm”. Chư Phật, Bồ Tát, hộ pháp thần luôn hộ

chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, Đây là lợi ích do chính mình chứng được. Nếu chúng ta nghĩ mình phiền não nặng nề, sợ rằng chẳng thể chứng được trọn vẹn ba món Bất Thoái bèn là nghi ngờ chính mình, tự đánh mất lợi lành. Hãy nên biết: Từng chữ, từng câu trong kinh này đều nói hết sức khẳng định, không có lời nào mập mờ nước đôi! Cuối cùng, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Các ông nhất định phải tin nhận lời ta và lời hết thầy chư Phật đã nói.

(Giải) Thử kinh độc thuyên vô thượng tâm yếu, chư Phật danh tự, tịnh thuyên vô thượng viên mãn cứu cánh vạn đức. Cố văn giả giai vị chư Phật hộ niệm. Hựu, văn kinh, thọ trì, tức chấp trì danh

niệm hành nhân, nhưng do chính phiền não của hành nhân gây chướng ngại, không thể thụ dụng sự hộ niệm ấy. Vì thế mới nói phải từ Bát Địa trở lên mới được chư Phật hộ niệm, bởi lẽ, đạt đến Bát Địa mới không bị phiền não gây chướng ngại sự hộ niệm của chư Phật.

hiệu, A Di danh hiệu chư Phật sở hộ niệm cố.

(解) 此經獨詮無上心要。諸佛名字。並詮無上圓滿究竟萬德。故聞者皆為諸佛護念。又。聞經受持。即執持名號。阿彌名號。諸佛所護念故。

(Giải: Một mình kinh này giảng về tâm yếu vô thượng, danh hiệu của chư Phật và giảng giải vạn đức rất ráo viên mãn vô thượng. Vì thế, người nghe đều được chư Phật hộ niệm. Lại nữa, nghe kinh, thọ trì, tức là chấp trì danh hiệu, vì danh hiệu A Di Đà được chư Phật hộ niệm).

“Độc” là duy nhất, [câu “*thử kinh độc thuyên vô thượng tâm yếu*” có nghĩa là] chỉ có mình kinh này giảng rõ vô thượng

tâm yếu cho chúng ta. A Di Đà Phật là danh hiệu của hết thầy chư Phật, là vạn đức đã viên mãn rốt ráo. “*Vô thượng tâm yếu*” chính là cái tâm tánh niệm Phật. Vì thế, niệm một vị A Di Đà Phật chính là niệm hết thầy chư Phật Như Lai, một chính là hết thầy. Chư Phật nhân viên quả mãn, trí huệ đạt đến rốt ráo. Ba đức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát đều đạt đến viên mãn; niệm một câu danh hiệu sẽ khởi lên tác dụng cảm ứng đạo giao với ba đức viên mãn. Chúng sanh tuy chưa chứng đắc, nhưng tự tánh đã sẵn có, ắt sẽ tương ứng tam đức do chư Phật đã chứng nơi quả vị Như Lai. Do vậy, trong phần trước đã có nói: “*Niệm danh hiệu Phật là đem công đức của A Di Đà Phật biến thành công đức của chính mình*”.

(Giải) Vấn: Đản văn chư Phật danh, nhi vị trì kinh, diệc đắc hộ niệm bất thoái da?

Đáp: Thử nghĩa hữu cục, hữu thông. Chiêm Sát vị: “Tạp loạn cầu tâm, tuy tụng ngã danh, nhi bất vi văn, dĩ bất năng sanh quyết định tín giải, đản hoạch thế gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích. Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đắc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, nãi vi đắc văn thập phương Phật danh”. Thử diệc ưng nhĩ. Cố tu văn dĩ chấp trì, chí nhất tâm bất loạn, phương vi văn chư Phật danh, mông chư Phật hộ niệm. Thử cục nghĩa dã. Thông nghĩa giả, chư Phật từ bi bất khả tư nghị, danh hiệu công đức diệc bất khả tư nghị. Cố nhất văn Phật danh, bất luận hữu tâm vô tâm, nhược tín, nhược phủ, giai thành duyên chủng. Huống Phật độ

*chúng sanh, bất giản oán thân, hằng vô
bì quyện. Cầu văn Phật danh, Phật tất
hộ niệm, hựu hà nghi yên? Nhiên cứ
Kim Cang Tam Luận, căn thực Bồ Tát,
vị Phật hộ niệm, vị tại Biệt Địa, Viên Trụ.
Cái ước tự lực, tất nhập Đồng Sanh
Tánh, nãi khả hộ niệm. Kim trượng tha
lực, cố Tương Tự Vị, tức môn hộ niệm.
Nãi chí Tương Tự Vị dĩ hoàn, diệc giai
hữu thông hộ niệm chi nghĩa. Hạ chí
nhất văn Phật danh, ư đồng thể pháp
tánh, hữu tư phát lực, diệc đắc viên
nhân, chung bất thoái dã. A Nậu Đa La,
thử vân Vô Thượng, Tam Miếu Tam Bồ
Đề, thử vân Chánh Đẳng Chánh Giác,
tức Đại Thừa quả giác dã. Viên tam Bất
Thoái, nãi “nhất sanh thành Phật” dị
danh. Cố khuyến Thân Tử đẳng giai
đương tín thọ. Văn danh công đức như
thử, Thích Ca cập thập phương chư*

*Phật đồng sở tuyên thuyết, khả bất tín hô?
Sơ khuyến tín lưu thông cánh.*

(解) 問。但聞諸佛名。而未持經。亦得護念不退耶。答。此義有局有通。占察謂。雜亂垢心。雖誦我名。而不為聞。以不能生決定信解。但獲世間善報。不得廣大深妙利益。若到一行三昧。則成廣大微妙行心。名得相似無生法忍。乃為得聞十方佛名。此亦應爾。故須聞已執持。至一心不亂。方為聞諸佛名。蒙諸佛護念。此局義也。通義者。諸佛慈悲。不可思議。名號功德。亦不可思議。故一聞佛名。不論有心無心。若信若否。皆成緣種。況佛度眾

生。不簡怨親。恆無疲倦。苟聞佛名。佛必護念。又何疑焉。然據金剛三論。根熟菩薩。為佛護念。位在別地圓住。蓋約自力。必入同生性。乃可護念。今仗他力。故相似位。即蒙護念。乃至相似位以還。亦皆有通護念之義。下至一聞佛名。於同體法性。有資發力。亦得遠因。終不退也。阿耨多羅。此云無上。三藐三菩提。此云正等正覺。即大乘果覺也。圓三不退。乃一生成佛異名。故勸身子等。皆當信受。聞名功德如此。釋迦及十方諸佛。同所宣說。可不信乎。初勸信流通竟。

(Giải: Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu chư Phật, nhưng chưa trì kinh thì cũng được hộ niệm bất thoái ư?

Đáp: Điều này có nghĩa hạn cuộc và nghĩa phổ biến. Kinh Chiêm Sát dạy: “Tâm như tạp loạn, tuy tụng niệm danh hiệu ta, vẫn chẳng thể coi là ‘nghe’, vì chẳng thể sanh lòng tin hiểu quyết định, chỉ đạt được quả báo tốt lành trong thế gian, chẳng đạt được lợi ích sâu mầu rộng lớn. Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội, sẽ thành cái tâm tu hành rộng lớn vi diệu, gọi là đạt được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, bèn được coi là đã nghe danh hiệu của mười phương Phật”. Ở đây, cũng nên hiểu giống như vậy. Vì thế, nghe rồi, phải nên chấp trì đến mức nhất tâm bất loạn thì mới là “đã nghe danh hiệu của chư Phật”, được chư Phật hộ niệm. Đây là nghĩa hạn cuộc.

Nghĩa phổ biến là chư Phật từ bi chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, vừa nghe danh hiệu Phật, bất luận là hữu tâm hay vô tâm, dù tin hay không, đều tạo thành cái duyên và hạt giống [thành Phật trong A Lại Da Thức]. Huống chi, Phật độ chúng sanh chẳng phân biệt là kẻ oán hay người thân, luôn luôn không mệt mỏi. Nếu nghe danh hiệu Phật, ắt Phật sẽ hộ niệm, há còn đáng nghi gì nữa ư? Nhưng theo Kim Cang Tam Luận, Bồ Tát căn cơ chín muồi, được Phật hộ niệm thì địa vị thuộc Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Bởi lẽ, luận theo phía tự lực thì phải thuộc địa vị Đồng Sanh Tánh mới được [chư Phật] hộ niệm. Nay cậy vào tha lực, nên thuộc vào địa vị Tương Tự liền được Phật hộ niệm, cho đến từ địa vị Tương Tự trở xuống cũng đều có ý nghĩa “cùng được chư Phật hộ niệm”. Thậm chí

vừa nghe danh hiệu Phật thì đã có sức giúp cho đồng thể pháp tánh được phát khởi, cũng trở thành cái nhân xa, trọn chẳng bị lui sụt.

A Nậu Đa La cõi này dịch là Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề cõi này dịch là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là quả giác Đại Thừa vậy. “Trọn vẹn ba thứ Bất Thoái” chính là tên khác của “thành Phật ngay trong một đời”. Vì thế, đức Phật khuyên các vị như Thân Tử (Xá Lợi Phất) đều nên tin nhận. Phật Thích Ca và mười phương chư Phật cùng tuyên nói công đức nghe danh hiệu như thế, há chẳng đáng tin ư? Tiểu đoạn thứ nhất [trong phần Lưu Thông] là Khuyển Tín Lưu Thông đã xong).

Đại sư trả lời: Nghĩa này có nghĩa hạn cuộc (cục nghĩa) và nghĩa phổ

cập (thông nghĩa). “*Cục*” là nghĩa hẹp, “*thông*” là nghĩa rộng. Kinh Địa Tạng gồm ba loại:

1) Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh được phổ biến rộng rãi nhất.

2) Địa Tạng Bồ Tát Thập Luân Kinh.

3) Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh (gọi tắt là kinh Chiêm Sát).

Trong kinh Chiêm Sát, có một đoạn nói: “*Tạp loạn cầu tâm, tuy tụng ngã danh, nhi bất vi vãn*” (Tâm như tạp loạn thì tuy tụng danh hiệu ta vẫn chẳng thể coi là đã nghe). Câu này ý nói tâm tạp loạn niệm Phật không có công đức. Tuy không có công đức, vẫn đạt được quả báo tốt lành trong thế gian, chứ không đạt được “*lợi ích sâu mâu rộng lớn*”. [Lợi ích sâu mâu rộng lớn] là đắc Định, khai ngộ, liễu sanh tử, thoát tam giới.

“*Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh*

đắc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, nãi vi đắc văn thập phương Phật danh” (Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội sẽ thành cái tâm tu hành rộng lớn vi diệu, gọi là đạt được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, bèn được nghe danh hiệu của mười phương Phật). Trong Lục Tổ Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư coi trọng Nhất Hạnh tam-muội. Trong Tịnh Độ Tông có Niệm Phật tam-muội. Thật ra, Niệm Phật tam-muội chính là Nhất Hạnh tam-muội, còn gọi là Nhất Tướng tam-muội. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát khai thị một tiêu chuẩn: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục*”, đây là Nhất Hạnh tam-muội, còn kinh này (kinh A Di Đà) gọi là “*nhất tâm bất loạn*”. Nhất tâm bất loạn là Nhất Hạnh tam-muội, mà cũng là Niệm Phật tam-muội. Nhất tâm bất loạn có công phu sâu hay cạn sai khác. Niệm đến mức đoạn hết Kiến Tư phiền não thì gọi là Sự

nhất tâm bất loạn. Niệm đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Cảnh giới được nói tới trong đoạn này chính là vừa mới đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, thì gọi là “*quảng đại vi diệu hạnh tâm*”, đặc Trưng Tự Vô Sanh Pháp Nhân. Thật sự đặc Vô Sanh Pháp Nhân thì như trong kinh Nhân Vương đã giảng rất rõ ràng, đây là Thất Địa Bồ Tát. Trước khi đạt đến địa vị Thất Địa Bồ Tát đều gọi là Trưng Tự Vô Sanh Pháp Nhân. Thất Địa là Hạ Phẩm, Bát Địa là Trung Phẩm, Cửu Địa là Thượng Phẩm Vô Sanh Pháp Nhân.

Lại lên tới Thập Địa thì gọi là Hạ Phẩm Tịch Diệt Nhân, Đẳng Giác Bồ Tát là Trung Phẩm Tịch Diệt Nhân, Như Lai quả địa gọi là Thượng Phẩm Tịch Diệt Nhân. Nếu cũng hiểu pháp môn Niệm Phật theo cùng một lý này, thì đây là nghĩa hạn cuộc.

Đối với nghĩa phổ cập thì do chư Phật từ bi chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn, dùng một câu A Di Đà Phật có thể khiến cho phàm phu nghiệp chướng cực nặng thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Vừa nghe danh hiệu Phật, bất luận hữu tâm hay vô tâm, dù tin hay chẳng tin, chủng tử thành Phật đã được gieo vào [thức điền]. Tâm Phật thanh tịnh, bình đẳng, không phân biệt, chấp trước, quan tâm trọn khắp chúng sanh, chỉ luận định duyên đã chín muồi hay chưa, chẳng cần biết là kẻ oán hay người thân. Người tạo tội cực ác như vua A Xà Thế, tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung sám hối, nhất tâm niệm Phật cũng được vãng sanh. Trong kinh, đức Phật tuyên nói: Vua A Xà Thế sanh về Tây Phương, phẩm vị là Thượng Phẩm Trung Sanh, thật chẳng thể nghĩ bàn! Có hai loại vãng sanh:

- Một là lúc bình thường đoạn ác tu thiện, chuyên tâm niệm Phật.

- Hai là kẻ nghiệp nặng, lúc lâm chung chân tâm sám hối, cũng được vãng sanh.

Bất luận là ai dù chỉ trì danh chứ chẳng tụng kinh cũng đều được Phật hộ niệm, không cần phải hoài nghi!

Theo như cách Phật đã giảng trong các kinh Đại Thừa thì thông thường phải là bậc Sơ Địa của Biệt Giáo trở lên hoặc là từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, những vị ấy đều là bậc Pháp Thân đại sĩ thì mới được Phật hộ niệm. Vì họ đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tâm thanh tịnh, bình đẳng, hết thảy chướng ngại đều không có, từ đây trở đi, tâm tâm lưu nhập biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). Nhưng trong tông này (Tịnh Độ Tông) thì lại khác, nhờ được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, mười phương chư Phật cũng gia trì.

Nếu chẳng tu pháp môn này sẽ không được A Di Đà Phật gia trì, những vị Phật khác cũng chẳng quan tâm tới. Sau khi đọc cuốn Yếu Giải, [mới thấy] một câu Phật hiệu chẳng thể không niệm. [Hễ niệm Phật], dù chưa đạt tới địa vị Tương Tự, vẫn nhất định được chư Phật hộ niệm. Một câu A Di Đà Phật này là chủng tử thành Phật, trong một đời được nghe một câu A Di Đà Phật, nhưng đời này chưa thể vãng sanh thì đời sau hay đời sau nữa, hoặc đời khác nữa, được mang thân người, lại gặp pháp môn này, chủng tử trong A Lại Da Thức sẽ dấy lên hiện hành, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, người ấy cũng sẽ nhất định vãng sanh.

“A Nậu Đa La, cõi này dịch là Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề, cõi này dịch là Chánh Đẳng Chánh Giác”, nói theo cách bây giờ là “trí huệ viên mãn rốt ráo”. Chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái,

chính là tên gọi khác “*thành Phật ngay trong một đời*”. Kinh này do đức Thế Tôn và mười phương chư Phật buốt lòng rất miệng khuyên chúng ta hãy đều nên tin nhận, há chúng ta chẳng tin tưởng ư?

4.3.1.2. Khuyên nguyện lưu thông

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh. Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

(Giải) Dĩ nguyện dĩ sanh, kim nguyện kim sanh, đương nguyện đương sanh, chánh hiển y tín sở phát chi nguyện vô

hư dã. Phi tín, bất năng phát nguyện. Phi nguyện, tín diệt bất sanh. Cố vân: “Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện”. Hựu, nguyện giả, tín chi khoán, hạnh chi xu, ưu vi yếu vụ. Cử nguyện, tắc tín hạnh tại kỳ trung. Sở dĩ ân cần tam khuyến dã. Phục thứ, nguyện sanh bỉ quốc, tắc hân yếm nhị môn, yếm ly Sa Bà, dĩ y Khổ Tập nhị đế, sở phát nhị chủng hoàng thệ tương ứng. Hân cầu Cực Lạc, dĩ y Đạo Diệt nhị đế, sở phát nhị chủng hoàng thệ tương ứng. Cố đắc bất thoái chuyển u đại Bồ Đề đạo.

(經) 舍利弗。若有人。已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當

**生。是故舍利弗。諸善男子。善女人。
若有信者。應當發願。生彼國土。**

**(解) 已願已生。今願今生。當願當
生。正顯依信所發之願無虛也。非信。
不能發願。非願。信亦不生。故云。若
有信者。應當發願。又。願者。信之
券。行之樞。尤為要務。舉願。則信行
在其中。所以殷勤三勸也。復次願生彼
國。即欣厭二門。厭離娑婆。與依苦集
二諦。所發二種弘誓相應。欣求極樂。
與依道滅二諦。所發二種弘誓相應。故
得不退轉於大菩提道。**

*(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phật! Nếu có
người đã phát nguyện, đang phát nguyện,*

sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Phật A Di Đà thì những người ấy đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi ấy hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh. Vì thế Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

Giải: Đã nguyện đã sanh, nay nguyện nay sanh, sẽ nguyện sẽ sanh, nhằm tỏ rõ do tin tưởng mà phát ra lời nguyện thì lời nguyện ấy chẳng hư huyễn. Không tin sẽ chẳng thể phát nguyện. Không có nguyện, lòng tin cũng chẳng thể sanh. Vì thế nói: “Nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện”. Hơn nữa, nguyện là bằng khoán của lòng tin, là máu chốt của hạnh, có vai trò quan trọng nhất. Nêu ra nguyện thì tín và hạnh đều nằm trong ấy. Do vậy, Phật ân cần ba lượt khuyên nhủ. Lại nữa, nguyện sanh về cõi ấy chính là hai môn Ưa Thích và Chán

Lìa. Chán lìa Sa Bà, tương ứng với hai thứ hoằng thệ do nương theo Khổ Đế và Tập Đế mà phát ra. Ưa cầu Cực Lạc, tương ứng với hai thứ hoằng thệ do nương theo Đạo Đế và Diệt Đế mà phát ra. Vì thế, đạt được chẳng thoái chuyển nơi đại Bồ Đề đạo).

Đoạn này thuộc phần “khuyến nguyện lưu thông”. Đại sư nói, người đã phát nguyện đã vãng sanh, người hiện đang phát nguyện thì trong một đời này nhất định vãng sanh, phát nguyện trong tương lai thì tương lai nhất định vãng sanh. Từ ngữ “*đương phát nguyện giả*” chỉ cho chúng ta trong hiện tại, cũng giống như người trong quá khứ, nhằm chỉ rõ lời phát nguyện xuất phát từ lòng tin không hư dối, tin tưởng sâu xa, không hoài nghi tí nào. Không có lòng tin sẽ chẳng thể phát nguyện. Thông thường có chân tín, chánh

tín và mê tín. Có không ít pháp sư đại đức khuyên người khác niệm Phật, nhưng chính họ không niệm, họ nghĩ còn có những pháp môn khác cao hơn. Đây gọi là “chánh tín”¹⁵⁷.

“*Nguyện giả, tín chi khoán*” (Nguyện là bằng khoán của tín). “*Khoán*” (券) là bằng chứng, Tín cũng là máu chốt của Hạnh. Trong ba món tư lương, Tín đặc biệt quan trọng. Nếu ai thật sự chịu phát nguyện vãng sanh, người ấy tất nhiên có lòng tin rất sâu, ắt sẽ chịu thật thà niệm Phật, điều này thuộc về Hạnh. Khuyến nên tin tưởng, khuyến nên hành trì, mỗi phần đức Phật chỉ khuyến một lần, nhưng lại khuyến “hãy phát nguyện” đến ba lần. Đủ thấy, đức Phật hết sức coi trọng

¹⁵⁷ Sở dĩ gọi là chánh tín vì những vị pháp sư ấy tin tưởng cõi Cực Lạc, tin có A Di Đà Phật, tin A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật nên mới khuyên người khác niệm Phật. Do lòng tin tưởng ấy là đúng nên gọi là chánh tín; nhưng họ chỉ tin chứ không phát nguyện vãng sanh, tức là chưa có lòng tin thật sự nơi năng lực chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn này, nên chẳng thể gọi là “chân tín”.

nguyện. Lần thứ nhất là trong đoạn thứ hai của phần Chánh Tông, Phật nói xong sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, chúng sanh vãng sanh về đó đều đắc Bất Thoái, đức Phật khuyên “*chúng sanh vãng giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (chúng sanh nghe nói, đều nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Lần thứ hai là trong đoạn cuối của phần Chánh Tông: “*Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ, ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh vãng thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ*” (Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật. Ta thấy điều lợi này, nên nói lời như sau: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Còn trong đoạn này là lần khuyên thứ ba, lại

nói: “*Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ*” (Nếu ai có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy). Chẳng ngại phiền rộn, chẳng sợ trùng lặp, đức Bồ Sư lòng từ bi khẩn thiết, thật sự mong chúng ta ngay trong một đời sẽ vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi viên thành Phật đạo, thỏa mãn hoằng nguyện độ sanh. Tâm cảm ơn đội đức đối với đức Thế Tôn nầy sanh tràn trề.

Đại sư lại dựa trên Tứ Hoằng Thệ Nguyện để giải thích, nguyện sanh cõi ấy chính là viên mãn Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Nguyện vãng sanh nhất định là khỏi Sa Bà. “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*” thuộc về Khổ Đế và Tập Đế. “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*” thuộc về Diệt Đế và Đạo Đế. Tứ Hoằng Thệ Nguyện hễ phát tâm thì đại Bồ Đề tâm liền viên mãn. Đại

sư nói lời này khiến chúng ta giật nảy mình, vì từ trước đến giờ chưa có ai nói cả! Ở đây, Ngài đã nêu ra căn cứ, Tứ Hoàng Thệ Nguyên chính là vô thượng Bồ Đề tâm.

(Giải) Vấn: Kim phát nguyện, đản khả vân đương sanh, hà danh kim sanh?

Đáp: Thử diệt nhị nghĩa. Nhất ước nhất kỳ danh “kim”, hiện sanh phát nguyện trì danh, lâm chung định sanh Tịnh Độ. Nhị ước sát-na danh “kim”, nhất niệm tương ứng, nhất niệm sanh. Niệm niệm tương ứng, niệm niệm sanh. Diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm. Như xứng lưỡng đầu, đê ngang thời đẳng, hà sĩ Sa Bà báo tận, phương dục trân trì? Chỉ kim tín nguyện trì danh, liên ngọc quang vinh, kim đài ảnh hiện, tiện phi Sa Bà giới nội nhân hỹ. Cực

viên, cực đốn, nan nghị, nan tư. Duy hữu đại trí, phương năng để tín.

(Giải) 問。今發願但可云當生。何名今生。答。此亦二義。一約一期名今。現生發願持名。臨終定生淨土。二約剎那名今。一念相應。一念生。念念相應。念念生。妙因妙果。不離一心。如秤兩頭。低昂時等。何俟娑婆報盡。方育珍池。只今信願持名。蓮萼光榮。金臺影現。便非娑婆界內人矣。極圓極頓。難議難思。唯有大智。方能諦信。

(Giải: Hỏi: Nay phát nguyện thì chỉ có thể nói là “sẽ sanh”, sao lại bảo là “nay sanh?”

Đáp: Điều này cũng có hai nghĩa:

- Một là dựa trên cùng một kỳ hạn mà bảo là “nay”. Đời này phát nguyện trì danh thì lâm chung nhất định sanh về Tịnh Độ.

- Hai là dựa theo sát-na mà gọi là “nay”. Một niệm tương ứng thì sanh vào cõi kia trong một niệm ấy, niệm niệm tương ứng thì trong từng niệm đều sanh.

Diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm. Như hai đầu cái cân, hễ đầu này chúc xuống thì đầu kia nâng lên cùng một lúc, cần gì phải đợi đến khi hết báo thân nơi Sa Bà mới sanh trong ao báu. Chỉ cần nay tín nguyện trì danh thì [nơi Cực Lạc] hoa sen rạng ngời, đài vàng hiện bóng, tức là đã không còn là người trong cõi Sa Bà nữa! Cực viên, cực đốn, khó nghĩ, khó suy, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng chắc thật mà thôi!)

Có người hỏi: “Nay phát nguyện thì chỉ có thể nói là sẽ sanh, vì sao lại nói là nay sanh?” Chữ “*kim*” (nay) chỉ lúc đức Thế Tôn đang thuyết pháp. “*Đương phát nguyện*” là nói về những kẻ sau lúc ấy, như chúng ta ở trong thời đại hiện thời thuộc vào những người “*sẽ phát nguyện*”. Một đời tu học pháp môn này, lâm chung quyết định sanh về Tịnh Độ; vì thế nói là “*kim sanh*” (đời này). Nghĩa thứ hai là nói trong khoảng sát-na. Hễ tương ứng trong một niệm thì sanh về Tịnh Độ ngay trong niệm ấy. Người phát nguyện ắt phải trọn đủ ba món tư lương, Tín phải là chân tín, Nguyện phải khẩn thiết, thấy thấu suốt hết thấy mọi thứ trong thế gian, trong tâm triệt để buông xuống, chứ không phải chỉ buông xuống trên mặt Sự. Nếu chỉ trên mặt Sự thì chẳng đáng để bàn tới. Trong tâm phải nên không vướng mắc, giống như Thiện Tài tham học năm mươi ba lần,

nhưng luôn là người tâm địa thanh tịnh, chẳng vướng mắc mảy may. Biểu hiện trên mặt Sự, các ngành, các nghề, nam, nữ, già, trẻ đều không trở ngại. Trong một niệm phải có đủ Tín, Nguyện, Hạnh cũng như tương ứng với Giới, Định, Huệ, và Giác, Chánh, Tịnh. Một niệm như thế, thân tuy chưa sanh sang đó, mà trong ao bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới đã trở một đóa hoa sen có ghi rõ tên hành giả. Đây là do chính mình cảm ứng biến hiện ra, chứ không phải do Phật biến hiện. Niệm nào cũng tương ứng thì hoa sen báu càng ngày càng lớn, ánh sáng, màu sắc ngày càng tươi đẹp. Diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm. Lâm chung liền thác sanh trong hoa sen. Nhân quả đồng thời chẳng thể nghĩ bàn. Các pháp môn khác là “nhân trước, quả sau”, còn hoa sen là nhân quả đồng thời, cần gì phải đợi tới khi cái thân nghiệp báo hết tuổi thọ rồi mới có

thể sanh trên đài vàng trong ao sen bảy báu. Chỉ cần hiện tại tín nguyện trì danh, hoa sen trong cõi Tây Phương liền rạng rỡ xinh tươi, chẳng còn là người trong thế giới Sa Bà nữa!

Trong tác phẩm của pháp sư Viên Anh có nhắc tới hai người:

1) Một là pháp sư Khả Cứu đời Tống. Sư thường niệm kinh Pháp Hoa cầu sanh Tịnh Độ. Trong chương Tam Bối Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ, đoạn thứ tư có nói: Hễ ai tu học hết thầy pháp Đại Thừa, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thì A Di Đà Phật cũng đến tiếp dẫn giống hệt [như người chuyên tu Tịnh Độ]. Đủ thấy pháp môn này bao dung hết sức rộng lớn. Pháp sư Khả Cứu ngồi vãng sanh, mất đã ba ngày, sống lại, bảo các đồng tu: “Tôi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trông thấy tình hình hoàn toàn giống như kinh đã dạy”. Ngài lại nói những ai tu

Tịnh Độ trong cõi đời, hoa sen trong ao bảy báu ở Tây Phương đều có ghi tên. Người Thượng Phẩm vãng sanh là lão hòa thượng của Quảng Giáo Viện tại Thần Châu. Khi ấy, lão hòa thượng còn chưa vãng sanh. Ngoài ra, còn có Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu và chính sư Khả Cứu đều là đài vàng. Kém hơn là đài bạc, người chứng được đài bạc là Từ đạo cô. Pháp sư Khả Cứu thuật tình hình đã thấy cho mọi người nghe rồi lại vãng sanh. Sau này, Tôn Thập Nhị Lang lâm chung, nhạc trời vang rền hư không; khi Từ đạo cô lâm chung, có mùi hương lạ ngập thát không tan.

2) Người kia là pháp sư Hoài Ngọc, khi lâm chung, thấy A Di Đà Phật cầm đài bạc đến đón, Sư nghĩ ta bình sinh công phu rất đặc lực, có sao chỉ được đài bạc, tợ hồ chẳng cam lòng. Ý niệm vừa khởi, chẳng thấy A Di Đà Phật nữa. Sư lại dốc

hết tánh mạng niệm Phật bảy ngày bảy đêm không ngớt, A Di Đà Phật lại hiện, cầm đài vàng tiếp dẫn.

Trong thế gian, người tu pháp môn Tịnh Độ chân tâm niệm Phật cầu vãng sanh, hoa sen của người ấy bèn sáng ngời, rực rỡ chói mắt. Nếu giải đãi, biếng nhác, hoa liền khô héo. Đổi dạ chuyển sang tu pháp môn khác, hoa liền chết khô. Hết thấy sự vật trong Tây Phương đều chẳng sanh diệt, chỉ có hoa sen trong ao bảy báu là có sanh, có diệt. Sự tươi, khô, sanh, diệt ấy do hành nhân cảm thành, chứ không liên quan gì tới A Di Đà Phật.

Khi niệm Phật, tâm tánh năng niệm chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phải dùng chân tâm, đừng dùng vọng tâm. Niệm Phật bằng chân tâm thì xử thế đãi người tiếp vật cũng phải dùng chân tâm. Niệm niệm cầu sanh về Tịnh Độ, khi còn sống trên đời thì hết thấy thuận theo tự nhiên, chớ

nên cưỡng cầu. Một câu Phật hiệu đầy đủ viên mãn Tam Học, Tam Huệ, và ba món tư lương, mà cũng đầy đủ viên mãn vô lượng hạnh môn, nhất tâm chấp trì sẽ có thể viên siêu, viên đốn. Những bộ kinh lớn trong Viên Giáo như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa vẫn chưa thể nói là “cực” (tột bậc); cực viên cực đốn chỉ có một pháp môn này. Thiên là Đốn, nhưng đem so với kinh này, chẳng thể thành tựu trong bảy ngày. Mật Tông nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này), nhưng Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Tức thân thành Phật trong Mật Tông chẳng qua chỉ là liễu sanh tử, thoát tam giới mà thôi!*” Loại công phu ấy thì A La Hán, Bích Chi Phật mới có đủ tư cách, [“tức thân thành Phật” của Mật Tông] chỉ là quả vị Phật trong Tạng Giáo, chẳng thể bằng quả vị Phật trong Biệt Giáo và Viên Giáo. Hết thầy tông, giáo, pháp môn bày ra

trước mặt quý vị, quý vị chẳng chao đảo, tín tâm mới có thể kiên cố. Thông minh thế gian là Thế Trí Biện Thông, trí huệ thật sự là đối với hết thảy pháp môn chẳng nghi hoặc một tí ti nào. Cổ nhân thường nói: “*Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di dã*” (Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu mới chẳng thay đổi chí hướng), thật chẳng biết hạ ngu là thượng trí. Tín tâm chẳng đủ thì có thể vun bồi. Đối với pháp môn này mà có thể sanh lòng hoan hỷ, chứng tỏ người ấy trong đời quá khứ quả thật có duyên với Phật pháp. Đọc nhiều kinh điển Đại Thừa có thể tăng mạnh tín tâm, đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện Ký nhiều lượt có thể thúc đẩy ý nguyện cầu vãng sanh.

4.3.1.3. Khuyến hạnh lưu thông

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật đẳng diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Sa Bà quốc độ, ngũ trược ác thế, kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp”.

(經) 舍利弗。如我今者。稱讚諸佛不可思議功德。彼諸佛等。亦稱讚我不可思議功德。而作是言。釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。

**命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。為諸
眾生。說是一切世間難信之法。**

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phật! Như ta nay khen ngợi chư Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, mà nói như thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật làm được chuyện rất khó, là có thể ở trong đời ác năm thứ trước là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp mà hết thấy thế gian khó tin tưởng này).

Đoạn kinh văn này là “*khuyến hạnh lưu thông*”. Chữ “*chư Phật*” trong câu trước chỉ A Di Đà Phật. “*Bỉ chư Phật đấng*” là A Di Đà Phật và mười phương vô lượng

vô biên chư Phật đều cùng tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong đời ác ngũ trược, tức kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói ra pháp mà hết thấy thế gian khó thể tin tưởng này. Khi Phật Thích Ca xuất thế, tuổi thọ trung bình của con người trong thế giới Sa Bà là một trăm tuổi, đang nhằm kiếp giảm, cứ mỗi một trăm năm lại giảm một tuổi. Do đức Phật xuất thế cách đây đã ba ngàn năm nên tuổi thọ trung bình của con người hiện thời là bảy mươi tuổi, đang bước vào đời ác ngũ trược. Để có thể tu hành chứng quả thành Phật ngay trong thời này, phải dùng phương pháp nào để thành Phật? Ngẫu Ích đại sư bảo Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật. Câu này nằm ngay trong đoạn kinh văn này. Phật Thích Ca đặc Vô Thượng Chánh

Đẳng Chánh Giác tức là thành Phật, thị hiện thành Phật ngay trong một đời, rồi mới đem pháp môn thành Phật ngay trong một đời truyền cho chúng ta. Đây là “*vì các chúng sanh, nói ra pháp mà hết thấy thế gian khó tin tưởng*” này.

(Giải) Chư Phật công đức, trí huệ, tuy giai bình đẳng, nhi thi hóa tắc hữu nan dị. Tịnh Độ thành Bồ Đề dị, trực thế nan. Vị Tịnh Độ chúng sanh thuyết pháp dị, vị trực thế chúng sanh nan. Vị trực thế chúng sanh thuyết tiệm pháp do dị, thuyết đốn pháp nan. Vị trực thế chúng sanh thuyết dư đốn pháp do dị, thuyết Tịnh Độ hoành siêu đốn pháp vu nan. Vị trực thế chúng sanh, thuyết Tịnh Độ hoành siêu đốn tu đốn chứng diệu quán, dĩ tự bất dị. Thuyết thử vô tỵ cù lao tu chứng, dẫn trì danh hiệu, kính đảnh Bất Thoái, kỳ đặc thắng diệu, siêu xuất tư

ngộ, đệ nhất phương tiện, cánh vi nan trung chi nan. Cổ thập phương chư Phật, vô bất thôi ngã Thích Ca, thiên vi dũng mãnh dã.

(解) 諸佛功德智慧。雖皆平等。而施化則有難易。淨土成菩提易。濁世難。為淨土眾生說法易。為濁世眾生難。為濁世眾生說漸法猶易。說頓法難。為濁世眾生說餘頓法猶易。說淨土橫超頓法尤難。為濁世眾生。說淨土橫超頓修頓證妙觀。已自不易。說此無藉劬勞修證。但持名號。徑登不退。奇特勝妙。超出思議。第一方便。更為難中之難。故十方諸佛。無不推我釋迦。偏為勇猛也。

(Giải: Công đức và trí huệ của chư Phật tuy đều bình đẳng, nhưng thực hiện sự giáo hóa thì có dễ hay khó. Trong Tịnh Độ thành Bồ Đề dễ dàng, trong đời trước thì khó. Vì chúng sanh trong Tịnh Độ thuyết pháp thì dễ, vì chúng sanh đời trước thuyết pháp khó khăn. Vì chúng sanh đời trước thuyết pháp Tiệm (tu tấn dần dần) còn dễ, nói pháp Đốn sẽ khó. Vì chúng sanh đời trước nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói Đốn pháp Tịnh Độ vượt ngang tam giới rất khó. Vì chúng sanh đời trước nói diệu quán Tịnh Độ đốn tu đốn chứng vượt ngang tam giới đã chẳng dễ dàng, nói pháp chẳng cần đến tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, mau chóng vượt lên Bất Thoái, kỳ lạ, đặc biệt, thù thắng, nhiệm mầu, vượt khỏi suy nghĩ, phương tiện bậc nhất này càng là điều khó nhất trong những điều khó. Vì thế,

mười phương chư Phật không một vị nào chẳng suy tôn đức Thích Ca của chúng ta là bậc đặc biệt dưng mãi).

Mười phương tam thế hết thấy chư Phật Như Lai có cùng một tâm nguyện phổ độ chúng sanh viên thành Phật đạo. Công đức, trí huệ, năng lực của chư Phật đều bình đẳng, nhưng để thực hiện sự giáo hóa lại có dễ, khó [khác biệt]. Khó hay dễ là dựa trên đối tượng được giáo hóa mà nói, kẻ căn tánh lạnh lợi sẽ dễ giáo hóa, chứ căn tánh đã chậm lụt mà nghiệp chướng lại nặng nề thì khó lắm. Đối với kẻ chướng nặng, nếu chẳng lập nhiều phương tiện chỉ dạy, bọn họ chẳng có hy vọng gì thành Phật. A Di Đà Phật hóa hiện Tịnh Độ ở Tây Phương thế giới chính là vì những kẻ như vậy mà lập bày ra. Có những kẻ hiểu lầm tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới để chuyên độ những hạng vô tri vô thức,

làm sao có thể sánh bằng các pháp môn Đại Thừa. Thật ra, họ đã thấy sai! Thật chẳng biết Phật Di Đà lập ra pháp môn này, vượt trội pháp Nhất Thừa trong Đại Thừa, pháp này chính là pháp môn trực tiếp để thành Phật, những kẻ căn tánh cực độn, tội nghiệp sâu nặng, hễ tiếp nhận sẽ lập tức thành Phật. Vì sao kẻ ấy có thể tin, có thể nguyện, có thể hành? Đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ biết ngay, vốn là vì thiện căn, phước đức đã tích lũy trong nhiều đời nhiều kiếp của những người ấy đã chín muồi, hoàn toàn chẳng phải là ngẫu nhiên!

Tiếp đó, luận về sự khó - dễ nơi hoàn cảnh. Tây Phương thế giới thành Phật dễ dàng, Sa Bà khó khăn. Mỗi một người sanh về Tây Phương đều được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, Phật quang phổ chiếu, trí huệ tăng trưởng, nghe pháp dễ khai ngộ. Cổ đức nói, hoàn cảnh giữa hai thế giới có nhiều điểm khác nhau:

1) Ở Tịnh Độ thường xuyên thấy Phật. Kẻ đời nghiệp vãng sanh, dầu là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh ở trong hoa sen mười hai kiếp hoa sen mới nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh, nhưng ở trong hoa sen cũng có thể thấy Ứng Hóa Thân của A Di Đà Phật và chư Phật, cũng như thấy Văn Thù, Phổ Hiền v.v... các vị thượng thiện nhân. “Hoa nở thấy Phật” là thấy được Báo Thân Phật, khi hoa chưa nở thì thấy Ứng Hóa Thân, [khi hoa nở thì người ấy] cũng đồng thời có năng lực đến mười phương thế giới hóa độ chúng sanh hữu duyên.

2) Thường nghe pháp. Ba kinh [Tịnh Độ] đều nói trong Tây Phương thế giới, sáu trăm điều thuyết pháp, nên [chúng sanh trong Cực Lạc] chẳng bị mê hoặc mà cũng chẳng thể thoái chuyển. Trong thế giới Sa Bà nghe pháp rất khó.

3) Ở Tịnh Độ, các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, những thứ được tiếp xúc

đều giúp cho hành nhân đạt thành tựu, không bị chướng ngại; còn thế giới Sa Bà chướng ngại trùng trùng.

4) Tịnh Độ không có ma sự, cõi này các loài ma nhiều loạn.

5) Người sanh vào Tịnh Độ đều thọ vô lượng, Sa Bà đoản mạng.

6) Tịnh Độ chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, Sa Bà tiến ít, lùi nhiều. Hễ sanh sang đời khác, phải học lại từ đầu.

7) Tịnh Độ quyết định một đời thành Phật, Sa Bà thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

Cuối cùng đại sư lại nói: “*Vì chúng sanh đời trước nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói pháp Tịnh Độ là pháp Đốn vượt khỏi tam giới theo chiều ngang rất khó*”. Thế nào là các pháp Đốn khác? Thiên là pháp Đốn khác, người học Thiên đông đảo. Vì chúng sanh trong đời trước nói pháp Thật Tướng Niệm Phật và Quán

Tưởng Niệm Phật đã chẳng dễ dàng, may ra còn có người chịu tiếp nhận, chứ nói pháp môn bậc nhất “*không cần phải tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, nhanh chóng vượt lên Bất Thoái*” càng là sự khó nhất trong các sự khó. Vì đây là cảnh giới của chư Phật, người thường ai có thể hiểu được? Tôi thường khen ngợi chư vị đồng tu, nhân duyên thiện căn, phước đức của quý vị tốt đẹp hơn tôi. Quý vị vừa học Phật liền tin tưởng pháp môn này. Tôi học Phật cả bốn mươi năm mới tin tưởng. Tôi xuất gia lúc mới hai mươi sáu tuổi, gặp lão cư sĩ Châu Kính Trụ đã ngoài bảy mươi, cụ đối với tôi rất tốt, thường thường chăm sóc tôi. Về sau, cụ giới thiệu tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý học Phật. Thầy Lý là đệ tử của Ân Quang đại sư, chuyên tu Tịnh Độ. Tôi [đến Đài Trung] nhằm mục đích học giảng kinh, cụ Lý khuyên tôi tu Tịnh Độ, tôi chẳng thể tiếp

nhận, thậm chí còn ép thầy đến nỗi cụ phải thốt ra một câu: *“Từ xưa đến nay bao nhiêu cao tăng đại đức và những vị tại gia cư sĩ có học thức, tu tập vững vàng đều học Tịnh Độ, cứ coi như là họ bị lừa đi. Chúng ta bị lừa một lần cũng không sao!”*

Năm Dân Quốc sáu mươi (1971), tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc, chẳng thể không thâm nhập nghiên cứu, giảng suốt mười bảy năm, đến cuối cùng, thấy các vị Văn Thù và Phổ Hiền là những vị Phật sẽ bổ xứ trong thế giới Hoa Tạng, các Ngài đều cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứng tỏ Tây Phương có chỗ đáng chú ý, ban cho tôi một nhân duyên phản tỉnh to lớn. Từ đấy, tôi lại chú ý thật kỹ càng: Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Niệm Phật, Thiện Tài là học trò đặc ý của ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, truyền pháp cho Thiện Tài ắt cũng là pháp môn Niệm Phật. Về

sau, Thiện Tài đi tham học, vị thầy thứ nhất (tỳ-kheo Cát Tường Vân) dạy Ngài pháp môn Niệm Phật, đến vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khiến cho Thiện Tài thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Do vậy, tôi mới quay đầu, mới lại thâm nhập nghiên cứu ba kinh Tịnh Độ. Nếu chẳng do kinh Hoa Nghiêm, tôi không có cách gì thâm nhập Tịnh Độ. Về sau, lại đọc những lời luận định của các bậc đại đức thời Tùy - Đường: *“Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chẳng qua nhằm dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ mà thôi!”* Tôi đọc câu bình luận này, cảm nhận đặc biệt sâu đậm hơn những người khác. Đúng là khó nhất trong những sự khó! Học Giáo mà có thể quy hướng Tịnh Độ thì số lượng những vị như vậy qua các đời truyền thừa chẳng nhiều. Do vậy, mười phương chư

Phật không vị nào chẳng suy tôn Phật Thích Ca là đấng đấng mẫn.

(Giải) Kiếp Trược giả, trược pháp tụ hội chi thời. Kiếp Trược trung, phi đối nghiệp hoành xuất chi hạnh, tất bất năng độ.

(解) 劫濁者。濁法聚會之時。劫濁中。非帶業橫出之行。必不能度。

(Giải: Kiếp Trược là lúc các pháp như bản tụ hội. Trong thuở Kiếp Trược, nếu chẳng có hạnh “mang theo nghiệp vượt thoát theo chiều ngang”, ắt chẳng thể độ được)

Đối với từ ngữ Ngũ Trược, trong đoạn Huyền Nghĩa trong phần trước đã trình

bày đại lược, ở đây, tôi lại y theo lời giải thích của đại sư để giảng rõ.

Thứ nhất là Kiếp Trục. Chữ Kiếp (劫) chỉ thời đại. Trục (濁) là ô nhiễm. Chúng ta cảm nhận sâu xa sự ô nhiễm trong môi trường sinh thái và địa cầu. Các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh cáo: Nếu chẳng cải thiện tình hình ô nhiễm, thì năm mươi năm sau, thế giới này sẽ chẳng thích hợp cho nhân loại sinh sống. Hiện thời mọi người đều nghiên cứu vấn đề bảo vệ môi trường, nhưng hiệu quả chẳng lớn lắm. Đức Phật nói: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Y báo là hoàn cảnh sống, hoàn cảnh bị ô nhiễm bởi chánh báo. Chánh báo là lòng người, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh. Trong xã hội hiện thời, lòng người ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, kiến giải ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm; nếu chẳng dốc sức thanh tịnh hóa lòng người, sợ rằng

chẳng thay đổi được gì. Ấn Quang đại sư đến tuổi xế chiều từng có lần chủ trì pháp hội Hộ Quốc Tức Tai tại Thượng Hải suốt bảy ngày. Ngày cuối cùng, Ngài truyền trao Tam Quy, Ngũ Giới, lúc ấy có đệ tử ghi chép những lời Ngài diễn giảng thành một cuốn sách nhỏ. Ngài đề xướng “*kiêng giết, ăn chay, niệm Phật, chẳng những có thể tiêu trừ tai nạn, mà còn có thể bảo vệ đất nước*”. Nếu bây giờ chúng tôi đề xướng thuyết ấy, ai sẽ tin tưởng? Nhưng ba điều ấy quả thật hữu hiệu, niệm Phật tịnh hóa lòng người, kiêng giết, ăn chay sẽ giảm nhẹ sự tàn bạo, dữ dằn, hiệu quả trông thấy lập tức. Đáng tiếc là mọi người chẳng tin tưởng, coi đó là mê tín. Đây là cộng nghiệp khó lòng cứu vãn!

(Giải) Kiến Trục giả, Ngũ Lợi Sư tà kiến tăng thịnh, vị Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ, cập chư tà kiến.

*Hôn muội cốt một, cố danh vi Trược.
Kiến Trược trung, phi bất giả phương
tiện chi hạnh, tất bất năng độ.*

**(Giải) 見濁者。五利使邪見增盛。謂身
見。邊見。見取。戒取。及諸邪見。昏
昧汨沒。故名為濁。見濁中。非不假方
便之行。必不能度。**

(Giải: Kiến Trược là năm thứ Lợi Sử tà kiến tăng trưởng mạnh mẽ, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và các tà kiến. Tối tăm, chìm đắm, nên gọi là Trược. Trong thời Kiến Trược, nếu chẳng cậy vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ được).

Thứ hai, “Kiến Trược là năm thứ Lợi Sử tà kiến tăng trưởng mạnh mẽ”. Ngũ Lợi

Sử: Sử (使) có nghĩa là nha dịch, giống như cảnh sát hình sự hiện thời. Lợi (利) là lợi hại. Ngũ Lợi Sử chính là Kiến Hoặc. Kiến Hoặc chia thành năm thứ, tức Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cẩm Thủ Kiến và Tà Kiến. Trong phần trước tôi đã giảng cặn kẽ, ở đây không nói nhiều. Những kiến giải sai lầm này che lấp trí huệ trong chân tâm, nên gọi là Trược. Nếu chẳng nhờ vào phương tiện bậc nhất, ắt chẳng thể độ được.

(Giải) Phiền Nã Trược giả, Ngũ Động Sử phiền hoặc tăng thịnh, vị tham, sân, si, mạn, nghi, phiền động não loạn, cố danh vi Trược. Phiền Nã Trược trung, phi tức phàm tâm thị Phật tâm chi hạnh, tất bất năng độ.

(解) 煩惱濁者。五鈍使煩惱增盛。謂貪。瞋。癡。慢。疑。煩惱惱亂。故名為濁。煩惱濁中。非即凡心是佛心之行。必不能度。

(Giải: Phiền Não Trược là năm thứ Độn Sử phiền não mê hoặc tăng trưởng mạnh mẽ, tức là tham, sân, si, mạn, nghi gây phiền não, rối loạn, nên gọi là Trược. Trong thuở Phiền Não Trược, nếu không dùng hạnh “tâm phàm chính là tâm Phật”, ắt chẳng thể độ được).

Kiến Trược là kiến giải sai lầm, tức thấy sai lầm. Phiền Não Trược là tư tưởng sai lầm, tức suy nghĩ lầm lạc. Ngũ Độn Sử cũng gồm năm loại lớn. Năm thứ Lợi Sử trong phần trước xảy đến mãnh liệt, còn năm thứ Độn Sử này tuy chẳng mãnh liệt

nhưng rất khó đoạn. Cổ đức thường ví von là “*dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng*”. Dầu cho đắc Tứ Quả La Hán, Kiến Hoặc và Tư Hoặc đều đã đoạn, nhưng tập khí vẫn còn. Ngũ Độn Sử là tham, sân, si, mạn, nghi. Tham là tham ái. Sân là nóng giận. Si là ngu si, đối với chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, lợi, hại, chẳng phân biệt rõ ràng, thường thấy biết điên đảo. Trong các phiền não, ngu si là nghiêm trọng nhất, vì không có Huệ sẽ chẳng đoạn được Si, chỉ dựa vào Định vẫn chưa được. Do vậy, A La Hán có Cửu Thứ Đệ Định. Mạn là ngạo mạn. Nghi là hoài nghi. Nghi đây không phải là ngờ vực thông thường, mà là hoài nghi Thánh Ngôn Lượng, đời này sẽ khó thoát tam giới. Trong thời đại hiện thời, Phiền Não Trược nghiêm trọng hơn bất cứ thời kỳ nào trong quá khứ. Đại sư nói nếu chẳng dùng phương pháp “*cái tâm phàm chính là tâm Phật*” sẽ chẳng thể

thành tựu. Nói theo Lý, tâm phàm chính là tâm Phật, về mặt Sự, thì [tâm phàm và tâm Phật] khác hẳn nhau. Ngoài pháp môn Niệm Phật ra, kinh Đại Thừa có nói tới Đồng Sanh Tánh và dị Sanh Tánh. Hàng Bồ Tát từ Tam Hiền trở xuống và chúng sanh trong sáu đường đều là dị Sanh Tánh, khó thể thành tựu. Phàm phu trong lục đạo càng chẳng dễ gì vượt thoát tam giới. Con người luân hồi, cuộc sống trong đời này ngắn ngủi, tạm bợ, cuộc sống trong những đời sau sẽ làm như thế nào đây? Người mê hoặc, điên đảo, chỉ thấy chuyện trước mắt, thường chẳng nghĩ tới hậu quả. Trong pháp môn tu hành, chỉ có tâm niệm Phật là chân tâm bản tánh. Tâm tánh năng niệm chẳng thể nghĩ bàn, tâm ấy chính là Phật tâm, đức Phật được niệm chẳng thể nghĩ bàn. Phật hiệu là tánh đức, lại còn là đức hiệu (danh hiệu của phẩm đức nơi tự tánh) của chân tâm bản tánh viên mãn.

Câu “*tức phàm tâm thị Phật tâm chi hạnh*” chỉ pháp môn Niệm Phật vãng sanh. Trừ pháp môn này ra, ắt chẳng [có pháp môn nào khác mà] có thể độ được.

(Giải) Chúng Sanh Trọc giả, kiến phiền não, sở cảm thô tệ Ngũ Âm hòa hợp, giả danh chúng sanh. Sắc, tâm tịnh giai lậu liệt, cố danh vi Trọc. Chúng Sanh Trọc trung, phi Hân Yém chi hạnh, tất bất năng độ.

(解) 眾生濁者。見煩惱。所感麤弊五陰和合。假名眾生。色心並皆陋劣。故名為濁。眾生濁中。非欣厭之行。必不能度。

(Giải: Chúng Sanh Trọc là do Kiến Hoặc, cảm vờ Ngũ Âm thô tệ hòa hợp,

giả gọi là chúng sanh. Sắc lẫn tâm đều thô lậu, hèn kém, nên gọi là Trược. Trong thuở Chúng Sanh Trược, nếu không do hạnh Ưa Thích và Chán Lìa, ắt chẳng thể độ được).

“Do các duyên hòa hợp mà sanh” nên gọi là “chúng sanh”. Chúng sanh do Ngũ Âm, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức kết hợp thành. Sắc tượng trưng cho vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần. Có cảm nhận, suy nghĩ liên tục sanh diệt trong từng sát-na. Trong Duy Thức Học gọi Thức là A Lại Da Thức, nói thông tục là “linh hồn”, nhà Phật gọi là “thần thức”. Luân hồi trong sáu nẻo là do thần thức đầu thai. Khi chưa khai ngộ kiến tánh, thần thức là chủ tử, đó là Ngã. Sau khi kiến tánh, chân tâm bản tánh mới chính là con người thật của chính mình. Khi mê muội [chưa thấu hiểu] chân tâm bản tánh

thì gọi là Thức, ngộ rồi thì gọi là Chân Như Bản Tánh. Thức và Chân Như Bản Tánh là một, chẳng qua là hai danh từ khác nhau mà thôi. Chân tánh là bản thể của hết thấy vạn pháp trong vũ trụ, ở nơi hữu tình chúng sanh thì gọi là Phật Tánh, còn nơi vô tình chúng sanh thì gọi là Pháp Tánh. Do kiến giải, tư tưởng sai lầm nên cảm vờ Sắc và Tâm đều chẳng thanh tịnh, nên gọi là Trược. Trong hoàn cảnh ô nhiễm này, ắt phải phát tâm lìa khỏi, ắt phải vui vẻ nguyện sanh về cõi Phật thanh tịnh nơi thế giới Tây Phương. Có hạnh Vui Cầu và Nhàm Lìa thì mới có hy vọng đắc độ.

(Giải) Mạng Trược giả, nhân quả tịnh liệt, thọ mạng đoản xúc, nãi chí bất mãn bách tuế, cố danh vi Trược. Mạng Trược Trung, phi bất phí thời kiếp, bất lao cần khổ chi hạnh, tất bất năng độ.

(解) 命濁者，因果並劣，壽命短促，乃至不滿百歲，故名為濁。命濁中，非不費時劫，不勞勤苦之行，必不能度。

(Giải: Mạng Trược là nhân và quả đều kém cõi, tuổi thọ ngắn ngủi, thậm chí chẳng đầy trăm tuổi, nên gọi là Trược. Trong thuở Mạng Trược, mà chẳng dùng hạnh “chẳng tốn kiếp số, chẳng cần phải nhọc nhằn tu tập”, ắt chẳng thể độ được).

Mọi người thường nói tới khỏe mạnh, sống lâu, đây là chuyện chúng sanh mong cầu nhiều nhất. Nếu luận theo nhân thì điều thứ nhất là phải có tâm thanh tịnh và tâm đại từ bi. Nếu cái nhân không tốt, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng từ bi, thân ắt sẽ đoản mạng, lắm bệnh. Phật nói người có đủ sáu căn, tức sáu căn không thiếu sót, chẳng sút sẹo, rất khó có. Bất cứ quả báo nào cũng đều có nguyên nhân. Nói theo

mặt cương lãnh thì bổ thí là nhân, phước báo là quả. Tài Bổ Thí được giàu có, Pháp Bổ Thí được thông minh, trí huệ, Vô Úy Bổ Thí được mạnh khỏe, sống lâu. Chẳng tu nhân mà mong có quả báo tốt thì chính là huyễn tưởng. Con người hiện thời thiếu khuyết tâm từ bi và tâm thanh tịnh; do vậy, Mạng Trược. Trong thời kỳ này, nhất định phải chọn một phương pháp tu hành chẳng tốn bao nhiêu thời gian, chẳng phải nhọc nhằn tu tập thì mới hòng đắc độ.

(Giải) Phục thứ, chỉ thử tín nguyện, trang nghiêm nhất thanh A Di Đà Phật, chuyển Kiếp Trược vi thanh tịnh hải hội, chuyển Kiến Trược vi vô lượng quang, chuyển Phiền Nã Trược vi Thường Tịch Quang, chuyển Chúng Sanh Trược vi liên hoa hóa sanh, chuyển Mạng Trược vi vô lượng thọ. Cố, nhất thanh A Di Đà Phật tức Thích Ca Bổn Sư ư ngũ

trước ác thế, sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Kim dĩ thử quả giác toàn thể, thọ dữ trước ác chúng sanh, nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tin giải dã. “Chư chúng sanh”, biệt chỉ ngũ trước ác nhân. “Nhất thiết thế gian”, thông chỉ tứ độ khí thế gian, cứu giới hữu tình thế gian dã.

(解) 復次。祇此信願。莊嚴一聲阿彌陀佛。轉劫濁。為清淨海會。轉見濁。為無量光。轉煩惱濁。為常寂光。轉眾生濁。為蓮華化生。轉命濁。為無量壽。故一聲阿彌陀佛。即釋迦本師。於五濁惡世。所得之阿耨多羅三藐三菩提法。今以此果覺全體。授與濁惡眾生。

乃諸佛所行境界。唯佛與佛能究盡。非九界自力。所能信解也。諸眾生。別指五濁惡人。一切世間。通指四土器世間。九界有情世間也。

(Giải: Lại nữa, chỉ dùng tín nguyện này để trang nghiêm, niệm một tiếng A Di Đà Phật, sẽ chuyển Kiếp Trược thành hải hội thanh tịnh, chuyển Kiến Trược thành vô lượng quang, chuyển Phiền Nã Trược thành Thường Tịch Quang, chuyển Chúng Sanh Trược thành hóa sanh trong hoa sen, chuyển Mạng Trược thành vô lượng thọ. Vì thế, một câu A Di Đà Phật chính là pháp mà đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược. Nay Ngài đem toàn thể sự giác ngộ nơi Phật quả truyền cho chúng sanh trong đời

trước ác. Đây chính là cảnh giới thực hành của chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới hòng thấu suốt cùng tận, chứ chúng sanh trong chín pháp giới cậy vào tự lực sẽ chẳng thể tin hiểu được. Chữ “chư chúng sanh” chỉ riêng những kẻ ác trong đời ngũ trước. Chữ “nhất thiết thế gian” chỉ chung thế giới vật chất trong bốn cõi và hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới).

Có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì một tiếng A Di Đà Phật sẽ chuyển Kiếp Trước thành hải hội thanh tịnh, chuyển biến ngay lập tức. Chuyển Kiến Trước thành vô lượng quang, chuyển biến kiến giải sai lầm thành sự quán sát trí huệ. Chuyển Phiền Não Trước thành Thường Tịch Quang, chuyển hết thủy phiền não thành Đại Định. Chuyển Chúng Sanh Trước thành hóa sanh trong hoa sen,

chuyển Mạng Trục thành vô lượng thọ. Cách chuyển như thế nào? Chỉ dựa vào tín nguyện trì danh, dễ dàng xiết bao! Khó ở chỗ người ta chẳng chịu tin tưởng. Hết thầy chư Phật đều cảm thán pháp này là pháp khó tin, ai có thể tin tưởng thì chính là người thật sự có phước. Phạm phu hoàn toàn chẳng thể thấu hiểu nghĩa lý của pháp này, đây là đại phước báo viên mãn rốt ráo chẳng thể nghĩ bàn. Đại sư lại dạy rõ: ***Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, vì đức Phật Thích Ca đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong đời ác ngũ trược. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà cũng là “thành Phật”. Nếu Phật chẳng giảng kinh Di Đà, chẳng dạy chúng ta pháp môn Niệm Phật, dù Phật có nói ngàn kinh muôn luận thì cũng là phạm lỗi thiếu sót đối với chúng ta. Chúng ta là phạm***

phu nghiệp chướng sâu nặng, nếu chẳng giảng pháp môn thành Phật viên mãn ngay trong một đời này thì làm sao gọi là đối xử đúng lẽ với con người cho được? Do vậy, hết thấy chư Phật nhất định chẳng phụ bạc chúng sanh. Tận hư không, khắp pháp giới tuyên dương phổ biến pháp môn này, bất luận tu học bất cứ pháp môn nào, Thiên Tông, Giáo Hạ, Mật Tông, Giới Luật, sau khi tu thành tựu, đến cuối cùng đều về thế giới Hoa Tạng, Hoa Tạng là chỗ quy túc chung. Đến được thế giới Hoa Tạng rồi sẽ gặp Văn Thù, Phổ Hiền. Văn Thù, Phổ Hiền dạy mọi người niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc hồng viên thành Phật đạo. Khi tôi giảng Quán Kinh, giảng đến phần ba thứ phước, thấy “tin sâu nhân quả” được xếp vào điều thứ ba; nếu xếp vào điều thứ nhất, tôi cũng chẳng hoài nghi một tí nào, [nay tin sâu nhân quả] lại xếp vào điều thứ ba, mà điều thứ

ba là pháp tu của Bồ Tát. Tôi giảng kinh cũng là giảng theo kiểu nuốt trôi quả táo, nhưng vẫn hoài nghi, tự hỏi Bồ Tát mà vẫn chẳng tin nhân quả hay sao? Nhiều năm sau mới biết “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Đây là cảnh giới của Phật, rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết. Chúng sanh trong chín pháp giới nếu không được bốn nguyện và oai thần của Phật gia trì, sẽ đều chẳng tin tưởng. Chúng sanh thiện căn chưa chín muồi, Phật cũng chẳng gia trì được! Do vậy, đại sư nói: “*Chúng sanh trong chín pháp giới cậy vào tự lực sẽ chẳng thể tin hiểu được*”. Chữ “*chư chúng sanh*” riêng chỉ những kẻ tạo ác trong đời ác ngũ trược. Theo Thiên Đạo đại sư, chữ “*chư chúng sanh*” trong Quán Kinh chỉ ba bậc vãng sanh thuộc hạng Hạ. Ba phẩm thuộc bậc Thượng là đại tâm phàm phu, ba phẩm thuộc bậc Trung là phàm phu tu thiện trong thế gian,

ba phạm thuộc bậc Hạ là phạm phu tạo ác. Chữ “*nhất thiết thế gian*” chỉ chung các hữu tình thế gian trong chín pháp giới.

(Giải) Tiên khuyến tín lưu thông, thị chư Phật phó chúc. Thử Bản Sư phó chúc, chúc ngữ lược biệt tòng thông, dẫn vân “nhất thiết thế gian” do tiên chư Phật sở vân “nhữ đẳng chúng sanh”, đương tri Văn Thù, Ca Diếp đẳng, giai tại sở chúc dã.

(解) 前勸信流通。是諸佛付囑。此本師付囑。囑語略別從通。但云一切世間。猶前諸佛所云。汝等眾生。當知文殊迦葉等。皆在所囑也。

(Giải: Đoạn Khuyến Tín Lưu Thông trong phần trước là lời dặn bảo của chư

Phật. Trong đoạn này là đức Bốn Sư dặn bảo. Trong lời dặn bảo riêng này, chỉ nói đại lược, nhưng ý nghĩa vẫn giống như trong phần dặn bảo chung [của mười phương chư Phật]. Trong phần trước, chư Phật đã nói “chúng sanh các người”, cho nên biết Văn Thù, Ca Diếp v.v... đều thuộc trong số những người được đức Phật căn dặn).

Trong phần Lưu Thông, ba tiểu đoạn Tín, Nguyện, Hạnh đến đây là hết. Tiếp theo đây là lời đức Giáo Chủ khen ngợi để kết thúc. Phần sáu phương Phật [tán thán] trong phần trước chính là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai dặn dò chúng ta, còn khuyên phát nguyện, khuyên hành trì là lời Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni dặn bảo. Lời dặn dò nằm trong phần kinh văn này, kinh văn khá giản lược, chỉ gồm hai từ ngữ “*nhữ đẳng chúng sanh*” và “*nhất*

thiết thế gian”, nhưng bao gồm thánh phàm trong chín pháp giới. Văn Thù là thượng thủ của hàng Bồ Tát, Ca Diếp là thượng thủ trong hàng A La Hán, đều là đối tượng để Phật căn dặn.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Đương tri ngã ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian, thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan.

(經) 舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間。說此難信之法。是為甚難。

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Hãy nên biết: Ta ở trong đời ác ngũ trước, làm chuyện khó khăn này, đắc Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thảy thế gian, nói pháp khó tin này, thật là rất khó).

Trong đoạn trước, đại sư đã nói: “*Vì thế, niệm một tiếng A Di Đà Phật, chính là pháp để Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược*” chính là dựa trên đoạn kinh văn ngắn ngủi này. Chúng ta niệm hằng ngày nhưng hoàn toàn chẳng nhận biết. Có người niệm kinh A Di Đà, niệm nhuần như, nhưng nếu có ai hỏi: “Thích Ca Mâu Ni Phật do tu pháp môn gì mà thành Phật?” liền lúng túng không biết đáp ra sao. Nếu đại sư không nhắc nhở, chúng ta vẫn cứ lơ mơ chẳng hiểu biết y như cũ. Đủ thấy đại sư có ân đức rất lớn đối với chúng ta.

(Giải) Tín nguyện trì danh nhất hạnh, bất thiệp thi vi, viên chuyển ngũ trược,

duy tín nãi nhập, phi tư nghị sở hành cảnh giới. Thiết phi Bốn Sư, lai nhập ác thế, thị đắc Bồ Đề, dĩ đại trí, đại bi, kiến thử, hành thử, thuyết thử, chúng sanh hà do bầm thử dã tai! Nhiên ngô nhân xử Kiếp Trược trung, quyết định vị thời sở hữu, vị khổ sở bức, xử Kiến Trược trung, quyết định vị tà trí sở triền, tà sư sở hoặc. Xử Phiền Não Trược trung, quyết định vị tham dục sở hãm, ác nghiệp sở thích. Xử Chúng Sanh Trược Trung, quyết định an ư xú uế, nhi bất năng đồng giác, cam ư liệt nhược, nhi bất năng phân phi. Xử Mạng Trược trung, quyết định vị vô thường sở thôn, thạch hỏa, điện quang, thổ thủ bất cập. Nhược bất thâm tri kỳ thậm nan, tương vị cánh hữu biệt pháp khả xuất ngũ trược, bông bột trạch lý, hý luận phân nhiên. Duy thâm tri kỳ thậm nan, phương khăng tử tận thâm tâm, bảo thử

nhất hạnh. Thử Bốn Sư sở dĩ cực khẩu, thuyết kỳ nan thậm, nhi thâm chúc ngã đẳng đương tri dã. Sơ phổ khuyến cánh.

(解) 信願持名一行。不涉施為。圓轉五濁。唯信乃入。非思議所行境界。設非本師。來入惡世。示得菩提。以大智大悲。見此。行此。說此。眾生何由稟此也哉。然吾人處劫濁中。決定為時所囿。為苦所偏。處見濁中。決定為邪智所纏。邪師所惑。處煩惱濁中。決定為貪欲所陷。惡業所螫。處眾生濁中。決定安於臭穢。而不能洞覺。甘於劣弱。而不能奮飛。處命濁中。決定為無常所吞。石火電光。措手不及。若不深知其

甚難。將謂更有別法可出五濁。燧勃宅裡。戲論紛然。唯深知其甚難。方肯死盡偷心。寶此一行。此本師所以極口。說其難甚。而深囑我等當知也。初普勸竟。

(Giải: Một hạnh tín nguyện trì danh, chẳng xen lẫn những hạnh nghiệp nào khác, chuyển biến trọn vẹn ngũ trước, chỉ có tin mới hòng chứng nhập, là cảnh giới chẳng thể do nghĩ bàn mà hòng thấu hiểu được. Nếu đức Bốn Sư chẳng vào trong đời ác, thị hiện chứng đắc Bồ Đề, do đại trí, đại bi, thấy điều này, hành pháp này, giảng pháp này, chúng sanh sẽ do đâu mà nhận lãnh được pháp này vậy thay? Nhưng chúng ta sống trong Kiếp Trước, quyết định bị thời đại vây bủa, bị khổ não bức bách. Sống trong Kiến Trước, chắc

chấn bị tà trí trôi buộc, bị tà sư mê hoặc. Sống trong Phiền Nã Trược, chắc chắn bị tham dục vây hãm, bị ác nghiệp cắn rứt. Sống trong Chúng Sanh Trược, chắc chắn ở yên trong cảnh hôi nhơ mà chẳng thấu hiểu, cam lòng kém hèn, chẳng thể phấn chấn mạnh mẽ tiến lên. Ở trong Mạng Trược, chắc chắn bị vô thường nuốt mất, [mạng người ngắn ngủi] như tia lửa xẹt do đập vào đá, như ánh chớp, trở tay chẳng kịp. Nếu chẳng biết sâu xa [thoát ly Ngũ Trược] là cực khó, ắt sẽ ngỡ còn có một pháp nào khác để thoát khỏi Ngũ Trược, cứ hý luận rồi bời trong ngôi nhà lửa cháy bùng bùng. Chỉ có hiểu sâu xa [thoát ly Ngũ Trược] là rất khó thì mới chịu chết sạch tâm lòng mong ngóng so đo, quý báu một hạnh này. Đây chính là lý do vì sao đức Bốn Sư cạn hết lời, bảo pháp này rất khó, lại còn tha thiết dặn dò chúng ta phải nên thấu hiểu. [Đoạn lớn]

thứ nhất [trong phần Lưu Thông] là Phổ Khuyến hết).

“Tín nguyện trì danh nhất hạnh, bất thiệp thi vi”: “Thiệp” (涉) là thiệp cập (涉及: dính dáng), “thi vi” (施為) là chẳng dùng tới phương tiện, chẳng dùng những pháp môn nào khác để phụ trợ; chẳng dùng Thiền mà cũng chẳng dùng chú. Dùng ngay một câu Phật hiệu này bèn có thể chuyển biến trọn vẹn ngũ trược. Trong thời rất gần đây, ở Đài Loan bị hạn hán thiếu nước, Quán Trưởng phát khởi lòng từ bi, tính thông báo đạo tràng tại Đài Bắc hãy cầu mưa, hỏi tôi cách thức cầu mưa. Trong Thiền Môn Nhật Tụng có Cầu Vũ Nghi Quy (nghi thức cầu mưa). Trong quá khứ, Liên Trì đại sư trụ tích¹⁵⁸ tại Hàng

¹⁵⁸ Trụ tích (Cắm gậy tích trượng): Từ ngữ dùng để chỉ một vị Tăng ở lại một đạo tràng hoặc tự viện nào đó trong một thời gian dài để hoằng dương giáo hóa.

Châu, có một năm trời hạn hán. Quan Thái Thú Hàng Châu biết đại sư là bậc cao tăng hữu đức, thỉnh Ngài lập đàn cầu mưa. Đại sư nói: *“Tôi chỉ biết niệm Phật, chẳng biết cầu mưa, nhưng là chuyện cầu phước cho dân chúng thì cũng nên tùy hỷ”*. Ngài liền dẫn đồ đệ niệm Phật suốt trên đường đi. Đại sư đi tới đâu, trời đổ mưa tới đó, cũng là kỳ tích. Trong truyện ký của Liên Trì đại sư có chép chuyện này. Bất luận cầu điều gì, chỉ một câu Phật hiệu thật sự đủ dùng rồi.

Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian, do đại trí, đại bi, thấy pháp trì danh niệm Phật này sẽ thành Phật, bèn đích thân thực hành, và nói cho chúng ta biết, chúng ta mới biết ân đức lớn lao của Phật. Sống trong cõi đời như bản này, giống như tù nhân bị nhốt chặt trong ngục khó trốn, lại không may gặp phải thời pháp yếu, ma mạnh. Đạo tràng chánh

pháp phần nhiều điều hieu; ngược lại, đạo tràng của tà sư đông đúc. Chúng ta tự thẹn đạo đức, định lực chẳng đủ, trước hết, hãy nên thành tựu chính mình, đừng bị mê hoặc, trói buộc bởi tà trí, tà sư. Hãy nên biết rằng: Trong đời này, không ai chẳng tham, tham là hàm bầy. Tham tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, ngũ dục, lục trần chính là hàm bầy tam ác đạo. Tham pháp xuất thế gian thì vẫn là cạm bẫy tam ác đạo. Đức Phật bảo chúng ta trừ khử tâm tham, chứ không bảo chúng ta thay đổi đối tượng tham lam. Nếu có pháp môn nào chưa học, đợi đến Tây Phương hãy học cũng chẳng muộn. Trong giai đoạn hiện thời, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Trong xã hội hiện thời, đại đa số con người tâm chẳng thanh tịnh, tranh danh, đoạt lợi, đều là tạo ác, điều sai chông chát mãi sẽ trở thành đúng. Nếu chẳng tùy thuận thế tục, đâm ra sẽ bị coi như kẻ quái

dị. Vì thế, chúng ta phải độc lập, độc hành thì mới có thể thoát khỏi [người đời dị nghị].

“*Bồng bột trạch lý, hý luận phân nhiên*” (trong căn nhà cháy bùng bùng, toi bời hý luận): Trong căn nhà khói lửa mù mịt như thế, người tỉnh táo sẽ gấp rút chạy thoát thân, kẻ mê hoặc vẫn ở trong nhà thảo luận, nghiên cứu. Chỉ có thấu hiểu [tam giới] rất khó thoát lìa, mới chịu chết sạch những ý nghĩ chụp giựt, cầu may, coi một câu A Di Đà như thần chú cứu mạng hết sức quý báu.

4.3.2. *Kết khuyến*

(Kinh) Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất, cập chư tỳ-kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đấng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

(Giải) Pháp môn bất khả tư nghị, nan tín, nan tri, vô nhất nhân năng phát vấn giả. Phật trí giám cơ, tri chúng sanh thành Phật duyên thực, vô vấn tự thuyết, linh đặc tứ ích, như thời vũ hóa. Cổ “hoan hỷ tín thọ” dã. Thân tâm di duyệt, danh “hoan hỷ”. Hào vô nghị nghị, danh “tín”. Lãnh nạp bất vong, danh “thọ”. Cảm đại ân đức, đầu thân quy mạng, danh “tác lễ”. Y giáo tu trì, nhất vãng bất thoái, danh “nhi khứ”.

(經) 佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間。天人阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。

(解) 法門不可思議。難信難知。無一人能發問者。佛智鑒機。知眾生成佛緣熟。無問自說。令得四益。如時雨化。

故歡喜信受也。身心怡悅。名歡喜。毫無疑貳。名信。領納不忘。名受。感大恩德。投身歸命。名作禮。依教修持。一往不退。名而去。

(Chánh kinh: Đức Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất và các vị tỳ-kheo, hết thấy thế gian, trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tin nhận, làm lễ, lui ra.

Giải: Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, khó tin, khó biết, không một ai có thể nêu câu hỏi. Đức Phật dùng trí huệ xét soi căn cơ, biết duyên thành Phật của chúng sanh đã chín, bèn không ai hỏi tự nói, khiến cho mọi người được bốn thứ lợi ích, giống như trận mưa đúng thời khiến cho muôn loài tăng trưởng. Vì thế, [đại chúng] “hoan hỷ tín thọ” (hoan hỷ tin nhận).

Thân tâm vui sướng gọi là “hoan hỷ”. Chẳng nghi ngờ mảy may, gọi là “tín”. Lãn nhận chẳng quên mất, gọi là “thọ” (nhận). Cảm kích ân đức lớn lao, gieo toàn thân quy mạng, gọi là “tác lễ”. Vâng theo lời dạy tu trì, thẳng tiến chẳng lui sụt, gọi là “nhi khứ”).

Tuy đức Thế Tôn gọi ngài Xá Lợi Phất, mà ngài Xá Lợi Phất từ đầu đến giờ chẳng thừa một câu. Đối với chuyện này, Ngài chẳng biết một điều nào, cho thấy pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, khó tin, khó biết. Đây là cảnh giới viên mãn nơi quả địa Như Lai, Phật dùng trí huệ viên mãn xét soi chúng sanh, thấy cơ duyên của họ đã chín muồi, không ai hỏi tự nói, nói ra bộ kinh A Di Đà này. Chúng ta nghe xong, nếu hoan hỷ tin nhận, liền được bốn nguyện và oai thần của chư Phật Như Lai gia trì, giống như mưa ngọt đúng lúc, thân

tâm vui sướng, đối với lời Phật nói chẳng hoài nghi mảy may, hoàn toàn tiếp nhận lời Phật giáo huấn, cảm tạ ân đức khôn sánh của đức Thế Tôn, nương theo lời dạy tu trì. Pháp hội đã giải tán nhưng tu hành mới bắt đầu. Chính mình phải vui mừng, chớ phụ bạc thiện căn từ vô lượng kiếp của chính mình, đừng phụ bạc chư Phật gia trì, đừng phụ bạc Thích Ca Mâu Ni Phật buốt lòng rất miệng vì chúng ta nói ra pháp môn này, mà cũng đừng phụ rầy Ngẫu Ích đại sư đã giải thích cặn kẽ trong cuốn Di Đà Yếu Giải này, khiến cho chúng ta có thể trên báo bốn ân, dưới cứu tam khổ. Hôm nay đã giảng đến ngày thứ bốn mươi tám, viên mãn vừa khéo. Cảm ơn quý vị.

Phụ lục - Ngẫu Ích đại sư bạt

Kinh vân: “Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo. Duy y niệm Phật đắc độ”. Ô hô! Kim chánh thị kỳ thời hỹ! Xả thử bất tư nghị pháp môn, kỳ hà năng thực? Húc xuất gia thời, tông thừa tự phụ, miếu thị giáo điển, vọng vị trì danh, khúc vi trung hạ. Hậu nhân đại bệnh, phát ý Tây quy. Phục nghiên Diệu Tông, Viên Trung nhị sao, cập Vân Thê Sở Sao đẳng thư, tri kỳ Niệm Phật tam-muội, thật vô thượng bảo vương, phương khăng tử tâm, chấp trì danh hiệu, vạn ngu mạt vãn dã. Ngô hữu Khứ Bệnh, cứu sự Tịnh nghiệp, dục linh thử kinh đại chỉ, từ bất phiền, nhi bình trước, thỉnh dư vị thuật Yếu Giải. Dư dục phổ dũ pháp giới hữu tình đồng sanh Cực Lạc, lý bất khả khước, cử bút vu Đinh Hợi cứu nguyệt nhị thập hữu thất, thoát cáo ư thập nguyệt sơ ngũ, phàm cứu nhật cáo thành. Sở nguyện nhất cú, nhất

tự, hàm tác tư lương, nhất kiến, nhất văn, đồng giai Bất Thoái. Tín nghi giai thực đạo chủng, tán báng đẳng quy giải thoát. Ngưỡng duy chư Phật, Bồ Tát, nhiếp thọ chứng minh, đồng học hữu nhân tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu đạo nhân Ngẫu Ích Trí Húc các bút cổ bạt, thời niên tứ thập hữu cửu.

蕩益大師跋

經云：末法億億人修行，罕一得道，唯依念佛得度。嗚呼！今正是其時矣。捨此不思議法門，其何能淑。旭出家時，宗乘自負，藐視教典。妄謂持名，曲為中下。後因大病，發意西歸。復研《妙宗》《圓中》二鈔，及雲棲《疏鈔》等書，始知念佛三昧，實無上寶

王，方肯死心執持名號，萬牛莫挽也。吾友去病，久事淨業，欲令此經大旨，辭不繁而炳著，請余為述要解。余欲普與法界有情同生極樂，理不可卻。舉筆于丁亥九月二十有七，脫稿於十月初五，凡九日告成。所願一句一字，咸作資糧。一見一聞，同階不退。信疑皆植道種，讚謗等歸解脫。仰唯諸佛菩薩攝受證明，同學友人隨喜加被。西有道人蕩益智旭閣筆故跋，時年四十有九。

Lời bạt của Ngẫu Ích đại sư

Kinh dạy: “Trong đời Mạt Pháp, ừc ừc người tu hành, hiếm có một ai đắc đạo, chỉ có nương vào pháp Niệm Phật thì mới

đắc độ”. Than ôi! Nay đúng nhằm thời ấy vậy. Bỏ pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này, thì còn cậy vào đâu để giải thoát cho được? Húc tôi lúc xuất gia, tự phụ là người thuộc Thiên Tông, coi thường những kinh điển thuộc Giáo môn, nói xằng “phép trì danh là pháp quyền biến nhằm phù hợp căn tánh của những kẻ trung căn và hạ căn”. Về sau, do bệnh ngặt nghèo, mới phát tâm quy Tây. Lại nghiên cứu hai bộ Viên Trung Sao và Diệu Tông Sao, và sách Sớ Sao của ngài Vân Thê, mới biết Niệm Phật tam-muội quả thật là vua báu vô thượng, mới chịu chết sạch tâm lòng mong ngóng, so đo, chấp trì danh hiệu, một vạn con trâu cũng không lôi lại được. Bạn tôi là ông Khử Bệnh, tu Tịnh nghiệp đã lâu, muốn cho tông chỉ của kinh này nêu tỏ rạng ngời mà lời lẽ giảng giải đơn giản, xin tôi viết lời giải thích những điểm trọng yếu. Tôi

muốn làm cho hữu tình trong khắp pháp giới đều cùng sanh về Cực Lạc, xét theo lý chẳng thể chối từ được, bèn cầm bút viết từ ngày Hai Mười Bảy tháng Chín năm Đinh Hợi (1647), đến ngày mùng Năm tháng Mười là hoàn thành, tổng cộng viết xong trong chín ngày. Kính mong mỗi một câu, mỗi một chữ đều là tư lương [cho người tu Tịnh nghiệp]. Ai thấy, ai nghe cũng đều đạt lên Bất Thoái. Người tin tưởng hay nghi ngờ, kẻ khen ngợi hay hủy báng đều cùng về giải thoát. Ngưỡng mong chư Phật, Bồ Tát nhiếp thọ, chứng minh, các bạn đồng học tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu đạo nhân Ngẫu Ích Trí Húc gác bút.

(Đề lời bạt này vào năm bốn mươi chín tuổi).

**Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải
Giảng Ký
Trọn bộ**

(Hoàn thành thảo bản ngày 22 tháng 09
năm 2010
Giáo duyệt lần hai ngày 30 tháng 8 năm
2011)

Hồi Hương

Nếu việc chuyên ngữ này có chút công đức nào đều xin hồi hướng cho cha mẹ hiện tiền và quá vãng, sư trưởng, Bổn Sư Thượng Tọa Thích Giải Thắng (trụ trì Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn), lịch đại tổ tiên, cừu gia oán đối nhiều đời nhiều kiếp, các liên hữu cùng hết thảy hữu tình hàm thức trong mười phương pháp giới đều cùng vãng sanh Cực Lạc quốc. Xin đặc biệt trân trọng hồi hướng công đức này đến các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong và Chơn Phù đã tốn không ít thời gian và công sức giáo duyệt, sửa chữa bản dịch Trong quá trình

chuyên ngữ, do kiến thức nông cạn, hiểu biết nội điển kém cỏi, tâm trí si ám, nghiệp chướng trùng trùng chắc chắn sẽ phạm rất nhiều lỗi sai lầm không thể chấp nhận được, ngưỡng xin Tam Bảo từ bi gia hộ khiến cho chúng đệ tử tội chướng tiêu trừ, không đến nỗi đọa lạc, không đến nỗi biến diệu dục cam lộ thành độc dục.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu
hòa-nam kính bạch